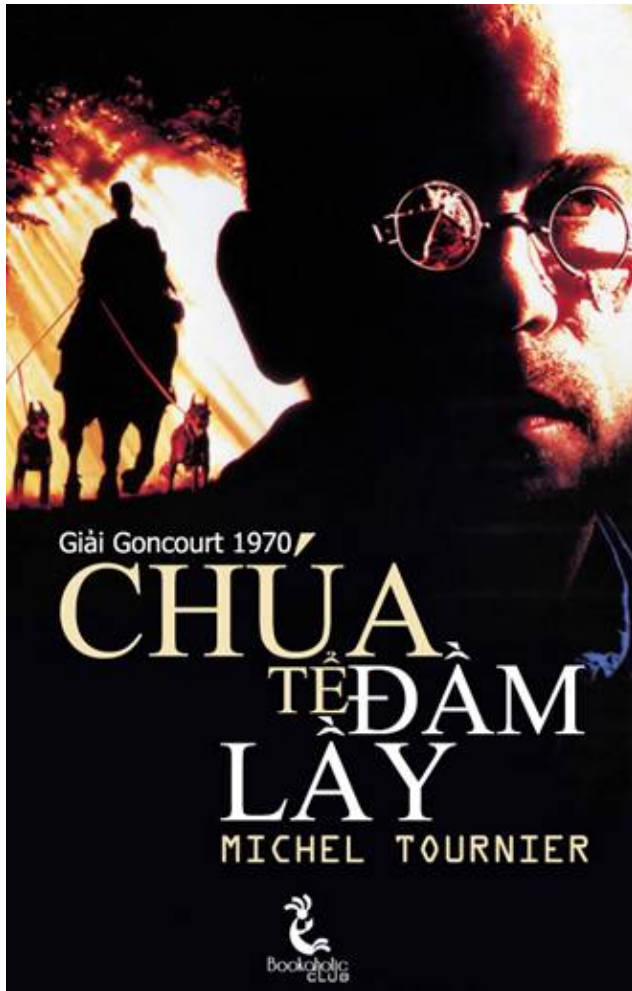




Giải Goncourt 1970

CHUÁ
TỂ ĐÁM
LẦY
MICHEL TOURNIER



CHÚA TỂ ĐĂM LẦY

Michel Tournier

Making Ebook Project
BOOKAHOLIC CLUB





Bookaholic
Making Ebook Project CLUB

Tên tác phẩm: **CHÚA TÊ ĐÀM LẦY**

Nguyên tác: *Les Rois des Aulnes*

Tác giả: **Michel Tournier**

Dịch giả: Bửu Ý

Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn

Năm xuất bản: 1997

Số trang: 606

Khổ sách: 13 x 19 cm

Đánh máy: Thùy Giang, Diệp Anh, Thùy Dương, Quỳnh Anh, Ánh Nga, Thái Linh, Đỗ Phương, Khánh Lan, Hồng Anh

Kiểm tra: Thanh Nam, Thái Thanh

Chế bản ebook: Thảo Đoàn

Ngày thực hiện: 02/10/2011

Making Ebook Project #179 - www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **CHÚA TÊ ĐÀM LẦY** của tác giả **Michel Tournier** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

Mục lục

GIỚI THIỆU

I

NHỮNG TRANG VIẾT BẰNG TAY TRÁI CỦA ABEL TIFFAUGES

II

NHỮNG CÁNH CHIM CÂU DÒNG SÔNG RHIN

III

CỰC BẮC

IV

GÃ HUNG THẦN VÙNG ROMINTEN

V

GÃ HUNG THẦN VÙNG KALTENBORN

VI

NGƯỜI MANG TINH TÚ

GIỚI THIỆU



Michel Tournier, sinh năm 1924 ở Paris, đoạt Giải Thưởng Lớn của Viện Hàn Lâm quốc gia về Tiểu Thuyết với tác phẩm *Gã Thử Sáu hay là Ngày Tháng Thái Bình Dương*, và giải thưởng Goncourt với tác phẩm *Chúa tể đằm lầy*. Ông được bầu vào Viện Hàn Lâm Goncourt năm 1972.

Riêng nhan đề *Chúa tể đằm lầy* là một sự hướng đến thần thoại của dân tộc Đức, đến những biểu tượng sâu thẳm. Nhưng tiểu thuyết cũng bắt gặp một huyền thoại có tính phổ biến hơn, đó là huyền thoại về Gã hung thần.

Một tuổi nhỏ mất hẳn tình thương, một thời mới lớn chuốc nhục, một nghề thấp kém, tất cả đã biến Abel Tiffauges thành kẻ thù của xã hội. Nhưng một giai đoạn của đời y là làm học sinh giúp cho y định ninh rằng có một sự đồng lõa âm thầm giữa việc đời và phần số của y: số là một hôm ra trước hội đồng kỷ luật, y cầu sao cho trường bị cháy rụi. Bình thường lời mong cầu như thế chẳng bao giờ thành, thì nay trận hỏa hoạn giải phóng lại xảy ra...

Trong con người Tiffauges có tính chất của vị sứ đồ và của Gã hung thần, mà sứ đồ thì dẫn dắt và cứu độ cho hung thần. Nhờ thế mà đang khi

một vụ hiệp dân lăm le bắt y đi tù đày thì đợt tổng động viên 1939 giúp y được miễn tố: ngôi trường bị cháy lần nữa!

Làm tù binh năm 1940, y bị đưa sang vùng phía đông nước Phổ. Nhưng trong khi đồng bọn kêu trời tại vùng đất bao la hoang dại thì Tiffauges lại cho là vùng đất màu nhiệm mình hằng mong đợi, và cảm thấy mình được giải phóng một cách khác thường trong cảnh ngộ tù tội.

Hai gã hung thần thượng đẳng đang ngự trị trong chốn rừng xanh và đầm lầy: Goring, là Gã hung thần vùng Rominten, tàn sát nai và ngón thịt rừng, và Hitler, là Gã hung thần vùng Rastenburg kẻ nhồi sung đại bác bằng thịt trẻ con nước Đức. Tiffauges trở nên Gã hung thần vùng Kaltenborn, một pháo đài Đức của ngày xưa mà nay là nơi chọn lọc và rèn luyện lớp thanh niên nhằm trở thành tinh hoa của Đức quốc xã.

Bước bôn ba tiêu biểu của một gã vô chính phủ lọt vào cạm bẫy của phát xít, cuộc đời ba chìm bảy nổi hiện thực của một tù binh Pháp trên đất Đức, một chuỗi biến tấu có mạch lạc về chủ đề chất thịt tươi sống và nuôi dưỡng thế nào cho thịt được tươi sống, chân dung dăm Gã hung thần, cuốn tiểu thuyết này còn có một tham vọng sâu xa hơn: tham vọng diễn dịch cuộc “thế chiến quái đản”, cái chủ nghĩa Hitler, các trại tập trung và sự tràn sang của hồng quân theo một hướng thuần túy biểu tượng và không dùng đến các lợi khí xưa cũ của lịch sử và tâm lý.

Sau hết, Chúa tể đầm lầy, đặt vào viên tượng do cuốn Gã Thứ Sáu hay Ngày Tháng Thái Bình Dương đã từng mở đường, hiện ra như là một tiểu luận nhằm miêu tả một kiểu thức mới về dự tính thông qua ngõ ngách thông dụng.

*Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Le Roi des Aulnes: Nhà xuất bản
Gallimard Paris, 1994*

Tưởng niệm

Staretz Grigori Iefimovitch

RASPOUTINE

người đã bị phỉ báng

người chữa bệnh cho hoàng thái tử Alexis

người bị sát hại vì phản đối

thế chiến 1914 bùng nổ

I

NHỮNG TRANG VIẾT BẰNG TAY TRÁI CỦA ABEL TIFFAUGES

Muốn cho một cái gì đó trở nên đáng chú ý, chỉ cần nhìn nó lâu.

Gustave Flaubert

3.1.1938. Anh là một hung thần, đôi khi Rachel bảo tôi vậy. Một tên hung thần ư? Nghĩa là một con quỷ trong truyện thần kỳ, xuất hiện từ trong bóng đêm của thời gian? Phải, tôi tin ở bản chất thần kỳ của mình, nghĩa là sự a tòn bí ẩn ngấm trộn lẫn dòng đời tôi với dòng đời sự vật, và cho phép đời tôi uốn sự vật theo chiều của nó.

Tôi cũng tin rằng mình xuất thân từ bóng đêm của thời gian. Tôi luôn luôn khó cảm thông với sự nhẹ dạ của những ai miệt mài bán khoán đến những gì xảy ra sau khi chết đi, mà lại chẳng buồn để ý đến những gì trước khi mình sinh ra. Đời trước cũng như đời sau. Mà tôi thì đã có mặt từ lâu, từ nghìn năm, trăm nghìn năm khi trái đất mới còn là một hòn lửa quay quay giữa một bầu trời bằng chét ê-li-com, thì cái linh hồn giúp cho nó phân phật lửa và quay quay là linh hồn của tôi. Và vả lại cái thời xa lơ xa lắc ngòm ngòm của căn nguyên tôi cũng đủ để giải thích cái quyền năng siêu nhiên của tôi: bản thể và tôi, cả hai xưa nay đi bên nhau, cùng là bạn cố tri, đến nỗi, dù chẳng cảm tình đặc biệt với nhau, nhưng vốn quen hơi nhau già năm như trái đất, chúng tôi hiểu nhau, chẳng khước từ gì nhau.

Còn như cái chất quỷ...

Mà trước hết quỷ là gì? Quỷ là quái, quái là quỷ, quái quỷ quái kiệt..., là cái trưng bày ra, phô diễn ra ^[1]. Quỷ là cái gì được người ta chỉ trở - bằng

ngón tay, trong hội chợ, v.v. Và do đó một sinh vật càng quí quý, nó càng được trưng bày. Đó là cái khiến tôi dựng tóc gáy, tôi vốn chỉ sống nổi trong bóng tối và vốn tin rằng đám đồng loại của tôi sẵn dĩ để cho tôi sống là nhờ họ chẳng hiểu tôi, chẳng biết tôi.

Muôn đừng là quí, thì phải giống như đồng loại, cùng khuôn mẫu với chủng loại, hoặc là cha mẹ sao thì mình vậy. Hoặc là có một dây tua con cái mà ta là cái mắc xích đầu tiên của một chủng loại mới mẻ. Chẳng qua loài quí không phải là loài sinh con đẻ cái. Con bê sáu chân làm sao sống lâu được. Con vật sinh ra từ cha lừa mẹ ngựa hoặc mẹ lừa cha ngựa thì có ra đời cũng chẳng sinh sôi, chẳng khác nào tạo hóa muốn xóa bỏ một thử nghiệm xét thấy vô lối. Và tôi tìm lại được cái lý do vĩnh cửu của mình, do cha mẹ cũng có mà do con cái cũng có. Tôi già như trái đất, tôi bất tử như trái đất, tôi chỉ có thể có cha và mẹ tinh thần, và chỉ có thể có con nuôi thôi.

...

Tôi đọc lại mấy dòng trên đây. Tôi tên là Abel Tiffauges, tôi trông coi một cửa hiệu sửa xe ở quảng trường Porte - des - Ternes, và *tôi không điên*. Tuy nhiên những gì tôi vừa viết ra đều nên được xem xét một cách đầy đủ nghiêm túc. Rồi sao nữa? Rồi tương lai sẽ có nhiệm vụ thiết yếu là chứng minh – hay nói cho đúng hơn, là minh họa – tính cách *ngghiêm túc* của những dòng trên đây.

6.1.1938. Hình con ngựa mọc cánh của hãng ét-xăng Mobilgas sáng lên bằng đèn nê-ông trong bầu trời tối ẩm, rọi xuống tay tôi, và tắt ngấm ngay. Ánh chớp đỏ ấy cùng với mùi mỡ thiu thấm nhập vào mọi thứ ở nơi này tạo nên một không khí mà tôi ghét nhưng hóa ra lại quen hơi mà không nói ra. Nói rằng tôi đã quen sống là chưa đúng: không khí này thân thuộc với tôi như hơi hám chỗ nằm hay là như cái khuôn mặt mỗi buổi sáng tôi thấy lại trong gương. Nhưng nếu như lần thứ hai tôi ngồi xuống với cây bút trong bàn tay trái trước trang giấy trắng – trang thứ ba của *Những trang viết bằng tay trái* -, là vì tôi tin chắc, như người ta thường nói, mình đang ở vào một khúc ngoặt của đời sống, và vì tôi có phần trông cậy vào tập nhật ký này để thoát khỏi cửa hiệu sửa xe, khỏi những tính toán hèn mọn trói buộc tôi chôn này, và trong một ý nghĩa nào đó là để thoát khỏi chính tôi.

Mọi thứ đều là ký hiệu. Nhưng cần có một thứ ánh sáng hay âm thanh chói lọi mới chọc thủng tình trạng đui điếc của ta. Kể từ những năm học vỡ lòng tại trường cấp hai Saint - Christophe, tôi không ngừng quan sát những nét chữ dọc ngang nguệch ngoạc trên đường tôi đi và nghe ngóng những lời nhỏ to vo ve bên tai mà chẳng hiểu gì, chẳng rút tỉa được gì ngoài một nỗi ngờ vực gia tăng phủ lên lối sống của mình, nhưng thật sự cũng có thêm cái bằng chứng, một lần nữa, rằng bầu trời không trống rỗng. Còn cái thứ ánh sáng kia, những cảnh ngộ xoàng xĩnh nhất đã giúp nó lóe lên hôm qua, và nó không ngừng soi sáng con đường tôi đi.

Một sự cố vặt vãnh bắt tôi ngưng dùng tay mặt một thời gian. Tôi muốn sử dụng tay quay lật bỏ mấy miếng chằng nơi xác-mãng của máy nỏ bị yếu điện. Tay quay bật lại, nhưng may là cánh tay tôi để lỏng và vai để hờ. Chỉ có cổ tay là chịu sức bật, và chắc là có tiếng rắc trong gân. Thiếu đường ọc lên một tiếng, vì đau đớn, và dưới lớp vải cao su băng bó cộm cộm, tôi thấy mạch máu bùng nhùng nhưc nhối. Không thể đến hiệu xe làm việc gì hết bằng mỗi một tay, tôi leo lên tầng hai lánh mình vào một phòng xếp chứa sổ sách và báo cũ. Để khỏi rảnh trí, tôi dùng tay kia hí hoáy dăm ba chữ không đầu không đuôi trên lốt giấy.

Lúc ấy tôi bất ngờ phát hiện mình viết được bằng tay trái! Phải, chẳng cần tập trước, chẳng ngập ngừng chậm chạp, bàn tay trái của tôi vững vàng kể những nét chữ toàn vẹn, nét uốn lượn khác thường, lạ mắt, hơi co quắp, chẳng giống gì với chữ viết quen thuộc, chữ viết của bàn tay phải. Tôi sẽ trở lại biên cố đảo lộn này mà tôi chẳng dò nguồn gốc, nhưng trước hết phải ghi lại các cảnh xui khiến lần đầu tiên tôi cầm bút là chỉ để trút nỗi lòng và lớn tiếng nói lên sự thật. Liệu có nên nhắc nhở một hoàn cảnh khác nữa, một hoàn cảnh có lẽ không kém phần quyết định, là sự đứt đoạn của tôi với Rachel? Mà thế thì cả một câu chuyện phải đem ra kể lể, một câu chuyện tình, câu chuyện tình của tôi vậy. Đương nhiên tôi không thích, có lẽ vì không quen thói. Đối với một kẻ kín miệng một cách tự nhiên như tôi, phơi ruột phơi gan trên giấy thì lúc đầu ngáy thật, nhưng bàn tay đưa đây, hình như đã trót kể thì không dừng được trước khi cạn lời. Cũng có thể biên cố đời tôi từ nay không thể nối đuôi nhau nếu không có sự phản chiếu của lời mà ta gọi là nhật ký?

Tôi đã mất Rachel. Nàng là người đàn bà của tôi. Không phải là vợ trước mặt Chúa và người đời, mà là người đàn bà của đời tôi, có nghĩa là – nói một cách không kiêu cách chút nào – con người nữ của vũ trụ riêng tôi. Tôi quen biết nàng cách đây mấy năm, như tôi quen biết mọi người, như khách hàng của cửa hiệu sửa xe. Nàng xuất hiện ngồi cầm tay lái một chiếc Peugeot tàn, lộ rõ nét hí hửng vì có người ngạc nhiên bắt gặp một phụ nữ lái xe, điều này có thật vào thời ấy hơn là ngày nay. Với tôi nàng làm ra vẻ thân quen ngay, mượn có chuyện xe cộ kết hợp qua lại, rồi vẻ thân quen nhanh chóng bắt quàng, thoát một cái nàng lọt vào giường tôi.

Lúc đầu tôi ngăn người theo dáng khỏa thân của nàng, khoả thân một cách dễ chịu, bình thường, mặc lớp da không hơn không kém mặc một thứ gì khác, áo quần du lịch hay là áo dạ hội. Cái tệ nhất của một người phụ nữ là không biết mình có thể khỏa thân, quả tình là thế, là không biết còn có những cái thói khoả thân và có luôn cả lớp vỏ khoả thân. Và tôi buộc lòng nhận ra được ngay hạng người phụ nữ ngu ngơ này do dáng vẻ khô khan thế nào ấy, do cái áo cái quần dính bám vào da họ một cách dị kỳ.

Mái đầu nhỏ sắc nét khi nhìn nghiêng, nón bảo hộ quai đen, Rache có một thân hình chắc nịch, tròn trĩnh, chất nữ khá bất ngờ với bắp về ẩm áp, bộ ngực với đôi nuốm tím chài rộng, thắt lưng thóp sâu, và một loạt mum múp rắn chắc không tí vết, bao nhiêu thứ tràn trề khỏi năm ngón tay ôm và tạo chung thành một toàn thể *không chiếm lĩnh nổi*. Về mặt tinh thần, nàng thuộc loại “như con trai” không có nét gì độc đáo đáng kể, đó là loại phụ nữ rất ăn khách của một tiểu thuyết bán chạy nào đó.

Nàng bảo toàn tính độc lập của mình nhờ nghề kế toán tốc hành, đi tới các nghệ nhân, các nhà buôn hoặc cai quản các xí nghiệp nhỏ trình bày đầy đủ các con số. Nàng là người Do Thái, tôi có dịp nhận ra khách hàng của nàng toàn là Do Thái, do đó càng rõ thêm tính cách riêng tư của các giấy tờ dưới tay của nàng.

Kể ra tôi có thể không hợp với các óc người ngược đời của nàng, một cách nhìn làm tan tành sự vật, một tình trạng ngộ nguậy của não cân khiến nàng ngay ngáy sợ hãi buồn chán, thế nhưng cái óc dí dỏm của nàng, cái tài nhìn ra khía cạnh phi lý sâu xa của con người, của tình huống, cái vui tính có nồng độ mà nàng biết cách làm dậy lên từ cái xám xịt của cuộc sống, tất

cả những thứ ấy đều gây ảnh hưởng tốt cho cái tính tự nhiên vốn làm lì của tôi.

Viết mấy dòng này, tôi buộc mình lường xem nàng có ý nghĩa như thế nào đối với tôi, và cô họng tôi nghèn nghẹn khi tôi lặp lại rằng tôi đã mất Rachel. Rachel ạ, anh không thể nói là chúng ta có yêu nhau không, nhưng có điều chắc chắn là chúng ta đã cười thỏa thích với nhau, và như thế cũng là một cái gì đấy chứ?

Dù sao nàng vẫn cười và không hề có ác ý gì khi đề ra những tiền đề để cho cả hai, từ đó, bằng con đường khác nhau, đi đến kết luận giống nhau, là chia tay nhau.

Có khi nàng vụt đến, giao chiếc xe con cho thợ của tôi sửa hoặc súc, thế là chúng tôi thừa cơ lên phòng tôi, và nàng không khỏi thốt lên một lời gì đó muôn thuở có ý đùa bỡn cốt nhả có vẻ như lẫn lộn số phận chiếc xe với số phận nữ chủ nhân chiếc xe. Hôm ấy, vừa mặc áo xống, nàng vừa vu vơ đưa ra nhận xét rằng tôi làm tình “y như chim hoàng anh” vậy. Thoạt tiên tôi ngỡ nàng bắt tội tôi không hiểu biết, không biết cách. Nàng bảo không phải vậy. Giai do cái hấp tấp của tôi mà ra cả, theo nàng thì nó giống như bọn chim đóng dấu vội cho nhau để hoàn thành bổn phận vợ chồng. Rồi nàng mơ màng gợi nhớ kỷ niệm một trong những người yêu ngày trước, chắc hẳn là người đáng nhớ hơn cả. Hắn hứa với nàng sẽ hú hí với nàng ngay khi vào ngủ và sẽ không chịu buông trước khi trời sáng. Và hắn giữ y như lời, hành nàng cho tới khi ngày rạng. “Thật ra, nàng thật thà chua thêm, hai đứa đi ngủ muộn, mà đêm mùa ấy thì ngắn”.

Câu chuyện làm tôi liên tưởng đến chuyện chú dê con của ông Seguin muốn bắt chước con dê già nên cứu vớt danh dự bằng cách cầm cự suốt đêm với sói và mãi đến đầu sáng mới chịu bó tay.

Cũng nên để cho anh nghĩ rằng em có thể vồ ngay khi anh ngừng nghĩ, lời kết của Rachel.

Và lập tức tôi trông thấy nàng có dáng dấp con sói thật, với đôi mày đen, mũi hếch và mồm rộng hau háu. Lại một phen chúng tôi cười. Phen

cuối cùng. Bởi tôi hiểu rằng cái đầu óc kế toán tốc hành của nàng đã chối từ sự bất kham của tôi và truy tầm được một nơi ngả lưng khác để đặt mình.

Y như chim hoàng anh. Lời nói thốt ra đã sáu tháng nay cứ âm trầm trong tôi. Lâu nay tôi biết rằng một trong những dạng thường nói đến hơn cả trong sự thất bại nam nữ là tình trạng xuất tinh sớm, nói chung là tình dục không biết nương giữ, trì kéo. Sự kết tội của Rachel đi xa, vì nàng nhắm nhẹ liệt tôi ở mấp mé tình trạng bất lực, hơn thế nữa nàng khai diễn nổi bất hòa hợp đậm nét của lứa đôi, sự truất hữu thắm thía của phụ nữ suốt đời thụ tinh mà chẳng đời nào thoả dạ.

- Em sung sướng hay không, anh cóc cần mà.

Tôi phải chịu là đúng. Phủ trọn người Rachel để chiếm hữu, những gì có thể diễn ra sau đôi mắt nhắm tít, bên trong chiếc đầu nhỏ nhỏ như gã chặn cừu Do Thái kia, đúng là những cái tôi ít quan tâm hơn cả.

- Anh ăn thịt sống cho đã rồi quay về với mớ sắt mớ tôn.

Đúng như thế. Và điều này cũng đúng luôn: kẻ ăn bánh mì hơi đầu mà lo nghĩ xem chiếc bánh mì được ăn như thế có thích thú hay không.

- Anh hạ thấp em xuống ngang tầm một miếng bít tết.

Có lẽ, nếu quả người ta khur khur bám víu vào cái “thước đo nam tính” như thế kia vốn là sản phẩm của giới phụ nữ vừa là khí giới của phái yếu. Nhưng trước hết tình yêu có bình đồng hóa với hành vi dinh dưỡng thì chẳng có gì bại hoại, vì chính nhiều tôn giáo cũng cậy đến sự đồng hóa ấy, mà trước tiên là ki to giáo với bánh thánh và rượu thánh. Nhưng điều cần mổ xẻ chính là ý nghĩ về cái nam tính kia – khái niệm riêng biệt của phụ nữ. Có nghĩa là nam tính được đo bằng *năng lực làm tình*, và năng lực làm tình chung quy là kéo dài tối đa động tác tình dục. Đó là sự quên mình đi. Cái năng lực ấy phải được hiểu theo nghĩa của Aristote, như là *ngược lại với cái hiện ra bên ngoài*. Cái tiềm năng làm tình là hoàn toàn ngược lại với động tác tình dục và như thế là phủ định động tác tình dục. Tiềm năng là động tác hứa hẹn, không bao giờ thực thi, mãi mãi che phủ, cầm chừng, lơ lửng. Người nữ là ẩn, người nam là hiện. Và như thế người nam đương

nhiên là bất lực, đương nhiên là chệch choạc với độ chín muối chặm và trầm của người nữ. Trừ phi hẳn ngoan ngoãn theo khuôn phép của nàng, theo tiết nhịp của nàng, hùng hực lấy cho ra tia lạc thú nơi tòa thịt da tri hoãn dâng hiến cho hẳn.

- Anh không phải là người tình, anh là hung thần.

Hỡi ôi năm tháng! Bằng mỗi câu ấy, Rachel làm đột hiện bóng ma của một tên thiếu niên kỳ quái, một tên khôn sớm đến lạnh người, mà lại ấu trĩ đến bàng hoàng, hình ảnh của nó đột nhập vào người tôi một cách vô cùng độc đoán. Tên Nestor. Tôi vẫn linh cảm nó đã đùng đùng tái hiện trong đời mình. Thật ra nó chưa hề rời bỏ tôi, nhưng kể từ khi nó chết đi, nó buông tha tôi, thỉnh thoảng lấp ló mơ hồ đâu đó không đáng kể - có khi khiến tôi thấy hay hay – cố sao tôi không quên bằng. Lối viết chuyển sang tay trái của tôi và bước chân ra đi của Rachel báo trước cho tôi biết cái uy của Nestor sẽ được phục hồi sắp tới đây.

10.1.1938. Mới đây tôi nhìn lại một tấm hình chụp lớp học, loại hình sang hàng loạt dịp tháng sáu một thời gian ngắn trước ngày phát phần thưởng. Giữa bao nhiêu mặt mày trần trần trong điệu bộ đưa đám ma kia, cái mặt mỏng nhất, thảm thương nhất là tôi. Hai thằng Champdavoine và Lutigneaux có mặt, tên thứ nhất nhả trong bộ tóc giả của vai hề cắt theo đường nét cây ac-ti-sô, tên thứ hai nhắm tít mắt với bộ mặt ma mãnh, như thể đang nghĩ một trò trống gì đó khi vờ vệt ngủ trưa. Chẳng có gì về Nestor, mặc dù hình chụp chắc chắn đúng vào lúc nó còn sống. Nhưng tựu trung đây cũng chính do nó mà ra cả, nó không có mặt trong các buổi lễ nhĩ nhằng nhĩ nhố này, và nhất là không để lưu lại một vết tích trời ơi đất hỡi nào của mình trước khi mất hút.

Dễ thường tôi đã được mười một tuổi và không còn là một con cừ non tại trường Saint – Christophe nữa, tại đây tôi bắt đầu học năm thứ hai. Nhưng nêu như tôi chẳng còn phải sợ nổi mất gốc và lạc lõng giữa cõi xa lạ, thì chẳng khác nổi niềm ấy lắng sâu dưới vẻ bề ngoài trầm lặng và như thể không vãn hồi. Cái lúc ấy, ngòi nhớ lại, tôi kiểm điểm lại bao nhiêu nỗi khổ của mình và chẳng mong đợi hy vọng nào lóe lên ở chân trời. Tôi đã kẻ một dòng gạch ngang dứt tuyệt với các ông thầy và dứt tuyệt với cái thế giới

ting thần mà những nỗi khổ kia như tuồng khai mở cho ta. Tôi đi đến bước đường - nhưng tôi có bao giờ rời bỏ thái độ này đâu nhỉ? – xem mọi tác giả, mọi nhân vật lịch sử, mọi tác phẩm, mọi môn học bất kỳ nào đều là con số không, là triết đề không xứng đáng, ngay từ lúc đám người lớn tiếng tiếp thu rồi ban phát cho chúng tôi làm món ăn tinh thần. Từng miếng từng mẩu một, tôi lục lợi từ điển, tôi sần sẩy theo khả năng mình trong các tuyển tập ở trường, tôi chớp bắt trong giờ sử hay giờ Pháp một ngụ ý thoáng qua nào đó đến điều gì tôi lưu tâm bậc nhất và bắt đầu cấu tạo cho mình một nền văn hóa đứng bên lề, một tòa bảo tàng cá nhân trong ấy sát cách bên nhau những người như Alcibiade, Ponce Pilate, Caligua và Hadrien, Frédéric – Guillaume đệ nhất và Barras, Talleyrand và Raspoutine. Người ta có một lối nói về một chính khách hoặc một nhà văn – với thái độ lên án thật đầy nhưng như thế chưa đủ, cần có cái gì khác nữa kia – một lối nói thế nào khiến tôi chông tai ngờ ngợ như đang nghe nói đến một ai họ hàng với mình không bằng. Lập tức tôi mở một cuộc điều tra, một loại so đo để phong thánh, với những phương tiện trong tầm tay, để cuối cùng tùy theo trường hợp tòa bảo tàng của tôi mở rộng cửa hay khép chặt.

Con người tôi khắng khiu, xấu xí, màu đen ôm sát khuôn mặt xám xám vàng vàng có nét Ả rập vừa có nét anh chàng gi-tăng hát dạo, thân hình lò quờ xương xẩu, cử động hấp tấp không đẹp. Nhưng trên hết mọi thứ là có nét gì đó hẳn nhiên nghiệt ngã ở con người tôi xúi cho kẻ nhát nhát cũng tấn công tôi, kẻ yếu nhất cũng hành hạ tôi. Tôi là bằng chứng bất ngờ cho chúng nó thấy rằng ngày nay chúng nó vẫn có khả năng không chế và làm nhục. Chuông ra chơi vừa lạnh lạnh, tôi đã sóng soài ngã lăn, và ít khi lồm cồm đứng lên được trước khi trở vào lớp.

Thằng Pelsenair là học sinh mới vào học, nhưng sức mạnh thể chất và các tính đơn giản của hắn lập tức mang lại cho hắn một chỗ đứng trọng vọng trong hàng ngũ của lớp. Uy danh của hắn phần lớn nhờ chiếc nịt da to tướng – sau này tôi biết nịt được cắt ra từ một sợi dây buộc bụng ngựa – ràng rịt phía ngoài áo tạp dề đen, khâu nịt bằng thép chẳng chịt ít nhất bằng ba mũi đinh. Đầu hất vuông, phát phơ một gié tóc vàng, khuôn mặt đều đặn, vô cảm, mắt sáng, nhìn thẳng, và khi nào đi giữa các bạn, hai ngón cái đút vào nịt, hắn nện đôi giày đinh bảnh chọe làm xẹt lửa trên nền hoa cương sân trường trong những dịp lễ lớn. Hắn là một tên trong sáng, không ma mãnh, nhưng cũng không phòng bị đối với điều ác, và cũng giống như bọn người

man dã của Thái Bình Dương ngã gục ngay buổi tiếp xúc đầu tiên với những mầm mống do người da trắng mang lại một cách vô tội vạ, hẳn tiêm nhiễm ngay cái ác, cái độc và sự hận thù ngày tôi bộc lộ cho hẳn biết cái phức tạp trong tim tôi.

Cái “môt” “xăm mình” bỗng đâu rộ lên trong trường. Một đứa ngoại trú bán mực Tàu dùng ngòi bút sứt mũi để đâm sâu vào da mà không chảy máu. Chúng tôi đổ ra hàng giờ xăm cho nhau trong những chữ cái, tên và hình vẽ trong lòng bàn tay, trên cổ tay, đầu gối, và bao giờ cũng toàn những cái nhảm nhí, những biểu tượng mơ hồ với mẫu mã bắt gặp ở những thứ nguệch ngoạc trên tường và trong các nhà xí.

Thằng Pelsenaire hiển nhiên không thờ ơ với trò tiêu khiển mê toi này, nhưng rõ ràng hẳn thiếu óc tưởng tượng, thiếu hoa tay cần thiết để trang sức xứng đáng với vai vế của hẳn. Vì thế hẳn bị hợp hồn ngay, cái hôm tôi làm ra vẻ hờ hững đưa ra tấm giấy trên đó tôi cố công vẽ một trái tim với mũi tên xinh ngang – giọt má rờn rờn – chung quanh có hàng chữ: *Anh tặng suốt đời*. Để lòe hẳn rất ráo, tôi phao là đã cóp hàng chữ tuyệt kỹ ấy trên ngực một gã hạ sĩ quan đạo quân lê dương của bạn tôi. Kế đó tôi tình nguyện cầm bút xăm, nếu như hẳn thích mang hàng chữ trang trọng ấy phía trong đùi bên trái, một nơi kín đáo nhưng lúc nào cũng hé lộ.

Công phu đòi hỏi suốt một buổi học đêm, không kém. Tôi ngồi dưới đất, dưới học bàn của Pelsenaire, và tôi kỳ cọ trau tũa, nhờ vào sự toa rập của chúng bạn ngồi quanh đem lưng ra che chắn, đem sách cặp dựng lên ngăn đón ánh mắt xoi mói của giám thị. Công việc của tôi gặp trở ngại vì chiếc đùi dí xuống ghế làm cho nó bạnh ra và bầu lên.

Pelsenaire tỏ ra rất hài lòng với kết quả, nhưng vẫn phần nào ngạc nhiên vì dòng chữ bọc trái tim xiên ngang nhỏ máu trở thành *A T suốt đời*. Tôi làm lì giải thích rằng lính lê dương dùng mẫu tự như vậy để viết tắt, hoặc có nghĩa là *Anh tặng*, hoặc có nghĩa chông lại Chúa (*A T suốt đời* = *Athée suốt đời* = vô đạo suốt đời) hoặc có nghĩa hàm hỗn vừa cái này vừa cái kia. Pelsenaire tỏ ra không hiểu những dẫn giải rối rắm của tôi đành xuôi theo.

Nhưng tối hôm sau, hẳn kêu riêng tôi trong buổi ra chơi lúc sáu giờ với cái vẻ mặt không hứa hẹn điều gì là lành. Có đứa nào mách nước cho nó,

bởi nó chìa ngay vào mấy mẫu tự bí hiểm kia. Nó nói:

- A T là tên mày. *Abel Tiffauges suốt đời*. Mày xóa cái thôi tha ấy ngay đi.

Tôi bị lật tẩy và, vì chẳng nào cũng đã lỡ, tôi quyết làm một động tác mà tôi thiết tha mơ ước từ nhiều tuần nay. Tôi bước tới hẳn, đặt hai tay lên chiếc nịt kiêu hùng, phía trên đùi, rồi chậm rãi mê mẩn nhích người tới, để tôi tay lưới lên mặt da cho đến lúc hai tay giáp nhau sau lưng hẳn. Tôi áp đầu mình vào ngực hẳn trên trái tim.

Chắc hẳn Pelsenaire tự hỏi có chuyện gì đây, bởi ngay lúc ấy hẳn chẳng cục cựa. Nhưng tiếp theo bàn tay mặt của hẳn đưa lên chậm rãi – cùng một tiết nhịp như tôi - bàn tay bép lên mặt tôi, rồi một cái ẩy tay hung bạo, người vụt vùng lên tách tôi ra và xô ngã ngửa tôi ra mấy thước. Rồi hẳn trở bộ, bỏ đi làm tung tóe sao xẹt dưới đỉnh giày.

Từ đó, khám phá ra những khoái cảm chủ nô, hẳn tới tấp làm nhục và hành hạ tôi, tôi quy phục theo một cách ngu ngốc. Tôi hoàn toàn vui lòng nhường phần nửa thức ăn của tôi cho hẳn tại phòng ăn vì tôi chẳng bao giờ ngon miệng, và tôi gần như âm thầm vui sướng được tẩy bản và đánh đôi giày đẹp của hẳn mỗi buổi sáng, vì tôi vốn thích mó tay vào giày.

Nhưng bấy nhiêu ép buộc, vẫn còn là phải chăng, đối với hẳn chưa đủ, tâm hồn hư hỏng của hẳn cần được thỏa mãn gay gắt hơn. Thế là hẳn quyết định bắt tôi hàng ngày phải ăn cỏ. Ngay vào đầu buổi giải lao giữa trưa, hẳn đẩy tôi vào bãi cỏ lơ thơ bao quanh bức tượng thánh hộ mạng, hẳn nhảy phóc lên lưng tôi, cầm nghếch lên theo phản xạ của đĩa lỗ mãng, hẳn nhét vào mồm tôi từng nắm cỏ gà, tôi nhai nhai tận tình để khỏi ngạt thở. Một đám hiếu kỳ đứng chứng kiến sự thể, ngày nay hội tượng tôi không khỏi cảm hận ức tình vì bọn giám thị – vốn mau mắn bắt lỗi và trừng phạt tôi – lại chẳng có lấy một lần nào can thiệp để chấm dứt cảnh ấy.

Tình cảnh tôi đòi này chỉ chấm dứt khi đã lên đến cực độ. Bấy giờ là đầu thu, sau nhiều ngày đêm trời mưa biển sâu chơi thành vũng lội. Bao nhiêu sỏi và đá than bị vùi dưới một lớp bùn và lá rụng có vẻ dịu mắt. Không gian ảm thấp tảm đầy cảnh sống thảm hại của bầy trẻ không cha

không mẹ, sống không đủ ấm, ăn uống được chẳng hay chớ, không hề tắm rửa, áo quần cứ rít vào da như thể đó cũng là lớp da trời sinh, là lớp vảy, là lớp mai, nếu bóc ra thì ghê cho con mắt, buổi tối khi thay quần áo, hoặc mỗi lúc đều như thế khi chúng nó co rúm lại từ bên trong, da dẻ ớn lạnh, cơ bắp co thắt, dương vật teo tóp. Hồi ấy chúng tôi chơi dờ dội khác thường, hầu như chơi cạn tàu ráo máng, như thể để ứng đối số phận hẩm hiu nghiệt ngã của mình, chúng tôi muốn khẳng định mình giống như chiến sĩ hay như thú dữ. Những nắm tay phóng ra bôm bốp lên mặt, những cái khèo chân kết thúc bằng những cú ngã lộn vòng tròn trong bùn, mấy đũa vật lộn xoắn vào nhau lăn hỏn hển lên đất. Ít nghe la lối, không nghe chửi qua chửi lại, nhưng đũa nào một mình ngã xuống gì không khỏi nạm từng nắm tay bùn vọt vào đối phương để cho thằng này ăn bùn theo luôn. Tôi thì né mình sau mấy cột trong nhà chơi, tìm cách tránh mọi đụng chạm – mà đụng chạm thì lắm – vì đụng chạm dễ nguy khôn cho tôi. Tôi không hề có ý lo sợ Pelsenaire vì trong cõi hỗn loạn tầm cỡ thế này hẳn sẽ không buồn để ý tới một đối phương quá khăng khiu. Thế cho nên khi tránh né quả bóng bay tới tôi như hòn đạn đại bác, tôi đâm sầm vào người hắn, tôi vẫn không đến nỗi quả hoảng hốt. Hắn ngã xuống một cách kỳ quặc, khuỵu một đầu gối xuống, vì lấm phần chân dưới một bên thoi, ngoài ra không xem như không hề hấn gì. Tôi tìm cách né tránh thì hắn chụp tay tôi và co đầu gối ra lệnh “Chùi sạch cho tao!”. Lập tức ngồi lum khum dưới chân hắn, tôi rút chiếc khăn bản kỳ cộ. Pelsenaire sốt ruột:

- Màý không có khăn khác à? Thì thè lưỡi ra!

Bắp đùi, gối và phần trên chân tuyền một màu đất đen, bóng lóng, lớp đất này có thể nhả đều nếu như không có một vết trầy ở giữa, vết này tù mù màu tím, loét bên dưới xương bánh chè. Từ đó ứa ra vết đỏ chuyển sang màu đất, rồi thành nâu sẫm khi lẫn vào vớ bùn. Lưỡi của tôi liếm quanh vết thương làm thành vòng tròn xám. Mấy lần tôi nhổ ra từng búng đất lẫn mảnh than đen. Vết thương vẫn ứa máu bày ra sát mắt tôi một họa đồ không rõ nét với phần thịt phồng lên, mẩu vớ trắng trắng của da trầy và miệng vết thương lật vào trong. Tôi đưa lưỡi liếm nhanh lần đầu, liếm không được nhẹ nhàng nên không khỏi gây nên giạt thót làm rúm thớ thịt trên xương bánh chè. Liếm lần thứ hai lâu hơn. Cuối cùng môi tôi đặt lên miệng vết thương và dừng lại một thời gian bao lâu không rõ.

Tôi không thể nói rõ chuyện gì xảy ra sau đó. Hình như tôi bị rùng mình, bị co giật nữa thì phải, và người ta đưa tôi đến trạm y tế. Hình như tôi nằm bệnh mất mấy ngày ở đây. Kỷ niệm về đoạn đời này của tôi tại trường Saint – Christophe khá tù mù. Trái lại, chắc chắn một điều là các thầy giáo thấy nên báo cho bố tôi biết tôi khó ở và viện dẫn đủ thứ chuyện, kèm theo một chuyện khôi hài quá cỡ mà họ không dè, là bảo tôi bị trúng thực do ham ăn kẹo.

13.1.1938. Tôi từng bảo Rachel: “Có hai loại đàn bà. Loại đàn bà đồ chơi để cầm, để vịn, để nhìn, trang trí cho đời sống thẳng đàn ông. Và loại đàn bà phong cảnh để người ta đi đến, có thể mất hút vào đó. Loại thứ nhất thì đứng, loại thứ hai thì nằm. Loại thứ nhất thì liên thoáng, trở chứng, đòi hỏi, nhong nhèo. Loại thứ hai làm lì, bướng bỉnh, muốn tư hữu, sống bằng kí ức, mơ mộng”.

Nàng lắng nghe tôi, mày chau lại, tìm xem trong lời lẽ của tôi có cái gì chạm đến nàng. Thế là để cho nàng cười chơi, tôi vờ lặp lại dưới một dạng khác: “Có hai loại đàn bà, loại có cái mộng cỡ lòng chảo Paris và loại có cái mộng cỡ lòng chảo Địa Trung Hải”, tôi đưa tay ra làm hình nhỏ và hình lớn. Nàng mỉm cười, ngờ ngợ tự hỏi chắc tôi không xếp nàng vào loại cỡ lớn – nàng thì tất nhiên thuộc vào cỡ lớn rồi còn gì.

Bởi lẽ cái cô “con trai” này, cái cô xoay sở tài giỏi này mười mười là loại đàn bà phong cảnh, và mộng thuộc cỡ lòng chảo Địa Trung Hải (và chẳng gia đình nàng gốc ở Salonique). Thân hình bệ thế, mời gọi, có nét mẹ hiền. Tôi không nói ra sợ chọc giận – vì đối với nàng lời nói bao giờ cũng là vỗ về hoặc gây hấn, chứ không bao giờ là phản ánh sự thật – và tôi càng không nói ra những suy nghĩ nảy ra trong tôi khi tôi đặt tay lên xương đùi nàng, bắp đùi nở rộng như dáng ghềnh đá nhìn xuống bao quát toàn cảnh. Giữa hai ngọn đùi, bụng thóp lại, lòng thung lũng se sắt và hun hút ngóng trông... Tôi tự hỏi mình về cái khái niệm huyền bí này: cái giống của người đàn bà. Tất nhiên không phải là phần bụng cụt lủn này lại làm nên đàn bà nếu không phải là nhờ sự đối xứng thô thiên của thân thể nữ và nam. Cái giống của người đàn bà. Có lẽ ta có cảm hứng hơn về cái giống này ở phần ngực hiên ngang nở ra hai chiếc bầu trù mật...

Thánh Kinh rơi vào vấn nạn này một luồng ánh sáng kỳ dị. Khi ta đọc đoạn đầu của Kinh Sáng Thế, ta đâm hoảng vì một điều mâu thuẫn lồ lộ làm xô lệch cái văn bản đáng tôn kính này. *Chúa tạo ra con người theo hình ảnh mình, Chúa tạo ra nó theo hình ảnh của Chúa, Chúa tạo chúng nó giống đực và giống cái. Và Chúa ban ân huệ cho chúng nó, và bảo chúng nó: “Chúng con hãy sinh sôi, lớn lên, nảy nở, đầy lên trên trái đất và thu phục trái đất...”*. Sự chuyển đổi đột ngột từ số ít sang số nhiều rõ ràng là khó hiểu, nhất là sự tạo lập người đàn bà từ mẫu xương sườn của Adam xảy ra mãi về sau, ở chương II của Kinh Sáng Thế. Trái lại sẽ rõ nghĩa nếu vẫn giữ số ít trong câu vừa trích dẫn. *Chúa tạo ra con người theo hình ảnh mình, có nghĩa là vừa giống đực vừa giống cái. Chúa bảo nó: “Người hãy lớn lên, nảy nở”* v.v. Về sau, Chúa nhận ra sự đơn độc của tình trạng lưỡng tính không được tốt. Chúa cho Adam ngủ vùi rồi tía ra, không phải mẫu xương sườn, mà là “mạn sườn”, hông, tức là phần nữ giới tính để làm nên hình người độc lập.

Từ đó ta hiểu tại sao người đàn bà thực chất *không có* phần âm, là vì người đàn bà là phần âm của người đàn ông, mang theo thường trực thì kèn càng, và vì thế thường thường phải bỏ ra, và cần thì đeo lại. Có thể thì đó mới là cái riêng biệt của con người – trái với con vật – bất cứ lúc nào cũng có thể dính vào người một món đồ, một dụng cụ, một khí giới phải nói ngay là cần dùng, nhưng có thể cởi bỏ ngay, thay vì như con tôm càng chịu phép suốt đời kéo lê đôi càng trên thân. Và cũng như bàn tay là cơ quan móc nối cho phép con người tùy theo nhu cầu chụp lấy cái búa, cây kiếm hay cây bút, thì cũng vậy, dương vật là cơ quan móc nối với phần giới tính, chứ tự nó không hẳn là phần giới tính.

Nếu quả như thế, thì phải phán xét nghiêm khắc sự kết hôn vốn có cao vọng hàn gắn lại chặt chẽ tối đa và bất khả phân ly tối đa những gì đã tách rời. Đừng kết nối cái Chúa đã phân! Cầu khẩn mà làm gì. Ta không khỏi bị hấp dẫn một cách có ý thức, không nhiều thì ít, vì hình ảnh Adam cổ sơ, khệnh khạng mang đủ các bộ phận sinh sản, sống trong tư thế nằm, có thể không có khả năng cất bước, chắc chắn là không có khả năng lao động, liên miên quay quắt động tình một cách hoàn hảo lạ thường – vừa là kẻ chiếm đoạt vừa là kẻ bị chiếm đoạt trong phút lên cơn, nếu không phải là – biết đâu? – trong những thời kỳ chính mình mang thai cái mình tác tạo. Thế thì

vị tổ tiên thần diệu có cái gì mà chẳng cru mang, nam đèo nữ, rồi lại đèo con, mang nặng và quá tải, như mấy con búp bê to nhỏ chứa đựng nhau.

Hình ảnh có thể xem ra buồn cười. Tôi là người sáng suốt đứng trước mớ bong bong của đời sống vợ chồng, hình ảnh ấy gây động tâm cho tôi, nó làm dậy lên trong tôi một nỗi u hoài về huyết thống như thế nào đó về một đời sống siêu nhân vì quá tràn đầy mà vượt mọi thăng trầm của thời gian và sự già cỗi. Bởi lẽ nếu như trong Kinh Sáng Thế có *sự sa đọa của con người* thì không phải ở đoạn trái táo – đoạn này trái lại ghi dấu một bước thăng tiến, vươn đến trình độ hiểu biết điều thiện điều ác – mà chính trong giai đoạn Adam nguyên thủy đứt làm ba đoạn, bắt người đàn bà rơi rụng từ người đàn ông, kế đó là đứa con, một lúc tạo thành ba kẻ khốn đốn, đứa con suốt đời cô cút, người đàn bà bị bỏ rơi, thấp thỏm, suốt đời đi tìm kiếm kẻ bao bọc, người đàn ông nhẹ thênh, thong dong, nhưng giống như một ông vua bị lột hết chức quyền để khếp mình vào những việc mọn hèn.

Ngược lên thiên đốc, phục hưng con người Adam nguyên thủy, việc hôn nhân không có ý nghĩa nào ngoài ý nghĩa ấy. Nhưng chỉ có giải pháp sơ sài ấy thôi sao?

10.1.1938. Khi tôi già biệt trường Saint – Christophe linh hồn của ngôi trường cũ đã mất hẳn kể từ bốn năm trước đó, và cả vũ trụ học đường này, vừa có tính tôn giáo vừa có nét tù tội, chỉ còn thấp thoáng những hình bóng trẻ con, tu sĩ chấp chờn. Nestor đã bị chết ngột dưới hầm trường, chết do bọn khác, còn đối với tôi vẫn còn sống hơn bao giờ hết.

Nestor là con một của bác gác cổng trường. Ai từng hiểu loại trường này tức rõ tầm mức khả năng của hắn trong trường hợp này. Vừa ở với bố mẹ, vừa ở trong trường, hắn gom thu những lợi thế của bọn nội trú và luôn cả ngoại trú. Thường được bố mẹ giao lăm việc vặt trong nhà, hắn thong dong len lỏi trong mọi dãy nhà và có chìa khoá của hầu hết các cửa, trong khi vẫn thoải mái “ra phố”, ngoài những giờ học trong lớp và học nội trú.

Nhưng lẽ ra chẳng có chuyện gì, nếu trường hợp này chẳng phải là Nestor. Với khoảng cách của năm tháng, ngày nay nghĩ đến Nestor tôi đặt ra cho mình những câu hỏi trước đây không hề gợn lên hỏi tôi còn là bạn

hắn. Một tên kỳ quái, tài tình, thần kỳ, một kẻ trưởng thành tí hon chẳng, bị còi cọc thành đứa bé, hay trái lại là một thằng bé khổng lồ, nhưng đáng đáp hẳn gọi cho ta nghĩ như vậy chẳng? Thật khó nói. Một số lời lẽ của hắn mà ký ức tôi ghi lại – có thể là ít nhiều trung thực - chứng tỏ hắn khôn sớm vô cùng, nếu chứng thực được Nestor cùng tuổi với chúng bạn. Nhưng điều này chẳng chắn chắn gì, huống chi ngược lại hắn vẫn có thể là một thằng chậm lớn, không lớn nổi, một thằng lùn quần xó nhà thuở nhỏ, sinh ra ở tại trường và chỉ một phép lưu ngụ tại đó thôi. Giữa bao nhiêu điều bất quyết, một từ hiện rõ rệt mà tôi không thể giữ lại lâu hơn dưới ngòi bút của tôi: không tuổi tác. Tôi có nói về tình vĩnh cửu của tôi. Nếu thế thì chẳng có gì là lạ nếu Nestor – mà rõ ràng là tôi chịu ảnh hưởng – cũng giống như tôi thoát ra ngoài vòng thời gian...

Hắn cực mập, bụng phệ thì đúng hơn, do đó mọi động tác, luôn cả dáng đi, đều chậm rãi bệ vệ, và khối thịt của hắn trở nên đáng gờm trong những lúc đùng độ. Hắn không kham được nóng, khi trời lạnh gắt vẫn ăn mặc sơ sài và thời gian còn lại thì liên tục đổ mồ hôi. Hắn như thể bị lương vượng theo trí thông minh và trí nhớ khác thường của mình, đâm ra nói năng chậm rãi, dáng bộ trịnh trọng bác học, có cân nhắc, tạo vẻ, không tự nhiên, sẵn chực nhắc ngón tay trở lên mỗi khi thốt ra một công thức mà chúng tôi cùng nhận thấy là hay dù chẳng hiểu gì ráo. Lúc đầu tôi cứ tưởng hẳn nói năng toàn những lời trích dẫn gạn lọc trong sách ra, sau đó tôi lọt vào quỹ đạo của hắn mới hiểu là mình nhầm. Quyền uy của hắn đối với mọi học sinh là điều không thể chối cãi, ngay các thầy cô cũng có vẻ ngại hắn và ban cho hắn nhiều đặc quyền đặc lợi lúc đầu tôi nghĩ là quá đáng, hỏi tôi chưa rõ hẳn là ai.

Lần đầu tiên chúng kiến sự thể hiện tình huống đặc cách ấy quả tình quá sức buồn cười, vì tôi chưa cảm nhận ra vòng hào quang đáng nể chung quanh con người hắn. Trong mỗi lớp học, có một cái thùng sơn đen đặt dưới chỗ thầy ngồi, dùng làm thùng bỏ giấy. Học sinh nào muốn đi ngoài thì xin phép bằng cách đưa hai ngón tay thành hình chữ V. Giám thị hoặc thầy giáo gật đầu, hẳn đến chỗ thùng thọc tay xuống nhanh và đi ra cửa, tay nắm một búng giấy.

Sự việc Nestor tự tiện miễn làm chữ V như quy định lúc đầu tôi không rõ vì hắn ngồi phía cuối lớp. Nhưng tôi sinh lòng nể nang hắn ngay

do bước chân lừng khùng của hắn khi tiến lại chiếc thùng và do cái màn diễn tiếp theo. Với một kẻ chăm chú lắm lắm, hắn đi một bài khám xét các mẫu giấy vụn bày lên trên mặt, kể đó có vẻ chọn chưa được gì, hắn khoắng ào ào trong thùng bày ra các quả cầu hoặc những mẫu giấy vụn lâu ngày mà hắn trầm ngâm xét nét, đến độ hình như đọc luôn trên ấy viết gì. Toàn bộ học sinh bị chăm chú thu hút vào cái trò ấy, ngay thầy cũng chỉ tiếp tục giảng bài địa lý bằng một giọng chậm lại, máy móc, điềm bằng những khoảng im lặng dài thêm ra. Lẽ ra tôi phải thót người vì cái im lặng phập phồng đang đè nặng cả lớp, vì một đứa khác giờ trò như vậy thì sẽ được la ó ầm ĩ ngay. Nhưng, một lần nữa, tôi mới chân ướt chân ráo vào trường, và tôi cười chảy nước mắt, tay bầu vào học bàn, lúc này cuối cùng thằng bạn ngồi cạnh gay gắt thúc cùi chỏ vào mạn sườn tôi, tôi chẳng hiểu vì sao, cũng không hiểu lời bình luận khe khẽ tiếp theo của hắn khi Nestor quyết định chọn cuốn vở nháp đầy hình vẽ: “Hắn chọn, không phải là chọn lấy giấy, mà chọn cái gì viết trong đó, vào chọn đứa nào viết ra”. Câu nói này – và rất nhiều câu khác mà tôi sau đó cố nhớ ra – bao trùm cái bí ẩn về Nestor chứ không làm sáng rõ.

Hắn ăn bạo tợn và hàng ngày tôi chứng kiến điều này, bởi lẽ đầu đêm về hắn ăn tại nhà thì bữa trưa hắn ăn tại nhà ăn. Mỗi bàn gồm tám phần ăn và đặt dưới quyền trách nhiệm của một người “đầu bàn” có nhiệm vụ trông chừng phần ăn cho công bằng. Có một trong những nghịch lý làm cho tôi không ngớt ngạc nhiên là suốt mấy tháng nhập môn, là Nestor không làm đầu bàn. Nhưng nhờ thế hắn lợi hơn, là vì đứa nào giữ chức vụ ấy – mà kẻ ra đứa nào trong bàn cũng vậy thôi – không những điềm nhiên để mặc tình cho hắn trút một phần tư các món ăn vào đĩa riêng, mà còn xoắn vồ nhường thức ăn, như thể hắn là ông thần thời cổ xưa.

Nestor ăn nhanh, kỹ lưỡng, chăm chỉ, chỉ ngưng lại để lau mồ hôi chảy từ trán xuống mắt kính. Hắn có cái điềm giống như nhân vật Silène trong sử xưa, má thụng, bụng tròn, mông núng nính. Ba khâu ăn-tiêu-ia tạo tiết nhịp cho đời hắn, và cả ba thao tác đều được toàn thể trọng vọng. Nhưng đó mới chỉ là một mặt hiển hiện của Nestor. Bộ mặt ẩn kín của hắn, mà chỉ tôi dè chừng mà thôi, đó là những *tín hiệu*, là *diễn giải các tín hiệu*. Đó là điều sâu nặng của đời hắn, bên cạnh tính độc tài tuyệt đối mà hắn áp đặt nặng nề trên cả ngôi trường Saint – Christophe.

Tín hiệu, diễn giải tín hiệu... Tín hiệu gì đây? Diễn giải tín hiệu để lộ ra những gì chứ? Phải chi trả lời được câu hỏi này thì cả cuộc đời tôi đã thay đổi, và không những đời tôi - điều này tôi mạnh dạn viết ra vì tin chắc chẳng có ai đọc những dòng này – mà còn cả hướng đi của lịch sử cũng nên. Dễ thường Nestor đã dậm vài bước vào hướng này, nhưng hoài vọng duy nhất của tôi là nối gót chân hắn, và có thể là tiến xa hơn hắn, nhờ tôi sống dài ngày hơn và nhờ cảm hứng toả ra từ bóng âm của hắn.

20.1.1938. Cái tôi bày nhầy. Một tin vui, một tin rất vui, đến với tôi là tôi vui sướng dậy đàng. Kể liền sau đó, tin bị cải chính. Hết, không còn gì nữa hết. Còn chứ! Do một hiện tượng kỳ lạ về sự dây dưa, cái nỗi vui sướng xâm chiếm lấy tôi rồi rút đi đã để lại đằng sau nó một lớp hạnh phúc, giống như nước biển khi rút lui để lại những vũng nước trong phản chiếu mặt trời. Có một lúc nào đó trong tôi chưa chịu hiểu rằng tin vui ấy là sai và cứ một mực mừng rỡ.

Lúc Rachel rời bỏ tôi, tôi xem chuyện ấy hờ hững thôi. Đến nay tôi vẫn tiếp tục xem chuyện đổ vỡ này chẳng lấy gì làm trầm trọng, mà về một mặt nào đó còn lợi nữa là đằng khác, vì tôi định ninh sự việc ấy sẽ mở đường cho nhiều thay đổi lớn, nhiều chuyện lớn. Nhưng có một cái tôi khác, cái tôi bày nhầy. Thoạt đầu nó chẳng hiểu gì về việc đổ vỡ kia. Mà chẳng bao giờ nó hiểu ngay được một cái gì hết. Đó là một cái tôi nặng nề, thờ dãi, thất thường, thường xuyên đầm đày nước mắt và tinh trùng, nặng lòng với thói quen, với quá khứ của mình. Phải thêm nhiều tuần nữa mới hiểu rằng Rachel không còn quay gót trở lui. Bây giờ cái tôi ấy ra. Và nó khóc. Tôi mang nó trong lòng như một vết thương, một sinh vật ngây ngô mà đắm thắm, tai hơi nặng, mắt hơi cận, dễ bị phỉnh gạt, chậm phản ứng trước nguy cơ. Chính cái tôi này nó bắt tôi sục sạo từ hành lang này sang hành lang kia đầy lạnh lẽo của trường để tìm dấu vết bóng ma nhỏ u uất, đã chết dí vì ác cảm của cả bọn và nhất là vì tình cảm của riêng một thằng bạn. Nói như thế chẳng khác nào hai chục năm sau tôi gánh được cái khổ của nó trên đôi vai đàn ông của tôi, và làm cho hắn cười, cười vang!

25.1.1938. Ngôi trường Saint – Christophe, tại Beavais, chiếm cứ các cơ sở của tu viện dòng Citeaux cũng mang tên ấy, tu viện lập ra năm 1152 và

đóng cửa vào năm 1785. Chỉ còn lại của thời Trung cổ những vòm nhà thờ phục chế, và phần lớn trường học được đặt ở toà tu viện lớn do Jean Aubert xây cất đầu thế kỷ 18. Máy chi tiết này là quan trọng, vì không khí khắc khổ, khắc nghiệt mà chúng tôi phải chịu đựng hồi ấy xuất xứ phần nào từ lai lịch và lịch sử của mấy bức tường này. Không khí này lộ rõ hơn hết ở phòng tu kín với kiến trúc kém cỏi riêng của thế kỷ 17 và dùng làm nơi chơi cho đám nội trú buổi sáng trước giờ bọn ngoại trú kéo đến, và buổi chiều khi bọn này ra về. Chúng tôi chỉ được phép chơi ở hành lang, và chỉ phóng tầm nhìn xuống khu vườn phía trước trên bờ tường bọc quanh, khu vườn do bố của Nestor chăm chút, có những hàng cây thích trắng toả ra một thứ ánh sáng đục mùa hè, giữa vườn có xay một chiếc vạc bị sút mẻ áp ủ một đám dương xỉ cần cỗi. Nỗi buồn bã tiết ra từ nơi này đã trở nên nặng nề hơn, và như có thể hít thở được, là do những bức tường cao bao bọc.

Những khi vắng bọn ngoại trú vốn tạo nên gạch nối sinh động với thế giới bên ngoài, chúng tôi mỗi ngày hai bận quay quần bên nhau trong ngôi nhà tù xanh này mà chúng tôi gọi với nhau là ao cá. Các trò chơi ồn ào, những trò đuổi bắt nhau đều bị loại trừ tại nơi này, và chẳng không khí cũng chẳng thích hợp chút nào, nhưng không vì thế mà cản trở đi đi lại lại, chuyện trò, rồi lại cái ao cá – còn hơn là nhà nguyện, nhà ăn hoặc các phòng ngủ - lại là nơi tụ tập thường lệ của nội trú, tụ điểm tập trung của một trăm năm mươi đứa trẻ nép mình vào đời sống trường học, lu thu, xa lánh. Nestor chỉ xuất hiện họa hoằn, và như tôi có nói, hán cũng không nhập bọn với chúng tôi ở nhà ăn buổi tối. Ấy vậy mà hán chẳng vắng mặt đâu – hoàn toàn không – và hai đứa đồ đệ của hán là Champdavoine và Lutigneaux lãnh việc truyền đạt những lời nhắn nhe mệnh lệnh của hán. Thường thường việc tranh giành ảnh hưởng phát sinh một phần do hệ thống khá tinh vi gồm những hình phạt cùng những ân xá hiện hành tại Saint – Christophe, một phần khác do uy quyền vô hình do Nestor về khoản thưởng phạt quan trọng này.

Các kiểu hình phạt ở trường, tôi biết quả rõ vì không ngừng kinh qua từ hình phạt này sang hình phạt khác. Có hình phạt “làm lính”, mấy đứa học sinh sắp thành hàng dài im lặng đi vòng quanh trong nhà chơi trong mười lăm phút, hoặc nửa tiếng, một tiếng hay hơn nữa, hình phạt “cắm khẩu” buộc kẻ bị phạt không mở miệng với bất cứ ai, ngoại trừ để trả lời cho thầy hoặc giám thị, hình phạt “trồng cây” buộc phải ăn một mình trong nhà ăn tại

một chiếc bàn con, và ăn *đứng*. Nhưng tôi có thể chịu đựng ngàn lần bất cứ hình phạt nào còn hơn là phải nghe tên tôi bị gọi gộp chung thành câu “Tiffauges lên phòng phạt!” đầy hồi hộp và nhục nhã. Là vì nghe xướng câu ấy thì phải rời lớp, lên hai tầng lầu và đâm vào một hành lang vắng ngắt để cuối cùng đẩy cửa vào phòng ngoài của thầy kỷ luật. Với tới đây, quỳ xuống cái giá đọc kinh, không hiểu sao lại đặt chính chắn giữa phòng, day mặt vào bàn thầy, và cầm lên một cái chuông nhỏ đặt dưới đất kê cạnh để rung lên. Cái giá đọc kinh, đôi chân quỳ xuống, cái chuông rung lên khe khẽ, nay tôi không khỏi nhận ra trong nghi thức phạt tội ấy một dạng dâng bánh lễ của Xa tăng. Bởi lẽ dĩ nhiên việc lên phòng phạt không phải là kính Chúa. Chuông rung xong, chờ đợi có thể từ vài giây cho tới một tiếng đồng hồ, và đây là hình thức tinh vi khó kham nổi của hình phạt. Cuốn cùng không sớm thì muôn cửa phòng bật mở, thầy xồng xộc phóng ra cầm trong tay trái mẫu giấy phóng thích. Thầy phóng đến giá quỳ, tát thẳng tay tên tội phạm, ấn vào tay hấn mẫu giấy đã hoàn thành việc phạt và biến mất bằng nhịp độ như đã xuất hiện.

Một hệ thống miễn tội cho phép thoát được những loại hình phạt theo một thang đánh giá tinh vi theo điều thần học. Hình thức ân miễn là những mẫu giấy bìa hình chữ nhật màu trắng, xanh, hồng hoặc lục – tùy theo giá trị - thưởng cho những điểm giỏi hay những vị thứ đứng đầu các bài thi. Theo đó chúng tôi biết rằng trong đầu óc mấy vị cha cố đạo hạnh thì sáu giờ làm lính được tính bằng một ngày cầm khẩu, hoặc bằng hai ngày trồng cây hoặc một lần lên phòng phạt, và được chuộc bằng một vị thứ đứng nhất một môn thi, hoặc hai vị thứ đứng nhì, ba vị thứ đứng ba, hoặc bốn điểm trên 16. Nhưng tên nào bị phạt thường chọn phạt và giữ nguyên các ân miễn, vì ân miễn cũng cho phép mua được một “tiêu xuất” (ra trường chiều chủ nhật) hoặc một “đại xuất” (ra trường cả ngày chủ nhật).

Tuy nhiên hệ thống ấy bao giờ cũng có giá trị lý thuyết và như thể bị tê liệt, bởi lẽ mấy cha cố đạo hạnh không đếm kể gì chuyện thánh thần thương xót hay chuyện hoán chuyển khen thưởng, các vị quyết rằng ân miễn phải là của riêng – đưa được thưởng mang một con số ghi vào mẫu giấy bìa – và chỉ dùng cho những ai được chọn. Mà chính bọn ẵm được thứ này nhiều hơn cả - bọn học giỏi, khá môn dịch, bọn được thầy và giám thị thưởng – lại là những đứa ít cần đến thứ này hơn cả, vì như thể có một sự bảo bọc kỳ lạ nào đó giúp chúng nó tránh né những hình phạt làm lính, cầm khẩu, trồng

cây và cấm phòng. Cần phải tài ba như Nestor mới bổ khuyết được khoản này.

2.2.1938. Suốt ngày, tôi không ngớt buộc vào, tháo ra một sợi cao su nơi ngón tay. Ngày mai tôi buộc lòng phải đấu tranh cất bỏ sự hiện diện giả tạo và quái gở này, nó trông giống như chiếc nhẫn cưới, tuy rằng nhì nhằng như một bàn tay con con đeo vào tay tôi, nó rít lại và bầu nhẹ mỗi khi định bung rút nó ra.

8.2.1938. Có khi phải chạm vào đáy đêm mới thấy ra lóe sáng hy vọng đâm thủng trời đen. Chính cái phòng phạt lần đầu tiên hé lộ cho tôi biết cái ý nghĩa bảo bọc kỳ lạ mà tôi sắp được hưởng và không ngớt phủ lên đời tôi.

Tiếng ồn ào rộ lên ở góc lớp nơi tôi ngồi, và tôi không thể nói mình có thực sự góp phần vào đó hay không. Thế mà lời phán quyết ghê gớm từ bục giảng rơi sầm xuống đầu tôi: “Tifauges lên phòng phạt!” và luồng không khí vui mừng ác ý vốn luôn đi kèm loại hình phạt này nó chạy xuyên giữa các dãy bàn. Tôi đứng lên trong ác mộng, và hướng ra cửa giữa cái im lặng vẫn đục làm bằng bốn chục cái hơi thở ngưng nén. Bảy giờ đang là tháng mười hai, ở ngưỡng cửa mùa đông có bề trở về thực sự, tôi bước ra lớp lòng chưa yên theo các món nợ với thằng Pelsenaire là đứa hầu như không còn gặp tôi kể từ khi tôi rời phòng y tế trường. Bầu trời hoàng hôn sũng nước phủ đầy sầm, nơi đây con mắt bắt gặp, sau hàng cây lặt âm u, cái nhà chơi vắng ngắt bên trái và, tí sau, chỗ tiêu tiện lộ lộ ngang nhiên, như nơi thờ tự bốc khói của đám con trai. Tôi đưa chân đá bậy vào một quả bóng vất vương bên lề nhà chơi. Mấy chiếc tạp dề đen lủng lẳng ở móc áo què quặt trong bóng mờ tối trông như một họ nhà dơi. Ý nghĩ khước từ cuộc sống dang dẫy trong tôi như một tràng lệnh vỡ âm thầm. Một tiếng thét bí mật, một lời tru tréo tắc nghẽn bật ra từ tim tôi để hòa lẫn vào nhịp đập của bao nhiêu thứ im lìm. Một sự lôi kéo mãnh liệt đẩy tôi cùng bao nhiêu thứ ấy về phía hư vô, xô chúng tôi về phía cái chết, bằng một sức quật hung tợn khiến đôi vai tôi oằn rũ. Tôi ngồi xuống, thọc chân vào rãnh nước. Đôi tay bó gối. Cô đơn, ít nhất bao giờ tôi cũng còn có hai thứ búp bê song sinh này, hai cái đầu vuông, không có tóc, u nân lên _ hai con búp bê này cũng là tôi. Tôi đưa môi liếm lên lớp vảy đen lờm chớm giữa lớp da có đường dọc ngang,

ghét bản chỗ này, bụi bặm khô cằn chỗ kia. Tôi cảm thấy dễ chịu khi nhận ra mùi đá lửa quen thuộc. Tôi hiểu ra mình vừa chạm khá đau vào đáy đệm, đau đến nỗi tôi hãy còn bưng lưng khi bước lên chiếc cầu thang hành xác. Phòng trước của thầy kỹ luật đang chìm vào tối. Khỏi phải bật đèn làm gì. Từ giá quỳ, chỉ thấy hiện rõ trên mảng tường trắng tấm tranh màu mè dữ dội, đáng Cứu Thế chịu nhục, đầu đôi gai và một tên cục súc tát vào mặt. Tôi hãy còn xa lạ với các đọc hiểu các tín hiệu – là việc hệ trọng trong đời tôi – và tôi không nghĩ đến sự liên tưởng cần thiết. Nay tôi biết rằng một khuôn mặt người, dù tệ hại đến đâu, nhưng đã bị tát vào là lập tức trở thành khuôn mặt Giê-su.

Tiếng chuông ngân ở xa. Sàn nhà cốt kết. Một vệt sáng đáng sợ lóe lên dưới cánh cửa phòng ông thầy. Tôi thu mình nín thở trên giá quỳ. Thời khắc trôi qua, tôi vẫn chưa quyết rung chuông phạt. Mà chuông đâu rồi nhỉ? Tôi mò mẫm trên sàn nhà trong bóng tối. Chẳng mấy chốc ngón tay tôi chạm vào cán gỗ gắn lên cái chụp đồng của món đồ vật nặng nặng tráo trở kia. Tôi chậm chậm nhấc nó lên kéo vào mình một cách cẩn thận như thể bắt một con rắn đang say ngủ. Tôi cảm thấy yên tâm hơn khi ngón tay tôi nắm gọn tim chuông. Vật này bằng chì, và mặt ngoài của nó được nện búa, nhẵn như thịt, phần trên và phần dưới đều có ngấn hõm vào trong. Điều này chứng tỏ nó được dùng qua nhiều năm, và tôi hình dung vô số cuộc phạt cấm phòng mà chiếc chuông đã giội xuống bao nhiêu mái đầu trẻ nhỏ, đến đây chuông bỗng lọt vào tay tôi, rơi bồng xuống mép tỳ tay bọc nệm của giá quỳ và lăn ra sàn nhà đánh xoảng một tiếng lớn. Lập tức cửa phòng mở tung và ánh đèn oà vào. Sững người, tôi nhắm mắt chờ đợi ngọn đèn.

Chẳng đèn gì hết. Trái lại là một luồng môn man, một cái gì đó nhẹ nhàng mềm mại lướt qua má tôi lao xao. Tôi đánh liều mở mắt ra. Thầy Champdavoine đứng đó, cười cợt và vắn vẹo như thường ngày, và hấn chìa cho tôi mẫu giấy vừa dùng để quét lên má tôi. Kế đó hấn lùi lại, sạp đầu cúi chào giễu cợt và lĩnh mất ở cửa phòng của thầy. Liên đó hấn lại ló đầu ra gheo một lần cuối và cánh cửa khép lại.

Tôi ngấm nghĩa mẫu giấy hấn vừa trao: đúng là mẫu giấy phóng thích có chữ ký đàng hoàng của thầy.

Xuống lại lớp, đầu tôi ong ong còn hơn là bị hai lần phạt phòng. Nhưng hẳn nhiên là tôi chẳng hiểu gì cả, và tôi hoàn toàn không dè rằng mình vừa chứng kiến một sự rạn nứt trong toàn bộ nguyên khối của định mệnh đè nặng lên đầu mình. Ngay từ hôm đáng ghi nhớ ấy, lẽ ra tôi có thể chấm dứt cách nhìn hình phạt như là một xâu chuỗi không thể nào tránh thoát và đối nghịch một cách *tiên thiên*, và có thể nhìn nhận – như tôi đã đành phải nhìn nhận từ độ ấy - rằng nó cũng dự phần đồng loã với cuộc đời riêng tư nhỏ nhoi của tôi, và trong mọi chuyện đời cũng có một chút tôi trong đó.

Nhưng việc phạt cấm phòng chỉ là một báo trước. Còn phải chờ đợi một thời gian lâu dài mới dẫn đến biến cố làm thay đổi tận gốc rễ chỗ đứng của tôi tại ngôi trường Saint - Christophe và mở ra một kỷ nguyên mới trong đời tôi.

Ngày Lễ Lá Chủ nhật, theo truyền thống, bọn nội trú đi “dã ngoại” và cắm trại để đánh dấu chấm dứt mùa đông. Tôi thậm ghét mọi sự bó buộc đi ra ngoài trường, dù sao ở trong trường tôi có thể rứt cỏ thu giấu nổi hèn mọn của mình vào cái vế bề ngoài âm cúng, còn chuyện du ngoạn là một cái gì gớm ghiếc. Thực vậy, dịp này chúng tôi chia làm hai tổ. Đứa nào có xe đạp – như thể kỵ sĩ của đạo quân ngày xưa - hạp thành thứ tinh hoa trọng vọng, hướng tới một mốc du ngoạn xa hơn, đặt dưới quyền hướng dẫn của một hướng đạo viên trẻ trung cỡi xe máy. Tôi thuộc bọn chân đất mờ nhạt, nặng trĩu ở chân, phải cuốc bộ hàng cây số, thêm một lũ giam thị đáng ghét xía xói.

Tiếng còi khởi hành sắp sửa rít lên thì xảy ra một biến cố làm rung rung cả ngôi trường. Thằng Lugigneux xuất hiện, dắt một chiếc xe đạp sáng chói, xe của Nestor. Xe hiệu Alcyon, màu lửa lựu chỉ vàng, chiếc càng xe đua bằng thép mạ kền, kèm theo bên trái một chiếc kính chiếu hậu xinh xắn và phía phải một chiếc chuông to hai bậc thanh, bánh xe loại to vừa, trắng ở hai bên má, và sau xe là tấm chắn hành lý có đính miếng rọi mặt trời: sau hết, một món ít có trong thời buổi ấy, xe được trang bị thêm một chiếc cần vận tốc ba bậc.

Mọi người ngóng nhìn Lutigneux nhập bọn với xe đạp: nhưng không. Hẳn phi băng qua sân, chiếc xe nhảy bồng bồng như con ngựa phi phò, và

chính tôi, chìm trong đám cuốc bộ, lại là người hấn nhắm đến. Hấn trao xe cho tôi và nói gọn lỏn:

- Nestor đưa cho đây, để đi du ngoạn.

Tôi ngỡ ngác không kém gì toàn trường đang lập tức cho rằng tôi khéo giấu giếm khó ai bì kịp, vì hiển nhiên phải thân nhau lắm mới có đãi ngộ hậu hĩ thế này. Sự việc có thể xem ra cũng thường thôi, và có thể lọt khỏi con mắt một chứng nhân xa lạ với đời sống sâu xa ở Saint – Christophe. Đối với tôi, gần nhưng một phần tư thế kỷ trôi qua, nay nhớ lại không khỏi rùng mình vì thích thú hãnh diện.

Sau tuần tiếp theo, Nestor như thể chẳng quen biết tôi. Tựu trung tôi hiểu phần nào lễ thói nên biết rằng chẳng phải cảm ơn làm gì. Nhưng thứ bảy tuần sau đó, Lutignaux tìm gặp tôi trong giờ ra chơi vào mười bảy giờ sau khi bọn ngoại trú ra về để cho tôi biết rằng tôi đổi chỗ ngồi và giúp tôi dời đồ đạc.

Lẽ tất nhiên chỗ của học sinh là do thầy kỷ luật từ ngày vào đình đoạt, ông chủ tâm đi ngược tối đa với ý thích của chúng nó, bằng cách hoặc là chia loan rẽ thuy những đứa bạn thân, hoặc là áp đặt chỗ ngồi vào hàng trên cho bọn lười biếng và mơ mộng là bọn chỉ mong khoẻ thân và giấy mặt ở cuối lớp. Riêng Nestor có thể đảo lộn trật tự một cách vô tội vạ, và lấy ý mình thay cho ý thầy. Bản thân hấn chiếm cứ góc trái cuối phòng cạnh cửa sổ. Để có thể nhìn chùng ra sân bất cứ lúc nào, hấn còn kê cao chiếc bàn của hấn lên bằng cách chêm thêm mấy mẫu gỗ và gắn một tấm kính bình thường thay vào vuông kính đục dùng cho mọi cửa sổ bằng kính. Kể từ nay do một đạo luật chỉ có thể hấn ban hành, tôi cũng ngồi ở góc trái ấy, cạnh hấn, ngay bên tay mặt hấn. Sau vụ chiếc xe đạp rùm beng ấy, việc dời chỗ này không khiến ai lấy làm lạ, mà chờ đợi nữa là khác, cả thầy, giám thị cũng như học sinh.

Ngay từ buổi ấy, tôi sống ở trường được bảo vệ che chở một cách vừa kín đáo vừa hiệu quả. Không có tuần lễ nào tôi không bắt gặp một món quà gì đó trong ngăn đồ nội trú của mình; các hình phạt dường như ngớt trút lên đầu tôi; mấy đứa lớn nào hung hấn với tôi là ngay hôm sau mang vết bầm tím một cách khó hiểu. Nhưng bấy nhiêu thứ chẳng có gì đáng kể so với

hào quang của Nestor toả xuống người tôi suốt những giờ trong lớp và những giờ học nội trú. Con người dềnh dàng của hắn làm cho phòng học như thể chao nghiêng về phía góc trái cuối lớp, chỗ của hắn. Đối với tôi, thật quả đó mới là trung tâm của lớp, còn hơn cả bục giảng với con người ra giảng nhạt nhoà, phù du nối gót nhau lên xuống.

12.2.1938. Một cô khách hàng đến gặp tôi, đem theo một bé gái sáu tuổi. Lúc từ biệt, em bị la mắng vì chìa tay trái ra cho tôi. Tôi bỗng sực nhớ đa số trẻ con dưới bảy tuổi – tuổi lớn khôn! – đưa bàn tay trái ra cho người lớn tự nhiên thế thôi. Đơn sơ thánh thiện! Mấy em hồn nhiên biết rằng bàn tay phải bị ướm bẩn vì những cuộc tiếp chạm chán chường nhất, cứ hàng ngày nằm lọt vào bàn tay bọn sát nhân, tu sĩ, bọn cớm, hạng người quyền bính, giống như con đỉm lọt vào giường bọn giàu có, trong khi bàn tay trái, mờ mịt, vô danh, nằm trong bóng tối, như nàng trinh nữ, dành riêng cho vòng tay của các chị. Đừng quên bài học. Từ nay luôn luôn chìa bàn tay trái cho các em dưới bảy tuổi.

16.2.1938. Nestor viết và vẽ không ngừng. Tôi tiếc không có được, không lấy làm của riêng, không lưu giữ một tập nào hết của hắn ta. Bao nhiêu điều hắn nói với tôi nghe ra tuyệt diệu, mặc dù tôi chẳng hiểu gì, đến nỗi hai chục năm sau tôi đành phải diễn dịch và diễn tả bằng những lời hắn nhiên không phải là của hắn tất cả những gì mà trí nhớ của tôi tái tạo từ lời lẽ của hắn. Điều rõ ràng là thời kỳ ấy – mà thời kỳ cũng ngắn – sống bên hắn đã ghi sâu trong tôi, bao nhiêu bên ba của tôi về sau đều có gắn liền vào đó rõ nét đến nỗi e chẳng cần phân biệt phần nào đích thị là của hắn và phần nào gán cho tôi.

Tóm lại, nếu cần đưa ra dẫn chứng vô phương chối cãi biến tôi thành kẻ thừa kế Nestor, thì chỉ cần nhìn bàn tay tôi chạy trên giấy là đủ, cái bàn tay trái vạch từng nét chữ trang viết “tay trái”. Bởi lẽ bàn tay này, Nestor đã cầm giữ lâu trong tay hắn, hắn đã từng đưa bàn tay to lớn, nặng nề và rịn mồ hôi của hắn áp lấy năm tay yếu ớt của tôi, như quả trứng nhỏ xương xẩu lờ nhờ lọt thõm vào cái siết tay ấm nóng mà chẳng hiểu được chuyển những nguồn năng lượng như thế nào. Bao nhiêu sức lực của Nestor, bao nhiêu trí năng lãnh đạo và tiêu trừ đều dồn vào bàn tay ấy, bàn tay phát sinh từng

ngày một những trang viết tay trái đang làm thành tác phẩm chung. Và quả trứng nhỏ đã nở con. Nó đã lớn thành cái bàn tay trái này đây có ngón tay lông lá vuông vắn, có gan bàn tay bìa ra như chiếc khay, nó sinh ra chắc hẳn là để cầm thỏi mìn hơn là cầm bút.

Nestor dùng tay mặt nắm tay trái của tôi và viết, vẽ bằng tay trái. Có lẽ từ bao giờ hẳn thuận tay trái. Tôi muốn đoán mò một cách tự đắc rằng hẳn buộc viết bằng tay trái cho riêng tôi và chỉ để cầm lấy tay tôi mà vẫn không ngừng viết. Điều chắc chắn là tôi chưa bao giờ cảm thấy gần gũi với hẳn cho bằng cái ngày đáng ghi nhớ ấy – cách vài tháng – ngày tôi rùng mình nhận thấy mình *biết* viết tay trái, và bàn tay trái của tôi, thả chạy trên giấy, không cần viết thử, không cần học tập, không do dự, chạy tràn trên giấy bằng nét chữ mới mẻ không giống như nét chữ kia, chữ của tay phải, nét chữ *thuận*.

Như thế là tôi đã được hai nét chữ, chữ *thuận*, dễ thương, nhập thể, giao thương, phản ánh cái nhân vật bịt mặt mà tôi vờ vĩnh đóng vai trước mắt người đời, nét chữ *trái*, méo mó theo mọi sự *trái khoáy* của thiên tài, thứ nét chữ lóe sáng hết hò, tóm lại là ăm ắp cái thần của Nestor.

18.2.1938. Cứ mỗi lần bắt gặp, trong chiếc xe hơi khách hàng gửi cho tôi, hình của thánh Christophe trên tấm bảng buồng lái, tôi lại nhớ đến ngôi trường ở Beauvais, và tôi trầm ngâm theo một trong những hình ảnh vốn suốt đời không suy suyển trong tôi. Còn hình ảnh này có tính chất căn cơ. Trường Saint – Christophe, Nestor, kể đó là cái nghề sửa xe đang đặt tôi dưới sự bảo trợ của gã khổng lồ Công – Chúa... Còn nữa. Cái nước da ngăm và mái tóc cắt sát và đen của tôi là do mẹ, vì mẹ tôi trông giống dân gi – tăng. Tôi chưa hề tò mò lục lạo gốc tích của mẹ, đời tôi đã khá ngổn ngang những điềm gỡ, nhưng giả như trong dòng họ mẹ có bóng dáng ngựa và xe ru –lốt thì tôi chẳng lấy làm lạ.

Cũng giống như cái tên Abel đối với tôi là cái tên tình cờ thế thôi cho đến khi những dòng chữ Thánh kinh nói về trường hợp kẻ sát nhân đầu tiên trong loài người bày ra dưới mắt tôi. Abel đi chăn cừu, Cain làm ruộng. Chăn cừu, là nay đây mai đó, làm ruộng là giu giú một nơi. Sự xung khắc giữa Abel và Cain kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ khởi thủy đến

hôm nay, như là sự xung khắc truyền kiếp giữa bọn nay đây mai đó và bọn ru rú xó nhà, hoặc nói cho đúng hơn, như sự bách hại mà bọn giữ nhà trút lên bọn tha phương. Và mỗi cừu hận này chưa tắt, hoàn toàn chưa tắt, nó được lập lại trong quy định bỉ ổi, bêu riếu nhắm vào bọn gi-tăng – người ta xem họ như loại tái phạm – và người ta niêm yết ở cổng làng các bảng “Cấm người vãng lai cắm trại”.

Sự thật là Cain bị trừ và hình phạt đối với nó, cũng như sự cừu hận của nó đối với Abel vẫn trường tồn từ thế hệ này sang thế hệ khác. *Giờ đây, lời Chúa phán sẽ bị nguyên rửa trên trái đất đã nứt nẻ ra để hứng từ bàn tay người giọt máu của em trai người. Người làm đất, đất sẽ không cho trái, người sẽ lang thang trốn chạy trên mặt đất.* Thế là Cain phải chịu hình phạt mà nó cho là cùng cực hơn cả: trở thành du mục như Abel trước đây. Nó thốt lên những lời phản đối bản án ấy, mặt khác, nó không tuân phục. Nó rút đi xa hẩn Chúa và xây dựng thành thị, đó là thành thị đầu tiên mà nó đặt tên là Hénoc.

Đây, tôi khẳng định rằng lười nguyên rửa nông dân – vẫn luôn luôn chống lại người anh em du mục – tác động đến ngày nay. Vì đất đai không nuôi họ nữa, bọn dân ngu khu đen buộc lòng khăn gói quả mướp téch ngàn. Họ lang thang hàng nghìn người từ vùng này sang vùng khác – và thế kỷ vừa qua ta biết rằng khi người ta bó buộc việc định cư là một trong những điều kiện cho quyền hạn bầu cử, người ta đã loại ra khỏi vòng cử tri một khối lượng người trôi nổi khá lớn, những người tư duy bất định trên nguyên tắc, bởi vì mất gốc. Rồi họ định cư ở các thành phố tạo thành lớp dân vô sản của các thành phố lớn công nghiệp.

Còn tôi, núp bóng trong đám tọa thị, định cư giả hiệu, khuôn phép giả hiệu, đành rằng tôi không di chuyển, nhưng tôi lại giữ gìn sửa chữa cái phương tiện giúp di chuyển là chiếc xe hơi. Và tôi nhẩn nha vì biết rằng sẽ có ngày ông trời chán cảnh bọn định cư gây nên tội lỗi mà giội mưa lửa xuống đầu chúng nó. Lúc bấy giờ, chúng sẽ giống như Cain bị ném ngổn ngang trên các lối đi và cúi đầu cố trốn khỏi các thành phố bị nguyên rửa và luôn cả mặt đất đang hát hủi chúng nó. Còn tôi, Abel này, riêng mình mỉm cười mãn nguyện, tung đôi cánh lớn lâu nay giấu kín trong lớp vỏ thùng sửa xe, lấy chân giẫm lên đám sọ dừa u mê ám chướng của chúng nó và bay bổng lên ngàn sao.

25.2.1938. Một hôm Nestor rút từ hộp bàn ra một chiếc hộp nhỏ, vuông, bìa cứng, và đưa áp vào tai tôi. Tôi nghe một tiếng vù vù mềm mại, êm ái, như tiếng rầm rì của máy bay ở độ cao lắm. Hấn nheo mắt hóm hỉnh quan sát tôi qua lớp kính mắt dày như kính lúp. Hấn để chiếc hộp xuống bàn. Lập tức chiếc hộp nghiêng đứng trên một góc và lao chao múa càng thêm đẹp theo nhịp chậm. Tiếng rừ rừ tăng thêm, càng trở nên vang vang theo chiếc hộp sập mình xoay chuyển. Cuối cùng chiếc hộp nằm xuống một mặt, và sau khi xoay vài vòng nó nằm yên hẳn. Tôi tò mò nhìn xáp lại để đọc dòng chữ in trên hộp: *Sáng chế năm 1852 do nhà vật lý lỗi lạc người Pháp là Léon Foucault để chứng minh quả đất quay...* Đến đây Nestor cầm chiếc hộp lên, mở ra và trình trọng giải thích: “Đây là con quay trục nghiêng chìa khóa của vũ trụ”. Con quay làm bằng hai vòng thép đồng tâm gắn cứng vào những mặt phẳng thẳng góc. Một đĩa bằng đồng đỏ khá nặng nội tiếp trong một vòng thép được xuyên qua bằng một chiếc trục với hai đầu nhọn đâm vào hai lỗ đối xứng qua đường kính của vòng thép kia sao cho con quay có thể xoay với chiếc đĩa. Nestor xâu vào chiếc lỗ của trục một mẩu dây rồi quấn dây vào trục. Kế đó hấn cầm đầu dây kia kéo mạnh, dây tuột ra hết đánh phạch một tiếng. Chiếc đĩa kêu vo vo. Bấy giờ Nestor trút từ chiếc hộp ra một cái đế nhỏ bằng gang có hình tháp Eiffel, và hấn đặt con quay thẳng bằng trên đỉnh tháp. Lập tức vũ khúc duyên dáng khởi động. Chiếc máy con con với các hình thể đơn sơ, khúc chiết, hình học, quay quanh điểm cố định, vẽ ra một vòng nói rộng mãi ra, và cái vẽ chậm rãi ung dung quay quay đối lập với đĩa quay tít cùng thang vòng trong, như loài chim sâu có vẻ như bay càng chậm và thậm chí đứng yên một chỗ càng lâu thì đôi cánh nhỏ chập chới càng nhanh.

Chiếc tháp Eiffel rùng rùng trên mặt gỗ bàn học lập tức gây chú ý cho chúng bạn và thầy giám thị. Nestor bắt kể. Tỳ người lên khuỷu tay, xoay nửa mình về phía tôi, hấn mãi mê ngắm con quay trục nghiêng đang khiêu vũ... “ Một món đồ chơi thông thiên học, hấn nhỏ giọng, hình ảnh thu nhỏ nhưng rất trung thực của quả đất quay... Là vì, cậu thấy không, cái chuyển động cậu đang theo dõi nó không có thật đâu! Chính cậu, chính trường học, chính toàn cõi nước Pháp đang khiêu vũ đấy! Con quay trục nghiêng có cái hay là thoát ra ngoài vòng quay của trái đất, và vì thế bề ngoài nó quay quay. Kỳ thực chính chúng ta đang quay quanh nó. Đây, cậu giữ chặt nó

trong tay mà xem”. Và hấn nhắc con quay ra khỏi điệ̉m tựa và trao cho tôi. Tôi khẹ́p nặ́m tay ộm lặ́y món cơ khí sợ́ng độ́ng. Lặ́p tặ́c, trong bàn tay tôi, trong cượ̀m tay và cả trong cạ́nh tay, tôi cạ́m nhậ̣n ra một sự́c ậ̉y mạnh mẽ, một sự́c vặ́n khọ́ chẹ́ ngự̣. Tôi thộ́t lên:

- Giộ́ng nhự con cóc!

- Con cóc là cậu đặ́y, nhọ́c ạ, Nestor nói. Cậu bạ́m vào một điệ̉m cộ́ địṇh, nhưng trạ́i đậ́t muộ́n quay, và cậu không ngặ́n nó quay đượ̣c. Điệ̀u cậu cạ́m nhậ̣n trong bàn tay, là sự̣ im lị̃m của con quay bị vặ́n vẹ̣o theo trạ́i đậ́t quay mang luộn con nguợ̀i cậu. Đựa lại cho tôi. Nó là điệ̉m tựa của tôi trong nhự̃ng lúc có nhự̃ng điệ̀u không ổn. Vũ trụ̣ bỏ tụ́i của tôi đặ́y...

28.2.1938. Phải chặ́ng là vì tôi hụ̣p lặ́n vào thợ̀i trẻ nhỏ của mình từ hai thặ́ng nay mà sinh ra nhự thệ́ này? Giợ̀ đặ́y lại bị ạ́m ạ̉nh vì câu hát đọ̀ đựa phi lý của vú Marie ru tôi nhự̃ng buổị trưa làm lòṇg tôi thu rụ́t lại rậ̀u rị̃ trong tậ̣n cụ̀ng sặ́u thặ́m:

Mỗi khi hồi tưởng

Lòng tôi thườn thượ̣t

Như tờ giấy thấm

Đem đặt vào trong

Cùng tậ̣n đặ́y lòṇg

Tặ́m mùi thuốc súng

Đón đặ́u thặ́t nhiều, nhiều, nhiều

Nên chỉ mỗi khi hồi tưởng

Lòng tôi thườn thượ̣t...

2.3.1938. Hấn có thói quen nói năng không nhếch môi, có lẽ vì thích lơ lửng hơn là vì bó buộc, vì tình trạng vô ngại mà hấn được hưởng đối với các thầy và giám thị cho phép hấn làm thứ tự do khác. Đôi khi hấn nheo mắt tinh quái nhìn tôi hồi lâu, và hấn thốt lên những lời lẽ mù mờ khiến tôi đắm chìm vào một tình trạng sung sướng đê mê. Hấn bảo, chẳng hạn:

- Một ngày nào đó, chúng nó đi sạch, nhưng cậu sẽ còn ở lại với tớ, dù tớ có biến mất luôn đi nữa. Cậu chẳng đẹp, chẳng thông minh, nhưng cậu là của tớ như chưa từng có đứa nào ở trường này là của tớ đến như vậy. Rồi cuối cùng cậu sẽ biến tớ thành đứa vô dụng, và như thế là tốt lắm.

Hoặc hấn nắm lấy đôi vai tôi, bảo:

- Tớ đã gieo trồng bao nhiêu hạt của tớ vào trong cơ thể nhỏ nhỏ này. Cậu cần phải tìm khí hậu thuận lợi cho hạt nảy nở. Cậu sẽ thấy đời cậu thành công nhờ những sự nảy mầm nở hoa làm cho cậu kinh hãi.

Nhưng ngày hôm nay tôi hiểu rõ lời tiên tri của hấn khi hấn bóp cằm tôi buộc tôi há mồm ra:

- Chẳng bao lâu chiếc răng này sẽ to lên. Tên Abel này sẽ có những chiếc nanh khủng khiếp, và hấn sẽ nghiêng trèo treo khiến cho mọi người nghe phải sợ.

Nhờ các biên cố đang tượng hình soi sáng, có thể sau này tôi sẽ hiểu ý nghĩa những lời sau đây của hấn:

- Đập dòn vào một cánh cửa, bao giờ cuối cùng cửa cũng mở. Nếu không thì cánh cửa kế bên, mà ta không để ý sẽ hé ra, và như thế còn đẹp hơn.

Hoặc như thế này nữa:

- Nên gạch một gạch nối A với X.

Tôi chỉ bắt gặp hắn đọc mỗi một cuốn truyện, nhưng hắn thuộc lòng hàng trang mà hắn bắt thần đọc lên, không máy môi, khi nào giờ học trở nên chán ngắt, đó là cuốn *Chiếc bẫy vàng* của James Oliver Curwood. Nestor nghiêng người qua tôi, dáng bí mật, và rỉ vào tai tôi, như một mật ngôn phân khích: *Nếu đặt con thuyền độc mộc vào lòng hồ Athabasca và nếu nếu ngược dòng sông Hoà Bình lên phía bắc, ta chèo tới biển hồ Nô Lê, kể đó ta xuôi dòng Mackensie, nếu ta trở ngược lên cực bắc...* Nhân vật chính của truyện là Bram, một gã khổng lồ hoang dã, mang dòng máu Anh, máu Da Đỏ và máu Eskimo trong người, một mình dong ruổi bao nhiêu sa mạc giá rét hung dữ với một đàn sói. Đối với Bram thì tru với sói không phải là một lối nói văn vẻ. Nestor thao thao: *Hắn bỗng hát ngược chiếc đầu to lớn ra sau hủ lên trời một trang âm thanh từ cổ họng và lòng ngực. Ban đầu là tiếng sấm rền ròi kết thúc bằng tiếng rít ai oán sắc nhọn phóng xa hàng dặm lướt trên bình nguyên phẳng phiu. Đó là tiếng chủ kêu gọi bầy thú, của người – thú gọi kêu đồng loại...* Tiếp theo tiếng kêu hoang dã là tiếng đáp của gió hú phương bắc, nhưng cũng có khi là *nhạc trời, hoà âm di thường kỳ lạ của buổi rạng đông ở cực bắc đang báo hiệu ló dạng. Âm thanh có khi rít chói tai, có khi thì thâm diệu gần giống như tiếng mèo hư hư và cũng có khi như tiếng ong vù vù giọng kim.*

Tiếng hú của Bram, tiếng tru của sói và tiếng rít của gió, điệu nhạc kim khí của rạng đông cực bắc, cả một thế giới trinh nguyên, không có nhân tính, trắng trong như hư vô, tràn ập vào cái nếp sống chật hẹp, ẩn kín làm toàn bằng những chung đụng mà chúng tôi đang sống tại ngôi trường Saint – Christophe này. Đối với tôi, lời kêu gọi này hoà lẫn vào tiếng xao não âm trầm mà tôi nghe ra buổi chiều tháng mười hai hôm ấy, ngồi ở thềm nhà chơi, trong khi tôi đi - hoặc tôi nghĩ rằng tôi đi - cảm tức. Nhưng nó làm giàu thêm, khuếch sung thêm, bồi cho tiếng xao não bên trong tôi thêm phần hấp dẫn cực mịch do những lời đọc của Nestor gợi dẫn. Bạn tôi xuất thần nói với tôi về ngọn gió bão tuyết tru tréo trong rừng thông đen, về những hồ sâu xanh thẫm chạy băng qua trên hồ nước đóng băng, tiếng chíp chíp đều đều của giày lún trong tuyết, bầy sói chạy thục mạng săn mồi trong đêm giá, và luôn cả căn nhà lều bằng súc gỗ, lum khum, vùi nửa mình dưới lớp băng, nơi người thợ săn rình chực hàng đêm và đốt lên một bếp lửa lớn để sưởi lòng.

Năm tháng trôi qua, nhưng kỳ thực tôi vẫn chưa thoát ra khỏi cái không khí tràn hơi hám mốc meo thối bốp thời thơ ấu của tôi. Đối với tôi, xứ sở Canada vẫn là một cõi ngoài vòng cương toả làm triệt tiêu mọi điều khôn khổ nhỏ nhen vây hãm tôi. Liệu tôi có dám viết rằng tôi vẫn không từ bỏ? Rồi để xem, Abel ạ!

6.3.1938. Đến quận Cảnh sát đổi thẻ xám. Từng hàng người chờ đợi ừ ê, nhẩn nhục, trước các ô cửa, nơi đây đang léo nhéo mấy mù đàn bà mặt mày khó coi, hục hặc. Mong sao có một kẻ độc tài giải giang phê bỏ mọi loại hộ tịch, căn cước, thông hành, các thứ sổ bạ, lý lịch cá nhân, tóm lại, tất cả cơn ác mộng giấy má mà lợi ích - giả dụ có lợi ích đi nữa – là không đáng kể so với công phu phiền hà phải đổ ra.

Đành rằng một cơ chế ít khi tồn tại được mà lại không cần đến sự thuận tình và luôn cả sự mong muốn tích cực của số đông. Trong chiều hướng ấy, án tử hình đâu phải là hình ảnh sống sót máu me của thời man rợ, bao nhiêu cuộc điều tra dư luận cho ta thấy rằng đại đa số người ta vẫn còn vương vấn mù quáng. Còn các giấy tờ hành chính, thì đó là điều đáp ứng đòi hỏi của số đông, hay nói đúng hơn là đáp ứng cho một tâm lý sợ hãi hạ đẳng: *sợ phải làm thú vật*. Là vì sống không có giấy tờ là sống như thú vật. Những kẻ vô tổ quốc, trẻ con ngoại hôn hoặc vô thừa nhận đều đau khổ vì tình trạng chỉ trên giấy mới là có thật, Những suy nghĩ nay xúi tôi tưởng tượng một câu chuyện ngụ ngôn nhỏ.

Ngày xưa có một người mắc mớ với cảnh sát: Vụ việc xong xuôi, còn lưu lại hồ sơ lăm le trôi ra lại bất cứ lúc nào. Anh chàng mới quyết định tiêu hủy hồ sơ và do đó lên vào Bộ Nội Vụ. Tất nhiên gã không có đủ thời gian và phương tiện tìm ra hồ sơ của mình. Thế là gã huỷ toàn bộ, tức là bằng cách phóng hoả các phòng bằng một bình xăng.

Cái thành tích đầu tiên được thành công cộng thêm niềm tin rằng giấy tờ quả là một tai hoạ tuyệt đối cần cứu giải cho nhân loại đã khuyến khích gã đeo đuổi hướng ấy. Sau khi biến đổi tài sản của mình ra một mớ bình xăng, gã tuần du một cách khoa học khắp các quận, các toà thị chính, sở cảnh sát, v.v., thiêu rụi các hồ sơ, danh bạ, văn khố, và vì gã xử lý đơn thân độc mã, không ai tóm được gã.

Thế mà giờ đây gã nhận ra một hiện tượng phi thường trong các khu phố mà gã hoạt động, thiên hạ lầm lũi bước đi, mồm lí nhí âm thanh gì không rõ, nói tóm lại họ đang hoá thân thành thú vật. Cuối cùng gã hiểu rằng muốn giải phóng nhân loại nhưng đã hạ thấp nhân loại xuống hàng thú vật, vì tâm hồn con người vốn làm bằng giấy.

8.3.1938. Chiều tối, tại nhà ăn, chúng tôi nói năng tự do. Dù chúng tôi chỉ một trăm rưỡi mạng, tiếng ồn cứ tự động lên cao đều đặn, theo một định luật không hề biến đổi vì đũa nào cũng buộc lòng nói to lên mãi để được nghe lọt. Khi cảnh huyền não đã vỡ tràn thành như thể một toa vang dội ầm áp toàn bộ gian phòng lớn, một viên giám thị dẹp tan bằng mỗi một tràng tu huýt ngân rung. Bầu im lặng tiếp theo chứa đựng một cái gì đó ngòm ngợp. Kê đó luồng thâm thì chảy chuyển từ bàn này sang bàn khác, một chiếc nĩa lạnh canh trên đĩa, một tiếng cười ré lên, tám mạng âm thanh và tiếng động lại dật từ từ, và chu kỳ tái diễn.

Buổi trưa, bọn bán trú nhập với bọn nội trú, thế là gần hai trăm rưỡi mạng, và chúng tôi buộc phải im lặng. Những giờ làm lính rơi như mưa xuống đầu bọn nói chuyện, và tăng thêm trong trường hợp tái phạm bằng hình phạt *đứng nghiêm*. Đứng trước một cái giá đặt trên bục, tên học sinh lấy giọng đọc to tiếng loại truyện giáo dục, thông thường trích từ truyện các thánh. Để được nghe ra trong phòng rộng giữa bao nhiêu tiếng khua chén bát và chuyện trò râm ran, nó phải đọc *thẳng giọng*, tức là đọc một giọng, không lên không xuống, một giọng ngân nga kỳ dị gọt bỏ mọi thứ diễn cảm không thương tiếc – nghi vấn, mỉa mai, hăm dọa hay ngộ nghĩnh – và truyền vào mỗi câu cái âm sắc tuyền một nỗi thống thiết, than van, ồn ào khó chịu.

Cái nhiệm vụ *đọc truyện* được đánh giá cao trong đám học sinh, và nó là phần thưởng cho đũa được giải ưu hạng nếu chúng nó tỏ ra có khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Vì không phải dễ đối với đũa nhỏ đọc to trong bốn mươi lăm phút, không sửa giọng, không vấp vấp, một truyện vốn không phải viết ra để xử lý dã man như thế. Vì thế kẻ *đọc truyện* được chọn là kẻ mang trên người một cái gì đó oai phong, lôi kéo theo quyền lợi được ăn

riêng trước một mình và bữa ăn, theo tục lệ, ngon hơn và sang hơn thường ngày.

Tất nhiên là chẳng có cái gì nơi tôi chỉ định cho tôi trở thành kẻ *đọc truyện*, và tôi lấy làm bàng hoàng, không khỏi run rẩy khi được tin, một buổi sáng kia, mình sẽ thay thế, ngay bữa ăn trưa, cho kẻ được chỉ định trong hiện tại nhưng không còn xứng đáng với vinh dự ấy vì vừa bị phạt *cấm túc* khiến ai nấy ngẩn ra. Đồng thời, tôi được chuyển giao bài phải đọc: cuộc đời của thánh Christophe trích từ *Truyện thuyết vàng* của Jacques de Voragine.

Điều tôi chẳng nghi ngờ là Nestor là nguồn gốc của vinh dự lớn này đang đè nặng lên người tôi. Nay ý thức được mình biết, và đọc lại mấy trang mà dạo đó tôi rông toang toang vào mặt cả bọn, tôi nhận ra giữa các dòng chữ bất ngờ ấy lấp ló dấu tích của hắn. Nhưng trọn đời tôi, liệu tôi có đủ các thứ để làm sáng tỏ quan hệ sâu xa giữa truyền thuyết thánh Christophe với số phận Nestor chẳng, số phận mà tôi vừa nhận chịu vừa thể hiện?

Theo Jacques de Voragine, Christophe là người xứ Canaan thời đồ đồng. Ông vóc dáng khổng lồ, dáng mạo bạo tợn. Ông sẵn lòng phục vụ, nhưng chỉ phục vụ để vương uy dũng nhất thiên hạ. Thế là ông đến trình diện với một vị vua quyền uy cao trọng nổi tiếng vô song. Gặp mặt ông, vua vui lòng đón tiếp, và cho ông lưu lại trong triều. Vậy mà, một ngày kia, Christophe bắt gặp vua làm dấu thánh giá trên mặt sau khi có ai đó nhắc chuyện ma quỷ trước mặt vua. Christophe hỏi xem vì sao làm động tác ấy thì vua nói: “Cứ nghe ma quỷ là trẫm sẵn sàng làm dấu, sợ ma quỷ lấn quyền và hại trẫm”. Thế là Christophe hiểu rằng nhà vua mình đang phục chưởng phải là cao trọng nhất hay quyền uy nhất, vì còn sợ quỷ. Và ông xin cáo từ, lên đường đi tìm quỷ. Đang đi giữa sa mạc, ông nom thấy vô số lính tráng, trong đó có một gã mặt mày dữ tợn hung hăng đi thẳng tới ông hỏi ông đi đâu. Ông đáp: “Tôi tìm ngài quỷ để tôn làm thầy”. Gã kia bảo: “Ta là người người đang tìm kiếm đây”. Christophe vô cùng mừng rỡ xin nguyện làm tôi tớ suốt đời, và nhận gã kia làm chúa tể. Cả hai cùng nhau bước đi, bắt gặp một cây thánh giá cắm ven đường. Lập tức quỷ hoảng sợ, bỏ chạy vào ra khỏi đường, lôi Christophe băng qua một quãng đất gập ghềnh. Sau đó quỷ dắt Christophe vào lại lòng đường. Christophe trông thấy thế lấy

làm khoái trá, hỏi vì sao lại hoảng sợ đến độ. Quỷ đáp: “Một người tên là Cứu Thế bị đóng đinh vào thánh giá; cứ thấy hình ảnh chiếc thánh giá, là tôi rất sợ và hốt hoảng chạy trốn”. Christophe bảo: “Tôi phục vụ vô ích rồi còn gì, tôi chưa tìm ra được vị chúa tể vĩ đại nhất trên đời. Xin từ biệt vậy, tôi ra đi để tìm kiếm Cứu Thế vốn vĩ đại và quyền uy hơn ngài”.

Ông bỏ ra một thời gian lâu lắc để tìm cho ra kẻ nào cho biết tin tức về vị Cứu Thế. Cuối cùng ông gặp một ẩn sĩ giảng giải về đấng Giê-su và truyền thụ đức tin cho ông. Ẩn sĩ bảo Christophe: “Vị chúa tể mà người ao ước phục vụ đòi hỏi người tuân thủ điều này: phải nhịn đói nhiều khi đấy”. Christophe bảo: “Tôi là tên không lồ và cơn đói của tôi nó đòi ăn hung tợn. Đòi hỏi tôi cái gì khác kia chúa tôi tuyệt đối không chịu đói nổi”. Ẩn sĩ bảo: “Người có biết con sông nào mà lắm kẻ sang sông đang gặp nguy cơ chết đuối chẳng?” Christophe đáp: “Tôi có biết”. Ẩn sĩ nói tiếp: “Người vốn cao lớn, thân hình vạm vỡ, phải chi người ở gần sông, có ai đến người đưa họ qua sông thì đó là điều làm đẹp lòng Đấng Cứu Thế mà người mong mỏi phục vụ”. Christophe nói: “Vâng, tôi có thể hoàn thành việc ấy, và tôi hứa là làm được cho người”.

Thế là ông đi đến con sông ấy và xây một cái chòi bên bờ. Ông cầm trong tay không phải là chiếc gậy mà là một cây sào và ông vũng chân dưới nước, không ngót đưa mọi hành khách qua sông. Nhiều ngày trôi qua, đến một hôm ông đang nghỉ ngơi trong xó nhà bỗng nghe một giọng trẻ con gọi: “Christophe ơi, ra đưa cho tôi qua sông với”. Christophe bật dậy nhưng không trông thấy ai. Trở vào, ông lại nghe giọng ấy gọi ông. Chạy trở ra, cũng không trông thấy ai. Lần thứ ba, cũng bị gọi như vậy, ông ra và thấy trên bờ có một thằng bé xin cho qua sông. Thế là Christophe xốc nó lên vai, cầm chiếc sào và xuống nước để qua sông. Ngờ đâu nước dâng lên từ từ, đưa bé trĩu nặng trên vai như một tảng chì; ông tiêng lên và nước dâng lên mãi, đưa bé đè xuống vai khó chịu nổi, đến độ Christophe vô cùng lo lắng và chỉ sợ bỏ mình thôi...

Khó nhọc lắm ông mới thoát chết. Qua được sông ông đặt đứa bé xuống đất và bảo: “Cậu bắt tôi rơi vào một tình thế nguy hiểm vô vàn. Cậu nặng như cả một địa cầu trên vai, chẳng hiểu phải đeo nặng hơn nữa không đây”. Đứa bé nói: “Đừng lấy làm lạ, Christophe ạ, không những đeo cả địa cầu, mà chính anh đeo trên vai người tạo lập ra địa cầu: vì ta là Cứu Thế Chúa tể

của anh mà anh đã phục vụ bằng việc vừa rồi; và để chứng tỏ ta nói thật, chừng nào anh trở về bên kia sông, hãy cắm cây sào xuống đất trước mặt nhà anh, và sáng ra anh sẽ thấy nó có hoa có trái”. Lập tức, đứa trẻ biến mất. Về đến nơi, Christophe cắm sào xuống đất, và sáng thức dậy, ông thấy con sào mọc lá và có trái như trái như cây chà là vậy...

Tôi không phải là ít hãnh diện khi ê a toàn bộ câu chuyện chẳng vấp vấp lần nào, và tôi chờ đợi Nestor khen khi ngồi xuống bên cạnh hắn ở phòng học nội trú giấc hai giờ. Hắn mê mải theo một tấm hình vẽ dày đặc màu sắc nét dọc nét ngang mà có khi hắn tra trìa hàng giờ, mặt như muốn dán lên trang giấy. Khi hắn ngẩng lên, tôi nom thấy hắn vẽ thánh Christophe. Nhưng trên đôi vai con người khổng lồ này chuyên chở toàn bộ mấy toà nhà của ngôi trường với bao nhiêu cửa sổ thò ra từng đám học trò. Nestor làm động tác quen thuộc là lấy khăn chấm mồ hôi trên trán, nhỏ giọng: “Christophe, trên đường ông đi tìm ông thầy tuyệt đối, lại bắt gặp ông thầy nơi đứa trẻ. Những điều cần biết là tương quan đúng đắn giữa trọng lượng của đứa bé trên vai ông và đoá hoa trên cây sào”.

Lúc bảy giờ tôi khom mình trông thấy rằng hắn vẽ chính nét mặt hắn vào khuôn mặt vị khổng lồ Công – Chúa.

11.3.1938. Loại nhật ký kỷ niệm mà tôi ghi chép bằng tay trái từ hơn hai tháng nay có khả năng dị thường là xác định các sự kiện và động tác được tường thuật - sự kiện của tôi và động tác của tôi – vào một viễn tưởng khiến cho những thứ ấy sáng tỏ hơn và mang một kích thước mới. Cái tên Abel của tôi, chẳng hạn, hiện ra với tôi dưới một lần sáng mới từ những dòng ghi chép ngày 18.2. Cũng như một số thói quen nhỏ nhỏ riêng tư, có phần xấu, bề ngoài có cái gì phi lý khó bào chữa, nay viết ra đây vài dòng tưởng có thể chuộc lỗi chẳng.

Thí dụ ngay sáng hôm nay lẽ ra tôi đã oẹ lên một tiếng nếu như cườm tay phải tôi không báo động là còn đau khi tôi ráng sức. Hú lên như thế này là để nói lên sự chán nản vừa là một nghi thức vượt lên chán nản. Tôi nằm sấp xuống đất, hai bàn chân đưa ra ngoài, chống người lê hai bàn tay, hai cánh tay thẳng, ngực ưỡn, đầu hất ra sau ngửa lên trần nhà. Và thế là tôi oẹ. Tiếng oẹ của tôi nó giống với tiếng ợ sâu thẳm, kéo dài tưởng chừng xuất

phát từ ruột gan làm rung động cổ họng hồi lâu. Tiếng ấy chất chứa nỗi chán sống và nỗi chờ chết.

Sáng hôm nay, thay vì ọe, tôi có nghĩ ra một nghi thức mới mà tôi gọi là gội đầu nước xí hay gội đầu nước cứt, chưa rõ nên gọi là gì. Phải nói rằng nỗi khó sống đè khá nặng lên xác tôi từ tình sương, khi tôi cố công rút nó ra khỏi các tấm mạng. Nhưng chưa hết: như mọi ngày, còn có – hôm nay còn tệ hơn mọi hôm - tấm gương soi khiến não lòng. Số là tôi chưa hề từ bỏ niềm hy vọng thầm kín rằng qua đêm may ra mình có một khuôn mặt làm bằng thớ thịt mới có thể thay đổi cái bộ mặt nạ thường ngày của tôi chăng. Chẳng hạn, một buổi sớm mai, sẽ là một khuôn mặt ngây ngô mà trang trọng của con mang nhìn ngó bằng đôi mắt lá răm màu hạnh nhân lục thảo từ trong nước gương soi sáng loé. Và tôi sẽ nghịch ngợm với đôi tai nhúc nhích diển cảm của tôi nhờ linh động may ra dền bù lại đường nét cứng cõi khó coi của khuôn mặt tôi.

Ấy vậy mà cứ vẫn là tôi, vàng vọt hơn, hắc ám hơn thường ngày nữa đấy, đôi mắt thụt sâu vào, đôi mày đen than rậm rịt, cái trán thấp, bướng, vô cảm hững và hai nếp nhăn lớn rạch dài lên hai bên má như thể bị đào do dòng nước mắt chảy và không khô cạn. Bị mất ngủ, cằm tôi lờm chờm râu chính đau lòng bàn tay, răng lợn cợn xanh. Quả tình, tệ đến thế này thì thôi! Tôi la toáng lên: “Cái bản mặt! Mặt với mày! Cho vào cứt!” vừa la, hai bàn tay tôi đưa lên siết chặt lấy cổ để làm động tác vặn đầu tôi ra. Kế đó, người nóng lên, tôi vào phòng vệ sinh thật. Nơi đây, tôi quỳ xuống trước mặt chậu vệ sinh giống như để nôn, nhưng tôi đã chúi cả đầu vào, trong khi tôi đưa tay mò lê sợi dây sắt. Nước oà xuống như sấm vỡ, và một luồng nước lạnh và mạnh như dao chém ập xuống gáy tôi. Sau đó, tôi đứng lên, nước chảy rờn rờn, tính ra phần nào bẽ bàng. Dầu sao tôi cũng dễ chịu! Đố tôi không giở lại trò này.

14. 3. 1938. Giờ ra chơi dài, lúc bốn giờ, đang huyền ảo. Tiếng ồn ào đồng loạt bùng lên từ sân chơi, nơi đây đang quần thảo hàng trăm thằng nhỏ chèn người trong lớp áo tạp - giê đen chám đỏ. Tôi ngồi lên thành cửa sổ có Nestor tỳ người vào đó, tôi quan sát một trò chơi mới đầy vẻ hung tợn thu hút người xem. Bọn nhỏ mảnh dẻ hơn cả đang nghễu nghện trên vai bọn khỏe, và từng đôi như thế - người và ngựa - húc vào nhau không ngoài mục

địch hất cẳng nhau. Đôi tay kỵ sĩ dang ra thay cho chiếc dáo cứ nhắm ngay mặt đối thủ và động tác thứ hai là biến thành câu liêm móc vào cổ áo kỵ sĩ kéo ngang hoặc ngược ra sau. Có những pha ngã ngựa kinh hồn xuống đập, nhưng có khi kỵ sĩ ngã người ra sau siết chặt hai gối vào cổ ngựa và chiến đấu, đầu sà xuống đất, đôi tay vẫn bầu vào chân ngựa phe địch.

Nestor đầu tiên nhìn bao quát sân chơi, khoái trá vì mình yên ổn ngắm nhìn đám hỗn quân. Hắn thốt lên mấy câu thường thường không trở vào ai: “Một cái sân chơi là một không gian thu hẹp có vừa đủ chỗ để chơi. Vui chơi là một trang giấy trắng, trên đó các trò ghi dấu lên như là những tín hiệu cần lý giải. Nhưng cái tính chất đậm đặc của không khí nó tỷ lệ ngược với không gian giam hãm không khí ấy. Nếu bốn bức tường thu rút lại gần nhau hơn nữa thì những gì xảy ra trong đó lại càng đáng được xem hơn. Lúc bấy giờ điều gì viết ra lại càng cô đọng. Nhưng dễ đọc hơn chăng? Đến tận cùng là hiện tượng đặc quánh. Đặc quánh như thế nào đây? Có lẽ những thứ như bẻ cá, hoặc rõ hơn, như nhà ngữ tập thể, sẽ cho ta lời giải đáp”.

Đến lúc này một chùm kỵ sĩ rồi ùn lại với nhau chao người cùng với ngựa và rã đám ra trên nền đất thô nhám. Nestor rùng người hứng chí. Hắn bảo tôi: “Nào, Abel, cho chúng rõ ta là ai!” Rồi hắn lách ra sau lưng tôi, đưa cả cái đầu to tướng của hắn vào giữa đôi chân gầy gò của tôi, và đội tôi lên như chiếc lông. Hai bàn tay hắn siết cườm tay tôi, và kéo đôi cánh tay tôi để tôi ngồi chắc, và thế là cả hai chúng tôi đều bị trói tay. Hắn chẳng thèm quan tâm, vì chỉ trông mong đắc thắng vào khối thịt của mình thôi. Và quả nhiên hắn băng qua chiến địa và du ngã mọi thứ trên đường băng, giống như con bò tót lên con. Hắn quay người lại và xốc tới, nhưng qua phút bắt ngờ, bao nhiêu kỵ sĩ còn lại tại chỗ đang can đảm đương đầu. Sự xáp chạm thật dữ dội. Kính đeo mắt của Nestor vỡ toang. Hắn buông tay tôi ra bảo: “Tớ chẳng trông thấy gì nữa hết, cậu dẫn đường coi!” Tôi chụp lấy đôi tai hắn và cố cách quày quả, muốn hắn đi hướng nào thì kéo tai phía ấy, như kéo cương ngựa vậy. Nhưng lập tức hắn dùng một chiến thuật khác. Để tránh né bọn kỵ sĩ vây bủa, hắn đứng tại chỗ xoay cả con người vùn vụt một cách bất ngờ vì hắn vốn mập. Phần tôi, tôi chụp bắt kẻ thứ gì xáp lại vừa tầm và lôi kéo bọn tấn công bắt chúng lăn lóc như những cây ki. Chẳng mấy chốc chỉ còn hai đứa chúng tôi còn trụ, giữa cả bọn thua cuộc hì hà hì hục rời nhau ra trên đất. Một vòng người chiêm ngưỡng vây quanh chúng tôi.

Một thằng nhỏ rời khỏi đám lại gần tôi lễ phép trao lại cho tôi cặp kính vỡ của Nestor mà hấn nhặt được.

Nestor khuyu gối để đặt tôi xuống đất, trong một động tác thoáng chốc nhắc nhở cho tôi cái động tác của voi để nài xuống. Kề đó hấn đứng im giây lát, cười cười vu vơ, mơ màng, kèm theo một dáng vẻ sung sướng mà tôi chưa hề bắt gặp nơi hấn, làm hấn quên luôn cả thói quen đưa khăn tay lên chặm mồ hôi. Tiếp tục mò mẫm, hấn đưa tay ra đặt lên vai tôi, chẳng nghĩ đến chuyện thử mang lại kính mắt. Chúng tôi trở về xó cửa sổ xuất phát, cái vẻ hả hê phần nào ngô nghê vẫn không rời khuôn mặt hấn. Hấn im lặng hồi lâu, cuối cùng hấn nói: “Nhỏ Abel ạ, không ngờ công một thằng nhỏ là một điều thú vị đến thế”.

14.3.1938. Một trong những thứ an ủi lật vạt đối với tôi, là đánh giày. Phía dưới tủ, tôi có một chiếc thùng nhỏ đầy bàn chải cứng mềm đủ loại, các khăn chùi bằng len thực thụ và nhất là các hộp kem giày nhiều màu, từ đen tuyền đến trắng trong, qua một loạt màu hung nâu. Tôi thích ngày này ngày nọ chuyển màu giày bằng các thứ kem phân lượng công phu. Tôi chải bụi và bôi màu buổi tối để sáng mai làm bóng láng. Phải làm thế mới đạt. Nhưng tôi thích nhất là sờ sẹt chiếc giày, và luồn tay vào trong luôn nữa. Bàn tay tôi thô kệch, như gọng kềm của tên bóp cổ, hình như chiếc xẻng của phu đào cống, bàn tay khỗ sở vì diện mạo lố lăng của chúng khi nằm trên tấm khăn trải bàn trắng hoặc một tờ giấy, và khi phải cầm chiếc muống nhỏ bằng bạc hay cây bút chì cứ chực nát bất cứ lúc nào như que diêm trên mấy ngón tay. Nhưng với giày thì khác hẳn.

Tuần nọ, tôi bắt gặp trên mặt một cái thùng rác có một đôi giày lính lủng, rách, sạm mồ hôi, còn bị sỉ nhục vì trước khi bị đem vứt, người ta đã thu hồi dây giày, và đôi giày há hốc thè lưỡi giày và trơ trơ các lỗ trống trơn. Tay tôi thân tình nhặt lấy, hai ngón tay cái cong veo của tôi làm oằn cả đế giày – cứ chỉ nâng niu thô kệch nhưng triu mến - mấy ngón tay tôi lòn lỏi vào trong gót. Đôi giày như sống lại, khỗ thân cho chúng, dưới sự sờ mó cảm thông, nhưng tôi không khỏi se lòng khi phải trả lại vào đống rác.

Trong một ngăn kéo của bàn làm việc, tôi có một bộ sậu đánh giày thu nhỏ. Một hộp kem trắng trong, một bàn chải cứng đánh bụi, một bàn chải

mềm đánh lảng, một miếng len. Hễ có khách hàng lì lợm và khiến tôi ngáy người, tôi không do dự. Y trở mắt nhìn tôi tuôn ra các dụng cụ và tôi mãi mê đánh lảng đôi giày một cách công kỹ. Nếu cần, tôi tháo giày ra để lên bàn. Cái lợi lớn của thứ kem trắng trong là có thể - và nên - miễn dùng bản chải khi bôi. Điều thích thú là lấy ngón tay bệt thứ kem trắng trong ấy, kem thơm nồng và tằm hồi lâu vào lớp da, đút vào từng thớ da, làm dịu từng nếp, phủ lên từng đường chỉ! Khách của tôi nếu thấy tôi tự tiện xử sự như thế mà lấy làm điều là nhầm to đấy. Tôi lại nhờ thế mà hóa ra dễ chịu, kiên nhẫn, rộng lượng.

Tay tôi yêu giày. Quả tình giày chúng nó buồn không được làm chân, cũng như mấy đứa con gái to cao suốt đời cứ tiếc không được làm con trai.

16.3.1938. Ngồi bẹp trong góc, Nestor cầm trọn nắm tay tôi trong bàn tay phải của hắn, và hắn cười cười quan sát tôi qua lớp kính đã biến dạng quái dị hơn nữa do mấy mẫu giấy dán thô kệch níu giữ các phần lại với nhau. Hắn hỏi tôi:

- Cậu có biết nam tước Adrets?

Tất nhiên là không, làm sao tôi biết nổi nam tước Adrets? Nhưng Nestor cũng chẳng đợi trả lời. Hắn nói chẳng cần máy môi:

- Tớ kể chuyện cho nghe. Nam tước tên là Francois de Beaumont và có lâu đài vùng Dauphiné, ở mạn La Prette. Bấy giờ là thế kỷ XVI, giữa lúc chiến tranh tôn giáo làm cho xứ sở đầm máu, và giúp sức cho những cường quyền bành trướng vô tội vạ.

“Một buổi đi săn, Adrets cùng đoàn tùy tùng dồn một một con gấu vào đường cùng, đường rút lui của nó bị hố sâu cắt ngang. Con thú cùng đường lao vào một người trong đám, gã này bắn, làm cho gấu bị thương và ôm gấu lăn trong tuyết. Nam tước mục kích cảnh tượng. Ông lao người cứu giúp. Nhưng ông bỗng dừng khựng lại, ngậy người mê mẩn lạ thường. Ông nhận ra người với gấu cùng sa nhẹ nhàng xuống hố sâu và ông ngắm nhìn, sừng người, bị thôi miên vì hình ảnh lao xuống chầm chậm này. Kế đó khối đen

lao chao trong khoảng không, và màu trắng của mặt đất chỉ khẽ nhòe đi bằng một vệt xám, trong khi ấy Adrets ồ lên một tiếng hả hê.

“Vài giờ đồng hồ sau, viên sĩ quan mò về, máu me, thương tích, nhưng vẫn toàn mạng, vì con gấu đã chêm đệm cho gã khi ngã xuống hố sâu. Gã lễ phép ngạc nhiên vì vẻ đủng đỉnh tiếp cứu của nam tước. Và nam tước mỉm cười vu vơ như mỉm cười với một hội tượng thi vị, trả lời cho gã bằng một câu nói huyền bí và đầy dọa dẫm: “Ta có ngờ đâu một con người ta rơi ngã lại ngoạn mục đến thế”.

“Từ đó ông sa đà theo cái đam mê mới phát hiện này. Lợi dụng chiến tranh tôn giáo hỗn loạn, ông bắt nhốt người công giáo sống trên đất đạo Tin Lành và người Tin Lành sống trên đất công giáo, rồi sai khiến ném người cho *rơi ngã*. Ông đặt định ra nghi thức rơi ngã kỹ xảo: tù nhân phải bịt mắt múa theo tiếng đàn trên một đỉnh tháp không có bờ thành. Và nam tước say sưa khắp khởi nhìn tù nhân tiến sát lại chỗ hụt chân, lúi vào, bước ra lại, rồi thình lình một đưa bước hụt lao vào khoảng không, hét rú lên để lao xuống cắm mình vào mấy chiếc lao từ dưới đất ở chân tháp chìa lên...”.

Tôi chưa có dịp tò mò kiểm xem câu chuyện kể của Nestor có đúng theo lịch sử chẳng. Nhưng cần gì? Có một sự thật về con người - tôi suýt bảo một sự thật về loại người Nestor - còn hơn xa sự thật của sự kiện. Sau khi kể cho tôi nghe đời sống ít được biết đến của nam tước Adrets, Nestor chẳng bình luận gì thêm. Nhưng nay tôi không khỏi đưa câu chuyện ấy lại gần một nhận định mà hắn đưa ra một thời gian sau đó và lúc ấy tôi không hiểu. Hắn có nói: “Có lẽ không có gì đáng xúc động trong đời người cho bằng bỗng dưng khám phá ra một sự bại hoại mà mình nhúng tay vào”. Tôi cũng còn nhớ nó khoái dùng một từ ngữ mà bấy giờ tôi cho là cao siêu: sự sung mãn. Hắn nói: “Adrets khám phá ra *sự sung mãn nhíp nhàng*”. Và hắn mơ màng hồi lâu với sự kết hợp chữ nghĩa kỳ lạ ấy, có lẽ hắn tìm kiếm một vài công thức nào khác, một vài chìa khóa mở vào những khoái lạc không dè.

20.3.1938. Báo chí sáng hôm nay đưa ra con số 2783 người mất tích không để lại dấu vết tại Pháp trong năm qua. Tất nhiên trong nhiều trường hợp là những người trốn nhà hoặc tự động thoát ly để trốn gia đình hoặc

một người vợ bị ổi. Nhưng ngoài số ấy ra, là những vụ sát nhân hoàn hảo đưa đến sự hủy hoại toàn vẹn của “thân xác gây nên tội lỗi” bằng lửa, bằng đất hay nước. Nếu thêm vào đó những vụ giết người tài tình nhất là những vụ được nguy trang thành những cái chết bình thường, ta có được một cái nhìn phỏng chừng về xã hội khủng khiếp ta đang sống. Tất nhiên trong đại đa số trường hợp, tội ác bị đến tội, sự giết người thành công. Hàng ngày chúng ta đưa tay bắt những bàn tay đã bóp cổ người hoặc đã châm thuốc độc. Những việc mà công lý tiến hành, theo định nghĩa, là những thất bại vì không biết cách giữ kín. Nhưng con số nhỏ nhoi của những việc làm ấy – khoảng mười hai vụ mỗi năm - nói lên tính chất thuần túy tượng trưng, ám chỉ, vừa đủ khiến ta nghĩ rằng như vậy là tuân theo một nguyên tắc, nguyên tắc tôn trọng mạng sống.

Thật ra công lý của xã hội ta thuộc loại ghét của nào trời trao của ấy. Tức là công lý tương ứng với sự tôn thờ kẻ sát nhân đang nở hoa rành rành ở mỗi góc phố, trên các tấm bảng sơn xanh để cho công chúng chiêm ngưỡng danh tính những người đánh giặc lấy lòng hơn cả, nghĩa là những kẻ giết người chuyên nghiệp say máu hơn cả trong lịch sử.

22.3.1938. Dù những đồ nát của nhà thờ tu viện đã được sửa sang, chúng tôi tụ họp làm lễ và đọc kinh trong một nhà nguyện mới xây, được vẽ vôi trang trí theo phong cách hiện đại nhưng cầu kỳ. Ngày thường chúng tôi được đưa đến đây hai lần - kinh sáng, kinh tối -, nhưng chủ nhật và các ngày lễ cứ chuông thì buộc phải đến bảy lần - kinh sáng, thánh lễ hiệp thông, đại lễ, nhật tụng chiều, kinh sau bữa ăn, chầu thánh thể, kinh tối. Có nghĩa là mỗi chúng tôi đến đây gần giống như về nhà mình, quen với ghé, với chỗ của mình, với những mốc nhìn từ chỗ của mình. Cử tọa ở đây cũng tổ chức, thứ trật y như trong lớp học, dù có khác. Trước tiên có các thành viên dàn hợp xướng, phần nào được bọn khác phân bì vì những lần tập dượt có khi cần đến chúng nó ngay giữa giờ học và người ta có thể bao che một số khiếm khuyết của chúng nó. Nhưng vị trí của chúng nó - trên đài cao, dưới hình hoa thị lớn uốn lượn nửa vòm, tùm tùm chung quanh cây đàn đập hơi với cha Pigéard đang rập mình trên đó - tựu trung ít thuận lợi hơn là thoải mái, ngoại trừ ưu thế có thể quan sát toàn học sinh tập họp từ trên cao nhìn xuống và nhất là nhìn từ phía sau tới. Chính Nestor lưu ý tôi về điểm sau và hẳn đã từng tự hỏi nên chăng kiểm soát nào đó tìm cho được một chỗ

quan sát trên hành lang ấy, đó là dự định mà sau đó hình như hấn bỏ trôi. Liên quan đến dàn hợp xướng này, tôi ân hận đã quên khuấy lời hấn phát biểu một hôm có mặt tôi và hôm ấy hấn so sánh tính chất hợp xướng lớp lang và như có nét kiến trúc với sự rập ràng hoang đại tụy luy nổi dậy từ sân chơi học sinh.

Đám thánh ca tạo ra cho tôi cơ hội một chuyện giạt gân nho nhỏ - hiểu chữ này theo nghĩa tinh thần hơn cả - câu chuyện khiến Nestor cười cợt và bắt đầu bằng một sự giải thông rất cần thiết cho tôi. Tôi cho rằng trong một trường đạo, cái vinh dự lớn lao được phụ việc cho vị cử hành thánh lễ đương nhiên chỉ dành cho lớp tinh hoa trong trường, bọn được phần thưởng ưu hạng, phần thưởng chăm học mà thôi, tức là những tấm gương đức hạnh và hạt mầm thánh thiện. Vậy mà tôi nhận thấy ngay rằng nếu tiêu chuẩn ấy đóng một vai trò đáng kể trong sự chọn lựa những ai xứng đáng khoác áo lễ trắng thì cũng vẫn phụ thuộc vào sự đáng giá ở các phương diện khác chứ không phải phương diện cao đẹp của tâm hồn. Sự thật nhục nhã và không thể thú nhận được, trừ phi các đức cha bị chông hay bị nướng thì mới khai, là không thể vào đoàn thánh ca nếu mặt mày không đẹp. Và ở đây không phải là vấn đề chọn lọc thô bạo chỉ nhằm loại bỏ bọn giới môn dịch nhưng mặt mày gớm ghiếc, nhưng đúng là vấn đề phân lượng tinh tế, sắp xếp trên các bậc cấp của bệ thờ những đứa bé nào tóc vàng và tóc đen, đứa gầy và đứa vuông vắn, một đàn là hài đồng phúng phính đỏ au và một đàn là khuôn mặt xương xẩu của Mẹ Khổ Đau, một phía là sự vô tội vui sướng như một con vật và một phía là sự trong trắng bị cọ xát.

Nestor đã đánh tan những ưu tư của tôi. Trong bao nhiêu điều hấn nói với tôi hôm ấy và trong những dịp khác, điều tôi ghi nhớ nhất là hấn trách móc các vị cha cố đạo hạnh - vốn là những vị chẵn chiêng chuyên nghiệp đấy chứ - tại sao không biết rằng một đứa trẻ sở dĩ nó đẹp là vì nó bị *ám ảnh*, và sở dĩ bị ám ảnh là vì được *phục dịch*. Giê-su hài đồng trên vai của Christophe vừa được công vừa được bóc đi. Hào quang của người do đó mà tỏa. Người được bút ra đi, được nâng hứng rất kính cẩn và cực nhọc trên sóng nước cuộn cuộn. Và tất cả vinh quang của Christophe là vừa làm thân chuyên chở vừa làm chiếc bình thánh thể. Trong cảnh qua sông, vừa có phần bắt cóc vừa có phần lao dịch. Hấn nhiên tôi có thêm thắt vào lời hấn nói cho thêm mạnh và rõ, đúng theo định hướng sâu xa trong tôi. Nhưng hình như tôi có nhớ rằng Nestor ước ao tìm thấy được cái ý nghĩa hàm hồ

ấy nơi đứa bé hát thánh ca, và ước ao bắt gặp ông cha cố quý gói trước mặt thằng bé hành lễ.

Ngay tại nhà nguyện kiến trúc rườm rà này, số mệnh sẽ giáng một vố đầu tiên, và như thế này là tạo cho chúng tôi cơ hội tập dượt lần cuối cái màn bi kịch của trường Saint - Christophe sẽ diễn ra năm ấy.

Như thường lệ, tôi ngồi chỗ gần cuối của một dãy. Bên trái tôi, Nestor ngồi ở mút lối đi bên cạnh, tại nơi này lối đi lại rút hẹp lại vì bàn xung tội. Cái mới là tên ngồi cạnh tôi bên phải, Benoit Clément, một tên ở Paris bị gia đình “tống” xuống Beauvais, vì chịu hết nỗi hấn tại thủ đô. Tên Clément này dễ dàng tạo được uy tín bên cạnh bầy dân ngu khu đen là chúng tôi bằng cách nó bày ra toàn những món dữ dằn hoặc nên thơ mà thôi - súng lục có hộp xoay la bàn, dao bấm nút, con lặn, quả bóng đánh gôn - và ngẫm nghĩ lại tôi tự hỏi phải chăng nhờ nó Nestor mới có được con quay trục nghiêng, món “đồ chơi tuyệt đối” theo cách gọi của hấn. Mà thật quả giữa hai đứa chúng nó đã có một sự vong đảng – nếu không phải là kết bạn - khiến cho Clément tự tiện phô bày với Nestor một cách điệu thân tình làm cho tôi khó chịu, vừa là vì ganh tỵ vừa là vì như thể một sự nhân nhượng hạ mình về phía thằng bạn thân của tôi. Người ta thường bắt gặp hai đứa đi đôi tranh cãi chuyện này chuyện nọ và bàn bạc mua bán trao đổi, và tôi chỉ có thể yên tâm khi tự nhủ rằng chắc Nestor đang khai thác triệt để các sở năng của tên mới đến và đặt nó vào lại vị trí tầm thường của nó chừng nào hết điều kỳ vọng ở nó.

Tự trung sự có mặt của Clément ở phía bên tay phải của tôi không phải là vô ích trong chuyện mua bán này, là vì khi thánh lễ vừa mới vào cuộc là hai đứa kề cạnh tôi xáp vào thương lượng ngay chồm lên người tôi, chẳng thèm để ý đến tôi, coi như tôi không có mặt vậy. Dĩ nhiên tôi không nghe sót một lời, hướng chỉ vụ việc không lấy chi làm mới mẻ và cứ đem ra tranh luận trước mặt tôi đã mấy hôm nay. Đề tài là quả lựu đạn hình quả chanh từ thế chiến 14 - 18 chế thành *quet lửa*. Tôi mang máng nhớ rằng Clément đem ra đánh đổi mười vụ miễn dịch, Nestor cho như thế là quá đáng và buộc ít nhất phải biểu diễn xem nó vận hành tốt không đã. Sau một lần bàn cãi, Nestor có nói với tôi: “Ta biết mà, quet lửa chẳng bao giờ quet được đâu”. Có điều là cần có xăng mới biểu diễn được. Mà chỉ có Nestor mới tậu được xăng.

Mọi việc tiến triển đến đó sáng chủ nhật hôm ấy, và đúng lúc dâng bánh lễ mọi thỏa thuận ngã ngũ tạo dịp cho tôi vâng lời Nestor chuyển cho Clément một chai xăng nhỏ. Lập tức Clément bắt tay vào việc bôi quả lựu đạn, nhét bông gòn vào trong, một thao tác công kỹ, bị ngắt quãng nhiều lần vì một tu sĩ canh gác đi tới đi lui giữa phòng. Nestor chăm chú để mắt vào các giai đoạn thao tác mà hẳn chịu trách nhiệm, và rất có thể hẳn đã ngăn được một tai biến, giá như cha bề trên của trường đang đàn thuyết giảng bài giáo lý khiến hẳn bỗng dừng chú ý đến độ như thể quên phức thằng Clément và luôn cả quả lựu đạn chanh với bình xăng. Những lời đầu tiên trong bài giảng của cha bề trên, tôi vừa tìm thấy lại chẳng mấy khó khăn trong tập *Tiểu luận* của Montaigne, cha đã trích từ tập này ra. Đó là giai thoại về Alphonse d'Albuquerque, anh chàng hảo hán người Bồ Đào Nha thế kỷ XV. Nhà giảng đạo ngọt giọng kể lể: “Albuquerque, trong cơn ngặt nghèo rủi may trên biển, sóc một đứa bé trên vai, chỉ với mục đích là chung đôi với nhau, sự vô tội của đứa bé có công dụng bảo bọc và dẫn dụ ơn trên cho y thoát hiểm”.

Sau lời giáo đầu ấy, cha bác qua một cách dễ dàng sang chuyện thánh bồng mạng của chúng tôi, câu chuyện lý thú về con người công chúa, được thưởng công, cây sáo mọc lá mọc quả”. Cha nói thêm là chẳng có gì cho phép ta nghĩ rằng Albuquerque nhớ lại chuyện thánh Christophe và muốn bắt chước thánh trong cơn hiểm nghèo, dù Christophe, như ta biết, là người bảo vệ cho người đi xa và đi biển. Không, điều có thể vừa đúng hơn cả vừa hay ho hơn cả, là gã hảo hán kia, cũng như vị thánh, đều thành toàn phần số của mình từ chung một cội, mỗi người một hướng vẫn làm động tác giống nhau: tự đặt mình dưới sự bảo vệ của đứa trẻ mà chính mình bảo vệ, cứu người và cứu mình, đèo một vật nặng, trĩu vai xuống, nhưng là vật nặng bằng ánh sáng, trĩu dưới sự vô tội!

Hôm ấy Nestor thốt lên nho nhỏ:

- Ông trả bài nhé. Ông chép ra giấy trắng mực đen rồi ông học thuộc lòng chứ gì. Cuốn sách này nhập vào mớ sưu tập của tôi thì cũng hay đấy!

Đến đây Đức cha kết câu chuyện Christophe Albuquerque với chúng tôi làm một.

- Vì tất cả các con ở đây đều đặt mình dưới hiệu kỳ của Christophe, cho nên từ nay và suốt đời các con phải biết vượt qua tội ác bằng cách ẩn núp dưới một lớp áo vô tội. Các con tên Pierre, tên Paul hay Jacques gì gì đi nữa, các con hãy luôn luôn nhớ mình đều có tên là Công Trẻ: Pierre Công Trẻ, Paul Công Trẻ, Jacques Công Trẻ. Và đeo thêm các gánh thiêng này, các con sẽ băng qua sông, qua đông bão, và qua luôn cả lửa tội ác.

Đến đây một đường lửa lan ra dưới vòm và bùng dậy thành từng mảng lung linh giữa vòm chính. Clément không dè rằng khi hắn nhồi nhét quả lựu đạn, hắn đã vãi ra một phần chai xăng xuống nền nhà. Khi bật đá lửa lên, hắn đã buông quả lựu đạn đầy ắp xăng phật lên như bó đuốc. Toàn thể người tham dự đứng lên hỗn loạn, trong khi bọn tu sĩ ngỡ như chứng kiến một sự hiển linh đều quỳ cả xuống. Con hoảng sợ lừa tất cả mọi người về phía cửa, lập tức cửa chật cứng không còn qua lọt. Clément ấn chiếc chai không vào tay tôi để rảnh tay với quả lựu đạn đang tiếp tục ọc ra từng vòi xăng lửa vừa lăn quay dưới các dây ghề. Tôi nhìn Nestor: hắn biến đầu không hiểu. Giọng oang oang của vị giảng đạo cuối cùng cất lên, ra lệnh cho chúng tôi phải bình tĩnh và lui về chỗ cũ. Sự tác hại thật ra không bao nhiêu, nhưng sợ thì nhiều. Lửa càng bốc càng chóng tắt và thiệt hại chỉ dăm cuốn kinh bén lửa. Vấn đề còn lại là thủ phạm. Ngón tay trở buộc tội của diễn giả chĩa về góc chúng tôi, truyền cho Clément và Tiffauges sẽ bị nhốt cho đến khi có lệnh mới, đứng lên đi ra khỏi hàng và quỳ giữa lối đi chính. Rõ ràng chúng tôi phơi mặt ra dưới mắt mọi người xì xào kinh tởm, bởi lẽ chúng tôi cầm trên tay các tang vật, Clément với quả lựu đạn, tôi với chiếc bình, góc gác mọi tội lỗi. Kế đó Cha bẻ trên, để chứng tỏ đẹp vùi biển cố, ông cất giọng đọc *to lời tin*, được lặp lại bằng giọng đồng thanh, lúc đầu ngập ngừng lưa thưa, nhưng mỗi lúc một đầy đặn thêm.

Giờ lễ hiệp thông, tôi thấy màn cửa xung tội lay động, và một bóng người dễ nhận diện từ đó lách ra trà trộn vào đám người đang tránh né Clément và tôi trên đường hướng tới dàn đồng ca. Nestor bước tới bàn thành, xẹt vào người tôi, đôi tay khoanh lại, cúi gằm chiếc cầm ba ngón của hắn xuống, toàn tâm toàn ý mặc niệm.

25.3.1938. Mỗi đêm tôi cố gắng rút bớt giấc ngủ bồi thường cho mình bằng những giờ giấc mơ mộng, đắm chiều, như là góc riêng duy nhất dành cho tôi trong nếp sống cộng đồng này, ở đây cái huyên náo của giờ chơi và giờ ăn chỉ dừng lại là để nhường chỗ cho những rục rịch ngấm ngấm tại phòng học tập thể và nhà nguyện. Không ai cấm cản việc dậy sớm đi vệ sinh, và vì vậy nếu thích tôi có thể cho phép mình dùng đỉnh ban đêm, khả năng này tôi sử dụng vừa phải thôi vì sự đụng đầu tên nào đó là thụ du của nhà ngủ, vì nhà ngủ nào cũng có đứa thụ du, như thể ở Tô Cách Lan lâu đài nào cũng có con ma riêng của nó.

Các biến cố quả lựu đạn và nguy cơ ra hội đồng kỷ luật cộng thêm tình trạng đơn độc sẽ bị nhốt, mọi thứ khiến tôi mất ngủ đêm ấy. Tôi đứng lên và luôn lờ lững giữa các lối đi giữa các dãy giường. Con ma của nhà ngủ, tôi thậm nghĩ mình đang bắt gặp nó đây khi nghe tiếng bước nhẹ nhàng, trong khi đó một bóng người to lớn tiến bước từng chặng chậm chạp, thanh tra bọn đang ngủ, cúi xuống đưa này đưa kia, rồi tiếp tục bằng một cách riêng. Chẳng cần quan sát lâu lắc, tôi nhận ra Nestor đang quấn lên mình một lớp áo bông dày làm nặng thêm dáng người của hắn. Chắc hẳn hắn cũng nhận ra tôi, chẳng thế mà sự đột nhiên của tôi chẳng làm cho cử động của hắn xao xuyến tí nào. Hắn cũng chẳng quan tâm đến tôi khi tôi ngang sát cạnh, có lẽ ngoại trừ mấy câu nhận định hắn thốt lên nho nhỏ mà hắn muốn chia sẻ với tôi thì phải, nhưng đúng hơn là nói cho chính mình:

- Ở đây đông đặc quá. Trò chơi vì vậy mất ý nghĩa. Sự chuyển động dừng lại ở vài dáng điệu, đành rằng dáng điệu khác nhau, nhưng chậm rãi quá. Mặc, đọc cho ra mấy khuôn mặt này đã. Trên đó hẳn phải có dấu hiệu tuyệt đối từ A đến Z. Nhưng tìm ở đâu bây giờ? Vội lại, giấc ngủ là sự đặc trưng giả hiệu. Tất nhiên tất cả chúng nó nằm đó, trần truồng, vô ý thức. Nhưng kỳ thật, một phần trong con người chúng nó, ta đâu có nắm. Chúng nó có mặt, đồng thời chúng nó vẫn vắng mặt. Bằng chứng là ánh mắt tất ngấm trên các khuôn mặt. Tuy nhiên bao nhiêu thân thể hâm hấp, phơi mở này, chẳng phải là tình trạng kết tụ lý tưởng hay sao?

Những ngọn đèn chong phơn phớt xanh nhả ra một làn sáng lơ lờ trên dãy giường nhỏ xếp thẳng như những ngôi mộ dưới ánh trăng, và hơi thở của hai đứa vì vu như gió thoảng trong hàng cây trắc bả. Không khí quyền quyền và bó rọ như trong chuồng bò, chẳng là các ông nông dân vùng

Picardie và vùng Bray là những ông đang cai quản chúng tôi, các ông ấy ghê sợ gió lò như là nguồn gốc của mọi thứ bệnh. Chúng tôi chân thấp chân cao hướng về phòng vệ sinh, không hiểu sao Nestor kéo tôi đi về hướng này như thế. Hắn chốt cửa lại và mở toang cửa sổ. Các mái nhà và tháp chuông của thành phố cắt rõ nét như thể được vẽ bằng mực tàu trên nền trời lân tinh. Hôi chuông của Saint Etienne rền rĩ ba giờ sáng. Đối nghịch với hơi hám trong phòng vừa rời xa, không khí trong lành ban đêm có vẻ buốt lạnh. Nestor hứng khởi, báo: “Sự kết tụ ứ đầy bí mật choáng người vì nó là sự sống, nhưng cái trong lành vẫn hay. Trong lành là hư vô. Đối với chúng ta nó có sức mê hoặc dữ dội vì chúng ta đều là con đẻ của hư vô”. Rồi hắn quay ngoắt lại tôi, oang oang cao hứng: “Lạ lùng chưa, chiếc cửa gỗ tôi tàn này chỉ vì một cái chốt vô nghĩa mà cách ngăn con người với hư vô!”

Cái chậu vệ sinh bằng gỗ ủ màu nằm tốt trên một thứ bục hai cấp, một cái “ngai” thực thụ nghêu nghện đồng đánh ở cuối phòng. Nestor day lưng lại phía tôi, chậm rãi bước lên cấp, như thực hành một động tác nghi thức. Lên đến chân ngai, hắn thả quần rơi xuống xếp đống dưới chân. Hắn thanh tra mặt trong của chiếc chậu, quơ chiếc chổi rơm móc trong một cái hộc hộp bằng sắt tây và ra công vừa đánh sạch vừa giặt nhiều lần chiếc cần tháo nước. Từ con người hắn, tôi chỉ nom thấy hai cái mông bạnh ra thêm vì cố sức. Điều làm tôi ngỡ người ngạc nhiên không phải là hình dạng kék xù - tôi thừa biết - mà là cái vẻ gân như là tinh thần của đôi mông. Nói thế nào bây giờ? Có một sự vô cùng ngậy đại trong hai cái hình dạng bán nguyệt ấy đang bị lệch dạng vì bao nhiêu ngón mỡ nổi lên khắp nơi, hơn thế nữa, một cái gì đó thoát nhìn vào có vẻ hoàn toàn xa lạ với con người của Nestor: đó là sự tốt bụng. Từ trước tới giờ, tôi bị đè bẹp dưới uy tín và quyền năng của Nestor, nhạy cảm với thái độ bảo bọc của hắn, xúc động theo những chăm chút phủ phê của hắn. Chính lúc này trông thấy mông của hắn, tôi lần đầu tiên đem lòng yêu mến hắn, vì tôi thấy ra những gì là vô phòng bị, là nét vụng về dễ bị thương nơi con người hắn.

Hắn thẳng người và quay lại. Phần trên của lớp áo ngoài của hắn xuống ngang rốn. Bên dưới phần bụng phình ra cùng với hai bắp đùi tạo thành ba mảng thịt trắng óng ả khuất lấp cả mẫu dương vật tí hon của hắn đang bị chèn vào các mép. Hắn đặt mình xuống ngai và tức khắc trông giống như một nhà hiền triết Ấn Độ, như một đức Phật tĩnh tọa đại từ đại bi. Tràng độc thoại đứt đoạn của hắn được tiếp nối. Hắn bảo:

- Tớ chẳng chống đối gì các chậu vệ sinh theo kiểu Thổ trong triều đình. Như thế là đúng hợp với sự bài tiết hàng ngày của số đông, có thể đó không phải là đám phàm phu, nhưng chắc chắn là đám ngoại đạo. Cậu hiểu cái khác nhau tinh tế ấy chứ. Chậu Thổ nó buộc phải ngồi chồm hổm, đây là một điều bất tiện nhưng mang đầy tính nhún nhường. Đó là một lối quý gói ngồng lên với hai đầu gối chỉ thiên chứ không phải chỉ địa. Cái chỉ địa chính là cái hậu như đang tìm cách tiếp xúc trực tiếp với đất, làm như thể đất có khả năng tiếp trợ bằng cách lấy hấp lực của mình hút lấy từ trong thân thể con người cái phần nào tương đồng với đất hơn cả.

Hắn đưa lên một ngón tay.

- Nói như thế không ôn mà phải nói: đất hút lấy cái phần nào trong thân thể con người là hình ảnh thăng hoa của đất nhào trộn với những mầm sống và lâu ngày áp ủ trong cái bầu nhiệt sinh vật của chúng ta. Phân không phải là cái gì khác hơn là đất có thêm tính sinh vật làm cho thứ đất ấy sinh động một cách riêng. Nhưng cái chậu Thổ từ trong ý nghĩa của nó là cái chậu tiêu thụ tức tốc vào trong phần đất khoáng vật của nó cái phần đất sinh vật mà ta bài tiết. Cái chậu thì chỉ biết vật chất. Mà con người tinh tế lại đặc biệt thích thú ngắm nhìn các hình thể được cái hậu xây dựng nên, mà cái hậu đôi khi cũng biết cách đúc nặn và kiến trúc luôn nữa. Cái khoái lạc đế vương nó bao hàm chiếc ngai vàng kèm theo sự yên tĩnh và phong thái ung dung trong đêm khuya thường đi đôi với nhau.

Im lặng hồi lâu. Một ngọn gió lọt vào cửa sổ làm chao động cái chóa đèn bằng tôn màu và đưa lại tiếng tàu lửa hỏn hển xa xa. Tiếp theo là im lặng cho đến khi cánh cửa bị lay động dữ dội vì ai đó ở ngoài muốn vào. Tôi hoảng hốt và quay quắt nhìn Nestor đang bất động như tảng đá. Sau một hồi lâu, hắn động đậy, đứng lên và nhìn sâu vào chậu. Hắn bình luận:

- Đêm nay, cái hậu có xu hướng trung cổ. Cậu nhìn mà xem, có hình tháp trung ương kèm theo các tháp nhỏ có góc cạnh được hai lớp thành bọc ngoài. Trung cổ và có thể nói là phong kiến nữa đây, trời ạ! Tuần trước mình để ra kiểu go tích màu mè. Hắn mơ màng nói thêm câu cuối như vậy vừa đưa tay đẩy lui cuộn giấy vệ sinh tôi chuôi cho hắn.

“Không, cậu ạ, đêm nay không khao đảng hoàng là đáng tiếc. Tôi có cất một cái thứ giấy hiếm có đầy nét chữ của một đầu óc thượng hạng mà tôi dành riêng cho dịp đặc biệt. Thật ra tôi không nghĩ mình dùng sớm thế này, nhưng rõ ràng không thể có đêm nào dùng xứng đáng hơn đêm nay.”

Hắn rút từ túi quần phía sau ra ba tờ giấy trắng ra trước mắt tôi. Tôi cũng sờ đọc mấy dòng đầu: “Albuquerque, trong cơn ngặt nghèo rủi may trên biển, xóc một đũa bé lên vai, chỉ với mục đích là chung đôi với nhau, sự vô tội của đũa bé có công dụng bảo bọc và dẫn dụ ơn trên cho y thoát hiểm”. Đúng là bài giảng của cha bề trên do chính tay người viết lấy. Đôi bàn tay thô kệch của Nestor vo lấy bài và nhồi nặn nó hồi lâu cho nhũn. Rồi hắn trao cho tôi và chống hai bàn tay lên miệng ngai ngóng chờ tôi thi hành phận sự.

Nestor chưa chịu buông tôi ra. Tiếp theo đó, hắn lôi tôi đi khắp đường ngang ngõ tắt qua các cầu thang phụ cùng các hành lang mà tôi bước chân qua lần đầu. Xuống tới tầng trệt, hắn dừng lại trước một chiếc tủ nhỏ thụt vào tường, mở tủ ra, bày lộ vô số chìa khóa lủng lẳng trên nhiều hàng đinh móc. Không lưỡng lự, hắn gỡ xuống ba chiếc, và tiếp tục lôi tôi đi, và lần này xuống dưới hầm. Đèn chong chẳng có. Tối mò. Cho đến khi hắn tảo tợn bật đèn, khiến tôi hết hồn, trong một phòng bếp ở sau xa. Kế đó, hắn xeo một cánh cửa nặng trĩch của tủ lạnh ra, và lôi ra bàn từng miếng pa tê, một đùi cừu, một tảng phô-mát và một xô mút mơ. Hắn phác động tác mời tôi, rồi không đếm xỉa đến tôi, hắn bắt đầu ngấu nghiến, chẳng cần mì, nước uống.

Tôi sợ, tôi lạnh, các thức ăn lợn cợn, và tôi thấp thỏm sợ hình phạt đang lăm le tôi. Nhưng sự hiện diện của Nestor khiến cho mọi vật mang một vẻ ma thuật hớp lấy mình. Tôi không nghĩ rằng trẻ con đều có khiếu thẩm mỹ phát triển mạnh. Tôi nghĩ người ta sẽ khám phá lắm điều kỳ lạ nếu như nảy sinh ý nghĩ điều tra trong đám trẻ xem chúng hiểu như thế nào là đẹp, là xấu. Nhưng đa số nhạy cảm trước cái uy của sức mạnh, lại càng nhạy cảm trước cái uy của sức mạnh bí mật, biến ảo, một thứ sức mạnh nó biết đề nặng xuống những điểm yếu của thực tế xám xịt làm cho cái thực tế lả tả từng mảng một phải lòi ra những cái quý báu bị che giấu. Nestor có cái năng khiếu này ở mức độ cao và hắn hớp hồn tôi quá kỹ đến độ tôi chẳng dám

hạch hỏi gì hấn về cách hành xử của hấn trong nhà nguyện và về hậu quả vụ quả lựu đạn đối với tôi.

Mãi đến khi tôi lui về giường mình, đêm hãy còn đen như mun, nhưng kèn sáng đã tò te trong sân trại lính ở gần. Tôi biết mình còn được thêm một tiếng đồng hồ nữa mới đến hồi ném mùi hãi hùng không tên của những hồi chuông và ánh sáng sẽ đến xé toang bóng tối dịu hiền của giấc sáu giờ rưỡi này.

Tôi đã hiểu rõ rằng Nestor sẽ không thể giúp được cho tôi một cách hữu hiệu nếu bị dính líu vào vụ lựu đạn chung với Clément và tôi. Đứng ra ngoài, hấn giữ được trọn tự do hành động và can thiệp. Cần gì, sự kiện hấn bỗng dung biến dạng vào lúc xăng bốc lửa và hấn không mở miệng kể từ biến cố ấy đã làm tiêu tan cái cảm giác an toàn của đời tôi kể từ khi hấn ra tay bao bọc tôi. Với lại, làm sao quên được rằng vai trò của tôi hầu như vô tích sự trong suốt cả câu chuyện này vốn chỉ liên quan tới Clément với hấn thôi, và chính tôi là kẻ chịu trận tại địa bàn của hấn đấy chứ? Chắc hấn chuyển hai đứa gặp nhau ban đêm ấy và sự mục kích sức lực và toàn quyền của hấn làm cho tôi phần nào lên tinh thần. Nhưng tôi cảm thấy mọi sự đổ vỡ trong tôi lúc thầy kỹ luật cho tôi biết ngay sáng ấy rằng hội đồng giáo sư sẽ nhóm họp ngày mai và quyết định về trường hợp chúng tôi sau khi triệu với từng đứa riêng. Do việc dốt riêng làm tôi tuyệt vọng, tôi mất hấn bình tĩnh và đành nghĩ đến sự trốn thoát hoảng loạn.

Việc bọn nội trú bỏ trốn là điều khó quan niệm với bậc làm cha đạo hạnh, và hầu như không có ai canh phòng ở cửa trường khi bọn ngoại trú ra về. Tôi lọt ra ngoài không mấy khó khăn và đi vòng qua ngôi nhà thờ Saint-Etienne, băng qua đường Malherbe rồi lao vào đường Tapisserie hướng đến nhà ga. Tại Beauvais tôi chẳng quen biết gì nhiều hơn. Tôi gặp may, vì chuyên tàu cuối cũng đi Dieppe khởi hành hai phút sau. Tôi sẽ không bị đuổi theo. Tôi mua vé đi Gournay và chui nhủi trong một toa tàu hạng ba, chắc mẫm mọi hành khách đều đọc thấy trên mặt tôi cả hai vết nhơ của tên bị giam cầm và tên đào thoát. Con tàu gặp đầu dừng đó, chạy lùi đủ bận, và phải mất hơn một giờ mới nuốt hết ba chục cây số từ Beauvais đến Gournay.

Suốt khoảng thời gian ấy, tôi nao nao tự hỏi sẽ nói sao đây với bố tôi khi đột ngột xuất hiện. Tôi khỏi lo điều này. Được trường Saint - Christophe báo động bằng điện thoại, bố tôi chờ tôi tại ga. Lần này vẻ mặt lạnh lùng suốt đời không lay chuyển của bố đối với tôi xem ra được việc. Ông như cái máy, ông dí mép râu của ông lên hai bên má tôi, rồi cho tôi hay rằng nếu còn một chuyến tàu nào về được Beauvais thì tôi đi ngay đêm nay, nhưng nếu đi chuyến bảy giờ mười lăm sáng mai, thì tôi vẫn kịp giờ họp hội đồng kỷ luật. Bấy nhiêu lời trong thái độ lạnh lùng, không có dấu vết giận dữ, cũng không bực rức. Về đến nhà, tôi thanh thần phần nào nhờ mùi vị thân quen của phòng xưởng nhưng nhà cửa ở tầng một hắt ra hơi hám nồng nàn từ nếp sống nhảm chán của một kẻ cô độc về già - những chi chút cố tật hòa trộn với những buồn lòng thảm hại - đến độ tôi cảm thấy mình xa lạ cũng giống như ở trường học dù tôi sinh ra và lớn lên ở đây. Đêm đến hãi hùng, trọn vẹn làm bằng ác mộng và những trần trở dằng dặc. Một hình ảnh ăn sâu vào trí tôi thành ra ám ảnh không thôi, đó là hình ảnh đám lửa vụt bùng lên quanh tôi trong nhà nguyện. Quả là lửa địa ngục, nhưng cũng là lửa giải phóng, và nếu như trường Saint - Christophe bốc cháy, nếu cả thế giới bốc cháy, thì khổ ải của tôi cũng tiêu tan theo luôn.

Cuối cùng tôi thiếp ngủ đi vào sáng sớm, đúng lúc ấy bố tôi đến lay giật tôi, và định kiến của tôi - là ngôi trường bốc cháy - chỉ chờ đợi tôi thức giấc là ập đến. Tôi cảm thấy hả hê như nhẫn, mừng rỡ luôn chính mình tiêu tan trong thảm họa mà không hề sợ hãi. Còn sự việc hỏa tai có khó bề xảy ra chăng, thì hình ảnh ấy được bù trừ một cách kỳ lạ trong trí óc tôi bằng mỗi một ý nghĩ rằng chỉ có cách ấy thôi tôi mới thoát nạn nổi.

Bố tôi báo cho tôi biết có một tu sĩ đón chờ tôi tại nhà ga ở Beauvais. Chẳng có ai. Tôi đã đoán là như thế thôi, tôi ước tính rằng tối thiểu một lần sự việc cũng nên lọt ra ngoài hướng dự đoán chứ. Chẳng vội vã, tôi đi lại trên những lối đi hôm qua, ngóng xem dấu hiệu gì đó trên mặt mày người qua đường.

Đường đến trường đông đặc một đám người lao xao mà mấy người cứu hỏa đang đẩy lùi để giăng các ống vào giữa lộ. Chiếc xe đỏ có cái thang dài được đưa tới phòng bị, nhưng không dùng tới, vì, theo lời người ta bảo, tai nạn phát ra từ dưới hầm, quả nhiên tôi nom thấy nhiều đám khói đen hăng hắc thoát ra lò lửng từ những ô cửa dưới hầm máy sưởi. Mấy ô kính của các

lớp nhỏ ngay phía trên đó bị đập vỡ, và người ta phân biệt phía bên trong toàn ngổ ngang bàn ghế, bảng đen cháy nám lờ mờ. Lại thêm nước cứu hỏa lênh láng góp phần thiếu não cho cả bãi thí nghiệm này. Người ta chỉ trở cho nhau chăm chặp vào một thứ miệng lửa cháy ra than mở toang hoác ở nền nhà đối diện với chỗ kê chiếc bục. Chính tại nơi đây ngọn lửa bị ủ một thời gian dài dưới hầm đã bùng lên như núi lửa. May lửa bắt cháy sớm bùng - có người xác định là đúng sáu giờ mười lăm - giờ ấy lớp nào cũng chưa có ai. Người ta khẳng định không có ai bị nạn. Thế mà cánh cổng vụt mở và một chiếc xe cứu thương lao ra vạch đường giữa đám đông. Khi xe vụt ngang gần tôi, tôi nhận ra khuôn mặt hốt hải phình phính của mẹ Nestor ngồi trong ấy.

Tôi lọt vào sân trường trước khi cửa đóng sập lại. Bao nhiêu đứa nội trú đều có mặt đó, tùm nãm tùm ba, bất động, nhỏ to với nhau. Người ta yêu cầu đám ngoại trú đưa nào về được thì về. Chẳng ai để ý tới tôi, và hôm ấy lần đầu tiên buộc lòng tôi có được kinh nghiệm rằng không ngờ bọn chúng nó có mắt chẳng thấy dấu hiệu riêng biệt trên con người tôi so với cả bọn. Như thế có nghĩa là người ta có thể không dè gì tới mối quan hệ sờ sờ, rành rành giữa vụ hỏa hoạn và số phận riêng tôi! Bọn người khờ khạo này vốn chờ chực đề bẹp tôi vì một chuyện tẹo nhẹp - mà tôi lại vô can nữa chứ! - e suốt đời không nhận ra, dù tôi to tiếng nói lên sự thật ngay vào mặt họ, rằng tôi có dự phần vào cái hình phạt đang bỏ xuống ngôi trường này!

Tôi kiếm Nestor. Tại sao mẹ hắn ngồi trong xe cứu thương? Hôm đó tôi biết được một điều quá thể. Buổi sáng hôm ấy bố của Nestor sai hắn xuống hầm đun than vào bình chứa nước nóng lúc năm giờ thay cho ông. Đây không phải là lần đầu tiên hắn chu toàn công việc này. Người ta trước sau không rõ sự việc thật sự xảy ra như thế nào. Hơn một giờ sau đó, ngọn lửa ra trong các lớp học trẻ con. Mấy người cứu hỏa đầu tiên lọt vào đường hầm đun nước nóng khênh lên thân thể của Nestor đã chết ngạt.

28-3-1938. Sáng hôm nay bỗng giật mình với ý nghĩ đến giờ thức dậy. Đồng hồ báo thức chỉ hai giờ kém mười lăm, nhưng nó đứng tù hờ nào. Tôi nhồm dậy với chiếc đồng hồ đeo tay trên bàn. Chiếc này cũng đứng luôn, và đôi kim chỉ hai giờ mười. Thế là phải điện thoại đến nơi báo giờ mới hay là đã bảy giờ.

Ngoài đường sương mù dày đặc. Tôi đã đỗ bên vệ đường chiếc xe Hotchkiss cũ kỹ để có thể phóng nhanh đến Meaux, tại nhà một khách hàng, trước khi mở tiệm xe của tôi. Khi tôi giật cần rờ máy, tịnh không có chuyển động nào: các bình điện cạn kiệt, có thể là do sương mù. Mà đồng hồ ở bảng máy vốn phải được châm điện đã đứng từ lâu rồi, và nó chỉ: hai giờ mười lăm.

Bao nhiêu trùng hợp đây chuyền lẽ ra làm tôi chột dạ giá như tôi không bắt quen với hiện tượng này. Nhưng đời tôi đầy rẫy bao nhiêu trùng hợp không giải thích được khiến tôi rắp tâm xem đó như bấy nhiêu *cảnh giác*. Không sao, đó là số mệnh nó hờm sẵn và truyền cho tôi không được quên sự hiện diện vô hình nhưng khó tránh của nó.

Mùa hè năm ngoái, tôi ngủ, mở rộng cửa sổ. Thức dậy tôi vặn đài phát thanh để ru mình bằng âm nhạc những phút đầu tiên trong ngày. Và quả nhiên âm nhạc trời dậy, lách tách, linh hoạt, tươi tắn, giậm giậm. Kể đó tôi sao chẳng theo một tiếng động vỡ òa ra phía mái nhà trên đầu tôi. Một đám chim, chắc hẳn chim khá lớn, xô xát nhau và chửi rủa nhau cuồng nhiệt. Tiếng động gia tăng, và tôi đoán những con đối đầu ôm nhau trượt trên mái tôn xuôi dốc. Cuối cùng một hòn xù lông lọt xuống bờ cửa sổ của tôi và rơi vào phòng. Đôi chim ác là kinh hoàng buông nhau ra và cũng lấy đà phóng qua cửa sổ tìm nẻo tự do. Đúng lúc ấy mấy hợp âm tắt ngấm và người nữ phát ngôn viên lên tiếng: “Quý vị vừa nghe đoạn mở đầu bản *Con chim ác là đánh cắp* của Rossini”. Tôi cười thâm trong tấm mền mỏng. Tôi nói khẽ: “Xin chào Nestor!”.

Cũng có khi là một sự đáp lời - thường có ý chế nhạo - đối lại một lời cầu xin kín đáo mà tôi vọt miệng. Chẳng qua, rốt cục, tôi vốn sống giữa bao nhiêu tín hiệu và lóe sáng, có thể tự cho mình là vận hên chứ sao?

Cách đây sáu tháng, gặp những lúc túng bấn, tôi có mua trọn một vé xô số quốc gia, miệng khấn khứa vẫn tất: “Hỡi Nestor, một phen xem sao?” Hừm, không thể nói là có ai nghe tiếng tôi! Vậy mà tôi đã được đáp lời. Đáp lời một cách lêu lêu. Vé của tôi mang số B953.716. Vé đem đến một triệu cho sở hữu chủ là vé mang số B617.859. Vé của tôi lộn ngược. Để cho

tôi một bài học vì muốn sàm sỡ lợi dụng ưu thế của mình đối với sự vắn xoay của vụ trụ. Tôi cáu giận, sau đó tôi cười xòa.

4-4-1938. Tờ báo *Volkischer Beobachter*, cơ quan chính thức của đảng cầm quyền Đức, tung ra một công thức: súng đại bác hơn là bợ. Đó là cách diễn ý *sự đảo ngược trầm trọng* dưới dạng thấp hèn nhất đang được thi thố khắp nơi. Súng đại bác hơn bợ, có nghĩa là, nói một cách cao sang, nói một cách dễ hiểu: Chết hơn sống, thù hơn yêu!

8-4-1938. Hãng Renault tung ra một loại xe hơi chạy hoàn toàn bằng than hoặc củi đốt. Những chiếc xe tải nặng một ngàn đến năm ngàn kilô và những chiếc xe ca có mười tám đến ba mươi một chỗ ngồi chạy thẳng bằng củi sau khi cháy được năm sáu phút. Một hệ thống thuần thực cho phép khí đốt được phát sinh khi xe xuống dốc dài và cho phép nhấn ga mạnh. Máy được trang bị bằng một bộ phận lọc đơn giản, không có vải, khỏi sợ bị bít hay bị rách.

Điều thật lạ là thời đại chúng ta từ nay sự tiến bộ nó đi *giật lùi*. Vài năm trước đây thôi, nếu xuất hiện những chiếc xe hơi bằng củi thì người ta đã bật cười. Rồi đây người ta sẽ đưa ra giới thiệu với chúng ta, như là kỹ thuật mới nhất, một động cơ chạy bằng rơm, và cuối cùng sẽ khoái chí khám phá ra chiếc xe ngựa.

8-4-1938. Tôi lưu lại ở trường Saint - Christophe cho đến mười sáu tuổi. Hạnh kiểm của tôi không chê trách được, các điểm số của tôi thì thê thảm. Tôi mang trên mặt mình một lớp mặt nạ hồn nhiên mà tôi không rời bỏ từ độ ấy, nhưng lớp mặt nạ ấy không bao giờ bị lung lay vì sự ra đi của Rachel, sự khám phá ra cách viết bằng tay trái và dăm ba dấu hiệu khác. Tôi quyết định xóa mình ra khỏi một xã hội vốn chỉ dành phần xấu cho tôi. Ngược lại, tôi không hề biết cách phấn son cho tâm hồn mình. Nó nôn ra tất cả những gì các ông thầy cho nó ngốn về mặt văn hóa. Đến cuối bậc trung học, tôi ngang nhiên mù tịt về Corneille lẫn Racine, nhưng tôi đọc thuộc âm thầm cho tôi những Lautréamont với Rimbaud, về Napoléon thì tôi chỉ biết giai đoạn thất trận tại Waterloo – đồng thời lấy làm giận bọn người Anh sao

không treo cổ kẻ bội tín -, nhưng tôi lại biết toàn bộ về các vị có danh phận của hội kín, như Cagliostro và Raspoutine, và nếu tôi có thăm dò quanh mình có bao nhiêu tín hiệu khả dĩ xuất hiện, tôi đã dẹp bỏ hết mọi thứ khoa học, bất luận văn học nào. Cuối lớp mười, hiển nhiên tôi sẽ không qua được tú tài. Các đức cha có hảo ý xếp tôi không thương tiếc vào đám học trò mà hàng năm người ta tổng khứ ra khỏi vòng các ngôi trường loại như thế này, chỉ cốt sao nâng cao số thi đỗ các kỳ thi. Thế là tôi lọt về Gournay-en-Bray nơi bố tôi ra tay mớm cho tôi nghề cơ khí của ông. Sự hiện diện của con người lạnh lùng này bao giờ cũng có kết quả làm rối mù suy nghĩ lẫn đôi tay của tôi. Cũng nên nói thêm rằng nếu tôi là đứa học nghề quá kém thì bố tôi làm thầy cũng chẳng khá hơn, bởi lẽ ông xưa nay làm lụng một mình chẳng buồn mở miệng dẫn giải. Mà rồi chẳng bao lâu tôi bỏ đi, tìm đến kẻ cạnh tranh với ông bố tôi, trong hàng sửa chữa xe hơi duy nhất của vùng Gournay. Nghĩa vụ quân sự ban cho tôi cơ hội “lên” Paris và phát hiện ra ở đây một ông bác, chủ nhân của một hãng sửa xe gần Ballon des Ternes. Ông bác tiếp đón tôi vồn vã và có ý ra ơn cho bố tôi mà bác tôi không gặp kể từ khi việc chia gia tài ông nội tôi làm cho bác và cha tôi gấu ó nhau. Tôi trở thành người bạn đường đầu tiên của bác khi tôi mãn nghĩa vụ và bác chết đi để lại hãng sửa xe ở Ballon cho tôi, năm năm sau. Như thế là sự việc ngẫu nhiên nó muốn tôi làm nghề như bố tôi, nhưng ở mức cao hơn, làm như thể tôi từng nuôi tham vọng leo lên vài nấc thang xã hội mà không trở mặt với truyền thống gia đình. Buồn cười thay cái vỏ bề ngoài ấy! Thật ra tôi hoàn thành nhiệm vụ - như tôi đã từng làm lính, như đã từng ném mùi đàn bà, như tôi trả tiền thuế - một cách nguội lạnh, như kẻ thụ du, mãi miết mơ tưởng mở mắt, mơ tưởng một sự đứt đoạn đến giải phóng cho tôi và cho phép mình cuối cùng là mình. Sự đứt đoạn ấy, bảo rằng tôi mơ tưởng hãy còn chưa đủ. Tôi đã bảo, chiếc mặt nạ run rẩy trên khuôn mặt tôi. Và trên hết mọi thứ là có cái bàn tay trái này, là sự lộ dạng đầu tiên của tên Tiffauges mới mẻ đã từ ba tháng nay viết nên những điều mới lạ với những chữ nghĩa mà bàn tay phải của tôi ắt tìm không ra. Có mùa xuân đâu đây. Mùa xuân, băng rã, băng tuôn tràn...

11.4.1938. 99,06% cử tri người Áo hôm qua bỏ phiếu thuận nhập nước mình vào nước Đức. Sự đồng tình lao xuống vực sâu của hầu hết mọi người ấy không phải là sự tác động của một lực ngoại lai nào quét sạch sức đề kháng đâu. Không phải, căn bệnh nó đâm rễ trong từng người, và đám đông

đứng trước hai nẻo sống chết phải chọn một, họ đã hô to “Chết! Chết!”, giống như bọn Do Thái đáp lời Ponce Pilate bằng tiếng “Barabbas! Barabbas!”

13.4.1938. Tôi nhỏ người và tong teo cho tới mười hai tuổi. Rồi bỗng cao lên thật nhanh, gần như không cân nặng thêm, đến nỗi con người gây guộc của tôi, lúc đầu chỉ thấy xấu thôi, sau đó thấy lộ bịch, thoát đầu trở nên đáng báo động. Hai mươi tuổi, tôi cao một thước chín mươi một và nặng sáu mươi tám kilô. Thêm vào đó, bệnh cận thị tăng vọt khiến tôi mang kính dày mãi thêm trông chưa chi đã giống miếng chai chần giấy khi tôi đến trình diện hội đồng tái khám. Bằng một cử chỉ tai ác chắc hẳn là vô tình, gã cai tuần là người chỉ đạo công việc bắt tôi lấy kính xuống rồi đẩy tôi ở trường trưng trực, mắt mù cảm, vào trong phòng “danh dự” của thôn đường. Tôi xuất hiện khiến cho mấy kẻ có máu mặt trong đám hương chính của Gournay ngòì làm vì sau bàn giấy phá lên cười. Điều gây cười nhất đối với họ, là “chim” của tôi tuyệt không cân xứng với vóc người tôi, một “chim” trẻ con tron tru. Vị bác sĩ địa phương thốt lên một từ bác học làm mọi người cười òa lần nữa vì nghe ra một điều tục tĩu cao độ: *teo chim*. Trường hợp của tôi được lôi ra thảo luận lâu lắc. Cuối cùng tôi suýt được miễn dịch, và được trưng dụng vào truyền tin, là binh chủng ít khắt khe về phương diện đặc điểm thể chất của tân binh.

Thêm một lần nữa, người ta đánh giá tôi lầm lạc, vì vừa mãn quân dịch một cách tạm tạm thể thôi, thì, như Nestor đã từng tiên toán, răng của tôi đâm ra lớn mạnh, tôi có ý nói rằng tôi ngon miệng muốn ăn lạ lùng làm cho dạ dày của tôi bắt đầu thót lên hằng ngày.

Lúc đầu bao giờ cũng giữa các bữa ăn con đói mới ập tới. Đột nhiên ngay tại xưởng hay trong phòng làm việc, một cảm giác trống không cồn cào trong bụng, cơn run làm rời rã tay và đầu gối, mồ hôi toát đầm hai bên thái dương, nước miếng ứa ra dưới lưỡi. Tôi buộc phải ăn, tức khắc, ăn một cái gì đó, không chậm trễ. Con đói ấy vào những buổi đầu bắt tôi chạy tới tiệm bánh gần nhất, người bán bánh sững sờ nhìn tôi ngòm ngoàm bánh nướng, bánh quai vạc hết cái này đến cái khác. Về sau, đến mùa đông, tôi để ý thấy những thùng ốc sò bày bán đầm mùi rong ướt trên vỉa hè bên cạnh một gã bán rượu. Người ta mới bày ra chuyện này để có cơ uống rượu vang

trắng nguyên chất đi đôi với ốc sò và phổ biến nó ra kể từ đó. Họ nạy cho tôi hai tá sò *Portugaises* số không và dọn ra cho tôi kèm một cốc rượu *pouilly fuissé*. Tôi say sưa hau háu cắn ngập vào lớp thịt mềm nhờn màu đục trắng, mần mẫn, pha chất i - ốt, cái chất tươi mát bọt biển của những cơ thể nhỏ bé đang thí thân mềm nhũn, vô hình đáng, cho vòm miệng chiếm đoạt ngay khi bị bóc ra khỏi các hõm cư trú xà cừ của mình, đó là một trong những phát hiện trong thiên hướng phạm ăn của tôi. Tôi hiểu rằng tôi sẽ thỏa mãn sự thèm ăn của mình một cách toàn vẹn hơn nếu tôi càng đến gần với lý tưởng là đồ ăn sống tươi tuyệt đối. Tôi tiến thêm một bước lớn một hôm được biết rằng loại cá trích tươi, mà thông thường người ta ăn chiên hoặc hấp, cũng có thể ăn sống và lạnh miễn sao nhà bếp chịu khó vảy, vì vảy khó bóc. Nhưng sự khám phá tối cao của tôi trong địa hạt này là món “bíp-tếch sống”, thịt ngựa thái nhỏ ăn sống với lòng đỏ trứng gà kèm theo mớ gia vị nặng nề bao gồm muối tiêu, dấm, tỏi, hành, nếm và nụ bạch hoa. Nhưng về món này cũng cần tiến bộ mới thỏa mãn được một đam mê ít người chia sẻ đến thế. Sau bao nhiêu bàn cãi với những người phục vụ tại tiệm ăn duy nhất vùng Neuilly có bán cái món ngược đời bạo tợn ấy, tôi được người ta giảm bỏ dần dà đến kỳ hết mọi thứ gia vị màu mè chỉ có nhiệm vụ che mắt chất tươi sống thẳng thừng của thịt. Và vì tôi cũng kỳ kèo về số lượng, nên chẳng mấy chốc tôi được phép vào buồng thịt tự thân xay lấy từng thớ thịt mà tôi mua ở một cửa tiệm thịt ngựa. Có thể tôi mới hiểu cái hấp dẫn từ bao giờ vẫn đến với tôi từ những quây thịt và những mớ thịt vốn bày ra trước mắt mọi người cái chất bóc trần hăng nồng vạm vỡ của mấy con thú bị lột da, những khối thịt rờn rờn, những miếng gan nhầy nhớt mang về kim khí, những buồng phổi ửng hồng như miếng xốp, cái cơ thể phía trong đỏ chót phải bày ra giữa hai chiếc đùi ngựa chành bạnh thô tục, và nhất là các mùi mỡ nguội lạnh và mùi máu đông sệt phát phừng bên trên lớp tường sát sinh này.

Cái khía cạnh ấy của tâm hồn tôi mà tôi phát hiện chẳng bắt tôi lo lắng chút nào. Khi tôi bảo “tôi thích thịt, tôi thích máu, tôi thích thịt”, chỉ có cái động từ thích là đáng nói. Cả con người tôi là toàn thích. Tôi thích ăn thịt vì tôi thích loài vật. Thậm chí tôi nghĩ mình có thể đưa tay ra cắt cổ và ăn triu mển ngon lành một con vật do mình nuôi và chung sống. Tôi sẽ ăn thịt với một ý vị sáng suốt hơn, sâu thẳm hơn là ăn một con thịt vô danh, không riêng biệt. Đó là điều tôi đã mất công diễn giải cho cái cô ngốc là Toupie vốn ăn chay vì ghê sợ các lò sát sinh. Sao có nàng chẳng hiểu cho rằng nếu

ai nấy giống như cô thì đa số gia súc biến mất hết trong cảnh đói, có phải buồn chết không? Chúng sẽ biến mất giống như con người cũng đang trên đà biến mất theo nhịp chiếc xe hơi giải phóng con ngựa thoát cảnh đói.

Nói tóm lại, chất lượng con tim tôi có thể được chứng thực - nếu được – bằng một sở thích khác nữa, đó là sữa. Lối thưởng thức của tôi tìm lại được mức độ tinh vi khởi thủy bằng thịt không nấu chín và không gia vị, và biết cách khám phá vô vàn mức độ tinh vi dưới hương vị bề ngoài nhạt nhẽo của thức ăn sống, nó có dịp thao diễn trong chất sữa là chất đã trở thành khá nhanh chóng thứ nước uống duy nhất của tôi. Ở tại Paris ta phải đi xa mới tìm ra một tiệm sữa với loại sữa không bị thủ tiêu vì các lối khử trùng và khử chất thô tục kia! Thật ra, ta phải đi tới nông trại, đi tới con bò sữa, ngay cội nguồn chất lỏng ấy vốn đồng nghĩa với sự sống, sự ngọt ngào trẻ trung, đang bị trừ dập vì bọn vệ sinh học, bọn nghiệt ngã, bọn cớm cùng với đủ thứ đầu trâu mặt ngựa! Phần tôi, tôi thích thứ sữa còn vắt vương những mùi chuồng bò kèm với lông bò và cọng rạ, là những dấu hiệu của sự chính thống.

Hai kilô thịt sống cộng với năm lít sữa hàng ngày dần dà không khỏi biến dạng con người tôi, cùng với những quan hệ của tôi với thể xác. Hôm nay, nếu tôi có một khuôn mặt khó coi, thì tôi lại hài hòa với thân thể tôi. Mặc dù tôi xấp xỉ một trăm mười kilô, đôi chân tôi luôn luôn dài khô và cân xứng. Giai do tất cả sức mạnh của tôi dồn tụ lại ở vùng hai đùi to mạnh và tấm lưng u nấn của tôi, các cơ bắp phía lưng dồn quanh hai bên bả vai tạo thành một chiếc bị hai túi có vẻ nặng nề khó thở. Trong các tư thế và dáng bộ thường ngày, bao giờ tôi cũng có vẻ gập người xuống dưới sức nặng riêng của cột sống. Kỳ thật, nếu cần, tôi nhắc phần trước hoặc phần sau của chiếc xe Rosengart hoặc của chiếc Simca V như một chiếc lông vậy.

Rachel là người vốn dùng kính lúp quan sát tôi nên chỉ hiểu mọi thứ đặc điểm trên cơ thể tôi - kể luôn cả và tất nhiên là đáng kể trước tiên cái tình trạng teo chim của tôi - và chưa hề bỏ lỡ một cơ hội nào để cười cợt sự thể ấy. Tựu trung, nàng bảo, anh có một cơ thể như kẻ khuân vác, thậm chí của một con vật chở đồ nặng. Một con ngựa khỏe, anh nghĩ sao? Hay đúng hơn là một con la, vì người ta bảo giống la không sinh con.

Nàng cũng thích hành hạ tôi về chỗ xương hõm xuống giữa ngực tôi, và bọn bác học giả hiệu ở đại học gọi tên là “cái phễu giữa ực”. Cuối cùng, quá trí, một hôm tôi kể cho nàng một mẩu chuyện mà nàng trở mắt thán phục lắng nghe. Tôi bắt đầu kể:

- Hấn là Thần hộ mệnh của anh. Anh định bụng làm một điều cấm kỵ. Hấn ra mặt ngăn cản. Cả hai cãi cọ nhau, anh toan tát tai hấn. Hấn đánh trả một phát vào ngay ngực anh. Một quả đấm thiên thần. Một quả đấm cứng nặng hơn cảm thạch. Một quả đấm bằng đồng. Anh ngã ngửa người ra ngất thở. Giá như quả đấm là thuần *vật chất*, nó đã giết chết anh rồi. Nhưng đây là một quả đấm thiên thần, bao bọc chung quanh bằng những chiếc lông vũ trắng của trí tuệ, như một chiếc bao tay quyền Anh lột lông mao trí tuệ. Anh đứng lên nhưng kể từ đó, anh mang dấu vết ấy, chỗ hõm trên ngực mà bọc quanh là cơ bắp ngực, nở lên như những hòn bun cứng, gân guốc, như những chiếc vú nhỏ, khô cằn tuyệt vọng. Vội lại đôi khi anh thở mệt, dường như thể cú đấm cảm thạch chưa chịu buông tha anh và lấy hết sức đè nặng xuống lên ngực anh. Riêng với anh, anh gọi tên sự khó thở này là sự *đè nặng thiên thần* hay nói gọn hơn là *thiên thần*.

Nàng nghiêm giọng hỏi đi hỏi lại khiến tôi ngạc nhiên:

- Nhưng anh có chắc là do thiên thần hộ mệnh của anh không?

- Đôi khi anh có ngờ vực thật đấy, tôi đáp, và anh tự hỏi không biết chừng là thiên thần hộ mệnh của một kẻ nào khác chiếu mạng sai lạc xuống con người anh chẳng. Hay là thiên thần hộ mệnh của em ư? Hoặc của một đứa bạn cùng chung ký túc xá với anh và nay đã chết.

Nàng hỏi thêm:

- Nhưng mà này, điều cấm kỵ mà thiên thần ngăn cản anh thực hành là điều gì vậy?

Về phương diện thiên thần đó là bệnh trạng độc nhất của tôi. Mà có phải là bệnh không đã? Dăm ông bác sĩ khám cho tôi chẳng tìm thấy trong tôi có cái gì bất thường cả và tha hồ đoán già đoán non một cách kỳ cục. Khi tôi

ngỏ lời với một ông trong bọn họ xem thử có liên quan gì giữa sự khó thở và cái hình phễu giữa ực của tôi, ông ấy nhất quyết lắc đầu.

Tôi nói rõ thêm:

- Có thể không phải là một tương quan nguyên nhân hậu quả mà một tương quan giữa biểu tượng và vật dùng làm biểu tượng chăng?

Dù sao đi nữa nhờ có thiên thần, tôi gán ghép vào đời sống hô hấp của mình một ý nghĩa cơ bản. Nhờ có đời sống này, buồng phổi của tôi thoát khỏi đêm trường tuyến hạch để ra ngoài cái ánh sáng lờ mờ của tảng phủ, hơn thế nữa, trong những trường hợp cực đoan ấy, đó là cơn bồn chồn khó thở vật tôi xuống đất chống chọi với một vòng siết vô hình cố sát, nhưng cũng là cái hít thở dài sâu bổ khoét thu hút toàn bộ bầu trời đầy én và tiếng đàn thụ cầm đang cắm thẳng vào buồng phổi tôi chiếc rẽ chia ra hai nhánh.

14.4.1938. Có cần nói rõ nhờ ai tôi có được cái sức mạnh đáng gờm mà vô ích tích tụ trong đôi vai và hông tôi không? Dĩ nhiên là thừa kế của Nestor. Nếu như bán tin bán nghi về việc này, thì cái cận thị nặng nề mà hẳn nhượng thêm cho tôi như để chính thống hóa việc thừa kế cũng đã đủ thuyết phục tôi. Chính sức mạnh của hẳn làm căng phồng cơ bắp của tôi, cũng như trí óc hẳn dẫn dắt bàn tay trái của tôi. Cũng chính hẳn là kẻ nắm được cái bí ẩn của sự đồng lõa thâm kín buộc chặt số phận tôi với dòng đời, sự đồng lõa thể hiện lần đầu tiên trong vụ hỏa hoạn tại trường Saint – Christophe và kể từ đó cứ nhắc nhở tôi bằng cách lấp ló ẩn hiện hầu như bao giờ cũng lững lờ. Đó là bấy nhiêu điều cảnh giác đánh thức cái bí ẩn sâu kín nhất và đen tối nhất của đời tôi trong khi chờ đợi Ngày Vui Lớn sẽ phanh bí ẩn ra ánh sáng.

15. 4. 1938. Sáng hôm qua, lễ thánh ngày thứ năm tại giáo đường Đức Bà. Tôi chỉ bước vào nhà thờ, chỉ đi xem lễ nếu có những tình cảm *lẫn lộn* thích hợp. Bởi dù có lầm lẫn, Luther vẫn có lý khi tố cáo sự có mặt của quỷ Xa tăng trên ngai của thánh Phê rô. Cả một hệ thống thứ bậc đều theo đuôi Ngạ Quỷ và trang tráo khoác lớp áo quỷ dữ trước mắt thiên hạ. Có mù mắt u mê mới không nhận ra cái phô trương của mọi thứ xa hoa tôn giáo, sự huê

dạng kệch cỡm của Xa- tăng, những chiếc miện hình mũ tai lùa, những cây trượng như bao nhiêu dấu chấm hỏi, là những biểu tượng của hồ nghi, của ngu muội, bao nhiêu vị hồng y sủng sính trong lớp áo tía trông giống như con Điem đỏ trong thiên Mặc thị, và tất cả bộ sậu của thời La Mã, chiếc que tua đuôi ruồi và ngự uy của Giáo hoàng chót vót trong điện thờ thánh Phê rô với cả một cái tàn tán thô kệch của điêu khắc gia Bernin thòi xuống bốn chiếc gọng và chiếc bụng voi phệ phủ lấp bàn lễ như để vào hùa với nhau.

Tuy nhiên không có cái gì có thể che bít hoàn toàn làn ánh sáng nhợt nhạt rót nhẹ xuống cả cái đồng rác rưởi ấy, bởi lẽ nếu Xa - tăng có vồ vập thừa hưởng thánh kinh Tân Ước đi nữa, thì mọi thứ ánh sáng đều xuất phát từ đấng Kitô, và các ông linh mục buộc lòng cần đến thứ ánh sáng ấy trong khi vẫn chế giễu giáo lý của người. Vì vậy không phải là ta ít khi thấy một vệt sáng len lỏi qua cả một rừng gian dối tội lỗi ấy, và trong nỗi đợi chờ tia sáng ấy tôi vẫn đến với lễ đạo nhưng càng ngày càng thưa thớt.

Buổi xem lễ cử hành trong bóng âm u của ngày thánh thứ sáu và nặng nề tĩnh tâm hơn là hào quang chiếu rọi. Sau kinh *Lạy Chúa*, chuông đồ làm cuối trước ngày thành thứ bảy. Tiếp đến là bài thuyết giáo có đệm đàn theo dòng nhạc một tấu khúc của Bach.

Lạy Cha tha tội cho con, chẳng qua mỗi lần nghe nhạc chính thức, giàn nhạc ống, vang vang giọng vàng trịnh trọng, là tôi trở về với những con ngựa gỗ hội chợ ở Gournay - en - Bray. Giàn quay nhai đi nhai lại cùng một điệu nhạc sôi nổi, tang tóc. Bầy trẻ con kẹp chặt mấy chiếc đuôi trần vào hông ngựa đánh loáng và chông vó nửa vời đang hăm he ngược lên trời, hàm há hốc và mắt nổi loạn. Đoàn trẻ con la đà một thước cách mặt đất, bay bổng theo tiếng kèn đồng của giàn đàn ống oang oang như bão táp, đúng là nhạc xưởng thợ, bao nhiêu ống xả hơi, ống đồng, trống bập, một ràn ống đan qua chéo lại, kèm theo một nữ thần của Âm ty với đôi vú đồ sộ và ánh mắt thất thần đưa tay đánh nhịp dứt khoát và chính xác. Kỷ niệm vốn khoác lên mọi thứ đã khuất một vẻ tinh thần nên chỉ đã biến trường ngựa đua ấy thành một tấu khúc giản nhịp, và trong làn ánh sáng của kính hoa chòn vờn khói nhang ấy, tôi hình dung đang quay tròn, quay tròn những đứa bé con của những năm mắt hút...

Tôi chìm ngấm vào cơn mơ đến độ giật mình theo Thánh kinh cùng Lễ rửa chân tiếp theo đó. Mười hai đứa bé đồng ca ngồi ở cánh gà, đứa trước đứa sau, để lộ ra dưới lớp áo lễ mấy bàn chân trắng để trần hiện ra rõ nét một cách đáng yêu giữa cái không khí tung bùng trịnh trọng. Đức ngài Verdier quỳ gối tuân tỵ trước mặt từng đứa bé. Từ một chiếc bình bạc, ngài nhỏ vài giọt nước xuống một bàn chân trần, lau chân ấy bằng một tấm khăn, rồi hạ mình và hạ luôn bụng phệ của mình cúi sát đất hôn chân. Sau cùng để cảm ơn em bé, ngài cho nó mẫu bánh với một đồng tiền - như ở nước Đức cổ xưa sau đêm tân hôn người ta tặng cho người vợ mới của mình món quà buổi sáng sau đêm tân hôn. Bọn trẻ phản ứng khác nhau trước vinh dự ấy. Đứa thì nháo nhác nhìn quanh, đứa lại cúi mặt lặng lẽ, đứa tôi thích hơn cả là đứa có khuôn mặt thiên thần thì mím môi lại cho khỏi bật cười tràn.

Hình ảnh ấy đi vào mãi mãi trong trái tim tôi, hình ảnh ông cụ vàng bạc và áo tía đầy mình ấy, cúi sát sạt đặt môi lên chân trần của đứa bé. Và dù Giáo hội bày ra nước mắt tôi những vết ô nhục nào đi nữa, tôi sẽ không quên câu trả lời rất sâu Sắc, rất cao mà Giáo hội đã đưa ra sáng hôm qua đối với câu hỏi của Nestor, hai mươi năm trước đây, hai ngày trước khi hắn chết.

20.4.1938. Hạnh phúc ư? Trong hạnh phúc, có tiện nghi, có tổ chức, có ổn định được tổ chức, là điều xa lạ đối với tôi. Khổ sở là cảm thấy cái giàn xây hạnh phúc lung lay vì những trớ trêu của số phận. Nếu theo nghĩa này thì tôi yên ổn. Tôi khỏi bị khổ, vì tôi không có giàn xây. Bản thân tôi là con người của nỗi buồn lẫn nỗi vui. Sự hàng hai này có đôi lập với sự hàng hai khổ sở hạnh phúc. Tôi sống trần trụi và đơn độc, không gia đình, không bạn bè, để sống con tôi làm một nghề quá thấp kém đối với sức mình đến nỗi làm thì làm chứ nghĩ thì nó chẳng hơn gì sự tiêu hóa hay hít thở. Cái khí hậu tinh thần của tôi thường là một nỗi buồn đen như mun, đục mờ và đầy bóng tối. Nhưng cái màn đêm ấy lắm khi được xuyên thủng bằng những cơn vui vụt chợt, bất thần và run rủi, chúng tàn lụi tức thì, nhưng không khỏi để lại cho tôi đôi mắt đầy ngấn lân tinh ánh vàng nhún nhảy.

6.5.1938. Sáng hôm nay, ở trang nhất tất cả các nhật báo, người ta đăng tải các chân dung của nội các mới. Một hàng hiện trưng bày lạ mắt và bày

mùi chết chóc. Cái chất ti tiện, bì ổi và dốt nát hiện thân muôn màu muôn vẻ trên hai mươi khuôn mặt ấy - mà người ta đã có dịp chiêm ngưỡng hai chục lần trong những chuyến “lắp ghép” khác. Đa số có tham gia vào nội các trước đây.

Bạn nên nghĩ tới một bản “hiến pháp ảm đạm” có phần nhập đề gồm sáu mệnh đề sau đây.

1. Tính chất thánh thiện là tính chất của cá nhân đơn độc không có quyền lực thật sự.

2. Ngược lại quyền lực chính trị đều thuộc cả về Ông Lớn. Tất cả những kẻ thi hành quyền lực này đều chịu trách nhiệm mọi thứ bất công của tập thể xã hội, tất cả những tội ác hàng ngày diễn ra nhân danh quyền lực ấy. Bởi thế cho nên kẻ phạm pháp lớn nhất của một quốc gia là kẻ nắm giữ chức vụ cao nhất trong hệ thống thứ bậc chính trị. Tổng Thống của nền Cộng Hòa, và sau ông, là những bộ trưởng và sau họ là tất cả những chức sắc của tập thể xã hội, các luật gia, các vị tướng, các bậc cao cấp trong tôn giáo, tất cả đều là những kẻ giúp việc cho Ông Lớn, tất cả là những biểu tượng sống của một bãi sinh lầy mang tên là Trật Tự an bài, tất cả đều phủ máu me từ chân lên tới đầu.

3. Phục vụ cho những nhiệm vụ đáng kinh tởm này, các cơ quan sẵn sàng chinh đốn một cách hoàn hảo. Để đáp ứng với nghề nghiệp bỉ ổi hơn cả, một ban được tuyển chọn lãnh trọng trách tìm lấy trong các đội ngũ rác rưởi được thanh lọc để chọn lấy đội ngũ tinh vi hơn cả mà quốc gia có thể cung cấp. Điều rõ ràng là từ một hội đồng bộ trưởng, từ một hội nghị tôn giáo, từ một cuộc họp quốc tế tối cao, bầy ra một mùi thây ma làm bay xa những con kênh kênh dày dạn hơn cả. Ở một bình điện khiêm tốn hơn, một hội đồng quản trị, một bộ tư lệnh, cuộc hội họp của một tập thể nào đó được thành hình toàn là những mớ người ô trọc mà một con người lương thiện ở mức trung bình cũng không thể nào lui tới.

4. Ngay khi một người soạn thảo ra luật, là nó đã tự đặt mình ra ngoài vòng pháp luật và cùng một lúc lọt ra ngoài vòng bảo vệ của luật. Bởi vậy đời sống một kẻ thi hành một quyền lực nào đều có giá trị không bằng một con gián hay một con rắn. Tính cách bất khả xâm phạm của nghị viên nên

trở thành một sự *nghịch đảo nhẹ nhàng* cho phép mỗi công nhân sử dụng tính chất ấy để bắn ngay khi bắt gặp và không cần giấy phép sẵn bắn vào bất cứ chính khách nào xuất hiện ở đầu súng của mình. Mỗi cuộc ám sát chính trị là một công trình lành mạnh về tinh thần, và làm cho Đức Mẹ cùng các thiên thần trên thiên đàng mỉm cười hân hoan.

5. Nên thêm vào hiến pháp 1875 một điều khoản chiếu theo đó tất cả thành viên một chính phủ bị lật đổ sẽ bị xử bắn không được văn hồi và không gia hạn. Điều không thể quan niệm được là những con người không còn được quốc gia tín nhiệm không những được quay về vô tội, mà còn tiếp tục sự nghiệp chính trị của mình điếm thêm một vòng hào quang do công việc vỡ nợ ấy mà ra. Lối giải quyết ấy sẽ có ba cái lợi là lau khô cái ung nhọt thối rữa nhất của quốc gia, tránh được sự quay trở lại của mấy bộ mặt ấy trong những chính phủ kế tiếp, và đem đến cho đời sống chính trị điều hiềm hoi hơn cả: cái không khí nghiêm túc.

6. Bất cứ ai đến phải biết rằng, khi tự nguyện khoác một bộ đồng phục nào đi nữa, nó tự chỉ định mình như người của Ông Lớn và rấp ranh bị những người đảng hoàng trả thù. Luật pháp phải xem như là những con thú hôi hám có thể sẵn bắn bất cứ mùa nào những bọn người như cốm, linh mục, canh gác quảng trường, và ngay cả những ông hàn.

13.5.1938. Sự nghịch đảo nhẹ nhàng. Nghĩa là phục hồi ý nghĩa các giá trị mà sự nghịch đảo nặng nề trước đó đã đảo lộn. Xa-tăng, chủ nhân của cuộc đời, được trợ giúp bằng lũ cai trị, lũ người làm luật, các cấp trên trong tôn giáo, các tướng lãnh và cảnh binh, nó chìa tấm gương soi ra trước mặt Chúa. Vì do nó thao tác, phía phải trở thành phía trái, phía trái trở thành phía phải, cái thiện gọi là ác, và cái ác gọi là thiện. Xa-tăng thống lĩnh các thành phố, điều này thể hiện ở nhiều dấu hiệu, chẳng hạn vô số đại lộ, đường phố và quảng trường lưu danh các vị võ biền chuyên nghiệp, tức là nhưng kẻ giết người chuyên nghiệp, tất cả toàn là chết trên giường, vì đúng chất của Xa tăng thì không khỏi có một phần kịch cỡm, đó là vết tích của Xa tăng vậy. Ngay cái tên xấu xí là Bugeaud, một trong những tên lái thịt gớm ghiếc nhất của thế kỷ trước, nó làm ô danh những đường phố trong nhiều thành phố ở Pháp. Chiến tranh là cái tệ nạn tuyệt đối, là một thứ được tôn thờ một cách quý quyết và khó lòng tránh khỏi. Đó là một kinh lễ ám muội mà Ông Lớn cử hành giữa thanh thiên bạch nhật, và những thần tượng máu me đầy mình được các đám đông mê muội quỳ gối tôn thờ là những thần tượng mang những tên như: Tổ Quốc, Hy Sinh, Chủ Nghĩa Anh Hùng, Danh Dự. Địa điểm linh thiêng để cúng bái là điện Cựu Chiến Binh sừng sững giữa Paris với một khối cầu vàng to tướng và phình phính nhờ những hơi hám của cái Thây Ma để chế và của một số kẻ giết người phụ họa chết rũ tại nơi đây. Ngay cả công việc tàn sát ngốc xuẩn của thời kì 1918 cũng có những nghi thức của nó, đó là cái bàn thờ nghi ngút đặt dưới Khải Hoàn Môn, đó là những kẻ cúc cung tận tụy, cũng như nó có những thi sĩ riêng cho nó, là Maurice Barrès và Charles Péguy đem hết tài năng ảnh hưởng của mình phục vụ cho căn bệnh kinh phong tập thể 1914, và đang được nâng lên hàng phẩm trật *Những Kẻ hết Lòng Lột Da Tuổi Trẻ* - còn có nhiều kẻ khác nữa, tất nhiên.

Việc tôn thờ cái ác, khổ đau và chết chóc dĩ nhiên đi liền với sự căm ghét đời sống tốt đẹp. Tình yêu – trừu tượng hóa - bị hành hạ triệt để một khi trở thành cụ thể, có hình thù và bị đặt tên là tình dục, dâm dục. Cái nguồn suối hoan lạc và sáng tạo ấy, cái của cải tối cao ấy, cái lí do tồn tại của tất cả những gì toát ra sự sống đều bị truy đuổi bằng một nỗi căm ghét kỳ quái của cả một lũ trí thức, vừa lương vừa giáo.

T.B. Một trong những đảo lộn nặng nề, cổ điển hơn cả và giết người hơn cả đã khai sinh ý niệm *trong trắng*.

Trong trắng là bệnh đảo lộn nặng nề do tính hồn nhiên mà ra. Hồn nhiên là sự yêu người, vui tươi chấp nhận những dưỡng chất trên trời và dưới đất, không biết đến cặp phạm trù yêu nghiệt là trong trắng và không trong trắng. Từ tính cách thánh thiện tự nhiên và như thể bẩm sinh ấy, Xa-tăng đã chế biến thành một thứ mô phỏng gần giống như vậy mà thật ra là nghịch đảo: sự trong trắng. Trong trắng là kinh tởm đời sống, ghét bỏ con người, là sự say mê hư vô một cách bệnh hoạn. Một cơ thể *trong trắng* về mặt hóa học là một cơ thể đã chịu đựng một sự điều trị man rợ để đạt tới cái tình trạng phi tự nhiên cùng cực ấy. Con người nào bị loài quỷ trong trắng dẫn dắt đều gieo rắc hoang tàn và chết chóc chung quanh nó. Sự tinh tấn trong tôn giáo, sự thanh lọc về chính trị, chủ trương bảo tồn sự tinh ròng của dòng giống, đó là vô số những biến dạng của chuyên đề ác độc ấy, nhưng tất cả đều đơn điệu hướng đến vô vàn tội ác mà công cụ được ưa chuộng là ngọn lửa, biểu tượng của trong trắng và biểu tượng của địa ngục.

20.5.1938. Tại nhà của Karl F., anh chàng này có một chiếc máy nhận hiệu Mỹ có thể ghi âm – rồi mở ra nghe lại – tất cả những tiếng động thu vào một chiếc micro di động nhờ một sợi dây rất dài. Anh cho tôi nghe đủ loại tiếng nai kêu trong cơn động cồn có sức gợi cảm kỳ lạ, đó là tôi không nói rằng mình tìm thấy trong đó một sự ám chỉ một vài tội ác của tôi. Anh có kể lại cho một vị giáo sư điều học ở viện bảo tàng nghe những tiếng chim thu băng, ông này chỉ có khả năng xác định chắc chắn những giọng chim được nhạy tiếng do một diễn viên nhà hát huýt sáo miệng mà thôi. Còn các tiếng hát chính hiệu, thu âm khó khăn trong thiên nhiên, ông cho là khó nghe, không đáng chú ý, tóm lại đều hỏng tuốt.

Karl F. tuyệt nhiên không đề gì đến cái ấn tượng gây cho tôi do một cuộn băng cuối cùng mà anh dành để sau rốt. Cuộn băng này chỉ là tiếng huyền não đập dềnh lên mãi của một đám đông nóng nảy, bất bình, nổi giận, rồi điên tiết. Có thể dưới cửa sổ của F. không hề có cái thứ quái vật ngàn đầu này, quái vật la lối giận dữ, tru tréo cầu cứu bất kể giết người, hô to lên bầu trời lời căm ghét vang dội xen lẫn vào tiếng loảng xoảng của ô kính vỡ do đá ném lên? Mà nhất là có thể nào cái đợt sóng cuồng nộ này lại không

xối xả vào riêng tôi? Tôi toát mồ hôi bồi hồi lạnh giá và mặt mày chắc là xanh lét. F. cuối cùng nhận ra. Anh hỏi tôi có sao không, từ lúc ấy đến cuối buổi, tôi đã rút ngắn lại tối đa, anh quan sát tôi lo lắng.

Làm thế nào giải thích được với anh rằng tôi sống sót đây là nhờ người ta hiểu nhầm cho tôi chỉ là một tên sửa xe mờ nhạt ở cửa thành Ternes, nhưng làm thế nào để giải thích với anh rằng nếu như người ta ngờ ngờ rằng tôi chất chứa một sức lực tâm tối nào đó thì tôi lập tức sẽ bị đám đông bức hại? Bản thân tôi cũng khó lòng quan niệm điều bí ẩn này của số phận mình: Một hôm nào đó thời tôi còn nhỏ, một chiếc đĩa thần đã chạm vào tôi mà hiệu quả là hóa thân một phần con người bằng da, bằng thịt thành ra tượng cẩm thạch. Và kể từ đó, tôi đi đó đây, người tôi nửa thịt nửa đá, nghĩa là có một trái tim, một bàn tay phải và một nụ cười hòa nhã, những cũng có luôn trong tôi một cái gì đó rắn rỏi, không thương xót và lạnh giá làm vỡ vụn một cách nghiệt ngã những gì con người đam mê vào đó. Đó là một cách tuyên dương mà tôi là kẻ thụ lãnh ưng thuận nửa vờ, có nghĩa là đắm đuối phục tùng và lặp đi lặp lại thái độ ưng thuận của mình mỗi khi có một dấu hiệu vẫy gọi tôi.

3.10.1938. Tôi đã ngưng viết từ hơn bốn tháng nay và tôi nghĩ sẽ không mở cuốn tập này ra lại nữa, ngoại trừ có một biến cố phi thường. Sự việc xảy ra sáng hôm nay có một tầm mức quá lớn nên phải trần thuật lại đây và càng xác thực càng tốt.

Tôi thức dậy khoảng sáu giờ trong một tình trạng vô cùng bất hoại. Tôi định rú lên một tiếng như nai kêu, kẻ đó sẽ gọi đầu bằng C, nhưng một nỗi chán sống rút hết tất cả sức lực để cầu cứu tới những phương thức vô vọng ấy. Cái đáng sợ trong những tình trạng sa sút tinh thần, chính là sự sáng suốt - ít ra là cái vẻ bên ngoài sáng suốt - thường đi kèm và củng cố thêm sự sa sút ấy. Nỗi tuyệt vọng sẵn sàng hiện đến, khó lòng ngăn cản, như thể lời đáp lại duy nhất và chính thống cho cái vô nghĩa của đời sống. Bất luận thái độ nào khác - đã qua hoặc sắp đến - dường như do tình trạng say khướt mà có. Đời sống chỉ kham nổi trong tình trạng say khướt mà thôi. Say rượu, say tình, say đạo. Con người là sinh vật của hư vô, nó chỉ có thể đương đầu với sự chìm nổi khó lòng quan niệm xảy đến với nó - một số năm tháng hiện hữu - bằng cách say rượu mềm môi.

Tôi không chịu cạo râu. Tôi xỏ chiếc quần quai và bước xuống tiệm xe chẳng buồn vào bếp làm cà phê. Hễ gặp những điều gì đi nghịch lại với tôi, tôi phải chống đỡ bằng lớp áo giáp của người máy rô-bô vốn không có những khiếm khuyết của con người. Sáng hôm nay, tôi sẽ là ông chủ của hàng sửa xe Balion vậy, không hơn không kém. Thằng Ben Ahmad là đứa đầu tiên nhận thấy điều này. Gã mù chữ này có một thiên tài đích thật đối với tất cả những gì là cơ khí, nhưng nó “đánh hơi”, nó không có phương pháp, không có sự chính xác. Nếu cần điều chỉnh ống xả hơi của một chiếc Georges Irat - mà máy nổ chỉ là máy của chiếc 11 mã lực Citroen nhẹ - hẳn cho ống xả hơi vào máy đập đặc biệt và cuối cùng là đập luôn các ghế ngồi. Nhưng hẳn không thể nào giải quyết bằng cách thử lại bộ đĩa và vẽ lên mặt đĩa các đường đo bằng bút chì rà theo bán kính của đầu ống và gạch nét cách nhau khoảng 2 hay 3mm. Có thể hẳn lúng túng khi dùng bút chì. Tôi găm gờ đẩy nó ra khỏi hông xe và đích thân nhúng tay. Sau đó thằng Jeannot bị mắng mỏ vì đến trễ. Lập tức tôi sai nó vào bàn thợ với mười hai chiếc lốp cần sửa lại các van. Kế đó tôi vào đóng cửa phòng kính dùng làm bàn giấy của tôi với một chồng hóa đơn cần viết. Đến bảy giờ rưỡi, anh chàng Gaillac gửi chiếc 402B để kiểm tra đèn, rồi gã bưu tá đưa thư. Ngày mở màn cà rịch cà tàng.

Lúc này là chín giờ kém mười lăm và tôi chuyện trò với cô Toupie về chiếc Rosengart của cô, lúc ấy Ben Ahmad sửa xong chiếc Georges Irat và rô máy. Một tai nghe cô Toupie, một tai lắng nghe tiếng máy chiếc Georges Irat đang có vẻ chạy tốt tuyệt trần. Cái vẻ Ben Ahmad đập máy nổ tái đi tái lại bắt đầu làm tôi ngấy. Máy rừ rừ như tiếng rừ rừ của con mèo khỏe, việc gì rú khan tàn bạo vậy? Tưởng chừng Ben Ahmad khoái nghe nổ và khoái nghe mùi ga xả ra tỏa đầy cả hăng. Cuối cùng mới im lặng. Cô Toupie nói với tôi về trường đạo Saint - Dominique, nơi đây cô giảng dạy môn Triết. Tôi hỏi han cô bằng một vẻ hiếu kỳ không phải là vờ vĩnh, vì tôi bao giờ cũng chú ý đến vấn đề nội trú là tôi tự hỏi nội trú nữ sinh nó ra làm sao nhỉ? Đúng lúc này chiếc Georges Irat lại rú lên đến nỗi lấp hết tiếng chúng tôi. Rồi giữa tiếng ồn gia tăng dữ dội, tôi nghe rõ một tiếng kim khí rất khô khan. Tiếng này cũng không lọt khỏi tai của Ben Ahmad, nó ngưng xả ga tức thì. Từ chỗ tôi ngồi, lúc ấy tôi thấy thằng Jeannot đưa bàn tay lên mang tai, ngã người về phía trước gục xuống bàn, quy gối xuống, ngã người ra đất. Tôi hiểu ngay rằng một cách quạt như thế là gãy xuống đập vào hẳn

cực mạnh. Tôi nhảy ra lao tới hấn ngay, và đưa tay nhắc thân hình gầy gò mê man của hấn lên.

Lúc bảy giờ một cái gì đó phủ lên người tôi, dịu nhẹ một cách không chịu nổi và đau xé lòng. Tôi đứng như trời trồng vì một nỗi ơn phước từ trời giáng xuống như sét đánh. Đôi mắt tôi chăm chăm nhìn vào cái thân thể oằn trong tay tôi mà đầu này là một bộ xương xẩu máu me dưới mấy chùm tóc màu trái dẻ còn đầu kia là hai cái gối óm o, sát rạt, và hai chiếc giày thô kệch, nặng nề, lủng lẳng vu vơ trong khoảng không.

Ben Ahmad thần thờ nhìn tôi. Tôi không động đậy. Dễ thường đứng thế này suốt đã cũng nên. Hãng Ballon sửa xe biến dạng hấn, với mấy cây xà ngang vắt vờng mạng nhện cùng những ô cửa kính cáu bẩn. Chín đoàn đồng ca của thiên thần bao bọc lấy tôi bằng một không khí vinh danh vô hình Sáng láng. Không gian tràn đầy mùi nhang và âm thanh nhạc ống. Một dòng sông êm ái uy nghi chảy chuyên trong huyết quản của tôi. Cuối cùng Ben Ahmad phải xen vào.

- Nhìn kia. Hấn vừa nói vừa trở một vệt thẫm lan ra trên đất nện. Nó chảy máu!

Liên sau câu ấy, một khoảng im lặng kéo dài lung linh một nỗi hoan lạc phủ xuống chúng tôi. Cuối cùng tôi nói được nên lời:

- Tôi chưa hề tưởng và bỗng một thằng bé trên tay lại thích thú đến thế này!

Và câu nói đơn giản này làm sống dậy trong ký ức tôi một âm vang rền sâu.

Cô Toupie là người phá tan bầu không khí ấy. Cô quyết liệt lôi tôi lên chiếc xe Rosengart, tôi xoay sở ngồi ra phía sau cùng với vật nặng. Rồi thằng đường tới bệnh viện Neuilly.

Jeannot không bị thương trầm trọng. Rách da đầu dài và chân xương sọ. Không có vết rạn ở sọ. Tôi đưa hấn về nửa mê nửa tỉnh tại nhà mẹ hấn, bà này suýt ngất khi thấy băng bó cồm lên như vắn khấn. Kẻ bị thương nặng

nhất trong hai đũa, vẫn là tôi, và tôi không ngót nhảm đi nhảm lại điều tôi phát hiện rõ nét nhân vụ tai nạn ấy.

6.10.1938. Tiếng đầu tiên xuất hiện dưới ngòi bút của tôi, bề ngoài là một tiếng xoàng xĩnh, yếu kém, nhưng nó tỏ ra thật là hùng hậu: sự *sung mãn*. Phải, một thứ sung mãn nào đó đã bao trùm lấy tôi từ chân lên tới đầu khi tôi bỗng lên tay cái thân hình bất động của Jeannot. Tôi nói rõ là từ chân lên tới đầu, khác với sự cụp lạt bình thường được khoanh vùng một cách bó hẹp và thô tục, cái luồng cực lạc đề cập ở đâu đã phủ chụp toàn châu thân tôi, chan rưới những tầng sâu thẳm nhất trong tôi, những cực đoan xa xôi nhất. Đây không phải là sự lích chích khoái cảm và giới hạn, mà là một tràng cười vỡ tràn khắp con người. Đến đây, tôi buộc lòng ngoái lại những chiêm nghiệm của mình về Thánh kinh, ngoái lại hình ảnh ông A-dong thượng cổ trước giờ Sa Đọa, kẻ công đàn bà và công trẻ con, triền miên lên con giậm giật – kẻ chiếm đoạt và kẻ bị chiếm đoạt – mà bao nhiêu tình yêu tầm thường của chúng ta chỉ là cái bóng mờ nhạt. Có thể nào cái thiên chức ngoại hạng của tôi sẽ giúp tôi trong hoàn cảnh nào đó đạt tới sự xuất thân của vị tổ loại người lưỡng tính ấy chăng?

Nhưng tôi cũng nên thoát ra ngoài vòng tư biện và tiếp cận cái cụ thể. Cái dữ kiện rành rành khách quan là kinh nghiệm hôm qua của tôi, ấy là *trọng lượng* của Jeannot, một trọng lượng có thể định nghĩa bằng kilô kèm theo đầy đủ sự chính xác nếu muốn. Cái trọng lượng ấy, chính tôi là kẻ đã chuyên chở, và như thế là: Sung mãn!

Đó là cảm giác thoải mái, theo nghĩa nhạt nhẽo của từ điển. Nhưng từ nguyên của nó có ý nghĩa nhiều hơn. Có ý nghĩa là điều tốt, là hạnh phúc, là niềm vui bình lặng và quân bình. Và cũng có nghĩa là thủ thân, giữ mình. Kẻ sung mãn là kẻ giữ mình được hạnh phúc, là kẻ thủ thân hoàn hảo. Nhưng có thể nói nôm na rằng kẻ ấy mang, đèo một cách hạnh phúc. Và đến đây, một tia ánh sáng bỗng rọi vào quá khứ của tôi, hiện tại của tôi và, biết đâu, luôn cả tương lai của tôi nữa bởi các ý tưởng nền tảng là mang đèo ấy cùng ẩn chứa trong cái tên Christophe, là gã khổng lồ Công-Chúa, cái ý tưởng ấu cũng được minh họa qua truyền thuyết của Albuquerque, cũng như nó lại hiện thân lần nữa trong những chiếc xe hơi được tôi chăm lo

nhưng không tâm đắc, ấy vậy mà trong tất cả tính chất phàm tục của chiếc xe nó vẫn là phương tiện mang đèo con người là chủ yếu.

Tôi cần phải dừng lại đây. Bấy nhiêu sự phát hiện liên tục làm cho tôi cay mắt. Nhưng tôi cũng muốn ghi thêm một điều suy nghĩ. Sự sung mãn của ngày 3 tháng 10 được chiêm ngòi do trọng lượng của một đũa trẻ thêm thắt vào trọng lượng của tôi. Jeannot hiển nhiên không mập mạp nhưng cũng nặng khoảng bốn mươi kilô cộng thêm vào khoảng một trăm mười kilô cân nặng của tôi. Nay con “xuất thần mang đèo” của tôi được định nghĩa chính xác hơn bằng cái cảm giác nhẹ nhàng, khinh khoái, vui sướng, bay bổng. Một tình trạng đồng bóng phát sinh do một sức nặng tăng lên gấp bội! Nghịch lý kỳ lạ! Cái từ nghịch đảo lập tức xuất hiện dưới ngòi bút của tôi. Có thể nói có một sự thay đổi về dấu hiệu, cái hơn trở thành kém, và ngược lại. Nghịch đảo nhẹ nhàng, ích lợi, thần thánh...

20.10.1938. Đêm nay, mất ngủ. Vì bầu trời sáng dịu, tôi lái chiếc xe Hotchkiss cũ kỹ đi loanh quanh các đường phố. Đại lộ Champs – Élysées, quảng trường Concorde, các bờ sông. Không mấy chốc tôi bị dừng lại vì các đoàn xe bò và xe cam nhông đã làm nghẽn vùng chung quanh Halles. Bỏ xe, tôi cuốc bộ tiếp tục, và ngay đó tôi lọt vào một rừng rau trái ở giữa lòng Paris, một vườn rau và một vườn trái siêu hạng với bao nhiêu mùi nồng và ớn cùng với những màu sắc sống sượng càng lộ rõ thêm vì ánh sáng kim khí của các ngọn đèn khí đốt. Thoạt đầu ta tưởng tới bữa ăn của anh chàng khổng lồ Gargantua nhưng rồi, dần dần, ngay sự phong phú khiến cho ý nghĩ ăn uống đâm ra buồn cười và có tham ăn cũng phải nản. Tôi đi vòng quanh mấy ngọn tháp bắp su, mấy đống núi su hào, suýt bị một thác hành tây đổ xuống người chỉ vì một chiếc xe đẩy bị mắc kẹt vào một dòng nước mà phải đổ xuống, lên lề đường.

Không nên nghĩ rằng các món này vì ê hề thừa thãi mà hóa ra tồi tàn. Trái lại, vì nhiều không dùng xuê, mà vật hạng được thăng hoa, mọi ý tưởng sử dụng bị thủ tiêu ngay từ đầu. Lúc bấy giờ, toàn là những tinh chất đang phô bày ra dưới chân tôi, tinh chất táo, tinh chất đậu, tinh chất cà rốt...

Ngoại trừ một cô bán cá sông duyên dáng, lẳng lẩy tươi trẻ và thân hình óng ánh vì vậy như nàng thủy tiên, các bà đều dềnh dàng inh ỏi. Nhưng các

gã khuôn vác, lớp người “khỏe” của thành phố, khiến tôi vô cùng chú ý vì tôi cảm thấy mình gần gũi với họ. Lưng rộng, tay to, bước nhanh và ngắn khi di chuyển, vác trên đầu một nửa con bò hoặc cả thùng cá trích, tất cả những hình ảnh này, rõ ràng là chính tôi, về một phương diện nào đó. Nhưng đây là một sự *mang đèo* dung tục, hạ thấp xuống mức những ích dụng hàng hóa thứ yếu. Và có lẽ vì vậy người ta viết ra một cách thô thiển cái chữ *bọn khỏe* của vùng Halles, chứ không viết *bọn mang đèo* của vùng Halles. Khỏe cũng là một dạng của mang đèo. Và lập tức tôi hình dung một kẻ mang đèo thật sự của vùng Halles, đẹp đẽ hào phóng, đắc thắng vác trên vai chắc của mình một chiếc hồ lô của cái đang trào ra xuống tận chân của một kho tràn trề những hoa quả và đá quý.

28.10.1938. Lật xem một cuốn từ điển, tôi để ý thấy Atlas đưa vai ra đỡ - không phải là đỡ quả địa cầu hay thế giới như người đời thường hình tượng - mà là bầu trời. Tựa trung Atlas, đứng về mặt địa lý, là một ngọn núi, và nếu quả sự đồng hóa một ngọn núi với cây cột chống trời có ý nghĩa, thì hình ảnh ấy ứng dụng vào quả địa cầu lại là phi lý. Một thí dụ đáng ghi nhận về nghịch đảo nặng nề giáng xuống một trong những anh hùng rạng rỡ hơn cả trong hành vi mang đèo của mình. Trước đây y đưa vai ra đỡ lấy các tinh tú và mặt trăng, các chòm sao và dải ngân hà, các tinh vân, tuế tinh, những mặt trời sáp nhập vào nhau. Và đầu của y đâm sâu vào những không gian thiên thể và lẫn lộn vào các hành tinh. Người ta sẽ thay đổi hết cả.

Thay vì cỡi vô biên màu xanh và vàng trước đây vừa nạm hào quang vừa ban phúc lành cho y, thì nay người ta đội lên đầu y quả địa cầu, cái mớ bùn đục làm đầu y oằn xuống và che khuất con mắt của y. Và như thế người anh hùng bị sa sút, sa đọa, kẻ mang đèo trở thành kẻ khỏe, những tình yêu chùng mực được trở thành những tình yêu tổn kém.

Nhưng càng nghĩ đến hình ảnh này, tôi càng thấy rằng Atlas kẻ mang đèo thiên vương tinh, Atlas kẻ đội trên đầu các vì tinh tú là vị anh hùng thần thoại mà đời tôi ắt hướng đến để cuối cùng tìm ra ở vị anh hùng ấy giai đoạn kết cục vinh hiển của y. Tôi có mang trong tương lai cái gì đi nữa, dù đôi vai tôi có oằn xuống và được đoái hoài do một gánh nặng quý báu thiêng liêng nào đi nữa, thì giai đoạn cuối cùng và đắc thắng của tôi, nhờ

trời, sẽ là bước đi trên mặt đất và mang theo trên gáy tôi một ngôi sao rạng rỡ hơn và vàng rực hơn ngôi sao của ba vị giáo sĩ tìm Chúa bài đồng...

30.10.1938. Hervé sáng hôm nay đến nhận hàng mua là chiếc xe Viva, xe thể thao thượng hạng hiệu Renault. Tôi ghét loại xe phim ảnh này nhưng nhờ bán được huê hồng khá hậu nên sự ghét bỏ kia dĩ nhiên được bớt giảm. Hervé cao hứng vì được xe mới, chưa bao giờ tươi vui đến thế, nó tự tin, nó tin ở sự thành công trong xã hội của mình cũng như tin ở những ưu điểm của mình, ngằn ấy thứ trong đầu óc nó tất nhiên chỉ là một. Nó vừa tròn ba mươi sáu tuổi và giải thích với tôi rằng đó là tuổi đầy đặn nhất, quân bình hơn cả, và như thể đỉnh cao của một đường cong đi lên từ khi sinh ra và sau đó đổ xuống đến khi chết.

Thật ra, băm sáu tuổi đời của nó, hình như bất di dịch, kể từ mười năm nay quen biết nó, có thể nó đã băm sáu tuổi trước khi tôi quen nó, và cũng có thể từ khi sinh ra. Có điều, từ trước tới nay, nó *quá trẻ* đối với tuổi băm sáu, cũng như kể từ nay và năm này qua năm khác về sau nó sẽ *quá già* đối với tuổi băm sáu..

Cũng giống như thể mỗi người trọn đời có một “tuổi cốt thiết” mà hẳn vưon tới mãi chừng nào chưa đạt, và bám cứng vào đó khi đã qua khỏi. Bertrand mãi mãi sáu mươi tuổi một cách *cốt thiết*, còn Claude suốt đời sẽ là một cậu mười bảy tuổi. Còn đối với tôi, vĩnh cửu ban cho tôi một *khoảng cách* không lấp được đối diện với bi kịch của sự lão hóa, và bằng một thái độ dửng dưng; pha lẫn buồn vẫn buồn vơ, tôi quan sát ngọn triều lên xuống của các thế hệ, như một tảng đá giữa rừng quan sát bốn mùa thay đổi.

Nhưng tôi nảy sinh một ý nghĩ khác khi nom thấy Hervé tươi trẻ lạc quan thế kia: đó là một kẻ *siêu thích nghi*. Nền y học nghĩ cũng nên đào sâu cái khái niệm siêu thích nghi mới mẻ này, và trường học cũng nên chú ý rằng, vì mãi lo trẻ con không thích nghi như thế nào đó mà đột nhiên hiển chúng thành những trẻ siêu thích nghi.

Kẻ siêu thích nghi cảm thấy hạnh phúc trong môi trường mình, “như cá gặp nước”. Mà con cá đúng là tiêu biểu cho sự siêu thích nghi trong nước. Điều này có nghĩa là hạnh phúc của nó mong manh chính vì hạnh phúc quá

đầy đủ. Bởi lẽ, nếu như nước trở nên quá nóng, hay quá mặn, hoặc nếu mực nước hạ... Nên chỉ, thà *thích nghi* với nước một cách vồn vện hay thậm chí dưới mức, như thể các con vật lưỡng tính, không hoàn toàn hạnh phúc trong ẩm cũng như trong khô, nhưng sống được bình bình ở hai môi trường. Tôi không cần điều gỡ cho Hervé, nhưng tôi nghĩ nếu có một cái gì gây đổ trong hệ thống tổ chức giới giang của nó, nếu số phận bày ra cho nó một màn trớ trêu nào đó, thì hẳn sẽ gay go tìm lại được cái quân bình mỹ miều của nó. Trong khi đó chúng ta là kẻ lưỡng tính, luôn luôn chông chênh trong mọi việc, pha phách với điều tạm bợ, với cái chùng chùng, chúng ta bẩm sinh biết cách đối đầu với mọi phản trắc của môi trường.

4.11.1938. Mỗi khi đi đó đi đây đến gần viện bảo tàng Louvre, tôi cứ tự trách mình đã không vào nơi này nhiều hơn. Ở Paris mà không hề đến Louvre là điều đại dột khó tha thứ hơn cả. Sau hơn hai năm không bén mảng, thế là chiều hôm nay tôi có mặt ở đây. Điều ích lợi rõ ràng nhất của chuyến viếng thăm này là làm cho tôi cảm thấy sự tiến hóa quan trọng trong lòng mình do những chủ đề mà tôi quan tâm đã chuyển đổi.

Tôi khó lòng quan niệm rằng đứng trước hào quang của vô số tuyệt tác này không khỏi cảm thấy rung rung nước mắt ngay. Ma thuật của pho Apollon xưa cổ của đảo Paros! Cái tương phản huyền hoặc giữa tính chất trang nghiêm của cơ thể, tròn như cột, với hai bắp đùi dính nhau và hai cánh tay tách ra từ khối bán thân – và các nụ cười bí hiểm làm rạn rở khuôn mặt ngời ánh từ tâm, trở nên bi thiết vì những vết sẹo rạch thành đường trên đá.

Tôi tưởng tượng không rõ đời mình sẽ ra sao giả như vị thần nhân ấy có mặt tại nhà tôi để tôi ngày đêm bị ám ảnh. Và nói thật ra, tôi không thể nào tưởng tượng làm thế nào chịu đựng nổi sự hiện diện chói sáng của vị sao băng rụng xuống cạnh tôi sau khi mất hai mươi thế kỷ mới đến nơi tôi. Không có cái gì minh họa được cái chức năng thiết yếu của nghệ thuật cho bằng pho tượng này: đối với trái tim ta đã ngã bệnh vì thời gian xói mòn, vì chét chóc thi triển mọi nơi, vì sự hứa hẹn tiêu ma không thể nào tránh thoát của mọi thứ ta yêu thích – tác phẩm nghệ thuật mang lại một phần nhỏ của vĩnh cửu. Đó là phương thức thượng đẳng, là miền an nghỉ mà ta khát vọng, là giọt nước mát trên đôi môi lên cơn sốt của ta.

Cái cầm chân tôi lâu hơn cả trong các gian phòng dành cho tác phẩm Hy Lạp và La Tinh là những tượng bán thân. Ta dò la không biết chán các khuôn mặt ấy, trên đó toát ra một cách mãnh liệt sự thông minh, tham vọng, độc ác, tự mãn, nét can đảm, còn các nét tính từ tâm, cao thượng thì ít gặp hơn. Người ta không ngớt đặt ra cùng một câu hỏi mãi mãi không được trả lời: Các vị là mặt mã của cảnh trí nào đây, của đời sống vũ trụ nào đây?

Còn lại là một cuộc dạo chơi khá nhanh chóng và hờ hững đưa bước chân tôi dạo quanh và gian phòng không phải dừng lại, trừ phi đứng trước một vài tấm tranh – vẫn là những tác phẩm ấy từ mười lăm năm nay là những tấm mà tôi như thể viếng thăm, hỏi han sức khỏe và soi bóng mình vào trong đó, là những tấm gương có một không hai. Tại nơi đây tôi tìm thấy lại một kinh nghiệm vốn là ưu tư hàng đầu của Nestor và được hấn ra sức theo dõi các biến dạng trong nhiều gian phòng của trường Saint – Christophe, đó là kinh nghiệm về sự *bảo hòa trong không khí*. Trong cái không khí bị bảo hòa với bao nét đẹp, tôi có cảm tưởng ngầy ngất là cảm tưởng ít nhiều gần gũi với tình trạng xuất thân mang nặng. Xin thêm vào đây một mẫu nhỏ vào cái bàn cỡ lớn mà tôi đang kiên nhẫn sắp đặt.

Khi trở ra đi qua lại bức rào chắn kiểm soát, tôi thấy có một cậu bé đang đấu khẩu sôi nổi với gã giữ cổng vào. Tôi hiểu ngay nguyên do tranh cãi đang có vẻ không lối thoát. Nó mang trên người chiếc máy ảnh và người ta đòi 0,50 quan mới cho phép nó đem máy ảnh vào viện bảo tàng. Vì nó không có tiền, người ta ép nó ký gởi tại quầy gửi đồ đặc, lời khuyên này chẳng đi đến đâu, bởi vì tuân theo nó cũng phải tốn 0,50 quan.

Nó nản, bỏ đi, thất vọng, và cố nhiên tôi can thiệp để giúp nó – không phải giúp bằng giải pháp phi lý của người lớn, tức là 50 xu cứu lấy chiếc máy ảnh – nhưng tôi giúp nó bằng giải pháp có tính tiêu thuyết, mạo hiểm, lậu thuế, và tôi trở vào lại chiếc cổng gác cùng với nó, bên hông tôi cầm cộm tang vật giấu dưới lớp áo vét của tôi. Étienne mười một tuổi, thân hình nó nhỏ xác so với tuổi, và ăn mặc bản một cách đáng yêu. Khuôn mặt nó không đều đặn, nét thanh, xương xấu, vẻ lo âu, tương phản một cách thú vị với thân hình của nó nặng nề, đầu gối tròn lẳn và vụng xoay trở. Túi quần của nó căng đầy những sách, cũng giống như đôi bàn tay ngắn với những chiếc móng bị cắn gặm dữ dội, những chi tiết này liệt nó vào loại những đứa trẻ khôn sớm khác lạ - có dáng dấp đã đọc đủ thứ và hiểu đủ thứ từ bầm

sinh - đối chọi với thân hình lớn chậm tạo một vẻ ngây ngô trong mọi lời nói ra.

Ngay từ những gian phòng đầu tiên nó tỏ ra vô cùng quen thuộc với những tác phẩm trưng bày và đưa tôi thẳng đến tấm *David* của Guido Reni mà nó có ý định chụp hình. Đứa bé mập mạp trong tranh, đầy cả sự lớn lối và ngây ngô, má phính, con mắt đẹp mà không ma mãnh, đầu đội một chiếc mũ lông kỳ quái, bó rọ trong một tấm áo lông thú, làm thế nào nó lại chiếm được cảm tình của thằng Étienne này nhỉ, hình ảnh thiếu niên David là hiện thân của hạng người vô cùng hấp dẫn là hạng *không bao giờ nghi ngờ gì cả*. Étienne đã khám phá ra điều này! Có những con người bị giới hạn, vô cùng đẹp đẽ nhưng không có gì khác và, ta sẽ sẵn sàng khinh bỉ họ, nếu họ không bày ra cho ta thấy khả năng thích nghi toàn vẹn của họ với cuộc sống, những điều thích muốn của họ xúng hụp lạ lùng với những gì ở ngay tầm tay, lời lẽ của họ hợp với những câu hỏi được đặt ra cho họ, khả năng họ hợp với nghề họ đang làm. Họ sinh, sống và chết, giống như thể cuộc đời được tạo ra cho họ, và chính họ tạo ra cho cuộc đời, còn những kẻ khác – kẻ nghi ngờ, hoang mang, bất bình, tò mò, Étienne, tôi thì nhìn họ đi qua mà trầm trồ vì vẻ *tự nhiên* của họ.

Tôi đã quên hầu hết những mối quan tâm gần đây của tôi thì một cái khuôn đúc một chiếc tượng của viện bảo tàng Vatican đưa tôi hăm hở trở về lại những ý tưởng ấy. Lẽ ra cái tên ghi khác trên đế đã đủ báo động cho tôi: *Héraklès Pédéphore*. Thật vậy, đây là một hình tượng về Hercule ngồi ôm vào cánh tay trái đứa con trai nhỏ Télèphe của mình. Pédéphore, nghĩa là, bằng tiếng Pháp đúng nghĩa, Bé Trẻ Con. Hercule Bé Trẻ Con...

Étienne nhìn tôi và dĩ nhiên không hiểu vì sao tôi *thờ thần* người ra. Thế là tôi vừa cười vừa ngồi chồm hồm cạnh nó đưa cánh tay trái ra đằng sau hai gối của nó. Và nó cũng tiếp tay với tôi ngồi xuống cánh tay tròn của tôi và tôi đứng lên lại làm ra vẻ đưa bàn tay phải chống xuống một cái chùy, giống như người mẫu Hercule vậy. Xa hơn một chút, chúng tôi có thể lặp lại tư thế ấy với tượng Hermès của Praxitèle cũng bé Bacchus nhi đồng ngồi trên cánh tay trái.

Nhưng chúng tôi chú ý đặc biệt đến hai bức tượng phiên bản của những bản gốc đang nằm tại Viện bảo tàng quốc gia thành phố Nanles. Một cái là

hình tượng một bán thần hoang dã chơi xập xõa, đầu nhìn nghiêng ngược nhìn lên vị TỬ thần hài đồng được cõng trên vai. Hài đồng giữ quân binh bằng bàn tay trái túm lấy tóc bán thần, còn bàn tay phải thì đưa mời chòm nho. May chỉ có hai chúng tôi trong gian phòng. Étienne với tôi, là vì, cồng kèn chú bạn tình cờ trên vai, tôi quay vòng vòng nhi theo điệu múa của vị bán thần nhịp theo điệu xập xõa âm vang tưởng tượng, còn TỬ thần thì kẹp hai bên má tôi giữa đôi đùi trần cẩu bản. Nhưng chính cái tượng kia, phát tích từ Naples, mới cho chúng tôi hả hê hết mình. Hector cõng em trai Troilus bị thương. Nhưng cả đôi thật khác thường! Gã nắm bấp chân phải của đứa bé, quẳng nó lên vai như chiếc bị, và, đứa bé tòng teng, đầu chúc ngược, chân trái đong đưa.

Tôi nhìn Étienne ra vẻ mời mọc dò hỏi, và nó trả lời gọn bằng cách đưa bàn chân trái ra cho tôi. Tôi nhấc vút nó lên bằng mắt cá chân, khá lẹ làng để nó khỏi cốc đầu xuống đất, và, làm ra vẻ đùa chơi nhưng bên trong vẫn không đùa chơi vì cái thiên chức mang đèo của tôi nó vốn to tát và tình cảm, tôi quay vòng vòng khiến nó cười sặc sụa sau lưng tôi. Thú quá! Cả một dòng mật ngọt chảy chuyền đủng đỉnh trong tôi!

Ra tới cổng chúng tôi chia tay nhau, Étienne với tôi, và chắc tôi sẽ không bao giờ gặp lại nó. Tôi nghĩ như thế, không khỏi ghen thầm trong họng, nhưng bằng một nguồn tin chắc chắn, không sai chạy và thúc bách, tôi biết rằng tôi không nên liên hệ cá nhân với một đứa bé bất kỳ nào đó. Mà những liên hệ ấy cuối cùng sẽ ra sao nào? Tôi nghĩ rằng, sẽ đưa dẫn đến, khó lòng tránh khỏi, những con đường dễ dàng và vạch sẵn, đó hoặc là liên hệ cha con, hoặc là liên hệ dục tính. Thiên chức của tôi nó cao hơn và nhiều mặt hơn. Chỉ có một đứa, cầm bằng, chẳng có đứa nào. Hụt một đứa, cầm bằng, hụt cả bọn.

10.11.1938. Suốt đêm, thứ nước bạch chỉ bắt tôi ngọt ngọt và mơ toàn chuyện chết đuối và cát vùi, xuống đất, xuống bùn... Tôi đứng dậy, ngực vẫn đau như dần, nhưng mừng thoát khỏi những hình bóng đang phình trương hình ảnh thực tại vốn không thuận cho lắm. Cà phê đắng nghét uống không xuống. Rú lên một tiếng nai. Tiếng thứ hai. Chẳng đỡ phần nào. An ủi độc nhất suốt buổi sáng là chuyện phân. Tôi làm ra một cục tuyệt đẹp, một cách lạng lẽ, không rây một tí nào, cục dài đến độ hai đầu mút phải uốn

mới nằm gọn vào lỗ. Tôi mềm lòng nhìn ngắm con búp bê tí hon bụ bẫm ấy, làm bằng một thứ phù sa sông mà tôi vừa đẻ, và tôi thấy yêu đời trở lại.

Bệnh táo bón là một nguồn chính yếu sinh ra ủ trệ. Tôi thấu hiểu Đại Thế Kỳ với cái thói tạt rửa ráy và súc ruột, tôi hiểu lắm! Điều khiến cho con người khó an nhiên với bản thân, chính vì con người là một thùng phân đi hai chân. Phương thuốc chữa trị sự thể này, là sự bài tiết tốt đẹp, phong phú và đều đặn mà thôi, nhưng ân huệ này đến với chúng ta thật quá sim so.

12.11.1938. Rachel và hành động thuần túy (năng suất = 0). Jeannot và sự sung mãn. Những bài học trong thánh kinh tế về ông Adong cổ sơ. Các phần tử này kết hợp lại trong trí tôi để tạo thành một tổng thể mạch lạc trong đó tôi thấy hiện ra lò mờ sáu chữ cái của một cái tên: Nestor.

Sự đòi hỏi thông trị. Không có gì định nghĩa cá tính của Nestor cho bằng những từ ngữ ấy. Để đạt đến ý nguyện, để biết chắc mình chiếm lĩnh kẻ khác, ngày nay tôi cảm thấy rằng nó viên tới hai con đường. Con đường thứ nhất không thoát ra ngoài vòng cái thế giới kín là trường hợp Saint-Christophe, cái tính cách trường học trong đó hẳn thu mình lại như con nhện trong mạng lưới, con đường ấy cũng không thoát ra ngoài những dãy nhà mà hẳn nắm giữ tất cả các chìa khóa, trong đó có bầy trẻ khâm phục hẳn một cách mù quáng và có bọn người lớn run sợ trước mặt hẳn. Một thế giới kín mà hẳn kỹ lưỡng đo lường tỷ trọng khí quyển đổi thay từ nơi này sang nơi kia, trong sân chơi ngoài trời nhẹ hơn là trong nhà nguyện, trong nhà ăn nặng hơn là trong vườn cây, và trở nên phong phú hơn cả là ở trong nhà ngủ, ngay giữa đêm.

Con đường thứ hai, chắc hẳn đã linh cảm con đường này, chắc hẳn cũng đặt chân phần nào trên con đường này, nhưng chậm trễ và chưa đi sâu. Tôi muốn nói đến *con đường mang đèo*. Câu chuyện về Christophe, về Albuquerque, cuộc giao chiến giữa hai đoàn người ngựa, và cho đến chiếc xe đạp uy tín của hẳn – cái dụng cụ để mang đèo chủ yếu đối với học sinh - bấy nhiêu thứ chỉ rõ nó không phải là không biết con đường ấy. Và đến đây, tôi muốn đưa ra một giả thuyết khá mong manh thật đấy, nhưng sẽ tùy tương lai xác chứng. Tôi tự hỏi không hiểu hai con đường ấy loại trừ nhau chăng, cũng như không thể đi trên hai con đường một lúc

được, dù cả hai con đường hướng đến mục đích như nhau. Việc nhốt kín của trường trại – được gọi một cách hay ho là “nội trú” – khiến cho sự mang đèo thành ra vô dụng, ngoại trừ đó là một sự diễn tập có lợi cho việc ngăn ngừa một tương lai khoáng đạt sắp tới. Do đó sự mang đèo đi đôi với một môi trường mở, tỷ trọng khí quyển rất thấp, vì vậy nó giống như chiếc mặt nạ dưỡng khí mà phi công phải mang vào để bay cao.

Tất cả những điều ấy thật là tư biện, nhưng tựu trung đó chỉ là nỗ lực của trí óc tôi tìm hiểu các dữ kiện thô sơ áp đặt võ đoán cho tôi.

Và thế là cái “tỷ trọng khí quyển” ấy vốn được quên lãng từ thời nội trú, tôi đã hai lần tìm lại được trong vòng mấy ngày thôi, đầu tiên bằng cách thoáng qua ở viện bảo tàng Lourve, tiếp đó là ngay sáng hôm nay, quá sức dữ dội!

Đường Rivoli, chính xác là tại số nhà 119. Ở đây có lối vào một ngõ tiếp chạm đường Charlemagne, không xa ngôi trường cấp hai cũng mang tên này. Tôi lọt vào con ngõ tối, nó chạy băng qua lần lượt hai chiếc sân nhỏ chung cư vì tôi có việc đến gã cung cấp thiết bị ở đường bên Célestins. Dễ thường ngôi trường mới mở cửa. Tôi bỗng lọt vào ngược dòng một đợt song trẻ con ủa ra huyên náo trong cái ngách hẹp này, chúng tràn ngập hai chiếc sân chẳng rộng rãi gì, và lại xô đẩy nhau tuôn về hướng đường Rivoli. Tôi đối mặt chúng, tương tự con cá hồi giữa thác núi, bị lay giạt, xô đẩy, nhưng cũng vui sướng êm dịu, nỗi vui sướng của chiếc hoa nhỏ mở rộng cánh chịu trận gió ào ạt đầy ấp phấn hoa. Hạnh phúc chấp cánh, rất giống với hạnh phúc ập xuống người tôi lúc tôi xúc Jeannot bị cánh quạt đập vào đầu. Nhưng lần này là nỗi vui đông đảo, om sòm, nó chỉ còn thiếu một yếu tố nữa thôi là vượt luôn cả sự xuất thần được mang đèo: yếu tố *toàn thể*.

Bởi lẽ bây giờ tôi hiểu tại sao mấy dòng vồn vện của Descartes trước đây lại bỗng dung rực sáng lên đối với tôi giữa khung cảnh xám xịt của giờ học triết. Tôi lơ mơ tin tưởng rằng cái quy tắc này trong phương pháp luận có mối tương quan với mối ưu tư hàng đầu của Nestor: “Tạo ra khắp nơi những phân chia thật trọn vẹn và xem xét lại thật đầy đủ để tin chắc rằng không bỏ sót một cái gì hết.” Cái ưu điểm lớn của một thế giới khép kín, không mở ra phía bên ngoài, chỉ vâng theo những quy luật nội bộ tự nó thiết lập, chính là tạo điều kiện thỏa mãn quy tắc nền tảng ấy.

Nhưng còn tôi, tôi sống trong môi trường mở, bị đày đi xa khỏi kinh thành của Nestor cùng các thân dân được phân chia. Tôi mò mẫm, chỉ yên lòng vì tin rằng có một sợi dây vô hình sẽ dẫn dắt tôi đến một hồi chung cuộc huyền nhiệm. “Cứ ngắm Christophe mà vững bước.”

Trở về hăng, tôi muốn biết hiện nay có bao nhiêu trẻ con tại Pháp. Tôi dừng ngang tuổi mười hai, đúng thật là tuổi trẻ con, có nghĩa là đã đạt toàn vẹn tuổi trẻ con, đến mức nảy nở đẹp đẽ và hơi oi cũng đến ngưỡng cửa của tai họa dậy thì. Sau đây là những con số do một người bạn làm báo chuyên đề về các vấn đề dân số cung cấp cho tôi.

SINH ĐẸ TẠI PHÁP

	Tổng số	Trai	Gái
1926	767.500	392.100	375.400
1927	743.800	379.700	364.100
1928	749.300	383.600	365.700
1929	730.100	373.000	357.100

Vậy là chúng ta đang ở năm 1938, một năm tốt lành đặc biệt. Khí quyển bên ngoài, tức là tình trạng tan loãng tối đa, có một tỷ trọng sẽ không lặp lại trong nhiều năm nữa vì lứa mười hai tuổi sẽ giảm nặng năm 1939 rồi tăng lên tí đỉnh năm 1940 và giảm nhiều hơn nữa vào năm 1941.

15.11.1938. Tối hôm qua tôi từ chối vợ chồng Hervé không xong và họ lôi tôi đi xem ca kịch Don Juan của Mozart.

Tôi biết mình ghét ca kịch, nhưng bây giờ tôi biết luôn vì sao tôi ghét. Bởi vì trong cái thế giới được trình diễn, giới tính của nhân vật được cường điệu hóa đến mức tối giản. Đàn ông thì nam tính lên gần kẻ thú tính, đàn bà

thì nữ tính cùng cực thường dẫn tới loạn trí. Cuối cùng tôi không rõ tại sao nét tính *tươi trẻ* vốn biểu thị giá trị hàng đầu đối với tôi – đem so sánh, các giá trị khác chỉ như ngân phiếu không tiền bảo chứng và toàn là những thứ hão huyền – lại là giá trị mà hình như bộ môn ca kịch xiển dương ít thành đạt hơn cả. Nét can đảm, cao thượng, oai phong, một nét đẹp nào đó – đẹp sang trọng, cao cách, bão táp, sự thâm trầm, hung ác, tình yêu, thì đạt. Nét tươi trẻ, không. Từ âm nhạc, trang trí, đến câu chuyện, luôn cả nhân vật, đều không dành cho sự tươi trẻ một chỗ đứng nhỏ nhoi nào hết. Thật tình sinh hoạt ca kịch – không gian của khán giả hay sàn diễn cũng thế - đối với tôi nó thuộc loại những nơi chốn ngọt ngào mà hiển nhiên trẻ con không léo hánh tới. Thèm vào!

Nói tới buổi diễn tối hôm qua, tôi buộc lòng nhìn nhận rằng nó đi vào tim tôi như gai đâm, và chỉ vì một lý do vô cùng đơn giản: vì Don Juan chính là tôi. Thì đã đành là có bôi son trát phấn, bịt mặt và hóa trang, như thể là định mệnh nếu người ta muốn đưa tôi vào một vũ trụ loại bỏ nét tính tươi trẻ để làm thế nào cho mọi người đều bị phỉnh gạt và nhân vật vẫn là kẻ khó dò đối với kẻ khác ngoài tôi ra. Nhưng cảnh thằng Leporello trưng ra danh sách chinh phục trái tim của ông chủ và đếm được một trăm bốn chục ở Đức, hai trăm ba chục ở Ý, bốn trăm năm chục ở Pháp và một ngàn lẻ ba ở Tây Ban Nha, nó nói lên khá đầy đủ cái *ý hướng tính toán triết để* mà tôi thừa hiểu. Đối với Don Juan, một người như Rachel có thể bảo: “Anh không phải là người tình, anh là hung thần!” Và vì tôi có mắt để thấy, có tai để nghe, tôi hiểu rõ hồi kết cuộc đáng sợ, đó không phải cái gì khác hơn là cái chết của chính tôi lấp rập vào tiền đề của hư cấu. Là vì tôi tin chắc rằng một đêm nào đó sẽ có vị khách từ bia mộ đi ra và đến nhà tôi đưa nắm tay cầm thạch gỗ cửa, và tôi sẽ đưa tay ra cho người nắm lôi tôi đi vào bóng tối và cả hai không trở lại. Nhưng vị ấy không mang khuôn mặt của người cha bị ô nhục hay bị thảm sát đâu. Vị ấy mang khuôn mặt của chính tôi.

Bây giờ tôi biết hồi kết của tôi như thế nào rồi: Nó sẽ là chiến thắng quyết định của con người đá trong tôi chống lại những gì còn lại bằng máu bằng thịt của mình. Nó sẽ hoàn tất vào một đêm sau khi số mệnh của tôi đã chiếm lĩnh con người tôi, tiếng kêu cuối cùng của tôi, hơi thở cuối cùng của tôi sẽ tắt trên đôi môi bằng đá.

2.12.1938. Hồi nãy chúng kiến giờ tan học của ngôi trường làng trên đại lộ Saussaye, tôi tưởng ra hình ảnh một chiếc vợt khổng lồ chụp gọn cả bầy trẻ con. Chiếc vợt hốt hết phần lớn chúng nó ngay bờ thành cổng trường, nhưng cũng phải rà theo lề đường để vợt mấy đứa ra trước. Rồi giao cho tôi cả mớ nhung nhúc những tạp giề đen nền đỏ, mớ chân căng để trần cùng những khuôn mặt cười cười.

9.12.1938. Báo chí tràn đầy hình ảnh về anh chàng Weidmann, người Đức bị bắt, tại La Celle-Saint-Cloud trong biệt thự “La Voulzie” của anh chàng, bị tình nghi ám sát bảy mạng người.

12.12.1938. Một lớp tuyết mỏng phủ lên thành phố sáng nay. Sự kiện khá hiếm hoi tạo lý do cho một vòng đi dạo chụp hình. Tròng bàn máy Rollei, tôi ngược lên đại lộ Roule. Đến trước sân chơi trường Sainte – Croix, tôi quan sát một lúc cảnh chạy qua chạy lại của đám trẻ. Chắc hẳn loại vũ ba – lê phi thường này, các hình thể không ngừng tái đi tái lại, rồi xóa và nhập này, phải có một ý nghĩa nào đó. Ý nghĩa nào đây? Từng nhóm, kết hợp, tập hợp, phức hợp, phân rã, ở đây mọi thứ là ký hiệu, mà nơi khác cũng vậy, nơi đây có nhiều hơn nơi khác. Nhưng ký hiệu là gì? Đó là câu hỏi muôn đời của tôi trong thế giới đầy rẫy những nét chữ kỳ bí không có khóa mở.

Tôi xáp lại rào sắt chắn sân chơi của trường Sainte – Croix với lề đường, và qua song rào, tôi chụp lia lịa, với nỗi vui thú mạnh mẽ và phạm tội của kẻ đi săn như đang bắn vào các con thú ở vườn bách thú ngay trong chuồng. Tôi sẽ nghiên cứu các hình ảnh này một cách bình thản ở nhà. Tôi sẽ so sánh các tình trạng nối tiếp nhau của xã hội nho nhỏ này tự thân hoạt động với chính nó khi bị thu hình qua từng giây. Nếu chẳng khám phá được gì thì thật là kỳ quái. Nhốt trẻ con vào chuồng... Linh hồn ăn thịt người của tôi sẽ thỏa thích. Nhưng có một cái gì khác đi xa hơn là trò chơi chữ thuần túy. Tâm rào nào cũng là rào giải mật mã, chỉ cần biết ứng dụng nữa thôi.

15.12.1938. Nghi ngoi giữa ngo. Ngồi trước mặt tôi, bàn tay trái luôn giữa đám tóc hung hung, Jeannot đọc sách. Ngắt ngang, hấn đưa ngón tay làm dấu ở dòng đang đọc, hoặc giả, nếu phải nghỉ đọc, hấn rút trong túi ra cây bút chì đánh dấu chéo ở lề sách ngang đoạn sẽ đọc tiếp về sau.

Sách hấn đang đọc là cuốn *Pinocchio* của Collodi, nhà văn người Ý. Tôi lật cuốn truyện mới rời tay, chưa chi đã thót người chờ đọc những điều tai ác thường tràn đầy trong truyện trẻ con. Làm như thể trẻ con là bọn phạm tục thô lậu, quá ít thông minh nhạy cảm, may ra chỉ có những câu chuyện gớm ghiếc – loại văn chương rượu mạnh chính cống – mới lay động được chúng! Những tác giả tàn ác như Perrault, Carroll, Busch chẳng học được gì ở ông hầu tước thánh thiện này.

Pinocchio làm cho tôi yên tâm trước hết. Đây là câu chuyện một con rối bông nhiên được tiếp sự sống, câu chuyện này tiếp nối một truyền thống thần tiên cổ xưa và đậm thắm. Nhưng chỉ tổ cho tôi cảm nhận khổ sở hơn cái đoạn ghê rợn nói đến Pinocchio với bạn là Lumignon vì học dốt ở trường mà bị biến thành lừa. Hoảng sợ, hai đứa quỳ gối, chấp tay, xin tha tội. Nhưng người ta nghe thấy tiếng than khóc của chúng dần dần biến ra tiếng hí hồ lỗ lã, bàn tay chấp lại thành vó, miệng ra mồm, đũng quần trương lên và rách tẹt một tiếng thô tục vì chiếc đuôi đen dài lông lá thò ra. Quả tình tôi không ngờ có thể đẩy sự ghê rợn đi xa đến thế. Ngay cả nàng Da Lừa làm cho mình xấu đi để làm thôi chí người cha loạn luân vồ vập cũng không gây cho tôi cái cảm giác rùng rợn dữ dội cho bằng con ngoặc ngoải của hai đứa bé.

Nhưng tôi nghĩ ra rằng sự dập vùi rợn người của Pinocchio với Lumignon là điều tôi ghi nhận từ lâu. Nàng tiên tai quái dùng đũa thần đánh xe song mã hóa thành quả bí và thằng bé thành con lừa, tôi gặp nàng hàng ngày, đó là nàng tiên Dây Thì. Đứa trẻ mười hai tuổi đã đạt tới mức quân bình và nảy nở không thể nào vượt hơn và tạo nó thành tuyệt tác của tạo hóa. Nó hạnh phúc, tin tưởng vào vụ trụ bao quanh và nó cho rằng tất cả mọi thứ đều đầu vào đấy. Hấn vừa đẹp mặt, đẹp hình, khiến mọi nét đẹp của con người chỉ là ánh phản chiếu phần nào xa xôi của độ tuổi ấy. Tiếp theo đó, là tai họa. Mọi cái gớm ghiếc của nam tính - lớp da cáu bần lông lá, cái màu chết trôi của thịt da người lớn, hai má nhám xịt, dương vật giống như là của con lừa trông ra ngoài khổ, không có hình thù và hôi hám – cùng

nhau vùi dập cậu hoàng tử bé con bị hất xuống ngai vàng. Thế là nó trở thành con chó gầy còm, mụn mẩn, mắt lơ lảo, ngón nghiêng hàu hấu những rác rến của phim ảnh, của hi trường, nói tóm lại nó là thằng mới lớn.

Hướng tiên hóa đã rõ. Thời kỳ đóa hoa đã qua. Phải ra trái, phải ra hạt. Cạm bẫy lừa dối thâm thoát ngậm đôi hàm lại để nhốt kẻ khù khờ. Và thế là, cùng với bao nhiêu đũa khác, hấn bị buộc vào cỗ chiếc cày nặng nề lưu truyền nòi giống, buộc phải góp phần vào bệnh tiêu chảy dân số đang giết chết loài người. Buồn, bất bình. Nhưng lợi gì? Rồi đây bao nhiêu hoa khác chẳng nở ra trên đồng phân ấy sao?

18.12.1938. Việc hỏi cung vụ án Weidmann, kẻ ám sát bảy mạng người, đang tiến hành. Bọn này con một thước chín mươi một và nặng trăm mười ki – lô. Số cân đo y hệt của tôi.

21.12.1938. Sáng hôm nay, đại lộ Roule. Tôi chuẩn bị đi qua khỏi nút sân trường Sainte – Croix rồi đi dọc theo mấy gian xưởng cùng các trạm bơm tiếp giáp với hăng của tôi thì thỉnh thoảng phát tại chỗ vì một tiếng thét kéo dài to hơn bao nhiêu huyền não từ đám trò chơi trong giờ nghỉ học. Đây là âm thanh từ cỗ hòng, thật trong trẻo, kéo dài lâu, như một tiếng kêu từ trong sâu thẳm cơ thể, rồi kết thúc bằng một tràng run giọng vừa vui vẻ vừa thê thiết. Cái cảm giác kỳ lạ là tiếng ấy vừa chuẩn mực vừa đầy đặn, vừa quân bình mà vừa dạt dào!

Lập tức tôi lui gót, tin chắc sẽ khám phá thấy trong sân chơi một cái gì đó hoặc một ai đó khác thường, nổi bật. Nhưng không, không có gì. Tôi vẫn còn giữ trong tai cái tiếng thủy tinh được bồi thêm bằng những cung bậc của da thịt, và nhịp độ chạy đi chạy lại của đám trẻ vẫn tiếp tục như trước đây, như thể phép lạ bằng âm thanh kia không xảy ra. Đứa nào trong đám trẻ đã thét lên cái tiếng vui sướng trong trẻo kia? Đứa nào cũng có vẻ như đứa nào, nghĩa là cũng cốt yếu như nhau cả.

Tôi đứng hồi lâu đong đưa theo âm hưởng mỗi lúc một lùi xa của “tiếng thét” đang làm trời dậy trong tôi kỷ niệm về ngôi trường Saint – Christophe bị phủ lấp và xóa nhòa vì loại âm nhạc đa tạp và chói tai từ các trò chơi và

xô xát nhau của bọn trẻ. Rồi một hồi chuông ngân lên, chúng xếp hàng ở các cửa lớn. Sau cùng tôi rời bỏ sân trường trở nên trống vắng.

Trước khi về lại hàng, tôi vẫn nhắm lại ngày giờ của “tiếng thét”, bề ngoài nó cũng phi lý giống như tôi nghĩ rằng có một phép lạ lặp đi lặp lại đều đặn.

23.12.1938. Đại lộ Saussaye, một tòa nhà to lớn khắc khổ bao gồm trường mẫu giáo nhập với những trường nữ tiểu học và nam tiểu học. Giờ đây tôi có thói quen nhìn xem giờ tan học của trẻ con vào lúc sáu giờ chiều. Đầu tiên tôi lắng nghe đợt âm thanh dậy lên từ sau tường cao, một hôm đi ngang qua đó vào lúc giờ chơi. Tôi dừng lại, được phủ vây êm ái bằng bản hòa âm lan rộng đông đảo một nhịp, bị ngắt quãng không đồng đều bằng những lúc lặng lẽ và bằng những tiếng reo vang, bằng những âm thanh giãn nhịp rồi những hồi vang vang trung bình. Tôi chờ “tiếng thét” mãi, cái tiếng đã gieo ám áp vào lòng tôi hôm kia, trước bờ rào trường Saint – Croix, bởi tôi định ninh rằng đó không phải là biểu hiện riêng biệt của năng khiếu thanh nhạc của cá nhân, mà chính là chất cốt yếu của lứa trẻ dưới dạng âm thanh.

Tôi không nghe thấy “tiếng thét” sáng hôm nay, nhưng thay vào khối lượng âm thanh mạnh mẽ bay bổng là một tiếng rung mảnh dẻ bỗng đâu trỗi lên, một loại âm thanh dây đàn cao vút, mảnh như ren tua, vừa trêu ghẹo vừa ve vuốt làm mắt tôi cay cay đến độ rung rung. Tôi quyết định hỏi Karl F. mượn chiếc máy Mỹ thu âm các thứ tiếng. Tôi sẽ đến đây ngày này sang ngày khác để ghi *mỗi giờ ra chơi* trên băng từ. Rồi tôi sẽ trở về nghe trong vắng lặng, bao nhiêu lần còn tùy, để tìm cho ra nét giao hưởng. Và biết đâu? Có thể sau đó tôi hát theo bản giao hưởng ấy được và có thể làm sống lại trong tôi bằng ký ức buổi ra chơi lối năm giờ ngày 25 tháng 11 hoặc buổi ra chơi lối mười giờ ngày 20 tháng 12, giống như có thể gọi ra trong trí tưởng tượng bản tứ khúc của Beethoven hoặc một bài tập của Chopin.

Trong khi chờ đợi thu hoạch thứ nhạc loại mới ấy, bằng một thái độ kinh ngạc tươi trẻ không hề suy giảm, tôi quan sát bày trẻ túa ra bên ngoài, được buông thả đợt ngọt ra đường sau nhiều giờ cầm cùm dằng dặc. Tôi ghi nhận rằng những đứa ra đầu tiên vẫn là những đứa trẻ ấy và bọn chậm chân vẫn y

như cũ. Tôi biết chúng nó và nhận diện chúng nó dễ hơn nhận diện đám đông kia đang tru tréo bị chẹt lại ở họng cổng trường.

Bằng lối cửa kia tuôn chảy ra một đàn líu lo những bé gái mà tôi quan sát tò mò say sưa. Không thể nói hết cái dở chia biệt con trai con gái thời nhỏ của chúng tôi. Đàn ông và đàn bà xa lạ với nhau thế, khó lòng hòa hợp với nhau trong một đời sống chung đến nỗi nếu không tạo thói quen cho họ chia sẻ một điều từ tấm bé thì đó là một việc làm ngốc xuẩn và gây nên tội phạm. Người ta nên biết chó với mèo có thể chung sống với nhau nếu đã được bú chung bình sữa.

28.12.1938. Nỗi buồn không thấu nỗi ở các nhà trường và sân chơi trống rỗng do những ngày nghỉ Noel. Làm thế nào sống đây nếu không có các tiểu đảo đầy chất tươi trẻ bồi dưỡng, nếu không có những bầu dưỡng khí làm quên đi giây lát cái xú khí của tuổi người lớn? Tôi nghiệm thấy rằng không có cái gì tổn hại đối với tôi cho bằng tự do của đám trẻ. Chúng nó tứ tán, chỉ để lại một bầu không khí ráo hoảnh đến độ khó thở.

Ngay giữa tâm trạng rầu rĩ đó, sáng hôm nay tôi tham dự buổi lễ nhà thờ dâng lên các thánh Vô Tội đã bị vua Hérode ra lệnh tàn sát thuở xưa. Sao tôi không nghĩ ra sự kết hợp cuộc giết người khủng khiếp rộng lớn ấy với những giao hưởng làm bằng tiếng la hét của trẻ con mà tôi thường thức hàng ngày? Nghe đọc Thánh Kinh theo thánh Matthieu thuật lại tội ác, tôi núp sau chiếc cột và đau đớn thương cảm nấc lên.

31.12.1938. Vài lát nữa năm 1939 mở màn. Đàn ông đàn bà đội mũ hề vút hoa giấy vào mặt nhau. Tôi ra khỏi cái giường đã trở nên khô róc, nhạt nhẽo và chán ngắt vì bệnh mất ngủ, và tôi mấp mé bên bờ vực cô độc, như kẻ thụ du lảm nhảm ở mép ống xối. Tin chắc rằng năm cùng tháng tận không khỏi kéo theo từng trận chớp lửa với mùi diêm sinh, tôi co rút người lại sợ hãi buồn bã. Tôi giữ Thánh Kinh, nhưng tập sách này do những vị viết về đêm như tôi chỉ đem lại cho tôi lời dội lại từ những lời than thở của tôi đã được khuếch đại lên nhiều:

Mắt tôi tràn đầy sầu muộn

Và tay chân tôi như cái bóng.
Nơi chốn ở mà tôi mong, là cõi chết,
Ngay trong tối đen tôi trải chỗ nằm.
Tôi nói với ngôi mộ: Người là cha ta!
Và nói với sâu bọ: Chúng bay là anh em!
Các bóng người khuất mặt lung linh dưới nước,
Cõi chết bóc trần ra trước Chúa,
Và hố sâu không che đậy.
Người rải các vì sao trên miệng hư không,
Người treo trái đất trên cõi hư vô,
Người nhốt nước lại trong mây,
Và mây không tan tành vì sức nặng của nước.
Người đem ngôi sao ra che mắt,
Người lấy mây phủ lấp,
Người vạch vòng tròn trên nước,
Biên giới ánh sáng và bóng tối.
Chúa buông màn đêm xuống lối tôi đi,
Người rút tấm áo choàng màu tía của tôi ra,

Người lấy vương miện trên đầu tôi và ném tan tành xuống đá,
Người đập vỡ tôi cùng khắp,
Người nhỏ hy vọng của tôi như nhỏ cây.
Nhưng Chúa gây thương tích và băng bó lại,
Người tạo vết và tay người điều trị
Còn tôi đây biết người một ngày nào sẽ trả lại nụ cười cho môi tôi,
Sẽ đặt vào miệng tôi những khúc ca khoan khoái.
Và trái đất sẽ giật mình vui sướng,
Biển sẽ vang động tiếng cười,
Làng mạc run rẩy yêu đương,
Cây rừng rung chuyển tàn lá rì rào
Như bầy ngựa khóe khua động bờm lông.

2.3.1939. Tôi không viết gì kể từ đầu năm. Nói cho ngay, sống là may! Hồi nhỏ, sự sụp lặn vào bóng đêm, vào không khí ẩm thấp và lạnh lẽo của mùa đông đối với tôi nó trộn lẫn với nỗi khổ phải sống còn. Lâu lắm tôi mới hiểu rằng tựu trung đây chỉ là một mùa mà thôi, mùa xấu trời. Năm nay qua năm khác, càng già thêm, đối với tôi, thời gian trôi nhanh hơn, và cứ thế những đoạn thời gian dài thêm từng ngày một đối với tôi trở nên đo được và làm chủ được. Nhưng mùa hè vẫn chưa rút ngắn được bao nhiêu để tôi có thể hùng hồ nhảy băng qua và đặt chân lên miệng lỗ phía bên kia.

Một ngày nào đó, biết đâu. Nay tôi còn hụt chân, và tôi sa vào cái hố tháng giêng – hai với cảm tưởng rằng không bao giờ, sẽ không bao giờ ra

lọt.

Thật tình tôi ghét mùa đông, vì mùa đông ghét da thịt. Nơi nào bắt gặp da thịt để trần, nó hành hạ, nó quất vào, như vị rao giảng giáo lý hành xác. Cái lạnh của một bài học luân lý, một bài học của cảm hứng khắc kỷ ghê gớm nhất. Và nói một cách chặt chẽ, bởi vì những ký hiệu cần tới da thịt để hiện ra bên ngoài, cho nên mùa đông buộc giọng người cầm bút và thổi tắt các ngọn đèn thông thường rắc rải trên con đường tôi đi. Thế nên tôi cũng nằm đấm. Tôi cuộn tròn, mặt day vào tường và hai tay bịt hai tai...

Nhưng sáng hôm nay nhiều đợt gió hâm hấp lau chùi cơn mưa đã tí tách suốt đêm trên mặt gương của hăng. Một lần hơi nước biển làm mềm mỏng bầu trời. Bước ra ngoài đường tôi bỗng thấy mình bị vây quanh giữa đám con gái nhỏ của một ký túc xá, chúng để chân trần, trắng thêm vì mùa lạnh. Rồi nay mai ta sẽ gặp lại những chiếc áo cụt tay và guốc trắng, áo hè cùng quần cụt! Cậu có thể chuẩn bị, Abel ạ, chiếc máy ghi trộm những tiếng la hét và âm thanh, và luôn cả chiếc máy chụp trộm hình ảnh.

Nhưng cậu cũng nên đề phòng vì không sớm thì muộn những linh cảm sẽ đổ xô kéo đến, cậu ạ!

4.3.1939. Sáu mươi hai vị hồng y, mỗi vị được một hội nghị viên và một người hầu cận phò tá, đã cấm phòng sáng ngày hôm kia trong một nơi riêng của Tòa Thánh dành cho cuộc hội nghị tuyển cử Giáo hoàng. Họ cất cao giọng bài *Vị Sáng Thế xuất hiện*, nhưng trời nổi giận đã át giọng họ bằng một cơn đông dữ dội. Như thế là tinh hoa của đám tu sĩ đủ màu da bị cấm cung trong một không gian kín bưng do ông Hoàng Chigi xếp đặt, cai quản hội nghị, và mọi lối ra vào được giám sát do binh lính của Giáo hoàng cùng các học viên của tòa án Thánh.

Người ta rùng mình khi cố sức tưởng tượng yến tiệc của 186 lão gia hưởng thụ cái tỷ trọng của khí quyển chưa hề xảy ra từ trước đến nay. Riêng những vòn khói đen tỏa ra từ ống khói nhà nguyện Sixtine đủ làm bằng chứng cho những trò quỷ lộng mà bọn người say mùi miến tội đang hành lạc.

Đúng mười bảy giờ ba mươi, đức Hồng y Caccia Dominioni bước lên khoang trung ương Saint – Pierre mà bộ phận nghi lễ đã mở sẵn, và phía dưới khoang họ đã trải ra một tấm thảm lớn mang giáo hiệu của Pie IX,

Vị Hồng y tuyên bố:

- Xin báo cho toàn thể một tin vui lớn. Chúng ta có một vị Giáo hoàng là Đức Tồi Cao Ngải Hồng Y Eugenio Pacelli

Đám đông lập tức cử bài *Tạ ơn...*

Tôi chẳng biết vị Pacelli ấy là ai. Người tên là Eugène, trùng tên Weidmann mà người ta đang hỏi cung. Và sau đó tôi có trông thấy hình chụp trên báo: đúng là hình ảnh xác ướp của vua Ramsès II nhưng khô khốc hơn, ít nhân tính hơn. Hoàn toàn nhân vật phản diện với vị viên chăn chiên rạc vì bày quỹ Trong Trắng do thời buổi mạt vận đến gần đang cần phải có.

15.3.1939. Ra đi với một nhóm người hướng dẫn của ngôi trường làng ở đại lộ Saussaye, tôi để ý thấy một bé gái đẹp lạ lùng, theo tôi có vẻ là rất đàn bà, dù thân hình lép và đôi gối trầy trụa. Tôi để ý thấy nó, nhưng có lẽ đúng hơn phải nói rằng chính nó đã để ý tôi. Thật là duyên nợ. Đã mấy tuần nay tôi đến đây hoặc cùng với chiếc máy ảnh Rollei, hoặc cùng với chiếc máy ghi âm của Karl F. giấu trong chiếc xe hơi cũ Hotchkiss của tôi chỉ chìa ra cái micro ở đầu một chiếc cần mà tôi dựng thẳng giữa hai cửa xe, đôi khi cùng với cả hai máy, vì sử dụng vào những lúc khác nhau, giờ ra chơi thì ghi âm, giờ ra khỏi trường thì thu hình.

Tôi biết nó tên là Martine vì nghe chúng bạn gọi. Câu hỏi mà tôi tự đặt ra là: Cái gì là sung mãn đối với một đứa con gái nhỏ? Tôi được giáo dục riêng biệt về phương diện con trai tại trường Saint – Christophe, giáo dục này biến những đứa trẻ con giống cái đối với tôi thành ra một *vùng đất lạ* mà tôi nôn nóng khai phá.

21.3.1939. Ngày đầu tiên của mùa xuân đối với tôi được đánh dấu bằng một viên đá đen và một viên đá trắng làm như thể từ nay điều lành và điều

gở phải tạo thăng bằng với nhau không ngừng ở hai bên con đường tôi đi.

Viên đá đen: Nhờ báo chí tôi biết rằng Weidmann mà tôi theo dõi hàng ngày việc hỏi cung trong vụ án, sinh nhằm ngày 5 tháng 2 năm 1908 ở Francfort, và là con trai một. Tôi là con một. Tôi sinh ngày 5 tháng 2 năm 1908 ở Gournay – en – Bray. Như thế có nghĩa là kẻ sát nhân bảy mạng nặng bằng tôi và cao bằng tôi chưa đủ, còn phải sinh cùng một ngày với tôi nữa. Đó là những trùng hợp làm tôi nói người hơn tôi tưởng.

Viên đá trắng: Cái phản ứng hồi bốn giờ rưỡi hôm qua được thu băng và đáng trở thành một mẫu mực cổ điển về mặt này. Lần đầu tiên tôi chứng kiến một giao hưởng thuần túy của nhạc khí dần dần chuyển sang kịch, tựu trung là loại nhạc kịch tôn giáo. Nó nằm đó, khoan tròn trong cuốn băng máy ghi âm. Tôi nghe dễ đến hai chục lần, và tôi nghĩ nghe nữa tôi vẫn không chán.

Đầu tiên là một tràng âm thanh đặc thặng dẹp im mọi thứ chung quanh, hút hết mọi âm thanh khác. Tiếp đó cái khối lượng có vẻ thuần nhất ấy rạn ra thành ngàn tiếng vang nhỏ lại làm tăng thêm nhiều vẻ nhưng đồng thời làm suy yếu khối lượng. Và đột ngột là một nốt giã nhịp, âm một tiếng, tức ngực, làm thót tim. Và lúc bấy giờ là một tràng khác nhưng lần này những tiếng ời ời hóa thành lời, tiếng rầm rì đa tạp trong đó tiếng trỗi lên là nỗi lo sợ lặp đi lặp lại ngàn lần, phát ra dưới nhiều dạng khác nhau. Cuối cùng một tiếng thốt lên làm bằng những chữ nhóp nháp đổ chạch nổi lên trên cái nền run rẩy ấy: KHỐN KIẾP! Lời rủa ấy, hỡi ôi, đã hờm sẵn từ lâu, và được lớn tiếng một cách đầy ý nghĩa, mỗi lần chờ nghe nó là tôi run, và khi nó vang dội, tôi co mình lại trên ghế, mấy giây trước đó tôi đã chực sẵn, để đón tiếng ấy bắn ra. Sau đó, điều khó tránh, khối âm thanh tan rã, từng nhóm tụ thành nơi này nơi nọ - và những ai chuộng âm thanh miêu tả đều dễ dàng ra một cuộc chơi bóng đá, hoặc một cuộc cãi cọ gắt gao giữa hai đứa nhỏ, hoặc trò chơi bốn góc, một tốp hát đồng dao – nhưng ta nên coi nhẹ những lúc suy diễn văn vẻ ấy mà nên đọc trong sự phân tán ấy những nỗ lực của môi trường học đường đang tìm cách tạo ra sự khác nhau, thậm chí đang mạo hiểm để ra những cá nhân đặc biệt. Nhưng rồi tất cả lại hòa lẫn vào một tràng âm thanh ồ ạt tràn đầy tiếng chói lói và rên la như một màn hơi loáng bạc lung linh những khuôn mặt vui tươi hoặc thê thiết. Cho đến lúc tiếng chuông đổ liên hồi đập vào vòm âm thanh ấy, chặt đứt nơi này nơi

khác, thu rút nó lại, làm tiêu hao hoàn toàn, và chỉ còn nghe thấy tiếng guốc lạch bạch trên nền đất nện.

Khi nghe lại cuộn băng từ chạy tròn có đến lần thứ hai mươi, tôi cảm nhận ra rằng cái chi tiết quá rõ rệt, quá hiển nhiên của mười lăm phút ấy lại hoàn toàn khiến tôi không chú tâm khi ghi âm – lúc ấy tôi chỉ nhận ra tiếng huyền não xúc tác những hỗn độn – và nó chỉ lộ rõ một cách chậm trễ khi nghe lại lần này đến lần khác.

Muốn đâm thủng bức tường mù đặc và điếc đặc của ta, điều cần thiết là các ký hiệu đập mạnh vào ta dồn dập. Muốn hiểu rằng vạn vật là biểu tượng và ngụ ngôn khắp cùng, chúng ta chỉ thiếu cái khả năng chú ý cao độ nữa thôi.

6.4.1939. Albert Lebrun tái đắc cử tổng thống cộng hòa với năm trăm linh sáu phiếu trên chín trăm mười người bỏ phiếu của thượng và hạ viện hội họp tại dinh Hội nghị ở Versailles. Với sự lựa chọn này, các vị đã chứng tỏ một năng khiếu biện biệt tinh tế. Lebrun là người duy nhất kết hợp được hai điều khó khăn này: vừa vô vị vừa ti tiện.

14.4.1939. Chiều hôm nay Martine trùm lên đầu một chiếc khăn lụa đen làm cho khuôn mặt kéo dài bên dưới của nó thu lại gọn ghẽ. Như vậy là loại trừ được nét phơ phất và túi bụi của mấy lọn tóc hoe, khuôn mặt của nó thu vào mấy đường nét chính, mang một vẻ trong bóng của Đức Mẹ càn linh hoạt thêm vì dáng dấp trẻ con của nó, mặc dù nó trang nghiêm. Nó xinh tê! Chăm chăm nhìn tôi nhưng không mỉm cười.

1.5.1939. Khi nào dạo chơi phở xá trong chiếc Hotchkiss cũ kỹ, niềm vui của tôi chỉ thật sự trọn vẹn khi nào chiếc máy Rollei lủng lẳng nơi cổ được kẹp cứng giữa hai đùi tôi. Tôi khoái trá vì như thế được trang bị bằng một vật to tướng, bọc da, với con mắt chột mở ra chớp nhoáng khi nào tôi bảo “Nhìn vào!” và khép lại ngay sau khi nhìn. Một bộ phận tuyệt diệu vừa nhìn vừa nhớ, con điều hâu chăm chập chực lao xuống con mồi để đánh cắp và đem về cho chủ cái sâu thẳm nhất mà cũng là cái phình gạt nhất ở nơi con

môi, đó là ngoại hình của nó! Một sự sẵn sàng đáng được ưa chuộng, của món đồ vật đẹp, đầy đặc nhưng vẫn rộng một cách kỳ bí, lung lảng ở đầu dây như bát trầm hương đựng mọi vẻ đẹp của trái đất! Cái miếng nhựa trinh khôi lột kín làm bèn là lớp võng mạc to tướng mà mù đặc chỉ nhìn được một lần - vô cùng lóa mắt – nhưng sẽ không bao giờ quên được.

Từ bao giờ tôi vẫn thích chụp hình, rửa phim, sang ảnh, và ngay khi ổn định tại Ballon, tôi đã tạo phòng ảnh từ một căn phòng nhỏ để che chắn và có nước máy.

Nay tôi mới lường được cái ham thích ấy là do trời định, và nó giúp đặc lực cho những điều tôi quan tâm hiện thời. Vì chụp hình rõ ràng là một sự hành nghề mê say nhằm quyết chiếm hữu đối tượng được chụp hình. Kẻ nào sợ “bị” chụp hình tỏ ra tinh khôn một cách dễ hiểu. Đó là một lỗi tiêu thụ thường dùng đến khi không có gì tốt hơn, và tất nhiên nếu những phong cảnh đẹp là những thứ ăn được, người ta sẽ chụp phong cảnh ít hơn.

Đến đây cần phải so sánh với người họa sĩ sáng tác giữa thanh thiên bạch nhật, bằng những bệt màu nhỏ, kiên nhẫn, rõ ràng để bày tình cảm và cá tính của mình lên mặt vải. Đối nghịch lại, hành vi chụp hình tức tốc và huyền hoặc, về phương diện này giống như chiếc đĩa thần của bà tiên biến trái bí thành cỗ xe song mã, hoặc biến một thiếu nữ tỉnh thức thành thiếu nữ ngủ vùi. Nghệ sĩ là một kẻ chan hòa, hào phóng, có sức ly tâm. Gã phó nháy là một kẻ hà tiện, tham lam, háu ăn, có sự hướng tâm. Có nghĩa là tôi là gã chụp hình bẩm sinh. Tôi không có được những quyền năng của bạo chúa bảo đảm cho tôi chiếm hữu những đứa trẻ con mà tôi quyết định nắm bắt nên tôi cầu viện tới chiếc máy chụp hình làm bẫy – và tôi nói rõ ngay rằng đây không phải là một cái gì cực chẳng đã. Tương lai có dành cho tôi bất cứ cái gì đi nữa, tôi sẽ gìn giữ lòng yêu thương những hình ảnh sáng láng và sâu đọng này như những mặt hồ để tôi trầm mình ngất ngây vào đó những buổi chiều đơn độc. Đời sống sẵn bày ra đó, tươi mơn, đầy nhục thể, hiển dăng, nhốt lại trên mẫu giấy phù phép, sự sống sót tôi hậu của cái thiên đường đã mất mà tôi khóc mãi không thôi, đó là tình cảnh nô lệ. Sự mê hoặc và bao nhiêu thủ thuật của nó đã khai thác sự chiếm hữu nửa yêu nửa hại kẻ bị chụp hình do kẻ chụp hình. Đối với tôi, dù không gạt bỏ những quyền phép của mê hoặc, mục tiêu của hành vi chụp hình đi xa hơn và cao hơn. Nó nhằm nâng vật thực lên mức độ một quyền năng mới mẻ, một

quyền năng tưởng tượng. Hình chụp, tất nhiên xuất xứ từ việc thực, đồng thời nó đồng nhất với ý ngông của tôi, đúng tầm với vũ trụ tưởng tượng của tôi. Nhiếp ảnh nâng thực tế lên mức của giấc mơ, nó hóa thân vật thực thành ra huyền thoại của chính nó. Ống kính là khung cửa hẹp, những kẻ được tuyển chọn và được mời trở thành thần thánh và anh hùng bị chiếm đoạt lãng lạng bước qua đó vào điện thờ ở trong tôi.

Lúc bấy giờ rõ ràng là tôi không cần chụp *tất cả* trẻ con nước Pháp và thế giới để thỏa mãn nhu cầu thực hiện đầy đủ là nhu cầu vốn dày vò tôi. Bởi lẽ mỗi một hình chụp nâng đề tài lên một mức độ trừu tượng làm cho đề tài này đạt được một tính tổng quát nào đó cho nên một đứa bé được chụp hình, đó là X – một ngàn, mười ngàn – đứa trẻ được chiếm hữu...

Như thế là, ngày 1 tháng 5, hôm ấy đẹp trời, có nắng, điềm tâm thoải mái trên một góc bàn xong, tôi lao vào cuộc săn bắt hình ảnh, chiếc máy ảnh Rollei được triu mến kẹp lại ở chỗ hiểm. Đôi mắt tôi lo nhắm mà thôi, hái lượm những hình ảnh khả dĩ trên cành cây, bên lề đường, và luôn cả tận ở trong những chiếc xe chạy sát tôi. Khách bộ hành ngày 1 tháng 5, các con chó ngày 1 tháng 5 đứng đình bằg bước chân ngày chủ nhật trên các con phố lãng điệu xuống vì ngày lễ lao động. Thiên hạ rêu rảo đằng sau lớp kính chắn gió của tôi. Thế giới là một tủ kính xếp đặt đẹp đẽ do một kẻ bài trí quày hàng có tên là Mông Một Tháng Năm. Những anh cóm lấy việc điều độ giao thông làm vui trong ngày nghỉ Mông Một Tháng Năm của họ đưa chiếc gậy trắng lên vẫy chào thân thiện với tôi.

Tôi bỏ lại chiếc Hotchkiss trên bờ sông của cây cầu Champs-Élysées. Chim hải âu xám, những người câu cá bất động, du thuyền bỏ không, dăm anh công chức loàng xoàng lau rửa xe ở bờ nước – và có lẽ đó là giây lát đẹp nhất trong tuần đối với họ. Một người thợ hì hà hì hụp với chiếc bơm nước trên một chiếc tàu hàng, và mỗi lần y gắng sức là một vòi nước vàng ọt bắn ra sát với đường phân ranh giữa nước và tàu. Tôi lọt xuống một chiếc thuyền và, bất chấp có thể nhào xuống nước, tôi thu vào ống nhắm cái vòi nước vàng, cái khôi đen và thẳng cao của vỏ tàu, kèm theo, ở phía trên cao hẳn, trên một góc bầu trời xanh, luôn cả hình ảnh người đàn ông nhỏ bé nhún nhảy để thu hết sức nặng của mình đè xuống chiếc cần bơm. Trên bờ sông một thằng mảnh giở trò chơi lấy miếng gươm bể rọi vào mắt khách qua đường. Tôi bảo nó xoay tia sáng của nó vào ống kính của tôi, và chưa

chi tôi đã tưởng tượng ra tấm hình đánh dấu cuộc gặp gỡ này: một mảng võ òa trắng bệch mà đầu mút là một chiếc đầu người tóc rối và miệng há hốc ra cười không được nguyên hình.

Trên bãi ở mặt tiền điện Tokyo, đám con trai trượt patin có bánh xe, mấy đứa khác chơi bóng. Bọn trượt không bao giờ rời patin. Bọn chơi bóng không bao giờ trượt. Hai nhóm không lẫn lộn, chia cắt bằng một sự khác biệt gần như không có tính sinh học. Ta tưởng tới loài kiến: có con có cánh, có con không.

Tôi chú ý hai đứa trượt, cả hai màu da ngăm nâu, chắc là anh em, ăn mặc giống nhau, khuôn mặt và thân hình giống nhau, chỉ khác nhau về tuổi và vóc, như một thần đồng và một tiểu thần đồng. Chúng lượn vòng vèo vùn vụt, vọt băng nhiều bậc cấp bằng một cái nhún người không thôi. Tôi bảo cả đôi cầm lấy tay nhau và quay tròn dưới chân tấm phù điêu không lồ tạc hình Terpsychore cùng với một nữ thủy thần múa lượn trong một cảnh trí vùng Arcadie xưa. Và tôi chụp hình luôn cả hai cặp – cặp nhỏ bằng thịt, cặp lớn bằng đá – chẳng quen biết gì nhau nhưng rất hợp điệu với nhau. Kế đó tôi bày vẽ cho chúng nó biết Terpsychore là ai: một nữ thần Hy Lạp, thánh hồn mạng của những ai trượt patin có bánh xe. Sau đó mọi người đều chú ý đến bánh trước của xe vào một chiếc patin có bánh. Sự bày trò lạ lùng, sự kết hợp hai thuộc tính cốt yếu và theo nguyên tắc là khó kết hợp của đĩa học trò. Chiếc bánh trước của xe, bị cột cứng, vẫn lướt trên nền đá trong tiếng rầm rít của sắt.

Các trò chơi vừa ngưng chốc lát giờ đây tái diễn. Đuổi bắt, quay vọt, nhảy, vòng tròn đan chéo nhau trong một tiếng động âm ì của kim khí. Cuộc lướt vòng tròn tan vỡ nhường chỗ cho bước vọt nhiều bậc cấp một lúc. Một đứa bé vấp ngã. Mất trọng tâm, nó bồng bồng mấy nhịp trên bậc cấp và xuống chân thang dùn thành một đồng áo quần co quắp thảm hại và bất động. Tôi nhận ra đứa trẻ nhất trong hai anh em, tên tiểu thần đồng. Hắn chậm chậm lật người lại, lấy thế ngồi, rồi cúi nhìn đầu gối bên phải. Hắn không khóc, nhưng mặt mày nhăn nhó đau đớn. Quý gối xuống cạnh hắn tôi chuôi tay xuống bên dưới đầu gối hắn, trong cái hờn ươn ướt, mềm và run giật – đúng là bấp chần – trong khi đó một nỗi êm ái kỳ lạ thấm vào ruột tôi. Vết thương chắc hẳn do cạnh sắc của bậc cấp cắm thạch mà ra, nó rõ nét vô cùng: một đường nứt nẻ đỏ au chạy thành hình bầu dục tròn trịa như con

mắt độc nhãn của gã khổng lồ Cyclope có viền lông mi, có vết khoe rít lại, hẳn nhiên con mắt đã bị mức ra ngoài, chỉ để lại một ánh mắt tắt ngấm, nhưng nhỏ máu ít thôi và giống như tinh dịch của mắt nó ứa ra một chất nước trắng tạo thành một dòng dịch an-bu-min dọc theo trái chân và xuống tận bít tất đang cuộn lại. Hai đũa nhỏ cắm cúi tháo giày patin cho hẳn, trong khi đó tôi ráp hai miếng thấu kính hai đi - ốp vào bộ phận nhắm và ống kính của chiếc máy chụp hình. Bây giờ tên bị thương cần phải đứng lên và thẳng người ít nhất là vài giây mới được. Tôi đặt cho hẳn đứng, nhưng hẳn xiêu xiêu, xanh mướt. “Hẳn ngã mất”, có đũa lên tiếng như vậy. Không thể được. Tôi thẳng tay tát vào mặt nó, rồi tôi đặt nó tựa lưng vào tường. Tôi bấm tấm hình đầu tiên, nhưng hình này sẽ vô vị với thứ ánh sáng trực tiếp như thế này. Tôi cần có một thứ ánh sáng dợn sóng mới lọt được bề sâu đồ tía của trũng mắt. Tôi quay thẳng bé một phần vòng tròn. Trên con mắt độc nhãn của gã khổng lồ bị mức ra ấy, chiếc máy của tôi áp con mắt độc nhãn rô – bô bằng thủy tinh, một sự mặt đối mặt cần yếu giữa phần thịt xây xát ù lì không còn nhìn được nữa mà chỉ để cho người ta nhìn vào, một thứ thịt đau đớn, mở hốc ra, và đàng khác là cái nhìn thuần túy, chiếm hữu và định đoạt của món khí giới của tôi. Quỳ gối xuống trước bức tượng nhỏ bé về sự đau khổ này, tôi bấm hết cuộn phim trong một nỗi ngây ngất diễm phúc mà tôi không làm chủ được. Rồi cuối cùng đến giây lát mà tôi chờ đợi hả hê trong lòng. Tôi buông chiếc máy cho nó lủng lẳng ở đầu dây, chuôi cánh tay phải xuống phía sau hai gối của đũa nhỏ bị thương, cánh tay trái của tôi xóc nách hẳn và tôi đứng lên kèm theo gánh nặng mỏng manh.

Tôi đứng lên và đôi vai tôi đụng trời, đầu tôi bao quanh bằng các thiên thần nhã nhạc ca tụng danh vang của tôi. Những đóa hồng thần bí tỏa lan ra cho tôi mùi hương tươi tắn nhất. Đây là lần thứ hai trong vòng mấy tháng tôi bồng lên trên tay một đũa trẻ bị thương và sự ngất ngây mang đèo bao phủ lấy người tôi. Chỉ riêng điều này cũng đủ chứng tỏ rằng từ nay tôi đã bước vào một kỷ nguyên mới.

Bọn trẻ con chung quanh tôi hoàn toàn không hiểu gì khi thấy mặt mày tôi sáng rỡ. Thôi nhé, ta phải bước vào lại trong vòng thời gian, phải nói lại xâu chuỗi biến cố hàng ngày, phải vờ vĩnh đóng vai một mẫu người bất kỳ trong đại gia đình nhân loại...

Tôi đi đến chiếc xe của tôi, đặt vào xe cậu tiểu thần đồng bên cạnh cậu thần đồng lo săn sóc em. Tôi để cả đôi vào một tiệm thuốc tây ở quảng trường Alma, và tôi bỏ đi vừa mân mê giữa hai chân tôi cái khối thu hình tràn đầy của bầu mới mẻ mà tôi biết trước rằng vẻ đẹp của hình ảnh sẽ vượt trội sự mong đợi của tôi.

4.5.1939. Sáng hôm nay, tôi thơ thẩn dưới các vòm kiến trúc mát mẻ, ửng sáng, nhờ một tia nắng lọc qua ô kính hoa của nhà thờ Saint-Pierre de Neuilly. Tiếng oa oa của một đứa bé sơ sinh kéo bước chân tôi vào ngôi nhà nguyện phía hông có chậu nước rửa tội. Một nhóm bạn bè bà con bao quanh một người đàn ông cao lớn, nước da thâm nâu đang trình trọng bế trên tay một đứa bé bọc trong một lớp khăn mỏng như của cô dâu. *Cha đỡ đầu bé con trên chậu nước rửa tội.* Lần đầu tiên tôi hiểu ý nghĩa lễ rửa tội theo cách của tôi: một đám cưới nho nhỏ có tính cách mang đèo nhau giữa một người lớn và một đứa trẻ.

Dĩ nhiên đây chỉ là một cách diễn dịch rút ra từ một thiết chế mà ý nghĩa nằm ở một nơi khác – và tựu trung điều đáng nói là tôi chưa bao giờ được làm cha đỡ đầu. Nhưng tôi thích thú nhận ra rằng sự thể này *có thể* gắn liền với ơn trên kêu gọi tôi. Tôi thấy ra ở đó có cái dấu hiệu – nếu không phải là bằng chứng – rằng một sự xoay chuyển của tình thế, có thể là hơi đột ngột nhưng không phải là hủy hoại, là một cái gì vừa đủ để quay hướng về tôi cái khía cạnh của sự vật đã in dấu của tôi lên nó và như thế nó nói lên sự phù hợp giữa tôi và đời sống thật.

7.5.1939. Việc rửa phim kèm theo sự khám phá các hình ảnh âm bản là một công việc đầy cảm dỗ và tiếc rẻ. Bởi lẽ các âm bản được nhìn xuyên suốt đều đẹp lạ lùng và điều quá hiển nhiên là việc sang phim cho ra hình ảnh dương bản nó có nghĩa là làm sút giảm giá trị. Tính chất dồi dào của các âm sắc và chi tiết, vẻ sâu thẳm của các sắc độ, cái ánh sáng của bóng đêm trên hình âm bản, những thứ ấy sẽ không có ý nghĩa gì nếu không có tính chất khác thường nảy sinh từ các giá trị bị đảo lộn. Khuôn mặt với mái tóc trắng và hàm răng đen, với cái trán đen và lông mày trắng, với con mắt mà lòng trắng hóa đen và con ngươi hóa thành một lỗ nhỏ màu sáng, với phong cảnh có cây cối tách bạch ra như đám lông thiên nga trên một bầu

trời đen mực, với tâm thân trần mà những vùng mềm mại nhất, có màu sữa trong thực tại lại thành ra những vùng có bóng tối nhiều hơn cả, nặng nề hơn cả, sự luôn luôn đi ngược lại với thói quen của con mắt ta dường như thể đưa ta vào trong một thế giới *đảo ngược*, nhưng là một thế giới hình ảnh và có nghĩa là không có gì tác hại thật sự, luôn luôn có thể dựng trở lại bình thường tùy thích, nghĩa là hoàn toàn *lật lại được*.

Trong bóng tối, ánh đèn đỏ của phòng làm hình, âm bản ngự trị. Chiều hôm qua tôi giam mình trong chiếc phòng lép khoảng bảy giờ. Như mọi khi, tôi đánh mất ngay ý niệm thời gian. Tôi bước ra thẩn thờ và run người vì mệt giữa đêm khuya. Có một cái gì như thể là một buổi kinh lễ của nga quý trong những thủ pháp xuất phát từ cá nhân truyền sang người khác, hình ảnh của người khác, giống như thể có bình thần thể chứa trong máy rọi, giống như thể có âm ty trong ánh sáng màu đỏ mà ta chao qua chao lại, như thể có sự bào chế phù phép trong các khay nước thuốc rửa hình, lọc hình và định hình trong đó ta lần lượt vớt vào các ấn bản. Và các mùi vị bi-xun-fit, hydro-qui-non, axit axêtic và hy-pô-xun-fit, không có mùi nào khỏi góp phần ma quái của mình vào bầu không khí đã nặng nề này.

Nhưng chính sự phóng lớn hình ảnh và những khả năng đảo lộn giúp cho anh phỏ nhòm có được những quyền năng hiếm hoi hơn cả. Bởi lẽ không phải chỉ có màu đen hóa thân thành màu trắng và ngược lại mà thôi. Còn có khả năng, khi trở ngược âm bản trong ống nhòm, biến phía trái thành phía phải và phải thành trái. Như thế là hai lần đảo ngược sau khi rửa ảnh, mà trước đó, trong các máy ảnh cũ kỹ, khi chụp, có thể bắt đầu bằng sự đảo lộn – đầu chúc xuống dưới – của người được chụp. Điều phù phép – tác lợi và tác hại – trong nhiếp ảnh đã được bình phẩm rất nhiều do những hiện tượng thứ yếu nhưng riêng biệt như vừa nói.

Tôi có một hộp đầy âm bản do những chuyến săn hình của tôi qua các hiện trường thể nghiệm. Có một sự cởi mở toàn vẹn của lũ trẻ, ngoan ngoãn như những tấm ảnh. Bất cứ lúc nào tôi cũng có thể đưa hình ảnh một đĩa trong bọn lọt vào bộ ngắm của máy rọi, và như thế là nó được phóng lớn chiếm cả phòng, dính vào tường, lên bàn, lên người. Tôi có thể rọi một phần bất kỳ của cơ thể hay khuôn mặt nó lên một tỷ lệ khổng lồ, và bao nhiêu lần tùy thích. Bởi lẽ nếu như thế giới rộng lớn là một khu rừng cấm săn bắn không thể cạn kiệt – và làm nản lòng ý hướng muốn đi đến triệt để -

thì cái kho hình ảnh của tôi đã hoàn toàn tấp cạn – dù dồi dào, cái đàn trẻ con của tôi đã được tính toán, đếm từng số, và tôi biết tất cả mọi ưu thế của nó một cách cần và đủ. Sau hết số lượng có giới hạn của các âm bản của tôi được cân bằng với cái khả năng khai thác những hình ảnh tích cực của mỗi đũa trong bọn chúng một cách vô tận. Cái vô tận trong kinh nghiệm xuất phát từ cái giới hạn trong sưu tập của tôi lại trở thành một khả năng bất tận, nhưng lần này thông qua con người tôi mà thôi. Bằng nhiếp ảnh cái vô tận man dã trở thành cái vô tận thuần thực.

14.5.1939. Vợ chồng Ambroise. Tôi có thuê của họ ba gian ở tầng trệt để làm hãng sửa xe. Ambroise làm nhiệm vụ gác cổng và gác dan khi hãng đóng cửa. Bà vợ, tên là Eugénie, không làm gì hết, cũng như có lẽ suốt đời không làm gì hết.

Ambroise có đem chuyện đời ra kể với tôi. Năm ông bốn mươi tuổi, ông với Eugénie gặp nhau ở nhà ga phía bắc. Bước vào nghề, ông làm mộc thủ công. Bà từ giã tỉnh Brabant còn trẻ, mang đại tang. Thuở ấy chắc hẳn bà thuộc loại các cô gái tóc vàng, dịu hiền, mუმ mუმ, luôn luôn than thở với khí giới duy nhất là cái sức ù lì không lay chuyển nổi. Bà đã từ bỏ tất cả để thừa kế gia sản của cha chết đi tại Paris trong vòng tay của con trai – một linh mục. Người cha có của, của cải này được ông anh chia phần công bằng với em gái. Ít nữa đây là những gì Eugénie đem ra dẫn giải trên vỉa hè của nhà ga cho cậu Ambroise rõ, cậu này lúc ấy đã khô cằn, xương xẩu trong bộ áo quần đen, nhưng say sưa và hăm hở, và cũng đánh hơi được sự cầu tài của mình trong cả hai nghĩa của từ này. Như thế là cậu gánh lãnh hai chiếc vali của cô gái, và vì cô không biết đi về đâu, cậu thẳng thừng mở lời mời cô về nhà cậu, một cách sẵn lòng và đàng hoàng, cậu hứa với cô như vậy. “Hai chiếc va li ấy cho đến nay là bốn chục năm, tôi cứ mang mãi!”, một hôm ông nói với tôi như vậy trong một cơn bất bình và bất lực.

Số là Eugénie, mới vừa về ở, và bị khuyên dụ dễ dàng, đã lọt hẳn vào cái nơi chôn chặt chội của Ambroise, và càng ngày càng đè nặng lên đời ông, nhất là một khi bao nhiêu hy vọng thừa kế đã nhanh chóng tan tành ra mây khói, hoặc là vì linh mục bất lương – đó là điều Eugénie khẳng định – hoặc là vì người cha chết đi không để lại một hào. Bốn chục năm nay, theo

tôi nghĩ, Ambroise và Eugénie vẫn tiếp tục diễn vở kịch hai vai dưới mái nhà tôi ở.

Ông thì cứng khụng cong queo như khúc củi, vân vê cái ria mép bạc trắng của mình và không ngừng cảm rằm theo sự tính toán ngốc xuẩn của bản thân và theo sự chây lười ký sinh của vợ (thật ra, họ không hề cưới hỏi). Bà thì nằm bệt trên ghế, to mập, trắng, xôm xốp, tóc muối tiêu uốn cong như tai chó xù ôm lấy khuôn mặt phì nộn đờ đẫn, bà không ngớt xuýt xoa ông chồng tốt bụng, như ông thánh sống, toàn lo việc nội trợ, lo đi mua các thứ, làm bếp và rửa chén bát ngoài những giờ làm việc riêng. Tình yêu tởn kém thật!

Eugénie nói nhiều. Bằng một giọng vô hồn, luôn một điệu thở than, trở đi trở lại mãi cái vô nghĩa của thời gia, sự vật và người đời. Lâu nay tôi không hề chú ý đến những lời lẽ tuôn ra như cái vòi nước đặng đặng hăm hăm ấy cứ râm ran bên tai tôi mỗi khi tôi có dịp đi đến với đôi vợ chồng. Cho đến hôm tôi để ý thấy rằng giọng nói của bà, thường thường ở cuối một đoạn, lại tăng thêm một quãng tám âm, thêm vào đó có những hòa âm sắc, những réo rắt mùa xuân, những tiếng lạc của đồng nội. Bỗng dưng tôi lấy làm lý thú khi chờ đợi sự thay đổi thang âm đột ngột ấy, sự chuyển đoạn đến phần mà tôi thầm gọi là “giọng trong”, và buộc lòng tôi nhận ra cái ý nghĩa không suy suyển của tiếng lạc và tiếng réo rắt ấy. Bao giờ cũng vậy, vẫn là trường hợp những lời nói xấu bí ối, một sự đổ lỗi độc địa, một điều ám chỉ giết người tiếp nối theo những câu huyền thuyên dông dài, ử trệ. Trong chiều hướng này tôi được cho biết rằng thằng Jeannot ăn cắp ở cửa hàng Uniprix, rằng Ben Ahmed “nâng đỡ” một đứa gái điếm người bản xứ ở trong khu phố, rằng thằng thợ bơm người Ý mà tôi thuê mượn những ngày gấp việc không được hài lòng với số tiền phần trăm và tiền thưởng, và nhất là những cuộc săn bắt hình ảnh của tôi không lọt được mắt của tên chứng nhân hăm hờ và xấu bụng này.

Một hôm, sau một buổi sục sạo đặc biệt thắng lợi trở về, tôi để chiếc máy ảnh lủng lẳng ở đầu dây, như người ta để cho con chó săn vừa hoạt động xuất sắc chạy tung tăng trước mặt mình, và tôi say sưa một niềm yêu mến và vui vẻ đi ngang qua dưới cửa sổ của vợ chồng Ambroise, tôi nghe lỏm mấy lời này:

- Đấy, ông Tiffauges đi chợ trở về xách đầy cả thịt tươi. Giờ đây ông sẽ giam mình trong bóng tối để ăn cho hết. Có nhiều thứ người ta không làm giữa thanh thiên bạch nhật phải không nào?

- Đúng là Eugénie, và có cả một giàn chuông trong giọng nói của bà.

18.5.1939. Lâu nay tôi vừa chụp hình vừa chạy, có nghĩa là chụp lén. Phương pháp này có kết quả và tiện dụng. Hơn thế nữa, nó vỗ về cái tính hèn mọn nó luôn hồi thúc tôi khi bắt chợt một hình ảnh. Nhưng rốt cục lại, đó là một thái độ chẳng đáng dừng, và giờ đây tôi nhìn nhận rằng sự đối đầu với kẻ bị chụp hình, dù có vẻ đáng sợ thế nào đi nữa, vẫn còn hơn. Bởi lẽ động tác chụp hình được phản ánh cách này hay cách khác trên khuôn mặt hay thái độ của người bị chụp hình, điều này có cái hay của nó: cái vẻ ngạc nhiên, giận dữ, sợ hãi, hoặc trái lại là một sự thú vị, thỏa thích kên kiệu, có khi luôn cả cái vẻ làm hề, cử chỉ dâm dăng hoặc khiêu khích. Cách đây trăm năm, thưở công việc đánh thuốc mê xuất hiện trong phòng mổ, một số nhà phẫu thuật đã la lối: “Phẫu thuật đã chết, có người đã nói như vậy. Trước đây phẫu thuật tồn tại ở chỗ bệnh nhân và bác sĩ kết hợp với nhau trong cơn đau đớn. Với thuốc mê, phẫu thuật bị hạ xuống mức cắt mổ một thầy ma”.

Trong nhiếp ảnh cũng như thế. Các ống kính cách không vốn cho phép thao tác từ xa, mất hết tiếp xúc với người bị chụp hình, cho nên giết mất những gì đáng xúc động hơn cả trong động tác chụp: đó là cái đau đớn nhẹ nhàng cùng cảm nhận và ở những cực đối chọi nhau về phía kẻ biết mình bị chụp và đồng thời về phía kẻ biết rằng người ta biết có kẻ đang giờ trò tác hại, giờ trò xoay chuyển hình ảnh.

20.5.1939. Trong sự đảo ngược đen trắng, các màu xám cũng bị chuyển, nhưng không nặng bằng, độ chuyển này càng yếu đi khi màu xám tiến lại gần màu xám trung bình tức là đen và trắng quân bình đúng đắn với nhau. Màu xám trung bình này chính là cái trục chung quanh đó sự đảo ngược xoay vần, chính cái trục này nó bắt di bắt dịch, nó tuyệt đối. Có bao giờ có ai tìm cách định nghĩa và sản sinh ra cái *màu xám tuyệt đối* này không, làm

màu sắc cưỡng chế lại bất cứ sự đảo ngược nào? Tôi chưa hề nghe đả động đến điều này.

25.5.1939. Bọn trẻ đã tản mát hết, và tôi vẫn chờ đợi, thất vọng, vì không nom thấy Martine. Sau cùng nó đi ra, một mình, đũa cuối cùng. Tôi tiến lại gần nó, vừa cố mỉm cười để che đậy tính rụt rè của tôi đang bị thử thách gay gắt. Tôi mở lời chào, làm như nó với tôi quen biết nhau lâu ngày, và trong một thoáng táo bạo tôi đề nghị đưa nó về nhà trong chiếc Hotchkiss cũ kỹ của tôi. Nó không đáp, nhưng nó bước theo tôi, và khi ngồi vào xe được tôi mở cửa sẵn, nó kéo chiếc váy nhỏ phủ lên chân trong một động tác đầy nét nữ tính một cách tuyệt đẹp.

Tôi nghiền ngẫm ở chỗ và không nói lấy ba câu với nó dọc đường. Nó không muốn tôi dừng lại trước cửa nhà – sao mà tôi yêu cái cử chỉ đồng lõa có phần phạm tội giữa nó với tôi thế này – và nó yêu cầu tôi dừng lại trên cù lao Grande Jatte, đại lộ Le Vallois, trước một cao ốc đang xây dựng mới xong phần chính. Nó trốn chạy, nhẹ nhàng như nàng tiên nhỏ trong rừng, và tôi ngạc nhiên thấy nó lọt vào bãi thi công vắng ngắt rồi biến mất ở cầu thang tầng hầm của cao ốc.

28.5.1939. Bố của Martine là công nhân đường sắt. Khi nó bảo có ba chị em gái khác, tôi giật mình vì tò mò. Tôi thật muốn biết các phó bản Martien kia – người bốn tuổi, người chín tuổi, người mười sáu tuổi – như một nét nhạc được chơi lại bằng nhiều nhạc cụ lên xuống từng quãng tám khác nhau! Về điểm này tôi thấy rằng, lạ thay, tôi không thể bó hẹp vào một cá thể, tôi không thể dẫn lòng tìm kiếm từ mỗi một công thức những biến thể của nó, một hình thể lặp lại của nó nhưng không đơn điệu.

Nó luôn luôn bảo tôi đỗ xe trước mặt cao ốc đang sửa chữa. Nó giải thích rằng, đi ngõ tầng hầm, nó băng nhanh về nhà gia đình ở phía bên kia, ở đại lộ Vital – Bouhot.

30.5.1939. Chuyện lạ, kể từ ngày tôi đeo theo trẻ con, hình như tôi bớt thèm ăn. Tôi nhận ra các cửa tiệm kem và các quầy thịt không còn kích

thích tính háu ăn của tôi như xưa. Tôi đâm ra lơ là thịt sống và sữa tươi sống để theo một chế độ bình thường hơn. Ấy thế mà tôi có gầy cho đâu! Làm như thể tiếp xúc với trẻ con làm cho cơn đói của tôi dịu xuống một cách tinh tế hơn và có vẻ có tính chất tinh thần, một cơn đói tiến triển tới một hình thức thanh cao hơn, gần với trái tim hơn là dạ dày...

3.6.1939. Tôi đọc mỗi ngày một biên bản vụ án Eugène Weidmann. Không những cái cảnh toàn xã hội trù dập con người cô thế, trăm tội đổ lên đầu nó làm dậy lên trong tôi một sự động tâm đối với bị cáo, mà có thể nói rằng số mệnh quyết đưa y lại gần tôi trong chiều hướng ấy, chính ngay sáng nay tôi được biết y là người thuận tay trái, trong các vụ ám sát đều dùng tay trái. Hoàn toàn là tội ác tay trái! Tay trái như những trang viết của tôi viết.

May sao chỉ cần nghĩ tới Martine là tiêu tan mọi ám ảnh.

6.6.1939. Làn da, thớ sợi của da, các lỗ chỉ phân thành ô, ô trám, các lỗ nhỏ to, các lỗ chân lông rít lại hay hở ra, các sợi lông măng mềm mại hay bị nhỏ đi, tóm lại là *mặt da*, đó là một địa hạt được ngành nhiếp ảnh phục vụ hết mình, và hoàn toàn xa lạ với hội họa.

10.6.1939. Hình ảnh mà tôi gợi ra một cách dịu dàng hơn cả là hình ảnh gia đình của Martine – ba chị em gái, mẹ, cha, đoàn tụ ban đêm dưới ngọn đèn. Tôi vốn không hề có gia đình, tôi những muốn ngồi cùng, giam mình trong cái phòng kín mà không khí chắc hẳn là đặc biệt và đậm đặc lạ thường! Điều đáng nói là bao nhiêu công cuộc săn bắt của tôi – săn bắt hình ảnh hoặc những cái khác – mà con mồi buộc phải là một cá nhân đặc biệt bao giờ cũng đưa dần tới một cộng đồng khép kín. Tôi sực nghĩ ra một sự so sánh, một sự so sánh lộ rõ cảm hứng của kẻ hung thần, nhưng nó không khỏi làm sáng tỏ trường hợp của tôi. Sau bao nhiêu thế kỷ hái lượm, con người phát minh ra nông nghiệp. Sau bao nhiêu thế kỷ săn bắn, con người khám phá ra chăn nuôi. Là người sau khi rong ruổi những đồng cỏ băng giá, tôi mơ tưởng những vườn cây kín bung có bày quả đẹp tự dung hiến dâng cho bàn tay tôi, tôi mơ tưởng những đàn súc mệnh mông, ngoan ngoãn, và

sẵn sàng nhốt trong những chuồng hâm hầm và bốc khói khiến ta thích ngủ với chúng nó trong mùa đông...

16.6.1939. Lebrun, tên bí ổi, vừa từ chối ân xá Weidmann. Người ta không rõ số lượng cuộc ám sát của Weidmann, và chính y có lẽ cũng chẳng rõ. Nhưng dù thế nào đi nữa, thử hỏi: kẻ phục sức áo mảo, ngồi sau cái bàn to tướng, không bị một áp lực nào, từ chối phóng tay làm một động tác nhỏ có khả năng ngăn chặn tái diễn ám sát hợp pháp không, có tội phạm nào gớm ghiếc hơn là cái tội của kẻ ấy hay không?

17.6.1939. Một uy lực ám muội vượt quá sức tôi đã khiến tôi chiều theo lời năn nỉ của bà Eugénie muốn tôi đưa bà cùng các bà hàng xóm đi đến Versailles tối hôm qua, nơi sẽ diễn ra buổi hành quyết Weidmann. Các bà này bày ra cái vẻ xúc động hèn hạ cho nên lẽ ra đủ sức làm cho tôi nản lòng đi xa, giả như tôi không có những ý nghĩ ấy, nhưng có một cái gì đó oan nghiệt áp đặt cho tôi phải gặp con người khổng lồ bầy tội ác ngay lúc nó chết, sau khi hàng ngày đã đặt trước mắt tôi những bài báo tường thuật những tiến bộ trong việc thẩm vấn và việc vụ án.

Chúng tôi biết hành quyết sẽ diễn ra buổi sớm, nhưng bà Eugénie cùng với các bà bạn quyết ra đi từ chín giờ tối để được những chỗ ngồi thượng hạng. Ambroise nhất quyết không tham gia vào nhóm người băng quơ ấy và ông thổ lộ với tôi là ông rất mừng ở nhà tối nay không có bà vợ. Ngay khi ra đi tôi đã ngán ngẩm với những câu lách chách vô nghĩa và độc địa của bốn mục đang làm cho chiếc xe ì ạch. Tôi nghe đều đều tràng giọng lạnh lạnh của bà Eugénie mỗi lúc mỗi phát hiện ra cái mũi dáo tảo độc trong lời lẽ của bà.

Ngay từ phía ngoài thành phố, người ta đang cảm nhận việc gì đang diễn ra. Không những đám đông những ngày lễ đang nhón nháo đầy phố xá và hè đường, mà trong không khí đang bành bồng một vẻ đồng lõa bản thiêu. Mọi con người ấy, đàn ông, đàn bà, luôn cả trẻ con, cùng đến vì một việc như nhau, và họ rõ như thế. Tôi cũng dự phần, chẳng có gì để nói năng...

Tôi không khỏi vất vả mới chuỗi xe được vào đường Maréchal Joffre và xuống bộ đi nốt. Huyền nào dềnh lên từng phút một. Nghẽn xe các lối quảng trường Armes, đối diện với Lâu đài và quảng trường Quận đường đều biến thành bãi xe. Hai nhà ga ộc ra hàng sòng người theo nhịp độ các chuyến tàu đến bến. Nhưng đông nhất vẫn là những người đi xe đạp, với một tỷ lệ cao về loại xe đạp đôi với từng cặp nam nữ mặc quần bó cổ chân và áo len cổ lọ.

Đến nửa đêm, người ta reo lên một tràng dài, thấy các ngọn đèn khí phụt tắt. Bóng tối bị xuyên thủng vì ánh đèn pha xe hơi, đèn bấm và đèn lồng a-xê-ti-len, nó tràn ngập tiếng cười, tiếng chửi thề và tiếng rúc rúc, vượt lên trên là lời cợt nhả thô tục của một thằng nhỏ bụi đời, hoặc phủ trùm tất cả là một loạt máy kêu gọi sẵn sàng. Tôi vừa càu nhàu vừa kéo theo bốn mụ ầu nổi tay nhau và đi đầu là bà Eugénie được sỗ lồng. Chúng tôi tiến tới làm thành một đoàn lũ ngô nghê hướng về quảng trường Saint-Louis với ba quán rượu bật hết đèn. Sự khôn khéo mà riết ráo của bà Eugénie giúp chúng tôi kiếm được một chiếc bàn con với năm chiếc ghế tại một trong những khoảng sân chiếm hết vỉa hè. Chưa hết. Vị toán trưởng chưa chịu nếu nếu không đặt ghế thượng lên chiếc bàn con và chúng tôi vất vả lắm mới đưa bà lên cái giàn lác lư ấy. Phen này bà ngồi thót lên đám hỗn quân hỗn quan như vị thần đao phủ sửa soạn làm việc. Ba bà bạn cùng với tôi ngay ngáy giữ chiếc bàn con mà mỗi chuyển động của đám đông đều hăm he lật đổ và chúng tôi thật sự chỉ còn ngang tầm đôi mắt cá to tướng và đô giày nỉ cái khuy của bà Eugénie mà thôi. Quanh chúng tôi, chỉ còn là một rừng cắm trại. Người ta bày các thức ăn, thịt dồi, bánh mì kẹp thịt và các chai nước chanh chuyền đi băng qua trên đầu giữa mùi vị ngầy ngậy của những chiếc máy rán. Khoảng một giờ sáng, khách thiếu bia uống xảy ra hầu như cùng một lúc trong ba quán rượu. Có một lúc sinh ra một luồng gắt gỏng, rồi người ta quay ra uống loại vang rẻ tiền do một chiếc xe thùng có vòi đổ ra, và đằng sau xe người ta xách chai bình xếp hàng chờ. Bà Eugénie lấy chiếc làn nội trợ của mình, rút lấy hai chiếc bình thủy, một chiếc ống nhòm thường dùng để xem hát, và một vuông khăn rộng quấn quanh mình. Rồi bà rót cà phê nóng cho chúng tôi.

Đến hai giờ một nhóm cảnh binh ra sức đuổi người khỏi địa điểm trước nhà giam Saint-Pierre, nơi đây chắc hẳn là nơi dựng lên giàn gỗ. Cuộc xô lấn nhau chỉ một lúc thôi nhưng tàn bạo; một người đàn bà bị đạp. Cảnh

binh bỏ đi, nhưng đến lượt lính cơ động nhảy vào, và tốp này cuối cùng chiếm cứ khu tứ giác gay cần.

Những xao động dữ dội dậy lên vì cuộc dàn quân ấy và tràn tới tận khoảng sân chỗ chúng tôi. Đám ghê bị xô đẩy lộn ngổn, hai gã nổi máu hung hăng vì chờ đợi và vì rượu đã đổ nhào xuống giữa đám bàn, gã này búa vào gã kia. Chúng tôi phải mấy phen đưa lưng ra bảo vệ cho đàn quan sát của bà Eugénie. Nhưng bao nhiêu còi cọt đều tiêu tan. Đám đông uất ức không hiểu tại sao phải chờ đợi thế này. Cuối cùng bọn họ nổi cáu vì đã tốn tiền. Bỗng nhiên nổi lên ba tiếng, đầu tiên được la lối nhíp nhàng từng chập một, sau được lặp lại theo một nhịp điệu tiết từ trăm ngàn cái họng người: *Bắt đầu đi, bắt đầu đi, bắt đầu đi!* Tôi có thật quả là kẻ duy nhất cảm thấy mình bị toàn thể đám đông bỉ ổi này dè bẹp chẳng? Tại sao bọn lính đang dàn quanh ngay nơi giết người này không nhả đạn bừa vào đám đông, hoặc tốt hơn tại sao không quét sạch đồng người ngợm thôi tha này bằng vòi lửa? Cuối cùng là một tiếng A a a! như sấm dậy và rền vang tiếp theo sau âm điệu của ba tiếng dằn giọng vừa rồi. Chẳng là theo lời giải thích của bà Eugénie từ đàn quan sát vọng xuống, một chiếc xe hòm màu đen, ngựa kéo, ịch tiến xa trên đường lát đá. Một ngọn đèn khí đá mắc trên cột và lay giật theo làn sóng người làm lắc lư hai bóng người đang kéo trong xe ra mấy cây gỗ và bắt đầu đóng ráp giàn chém.. Im lặng như tờ, xen vào là những tiếng nện và tiếng rít của các khớp. Tôi tựa trán vào lớp cẩm thạch giả của chiếc bàn con và ngắc ngoải. Nhưng vẫn còn phải nghe giọng bà Eugénie buông thõng từng tiếng nặng như khối đá: “Quả cân, thùng đựng cám, lỗ thốt, dao chém”, kế đó là tiếng hô cho đèn mờ trong khối đen của các dãy nhà ngục, và cuối cùng là sự chuẩn bị đồng dục hét to lời cuối cùng kết liễu con người hoàn toàn cô độc cùng đường. Nhưng không, lại còn phải chờ đợi, và đám đông lại ồ lên, giãn ra và tụ lại, hăm he phá nát.

Bầu trời bắt đầu nhàn nhạt phía đông thì công tù thấp sáng. Một tốp người đen thấp bước ra, đẩy đi ra phía trước một gã khổng lồ mặc áo sơ mi trắng làm thành một vệt sáng trong bóng lờ nhờ. Hai cánh tay trói ké sau lưng. Weidmann đi tới ngăn bước mà thôi, vì chân bị xích. Một loạt tiếng thở ra hả hê dậy dàng trong đám đông. Tốp người đen thấp đứng dưới chân máy chém. Weidmann được đưa lên đoạn đầu đài do bốn tên phụ việc, giống như bức tượng nằm cỡ lớn thời trung cổ. Đến khi gã đứng ngay ngắn, thì ánh sáng hắt thẳng vào khuôn mặt trắng của gã. Đúng lúc ấy giọng

chuông của bà Eugénie rung lên trong cõi im lặng toàn diện, như tiếng chuông của đứa trẻ đồng ca trong thánh lễ Lên trời:

- Ô kìa, ông Tiffauges, sao hần giống ông thế! Trời đất, anh em với ông không bằng! Rõ ràng là ông, toàn cả ông đấy thôi!

Henri Desfourneaux ra hiệu, mấy tên phụ việc đẩy cái tượng người cao lớn bạc chột kia cho nó chúc đầu xuống thớt. Nhưng sao lại thế này? Dây chuyền động tác của tử tội có vẻ bị xáo trộn. Người ta xúm lại quanh kẻ khổ hình. Cái bộ phận đong đưa bị trật khớp. Tấm thân cao lớn ngã xuống trật ra ngoài “lỗ thớt” lẽ ra phải kẹp chiếc cổ, và thân hình ngã xuống cây đong đưa phải bị còng queo. Họ túm lấy tai gã, chụp tóc lôi dậy. Thô kệch thật, không chịu nổi thật. Chiếc dao chém lạch cách rút lên khúc khắc giữa dây lèo. Phập. Máu phun thành vòi. Bốn giờ ba mươi hai phút.

Ngồi bệt dưới chiếc ngai của bà Eugénie, tôi mưa mặt ra.

20.6.1939. Những ác mộng, ảo giác, rồi những lóe sáng suốt tai hại cứ lẫn lộn vào nhau dày đặc suốt đêm, trong đó hình ảnh lớn lao và sáng ngời của Raspoutine nổi bật hơn hết. Đối với tôi, từ trước tới nay, anh chàng này là người gây ra sự la ó vì chủ trương xác thịt là vô tội, anh đem hết sức mình ra – một sức lực đáng kể ở chốn triều đình – chống lại những năm hiếu chiến của bầy tôi Nga hoàng. Người ta xem ngày 28 tháng 6 năm 1914 là ngày sinh của Đệ Nhất Thế Chiến vì ngày hôm ấy thân vương Francois-Ferdinand bị ám sát ở Sarajevo.

Nhưng ai có nhớ rằng cũng ngày 28 tháng 6 năm 1914 ấy – có thể là cùng một giờ - trong một thị trấn của Sibérie, Raspoutine bị bọn quốc gia chủ nghĩa Nga thuê một con điếm đâm vào người? Vị đạo sĩ ấy, mấy tuần bại liệt, dù từ giường bệnh gửi nhiều lá thư khẩn cấp, không thể nào ngăn cản Nga hoàng Nicholas II khai chiến bằng cách hạ lệnh tổng động binh.

Trong bóng tối tràn đầy tiếng tức tưởi của đêm hôm ấy, Raspoutine hiện ra với tôi, không phải như là một bậc tiên tri và thánh tử đạo do tình trạng đảo ngược tâm thường mà ra, nhưng lại mang đầy những thuộc tính của một phẩm chất thứ ba khác nữa, một phẩm chất tối cao của vị anh hùng vĩ đại

trong thời buổi của chúng ta có tính cách mang đèo. Bởi lẽ đôi tay đầy phép lạ của người có quyền năng giải bệnh cho thân thể èo uột của một đứa bé, và đưa đứa bé đến sự sống và ánh sáng. Đêm nay, bao nhiêu khắc khoải của tôi đều nép mình dưới chân hình bóng nghiêm nghị mà rạng ngời của người, là chiếc chân đèn khổng lồ màu đen đang đưa lên cao một ánh lửa vàng, gập gập xuống vì đau đớn, đó là hoàng tử Alexis ngủ vùi.

23.6.1939. Từ nay không thuốc không rượu. Trẻ con chúng nó không hút mà cũng chẳng uống. Nếu người chỉ có thể tìm lại được sự tươi trẻ cơ bản bằng con đường ăn thịt sống, ít ra người nên miễn các tật xấu kém cỏi ấy đi vì những tật này bậy mùi người lớn.

25.6.1939. Bốn hôm nay, táo bón dai dẳng. Ngoài một cảm giác như thể là nhột nhạt ở hậu môn, bao giờ cũng nhú lên trong trường hợp như thế này, cả một vùng bụng dưới của tôi nặng và thình, đến độ tôi thấy mình như là một cái tượng bán thân làm bằng thịt người nhưng đặt trên một cái đế toàn bằng phân.

27.6.1939. Vô phương tìm lại được quân binh bị mất theo vụ giết Weidmann. Thứ nước dục thảo làm ngực tôi nặng như chì. Mỗi lúc tôi mỗi tìm cách ngáp để tưới buồng phổi của mình bằng không khí trong mát, nhưng tìm mãi cái phản xạ cứu nguy này không được, và nước mắt cứ ứa ra thành dòng sau đôi kính.

Bầu vào bực cửa sổ mở, tôi ngạt thở như con cá bị quăng lên cát khô. Vì nông nổi đó tôi định bụng đi khám bác sĩ, dù tôi ghét những con người làm nghề gớm ghiếc này, cái nghề chỉ chực bóc trần và rờ rịt thân thể người ta chẳng chút tình thương trong khi người ta lại rất cần đến nó. Mà tôi chẳng dả động gì đến linh hồn đâu nhé! Làm thế nào không rùng mình khi tưởng tới các buồng kín nhất bọn người bị quỷ ám mà bọn tu sĩ giả hiệu, do La mã để ra hàng hà sa số, không muốn chữa trị và cũng không thể chữa trị, những bệnh nhân mà người ta quy là “bệnh tâm thần” để có thể giao phó họ cho các bác sĩ xét nghiệm kín đáo đằng sau những lớp cửa dày?

Giả như tôi đi khám bác sĩ, thì đó phải là con người hèn mọn nhất, nghèo nàn nhất ít “bác học” hơn cả. Tôi sẽ vào phòng chờ của y ngồi chung với lũ lang thang và gái điếm, và chính ngay trong tia mắt của y là nơi trước tiên tôi tìm ra được phương thuốc cho vết thương của tôi.

Nhưng tôi nảy sinh một ý nghĩ hay hơn. Một bác sĩ thú ý là chữa giỏi cho chim sâu cũng như cho cả con voi, tại sao lại chẳng chữa cho người mới được chứ? Tôi sẽ đến ngồi đợi tại phòng vị thú ý gần nhất giữa một con mèo hiếm lạ và một con chim két chảy ghèn, và hễ đến phiên tôi, nếu cần tôi sẽ quỳ xuống khẩn khoản xin đừng từ chối săn sóc tôi như đối với các chủng loại anh em cấp dưới. Tôi sẽ cố công thật nhiều vào để y chữa trị cho tôi giống như một con chuột bạch hoặc một con chó xứ Poméranie. Nếu thiếu hơi ấm con người, ít ra tại đó tôi sẽ tìm được hơi ấm thú vật, và ít ra y sẽ không tìm cách bắt tôi mở miệng nói.

3.7.1939. Làm thế nào tôi lại điên lên đến độ tưởng rằng cái xã hội thời nát này có thể để cho một kẻ vô tội lẫn giữa đám đông sống và yêu bình thản vô sự được? Hai hôm trước đây, cả một bọn lẫn xả vào bôi nhọ tôi và làm cho tôi tuyệt vọng, cuộc săn bắn dồn vào đường cùng do ác độc và ngu xuẩn đã khai tử kẻ chính trực và yêu đời. Nhưng thế là sự cứu rỗi đã lộ dạng, một cách đáng lo đối với bọn chúng, một cách đằm thắm đối với tôi.

Bình tĩnh đã nào, Abel ạ, đừng giận, đừng rủa. Giờ đây người biết rõ là cuộc truân chuyên lớn đang sắp sẵn, và định mệnh khiêm tốn của người đang do đạị định mệnh sắp đặt!

Hôm kia tôi đi đón Martine ở trường ra, như thường lệ, và tôi để martine xuống ở cù lao Grande Jatte, đại lộ Levallois, trước cao ốc đang sửa chữa. Còn tôi thì lần nữa, chống hai khuỷu tay lên tay lái chiếc xe Hotchkiss cũ kỹ, quan sát bầu trời tím nhạt buổi chiều ở cuối đường, và trong tôi dào dạt êm ả mỗi thương cảm làm dậy lòng tôi khi có mặt Martine.

Tôi không rõ thời gian trôi qua như thế được bao lâu cho đến lúc một tiếng rú xé trời từ cao ốc phát ra làm tôi buốt xương sống. Trời, đây chẳng phải là tiếng gọi véo von dòi dào hòa âm của sân trường Sainte – Croix!

Đây là tiếng kêu của con thú bị thương, một tiếng xé không khí làm tôi sững người trước khi lao ra khỏi xe, băng qua gạch vữa của hiện trường và chui xuống cầu thang tầng hầm. Ánh sáng nhờ nhờ làm mờ mịt mọi thứ quanh tôi, nhưng tôi được dẫn đường do những tiếng nức nở chói tai từ phía sâu trong hầm, ở đây tôi thoáng thấy một khoảng sáng hình chữ nhật của một lối ra khác. Mắt tôi mau chóng làm quen với bóng tối, và tôi nhận ra Martine. Em nằm ngửa, chiếc váy lật lên trên cặp đùi gầy gò, giữa những đống vữa và vũng nước tràn trên mặt đất. Tôi mở lời, nhưng em có vẻ không nghe, đôi tay chéo lên mặt, chỉ thờ ra bằng tiếng rên rỉ trẻ con. Tôi quyết nắm lấy cổ tay em và ép em ngồi dậy thật dịu nhẹ. Chính lúc bấy giờ em bỗng để lộ ra khuôn mặt nhầy nhụa và la lớn: “Cứu tôi với! Buông tôi ra! Đau, đau, đau!” hướng về phía cửa, nơi đây thấp thoáng một bóng người.

Có những tiếng ời ời, tiếng bước chân dồn dập, và bỗng một vòi ánh sáng lóa mắt tôi. Một giọng hỏi Martine “Ai làm cháu đau?” và trời sập xuống tôi khi nghe em la lớn “Ông này, ông này, ông này!” vừa đưa ngón tay chỉ vào tôi. Đến đây tôi mất cả trí. Tôi lao về lối ra kia, nhưng có ai gạt chân làm tôi mất đà ập xuống nền đất nện. Khi tôi đứng lên, một vòng đàn ông vây lấy tôi trong khi hai người đàn bà quần quýt bên Martine. Mấy bàn tay túm chặt hai cánh tay tôi, mấy cái mặt đen xò đến tôi huých toẹt những lời chửi rủa thô tục. Kế đó là phải đi, bị đẩy đi tới trước, một cánh tay bị bẻ quặt ra sau lưng, đương đầu với đại lộ đang oa oa một ụ kèn cảnh sát cấp cứu.

Tôi có cảm giác nhẹ nhõm khi bị xô chúi lên xe. Ít ra là thoát được đám đông chưa chi đã xúm lại quanh tôi và to tiếng căm phẫn. Tôi nghĩ mọi việc sẽ sáng tỏ khi đến đồn cảnh sát ở Neuilly, nơi người ta đưa tôi đến. Nhưng ngay từ cuộc thẩm vấn đầu tiên, tôi kinh hoàng thấy ra những lời phủ nhận của tôi vô nghĩa đến chừng nào trước những tình huống trói buộc, và nhất là trước sự kết tội rành rành của Martine. Bé gái này hóa điên chăng? Hay thật tình em nghĩ rằng tôi chính là kẻ tấn công em trong bóng tối dưới hầm? Hay là em cho rằng muốn lệ làng thoát khỏi tôi thì đập tôi thành kẻ hành hung? Lắm khi tôi để ý thấy rằng những lời nói dối của trẻ con chỉ là một cách cố tình giản dị hóa để đặt ra cho người lớn một tình huống mà chúng không dè tình tiết tế nhị. Tựu trung tôi là nạn nhân của một cách xử sự đi ngang về tắt tảo tợn!

Tôi bị giữ lại đêm tại bót cảnh sát Neiully, và ngay buổi sáng một chiếc xe hòm đưa tôi đến Bộ Nội vụ, đến đội kiểm tục có nhiệm vụ bao trùm các việc thuần phong mỹ tục. Một viên cò của phân khu chất vấn tôi suốt buổi chiều, hay nói cho đúng hơn – vì cũng cần phân biệt rõ – đã ghi nhận lời cung khai của tôi.

Thái độ tiếp đón đàng hoàng, dù có khoảng cách, cũng đỡ dần cho tôi sau bao nhiêu lớp lang của hôm trước và cái đêm địa ngục sống chung với bọn ma cô rượu chè. Lần đầu tiên người ta đối xử với tôi có tình người, nghĩa là có lễ độ. Nhưng y giáng cho tôi những lạnh lùng và vì thế mà thêm phần chết người. Y cho tôi biết rằng những bằng chứng thu nhặt được ngay sáng nay quy kết rằng tôi có mặt thường xuyên và khó hiểu chung quanh các trường học ở đại lộ Saussaye. Một cuộc truy tìm lại hăng xe kết thúc bằng sự tịch thu các ảnh chụp và các cuốn băng của tôi. Tôi đoán một phần nhỏ trong lời khai của bà Eugénie, điều này cũng đủ bắt đầu khiến tôi e ngại điều dữ. Kế đó, vụt một cái, ông có kết quả khám nghiệm y khoa cho biết thật sự là có cưỡng bức. Cuối cùng ông đưa ra cái hình rõ ràng là chính tôi chiếu theo hồ sơ: hình ảnh của một kẻ nguy hiểm có tật xấu. Và thành linh cửa bật mở, và Martine đi vào. Ôi, mọi thứ đã sắp đặt lớp lang để hại tôi! Bao nhiêu điều chịu đựng cho đến giờ phút này chẳng thấm vào đâu so với những lời buộc tội dập dồn chi li và rành mạch, tục tĩu mà nữ tiểu yêu đổ xuống đầu tôi. Cây bút của tôi không đành lòng ghi chép lại một phần trăm những lời trí trá – xen lẫn với những việc vụn vặt có thật - mà nó thu gom lại để cho tôi tàn đời. Cuối cùng ông có báo cho tôi biết chiếu theo điều khoản 332 của bộ luật hình sự, sự cưỡng hiếp thân thể một đứa trẻ dưới 15 tuổi bị xử phạt hai mươi năm khổ sai. Ông đứng lên bảo:

- Luật sư của ông đề nghị với ông là sẽ bênh vực cho bệnh điên, tôi nghĩ như vậy. Có nghĩa rằng ông sẽ thổ lộ đừng giấu giếm gì hộ tôi. Sẽ đưa ông đến thanh tra ghi chép lại lời cung khai của ông. Chừng nào dự thẩm chưa buộc tội ông, chừng ấy trong vụ này ông hãy còn là một nhân chứng có thể nói là... được đặc cách.

Và há hê theo từ ngữ vừa thốt, ông giao tôi cho một nhân viên dẫn tôi lên ba tầng lầu, sát mái, tại đây, gã này ấn mười ngón tay đã lấm mực in của tôi xuống một tấm thẻ, rồi chụp hình tôi nhìn thẳng, nhìn nghiêng, tôi, kẻ

săn trộm hình ảnh, ôi tình trạng đảo ngược nặng nề và buồn cười thay! Đến đây mới thật sự bắt đầu những điều nghiêm túc.

Chúng nó ba đứa trong một gian phòng chật chội, nóng quá mức, xấu xí và vô nghĩa như địa ngục. Một thằng nhỏ, một thằng mập, một đứa cỡ trung. Thằng trung bình lóc cóc bàn máy tính đánh chữ lụm khụm nõ lách tách như sung liên thanh. Thằng mập làm ra vẻ hiền lành. Thằng nhỏ con hặn lộ ra ngoài. Thằng mập lúc đầu bảo tôi đây là thủ tục. Bởi lẽ đây là quá tang và mọi chứng cứ phù hợp với nhau, tôi chỉ việc ký vào một bản khai mà hai bên cùng thảo ra. Tôi lập tức phản bác rằng, về một điểm chính yếu, nhân chứng đặc cách là Abel Tiffauges không đồng tình vì phủ nhận mình là kẻ cưỡng hiếp. Thế là y ngửa người ra sau ghế; một nụ cười dịu dàng khả ố nở ra trên mặt y

- Tôi kể cho anh nghe câu chuyện, y mở lời như vậy. Ngày xưa có một người mở hang sửa xe sống độc thân ở quảng trường Porte-des-Ternes. Và bằng một vẻ vờ vịt, y tuôn trọn hồ sơ về tôi ra, bởi những lời nói rõ thêm mà tôi chưa biết, cái cảnh diễn ra tại điện Tokyo được dựng lại nhờ các tấm hình, tai nạn xảy đến với Jeannot do bà Eugenie thuật lại, và từ sâu chuỗi phức tạp ấy – mà mắt xích nào cũng khó cài lại – vụ cưỡng bức Martine diễn ra vô cùng ăn khớp. Thái độ một mực phủ nhận của tôi là không có lý và rồi đây chỉ tổ làm cho bồi thẩm ngán ngẫm khi tôi bước ra trước tòa đại hình.

Tôi phủ nhận suốt sáu tiếng đồng hồ, mồ hôi vã ra, mệt mỏi xiêu vẹo, bị chửi bới và đánh đập no nê. Cuối cùng thằng nhỏ lôi tôi đến một tấm gương soi lưng lảng trên chậu rửa. “Mày nhìn xem, hấn bảo, cái mặt này mai chường ra cho bồi thẩm đoàn. Y sì cái bản mặt giết người.” Tôi vô tình nhìn vào. Lần đầu tiên hấn nói đúng. Rồi hấn nói thêm là hấn có đứa con gái cùng tuổi với Martine, và loại cặn bã như tôi đây, hấn muốn tự tay xiên tuốt vào chân. Vì tôi cao hơn hấn cả cái đầu và hai vai, hấn bắt tôi ngồi xuống. Tôi nghĩ nó sẽ bạt tai tôi, cho nên tôi tôi cất kính mắt sợ hấn đánh vỡ và làm mù mắt tôi. Khi tôi hiểu rõ mọi sự xảy ra, khi tôi cảm thấy nước miếng nhột nhạt lăn trên má, tôi đứng lên. Bọn chúng lùi lại, có lẽ tôi làm dữ. Chúng nhảm to, một lần nữa! Một sự trầm tĩnh mênh mênh, gần như dật lạc, vừa xâm chiếm lấy tôi. Bởi tôi không còn kính đeo mắt, một lớp sương mù làm bằng màu sắc dịu nhẹ phủ vây. Tôi cảm thấy dưới chân mình như thể một

luồng địa chấn đang báo hiệu cho hành khách rằng mọi thứ vừa mới toa rập với nhau, và toa rập còn dài lâu nữa đã cho con tàu chuyển động. Đại định mệnh lên đường, và đã gánh lấy định mệnh riêng tư nhỏ bé của tôi. Một hình ảnh xa xôi trở về với tôi: con quay trục nghiêng của Nestor, món đồ chơi tuyệt đối của nó vốn lắc lư nhẹ nhàng nhưng cung ứng cho nó cái bằng chứng trực tiếp và khả cảm của trái đất đang xoay. Trong mỗi đốt xương của mình, tôi cảm nhận ra tiếng đập thầm của trái tim thế giới.

Tôi mỉm cười. Tôi bảo rằng theo tôi thì cuộc lấy khẩu cung đã xong. Thằng mập ngoan ngoãn, một sự ngoan ngoãn đáng sợ nếu như ở vào trường hợp khác, rồi hẳn gọi một thằng cớm cho đưa tôi về xà lim. Đêm ấy, tôi vui không ngủ được. Tôi chẳng phải sợ gì nữa hết. Chiếc nồi tướng của Lịch sử đã sùng sục, và chẳng ai ngăn nổi, và chẳng ai biết nó cho ra món gì, mà cũng chẳng hay sẽ quẳng cái gì vào đó. Ngôi trường sẽ cháy, như hai chục năm trước ở Beauvais. Nhưng phen này, trận cháy sẽ ngang tầm với anh chàng Tiffauges không lồ và ngang tầm với nồi hãm dọa khủng khiếp đang đè nặng lên người hắn.

12.7.1939. Luật sư Lefevre, được chính thức chỉ định để bào chữa cho tôi, đến thăm tôi, Ông cảnh giác tôi đừng có lạc quan sằng bậy. Hồ sơ của tôi tệ hại quá xúi ông nghĩ đến chuyện sẽ bào chữa bằng sự suy yếu tâm thần của tôi. Tôi bảo ông chớ mất thì giờ với tôi, sẽ chẳng có án, chẳng có cãi gì cả. Lịch sử đang lên Rừng kèn đồng ngày xưa của thành Jérico nay sẽ làm sụp ngã tường đá nhà tù của tôi. Tôi càng nói lại càng cảm thấy ông luật sư càng củng cố cái quyết tâm bào chữa cho tình trạng điên loạn của tôi. Ông hỏi tôi, ngoài giấy bút được cấp từ ngày thứ hai, liệu tôi có cần đọc sách gì cho qua mấy tuần rồi rảnh để ru ngủ mọi sự chẳng. Tôi định yêu cầu cuốn Thánh kinh, nhưng nghĩ sao lại thôi. Tôi có cần là cần bộ luật hình sự, và chẳng cần gì khác.

16.7.1939. Tôi không nên tự giấu mình một điều là tất cả những con người này vốn ghét tôi vì hiểu nhầm, nhưng giá như họ biết tôi, *giá như họ hiểu*, họ còn ghét tôi ngàn lần hơn thế này nữa, và ghét với đầy đủ ý thức. Nhưng nên nói thêm rằng nếu họ biết tôi *trợn vện*, họ sẽ yêu tôi vô hạn. Như Chúa vậy, Chúa là đáng hiểu tôi trợn vện.

30.7.1939. Luật hình sự. Rõ lạ lùng! Cái xã hội nhông nhộng phơi bày những phân cơ thể thô bỉ nhất, những ám ảnh kín đáo nhất của nó. Ưu tiên số 1: Bảo toàn tài sản. Không có tội ác nào bị xử phạt man rợ hơn là tội xâm phạm tài sản. Những thương tích cùng các đòn đả thương cố ý gây nên chỉ bị phạt tù nhẹ. Nhưng trộm cướp thì bị phạt tử nếu kẻ phạm pháp mang một khí giới nào đó, dù khí giới vẫn còn nằm trong chiếc xe được trưng dụng đưa đến nơi trộm cướp. Mặt khác, sự tàn ác ngu xuẩn của đa số đạo luật này khiến cho đạo luật hoàn toàn khó bề áp dụng. Tưởng chừng kẻ viết luật vì cạm cũi một cách *trừu tượng* trong phòng vắng nên chỉ cố gắng viết ra những văn bản kèm hăm bót các cơn hận thù của các vị thẩm phán và bồi thẩm bị buộc phải quyết đoán tại trận, mũi đang ngửi mùi tội ác. Sự việc diễn ra ngược lại. Rõ ràng là những đạo luật do một tên điên khát máu thai nghén và phải trông đợi các thẩm phán và bồi thẩm hiểu biết để giảm nhẹ sự ngu dốt nặng nề của luật.

Có những người đúng là có tội một cách *tiên thiên* trước mắt pháp luật dù chưa làm gì cả. Điều 277: “Bất cứ kẻ hành khát hay lang thang nào bị bắt đang mang theo khí giới dù chưa dùng, dù chưa cạy thế hăm dọa, hoặc thủ sẵn các dũa, móc hay dụng cụ khác... sẽ bị phạt tù hai cho đến năm năm tù giam.” Một phụ nữ rõ mặt ngoại tình có thể bị nhốt đến hai năm, chồng của thị là người độc quyền giải tỏa hình phạt này bằng cách thuận tình thu hồi nữ can phạm về nhà mình (điều 337). Người đàn ông có quyền giết vợ và giết nam tòng phạm bị bắt quả tang ngoại tình ở trong nhà của hai vợ chồng. Tất nhiên người phụ nữ không có quyền như vậy trong trường hợp tương tự (điều 324). Không một chữ nào về tội loạn luân. Do đó người đàn ông có thể sống như vợ chồng với vợ hoặc con gái, bà hoặc cháu gái, có với người nữ ấy một gia đình Sây đẹp trước mắt xã hội một cách bình yên,

Chẳng phải bồi thêm làm gì. Cả một khối lượng đầy dẫy ngu dốt, cạm hặn và hèn mạt cấu trệ khiến ta chẳng bỏ công bất bình.

3.8.1939. Mấy đêm tù lồi ngược tôi trở về những giờ chong chong dăng đặc ở trường Saint-Christophe. Không gợi ra hình ảnh của Nestor. Cứ thể

trọn cuộc đời đã qua của tôi trải ra trước đôi mắt nhắm của tôi như một toàn cảnh, khác nào tôi đang chuẩn bị chết.

...

Tôi cố rút ra một triết lý từ cái nợ đời của tôi với Martin. Tôi suốt đời yêu trẻ, nhưng từ nay thì loại trừ con gái nhỏ. Mà con gái nhỏ là gì đã? Nó có khi là đứa con trai “bị bà mẹ bắt lộn”, như người đời bảo, và rất nhiều khi là người đàn bà hãy còn nhỏ, nhưng còn đứa con gái nhỏ thực thụ thì không có đâu cả. Và chẳng đó là điều khoác lên đám nữ sinh một cái vẻ buồn cười dễ thương: chúng nó là đám đàn bà tí hon. Một bầy chạy lu xúp chân ngắn làm pháp phối lớp viền váy chẳng khác gì váy phụ nữ ngoại trừ kích tất. Cách ứng xử cũng thế. Tôi thường bắt gặp các em bé gái thật nhỏ - ba bốn tuổi - đã có thái độ rất là đàn bà và đàn bà một cách dễ tức cười đối với đàn ông, hoàn toàn không giống như các đứa con trai nhỏ đối với đàn bà. Vậy thì có gì chọn con gái nhỏ vì *không có con gái nhỏ?*

Tôi nghĩ rằng quả tình không có đứa con gái nhỏ. Đây là sự lóa mắt về đối xứng. Thật vậy lẽ thường không biết loại trừ sự đối xứng. Cứ lớn lên là đàn ông đàn bà thì nhỏ cũng phải là con trai con gái. Nhưng đứa con gái nhỏ thì chỉ là cái cửa giả, nó giả tạo giống như hình ảnh nuốm vú của đàn ông hoặc ống khói thứ hai trên một số tàu thủy lớn. Tôi lâm vào một tình trạng lóa mắt. Tôi bị ở tù là vì thế chứ không có gì khác.

3.9.1939. Tôi viết mấy dòng này ở tại nhà, trong văn phòng của tôi ở hãng xe chỗ Ballon, hãng đóng cửa hai tháng nay và sẽ kéo dài lâu hơn. Tôi được trả tự do cuối buổi sáng hôm nay. Hồi chín giờ tôi gặp lại ông bồi thẩm. Ông bảo tôi đại khái như sau:

- Ông Tiffauges ạ, hồ sơ của ông nặng, ông ạ, nặng lắm. Gặp thời buổi bình thường bốn phạm của tôi là phải kết tội ông và đưa ông ra tòa đại hình. Nhưng nay nước Pháp động binh. Chiến tranh bùng nổ chưa biết lúc nào. Theo phiếu lý lịch của ông, tôi thấy ông thuộc vào lớp được gọi sớm nhất đấy. Chung quy ông chưa thú nhận điều gì, và cô bé Martin biết đâu chẳng có tật thêu dệt, như lắm khi xảy ra với các cô bé cùng trang lứa. Vậy tôi ra án lệnh miễn tố. Nhưng xin ông đừng quên rằng chỉ có chiến tranh mới giúp

ông thoát khỏi tòa đại hình, và ông nên tâm niệm chuộc tội bằng cách hành xử của mình tại chiến trường.

Thật tình mà nói, không thể nào dùng lời lẽ hay hơn để khuyên tôi lên đường nhập ngũ! Nhưng cần gì! Ngôi trường đã cháy thêm lần nữa. Toàn bộ nước Pháp lao xao như một tổ kiến và chuẩn bị ứng chiến. Không hăng say như năm 1914 đâu! Những người như Pesguy và Barrès lần này không dùng lời, không dùng bút rêu rao cái bệnh ái quốc của mình trong hàng ngũ thanh niên. Những người bị động viên thậm chí hình như không biết rõ vì sao họ chiến đấu. Nhưng biết làm sao được? Chỉ có tôi, thằng Abel Tiffauges này, tục danh thằng Cống Trẻ, thằng teo chim và tên còi cọt cuối cùng của dòng dõi những vị khổng lồ mang đèo, mỗi một mình tôi biết thôi, và có cái lý của nó...

Bọn cớm đã xáo tung lên hết ở nơi này và cũng tốt thôi. Chúng nó ẵm đi toàn bộ những tấm hình chụp và băng âm, nhưng tôi tìm thấy lại tung tóe trên sàn nhà *Những Trang Viết Bằng Tay Trái* của tôi. Dĩ thường bọn mù chữ kia không thèm đến những tờ giấy dày đặc một loại chữ viết “trái trét” khó đọc. Lẽ ra chúng nó nhờ đó biết được tất cả.

4.9.1939. Tôi có thể vui chơi dưới ánh nắng mặt trời. Giữa đêm khuya, nỗi chờ đợi một sự cố lớn đang chuẩn bị cứ làm tôi tràn đầy nỗi sợ hãi. Trong khi giấc ngủ đến với các người anh em thì mặt mày tôi lại căng thẳng trắng trắng nhìn vào bóng đêm mà ghê sợ. Một câu nói nào đó vụt đến tai, và tai tôi tiếp thu được ngay âm thanh thâm thì ấy. Bao nhiêu xương trong người tôi rùng lên sợ hãi, và thịt da tôi dựng lông lên. Một bóng người lướt qua gần cạnh, và tôi tròn xoe mắt nhận dạng được bề ngoài rồi cả mặt đất rung động theo mỗi bước chân thành thịch của người ấy.

Có Chúa chứng giám cho tôi, tôi không hề mong cầu thời mạt thế! Tôi là tên khổng lồ hiền hòa vô hại thêm nỗi dịu dàng, nó dang hai bàn tay to lớn ra, chum lại thành hình chiếc nôi. Mà Chúa biết tôi còn rõ hơn chính tôi biết tôi. Lời của tôi chưa đến đầu lưỡi, người đã biết trọn vẹn. Vật thì thử hỏi tại sao cả một bầu trời nặng hận thù và chớp lóe dọc ngang như thế kia, tại sao cả một màn hơi máu bay ra từ đất, các hố chôn người khói đen bay đến các tầng tinh tú? Trước đây tôi chỉ mong cõng lên vai mình những tên

ky sĩ tí hon cười ngặt nghẽo và bạo ngược. Nhưng tiếng kèn của người xé tan cái im lặng hiền hòa của đêm, tầm nhìn của người làm tôi hốt hoảng, người lay động những giấc mơ của tôi như bầy bướm nhẹ cánh, người túm lấy chân và tóc tôi để lôi kéo tôi vào cầu thang ánh sáng của người.

Chịu lễ sáng hôm nay, lòng dào dạt âm thầm, trong ngôi nhà nguyện giáp với ngôi nhà thờ Saint – Pierre ở Neuilly. Chát mát mẽ phần kích của thịt da còn phập phồng của Giê – su Hải đồng dưới cái lớp trong bóng của chiếc bánh thánh nhỏ và khô làm bằng bột thô *không dậy*. Nhưng biết nói sao đây về sự ranh mãnh của các linh mục La Mã không cho con chiêm nhận bí tích theo hai cách mà lại dành riêng cho mình cái ngon ngọt cho thịt da được hưởng thứ nước máu nóng chúa chan rưới vào mình?

II

NHỮNG CÁNH CHIM CÂU DÒNG SÔNG RHIN

Tại điện Élysée, tổng thống quay mặt hướng về quyền lực quân sự tối cao mà đại diện là thống chế.

- Nói gì thì nói, thống chế giải thích thế nào về sự đại bại vô tiền khoáng hậu này?

Ông Albert Lebrun vừa bật ra câu hỏi mấu chốt như thế. Chúng tôi càng chăm chú thêm. Toàn bộ vấn đề chiến lược nằm cả trong câu hỏi. Và trong tai tôi vẫn còn câu trả lời của thống chế.

- Có lẽ ta đã phát triển truyền tin quá độ. Truyền tin bị cắt đứt. Có lẽ ta đã loại bỏ quá sớm những người chơi chim bồ câu cùng những con bồ câu đưa tin. Có lẽ ở hậu phương nên đặt một nơi nuôi bồ câu giúp cho Tổng hành dinh được tin tức thường trực.

Chúng tôi nhìn ngó nhau nghẹn họng.

Laurent – Eynac.

Ngày 6 tháng 9 được gọi đến trung tâm nhập ngũ ở Reuilly, Abel Tiffauges có được đồng phục từ đầu xuống chân không phải gặp khó khăn gì hết, cũng nhờ vào kích tấc ngoại khổ của anh. Bởi vì nếu quân phục cỡ trang bị lớp trình diện đầu tiên trung dụng và hết sạch, thì vẫn còn loại trang bị cho toàn bộ lớp lùn và lớp còi khêu của thế gian. Ba hôm sau, anh được đưa về Nancy, trung thu vào tiểu đoàn 18 công binh điện tín và nhập vào đội tập sinh tiêu phòng.

Ngay buổi tiếp xúc đầu tiên với loại mã tự ám hiệu (morse), anh cảm nhận rõ rệt và là lần đầu tiên từ nhiều năm nay, sự bật dậy từ bên trong con người anh đã từng tằm thuốc độc cho tuổi nhỏ và tuổi lớn lên của anh và nay báo hiệu rằng trí khôn và trí nhớ của anh đã bị khóa chặt đứng trước một thứ mới. Viên sĩ quan trường bách khoa chỉ huy đội, muốn kích thích mọi người phấn đấu, đã quyết định rằng ai muốn có phép xuất trại phải nắm vững mẫu tự điện tín trước đã. Tiffauges dễ dàng yên tâm giam hãm mình trong trại. Đối với anh, cuộc động viên nếu đã giải thoát anh ra khỏi tù thì vẫn tiếp tục giam hãm anh dưới một hình thức khác. Quá tình đây là một quãng thời gian chờ đợi đơn điệu nhưng sẽ được ngắt quãng bằng những biến cố đáng ghi nhớ chứ chẳng không, và nếu nó có dài lâu khô khốc thì cuộc tái sinh đang chuẩn bị lại càng vinh quang.

Cũng vậy, bao nhiêu bài tập truyền tin chẳng mấy chốc làm cho bao nhiêu tập sinh thụt lùi xuống mức ngang anh. Số là các huấn luyện viên mỗi đêm sau buổi dạy, cố làm sao viết báo cáo khai thác thiết bị ở mức nhiều nhất và tốt nhất cho nên thà họ đích thân thao tác máy còn hơn. Bọn chuẩn úy phụ trách tiếp nhận thường thường ngồi trước các ám hiệu dồn dập đã tỏ ra bất kham cho nên chỉ đáp lại bằng một câu cứu nguy là: xin nhắc lại, xin đánh ám hiệu chậm hơn. Do vậy Tiffauges mãn nguyện với việc quay tay máy phát điện, là nhiệm vụ khiêm tốn và đơn điệu nhưng hợp với anh hơn, nhất là vì hàng ngày anh đã ném cái cảnh nhìn các đồng đội bộ binh bò lặn trong đồng bùn hoặc thở dốc theo những cuộc chạy bộ bất tận. Đến tháng 1 năm 1940, anh vô phương làm chủ các dấu hiệu quy ước, trừu tượng, vô bổ, không mang tính định mệnh, nên phải chịu trượt trong kỳ thi lên cấp bậc hạ sĩ, và với tư cách binh nhì anh được phái đến Erstein, khoảng hai chục cây số về phía nam của Strasbourg nằm giữa quốc lộ 83 và bờ sông Rhin.

Đại đội của anh gồm có hai mươi điện thoại viên và hai mươi vô tuyến điện và đại đội có nhiệm vụ chuyển biên bưu điện đông dân này với sáu ngàn người đa số đã di tản thành một trung tâm đầu não của sư đoàn, gánh lãnh công tác giao lưu giữa bộ máy chỉ huy đặt ở sảnh đường thành phố và ba tiểu đoàn bộ binh phân ra trong các chòi nhà của sông Rhin, bao gồm một toán thám thính là kỵ binh, có luôn cả pháo binh chiến đấu, pháo binh nặng, công binh và dịch vụ hậu cần.

Suốt nhiều tuần lễ, Tiffauges di chuyển dọc theo các lộ và đường nhỏ ở trong vùng vừa đẩy một chiếc xe bô ệt chở đầy dây cáp quân sự hoặc mang trước ngực mình một chiếc yếm cứng với các khoanh dây cáp cứng, trong khi đó hai đồng đội thủ sẵn thang và dao chĩa móc dây cáp chạy dọc theo các tường, cây này sang cây kia, hoặc cột này sang cột nọ. Anh tự ví mình như con nhện to tướng giăng dây bắt tận phía sau lưng mình, và anh lấy làm thích những chuyến đi dài đường vào trong làng giữa mùa đông giúp anh khỏe người lên mà tâm trí lại được thanh thoi. Thấm thoát bưu điện ở Erstein quả nhiên giống như trung tâm chiếc màn nhện với bốn chục đường dây chạy trên trời phân đi khắp các ngã, mà theo lời nhận xét của thiếu úy Bertold vốn nổi tiếng không thích bọn hữu tuyến, đó là một mục tiêu dễ bị máy bay thám sát nhận ra.

Số là có sự đối nghịch ngấm ngấm giữa bọn hữu tuyến và bọn vô tuyến điện, bọn sau tự cho mình có kỹ thuật vừa hiện đại hơn vừa ít lộ liễu hơn, và không phải mất công đặt dây và coi ngó mạng lưới. Trước Noel một thời gian ngắn, các biến cố xảy ra dường như trùng hợp với ý kiến bọn này. Chiếc loa phóng thanh của bọn Đức vùng Ottenhem tuôn ra xối xả cho bọn người trong các lán trại, băng qua dòng nước sông Rhin đầy bùn, toàn những thông tin và khẩu hiệu, mở lời chào hỏi các đơn vị đúng từng con số và luôn các sỹ quan theo đúng tên của họ, mở lời xỏ xiên yêu cầu chuyển lời khen tặng đến các công binh điện thoại viên vừa mới hoàn thành lắp đặt dây cho mạng lưới Erstein. Tiếp theo chúng nó miêu tả tỉ mỉ các dây lắp đặt về mặt kỹ thuật và luôn cả khả năng truyền tin của dây. Có lẽ mọi việc sẽ dừng ngang đây thôi, giá như không có một binh sỹ Pháp thăm dò và phát hiện trên bờ hữu ngạn của sông cái vòng dây loa phóng thanh trên chiếc xe cam nhông và dùng súng có kính ngắm bắn vỡ vụn nó ra. Như thế là hành động thẳng thừng đi ngược lại với những quy ước chung sống hòa bình mà hai bên đang tôn trọng, và tạo ra một sự trả đũa. Sự thể này diễn ra sáng hôm sau từ tinh mớ, dưới hình thức một chiếc máy bay đơn độc, đâm bổ xuống tấn công bưu điện Erstein. Ngay những tiếng lạch cạch đầu tiên của súng liên thanh trên mái ngói, Tiffauges cùng với sáu đồng đội khác đang làm nhiệm vụ nhảy ào xuống hầm làm bằng thân cây. Máy bay nhào lộn mấy vòng và thả một loạt bom nhỏ rơi xuống mấy khu vườn. Thiệt hại lẽ ra không đáng kể giá như không có chiếc lò đẩy củi và không được coi ngó trong thời gian báo động đã phải phát lửa và làm cháy nam bộ phận điện thoại gần đó.

Biến cố được phóng đại thêm giữa cuộc sống đơn điệu của nhóm người. Thoạt tiên người ta thảo luận sôi nổi về tiếng rú chát chúa của máy bay khi đâm bổ xuống. Một bọn thì cho rằng trong máy bay có còi hú để tạo một hiệu quả tâm lý, bọn này quyết liệt cãi lại những tên nào chỉ cho rằng tiếng rít là do máy bay sau khi bổ xuống thì phóng trở lên để tránh đâm đầu xuống đất. Tiếng rít nhỏ lại khi máy bay đến gần và òa ra to khi nó bỏ đi, tiếng còi có thể là như vậy. Các cuộc bàn cãi này Tiffauges tham dự nhưng không góp ý. Dần dà anh tin rằng chiến tranh chỉ là sự đối đầu giữa các con số và dấu hiệu, tuyền là một sự bùng nổ giữa tai nghe và mắt thấy chỉ tổ làm cho người ta khó hiểu hoặc hiểu sai. Nhìn về bề ngoài thì không ai khác cho bằng anh được chuẩn bị cho những vấn đề tiếp thu, giải mã và phát tín hiệu ấy, thế mà anh chẳng hiểu gì vì anh thiếu mất yếu tố sống nóng và máu me vốn đối với anh là dấu hiệu của con người cho nên mọi thứ cứ bèn bồng trong một khối cầu trừu tượng, trầm mặc và ngẫu nhiên. Anh tin tưởng và kiên nhẫn chờ đợi sự hòa nhập giữa dấu hiệu và da thịt với nhau, đối với anh điều này là cùng đích của sự vật và đặc biệt là của chiến tranh này. Điều này sẽ xảy đến cho anh vài tuần lễ sau đó, dưới một dạng phải nói là buồn cười, nhưng vẫn báo trước những dạng vẹn toàn hơn trong tương lai.

Những sự báo động của bộ chỉ huy về truyền tin có thể bị lộ cho nên quả tình đã gây ra những hậu quả bất ngờ cho Tiffauges. Hiệu quả đầu tiên là phe vô tuyến điện tạm thời đặc thắng. Nhưng khu vực quá rộng, thêm vào đó là thiếu nhân viên và thiết bị, nên các trạm truyền tin cách xa nhau và không nối với nhau được. Ngoài ra phải áp dụng một con số đã hóa ra cần thiết vì tình báo địch lợi hại – hàng ngày chiếc loa phóng thanh của Ottenheim đều chứng tỏ điều này – nên vấn đề truyền tin điều chỉnh nhịp độ chậm lại và vấn đề nhân viên thành ra trầm trọng. Đến lúc này thiếu úy Bertold, người say mê chim bồ câu, đề nghị xây dựng một chuồng bồ câu bay đi bay về lân cận trụ sở của ban tham mưu. Vị chỉ huy, Granet, là cựu chiến binh từ trận Verdun, bên cạnh vị chỉ huy Raynal hồi ông dũng cảm bảo vệ pháo đài Vaux lúc bấy giờ liên lạc với tướng Pétain bằng bồ câu đưa tin. Ông hoan nghênh lời đề nghị của Bertold. Muốn phụ việc cho thiếu úy, cần có một ai đó làm đủ thứ việc. Người ta để cử Tiffauges, là người rảnh tay vì không ai níu giữ anh.

Suốt tháng đầu năm, mọi người chăm lo xây cất và chỉnh đốn chuồng bồ câu trên đỉnh một ngọn tháp, tháp này mọc bên hông của tòa sảnh của thị trấn và tầng trệt dùng làm kho chứa dụng cụ cho phu đường. Bên trong có một chiếc thang dựng đứng cho phép trèo lên tới một tầng tròn khoét nhiều lỗ nhỏ, áng chừng trước đây là những lỗ châu mai. Mấy lỗ này được đính các liếp gỗ có thể điều khiển theo bốn vị thế: đóng, ra lẻ, vào lẻ, mở. Tuy nhiên tầng được chia làm hai vách ngăn, vì theo lời giải thích của Bertold, cần phân định loại chim bồ câu *tự dẫn*, tức là gắn bó với chuồng vì quen hơi và vì kết đôi, và loại bồ câu thuộc một chuồng ngoài gần xa ít nhiều sau khi nhận được thông điệp và được thả ra thì về chốn cũ. Loại thứ hai chỉ được cầm giữ ngắn hạn và chia riêng con đực con cái, bằng không chúng sẽ theo chuồng mới và thế là phải để sang loại thứ nhất. Nhờ một anh làm mộc, họ xây một loạt bảy mươi ô, mỗi ô có thể tiếp nhận một con độc thân, hoặc một đôi, như thế dung lượng chuồng lên đến một trăm bốn chục mạng tối đa, “một sơ khởi”, Bertold bảo thế, rõ ràng anh ta mơ màng tưởng đến một cuộc chiến chỉ gồm toàn vun vút qua lại những đám chim mờ trời. Trong một góc của tầng trệt ngọn tháp, có mười ba thùng gỗ nhỏ tập hợp một loạt những hạt dùng làm thức ăn đúng quy cách cho bồ câu quân đội, gồm các loại đại mạch, yến mạch, kê, lanh, hạt cải dầu, bắp, lúa mì, đậu lãn, đậu tằm, gai dầu, đậu răng ngựa, lúa và đậu Hà Lan. Người ta cũng không quên chiếc hộp đựng đất mặn, gồm có gạch, vữa và ốc hào xay, có thêm những mẫu đá lửa và đất sét, tất cả nhồi với nước mặn.

Ngày 20 tháng 1, khi tất cả đã đậu vào đấy để tiếp nhận các chú lính bay, theo cách gọi của Bertold trong những lúc tình cảm, vị chỉ huy Puyjalon hạ lệnh trưng dụng, chiếu theo đó những ai nuôi bồ câu trong khu vực cần khai báo bằng thư từ và thỏa thuận bán lại một số chim mà người lính công binh phụ trách bồ câu chỉ định sau khi đã dò xem và tuyển dụng. Như thế là cuối tháng, Tiffauges dong ruồi trên các nẻo đường vùng Alsace lái một chiếc cam nhông nhỏ chở đầy những giỏ lác đặc biệt – bộ binh số 1 – có thể đựng mỗi giỏ sau con bồ câu bó lại.

Bertold có dạy cho anh, bài học chủ yếu được lấy trong cuốn *Sách dùng cho thí sinh phổ thông cấp hai chuyên biệt về bồ câu quân sự* của đại úy Castagnet. Anh biết rằng con bồ câu quân sự giống tốt có thể bay bảy trăm

đến chín trăm cây số trong một ngày, và truyền lại về sau những ưu điểm đặc sắc của nó về thể lực và trí lực, nó phải có chiếc đầu tròn phính, mỏ khỏe, mắt nhấp nháy nhanh, các cơ mắt linh động nhạy cảm, ánh mắt thẳng và dữ nơi con đực, hiền hơn nơi con cái, cổ dày lông, gáy mạnh nơi con đực, mềm mại hơn nơi con cái, ngực nở, ưỡn về trước, vai rộng, bảng quan dững mãnh và dày lông, ức khỏe, cong về trước mà xuôi về phía sau để sát tới bảng quan và tóp bụng tối đa, cánh gắn chặt vào vai và có hình thể hơi cong, với những chiếc lông vũ úp sát vào nhau như ngói úp trên mái, lưng rộng và chắc khếp lại bằng chiếc phao câu nở nang mọi mặt với chòm lông nhỏ mịn, mười hai chiếc lông đuôi thường là ngắn chứ không dài lún phún lông ngò ở phần gốc và tạo thành chiếc bánh lái vừa động, dẻo mà mạnh, bắp đùi gân guốc, cẳng khô, móng nhọn và chắc ở từng ngón chân. Anh cũng học biết rằng ưu điểm cần cho người nuôi bồ câu là dịu dàng, kiên nhẫn, thận trọng, sạch sẽ, biết suy nghĩ, có óc quan sát, vững vàng và tinh thần kỷ luật, và Bertold bắt anh học thuộc mấy dòng sau đây nổi tiếng ở tất cả các chuồng bồ câu quân sự tại Pháp: “Yêu chim bồ câu say đắm là một đạo bùa giúp cho người lính công binh có đa số các tính tốt ấy khi bước vào một chuồng bồ câu. Kẻ nuôi câu hiếu động nhất và vọng động nhất trở thành hiền hòa và kiên nhẫn đứng trước chim câu của mình, kẻ sơ sài nhất cũng săn sóc cho chim được sạch sẽ hơn là săn sóc chính mình”.

Kể từ độ ấy, người ta trông thấy Tiffauges đi cùng khắp đồng này rừng nọ, bước vào các trại gia súc, đối đầu với bò tót và chó dữ thả rông, đánh thức các xóm ngủ yên, gõ cửa các ngôi nhà tranh, bấm chuông ở các bờ rào sắt của cơ ngơi các ông chủ, và bao giờ cũng vậy, tay cầm lá thứ, xin được xem và sờ mó các con chim câu được trình báo. Anh đã quen cầm chim trên tay và nắm nót chim một cách dễ dàng mà anh chẳng lấy làm ngạc nhiên. Nhẹ nhàng đưa hai tay lên khỏi đầu chim rồi hạ xuống từ từ. Kế đó anh cầm lấy, bàn tay trái túm lấy phần sau của chim, túm hai chân kéo ra trước đuôi giữa hai ngón tay trở và giữa, ngón cái nhập với ngón trở để giữ cho cánh úp lên đuôi, trong khi bàn tay phải đặt xuống phía dưới ngực chim giữ giữ mình trước của chim, đầu cho nghiêng về phía phải. Khi nào anh muốn sử dụng tay phải, anh áp mình trước của chim lên ngực mình để cho chim khỏi mất thăng bằng, và không cho chim tìm cách vượt khỏi tay trái. Anh biết tên gọi mọi loại màu sắc có thể có, màu xanh Vendôme có ngấn đen trên cánh, màu xanh chì, màu nung gạch, màu hung vôi, dân giá, ánh bạc, khảm màu, và anh biết rằng giữa những con bằng điếm nhau thì bao giờ cũng nên chọn

con lông sẫm màu hơn, vì nó kém nhạy và thông thường lại dai sức hơn. Anh biết phân biệt bồ câu “xương hỏ” – xương chậu hỏ nhau ít nhất một phân – với bồ câu “xương hàn” – xương chậu chạm nhau – và những con “xương khếp” – xương chậu gần chạm nhau. Anh có thể nhắm mắt sờ một thoáng là định được tuổi, đực hay cái, luôn cả đoán chừng lần thay lông vừa rồi và cả lần thay lông tới đây.

Đêm đến anh trở về Erstein với mấy lồng chim, Bertold ngâm nga bình luận về chất lượng các chiến lợi phẩm, vừa móc vào chân trái của chim chiếc khuyên sắt mang số hiệu kèm với hai số năm sinh và hai mẫu tự đan chéo A.F. (quân đội Pháp). Kế đó các bạn tân binh được đưa vào chuồng dành riêng và chờ được bữa ăn ngũ cốc thỏa thích.

Do cao lớn và khỏe khác thường, Tiffauges, đối với đồng đội, có thể tỏ ra kín đáo, ít thân mật, thờ ơ với những lo toan hàng ngày của bọn họ. Dễ có thể cho là cao ngạo, nhưng ở đây họ cho anh là khù khờ mà thôi, hoặc là, tốt hơn, cho anh như một con gấu tịt trung vô hại. Anh chẳng lấy làm điều, bởi khoảng cách khó vượt qua mà thiên hướng đặc biệt của anh tạo ra giữa họ và anh. Cuộc chiến tranh này, “chiến tranh kỳ cục” như tên gọi thuở ấy, bọn họ bị ném lộn mào vào đó, nhìn nhau ngơ ngác dở cười dở khóc tùy theo lúc, đây là cuộc chiến bày ra cho anh, cho riêng anh, dù nó làm anh sợ và trên sức anh nhiều lắm. Và anh biết cuộc ba chìm bảy nổi này mới chỉ bắt đầu, còn nhiều tai họa khác nữa, nhiều địa chấn lịch sử khác nữa dành cho số phận anh. Thậm chí việc anh chuyển đến bộ phận phụ trách bồ câu của tiểu đoàn, đối với anh không phải là không nằm trong một đồ án tổng quát chạm đến anh và không khỏi chứa đựng một thiên hướng cao hơn còn đang phác thảo.

Số là anh đã nhanh chóng ngã theo ý thích của thiếu úy Bertold, và kể từ nay chim bồ câu làm thành một phần ngọt ngào âm cúng của đời anh. Những chuyến du ngoạn mở rộng của anh qua vùng làng mạc Alsace đầu tiên là những chuyến tách ra khỏi sự chung đụng đơn điệu với tiểu đội, nay thoát trở thành những cuộc săn lùng say sưa và lớp bồ câu không còn là những cái cơ giải thoát trời xui đất khiến để trở thành những sinh thể bé bỏng đáng yêu đáng cầu, mỗi sinh thể lại mang một cá tính khó lòng thay

thế. Và anh bồi hồi tiếp nhận mỗi buổi sáng mai những lá thư của chủ bò câu sau khi nhận lệnh trưng thu thông báo chuồng nuôi cho quyền lực quân sự và mỗi khi, cuối cuộc hành trình, bước đến một nông trại lẻ tẻ hoặc một khu vực hẻo lánh sau lớp tường cổ, cổ họng anh thắt lại vì xúc động, trong khi bàn tay hộ pháp của anh khấp chặt lại trên những hình hài bẽ bồng phập phồng mà anh biết mình sẽ bắt đi những con nào tùy thích. Và chẳng anh chắc mẫm rằng làm chủ bò câu chẳng hoàn thành nhiệm vụ yêu nước của mình đâu, họ làm ngơ, và lờ đi cái việc trả lời cho chỉ huy Ernstein không phải vì sơ suất mà vì khur khur bịn rịn chim của mình. Và chính những con này mới là những con anh nóng lòng bắt gặp, sờ mó và tranh đoạt, bởi lẽ nếu chúng được cưng yêu hơn cả tức là đáng có hơn cả.

Càng ngày càng xem nhẹ những biểu tặng bất thần đến với mình, anh đâm ra thường xuyên điều tra sát cánh với đám người buôn bán và cảnh binh để tìm manh mối chuồng nuôi kín có nhiều món đặc sắc mà lại thoát vòng tham muốn của mình. Anh cũng tạo thói quen luôn luôn liếc mắt nhìn lên trời để chộp trộm một cánh chim lẻ bay ngang rồi nhờ đó ra công lần đến nơi nuôi bí mật.

Nhờ thế mà một buổi sáng đẹp trời tháng tư – chính xác là ngày 19, một ngày ghi khắc vào trí nhớ anh – giữa khi anh men theo con sông III cho đến nơi cuối thị trấn Benfeld, anh có cái cảm giác mơ hồ rằng có một loáng bạc vừa vạch nền trời trên đầu mình, hướng về một rặng thông lơ thơ. Anh tiến lại gần và định thần xem xét từng cây một, nhờ một chiếc ống nhòm không bao giờ rời anh. Anh chẳng cần tìm kiếm lâu lắc, vì chòm lông bạc của con chim nổi bật hẳn giữa mớ cành sẫm. Con vật tuyệt đẹp, lông phủ phê, đầu thật nhỏ kiêu hãnh nhô lên trên chiếc điều tròn lẩn màu tuyết như đầu mũi tàu. Nó mổ lơ đãng vào trái thông còn lại từ năm qua, lửng thừng, như để vẽ vờ cho giây phút dừng chân. Kế đó nó lấy đà, và thẳng cánh lao vút lướt trên chòm nhà. “Nếu nó đang kỳ thiên di, ta sẽ chẳng bao giờ gặp lại nó”, Tiffauges trầm nghĩ, tim nhói lên.

Anh quay bước trở lại Benfeld, và hỏi han ông thú y, có để tấm lác ngoài cửa. Không, chẳng có chuồng bò câu nào đáng gọi là chuồng ở quanh đây. Tuy nhiên, ông chỉ cho anh ngôi nhà của một bà góa tên Unruh đang nuôi dăm ba con khá kỳ quặc trong một cái lồng chim không ra gì.

Bà Unruh vốn không tuân thủ lệnh trưng thu nên chỉ tiếp đón Tiffauges một cách ỡm ờ nghi ngại. Tất nhiên bà có mấy con bồ câu, nhưng toàn là những mẫu chim thuộc giống lạ và tinh nòi do người chồng tuyển chọn cẩn thận. Giáo sư Unruh, nhà bác học về di truyền, trước đây có nuôi thử nghiệm để quan sát từ các thế hệ liên tục, một số tính chất huyết thống lưu truyền hoặc mất đi. Kế đó ông bị vướng vào cuộc, trở thành người sưu tập quan tâm đến những mẫu đặc biệt vì đẹp đẽ, vì tinh ròn hoặc luôn cả tính chất kỳ quặc, và khó lòng phân biệt trong chuồng do ông để lại sau khi chết đi mới đây thôi, phân biệt đâu là tinh khoa học và đâu là thú chơi của mình. Bà vợ góa, thờ ở đối với cả hai mặt, tiếp tục bảo dưỡng những con bồ câu cuối cùng xem như di sản sống của chồng mình.

Bà nói huyền thuyên, lạnh lùng, không lộ vẻ gì là sốt sắng mời Tiffauges vào và dẫn anh đến chuồng, và anh phải xăm xăm bước tới để cho bà chịu dẫn đường cho anh.

Đây là ngôi nhà giàu có, nó lẽ ra sẽ tầm thường giá như các bức tường không đầy ắp những con chim câu ở trong tình trạng thiên nhiên đủ kích cỡ và màu sắc. Có những chim gằm ghi màu xám tro, chim câu cổ nhỏ có yếm nâu, chim câu vùng Lando, chim câu hoang, chim công nhún nhảy, chim én căng xù, và luôn cả chim cổ đen giống Trung Quốc và một con chim câu gỗ mỡ. Mỗi con chim đậu im lìm trong vị thế được sắp đặt do óc tưởng tượng của người nuôi chim, và mỗi nhánh cây tựa có kèm theo một phiếu gia hệ và di truyền. Hai người đi qua hai gian phòng lớn với các bức tường phủ đầy những cánh chim dang rộng và lơ nhô những mỏ chim chìa nhọn, tất cả tạo tương phản với cách sắp đặt gọn ghẽ và giàu có của bao nhiêu món đồ mộc, đèn chùm và màn cửa – hiển nhiên là vũ trụ, vũ trụ của giáo sư và vũ trụ của bà vợ, cả hai suốt một đời gần cạnh nhau nhưng vẫn không hòa lẫn, như nước với dầu lớp trên lớp dưới trong cùng một cốc – và hai người ra tới một hàng hiên mở ra một khoảng vườn nhỏ, nhỏ đến nỗi nếu ta chụm lên vườn bằng một giàn dây đan hình chóp thì có thể biến toàn bộ khoảnh vườn thành chuồng. Tại đây trên một cái cây nhỏ, khẳng khiu, có những que nhỏ bằng tre, trên đó là những tấm ván đưa vào một hàng lỗ nhỏ và trên đó đang lách chách những hình thể sống động lại kỳ, vì ta nhận ra trong đám ấy nào là giống nhào lộn, con chúc đầu, loại bồ câu mọi đen, con đưa thư, bồ câu thầy dòng, và cả đến hai con bồ câu bi ngẫu nghện trên đôi chân to tướng và đầu rụt vào bọc điều trưng phình ra quá độ.

Tiffauges cảm thấy thế nào ấy khi quan sát bộ sưu tập, phần nào có vẻ của lạ phương xa này, phần nào có vẻ dị tật, kịp đến lúc anh để ý thấy, kê sát một ô cửa, một đám lông màu hung như cái trứng to, không lộ chân, không lộ đầu, rõ là một hình bầu dục. Anh đến gần tò mò, và đưa tay ra. Lập tức cái hình trứng biến hình và hiện nguyên hình hai con bọ câu đẹp mã và lông màu lá nâu úa, giống nhau như hệt. Chúng áp chặt lại với nhau, rứt đầu rứt chân, làm ra hình dạng một hòn bông hình trứng đã khiến cho Tiffauges chú ý. Anh cầm cả hai lên và ngắm nghía sành sỏi, tìm không ra một chi tiết nào phân biệt được con này với con kia. Khi anh ngược mắt lên, anh bỗng bắt gặp một nụ cười thật hiền hòa làm sáng khuôn mặt nghiêm nghị của bà Unruh. Bà nói:

- Nhìn cách ông mân mê, tôi biết ông là người sành. Phải bao nhiêu năm thân mật với chúng nó mới được như vậy. Và có một thiên hướng thật sự nữa. Chồng tôi không hơn ông. Còn tôi cố hết sức giúp chồng thí nghiệm, ông ấy cũng ngã lòng dạy tôi cái nghệ thuật đáng yêu, ẩn kín ấy...

Tiffauges, mỗi con trong mỗi tay, áp chúng lại rồi tách xa ra giống như hai mảnh của cùng một vật đơn sơ nhíp nhàng bị vỡ đôi vì bị chạm. Mỗi khi cặp lông nâu tiếp chạm nhau, chúng nhập lại thành quả trứng theo một phản ứng máy móc cài chúng lại với nhau. Thậm chí có thể bảo rằng có một từ trường hút chúng lại và dán chúng vào nhau. Bà Unruh dẫn giải:

- Đôi chim có vẻ hoàn toàn bình thường thôi, nhưng kỳ thật là những mẫu nghịch đời nhất trong bộ sưu tập của ông ấy. Chúng nó là cặp sinh đôi nhân tạo. Chồng tôi tò mò làm làm lại công cuộc thí nghiệm của thầy Morita người Nhật. Ông cho vào trong trứng, và tiếp chạm với bào thai, những mẫu mô của ếch hoặc chuột, tạo ra sự kích động cho tế bào khiến cho tế bào phát sinh nảy nở ra hai hoặc ba đơn vị riêng rời, có khi ra những quái thai lưỡng thở. Cho nên chúng tôi đã từng có những con chim hai đầu. Chúng không sống được.

Trước khi ra đi với đôi chim song sinh, Tiffauges chắt vấn bà Unruh về con chim lông bạc mà mình đang truy tìm. Lập tức bà lấy lại vẻ nghi ngại đầu tiên, tránh né bằng những lời nói lấp lửng không chạm đến con chim quý hiếm, mà vẫn không hoàn toàn phủ nhận. Tiffauges ra tới cổng và sửa

soạn bỏ đi hẳn thì bỗng đâu một tiếng sạt sạt khiến anh quay nhìn một cây mọc qua khăng khiu mọc cần cối sát tường nhà. Con bồ câu lông bạc vừa hạ cánh, và nó ưỡn ngực rù rù nhẹ nhàng làm dáng. Tưởng chừng hẳn biết rõ mình đẹp với chiếc đầu dài và mảnh có đôi mắt to sắc tím, đầu đội lông trắng – bồ câu “mang dấu” theo biệt ngữ của dân chơi bồ câu – với thân hình thon ản dấu mãnh lực thể chất qua đôi cánh u nần lên, và nhất là với lớp lông có ánh kim khí, láng mượt gắn với đá hơn là sinh vật.

Tiffauges đưa tay ra với nó – chiếc bàn tay vốn không làm kinh sợ cho bồ câu, anh đã để ý thấy như thế ngay từ đầu và chẳng lấy thế làm ngạc nhiên – và anh nắm lấy chim, chim lập tức xòe lên cổ tay của anh mười hai chiếc lông đuôi xòe hình quạt, dấu hiệu phục tùng, lối chào mừng của chim với người nuôi chim. Chính lúc này anh mới để ý khuôn mặt trắng bệch và đôi môi run rẩy của bà Unruh. Sau cùng, bà mấp máy một cách khó nhọc:

- Ông ạ, tôi không có cách gì ngăn ông đem luôn con chim ấy. Nhưng ông hiểu cho rằng chuồng bồ câu quân sự của ông chỉ thêm một con chim mà tôi lại mất cái quý nhất trên đời của tôi kể từ khi giáo sư qua đời. Con chim ấy chồng tôi muốn biến thành con chim câu biểu tượng cho tình yêu và đời sống vợ chồng của chúng tôi. Nó là một cái gì hơn hẳn một con chim đơn thuần, nó là...

Bà ngưng bật khi nhìn thấy Tiffauges một mực cởi chiếc dây buộc nắp chiếc giỏ hành lý mang lưng lẳng trên vai. Anh chuôi con chim lông bạc vào đó, và nhìn thẳng vào mặt bà. Lúc bấy giờ bà hiểu rằng nếu con chim bồ câu ánh bạc là một biểu tượng cho mình, thì đối với Tiffauges nó còn hơn thế nữa, và bà có van nài gì cũng vô hiệu vì một mệnh lệnh tranh đoạt là cái không thể lay chuyển hơn cả và ít nhân tính hơn cả trong con người anh.

Lũ chim câu ngày càng xâm nhập đời anh, Tiffauges càng lún sâu vào một tình trạng đơn độc dữ dội. Suốt đời anh chưa hề mau miệng, nay anh trở thành hoàn toàn làm lì. Anh luôn luôn đứng bên lề những chuyện hàn huyên và những cuộc chơi của đồng đội, nhiều ngày trọn anh mất tăm nhưng chẳng ai lấy làm thắc mắc. Tuy nhiên việc tuyển chọn và săn sóc bồ

câu lẽ ra giúp anh rảnh rỗi hơn bất cứ công tác nào khác giá như anh biết lợi dụng. Nhưng bao nhiêu giờ khắc được tự do, anh đều lên đường, thúc giục bởi cái khoái cảm được con mồi vượt ước mơ của mình, hoặc giả, may mắn hơn, giúi mình vào trong chuồng, giữa không khí êm ả đầy lông tơ và tiếng rừ rừ khiến anh quên mất thế giới bên ngoài để từ đó khi ra đến bên ngoài người anh phủ đầy phấn và lông vũ cùng với một vẻ hạnh phúc trên gương mặt. Sự tận tình với chim của anh được đền bù xứng đáng vào cuối tháng tư, khi anh nhặt được trong bãi bùn trên đường đi một chú bồ câu con chết dở vì đói và lạnh, một mẫu chim quá non tháng và chắc hẳn từ chuồng rơi xuống. Anh nhét con chim nhầy nhụa đất ướt vào giữa lớp áo và da mình, và rấp tâm cứu vớt lấy nó hết lòng, không thôi chí.

Anh đã dọn cho nó một cái tổ trong một ô tách riêng và khép kín, một ngày nhiều bận anh đồ công ra như nuôi dưỡng nó. Công việc không đơn giản, là vì nếu chú chim háu ăn đủ mọi thứ thả vào chiếc mỏ lớn há hốc ra với bất cứ ai, thì nó lại ăn một cách bất kể và hơn một lần, trong buổi đầu, Tiffauges phải săn sóc bằng xun – fat xút khi nó bị táo bón, kể đó cho nó ăn tuyền gạo khi nó bị tiêu chảy. Phòng chừng một cách mơ hồ nhưng không thể sai trật vào đâu được, cuối cùng anh hiểu rằng không thể cho con vật ăn bất cứ cái gì nếu không nhai trước hồi lâu, tằm nước miếng và nhồi bằng lưỡi, như thể là mem móm vậy. Cứ thế ngày đêm, không hề suy suyễn, bao nhiêu chén đậu răng ngựa và đậu răng ngựa và đậu tằm – sau đó là những viên thịt bằm – anh thâu tất cả thành một miếng nhồi thật nhuyễn và đúng nhiệt độ của sinh khí để chuyển từ môi mình sang mỏ con chim con đang há hốc chờ anh.

Con chim lớn lên và nó có được chỗ đứng trong chuồng. Nhưng nó vẫn khẳng khiu và đám lông đen không hề láng lẩy như đồng loại. Thế mà Tiffauges yêu nó một cách riêng biệt, anh ngỡ như đọc được trong mắt nó cái lóe sáng thông minh đã lấy lại được thần sắc sâu đậm thêm vì kinh nghiệm sớm sủa về cảnh sống côicút và đau khổ của nó.

Một trong những lo toan chính yếu của thiếu tá Granet là tính nóng của đại tá Puyjalon mà không phải bao giờ cũng thoa dịu được. Kỳ thật, Granet có một bí mật trong đời ông mãi về cuối về sau mới hé lộ, và do một con

mắt nào nào tinh hơn cả. Lúc đầu ai nấy tự hỏi vì sao, thay vì một chỗ ở nào khác đầy đủ tiện nghi hơn và bề thế hơn, ông lại chọn một chiếc nhà dù bằng gạch, khiêm tốn nằm ở nơi vừa ra khỏi thị trấn. Kế đó người ta quên khuấy đi mất cái bí ẩn nhỏ nhất vẫn không có lời giải đáp ấy. Nay lời giải đáp nó nằm ở đằng sau ngôi nhà, dưới hình dạng một khu đất hình chữ nhật khoảng một ngàn thước vuông mà lúc đầu thiếu tá cần cù tự tay vỡ hoang trước khi trồng cây gieo giống. Granet mê làm vườn, đặc biệt mê các thứ rau, và những giờ khắc điếm phúc hơn cả là những giờ cuối ngày, chiếc cuốc chét hay câu cuốc dầy cỏ trong tay.

Trong khi đó, về phía ông, đại tá Puyjalon chỉ toàn mơ chuyện di chuyển một số lớn những đám công thợ. Ông chuyên nói đến vấn đề “chơi trò đổi cột trong các đơn vị”, gặp ai ông cũng bảo ông ghê sợ những “tình huống ổn định”, và trong các nhà ăn của khu vực người ta tẩm tặc lặp lại câu ông nói với một đại úy trước khi phái ông này đi công tác ở Strasbourg: “Tôi muốn tọa độ của trại chỉ huy bao giờ cũng mang những thông số bất định”. Bao nhiêu dự án, bao nhiêu ý nghĩ băng quơ của Puyjalon được Granet giữ êm nhẹm, ông này sợ nhất là chuyển đổi khu vực trước khi thu hoạch cà rốt mới và đậu Hà Lan.

Các biến cố dồn dập kể từ ngày 10 tháng 5 làm cho sự đối nghịch hóa ra gay gắt. Puyjalon đinh ninh rằng đạo quân phía đông tập sau đường hào Maginot là vô ích và sắp sửa được gọi chuyển quân tiếp cứu tướng Georges đang gặp nạn ở phía bắc và đang sẵn sàng cho một cuộc diễu động tức thì. Granet, trái lại, cho mình có lý do tin rằng quân Đức của Von Leeb sẽ toan tính xuyên thủng phòng tuyến với các đơn vị hiện đàn đóng bên kia sông Rhin. Quân đội Bỉ đầu hàng ngày 28 tháng 5 kéo theo những tan rã liên tiếp đưa dẫn quân đội Đức tiến vào Paris, sự kiện này báo trước là phía nam sẽ bị bao vây và khiến cho đại tá sợ rằng bộ tham mưu của Nancy, càng ngày càng ít thông tin, dễ dàng rút lui không buồn báo động cho Erstein. Ông quyết định làm cho ra lẽ và thuê một chiếc xe hơi nhỏ đi dò là một chuyến ngắn. Ông đem theo gã tài xế thân tín là Ernest cùng với hai sĩ quan của bộ tư lệnh. Vào giờ phút chót, sợ mất liên lạc với Erstein, ông quyết định bố trí thêm liên lạc bằng chim để phòng ngừa. Thế cho nên, Tiffauges mang theo một giỏ bốn con chim ngồi sau xe, sáng hôm 17 tháng 6. Anh đã chọn lựa, theo tình cảm, vì linh cảm sẽ không còn gặp lại chuồng bồ câu ở Erstein, con đen nhỏ, con lông bạc lớn xác và hai con sinh đôi lông màu lá úa.

Mặt trời sáng rạng trên bầu trời không mây, các cánh đồng lốm đốm hoa, các cây đỗ tía với chòm lá lao xao, vạn vật như muốn bao bọc chung quanh con đại nạn của nước Pháp bằng một cảnh trí tung bừa, đầm thắm. Cong người trên ghé xe, chiếc giỏ đặt trên đui, Tiffauges chuôi bàn tay trái vào giỏ ve vuốt chim mà anh nhận rõ từng con chẳng cần nhìn, anh tự hỏi, bây giờ đúng một năm, tính từng ngày, sau cuộc thám sát Weidmann ở Versailles, rồi đây cái hình phạt linh cảm và đáng đời sẽ đến với lũ dân yếu hèn và ác độc như thế nào đây. Câu trả lời đã rõ tại thành phố Epinal vì phải đi vòng xuống đây, trong khi con đường trực chỉ đến Nancy, vì những lý do nào chẳng hiểu, bị cấm cản do một tốp cảnh binh không chồn lòng trước quân hàm đại tá. Cái thành phố nhỏ vùng Vosges này ngập chìm trong một làn sóng người đang tuôn chảy hỗn độn gồm có người đi bộ, ngựa, xe hai bánh và bốn bánh, đang cố vờ chìm vào một cơn ác mộng của ngày tận thế. Các trạm bơm xăng ráo hoảnh, các cửa tiệm lương thực trống vóc, mọi nhà buôn đã quyết định đóng cửa, và không đào đâu ra nổi một thứ gì hết. Cả đoàn người hào hển, cầu nhàu từ Nancy sắp tới đây vì hôm qua người ta thông báo quân Đức sắp tới Nancy và đoàn người thẳng đường đến Plombières trong một phản xạ chạy trốn không cần lý luận. Một chiếc xe hai bánh có ghé dài dừng lại trước một cửa tiệm đóng cửa và nhiều người, sau khi gõ chán trên các liếp sắt và gọi chán để tìm nước uống, đang bắt tay vào việc phá cửa bằng cách dùng những chiếc ghế nhỏ vừa nện vừa húc vào cửa, Puyjalon dợm can thiệp, nhưng lập tức đám đông phân bua với ông, ông tháo lui và ra lệnh cho tài xế trực chỉ phía bắc Bắc, dọc theo sông Moselle. Tiffauges vừa kinh sợ vừa hả dạ, nhưng trong tai anh vẫn cứ còn lời trêu chọc của một tên vô lại thò cái đầu bù xù ngật nghẹo của nó ra cửa xe, nhìn vào giỏ chim và tru tréo. “Thế nào, chim du lịch, chúng nó đang du lịch đây à”

Chín cây số đi mất hai tiếng, đi ngược dòng đoàn người trốn chạy tạp loai, nhưng nhúc. Đến Thaon, hoàn toàn tắc tị. Một người đàn bà tru tréo lẫn ra đất vật lộn một mình, và người ta xúm quanh làm nghẽn lối. Người ta rỉ tai nhau rằng bà ta uống nước sông Moselle bị Đệ Ngũ Quân bỏ thuốc độc, có kẻ bảo bị trúng gió, một bác nông dân ria quặp quả quyết rằng bà ta vờ vĩnh và phải sửa trị bà đi thôi. Cuối cùng bà này người lên làm tung chiếc váy và giữa hai đui dạn ra, người ta thấy nhú ra cái đầu của một đứa bé chết.

Viên đại tá hết chịu nổi ra lệnh quay xe sang phải và qua sông Moselle để tránh mớ người dính chùm với nhau này. Chiếc cầu vô sự, như vậy rõ ràng chứng tỏ bọn Đức còn xa, theo lời của ông. Sau khi qua khỏi đám người khủng khiếp ở quốc lộ 57, con đường tỉnh lộ nhỏ bé vòng vèo giữa bao nhiêu cánh đồng lúa mì và lúa đại mạch mới lớn gây cho những người đi xa một không khí tĩnh lặng và tràn đầy hạnh phúc của làng quê. Xe băng nhanh qua ngôi làng Girmont đang ngà ngật trong không khí nặng nề của buổi giữa trưa, kế đó là mấy cánh rừng im mát và đầy tiếng chim hót. Lên đến một con đường dốc nhỏ, xe đổ vào một cụm nhà lúm xúm quanh một lữ điếm bề thế mang bảng hiệu *Vòi nước bạn* và, quả nhiên, sát cạnh một chiếc cổng dành cho xe đi vào, một vòi nước bằng đồng phun nước rộn rã vào một chiếc vạc bằng đá hoa cương hình trái tim. Đại tá truyền lệnh đỗ xe lại và một mực lao vào lữ điếm. Ông quay trở lại gần như liền sau đó kèm theo một gã phốp pháp mặt mày nhợt nhạt hẳn nhiên là chủ quán và gã đang vung tay diễn tả sự bất lực và vô khả năng phục vụ. Đại tá giải thích cho bọn người đi cùng:

- Quán đóng cửa. Có đồ uống nhưng chả có gì ăn. Đề nghị Tiffauges với Ernest đi vào nhà dân gặp cái gì mua cái ấy, còn tôi thử đi điện thoại về Erstein.

Khi Tiffauges về lại lữ quán bốn mươi lăm phút sau, đã gõ khắp các cửa của ngôi làng mang tên Zincourt, anh mang về một hộp đậu Hà Lan, một kilô bánh mì và hai trăm rưỡi gam bơ mà anh đã phải trả tiền gấp ba lần giá trị thực thụ. Đại tá ngồi vào bàn trong một căn phòng lớn với mấy viên sĩ quan trước mặt nhiều chai rượu mặt mày hờ hợt. Ông reo lên:

- Đậu Hà Lan! Cậu khá lắm, Tiffauges! Chim bồ câu mà gặp đậu thì phải biết!

Lúc đầu Tiffauges không hiểu, tiếp đó anh linh cảm điều chẳng lành, bước xuống bếp. Chiếc giỏ nằm trên bàn chỉ còn mỗi một con bồ câu.

Những chiếc lông vũ màu hung và màu bạc khắp cùng sàn nhà, và trong lò, trên một ngọn lửa cui hừng hực, ba tấm thân bé bỏng trụi lụi, đang bị xiên, loang loáng mỡ, đang quay đều thảm thương. Ernest báo:

- Lệnh của đại tá. Đại tá muốn chừa lại một con, con nào cũng được. Biết đầu chừng, ông bảo vậy. Tôi chừa con đen, con gầy nhất trong bốn con.

Và vì Tiffauges há hốc mồm không nói được một lời, y nói tiếp:

- Không sao, năm người ba con bò câu, chẳng thấm vào đâu!

Tiffauges im lặng đặt các thứ lương thực xuống, tiếp theo, sau khi quẳng ánh mắt cuối cùng vào chiếc giỏ có con bò câu đen thu mình khiếp hãi, anh trở lên gian phòng chung và tìm chỗ ngồi cách xa các viên sĩ quan đang vừa uống vừa la lối. Anh nghĩ thầm mà giận càn hông: “Năm người ba con ư? Nhất định không phải như vậy, ít nhất có một thực khách không động tới chim là anh, là Tiffauges, kẻ đã trù mên nuôi dưỡng chim để làm thành những kẻ đưa tin trung thành, những kẻ mang tín hiệu sống động pháp phòng” Kẻ đó anh nảy ra ý nghĩ. Anh há chẳng phải là kẻ duy nhất ngược lại cần ăn mấy tấm thân bé bỏng bị sát hại này sao? Trước hết anh đói chết được và trong cảm giác nhức nhối này anh cảm thấy có một sự dần thân, gần như một mệnh lệnh phải lao vào bữa tiệc đơn độc và dư dật này. Điều bí ối, là cái mặt dê tiện ấy bên cạnh mấy đĩa khật khừ chệnh choáng. Bù lại động tác lạng lẽ và sùng mộ là nuốt vào mình thi thể ba tên binh sĩ tí hon bị chặt đầu sẽ mang một tính chất gần như sùng đạo, và dù thế nào sẽ là mối cảm kích đáng quý hơn cả đối với chúng nó. Tiffauges cảm thấy dâng dậy trong mình một mối căm hờn dữ dội đối với tên Puyjalon lớn lối mà hai tên sĩ quan bộ tư lệnh nhũn nhặn và lép vế lắng nghe. Còn thằng Ernest, dĩ nhiên chính hắn muốn tránh xông pha vào làng đi tìm thức ăn nên mới ngỏ lời với đại tá hy sinh mấy con bò câu. Một lần nữa Tiffauges lại bắt gặp mình đơn độc, đối diện với bọn người thô lỗ đang khinh bỉ anh vì anh vụng về, lảm lì, nhưng kỳ thật anh là kẻ tốt nhất, khỏe nhất, kẻ duy nhất được tuyển trạch và vô tội, và nhờ định mệnh, anh sẽ thắng cả bọn dê tiện lướt khướt này.

Những suy nghĩ ủ ê của anh ngang đến đây thì bỗng cửa lữ điếm vụt mở ra vừa tàn bạo vừa lạng lẽ trong ánh nắng tràn ập vào. Gã chủ điếm lao đến chiếc bàn của đại tá.

- Báo động! Bọn Đức! Gã ghìem giọng nói ra mấy tiếng ấy, nhưng rất mạnh giống như thể gã đã dùng hết sức để hét lớn.

Ba người đàn ông bật dậy và nai nịt. Ernest thò đầu hớt hải qua khe cửa nhà bếp. Gã chủ điếm nói rõ hơn:

- Bọn nó đến từ Hadigni đến đây bằng xe gắn máy, trốn đi! Nhưng đừng đi xe, chúng nó thấy bắn theo thì chết. Các ông hãy chạy băng đồng và tìm cách lọt vào rừng Fiefs. Tôi chỉ đường cho.

Và gã lại lọt ra ngoài trong ánh nắng chứa chan của buổi chiều, theo sau là Puyjalon, Ernest và hai sĩ quan.

Còn lại một mình Tiffauges chậm chậm đứng lên, anh mỉm cười và hít vào một hơi dài. Mặt đất vẫn chưa hết chấn động kể từ bãi nước miếng trong Bộ Nội vụ nó sửa soạn tác động thêm nữa. Anh nhớ lại câu nói lừng lẫy của Puyjalon. “Tôi ghê sợ hoàn cảnh ổn định!” Cầu được ước thấy, đại tá nhé! Anh băng qua gian phòng tối ẩm và lạnh lẽo và đi xuống bếp. Trong chiếc giỏ, vũng vầy chiếc bóng đen của con bọ câu còn lại. Tiffauges kẹp giỏ vào trong tay. Anh sửa soạn bước ra thì sực nhớ lại và đặt giỏ xuống bàn. Ba con chim bọ câu chín vàng xếp hàng ngoan ngoãn trên cái xiên. Anh trải ra trên lò một tờ giấy của hàng thịt và cho tất cả vào đó và nhét hết vào trong xách con. Anh bước ra cửa, kẹp chiếc giỏ dưới cánh tay, bỗng nhiên đụng đầu gã chủ điếm. Gã này la toáng lên:

- Vẫn còn ở đây à! Bọn Đức vào tới làng rồi! Tôi chẳng muốn chúng nó bắt gặp lính Pháp trong nhà tôi. Anh đi theo mấy người ấy còn kịp. Tôi dẫn đường cho.

Tiffauges đứng đung đi theo. Hai người băng qua đường vắng. Mặt trời tưởng chừng như đã quét sạch người trong làng. Chỉ còn vòi nước hình trái tim rả rích bất tận. Hai người lòn lỏi giữa các ngôi nhà, ở giữa đám nhà là một con đường nhỏ sỏi đá, rồi lọt vào một vườn rau. Tiffauges sực nhớ tới Granet. Đối với ông này, ít ra chiến tranh có một ý nghĩa, cụ thể, không chối cãi được, nhưng sự bại trận ở đây đây ông xuống số phận tất cả bọn người khác. Còn đối với anh, Tiffauges

Hai người đi đến đầu một con đường mòn vào sâu trong rừng. Gã chủ điểm ra dấu cho anh nhanh chân vào con đường ấy, và gã canh chừng anh trong chốc lát trước khi quay gót. Tiffauges nghĩ thầm: “Tên này sắp sửa dọn rượu ngâm mát ra đón tiếp bọn Đức, đối với hắn, chính bại trận mới có ý nghĩa”.

Anh bước đi hai ba cây số theo hướng có vẻ đối với anh là hướng nam, băng qua một con đường nhựa, qua một con sông nhỏ và thấy liền một hàng cây chắc hẳn là rừng Fiefs đây. Chính nơi này anh bắt gặp Ernest đột hiện ra từ một cái hố chắc hẳn là nơi hắn đứng canh chừng. Đại tá và đội sĩ quan núp gần đó trong một túp lều làm than để chờ tin tức, Ernest và Tiffauges nhập bọn. Pujalon hài lòng thaayss Tiffauges không bỏ rơi chiếc giỏ còn một con chim trong đó. Ông bảo:

- Được đây, cậu, trong những hoàn cảnh gay go nhất cậu vẫn không bỏ rơi vũ khí, dù là loại khiêm tốn. Nếu có thương, tôi sẽ nghĩ đến cậu. Mà này, ta vẫn còn liên lạc được với Erstein, tôi đọc cậu ghi một tờ thư gửi đi, phòng chúng ta bị bắt.

Tiffauges ngoan ngoãn rút trong giỏ ra cây bút mực và cuốn sổ tay có giấy mỏng đặc biệt dùng cho thư chim. Và trong khi đại tá đi đi lại lại trong lều, cầm chiếc que nhỏ đập vào ủng da, đọc lên một địa chỉ tràn đầy cảm khái gửi cho mọi binh sĩ trong khu vực (“Các cậu ạ, đại tá của các cậu rơi vào tay địch sau một trận chống trả kịch liệt. Các cậu từng sống dưới quyền chỉ huy của tôi, các cậu đã chứng tỏ khá đầy đủ rằng các cậu dũng cảm khiến tôi tin tưởng giữa cảnh loạn lạc đang dày xéo đất nước...”), Tiffauges viết một tờ thư hoàn toàn khác để gửi cho thiếu úy Bertold: “Thưa thiếu úy. Chúng tôi bị bắt làm tù binh. Con trắng và hai con màu hung đã bị đại tá giết. Con đen phải đi đường xa rất nóng nực. Nó cần uống nước, nhưng chỉ uống nước hâm hâm, và vì nó hơi yếu, thiếu úy nên cho nó hai viên dầu cá mỗi ngày. Con mập quê lậu vẫn đẻ trứng trắng đẻ, có nghĩa chỉ thích giao du với mấy con cái. Sáu con màu xanh Vendôme phải được xổ súc ruột. Xin cho mỗi con uống hai viên dầu đu đủ bụng trống. Tôi chắc con vẩy trắng bị sung ở cánh trái. Tôi có thấy ở nách một chỗ u nhẹ vàng vàng. Thiếu úy thử phết thuốc sát trùng cho nó...” Cứ thế dài hai trang đặc chữ với tất cả chăm chú yêu thương của Tiffauges tuôn trào ra cho đám tí hon vận chuyển tín hiệu. Đại tá đọc xong đã ngót một phút trong khi Tiffauges còn hí hoáy say

sua. Cuối cùng anh ký tên và vội vã cuộn tròn lại trước khi đại tá mở lời yêu cầu đọc lại. Con chim đen hết công chân và sót ruột cất cánh ngay khi nó cảm thấy chân trái có nặng vì chiếc ống. Nhưng Tiffauges cho nó vào lại trong giỏ.

Mặt trời sửa soạn khuất thì cả năm người bị bắt làm tù binh trong một bãi trống của khu rừng Piefs chõ vào làng Girmont. Một toán tuần tiễu, dẫn đầu là một Thượng sĩ, vây họ lại. Nghe hiệu lệnh “Bỏ vũ khí xuống!”, ba chiếc súng ngắn rơi nhẹ xuống nền rêu. Tiffaudes mở cửa giỏ, len lén lấy con đen ra và ẩy nhẹ nó về phía mấy khẩu súng ngắn. Con chim đập cánh rồi sà xuống đất. Con mắt tròn và nhỏ của nó nghiêng nhìn một chiếc báng súng, đôi chân khô lướt trên mặt theo ánh đen của nòng súng. Rồi hắn rút người lại và lấy đà bay ào vượt qua đầu bọn Đức.

Tiffauges cúi xuống và đặt chiếc giỏ không xuống chân. Anh sửa soạn đứng thẳng người dậy thì nhận ngay một chiếc ủng đá vụt vào mông mình. Anh đay ran luôn cả cột sống. Thấy anh đưa hai tay nhăn nhó đỡ vào hai mạng sườn, đại tá đỡ giúp anh đứng thẳng. Ông bảo:

- Khá lắm, cậu ạ. Cậu chơi được chúng nó! Chậm nhất là ngày mai thông điệp của tôi tới tay binh sĩ Erstein. Cậu đau phải không? Tôi sẽ đề nghị cho cậu được huân chương thương binh.

Ngay sáng hôm sau, Tiffauges bị cách ly xa ba người sĩ quan và anh lọt vào một chiếc sân ở xưởng máy Strasbourg cùng với vài trăm bạn tù. Anh quen biết ít nhất là một người, đó là tài xế Ernest nhưng anh ít buồn chơi với bất cứ ai, với Ernest thì lại càng không, là kẻ sát hại chim câu, với kẻ khác cũng không. Đêm đầu tiên, anh một mình ăn một con. Anh tin đó là con lông bạc. Có thể là do trọng lượng của chim, nhưng cũng là do một mùi vị như thế nào đó không phải không gần gũi với mùi quen thuộc của con chim khi còn sống. Hai con chim rán kia cho phép anh không những đỡ con đói lòng vốn hành hạ chúng bạn mà còn giúp anh dinh dưỡng lòng mình bằng cách ngấm ngấm tưởng tới những sinh vật duy nhất mà anh yêu thương từ sáu tháng nay. Bọn tù vì mất gần sạch các tin tức nên bám víu vào các tin đồn phi phỏng hơn cả. Hữu chiến đã ký kết giữa nước Pháp và

nước Đức, bọn họ không dè mình sắp được phóng thích. Người ta chỉ còn chờ đợi các phương tiện vận chuyển được tái lập và đám người dân chính chạy giặc trở về quê quán. Tiffauges không nghĩ đến ảo tưởng ấy, chẳng phải vì sáng suốt hơn người mà vì anh biết rằng chân lý của mình nằm ở phương Đông, còn chuyện trở lại Paris với hãng sửa xe Ballom là một điều hài hước không quan niệm nổi. Định mệnh riêng của anh đã rõ nét từ bao giờ nên không thể nào mơ mòng chạy vạy. Thế nên, hôm 24-6 người phóng thích từng đám sáu chục mạng đi về hướng cầu tàu bắc nổi trên dòng sông Rhin thay cho chiếc cầu Kehl, anh cảm thấy dậy dàng một nỗi vui sướng mãnh liệt và thâm lặng hào nhịp với hành động quan trọng mà anh đang hình thành. Trong đám người đồng hành, có kẻ biết giác mộng giải phóng nay mai đã tiêu tan nên làm li tuyệt vọng, kẻ khác thì tiếp tục nuôi mộng hảo huyền mà họ truyền miệng từ tập này sang tập khác như những thứ bạc giả: được chuyển qua nước Đức thu hoạch mùa màng, sau đó được trả về nhà, hoặc được đưa đến một cảng sông tạm thời rồi cho hồi hương về đường thủy.

Ra khỏi thành phố Strasbourg, mặt trời đã lên cao và mọi người đã cảm thấy khát nước. Nhiều thiếu nữ từ nhà ở bờ sông đi ra đem nước cho tù binh, trong khi lính Đức canh gác cũng muốn làm ngơ. Tuy nhiên tập của Tiffauges bị chậm lại vì một cuộc xô xát giữa một ông già người vùng Alsace đưa ra lẽ đường một xô nước với nhiều cốc và bị một hạ sĩ quan Đức cho rằng ưu ái như thế là không phải cách. Nương theo sự lộn xộn nhất thời điềm tiếp theo đó, một người đàn bà từ nhà chạy ra cầm tay Tiffauges kéo vào nhà và hỏi hỏi nói từng tiếng một tỏ ý giúp cho anh lẩn trốn và cho anh quần áo dân sự. Lúc đầu chẳng có ai gọi tên anh, sự biến mất của một người trong đám sáu mươi mạng khó nhận ra được. Cuộc toan tính này rất dễ dàng thành công. Tiffauges nghiêm khắc phán xét cái số phận trớ trêu chọn nhằm mình để được cái may mắn duy nhất là thoát nạn. Anh nhận một cốc sữa, cảm ơn với một nỗi xúc động không hề giả dối, rồi lại trở về chỗ cũ của mình trong đoàn người. Một thời gian ngắn sau đó, tiếng dậm chân mệt mỏi của đám lính vang lên trên ván gỗ của chiếc cầu tạm bợ, qua khe gỗ ta thấy nước sông Rhin chồm lên thành những đợt sóng dập dờn.

- Chúng ta vào nước Đức, Tiffauges lên tiếng ngỏ lời với người đi bên, một gã nhỏ con nâu sạm với đôi lông mày dày đen.

Mặc dù quyết định không nói năng, anh không kèm giữ nổi mấy tiếng vừa rồi, vì hoàn cảnh đối với anh thật là nghiêm trọng.

- Nếu tớ không chắc chắn được trở về nhà trước Noel thì thà nhảy xuống nước còn hơn, gã nhỏ con nâu sạm trả lời.

Tiffauges vui sướng tràn lòng, nhất là vì anh cảm thấy chắc chắn sẽ không bao giờ trở lại Pháp.

III

CỰC BẮC

Tất cả những gì đã qua đều được nâng thành hình tượng, tất cả những gì xảy ra đều được nâng thành ý nghĩa. Tất cả đều là biểu tượng hoặc ngụ ngôn.

Paul Claudel

Tiffauges buông thả con người mình vào trong tình cảnh tù tội không hề kháng cự, lòng vẫn tin tưởng sắt đá và lạc quan như kẻ du lịch buông mình vào chặng nghỉ ngơi biết rằng vài giờ sau mình tỉnh táo, cùng một trật với mặt trời, qua khỏi những cơn mỏi mê của hôm trước, trở lại hồi sức, sẵn sàng cho một chuyến khởi hành mới. Anh đã để rơi lại đằng sau mình, như để rơi những quần áo lấm bẩn, giày mòn, da nứt, để rơi Paris cùng nước Pháp mà trước hết là nàng Rachel, cửa tiệm Ballon cùng ông bà Ambroise, và ở hàng sau là vùng Gournay-en-Bray, thành phố Beauvais và ngôi trường Saint-Christophe. Không có ai ý thức định mệnh của mình cho bằng anh, một định mệnh đi thẳng một đường, không suy suyển, bất di bất dịch cứ nhắm theo cùng đích riêng của nó mà xếp đặt các biến cố lớn lao nhất trên thế giới. Nhưng sự ý thức này cũng bao hàm một thái độ sáng suốt không khoan nhượng đối với điều nhất thời, nét giai đoạn, cùng bao nhiêu sự việc vật vãnh mà con người thường tình quyến luyến và đứt ruột mỗi khi chia xa. Từ tuổi nhỏ bị chà đạp, từ tuổi mới lớn đầy phản kháng, từ tuổi thanh niên nồng nhiệt – được che đậy suốt một thời gian dài dưới cái vỏ bề ngoài kém cỏi hơn cả, nhưng tiếp theo đó lại bị lật tẩy và lăng mạ do một thứ người ti tiện – từ những khoảng thời gian ấy, giống như một tiếng hét, bật dậy sự lên án một trật tự bất công và giết người. Và trời đã đáp lời. Cái xã

hội đã làm khổ Tiffauges được nạo sạch lõi cuốn theo bọn tòa án, tướng tá và giáo sĩ, các luật lệ, luật pháp cùng nghị quyết.

Giờ đây anh tiến lên phía trước. Người ta nhét sáu chục mạng một toa trong một con tàu ì ạch khi đi khi đứng thất thường. Một vài kẻ lì lợm, luôn luôn đeo đẳng ảo tưởng, xúm xít quanh một gã trung sĩ công binh có chiếc la bàn, và họ cứ vin vào từng khúc quặt hơi ngật nghèo của đường sắt, hoặc vin vào một đoạn giạt lùi trong một nhà ga để tự nhủ rằng mình không phải đi về hướng đông bắc mà về có cơ về hướng nam, hướng tây, biết đâu chừng... Còn Tiffauges thì biết và, chẳng cần la bàn mới biết, rằng mình đang đi về *hướng ánh sáng*. Ánh sáng nào đây? Ánh sáng nào đây? Anh chẳng rõ, nhưng anh sẽ biết một cách hẳn nại ngày này sang ngày khác, với những thời kỳ dằng dặc bóng tối mùa đông nhưng bên trong vô cùng phong phú, và kèm theo những phát hiện bất chợt mà lại sáng ngời.

Người ta thả bọn họ xuống một thành phố công nghiệp nhỏ có tên là Schweinfurt. Ban đầu họ bị tấp vào trong những lán trại cô lập, hôm sau người ta bắt họ phải qua những màn tẩy uế và làm sạch chí rận. Bị rữa đi rữa lại trần truồng từ sân ra lán, trọc lông hết, chà xát xà phòng đen, gội nước, rồi phô mình ra trong tình cảnh thảm hại của cơ thể, giờ này qua giờ khác, giữa một cánh đồng rào thép gai, nhiều người chảy nước mắt vì nhục nhã. Tiffauges chẳng có gì để nói về cách xử sự này, đối với anh nó có giá trị như một nghi thức tẩy trần. Anh lại thấy ngồ ngồ nữa là đằng khác, về sự vượt trội bất ngờ của mình nhờ trần truồng mà có, vì nhớ cao lớn và có bắp thịt anh đê bẹp dấp dấp gầy gò và khuyết điểm của chúng bạn, bọn họ chỉ có cái giống và lông lá. Anh chỉ mong sao chóng có thể vút vào bụi bọ đồng phục mà người ta giao cho, nó vừa ra khỏi nồi nấu bị thau lại và còn bốc khói. Ngày nào mặc được một bộ quần áo khác, hợp với tư cách đích thực của mình, thì ngày đó anh biết – và mọi người cùng biết với anh – rằng thời buổi tăm tối ấy đã qua dứt. Hai hôm sau, một cuộc hành trình tiếp diễn, vẫn theo hướng đông bắc. Họ xuyên qua vùng Thurynges, Saxe và Brandebourg. Qua ô cửa nhỏ của toa tàu họ thấy lướt qua trước mặt vùng Wartbourg d'Eisenach, các tháp lâu đài Gotha, các cánh đồng hoa Erfurt, dinh cơ Weimar, các nhà máy Zeiss của Iéna. Tới Leipzig họ được phép xuống bến tàu và thông thả trong một góc nhà ga được vây kín đối với họ. Tàu dừng phải đến mấy tiếng đồng hồ. Người ta phát xúp cho họ trong phòng đợi hạng ba, kể đó họ tìm cách tự xếp lại thành từng đơn vị hoặc theo

tình hoặc chỉ vì cảm tình. Lẽ ra Tiffauges xếp hàng độc một mình giá như gã tài xế Ernest không đeo theo anh. Sự bám sát này không gây lương vướng cho anh nhưng nó làm anh ngạc nhiên nhất là vì anh thấy ở nơi con người Ernest một thái độ lễ phép mà anh không hiểu vì cả hai cùng cấp bậc. Anh gọi cho hắn nói. Ernest làm bồi phòng ở ngoài đời, một nghề nghiệp đã trở thành hiếm có người làm, và đối với Tiffauges nghề ấy có một sự uy tín âm thầm nào đó vì đòi hỏi vừa đi nước đôi một cách lạnh lùng vừa cần phải lễ mễ một cách có tính toán. Điều này làm phủ lấp sự chệch choạc khó chịu giữa các hạng giàu có được phục vụ và những người có gốc gác khiêm tốn đang hành nghề. Tựu trung anh đã tha thứ cho Ernest phân trách nhiệm của hắn trong việc hy sinh các con chim bồ câu, việc này cũng giống như hầu hết các biến cố trong đời anh được anh khoác lên một tính cách định mệnh khiến cho sự việc trở nên hồn nhiên và dễ hiểu. Cuối cùng anh thu nhận hắn là người có vẻ đã chọn anh làm chủ! Khi con tàu tiếp tục chuyển bánh giữa đêm, bọn canh gác khóa trái các cửa và các lỗ thông ở toa tàu. Những ai không ngủ đều hiểu rằng tàu đang xuyên qua Berlin nhờ các chặng dừng và cách vận hành của tàu làm cho con tàu gặp trở ngại trên đường đi. Kế đó đoàn tàu chuyển động đều nhịp làm ru ngủ những thân xác chổng lên nhau. Chắc hẳn tàu đang băng qua một đồng bằng rộng, bất tận mà chỉ có đêm tối mới làm cho con người bớt chóng mặt.

Trời sáng có vẻ nhanh hơn và mát hơn thường ngày. Các cánh cửa kéo được mở ra âm âm. Tiếng lệnh truyền, tiếng gọi vang. Đám người ngơ ngác nhẩy ra khỏi toa, lập tức bị khựng lại vì một ngọn gió mát lạnh và cắt da. Một lán trại to tướng làm bằng gỗ phết dầu hắc lù lù có vẻ như thể uy nghi bởi cảnh vật đều bằng phẳng. Từng đợt gió làm rung một tấm biển gỗ hình chữ nhật dựng trên hai cột, trên đó nổi lên những chữ viết kiểu màu đen trên nền trắng: MOORHO. Chung quanh là những chiếc ao liền nhau mút mắt, xem kẽ là những cánh đồng mà người ta đoán rằng ngay mùa thu các cánh đồng này sẽ biến ngay thành đầm lầy. Xa xa, từng quãng một, có từng cụm thông cho ta một ý niệm về tỷ lệ và làm cho ta cảm nhận rõ hơn cái bao la của chân trời đang chìm đắm và nhiều đợt khói chạy dài theo bãi lau và cỏ cao. Tiffauges vốn là người ngoài Paris ra chỉ biết có những vùng đồi hoặc những ngôi làng cây cối lúp xúp nay phải ngăn người ra vì cái bao la của vùng đất.

Vì tầm nhìn của anh trải ra vô tận tứ bề, phóng ra giữa làn hơi sương la đà trên những ngọn thạch thảo cùng những mặt nước gương soi, anh có cảm giác tự do xưa nay chưa hề biết tới. Tự dưng anh mỉm cười cho cái điều trớ trêu này, đồng thời tiến bước theo sau một đoàn người đờ đẫn, tiến mãi về phương bắc dưới những tiếng tru tréo thúc giục của một gã thượng sĩ.

Họ bỗng khám phá thấy căn trại cách đường đi vài trăm thước, trong khi ngôi làng Moorhof vẫn chưa chịu xuất hiện. Họ không ngừng rút kinh nghiệm. Trong cái xứ sở phẳng phiu như bàn tay này, bề ngoài trông rộng mở và không có gì bí mật, các ngôi nhà, vựa lúa và luân cả chòi canh của trại chỉ cần rời một đoạn là không trông thấy, tất cả như bị hút vào cái bề dày của đất và nền cỏ. Đây là một trại có kích thước khiêm tốn, vì chỉ gồm có bốn lán trại đôi bằng gỗ, dựng trên những chiếc cột ngắn, lợp bằng vải dầu hắc ín, mỗi cái có thể chứa hai trăm mạng người. Quân số đầy đủ là tám trăm người, quân số này chỉ đạt được vài tuần sau đó nhờ có những đợt người khác tới và tương ứng với các lao tác, nhưng không thuận lợi cho tù binh vì con số còn quá ít ỏi không bắt người ta tổ chức đầy đủ hoặc tạo những nguồn lợi phong phú về con người, và khiến một kẻ đơn độc khó lòng lẫn trốn trong đám đông. Bốn chiếc lán trại được bọc quanh bằng hai lớp rào kẽm gai, giữ hai lớp rào dày đặc những con ngựa sắt. Không gian giới hạn này có thể rộng đến nửa héc-ta. Bốn chiếc chòi canh ở bốn góc.

Những ai bước vào trong địa phận mới này đều chỉ thấy toàn là không có tiện nghi trong cái sơ sài của lán trại, toàn là thù nghịch trong nội vi này, và toàn là ngay ngáy đầy ác cảm từ phía các vọng canh. Tiffauges vững tin thêm trong cái cảm giác tự do và thông dong đã ập vào người anh từ khi trên tàu lửa bước xuống. Mọi thứ như thể đầu vào đáy sãn sàng để bày ra cảnh đồng bằng luôn luôn gần cạnh với bọn người của trại. Anh nhớ lại loại trang trại rộng lớn ở vùng Picardie với bao nhiêu mặt tiền đều mở ra quay và trong sân và chỉ bày ra phía ngoài những lưng tường mù đặc. Ở đây, hoàn toàn ngược lại. Các bờ rào bằng dây thép gai là những cái tường nhìn thiên thâu. Các vọng gác dường như mời mọc soát chân trời. Bên trong cái lán trại được chỉ định, anh chọn lấy giường ngủ tầng trên, xa lò sưởi, nhưng từ chỗ nằm anh có thể xoay đầu nhìn qua lỗ cửa toàn bộ mặt đông của đồng bằng. Anh sà ngay xuống giường, mệt nhoài vì những ngày lộn xộn và những đêm chẳng ra làm sao mà mình vừa trải qua. Đây là lần đầu tiên kể từ khi bị bắt ở Neuilly làm anh tróc gốc, anh cảm thấy mình tới được

một bên bờ, và có được một sự an toàn nào đó. Cõi Châu Âu đã được vớt lại đằng sau xa về phía mặt trời lặn, đang bó mình vào một hình phạt đáng đời. Nhưng trên hết mọi thứ có một lời kêu gọi vỡ òa và êm dịu của vùng không gian trinh bạch nào đây, với mặt đất xám bạc, được tô điểm phơn phớt bằng màu tím của một phía lưng chừng thạch thảo, trỗi lên bằng độ một bóng cây bạch dương mảnh khảnh, và bao nhiêu là cát, là đầm, một không gian chạy dài bao la về hướng đông chắc hẳn kéo dài đến tận Sibéria cũng nên và hút lấy cùng đất này như một họng ánh sáng nhạt màu. Rốt lại, nhờ bọn người nhập trại trước anh, anh biết được vị trí chính xác của Moorhof trên bản đồ của Đông Phổ. Ngôi làng bốn trăm dân này cách Insterburg mười hai cây số về hướng tây và cách Gumbinnen về phía đông, ở bên bờ một con sông, sông Angerapp, sông này nhập với sông Inster tại Insterburg để thành ra con sông Pregel.

Về lao tác được đòi hỏi ở bọn họ, là bọn người mới tới, sau đợt nghỉ ngơi đúng như thủ tục là hai mươi bốn tiếng đồng hồ, họ hiểu rằng mình sửa soạn ăn nằm ngày này qua ngày khác với vùng đất đen và ẩm ướt trước mặt. Đây là một công trình quy mô lớn cần đào vét các cánh đồng bên bờ sông Angerapp, thực hiện bằng những phương tiện vật chất thiếu thốn nhưng được bù đắp bằng công nhân dư dật và ít tốn kém hơn. Mỗi đêm, người ta nhốt tù binh lúc bảy giờ vào các lán sau khi thu quần dài và giày của họ – đúng hơn đó là những đôi guốc gỗ được phân phát. Thế là bắt đầu chuyến du hành tưởng tượng dằng dặc trong đêm đối với mỗi người, chỉ lóe lên nhờ năm chiếc đèn bão đốt bằng dầu hỏa. Họ quá là người mệt mỏi nên chẳng biết chán nản là gì. Sáng ra, người ta cho họ ra lúc sáu giờ, và phân phát một phần tư lít nước Waldtee, là một phần hợp chất dị thường gồm có lá thông, bạch dương, lá trăn và dâu dại mỗi thứ một ít, kèm theo một món đỡ lòng cho cả ngày gồm có một lát bánh mì và một nạm khoai tây nấu chín và tất nhiên là nguội. Tối đến một món xúp nước trong nhưng được một cái là nóng, chờ chực họ.

Họ bước đi từng cụm mười người, một tên lính Đức giám thị kèm theo, đi đến đoạn đường đào vét được chỉ định. Công việc của họ là làm sạch một vùng rộng khoảng năm trăm héc-ta mà gần như toàn bộ đất này phụ thuộc vào một nông trại khổng lồ tọa lạc gần Moorhof. Công trình đào vét dự liệu một hệ thống đường hầm sâu hai thước rưỡi mà phần đáy được bố trí như một cái kênh gồm ba mặt đá, hai mặt dựng đứng, mặt thứ ba nằm ngang,

phủ lên hai mặt kia. Lòng bằng gạch đập nện, kế đó là đất thịt bít kín. Các ống dẫn nước theo một độ dốc vừa phải đổ ra một con kênh chứa nước, con kênh này lại rót ra sông Angerapp. Phần lớn nhân công lao vào cuộc đào hầm bằng xẻng. Hầm đào xong, hai người bước đi bước lại trên hai bờ, kéo lệt sệt một cây bào để chà đáy hầm cho bằng phẳng. Công việc xây cất các kênh được giao cho công nhân người Đức, và luôn cả việc đo đạc các mức độ và vạch ra các đường kênh sắp tới.

Sự chung đụng bắt đầu dĩ trong lán trại cuối cùng đã hòa lẫn những cá nhân riêng rời dần ún với nhau thành ra một cộng đồng nhỏ hẹp nhất và cân bằng, trong đó có chỗ đứng cho mỗi người. Đối với nhiều người trong bọn họ, sự việc cần thiết chia sẻ mọi thứ với bọn bạn mà nguồn gốc xã hội, sinh quán hoặc nghề nghiệp hoàn toàn khác nhau là một điều lạ lùng, có khi có lợi, có khi khổ sở. Tình trạng rút ra khỏi môi trường quen thuộc, môi trường gia đình và địa lý làm cho một số người rơi vào tâm trạng ngẩn ngơ chứng tỏ một sự sa sút tinh thần và trí tuệ nguy khốn. Đối với một số, trái lại, đây là một sự giải phóng cho phép những hoài bão khẩn thiết của họ được nảy nở. Có kẻ lại rút mình làm lữ, nhưng nếu như thường khi đó thuần túy chỉ là sự câm lặng của con thú, thì đồng thời là một câm lặng đầy ắp đối kháng và tính toán. Có kẻ trái lại thao thao bất tuyệt, phân phô với hết bạn này đến bạn kia về nỗi hăm hở nảy ra những dự án và công trình đang nung nấu mình. Chẳng hạn một cậu bán buôn hàng xén cỡ nhỏ, tên là Mimile, ở Maubeuge, lấy vợ quá sớm, người vợ quá hiền, nói thẳng thừng hai nỗi ám ảnh của mình: đàn bà và tiền. Hắn chẳng bận tâm đến việc hai thứ ấy đi cặp với nhau, và nếu hắn có vẽ vờ những trò kết hợp buôn bán lúc đầu loanh quanh trong trại rồi sau đó lan tràn ra toàn vùng, là nằm trong ý nghĩ kiếm một nhân tình người Đức sẽ bao bọc cho hắn, đứng tên cho hắn và qua đó hắn sẽ tậu của cải, một cái nhà, đất nữa cũng nên. Hắn lý luận mãi một giọng:

- Bao nhiêu đàn ông ở đây đều nhập ngũ. Chỉ còn lại toàn đàn bà và của cải. Đàn bà, của cải và bọn chúng ta! Phải rút ra kết luận tiện lợi từ cái tình huống đặt định ra như thế này cho chúng ta.

Nhưng cậu trẻ nhất lán là Phiphi, quê ở Pantin, thì khiến mọi người ê ẩm theo những lối nói chơi chữ và điệu bộ chê bai của cậu, cậu cho rằng chỉ có người phụ nữ Pháp, phụ nữ Paris, mới đáng nói tới thôi. Làm sao mê nổi

cái đẹp thô kệch nặng nề của các nàng Nhật Nhĩ Man thắt bím với tất len mà mình bắt gặp kể từ khi đặt chân lên nước Đức này?

Minile nhún vai và phân trần với Socrate, một anh đậu thạc sĩ tiếng Hy Lạp đang quan sát cái đám người tù túng và đa tạp này qua lớp kính mắt, vừa ung dung kéo từng hơi thuốc ông vố. Socrate chỉ phá lệ dè dặt của mình khi nói lên rất những lời phán giống như lời sấm thường thường mới đầu là những chân lý sáng suốt nhưng hơi tầm thường để rồi liền sau đó – chẳng hiểu sao – biến thành những nghịch lý lạ đời. Một hôm anh bảo:

- Chiến tranh kéo dài bao lâu, chừng nào chấm dứt, vạn sự tùy theo đó. Nếu mình được tự do trước Noel, thì thằng Phiphi có lý. Mình nên trung thành với quê hương. Còn nếu như, và điều này dễ xảy ra hơn, nếu như nước Đức đắc thắng củng cố thành tích của mình bằng xác chết của nhiều thế hệ thanh niên, thì đối chọi lại với một sự bại trận gọn ghẽ và có lợi là một thắng trận đổ máu mà danh giá. Trong khi những người lính Đức cuối cùng mạnh chân khỏe tay còn gìn giữ bên bờ Đức quốc xã ngàn năm hùng vĩ, chúng ta sẽ đem mồ hôi và tính huyết ra tưới bón cho đất đai và phụ nữ của nó.

Lối ăn nói như vừa rồi chỉ đánh thức một lóe nghi kỵ và phủ quyết trong con mắt ti hí nhà quê của Burgeron, anh chàng tá điền làm thuê của vùng Berry có ria quặp, nhưng lại gây ra tràng cười hi hí của thằng Victor mà họ gọi tên là Thằng Điên đã từng nổi danh trong “thế chiến kỳ cục”, và nhất là trong cơn tháo chạy. Victor tinh khí thất thường, không hòa đồng và vui buồn bất định, hấn lê la cùng khắp các trại tâm thần của khu vực thủ đô với vài quãng thời gian tự do ngắn ngủi thường thường kết thúc bằng những hành vi khác thường nên lại tái nhập viện. Đúng khi chiến tranh bùng nổ, hấn đang thông dong, nên lập tức tình nguyện vào bộ binh. Trong quân đội những hành vi kỳ dị tái diễn, nhưng vì những hành vi này trở thành những thủ thuật táo bạo trong hàng ngũ địch, cùng những hành vi dũng cảm khi tiểu đoàn của hấn tán loạn thảm hại, cho nên Victor phủ phê những tuyên dương và huy chương. Socrate đã đem trường hợp hấn ra bình luận và giải thích rằng vì hấn cực kỳ không thích nghi với một xã hội bình yên và trật tự, cho nên hấn lại thoải mái khi gặp những bất ổn trong chiến tranh, nhất là khi chiến tranh chuyển thành tháo chạy.

Tiffauges đứng ngoài rìa cái nhóm nhỏ của lán trại, dù có Ernest làm môi giới xun xoe chạy tới chạy lui với mọi người. Tuy nhiên, anh không hoàn toàn xa lạ với chúng bạn và cũng có khi anh quan sát thấy kẻ này kẻ kia có một cái gì đấy giống với mình. Ở mỗi người bọn họ anh thấy có nhiều lời giải đáp cho bài toán tù tội ít nhiều lần gần giống như lời giải đáp của chính anh – dù anh vẫn chưa xác định được rõ ràng, nhưng chắc chắn đó là một điều tuyệt đang hình thành. Chẳng hạn như những mơ ước chiếm đoạt xác thịt và tài sản của thằng Mimile có âm hưởng trong lòng anh và hơn thế nữa, cái tính điên của thằng Victor bị trật tự xã hội đè bẹp nhưng lại giống như con cá gặp nước đục và hỗn loạn của chiến tranh.

Tuy nhiên, người ta không bằng lòng thấy anh lao động hăng say. Anh đào đất và thọc sâu đục tới nước một cách hăng hái, điều này không thể giải thích chỉ là vì anh khỏe. Làm thế nào cho chúng bạn hiểu rằng anh chờ đợi *một cái gì đó* từ xứ sở này một tín hiệu, một báo hiệu, chẳng rõ xác định là cái gì – vì cứ đào bới đất như thế này, anh có cảm tưởng mau chóng phát hiện cái thông điệp hé lộ cho riêng anh chăng?

Vả lại anh thích thú thâm nhập hùng hục vào phần nội tạng và thâm sâu của một xứ sở mà anh bắt đầu yêu thích. Mới đây anh đã phát hiện ra nó, cái hôm nhờ một tên lính canh dễ tính, anh thực hiện được điều ước muốn kể từ khi đặt chân đến đây là leo lên một vọng canh của trại. Đây là một trong những cái đài bằng gỗ cây sáu thước bề cao phía trên là một mặt bằng có lợp kín và leo lên đây bằng một cái thang. Tiffauges chỉ lướt nhìn trại giam một thoáng thôi, trại xếp đặt chặt chẽ với những dây nhà mới mẻ, mang nét kỷ hà, tương phản với những hình người tiều tụy là đám tù binh đang vất vưởng ở đó. Anh ngược nhìn ra đồng bằng, về hướng đông bắc có lẽ là mục đích của chuyến viễn du của anh, đã khởi đầu từ suýt soát một năm nay. Vùng đất phẳng lì đến nỗi tầm mắt anh phóng ra ngút xa, dù đài quan sát không lấy gì làm cao. Những đồng lúa mạch đen tiếp nối nhau chuỗi, trông như trắng, bị chắn ngang vì một đường đen là rừng thông, là những chiếc ao óng ánh như những tấm thép, bọc quanh là bãi cát sáng, những đầm than bùn làm lộ rõ các thân sáng bạc của bạch dương, những vũng lầy phản chiếu mấy mảng mây trắng sữa, bọc quanh là vòm lá cây trần sẫm màu, những ruộng lúa mì đen xen kẽ với mấy cây sợi gai trắng. “Một xứ màu đen với trắng, Tiffauges nghĩ thầm, ít màu xám, ít màu khác, một trang giấy trắng đầy những ký hiệu đen”.

Bỗng nhiên mặt trời xô ngã tòa mây đang chiếm cứ bầu trời và tóa lửa vào những đám hơi nước đang dâng lên từ đầm lầy và các đám khói từ ngôi làng Moorhof. Một ô kính nơi một ngôi nhà bắn ánh sáng lên chầm chậm như ngọn đèn đánh tín hiệu. Đến đây Tiffauges mới khám phá ra vùng làng này với những chiếc nhà lè tè có mái gỗ xúm xít quanh một ngôi nhà thờ đầy đặn, lù lù, quét vôi, có gác chuông ngấn ngùn vạm vỡ như thể đang áp ủ dưới lớp mái thấp chèn bè một lối đi bọc quanh. Đằng sau ngôi làng có thể là một vùng thấp phản chiếu ánh sáng loang loáng qua bãi cỏ cao và xa hơn, trên một bờ đường có thành đá, một cối xay gió kiểu Hà Lan hiện trời lên với những hình dáng xiêu đổ lật bật. Một đàn sếu bay ngang qua bầu trời, chèo nhẹ đôi cánh, một hồi chuông rắc rắc trong gió một điệu nhạc rời rạc, tang tóc. Tiffauges có cảm giác rất sâu sắc rằng một sợi dây thân thuộc buộc anh vào đất này. Để khởi sự - và có lẽ về lâu dài - anh bị giam cầm, và anh có nghĩa vụ phục vụ nó hết sức, hết lòng. Nhưng đây chỉ là giai đoạn thử lửa, nói là giai đoạn đính hôn cũng được, và sau đó, nhờ một sự đảo lộn quan trọng nào đó ăn khớp với đời anh, anh có thể làm chủ được.

Tất cả cái thứ đất đen màu mỡ mà anh đang cuốc xới ngày này sang ngày khác có lẽ cũng dự phần giúp giập anh: từ ngày nhập trại, và dù thức ăn eo xèo kém cỏi, anh vẫn sống trong tình trạng vô cùng phong phú về đại tiện. Hàng đêm trước hiệu lệnh giới nghiêm thứ nhì - tức là hiệu lệnh cuối cùng - anh ra hố xí ngồi kéo dài tới đa, đây có lẽ là giây lát thích nhất trong ngày làm anh nhớ những năm tháng ở Beauvais vô cùng. Một giây lát mở ra dấu ngoặc một thân một mình, lặng lẽ, tĩnh tâm làm việc phóng uế, hoàn thành một cách rộng lượng, không gắng gổ quá sức, cho cục phân xuống đều từ trong ống nhòn của các màn mềm.

Tuy nhiên địa điểm không thuận cho tư thế trầm tư. Đây là một cái hố sơ sài, trên miệng chạy dài một thanh ván gỗ nhỏ hẹp cứ hai thước đóng một khoanh gỗ giữ cho các bạn hàng một chỗ ngồi cheo leo. Tiffauges nhớ lại những lời bình bác của Nestor với loại phân phóng ra *mất tâm*. Ở đây, việc xúc phân được xử lý chừng mười ngày một lần, bỏ khuyết cho tình hình vừa nói một cách không ngờ và chẳng phải là không có cái hay của nó. Việc xúc được thực hiện bằng những chiếc xe ben có bánh lăn mà một

người đổ đầy lên đó bằng một cái xô dính vào một chiếc cần, như một chiếc môi khổng lồ, hoàn toàn giống những chiếc môi đem dùng ở bếp trại, làm cho chúng nó đem chuyện ra giễu cợt mãi không thôi. Tiffauges cảm thấy chột dạ khi thấy các xe goong sau đó được đổ tháo ra một hố rút nước dùng tưới bón đồng đều cho cả đồng bằng. Nhưng vấn đề tự trọng ngăn cản anh tự nguyện quá hăng hái vào tạp dịch đồ phân và, về sau, việc *canh gác hố xí* khiến anh chán hẳn chuyện ngồi hố. Thật vậy, người ta nhanh chóng phát hiện rằng tù binh có khi không chịu ra tới hố, và dùng bước nửa chừng vì lười hoặc vì thúc bách, và trên đường đi tới hố đặt những người canh gác về hòa với họ. Do đó bọn Đức thiết lập một hệ thống canh gác đảm trách do một lính Pháp cứ bốn tiếng đồng hồ đổi ca, và mang trên ngực một miếng tôn lủng lảng có kẻ hàng chữ tội bại là *canh gác hố xí*. Thế là xong toi việc ngồi một thân một mình trăm ngăm cần thiết cho công việc cần yếu, và Tiffauges lập tức quyết định chỉ dùng hố xôm và riêng, lưu lại ở những nơi lao dịch.

Anh nổi tiếng làm việc say máu nên chỉ được canh gác rất lơ lửng, và tình trạng anh được thả lỏng nhiều giờ trợ trợ một mình đào dưới hố không phải là hiếm hoi. Như thế anh tha hồ chọn nơi thuận tiện để đào vài nhát xẻng và đặt hai cái thanh gỗ luôn có bên mình dựng lên một đài án để cho anh chêm chệ giao kết thân mật với lòng đất nước Phổ.

Nhưng về sau một sự phát hiện lớn lao tạo nên một ý nghĩa mới mẻ cho những thời gian rảnh rỗi của anh. Một hôm tham gia vào những chuyến hành quân vạch đường, thiếu chút nữa anh rơi xuống một giao thông hào rút nước đã ráo khô hoàn toàn lẫn lút dưới đám cỏ cao. Đầu mút của địa đạo này chỉ cách hiện trường của anh chừng trăm thước. Ngay hôm sau, anh tụt xuống đó, và đi thẳng tới trước để khám phá. Lòng đất cứng và phẳng. Trên đầu anh lớp cỏ ra hoa dày đặc tạo thành một lớp mái che nhẹ nhàng lay lắt có từng tia nắng xuyên qua. Một con chim trĩ hôi ỏ phóng chạy trước mặt anh, chăm chăm tiến tới trong đường hào nhỏ. Chẳng mấy chốc anh có cảm tưởng mình bước lên triền dốc, và như thế anh hẳn phải hướng về một khu rừng thông nhỏ làm giới hạn cho vùng đất canh tác Moorhof. Anh bước đi hồi lâu, *con chim trĩ* vẫn đi cặp kè, tiếp theo lại có thêm hai con chim đa đa và một con thỏ to mập lưng màu hung mở đường. Kế đó lớp cỏ thưa dần, một đoạn đường mấy thước không có một loại cỏ nào án ngữ mảng trời xanh do hai bờ hố chặn lại, cuối cùng là những bụi gai và những câu đào đại

báo hiệu đang chuyển qua một địa thế khác. Thình thình con chim trĩ cất cánh bay âm ỉ. Cách vài thước một lớp tường đất có cây mọc chỉ rõ đường hào chằm dứt.

Tiffauges trèo lên mặt đất. Khu rừng thông nhỏ vốn chỉ còn một dãy cây thưa thớt nằm lọt lại đằng sau lưng anh. Thật ra anh đang đứng ở ngoài mép một khu rừng bạch dương với địa thế mấp mô có vài cụm táo đen. Anh có cảm tưởng đang ở vào một xứ sở khác, trên một vùng đất khác, có thể là vì anh đã thoát ra ngoài không khí của trại, mà cũng có thể là nhờ lối đi kỳ lạ gần hết như là địa đạo đã đưa anh đến đây. Anh bước theo một con đường mòn đất cát ngoằn ngoèo giữa một nệm thạch thảo, xuôi dốc một thung lũng, leo lên một con đường dốc, và khám phá ra cái mà anh đang tìm: bên bờ rừng với những đốm tím nhạt của đám cây bả chó bắt gặp đầu tiên, có một cái chòi làm bằng gỗ khoan, xây trên một nền đá, cửa lớn đóng, cửa sổ đóng, như đợi anh đến từ bao giờ.

Anh dừng lại ở bìa rừng xúc động bàng hoàng và thốt lên một tiếng bất rĩ từ quá khứ xa xôi nhất của anh, và chứa đựng những lời hứa hẹn sẽ được hạnh phúc: “Canada!” Phải chính anh đang ở Canada, chính là xứ sở Canada mà khu rừng bạch dương này, mà khoảng rừng thưa và cái chòi này tái lập nên ngay giữa vùng Đông Phổ. Và anh lại nghe ra giọng nói âm u của Nestor đang vùi đầu vào một cuốn tiểu thuyết của London hoặc của Curwood, và Nestor trong mùi hôi nồng nặc của phòng học chung nhắc nhở đến những vùng sa mạc có tuyết có rừng bọc xung quanh vịnh Hudson và vùng Biển Hồ, hồ Caribou, hồ Esclave và hồ Ours.

Hôm ấy, Tiffauges chỉ đi vòng quanh ngôi nhà của mình. Anh nhận thấy rằng cửa lớn bị đóng bằng một cái then bị chặn cứng do một ổ khóa bằng sắt tây, muốn mở cũng dễ thôi. Anh trở lại con đường hầm phủ cỏ của mình. Sự vắng mặt gần ba tiếng đồng hồ của anh không bị ai để ý.

Những trận mưa nặng hạt đầu tiên của mùa thu bắt đầu giữa lúc trung úy Teschemacher, người quản trại, được tin rằng Tiffauges nguyên làm chủ hãng sửa xe vừa là thợ máy, ông nâng cho anh làm tài xế chiếc Magirus năm tấn trực thuộc trại. Thế là anh bắt đầu ruổi dong khắp xứ, lúc đầu có

lính gác đi kèm, tiếp theo càng ngày càng hay đi một mình hoặc đi cùng với Ernest để thay nhau lái. Thông thường là đi lấy lương thực về cho trại, tức là đến các sân nông trại chở những bao khoai tây, luôn cả vài thớt da mỡ hoặc từng tảng xúc xích khô bó lại từng mưới hai tá như bó củi. Mưa làm cho đường sá lún, xói thành những rãnh sâu có khi phải sợ cho chiếc xe tải và cả bụng xe vào lớp đá vồng lên giữa hai rãnh. Kể từ cuối tháng mười, đám lính Pháp kinh ngạc thấy đường sá được máy bừa ủi đều, công tác làm đi làm lại, dự phòng những trận giá đầu tiên, phục vụ cho xe trượt băng. Mưa có khi nặng hạt quá và rơi đều quá làm cho việc đào hào bị gián đoạn. Một nỗi rầu rĩ nặng nề úp chụp xuống bọn người cắm túc tại trại đang bị ngập nước một phần. Giữa lúc ấy Tiffauges lao lạc đi trong chiếc Magirus, mặt anh dán sát vào lớp kính chắn gió mà cái gạt nước quét không sạch nổi, và bản thân anh, lắc lư nhẹ nhàng trong chiếc xe nặng, dầm mình trong những tia nước bắn vào lần các màn hơi, anh có cảm tưởng mình đang ở trên một con tàu giữa một dòng biển dậy sóng.

Các làng mạc vùng chung quanh trở nên quen thuộc đối với anh, và các tên làng toàn sặc mùi đồng cỏ, rừng hoặc bãi lầy – Angermoor, Florhof, Preusenwald, Hasenrode, Vierhufen, Grunheide – lập tức gọi lên trong lòng anh một điệp khúc được minh họa bằng các tấm biển của các lữ quán, một sự nở hoa rộn rã và ngời sáng kèm theo nhiều tua ren ca tụng mỗi nơi một báu vật như Cừ Vàng, Cá Măng, Hoẵng, Bò Vàng hoặc Cá Hồi. Có khi anh lần lữa trong các gian phòng hun khói, lắc đầu không hiểu khi một khách hàng bỗng vớ lấy anh vì nhận ra anh là tù binh người Pháp, và anh bắt đầu quen hơi với những điều xì gà nhỏ có mùi hắc với một đầu rom mà người ta mời anh. Anh có dịp đi tràn về hướng đông đến tận Gumbinnen một thị trấn đông người có con sông Pissa chảy qua, cái tên này khiến người ta cứ cười mãi không thôi. Mỗi ngày thứ tư, gần sát sảnh đường thị trấn, có những thân cây thông bị đốn làm thành những bậc cấp to rộng, thường họp chợ trưng bày ngựa khá nổi tiếng do các chuồng ngựa lớn của hoàng gia ở Trakehnen đưa đến, ở cách đó khoảng mười lăm cây số. Đi xuống phía nam một đoạn nữa là bắt đầu vùng đất hoang Rominter, một khu dự trữ mênh mông gồm có rừng cây cao và hồ, nhưng nhúc thú săn lông mao lông vũ, thiên đàng của loài nai đẹp nhất Âu châu. Càng thường xuyên trà trộn vào đám dân sự, Tiffauges được thể khám phá ra nước Đức, tập nói tiếng Đức, dần dà đi sâu vào một thế giới mới mà anh không lường được sự phong phú, mặc dù chưa nắm được cái chìa khóa.

Mùa mưa, quân số của trại giảm sút nhanh, đội lao động sai phái từng người một hoặc từng nhóm nhỏ thi hành đặc nhiệm ở xa chỉ giữ liên lạc hành chính với quản trại mà thôi. Đông nhất là những người được phái đi làm củi trong khu rừng chung quanh, nhưng nhiều kẻ do ý thích hoặc tay nghề cũng được phân bổ ra các xưởng thủ công, các hầm đá, trại cưa hoặc trại chăn nuôi.

Có dịp là Tiffauges thẳng đường đến vùng Canada. Anh tin rằng bọn kiểm lâm đã tan tác theo tổng động viên, anh ít ngại bị rầy rà trong túp lều mà anh tông được cửa và ra sức thu dọn căn phòng độc nhất. Anh đốt một ngọn lửa sum sê trong lò sưởi, sửa soạn bước lên đài án đại tiện mà anh đã bố trí ở ngoài hiên, phía sau nhà, và đổ ra hàng giờ trầm tư mơ màng đặc hưởng nhờ một thứ xa xỉ ngoài vòng tưởng tượng: sự đơn độc. Điều lo liệu duy nhất là trước hết phải gom góp củi gỗ chất lại thành đống dưới triền mái dự phòng đông tới. Để rập khuôn với hình ảnh nếp sống của người săn bẫy, lúc đầu anh đặt vài gút bẫy thỏ tại nơi có dấu chân con mồi ở mép rừng dương xỉ, chắc chẳng ăn thua gì, nhưng sau đó nhờ mấy vết máu anh hiểu là có con chồn hay mèo hoang nào đó đã vót mồi trước anh.

Một hôm bất ngờ trời đổ mưa, anh nhón nha chẳng đề phòng, ngậm nga theo ngọn lửa lách tách và mưa rả rích trên ván nhà. Anh ngủ quên. Thức dậy, trời đã tối, và nước mưa vẫn râm rì. Hẳn nhiên ở trại người ta đã điếm danh và báo hiệu giới nghiêm. Anh bị ghi là vượt ngục chăng? Qua đêm trong nhà mình. Rồi về trại tờ mờ sáng mai vậy. Anh xếp củi lên đến tận nóc và dọn một chỗ ngủ cầu âu, lòng khấp khởi như đứa học trò trốn học. Nỗi vui khiến anh tỉnh ngủ hồi lâu, mặt quay nhìn lò lửa đỏ, cái sân khấu nhỏ xíu hực lửa đang diễn ra một vở nhạc kịch hoa lệ không có tiếng nhạc, chứa đầy những âm mưu thầm kín đang vỡ ra thành hỏa hoạn. Đây là một chặng đường mới trong tiến trình giải thoát kỳ lạ đang diễn ra ngay trong cảnh tù tội.

Đông đội của anh thì không phải như anh, khoảng thời tiết xấu này khiến họ càng sa sút tinh thần. Tiếng the thé của lũ chim di lướt qua bầu trời sung sướng, con gió lạnh se thắt không ngớt tức tưởi qua vách trại, dải đất âm khí mà mọi thứ đều thù địch, và thứ nhất là cái mùa đông này đang chụp lên đầu họ vừa chôn vùi mọi hy vọng phóng thích, mọi thứ cầu kết làm nản

lòng cái nhúm người thô thiển này, bị rút ra khỏi nếp sống đều đều khỏe khoắn hàng ngày vì một cơn gió bụi nào không hiểu. Riêng chỉ có Socrate tổ chức được một loạt bài thuyết trình về văn học sử, và Mimile làm ra bộ thu thu giấu giấu mỗi khi chúng nó đem hấn ra đùa về chuyện hấn quen biết với vợ gã thợ mộc, nơi hấn đến làm lưng hàng ngày, chỉ có ngân ấy thứ là còn mang đến một âm vang của đời sống vào lán trại. Một đêm Phiphi làm náo loạn khiến bọn bạn túm lấy hấn bắt hấn phải khai là có uống rượu. Hấn chống chế nói quanh, trộn lẫn tên này tên kia, luôn cả tên phố tên tiệm của thành phố Pantin cùng với mấy tiếng Đức – bị hấn Pháp hóa một cách lộ liễu mà hấn nhạt nhẽo từ khi đặt chân đến đây.

Mimile bảo hấn:

- Ít nhất có mày là hợp với mùa đông ở đây. Nhìn mày đẹp lắm!

Hôm sau người ta tìm thấy hấn đã chết, treo cổ nơi cột rào với cái thắt lưng. Vụ tự sát này gieo kinh hoàng trong trại. Thốt nhiên hiện rõ nét một điều là rồi chẳng có ai thoát ra khỏi trại này còn sống sót hoặc tinh trí, các thứ bệnh tật, tuyệt vọng hoặc mất trí sẽ chọn lấy từng nạn nhân trong những tháng tới đây. Huống chi các lán trại – hiển nhiên! – xây cất để chỉ dùng một năm thôi, và không phải chỉ có phóng thích mới giải quyết hết tù!

Mưu tính vượt ngục mạnh nha. Victor mỗi ngày mỗi nảy ra ý mới để lên trốn trại, hấn nói cho mọi người rõ, kể luôn cả lính canh. Có đưa trử thức ăn, kiếm ra từng đồng tiền *mark* bằng cách trao đổi mấy bánh xà phòng hoặc thuốc lá đen với bọn gác hoặc một vài người dân bắt gặp. Rồi vẽ bản đồ. Một hôm, Ernest tiết lộ với Tiffauges rằng hấn cùng với một tù binh khác có ý nghĩ dùng chiếc xe Magirus với giấy thông hành để tìm cách trốn thoát. May ra có thể qua tới Ba Lan, tại đây kiểm soát chắc là lơ lỏng hơn và dân chúng, theo nguyên tắc, sẽ sẵn sàng giúp đỡ. Tiffauges nhún vai không nói gì. Về sau anh phải đương đầu với gợi ý của Mimile, gã này thấy chiếc xe cam nhông đi đi về về, cho đó là cơ hội nghìn năm một thuở tạo ra một thứ mạng lưới buôn bán ngoài phạm vi của trại. Hấn đề nghị việc phân chia phần trăm hậu hĩ cho Tiffauges, điều này không làm nao núng thái độ thờ ơ của anh, nhưng anh vẫn cảm thấy nhói người lo lắng khi thấy hố đào sâu thêm giữa mình với người đồng hương.

Một buổi sáng, người ta nhận ra chiếc Magirus biến mất cùng với Ernest và Berter, một kỹ sư ở Grenoble thuộc lân cận. Chiếc cam không được tìm thấy ra hết xăng, hai ngày sau, cách một trăm rưỡi cây số về phía nam. Nhiều hình phạt rơi xuống toàn trại, và đánh tan nguồn tin là nhẹ tay đối xử vừa áp dụng mấy tuần trước đây nhân sự kiện lịch sử của cái bắt tay thân thiện tại hội nghị Montoire. Người ta đánh cá về sự may mắn thành công của hai kẻ đào tẩu. Cuộc vượt ngục đầu tiên này có một giá trị làm gương. Nếu thành công, nó sẽ nuôi hy vọng cho bọn người không bao giờ có can đảm bắt chước như vậy.

Bốn ngày sau, người ta đưa Ernest trở về, mình đầy bầm, tai tã, mặt mày biến dạng vì bị đánh đập. Người ta khiêng tới một chiếc cang làm sơ sài, trên đó là xác thẳng Berter. Sau khi vứt bỏ chiếc xe, hai tên đào tẩu phải rời bỏ các con lộ thường qua lại của cảnh binh Đức, và mạo hiểm vào vùng đất hoang. Họ bị lạc bước trong đầm lầy, tại đây Berter sẩy lún người mà chết. Cuối cùng Ernest đầu thú tại bộ tư lệnh của một thị trấn. Người ta nhốt Ernest một tuần lễ trong hầm kín – để làm gương – rồi tống đi đến một trại giam quân sự ở Graudenz.

Có lúc trời tạnh ráo giữa những ngày mưa tầm tã và gió bão mùa thu, Tiffauges có thể lần tới con đường hầm phủ cỏ mà mới đây những cơn mưa đã làm cho khó đi. Kể từ đây, một cách đều đặn, anh dành cho mình một đêm ở “Canada”, và cứ mỗi lúc như vậy là một hôm lẻ lạc, một thân một mình mơ mộng được phụ họa bằng tất cả những tiếng động âm thầm của rừng, âm thanh của một người phụ nữ ăn vận toàn trắng nào đó đang đi săn nhai tiếng kêu của con môi, tiếng kêu của con thỏ gọi đực hoặc vỗ chân bành bạch làm cho chông chạy đến, và cũng có khi có tiếng lao xao xa xăm và buồn bã của cả đàn nai. Cuối cùng anh bẫy được mấy chú thỏ con. Anh nhặt lấy và nướng vào lửa, vui mừng như trẻ con được sống thật sự như kẻ săn bẫy của vùng Cực Bắc. Mấy bộ da căng ra trên những chiếc khung nhỏ bằng cây cành được hong khô trên bờ lò sưởi tỏa ra một mùi thú hoang và mùi da cũ kỹ.

Một đêm anh thức giấc vì những tiếng kỳ cọ vào tường nhà. Có ai vừa bước, hình như thế, vừa tựa vào vách gỗ và cửa luôn nữa. Hoảng sợ mà không muốn thú nhận, anh quay người vào vách và cố ngủ. Mấy ngày sau, anh nghĩ lại đến bước chân viếng thăm về đêm hôm ấy. Điều khó tránh khỏi

là sự có mặt của anh ở Canada sớm muộn gì cũng bị lộ. Khói bốc lên từ lò sưởi của ngôi nhà nhỏ nó tố giác anh cho mọi người xung quanh. Nhưng làm thế nào khỏi đốt lửa? Anh tự trách mình hèn nhát. Nếu được viếng thăm lần nữa, nên đương đầu còn hơn, và tìm cách tính chuyện với kẻ lạ còn hơn bị tố cáo.

Nhiều tuần lễ trôi qua lặng lẽ. Mùa thu kéo dài và tưởng chừng thời gian lưỡng lự tiến vào đông. Tuy nhiên, một đêm, tiếng bước chân nặng nề và tiếng động khê quanh nhà vùng Canada lại đánh thức Tiffauges. Anh bật dậy và tiến ra áp sát vào cửa. Bên ngoài trở lại im lặng. Im lặng bỗng xé tan vì một tiếng khò khè làm Tiffauges lạnh hết xương sống. Tiếp theo là một tiếng kỳ cọ vào cửa. Tiffauges vụt mở ra, và lùi bước lảo đảo trước một con quái vật đang đứng ngáng ở cửa. Con thú vừa là ngựa, là trâu, là nai cùng một lúc. Nó bước tới một bước và lập tức bị ngăn trở vì bộ sừng to tướng, phần mút của các sừng bè ra và có răng cưa đục tới trần cửa. Con thú ngược đầu lên, chìa tới Tiffauges chiếc mõm to, tròn, môi trên của nó he hé hình tam giác phập phồng nhẹ nhẹ như đầu mút của chiếc vòi con voi. Tiffauges có nghe nói tới những đàn con mê còn lảng vảng ở phía bắc của vùng Đông Phổ, nhưng anh thắng thốt trước khối lượng kích xù của bộ lông, bắp thịt và sừng đang lăm le lấp đầy cả ngôi nhà nhỏ. Cái môi kia đang chìa tới anh, nó tràn đầy vẻ xin xỏ cho nên anh bước đi lấy khúc bánh mì trên bàn và chuôi tới con mê. Con vật đánh hơi khịt khịt và ngoạm mất. Kế đó cái hàm dưới như queo hẫng sang một bên, và một màn nhai ngấu nghiêng chậm chậm và công kỹ bắt đầu. Con mê chắc phải hài lòng trước món quà tặng, nó lùi bước và biến mất trong bóng đêm, bóng dáng nó vụng về và nặng nề mà vẻ dị dạng và đơn độc trông thật đáng thương.

Như thế là hệ động vật miền Đông Phổ vừa cắt cử đại diện đầu tiên đến với Tiffauges, và đó là một con thú nửa thực nửa hư thoát ra từ những khu rừng mênh mêng nguyên sinh của tiền sử. Anh thức chong chong đến khi trời mờ sáng, cuộc ghé thăm ấy đưa anh trở về điều đình ninh kỳ lạ luôn luôn áp ủ trong anh là mình mang những căn nguyên khó dò, một góc rẽ tưởng chừng đâm sâu vào thời gian mịt mù.

Từ nay, mỗi lần theo địa đạo phủ cỏ để đến vùng Canada, anh mang theo vài cây cải cho con mê. Một hôm con thú đến lều muộn hơn, anh tha hồ quan sát nó qua ánh bình minh. Nó vừa uy nghi vừa thảm hại, bấu vai

nó u nần, cao hai thước, trên chiếc cổ ngắn phình ra mảng đầu to tương với đôi tai như tai lừa và bộ sừng vừa nặng vừa thô, bộ móng xương xấu được chống đỡ bằng những cẳng cà khêu chệch choạc. Nó đang gặm những bụi cây ồng ảnh, và phải lờ ngợ dạng chân trước ra để chạm xuống đất vì cổ quá ngắn. Kế đó, mồm nhai trệu trạo, nó ngẩng tăng đầu lên. Bây giờ Tiffauges nhận ra hai vảy cá trắng phủ lên đôi mắt nho nhỏ của nó. Con mê vùng Canada này nó mù mắt. Đến đây Tiffauge hiểu ra bộ tịch cầu xin, lối đi đứng vụng về, vẻ chậm chạp như kẻ thụ dụ, và vì anh cận thị nặng, anh cảm thấy mình gần gũi với con thú khổng lồ u ẩn.

Một buổi sáng, một tiết lạnh thất thường khiến anh thót người. Qua khung cửa sổ trắng xóa, ánh sáng tràn vào sống sượng khác thường. Anh cảm thấy mở cửa khó khăn vì vướng một chướng ngại vật nhích động được. Anh lùi lại chóa lóa. Bóng đêm ẩm ướt đầu hôm biến thành cảnh tuyết và nước đá lóa ánh mặt trời trong cảnh vắng lặng mềm như bông. Nỗi vui tràn lòng không phải chỉ vì thích thú trước cảnh thần tiên sắc trắng luôn luôn làm dậy dàng con tim trẻ thơ của anh. Anh tin rằng sẽ có một sự thay đổi sẽ rộ lên trên dải đất nước Phổ này thế nào cũng báo trước cho anh một chặng đường mới cùng những phát hiện có tính quyết định. Ngay từ những bước chân đầu tiên phập sâu vào tuyết, điều tin tưởng của anh được khẳng định – dành rằng một phần nhỏ thôi, nhưng có ý nghĩa – trong các dấu chim, dấu loài gặm nhấm và thú nhỏ ăn thịt như các nét tốc ký tinh tế giao qua giao lại trên trang giấy trắng mở ra dưới chân anh.

Anh cầm lại tay lái chiếc Magirus mà người ta lấy dây buộc bánh vào nhau, và anh lái đi trong tiếng lèng kèng và tiếng bánh xe trượt đi giữa một cảnh vật được mùa đông tô đậm các sắc thái. Những nét đơn sơ được thu rút tối đa, những vệt đen thì hằn nét mực tàu vào dải bình nguyên bao la trắng phau, nhà cửa lún vào cả khối bông gòn được đùn nhẹ lên, luôn cả người ta, đầu phủ kín, chân đi ủng, cũng lẫn lộn vào nhau.

Một hôm anh cho lên xe rồi đưa về nhà một gã nông dân đang lạch bạch giữa mấy ụ tuyết bên đường, anh được mời vào nông trại uống một cốc rượu. Lần đầu tiên anh bước vào nhà dân Đức, và nỗi lúng túng của anh – một cảm giác vừa khó thở vừa đột nhập tội lỗi vào chỗ riêng tư – nó khiến anh thấy ra mình đến độ như người rừng, do chiến tranh, tù tội và có lẽ do

khuyh hướng tự nhiên của anh nhiều hơn cả. Giá như một con sói, con gấu lạc bước vào một phòng ngủ cũng cảm thấy hồi hộp đến mức như thế này.

Anh được mời ngồi xuống lò sưởi với họng lò to tướng được trang trí bằng giấy hồng ren tua đóm dáng và trông vui mắt nhờ vô số kỷ niệm, hình cưới, dấu thập ác trên nền nhung lửa lựu, bó hoa la vắng khô, hộp bánh có thắt dải và vòng dây hoa bằng cành thông điểm bốn ngọn nến. Anh được ăn mỡ da có mùi bồ hóng từ lửa than bùn, ăn lươn xông khói, phó mát lỏng đựng trong hũ điểm thêm những hạt a-nít, bánh mì đen – bánh mì làm bằng lúa mạch đen nguyên chất – và được uống rượu Pillkaller, loại rượu từ một thứ hạt ngang phè như lấy từ ván gỗ ra. Vẫn tưởng làm vui lòng khách, chủ nhân nhắc lại kỷ niệm thời gian mình chiếm đóng ở Douai năm 1914, và kết luận bằng lời rửa sự nghiệt ngã của chiến tranh. Tiếp theo là súng ống xếp lại đặt lên giá bỏ vào tủ kính tạo nên cơ hội cho ông say sưa kể lại những chuyến đi săn lừng lẫy trong các khu rừng Johannisburg và Rominten với những đàn nai thần kỳ, trong rừng Elchwald ở mạn bắc, nơi đây dung đảng dung dẻ từng đàn mê, vụng về mà oai vệ, bên bờ các hồ ao có từng đàn thiên nga màu đen đáp xuống.

Chất men khắc sâu thêm trong con người Tiffauges cái nhìn cách không, cái nhìn có tính tự biện và tách bạch mà anh tự gọi là “thiên nhãn”, và cách nhìn này cho thấy thích hợp hơn cả để đọc ra những đường chỉ của định mệnh. Anh hiện đang ngồi cạnh một chiếc cửa sổ có hai lớp dọc ngang từng ô nhỏ, giữa hai sườn khung cửa là những thân cây leo khẳng khiu. Một trong những ô nhỏ này đóng khung vừa vặn cả một vùng phía dưới của ngôi Wildhorst với những ngôi nhà quét vôi lên tới cửa sổ của tầng lầu rồi đóng gỗ tiếp tục lên tận mái nhà, với ngôi nhà thờ dễ thương có tháp chuông bằng gỗ, với khúc ngoặt của mỗi con đường mà mắt anh trông thấy một bà già kéo theo một em bé trên chiếc xe tuyết, một đứa con gái nhỏ dùng cành cây lùa một đàn ngỗng đang trì ước, một chiếc xe với các súc thông do hai con ngựa kéo. Và bấy nhiêu thứ, thu gom trong một ô vuông mà đường cạnh là ba mươi phân, trông thật rõ ràng, thật rõ nét, đặt thật đúng chỗ, khiến cho anh tưởng như đã thấy đâu từ trước trong một vùng lung linh bất định mà nay một sự chấn chỉnh chi li hơn vừa sửa đường nét ngay ngắn lần đầu tiên.

Chính trong chiều hướng này phát sinh ra cho anh câu trả lời đối với câu hỏi mà anh đặt ra cho mình kể từ khi qua khỏi sông Rhin cho đến nay. Bây

giờ anh rõ mình từ xa xôi đến hướng đông bắc này tìm kiếm cái gì: *Dưới ánh sáng miền Cực Bắc lạnh lẽo và thắm sâu, tất cả các biểu tượng đều nổi lên bằng một ánh sáng không đâu bằng.* Đối nghịch lại với nước Pháp, một vùng đất đại dương, lẫn trong mù, với đường nét nhạt nhòa vì vô số cung bậc giảm thiểu, nước Đức đại lục, rắn rỏi hơn và bộc bạo hơn, là đất nước có đường nét ấn sâu, giản lược, cách điệu, làm cho người ta dễ đọc và dễ nhớ. Ở Pháp, mọi thứ nhòe ra thành ấn tượng, thành động tác mơ hồ, thành những toàn bộ dở dang, dưới những nền trời vẩn đục, trong vô vàn tình cảm đắm thắm, người dân Pháp kinh sợ chức vụ, kinh sợ bộ đồng phục, cái vị trí đặt định chặt chẽ trong một cơ quan hoặc một hệ thống giai cấp. Gã bưu tá người Pháp xuề xòa nhưng luôn luôn muốn nhắc nhở rằng y cũng vừa là người cha trong gia đình, là cử tri, là kẻ chơi bun. Còn gã bưu tá người Đức thì cứng khựng trong bộ đồng phục, là kẻ hoàn toàn nhập vai không hề sai chạy. Và cũng như thế, bà nội trợ người Đức, cậu học sinh người Đức, gã xoi ống khói Đức, ông doanh gia Đức, là những người nội trợ hơn, học sinh hơn, xoi ống khói hơn, doanh gia hơn là những người Pháp đồng đẳng với họ. Và trong khi cái triền dốc dở hơi của Pháp dẫn tới tình trạng tòi tàn của bao nhiêu màu sắc tàn phai, của bao nhiêu tâm thân không có xương sống, những buồng xuôi đáng ngại – đụng tới chỗ ve vãn, dơ bẩn, hèn nhát – thì nước Đức luôn lăm le trở thành cái sân khấu với những nhân vật mím môi trợn mắt hoặc thu tóm trong vài ba nét, cứ xem quân đội Đức là đủ biết, một bộ hình mỹ miều tập trung những bộ mặt của trường tàn sát, từ viên chuẩn úy đầu bò cho đến vị sĩ quan kính một mắt và thân hình bó cứng. Nhưng đối với Tiffauges là người mang một bầu trời điếm toàn những ẩn dụ và những nét chữ bí hiểm không ngừng vang vọng những lời nói không rõ tiếng và những tiếng gào khó hiểu, thì nước Đức lộ ra như một miền đất hứa, như *xứ sở của những tinh chất thuần túy.* Anh thấy ra nước Đức qua những câu chuyện kể của người chủ trại và giống như hình ảnh đóng khung trong ô cửa sổ với những ngôi làng lảng lẩy như những món đồ chơi, có dán những tấm nhãn là các tấm biển có hình tổ vật, được xếp lên trang ngay ngắn trong một cảnh trí màu đen trắng, với những khu rừng có tầng bậc như những ống thông trong giàn đàn gió, với lũ đàn ông đàn bà không ngừng trau chuốt những đặc hưởng do nhiệm vụ của mình mang lại, và nhất là với hệ động vật mang tính biểu hiện này – ngựa vùng Trakehnen, nai vùng Rominten, mê vùng Elchwald, nhưng đám chim di phủ kín đồng bằng với đôi cánh và tiếng kêu vang – một hệ động vật hàng đầu có chỗ đứng trong các huy hiệu của mọi người Phổ trưởng giả.

Tất cả bấy nhiêu thứ đều được định mệnh ban bố cho anh, giống như trước đây là trận hỏa hoạn ở trường Saint – Christophe, là cuộc thế chiến kỳ cục và sự thất trận. Nhưng kể từ khi anh vượt sông Rhin, các lễ vật nhuộm màu sắc thiên cơ không còn nhắm đập vào nền tảng của một trật tự mà người ta ghê sợ chúng trở nên rõ rệt và tích cực. Mấy con chim bồ câu hồi ở Alsace đã là một báo hiệu – một báo hiệu sao mà nhỏ nhoi và gần như buồn cười thế, nhưng là một kỷ niệm êm ái – một báo hiệu cái duyên cơ dành cho anh. Cái vùng Canada đã minh định rằng vùng đất của anh, dù mới mẻ, dù trinh nguyên, vẫn nuôi những ký ức sâu xa âm thầm của anh về thời tuổi nhỏ. Và nay anh phát hiện cả vùng Đông Phổ là một quần tinh đầy ẩn dụ và phần anh là len lỏi vào mỗi một ẩn dụ ấy, chẳng phải như chiếc chìa khóa vào trong ổ khóa, mà như đóm lửa trong từng chiếc đèn. Bởi lẽ không những anh mang thiên chức diễn giải bao nhiêu điều tinh yếu mà còn phải khuếch sung chúng nó lên, làm sao cho công lực của chúng nó tỏa sáng. Anh sẽ diễn giải trái đất này theo cách nhìn của mình và đồng thời đưa trái đất đạt tới một hiệu năng ở tầm cao xưa nay chưa đạt tới.

Ngày bắt đầu dài thêm ra, nhưng cái lạnh thì siết con người lại. Trừ phi dưỡng mãi bếp lửa phần phật trong lò ở ngôi nhà rừng, bằng không đêm xuống ở vùng Canada này trở nên một thử thách khá ngặt nghèo, và Tiffauges một mặt vừa bốt đến đây, một mặt thích thú cái thuần khiết kích thích sau khi chung đụng nhóp nhóp trong lán trại. Một buổi sáng đang khi các ngôi sao vì giá rét cao độ đã trở thành những đóm nhòe bông rạ sáng lên giữa bầu trời tối, anh thình lình bị đánh thức vì một tiếng gõ cửa. Hãy còn ngái ngủ, anh lồm lồm đứng lên, và bước đi lấy mấy lát cái để trên lò sưởi. Anh biết rằng mình không thể làm ngơ trước những sự nhắc nhở của con mê vốn lì lợm quyết liệt khi nó đánh hơi thấy có người trong nhà. Anh phải vất vả một hồi với cánh cửa bị kẹt cứng vì tuyết giá và thình lình bung ra, mở toang hoác để lộ một bóng người đàn ông cao lớn đi ủng và mặc đồng phục. Đôi bên cùng kính hải một lát, tiếp đó, kẻ lạ mặt tự tiện bước vào, đóng cửa lại, và chăm chăm tiến về phía lò sưởi, ông này cầm lấy một cây củi khô trên đống củi, ném vào lò, và quay nhìn Tiffauges nói:

- Anh làm gì ở đây?

Tiffauges thấy ngay ông này không phải là sĩ quan quân đội Đức. Trước hết là tuổi tác – chắc hẳn ông xấp xỉ tuổi sáu mươi – bộ đồng phục màu lục đậm với ve áo có huy hiệu sừng nai, khẩu súng săn ba nòng, tất cả tiết lộ ông là một viên chức của thủy lâm thì đúng hơn – người kiểm lâm, kiểm lâm của quận, quản lâm của vùng... - tất cả những viên chức này vì động viên trở thành thừa thớt đang cố gắng bảo vệ và duy trì cái thiên đường lông mai lông vũ này đang bị tàn phá vì kẻ săn trộm và chiến tranh.

Ông cất chiếc mũ lưỡi trai của người trượt tuyết xuống, và vì Tiffauges chậm trả lời, ông dẫn giọng:

- Tù vượt ngục?

Bất giờ người lính Pháp ngửa hai bàn tay ra, và vừa trưng mấy lá cải vừa nói:

- Tôi nuôi mấy con mê mù mắt!

Người lạ mặt không có vẻ ngạc nhiên lắm trước lời biện giải của anh, và Tiffauges nói tiếp:

- Tôi đang ở trong trại tù làng Moorhof. Lát nữa tôi trở về đó. Tôi, Abel Tiffauges, lính công binh nuôi chim bồ câu tiểu đoàn 18 công binh của Nancy bị bắt làm tù binh ngày 17 tháng 6 trong rừng Zincourt. Người đàn ông mặc áo lục có vẻ quan tâm hỏi:

- Nuôi chim bồ câu ư? Đó là khí giới cao quý nhất sau kỵ binh, tất nhiên. Tôi nghiệp cho mấy con bồ câu!

Ông ngồi cạnh lửa, cầm cây gõ đẫy khúc củi đang vụt cháy lên và lăm le rơi ra khỏi lò. Tiffauges lúng túng theo tiếng Đức, không thể đoán biết có cái có thể là mĩa mai trong lời khen ngành nghề nuôi bồ câu đầy hoài niệm ấy. Anh định tâm chỉ nhận ra qua đó một mối dây thiện cảm với người lạ mặt.

- Theo lời anh, chắc hẳn anh biết Unhold?

Con người rừng lên tiếng hỏi, và thấy Tiffauges có vẻ không hiểu nên giải thích.

- Đó là tên của con mê mù mắt, có lẽ nó sợ đám đồng loại và sợ các con mê đực khác hiếp đáp. Mọi người đều quen nó trong các khu rừng nó lẩn lút qua mùa đông, bằng chứng là nó đi xin ăn nơi các người qua lại. Khổ nỗi, cứ mỗi lần xuân đến, nó xuống phía nam vài cây số, và như thế nó có thể bị nguy ở một vùng xa lạ. Một ngày nào đó, người ta sẽ hạ nó mất thôi.

Ông trầm giọng kết luận như vậy.

- Và chẳng nó là một con thú bất tiện, có lẽ anh đã để ý thấy như vậy, *Unhold*, anh hiểu không? Chữ ấy có nghĩa là con cục súc, xấu mã, mà cũng có nghĩa là tên phù thủy, con quỷ. Nó khiến người ta phát sợ với cặp mắt trắng dã của nó, với vẻ lầm lì thô bạo!

- Nó đến đây! Tiffauges nói.

Quả nhiên một tiếng kỳ cọ đặc hiệu chà xát vào tường nhà, rồi cạ vào cửa xen lẫn với tiếng lửa bộp bộp.

Khi Tiffauges mở cửa, viên sĩ quan kiểm lâm dù đã gặp *Unhold* lắm lần, phải ngạc nhiên trước cái đám đen lông lá lập tức án ngữ ngay cánh cửa. Hướng về chiếc mõm nhích động, Tiffauges chìa ra mấy lát cải trong hai bàn tay mở rộng và đan lại với nhau. Con mê lựa chọn thức ăn một cách cẩn thận bằng hai chiếc môi nhỏ và bặm lại, chính xác như thể ngón tay trái và ngón tay phải. Kế đó cả hai quỵện tròn với nhau. Tiffauges đưa mấy móng tay luôn giữa hai chiếc lỗ tai dài cực kỳ linh động và diễn cảm vừa giải thích cho *Unhold* biết rằng nó đẹp và hiền, nó khỏe mạnh và không ma mãnh, và đời thì xấu bụng và phản trắc. *Unhold* đáp lời bằng một tiếng rung, trầm sâu đến nỗi tưởng như tiếng cười của một gã khổng lồ nói bằng giọng bụng, và đôi tai đang múa giật trong không khí kia biểu lộ rõ ràng niềm vui sướng và tin tưởng. Tiếp theo, con mê lui gót, và Tiffauges bước theo, như để đưa tiễn ra tới ranh giới địa phận và vang vang nhỏ dần, tiếng lách cách riêng biệt của bước chân con dã thú đẩy đà của phương Bắc bỏ đi.

Khi Tiffauges trở vào lều, viên sĩ quan day lưng vào lửa nhìn anh một lát im lặng. Mãi sau ông nói:

- Anh là tù binh người Pháp, có lẽ không phải vượt ngục, nhưng ít ra phải là trốn trại. Anh đã đột nhập vào nhà kiểm lâm mà tôi chịu trách nhiệm. Anh săn trộm, cứ xem mấy cái da thú hong phơi trên đầu tôi đây cũng đủ biết. Thế này đã đủ để đày anh tới Graudenz. Nhưng tôi nghĩ là anh đã được lòng con Unhold vốn khó tính. Và lại, nuôi bò câu mà sao lại nhốt vào trại trọng tội? Không, không nên... (Ông đứng lên). Anh về trại Moorhof đi thôi. Có thể sẽ gặp nhau lại. Tôi là kiểm lâm trưởng của vùng trắng cỏ.

Ông siết lại chiếc mũ lưỡi trai, sụp hai miếng che tai xuống, cài chiếc áo mưa bán thân và ra đi. Trước khi rời xa, ông còn dừng lại và quay người nhìn Tiffauges.

- Lạnh thế này đừng dùng nhiều cái! Tôi sẽ cho đưa đến vài bao rạ và một bao lúa mạch. May ra cầm chân con Unhold khỏi xuống xa hơn phía Nam.

Mùa xuân đối với Tiffauges được đánh dấu bằng một biến cố mà ở trại người ta quên ngay trong vòng hăm bốn tiếng đồng hồ nhưng lại biến đổi hình ảnh của chính anh và luôn cả số phận của anh tại miền Đông Phổ.

Các loại hoa nghệ tây bắt đầu nhú lên khỏi các lớp tuyết cuối cùng và đêm đêm người ta nghe đàn ngỗng khúc khích gọi nhau tụ tập ở các đầm Haff de Courlande chờ đợi gió xuân đưa đẩy chúng nó lên mạn Bắc. Mấy tuần nay, Tiffauges phải nhường chiếc xe Magirus trung thành với mình đổi lấy một chiếc Opel cũ kỹ chạy bằng khí đốt, bởi lẽ xe chạy xăng từ nay phải dành cho quân đội chiến đấu. Giả thử biện pháp này báo hiệu một sáng kiến quân sự của Hitler, theo lời đồn đại, Tiffauges chẳng quan tâm mấy, và anh chỉ thấy trong sự thay đổi này thêm một mối dây buộc anh với rừng rú nước Phổ mà củi gỗ của nó giờ đây cung cấp năng lượng cho những chuyến đi về của anh. Trong cái biện pháp rõ ràng là thu hẹp và lùi bước này, anh cũng linh cảm một bước đầu tiên trong sự rã rời và thoái bộ của nước Đức có khả

năng làm cho đất nước chiến thắng, và sự ngạo nghễ này phải tự đặt mình ngang tầm với anh, ngang mức độ với anh, và – có thể biết một ngày nào đó – ngang tầm không chế của anh. Các lán trại sau mùa Đông cần được tu bổ phần nào, bởi thế người ta phái anh ra đi khá xa ngược lên mạn Bắc chở ván gỗ trong các trại cửa lớn của Elchwald. Anh tìm thấy lại ở đây cảnh sắc và không khí mà con mê Unhold là hiện thân tinh túy hơn cả: đất nhiều cát hơn và dễ lún hơn tất cả các thứ đất mà anh quen biết kể từ khi đặt chân đến vùng Đông Phổ này, đất cứ tan hòa vào nước và trời cứ tan hòa vào chân trời sũng nước, các vùng đất thông thường mềm lòng đến nỗi các con ngựa được trang bị bằng vó gỗ với đế chìa hẳn ra ngoài, xe bánh gỗ thì trang bị bằng những bánh rộng như thể xe cán dẹp – loại xe *Puffraeder* – và đến nỗi mỗi nông trại đều có thuyền nhỏ và xà lan để đối phó với những trận lụt mùa xuân và mùa thu. Phía trên cao hơn, là những đụn cát do gió xóa đi làm lại mãi không thôi, cho nên người ta cố sức giữ cát bằng cách trồng cỏ và trên đỉnh các đụn cát này đôi khi ta thấy lượn qua lượn lại từng đàn mê tạo thành một mảng bóng lớn và có tính cách tiền sử. Tiếp theo, là vùng Haff de Courlande, một cái đầm không sâu rộng hơn một ngàn sáu trăm cây số vuông, qua mấy ngàn năm dần dà bị lấp bằng phù sa của các con sông Memel, Deime, Russ và Gilge. Chiếc hồ lớn nước mặn và sắp chết này chỉ cách biển Baltique bằng một vùng đất Nehrung, một doi đất cát mỏng manh dài chín mươi tám cây số và rộng từ bốn cây số đến chưa đầy năm trăm thước. Tiffauges chắc hẳn không bao giờ bén mảng đến nơi chân trời cuối đất ở miền cực bắc này. Anh không ngừng mơ tưởng đến nó, chẳng hạn như đến một ngôi làng có cái tên chim là Rossitten ở trung tâm vùng Nehrung, dân làng toàn là những người nuôi chim và suốt đời toàn quan sát cùng bảo vệ từng đàn chim di hằng hà sa số cứ mỗi năm hai lần bay qua làng và sà xuống dân làng như những chiếc lưới mênh mông sóng động làm bằng cánh chim.

Từ chuyến viễn du đến ranh giới phía Bắc vương quốc của anh trở về, anh gặp nhiều chuyện xảy ra. Bộ phận cơ khí chạy bằng khí đốt cứ lăm le ngã gục dưới sức nặng của ván gỗ chòng chát cao quá buồng lái của xe cam-nhông. Nhưng cuối cùng chính đường sá mới đánh gục chiếc xa đang cố hào hển. Ra khỏi một cụm rừng, đường bị nước tráng một lớp mỏng, Tiffauges ung dung lao đi làm bắn ra hai bên xe hai luồng nước như đôi cánh lớn tưới ngập lớp đất cò ử màu đen vì mùa Đông. Nhưng anh đột nhiên có cảm tưởng không làm chủ được hướng đi, và do một phản xạ sợ

hãi, anh nhấn bàn thắng. Xe trượt khoảng hai chục thước và dừng quay ngang đường. Khi Tiffauges muốn rồ máy lại, bánh xe quay tít trong bùn và lún sâu hơn theo mỗi tiếng máy gầm gừ. Anh cuốc bộ đến Gross – Skaisgirren, ngôi làng kế cận, và nhờ tòa đô chính phụ giúp, vừa trình sự vụ lệnh. Trời sập tối khi anh quay trở lại xe, đi kèm với một người thợ làm nông dẫn theo hai con ngựa. Nhưng hai con vật trượt cẳng trong bùn nước, và một con lại quy luôn cả hai vó suýt nguy. Lẽ ra phải dùng thùng kéo xe bị nạn lên và ngựa phải đứng trên đất cứng. Tiffauges phải nộp mình cho cảnh binh và được ngủ trong một xó xinh chẳng lấy gì làm tiện nghi. Sáng hôm sau, xe được kéo ra khỏi bước hiểm nghèo, nhưng máy thì không chịu nổ. Phải ngủ thêm một đêm nữa trong xó nhà của cảnh binh và sáng lại mới trở về Moorhof chậm mất bốn mươi tám tiếng đồng hồ.

Trung úy Teschemacher đón anh, nhẹ nhõm bảo:

- Hôm qua có vớt một xác chết trong đầm than bùn Walkenau. Tao sợ là mày, nhất là miêu tả qua điện thoại nó gần đúng là mày. Lạ một cái là không thấy ai báo cáo có trường hợp nào mất tích cả, trong trại cũng không, trong các làng quanh đây cũng không.

Tiffauges vốn rất chăm chú đến các dấu hiệu và gặp mặt nên chi không bỏ qua chuyện này. Người ta bảo xác chết vô lý lịch đang để tại trường học Walkenau, trường đang nghỉ học vì lễ Phục sinh. Cách trại hai cây số. Gặp lúc thuận tiện, anh đến đó ngay.

- Các vị để ý thấy hai bàn tay và hai bàn chân đều đẹp, nét mặt thanh, nhìn nghiêng ta có cảm giác như loài chim săn mồi, mặc dù trán rộng, dáng vẻ quý tộc ăn khớp với tấm vải quàng sang trọng như thể dệt bằng những sợi chỉ vàng và ăn khớp với các vật dụng trên thân thể của người chết để có thể dùng tới ở thế giới bên kia.

Tiffauges xuất hiện làm ngắt ngang lời thuyết giảng của giáo sư Keil, thuộc viện nhân chủng học và khảo cổ học của Königsberg, ông thuyết giảng trong phòng của lớp học, trước một nhóm năm sáu người, trong đó có thôn trưởng của Walkenau, người nhỏ thó mang kính chắc hẳn là vị giáo

viên – người đã báo động cho viện Königsberg, có ông mục sư và vài hương chức địa phương. Trước mặt họ, nằm trên bàn là một thi hài gần như trần truồng, màu than bùn, lớp da xếp lại vài đôi nơi, làm cho xác chết trong giống như một cái tượng mẫu bằng da, tất cả hoàn toàn như một khung cảnh giảng tập nhân thể học. Khuôn mặt thanh mảnh và thoát tục bị chắn ngang bằng một băng vải mỏng lấp hết mắt và thắt chặt đến độ như mắc cứng vào mũi và gáy. Một ngôi sao sáu cánh bằng kim loại sắc vàng đính trên băng vải, giữa hai mắt.

Từ diễn đàn của giáo sư, Tiffauges hiểu rằng đây là một trong những người *đầm than bùn* lâu lâu được khai quật ở Đan Mạch và miền Bắc nước Đức, và tình trạng thi thể, nhờ đất chua, được giữ gìn nguyên vẹn đến nỗi dân làng nghĩ ngay đến trường hợp tai nạn hoặc bị giết vừa mới xảy ra. Kỳ thật là dòng dõi người Đức xa xưa có tục lệ chôn người xuống đáy đầm than bùn ở thế kỷ thứ nhất kỷ nguyên chúng ta, hoặc ở thế kỷ trước nữa. Điều đáng tiếc là ta chẳng biết gì nhiều về các bộ tộc này, và hễ gặp trường hợp như vậy bao giờ cũng phải giữ lại pho phong tục *Nhật Nhĩ Man* của Tacite, một tác phẩm ngoại bản, rất đáng ngờ, đó là lời căn dặn của giáo sư Keil. Kế đó giáo sư chỉ rõ rằng lớp da vẫn còn rất tốt, dù đã qua hai nghìn năm, đến nỗi cảnh binh ở trong thôn không quên lấy dầu tay của thi hài để toan tính xác lập lý lịch. Hơn thế nữa, chính ông đã phẫu nghiệm tử thi. Khám nghiệm phổi, ông có thể chứng minh kẻ xấu số đã chết nước – và ngoài ra không có vết thương nào, không bị đánh đập gì cả, còn những điều khác, nhìn con người đã chết từ trước kỷ nguyên của chúng ta với vẻ mặt đồng lõa, như thể chia sẻ với người chết một điều vô cùng thú vị và không thể nào đoán nổi. Tiếp theo, sau một hồi im lặng có cân nhắc, giáo sư trịnh trọng vừa nói tiếp vừa gửi gắm vào từng tiếng nói một số phận riêng cho nó.

- Thưa quý bà, quý ông (trong đám người nghe không có ai là bà cả), tôi đã đích thân khám nghiệm dạ dày, ruột non và ruột già của vị tiền bối của chúng ta đây. Các tạng phủ dù đẹp lép vẫn còn nguyên trạng, và còn chứa đầy đủ các thứ bên trong, nhờ thế tôi có thể xác lập lại *một cách khoa học* – ông trầm giọng với từng âm tiết một – cái bữa ăn cuối cùng của vị tiền nhân ở Walkenau và bữa ăn này – tôi có khả năng chứng minh được – đã diễn ra trước khi chết từ mười hai tiếng đến hăm bốn tiếng đồng hồ. Bữa ăn này gồm có một món cháo bao gồm chủ yếu một loại cây nghệ, tức là loại rau

còn có tên là hồ tiêu nước, trộn lẫn với các loại hoa tán, hoa chút chút, là bim bim, và hoa cúc. Thật tình tôi không nghĩ rằng món cháo rau này là món ăn thường nhật của dân Nhật Nhĩ man vốn làm nghề đi săn và đánh cá. Tôi muốn nghĩ đến bữa ăn theo nghi lễ, một hình thức cầu nguyện trước khi bị tế sinh, và ăn chung với một vài tín đồ.

“Còn về thời kỳ của người chết, lẽ tất nhiên khó xác định rạch ròi. Nhưng đồng tiền vàng tìm thấy bên cạnh thi thể cho phép ta định ra đồng tiền ấy là ở vào thế kỷ thứ nhất của kỷ nguyên vì nó mang tiểu tượng của Tiêre. Và chính đây là điểm làm nổi lên cái khía cạnh đáng xúc động hơn cả trong cuộc khám phá này. Ta không loại bỏ giả thuyết rằng đây là bữa ăn cuối cùng của một người tất nhiên đáng trọng vọng, của một vị vua không biết chừng, ăn trước khi chết một cách khủng khiếp, nhưng tự nguyện, và cái chết này xảy ra cùng một lúc, một năm, và biết đâu một ngày, một giờ! – với lễ thánh “Xen”, tức là bữa ăn cuối cùng trước khi xảy ra khổ nạn giữa Giêsu với các tông đồ. Như thế nghĩa là ngay khi Do Thái giáo của Địa Trung Hải nổi bật dậy ở vùng Cận Đông, thì có lẽ chính ngay ở đây, một nghi lễ tương tự tạo lập ra một tôn giáo song hành riêng biệt của miền Cực Bắc và có luôn màu sắc “Nhật Nhĩ Man”.

Giáo sư im lặng như thể bị dồn nén vì xúc động và lời lẽ trang trọng của chính mình. Rồi ông nói tiếp bằng một giọng bình thường hơn.

- Tôi xin phép nói thêm rằng vị tiên bói của chúng ta được khai quật gần đây, trong một khóm rừng đầy cây trần, loại trần đen thường mọc ở đầm lầy. Đến đây tôi không thể nào quên nghĩ tới Goethe, thi sĩ vĩ đại nhất của Đức ngữ, và nghĩ tới tác phẩm của ông nổi tiếng hơn cả, vừa là huyền bí hơn cả, đó là thi phẩm *Chúa tế Đầm lầy*. Tác phẩm này ngân vang bên tai người Đức chúng ta, ru ngủ trái tim người Đức chúng ta, thật sự đó là quốc hồn quốc túy của người Đức. Thành thử tôi đề nghị với các vị - và tôi sẽ đề nghị với viện Hàn lâm khoa học của Berlin – rằng con người này nên được đưa vào kỷ yếu của công cuộc nghiên cứu khảo cổ dưới cái tên là *Chúa tế Đầm lầy*.

Rồi ông đọc lên:

Vó ngựa ai trong đêm khuya trong gió?

Người đàn ông đi với con mình...

Đến đây, giáo sư bị ngắt ngang vì một công nhân ngành nông ập vào, bước vội lại phía ông rồi nói nhỏ. Bấy giờ giáo sư Keil lên tiếng:

- Thưa các vị, người ta báo cho tôi biết một thi thể thứ hai vừa được khai quật trong cùng một hầm than bùn với thi thể này. Đề nghị chúng ta đến đó ngay để đón tiếp một vị sứ giả khác của thời gian xa xăm.

Người ta đã thận trọng lóc ra toàn bộ mảng than bùn dính cứng vào thi thể - có lẽ thi thể bị co quắp. Riêng chiếc đầu – hay nói cho đúng hơn là phần trác diện bên phải – hiện ra như thể dính cứng vào khối bùn và không dày dặn gì hơn một hình tiểu tượng. Màu sắc chẳng khác gì màu than bùn bao nhiêu cho nên cái phần đầu này có vẻ như hình phù điêu nổi lên khối bùn vậy. Đây là một khuôn mặt nhỏ thó mảnh dẻ, trẻ con và buồn bã có đôi mắt làm bằng ba mẫu vải kết lại thô sơ làm cho khuôn mặt có dáng dấp là tù nhân, có thể là kẻ đi đày cũng nên. Mấy người thợ làm đất đợi giáo sư đến mới đập vỡ khối bùn ra. Trước tiên họ dọn sạch cái đầu, tiếp theo là hai vai dường như khoác một tấm áo bằng da cừ. Toàn bộ lớp áo hiện ra nhanh chóng, nhưng bên trong hình như không có gì. Khi người ta đặt di hài của “vị sứ giả khác của thời gian xa xăm” lên cỏ và có thể trải rộng tấm áo khoác của kẻ chẵn cừ, quả nhiên người ta nhận thấy rằng thân xác đã bị teo rút hoàn toàn: chỉ có chiếc đầu còn sót lại qua mấy nghìn năm một cách huyền bí. Giáo sư Keil đã kết luận:

- Như thế này, chúng ta sẽ không bao giờ biết được đây là đàn ông, đàn bà hay là đứa trẻ. Cứ xem xét kết quả khai quật tương tự, tôi thiên về giả thuyết là đàn bà. Không phải hiếm khi một nhân vật trọng yếu chết đi có vợ chết theo, vì lẽ tổ tiên người Đức tuyệt đối một vợ một chồng như các vị đều biết. Đây là một bí ẩn tính thêm vào danh bạ của Chúa tể Đầm lầy. Cũng giống như mẫu băng vải người mang trên mắt kèm theo chiếc ngôi sao vàng: không thể nào lý giải được ý nghĩa của những thứ ấy trong tình trạng hiểu biết của chúng ta hiện nay. Nhưng chúng ta càng tiến triển trong thời gian, quá khứ càng xấp lại gần ta hơn. Điều nghịch lý là ngày nay chúng ta biết rất nhiều về cổ đại hơn hẳn trước đây trăm năm. Có thể nay mai nhiều tia sáng khác sẽ cho ta rõ về các nghi lễ của người Đức thượng

cổ. Tuy nhiên một phần bí ẩn sẽ bao trùm mãi mãi lên những gì là thiêng liêng nhất trong chôn than bùn của vị Chúa tể Đầm lầy.

Trước khi quay trở về làng Moorhof, Tiffauges nhìn hồi lâu chiếc đầu nhỏ của kẻ đi đày mảnh mai vàng vọt mà ánh nắng mơn trớn lần đầu tiên sau bao nhiêu thế kỷ âm u bùn lầy. Tưởng chừng anh cố gắng ghi khắc bao nhiêu đường nét ấy vào trong tâm khảm để có thể nhận diện lần nữa giá như có gặp lại.

Ngay từ mùa thu năm 1940, dân chúng của thành phố nhỏ Rastenburg ngạc nhiên thấy từ nay bị cấm không được đến khu rừng Gorlitz, nơi đây theo truyền thống từng tổ chức những cuộc khiêu vũ nhân dân, thi bắn súng, hội chợ và đơn giản hơn là những cuộc đi dạo của các người trong gia đình chiều chủ nhật. Tiệm cà phê Karlshof mà người ta thường lui tới ăn chiếc bánh buổi chiều bị trưng dụng không còn người phục vụ, và dùng làm nơi cư trú của một toán lính đặc nhiệm SS. Kế đó ta thấy kéo đến nhiều đoàn của tổ chức *Todt*, các xí nghiệp xây dựng *Wayss Freitag* và *Dykerhof Widmann*, và luôn cả những chiếc xe cam-nhông của chuyên gia ươm cây và phong cảnh *Seidenspinner* của Stuttgart. Người ta mở rộng đường, xây phi trường gần đó, và đường sắt Rastenburg – Angerburg không phục vụ cho dân sự. Báo chí công bố sẽ xây dựng một chi nhánh lớn của *công trình hóa học Askania* trong địa hạt cũ của Corlitz, nhưng lời công bố ấy không tương xứng với những công tác sửa sang vừa nhiều vừa sang trọng dù có nhiều bí mật chung quanh “thành phố mới”, như người ta gọi tên, có người đề cập đến việc xây một hàng rào kẽm gai dày ba thước và cao một thước rưỡi, và một khu vực sâu năm chục thước đầy mìn, dọc theo khu vực ấy có lính tuần canh ngày đêm. Súng phòng không và đại liên sẽ dựng tua tua chung quanh hai khu vực bố phòng khác, khách vào bên trong sẽ bị kiểm soát gắt gao. “Thành phố”, ngoài khoảng trên một chục ngôi biệt thự, gồm có một trung tâm truyền tin cực kỳ hiện đại, một bãi đậu xe, một nhà tắm hơi, một nhà máy sưởi, một rạp chiếu bóng, nhiều phòng họp và thuyết trình, một “sòng bạc” dành cho sĩ quan, và nhất là, về phía Bắc, có một nhà hầm dưới đất thiết bị sang trọng dưới tám thước bê-tông và có thang máy.

Ngày 22 tháng 6 năm 1941, cùng ngày với chiến dịch Baberousse gieo rắc địa ngục trên đất Xô-viết, Hitler trú đóng trong “hang sói” mới xây dựng cùng với Bormall, bộ chỉ huy cùng với các cộng sự viên hàng đầu. Lập tức bộ phận đầu não của chế độ được đặt xúm xít quanh đó, Himmler ở trong khu rừng Grossgarten, Ribbentrop thì ở Steinort Lammers, đặc trách phủ thủ tướng ở Rosengarten, và Goring quá may mắn với cơ hội hi hữu này đang ở trong ngôi nhà săn bắn của y tại Rominten.

Ngày ấy, hai trăm hai mươi sư đoàn Đức được yểm trợ bằng ba ngàn hai trăm máy bay và mười ngàn xe bọc sắt ào đến biên giới Nga, được giúp sức ở phía Bắc bằng quân đội Phần Lan, ở phía Nam bằng quân đội Hung và Rumani. Lúc ấy dải đất của Đông Phổ không ngừng rung chuyển dưới bánh xe bọc sắt, và bầu trời Đông Phổ không ngừng âm vang dưới từng đoàn máy bay oanh tạc cơ. Như thể đây là một định hướng ở rất xa về phía đông đang thu hút mạnh mẽ một luồng cuồng phong gồm binh lính và khí giới, gồm ngựa và xe. Một làn gió hy vọng rùng lên trong các trại giam. Đây là dấu hiệu sắp sửa xảy ra một cái gì đó, và biết đâu số phận tù binh sẽ thay đổi.

Đối với Tiffauges thì trái lại, sự việc xảy ra hoàn toàn ngoài lẽ này rơi đúng vào giai đoạn anh chờ đợi và sống chín muồi sau bao nhiêu khám phá và phát hiện qua mùa đông và mùa xuân. Những chuyến đi về của anh trong chiếc Opel chạy bằng khí đốt vốn giúp anh ngày lại ngày khám phá nước Đức và con người – và học tiếng Đức – xen kẽ với những ngày sống ở trại được sáng lên nhờ những chuyến dạo thăm vùng Canada. Ngay từ những đợt gió đầu tiên của mùa xuân, con Unhold bật tằm, có lẽ tiếp tục thiên di bí mật về phương Nam theo lời của ông trưởng kiểm lâm ở Rominten, chẳng khác nào thời gian nó phải sống ở Canada đã qua mất, và nó xong xuôi nhiệm vụ với Tiffauges. Tựu trung, cái thông điệp mơ hồ đáng khích động hơn của vị Chúa tể Đầm lầy, và luôn của kẻ đi đày nhỏ thóm, theo cách gọi của Tiffauges.

Ngày 3 tháng 10, tại Cung Thể thao của Berlin, trong một bài diễn văn, Hitler tuyên bố với thế giới mở màn chiến dịch Typhon sẽ hạ thành Moscou và triệt tiêu hẳn Hồng quân. Và thêm một lần nữa, đất nước cuộn cuộn chuyển tải binh lính và vật liệu, binh lính càng ngày càng trẻ hơn, vật liệu càng ngày càng hoàn thiện, tất cả được đổ vào hỗn loạn trong lò chiến tranh

vĩ đại. Thế cho nên khi những con chim di bắt đầu quang quác bay rất cao sát tầng mây xám, Tiffauges nghèn nghẹn nghĩ tới bao nhiêu tuổi trẻ bị đốn gục giữa thuở thanh xuân, và anh có cảm tưởng rằng bao nhiêu linh hồn người chết đang bay cao, cô quạnh, sợ hãi cái thế giới bên kia đầy bí ẩn và đang khóc than mảnh đất thân thuộc, chôn nhau cắt rốn mà mình yêu thương một thời quá ngắn ngủi.

Những trận giá băng đầu tiên đã làm trắng xóa các mặt đầm lầy, đúng lúc anh được gọi lên phòng lao động của trại. Một người đàn ông cao lớn, tóc bạc, binh phục màu lục thẫm mang huy hiệu sừng nai đang chờ anh. Tiffauges nhận ra vị trưởng kiểm lâm đã hiện ra bất ngờ sáu tháng trước đây ở vùng Canada. Ông lên tiếng:

- Tôi cần một người phụ việc biết giữ gìn xe cộ và có khả năng giúp đỡ mọi việc cho tôi ở Rominten. Tôi nghĩ tới anh. Ban giám đốc trại của anh đã lo liệu sự vụ lệnh cho anh. Nhưng dĩ nhiên tôi không muốn anh là kẻ nô lệ. Tôi chỉ đem anh đi nếu anh ưng thuận mà thôi.

Một giờ đồng hồ sau, Tiffauges từ biệt bạn bè và trung úy Teschemacher, và lọt vào một chiếc xe Mercedes nặng nề, chạy xăng, ngồi cạnh vị trưởng kiểm lâm.

Xe đi chừng chục cây số về hướng Đông Nam băng qua một ngôi làng lạng lẽ vì chiến tranh và vì mùa đông đến sớm. Trời hãy còn sáng khi hai người đến bờ rào đóng cọc bảo vệ Rừng Cẩm của Rominten có tro một cái công làm bằng những khoanh gỗ tròn và có tám biển viết bằng nét chữ gô-tích: *Vùng bảo vệ thiên nhiên của Rominten.*

IV

GÃ HUNG THẦN VÙNG ROMINTEN

Hắn đánh hơi bên phải bên trái, hắn bảo hắn người ra mùi thịt sống.

Charles Perrault

Hai người để chiếc xe công vụ Mercedes vào một nhà giữ xe, rồi đi tiếp bằng một cỗ xe ngựa. Như thế này tránh được tối đa việc gây nhiễm cho không khí trong lành của thiên nhiên khi đưa xe có động cơ vào khu vực Rominten. Đêm xuống hẳn khi họ dừng lại trước ngôi nhà được phân cấp của trưởng kiểm lâm, một ngôi biệt thự có hàng hiên lợp ngói cũ và các đầu hồi được điểm trang bằng di thể của nai. Tiffauges tháo ngựa đưa vào chuồng, công việc mới mẻ mà anh cố gắng hết sức làm, dưới con mắt giám sát của một lão bộc chạy lại khi nghe tiếng xe lăn vào sân. Kế đó người ta cho anh một buồng nhỏ có cửa tò vò, và xuống bếp anh ăn chung mấy món xúp, thịt mỡ, su đỏ với bánh mì bột lứt với vợ chồng lão bộc.

Mấy tuần tiếp theo, khi thì đi bộ, khi đi xe ngựa, anh tháp tùng ông trưởng kiểm lâm đi thanh tra bên trong Rừng Cẩm. Lâu nay đứa con trai của lão bộc đảm nhiệm lái xe, làm xà ích và chạy xung xăng, và Tiffauges hưởng được sự đổi đời này là nhờ lệnh động viên đưa đứa con trai ấy ra tiền tuyến ở mặt trận tại Nga. Lúc đầu ông bà khép kín mình lại, nhưng rồi sự lạnh nhạt cũng thôi nhanh, và dần dà anh cảm thấy mình nhập vai một gã giống như con nuôi, được đối xử nhẹ nhàng, nhất là khi họ thêm phần lo sợ cho mạng sống của đứa con kia.

Khi những cánh cửa lớn đã đóng lại đằng sau lưng và lần đầu tiên bước vào rừng tàn lá màu hung của Rominten, Tiffauges hiểu rằng mình đang dần

thân vào một vòng tròn thần diệu theo sự hướng dẫn của một tay thoi miên thứ yếu, tuy nhiên vẫn được các vị thần địa phương nhìn nhận. Vị thần đầu tiên chào đón anh là một con linh miêu to lớn màu vàng óng ánh ngồi trên một gốc cây nhìn anh đi ngang qua nhếch bộ ria lơ thơ như râu của một vị vua chúa phương Đông và nhúc nhích chòm lông nhạt dựng lên ở đôi tai. Tiếp theo anh được hộ tống bằng một cặp hải ly, một con chim ưng trắng, một con chó to lớn lông xám, mắt híp, sống lưng xuôi, con này anh được cho biết là loại chó sói Sibérie thiên di thành từng đàn lớn băng qua đồng bằng của Ba Lan. Nhưng hệ thực vật – có khi độc hại, có khi bồi bổ - mới có những tương quan hiển nhiên hơn cả với những sinh vật thần diệu. Viên trưởng kiểm lâm chỉ rõ cho anh xem những chiếc nấm to tướng đội mũ đỏ chấm trắng áp ủ bao nhiêu thần gió thần rừng, cây giải bệnh điên màu đen nhưng đến ngày 24 tháng 12 lại nở ra loại hoa gọi là hoa hồng Noel, những cây kèn báo tử có những chiếc vòi đến khi mềm nhũn ra thì ăn được nhưng đồng thời báo hiệu gần đó có xác chết, cây cà dược trị bệnh tháo mồ hôi và làm cho con người mắt mở ra, loại nấm xép Xa-tăng màu đỏ với phần dưới chân đỏ tía và tẩy lên, và nhất là mấy lỗ hang tua tủa rế to rế nhỏ há mở ra ở sườn dốc và đánh dấu lối vào chỗ ở của các ông thần núi, bề ngoài tóc bạc phơ và lọn khộm nhưng mở miệng ra như sấm và muốn ngăn chặn con ngựa nào là nhảy ra nắm lấy bờm nó.

Tiffauges chờ đợi ở viên Trưởng kiểm lâm một bài học vỡ lòng huyền hoặc. Có thể ông sẽ cho anh lần xuống những hang động có lũ người lùn nạy đá lấy kim cương, hoặc đưa anh đến một lâu đài lẩn khuất sau đám gai hoặc loại thạch hoa trong đó ngủ yên một giai nhân khỏa thân trong chiếc áo quan bằng thủy tinh, hoặc biết đâu ông sẽ dạy anh nghiền một số cây nào đó để chế thành bình dược thảo trường sinh hoặc ái ân. Kỳ thật, tâm hồn cả tin và trẻ con của anh phải ngạc nhiên – chứ không phải là thất vọng – do một sự phát hiện xuất phát từ vị lãnh chúa thống trị các khu rừng và bầy thú này. Bởi lẽ nếu anh không gặp được thần núi, hay công chúa ngủ quên, hoặc vua thiên cổ an tọa trong bông cây sồi, thì anh cũng đã được đưa ngay tới vị hung thần của Rominten.

Việc cai quản hăm lăm ngàn hécta Rừng Cẩm của Rominten được giao cho nhiều viên kiểm lâm có biệt thự nằm lẩn lút ở khoảng rừng thưa của vùng Revier đặt dưới quyền của họ. Nhưng nhà cửa xây cất đặc biệt hơn cả

là ngôi nhà săn bắn của Hermann Goring, cả hai xây ở trung tâm Rừng Cẩm, cách nhau hai cây số.

Ngôi nhà săn đế vương, năm 1891 do một kiến trúc sư người Na Uy đem nguyên từng mẫu đến dựng lại, là một ngôi lâu đài bằng gỗ, nhỏ nhắn, lạ lùng, tua tủa nhiều lầu chuông nhỏ, có những hành lang ngang dọc, toàn bộ quét màu đỏ thẫm, vừa giống như ngôi chùa Trung Hoa và cũng giống như ngôi nhà sàn Thụy Sĩ. Kỳ quặc hơn hết là, vì muốn nhấn mạnh đặc điểm của phương Bắc, người ta kéo dài nóc mái ra thành những mũi tàu thủy, khắc chạm hình đầu rồng. Một ngôi nhà nguyện đặt tên là Saint – Herbert và một con nai bằng đồng kích thước như thật, tác phẩm của Richard Friese, họa sĩ và nhà điêu khắc thú vật cho vua Guillaume đệ nhị, là những thành phần phụ thêm vào dinh cơ của hoàng đế cùng với những dãy nhà dọc ngang khác chung một kiểu.

Năm 1936, thống chế Hermann Goring cai quản vùng Rominten vừa với tư cách thủ tướng của nước Phổ vừa làm chủ quản săn bắn cho Đức quốc xã, ông đã cho xây gần đó trại săn bắn riêng của mình bề ngoài có vẻ thôn dã nhưng lại tinh xảo vượt trội hẳn cái lộng lẫy ngậy ngô của ngôi nhà sàn của hoàng đế. Một hình tứ giác gồm những ngôi nhà thấp, lợp bằng lau, vây quanh một chiếc sân giữa, nửa vườn trong, nửa tu viện. Các chóp mái ghi nét kiến trúc Ba Lan của người khá giả có giàng thêm sừng nai già. Bên trong, một chiếc lò sưởi khổng lồ làm bằng đá đôi thạch làm nổi bật không gian căn phòng tạm trú bát ngát như giáo đường, được thông sáng bằng những cửa sổ cao có ô nhỏ pha màu phơn phớt và in cứng vào một lớp chì, với những giàn đèn chạy tròn, và một bộ sườn lộ ra ngoài trông giống như một vỏ tàu lật úp. Chung quanh gian phòng tạm trú và sinh hoạt ban đêm này, các buồng được phân ra, tất cả đều được đóng ván gỗ, nhưng mỗi buồng một chất gỗ khác nhau, và người ta cứ thế mà chỉ định là buồng tần bì, buồng du, buồng sồi, buồng thông, v.v. Trong khung cảnh cây rừng này, vị chủ quản săn bắn đã từng phô trương tất cả cái xa hoa đúng theo cương vị của mình, và người ta tìm thấy lại cái xa hoa ấy tại điện riêng của ông ở Berlin, tại Karinhall vùng Schorfheide rồi ở tại ngôi nhà sàn của ông ở Berchtesgaden, và luôn cả con tàu bọc sắt riêng có tên là Asie, như cả một dinh cơ chuyển động trên đường rầy. Quả là một tập hợp sang trọng gồm những tấm thảm, tranh của các họa sư, lông thú, các món linh kính, chén bát, đồ bạc, nữ trang, đủ món chiến lợi phẩm của một tay lục lâm đại đạo

nhờ chiến tranh mà thâm nhập được các đại gia và các việc bảo tàng Âu châu. Việc Hitler và bộ chỉ huy trú đóng trong hang sói ở Rastenbeourg cách xa không đầy chín mươi cây số đối với Goring là một cơ hội hi hữu để kết hợp bốn phần của mình đối với vị chủ soái của Đức quốc xã và những lạc thú của kẻ săn nai và ăn thịt rừng. Y mở tiệc thường xuyên ở Rominten, trọng đãi các chức sắc của chế độ cùng các chính khách đồng minh, đối với những người này y dành cho họ cái vinh dự được bắn lẻ một con nai nào đó. Con nai này, y đã chọn trước, ăn ý với viên trưởng kiểm lâm, tùy theo vị khách quan trọng đến mức nào, nhưng bao giờ cũng là nai thuộc hạng hiển nhiên kém hơn loại mỗi vương giả mà y dành riêng cho mình.

Một trong những nhiệm vụ đầu tiên của Tiffauges là đáp ứng nguyện vọng của nông dân có đất đai giáp sát mặt tây của Rominten và bị heo rừng của Rừng Cấm xông ra phá hoại trước khi thu hoạch. Không có hàng rào nào – trừ phi rào bằng tường đá – có thể ngăn cản cái húc đầu của một con heo rừng đực già năm quyết tâm mở đường cho bầy đàn, và không phải là vô cơ khi người ra dốc sức tu sửa các lỗ hồng trong các lưới sắt và tường cọc gỗ. Tường chùng phải tận diệt toàn bộ lũ heo của Rừng Cấm, giải pháp mà lâm dân nào run sợ cho vườn ươm và các luống gieo hạt của mình đều phải nghĩ đến. Nhưng viên chủ quản săn bắn đã quyết định cách khác. Y là người quá yêu thích con thú rừng to lớn, can đảm, hùng hục và háu ăn, nuốt vào bụng bất kể là ngũ cốc, sâu bọ hay là xác chết và vì con thú rừng này có những lễ thói lộn xộn, không dè dặt được nên y có thể bỏ rơi những thói quen khệ nệ, tẩn mẩn, của các con nai và con hoẵng luôn bám sát vào các lối mòn, bãi ăn và chỗ ngủ của chúng. Y đã ra lệnh chọn một giải pháp ngược lại, tức là làm cho phía đông của Rominten trở thành hấp dẫn để cuốn hút bầy heo rừng. Muốn vậy người ta nghĩ cách nuôi heo rừng bằng xác chết của những con ngựa bị làm thịt và ngay tại chỗ hạ ngựa, bầy heo sẽ kéo tới ăn.

Tiffauges cảm thấy như một cuộc thử thách ác độc nhưng có lẽ là đầy ý nghĩa – và nghĩa là có lợi cho anh – tất cả những trò giết hại thú vật này mà anh bị bó buộc thủ vai kẻ hạ sát. Phải đi lãnh lấy con ngựa bị hy sinh ở trong một ngôi làng hoặc một trại ngựa gần đó – Trakehnen chỉ cách khoảng mười hai cây số về phía bắc – và lên xe ngựa cùng đi với khổ chủ đến địa điểm sát sinh. Lắm khi con ngựa tội tình mệt mỏi - và ít được cho ăn kể từ hôm bị chỉ định hy sinh – cho nên người ta đưa nó đến nơi quá sức

chậm chạp. Người ta có nghĩ đến việc phải giao cho Tiffauges một ống chích cùng một lọ chứa chất kích thích phòng khi phải đối phó tình trạng kiệt quệ của con vật.

Anh hạ sát bằng một phát đạn súng trường bảy ly, bắn vào sau lỗ tai cách nửa thước. Con vật quy xuống, lập tức chống vó. Ngay liền đó khổ chủ rút móng sắt và tuốt con vật nều như da của nó đáng giá. Tiffauges chao đảo vì lợm người khi quan sát các màn thô bỉ này vốn gợi ra một cảnh giết chóc to lớn như thế nào đó, được thi hành trong rừng sâu, nhất là vì anh nhanh chóng khám phá ra mối thương cảm sâu xa giữa anh với con ngựa, là con vật chủ yếu dùng để mang đèo, và tạo nên một nét tự mình giết mình trong các trò sát hại này. Một hôm, quay trở lại nơi giết chóc, anh bắt gặp cả một đàn heo đang hùng hục rúc rìa vào xác một con ngựa cái mà cả đàn đang phanh thây và rắc rải khắp mảnh rừng thưa là nơi con ngựa bị vút lại. Nhưng như thế vẫn chưa thấm vào đâu. Anh còn phải chứng kiến một con lợn lòi già năm xóc vào một cái xác còn tươi. Con heo rừng tấn công con ngựa từ phía sau, và nó không chịu thôi khi chưa nong được mông con ngựa cho vừa với đầu nó. Con ngựa chết, toang hoác, bị đẩy xa, trông giống như đang vùng vằng, chống bốn vó lên trời dưới sức đẩy hung hăng của con thú độc. Và Tiffauges bị tổn thương cảm thấy mình dự phần vào cái xấu xa thô tục ấy.

Vị chủ quản săn bắn, thống chế của Đức quốc xã và tổng tư lệnh không quân sẽ đến tại trại săn và tin ấy được báo trước bằng một khối lượng lương thực chở tới trước và cảnh bọn người hầu hạ vô cùng xôn xao. Khi chiếc tàu *Asie* dừng lại ở nhà ga Tollmingkehnen, chiếc xe Mercedes trưng cờ trờ tới và bốc nhanh một ông vạm vỡ hướng về phía chiếc nhà sàn thân diệp có ngọn lửa phen phạt trong chiếc lò sưởi to tướng. Các người trông phục vụ mang gang trắng đặt từng chùm nến trên chiếc bàn dài của tu viện trải khăn trắng và chóa ra những tia sáng từ các chén bát nạm, các bồi phòng sưởi chiếc giường to rộng trải lụa và da thú của ông chủ, trong khi dưới bếp món heo rừng non nhồi đang quay lửa than và nhều mỡ xuống khay hứng. Viên trưởng kiểm lâm là một trong những người đầu tiên được vị chủ quản săn bắn gọi đến – giọng ông ồm ồm vì âm điệu của vùng Bavière còn sót lại và không ngớt “tôi ra lệnh” cho toàn thể trại săn. Ông già kiểm lâm thẳng bộ

cánh đẹp nhất, sau những giây phút hầu chuyện ấy đầu óc đặc sệt và dáng điệu hót hơ hót hải, và đem bao nhiêu âu lo trút lên đầu Tiffauges đang chờ đợi ông ở trại ngựa với con ngựa nâu ở cỗ xe.

Lần đầu tiên Tiffauges gặp được Thống chế nhằm vào giữa mùa đông và nhờ vào một biến cố khiến cho vị chủ nhân của Rominten lấy làm thú vị vô cùng.

Tiffauges từ Goldap trở về với chiếc xe có hai con ngựa khỏe dùng trong việc cày bừa, xe chở củ cải đường cùng với bắp dùng để nuôi nai. Trong khi hai con ngựa ì ạch hỗn hển và bám chặt vó sắt trên mặt đất đông giá, Tiffauges âm áp trong chiếc áo quàng lông cừu nhìn những cảnh cây trần trụi đan qua đan lại lướt chậm chậm trên đỉnh đầu mình. Anh ngẫm nghĩ rằng chuyến đông du dằng dặc này, anh lao vào là do vụ Martine, tiếp theo cuộc chiến cũng do Martine mà ra cả, chuyến đông du kéo theo một chuyến hành hương vừa qua, được đánh dấu bằng sự đột hiện của con Unhold và của con người đầm lầy, và được đánh dấu một cách thiết thực hơn bằng sự rời bỏ chiếc xe chạy xăng, tiếp theo là chiếc xe chạy bằng khí đốt đánh đổi lấy con ngựa. Anh mê mẩn hồi hộp ngờ rằng chuyến du hành sẽ đưa đi xa hơn, sâu hơn, tận trong cõi âm u đáng kinh sợ hơn, và biết đâu anh sẽ bắt gặp cái thời buổi xa xăm của Chúa tể Đầm lầy.

Đến đây xảy ra một sự xuất hiện làm cho anh vững tin rằng những suy nghĩ của mình có cái khả năng ghê gớm là làm cho những sinh vật có thật hiện ra đúng như mình nghĩ. Phía bên phải, giữa những thân cây gãy cằn của đám thông lớn chạy lại ngược chiều là một đàn thú lớn xác, đen, lông lá như bầy gấu, lưng u như bò rừng. Tiffauges nhận ra những con bò tót, chắc chắn như thế, như hiển nhiên là một loài tiền sử giống những hình khắc chạm thô sơ thời đồ đá mới, tựa trung là loài bò rừng, với đôi sừng ngắn như đoản kiếm và phần cổ bông lên bằng một chiếc bờm dày. Không may anh không phải là người duy nhất trông thấy chúng đến. Hai con ngựa đột nhiên tỉnh ngủ, đâm ra phi nước đại và nhanh chóng chuyển thành tấn công hung hãn, phía sau là chiếc xe cứ nhảy chồm lên và qua suốt cả chiều rộng của con đường. Tiffauges chưa biết cầm cương như thế nào, anh cảm thông với ngựa đang hoảng sợ, nhất là vì một đàn bò rừng thứ hai khác lăm le chặn đường thoái lui của anh. Anh đếm khoảng mười hai con trong đàn trước, khoảng mười con trong đàn sau, tức là cả thảy khoảng hai mươi hai

con, nhưng các con xa hơn cả và chậm hơn cả rõ ràng gồm đa số là bò cái cùng những con bê. Anh vừa vịn thoát được đàn sau đang nhập bọn với đàn trước, tạo thành một khối lượng khổng lồ, rầm rập, chà nát mọi thứ trên đường đi. Nhưng chỗ ngoặt đầu tiên xuất hiện đã gây khốn đốn cho cỗ xe lừng lộn. Chiếc xe ngựa mất thăng bằng lao đi vài thước trên hai bánh, rồi lọt ra ngoài chỗ ngoặt, ngã xuống một bên, ngựa vẫn tiếp tục kéo lấy xe, trong khi Tiffauges nhào cuộn tròn xuống tuyết. Một con ngựa do tai nạn bị sóng ra, bỏ chạy vừa kéo theo đằng sau một phần xe bị gãy, con kia còn lừng lững với cỗ xe, vẫy vùng và rút rẫy với thùng xe. Tiffauges vội vã tháo ngựa ra và phóc lên lưng nó trước khi con này bỏ chạy. Đến khi anh ngoảnh nhìn, anh thấy đàn bò ngoan ngoãn tụ tập chung quanh cỗ xe đổ và bọn này no nê với cỏ và bắp.

Người cha bầy bò rừng của Rominten hiện đang ở ngay tại trại săn – ông đến đây thường xuyên – đúng lúc biến cố xảy ra. Đây là giáo sư bác sĩ Lutz Heck, giám đốc vườn bách thú của Berlin. Bằng một sự phân lượng công phu giữa các giống bò tốt Tây Ban Nha, vùng Camargue, và đảo Corse, và được cải thiện nhờ chọn giống trong nhiều lứa liên tiếp, giáo sư định thử tái tạo chủng loại bò rừng nguyên thủy mà những mẫu cuối cùng đã liệt vào thời kỳ Trung Cổ. Ông nghĩ mình đã khá thành công và được ông chủ quản săn bắn cho phép thả trong Rừng Cẩm của Rominten loại *bò nguyên thủy tái sinh*, như ông đã cao hứng đặt tên cho công trình của mình.

Kể từ đó, đàn thú đen và dày đặc gieo rắc kinh hoàng trong Rừng Cẩm. Người ta kể lại câu chuyện một đoàn tuần tra đi xe đạp bị một con bò rừng chặn đường phải thoát thân lên những cành cây gần nhất. Con mãnh thú trút giận dữ lên mấy chiếc xe đạp la liệt trên đường đi. Nó giẫm lên xe, rồi thu gom các xe cong queo lên hai sừng, rồi bỏ đi đắc thắng với vòng hoa chiến lợi phẩm làm bằng khung xe và bánh xe cuộn vào nhau.

Đến khi Goring được tin chẳng lành về Tiffauges, y khoái trá tột cùng, và gọi anh đến để nghe chính anh kể chuyện. Thế là tối hôm sau Tiffauges đến trình diện tại trại săn, mày râu nhẵn nhụi, mang đồng phục màu lục và đôi ủng màu đen, nhờ có di vật của một gã kiểm lâm có tâm vóc gần giống như anh. Người ta cho anh ăn bữa tối lâu lắc và thịnh soạn ở dưới nhà bếp cùng với nhân viên đang nhìn ngó anh một cách nể sợ vì vị chủ quản săn bắn đã để mắt tới anh. Tiếp theo đó phải chờ đợi con cao hứng của các ông

chủ đang ba hoa chung quanh chiếc lò sưởi khổng lồ giữa khói thuốc và hơi rượu. Cuối cùng anh được gọi lên. Dù mọi người đều mặc quân phục, bao nhiêu quan khách vây quanh vị chủ quản, đều lu mờ vì hào quang của vị này nhờ thân hình to lớn và ăn mặc khác thường. Khối thịt một trăm hai bảy kilô tràn ra khỏi chiếc ghế bành to rộng kiểu cổ với lưng dựa uốn tròn và chạm khắc tạo hình giống như một vùng hào quang rẽ quạt đuôi công chung quanh đầu và vai của ông. Ông mặc một chiếc sơ mi trắng rua ở ngựa áo tay phồng, phủ lên áo là một chiếc áo dài bằng da hoẵng màu tím nhạt, lủng lẳng bên ngoài là một sợi dây xích nhỏ, nặng, bằng vàng, ở mút dây đóng đưa một viên ngọc bích lớn như trứng chim bồ câu.

Cái lối phô trương này lẽ ra làm cho chàng thanh niên người Pháp không chịu nổi, may sao tiếng Đức đã dựng lên giữa bọn họ với anh một lớp ngăn màu đục, chứ không phải là trong suốt, làm dịu bớt tính cách thô lỗ cho bọn họ và cho phép anh ngỏ lời với nhân vật thứ hai của Đức quốc xã thông qua những lời lẽ và giọng nói mà người ta sẽ không tha thứ cho anh giả như anh là người Đức.

Tiffauges bị buộc phải nói rõ nơi và giờ gặp gỡ, số lượng đàn bò rừng, hướng xuất phát của đàn thú, phản ứng của ngựa, thái độ của chính anh – Và cứ nghe mỗi chi tiết mới, vị chủ quản rú lên cười vừa vỗ bôm bốp xuống đùi. Tiếp theo đó người ta bõn cọt anh về đôi kính mắt, ồm ồm nói rằng qua lớp kính cận thị có thể anh trông thô hóa bò chằng, và Tiffauges lần đầu tiên khám phá ra một trong những định kiến của các chủ nhân ông Đức quốc xã là họ ghét ai mang kính, đối với họ đó là hiện thân của tài trí, ăn học, lập thuyết, nói tóm lại đó là người Do Thái. Kế đó giáo sư bác sĩ Lutz Heck, cha đẻ của *bò nguyên thủy tái sinh*, giải thích rằng điều trớ trêu này là bày thú của ông sẽ nguy hiểm, chừng nào chúng vẫn được huấn luyện như thú ở nhà. Nếu bị nhốt, thì còn lâu nó mới sợ người và hề thấy người là nó cao chạy xa bay. Thế mà nay – nhất là khi bắt đầu đời sống mới hoang dại của chúng – chúng không hiểu vì sao con người lại thả chúng vào một khu rừng lạnh giá và ít có thức ăn, trong khi cả vùng lại đầy bãi cỏ và nông trại phong phú. Cho nên hơn một lần bò rừng phá rào, tuôn vào các cửa chuồng và kho rạ để ngón cỏ khô, mà vẫn không quên phủ một con bò cái nào đó trên đường đi. Trong cái hung hăng của chúng nó đối với con người, có sự giận dữ, sự tủi hờn của những đứa con bị bỏ rơi, giáo sư Heck kết luận như vậy,

biến cố xảy đến cho chàng thanh niên người Pháp là điều minh họa rõ nét hơn cả cho điều vừa nói.

Nhưng con thú chúa tể của Rominten là con nai mà người ta săn núp hoặc săn lừa – là những lối săn bắn khả thi tại chôn rừng rậm – và đối với vị chủ quản săn bắn là một nghi thức vừa say sưa, vừa tế sinh mà cũng là cung cấp lương thực. Nghi thức ấy lại còn có cái đạo với nét bí truyền đòi hỏi nhận định và minh giải các gạc nai rụng, và nhất là việc “cho điểm” cuộc săn bắn do một hội đồng chuyên gia săn bắn chính thức, tối thiểu tám ngày sau khi nai chết, các gạc nai đã khô trong một căn phòng được sưởi suốt thời gian ấy.

Mùa đông sắp hết, và công việc chủ yếu của Tiffauges là lọc lựa, qua các rừng cao và rừng rậm, các gạc nai rơi rụng, một sự truy tìm càng tăng phần quan trọng trong thời khắc này của năm là vì những con nai già năm nhất thay gạc vào đúng tháng hai và tháng ba, những con trẻ hơn có khi đợi tới đầu hè mới mất gạc. Công việc trở nên tinh vi vì thường phải đợi hai ba ngày rụng cách nhau giữa hai các gạc của cùng một con nai, thành thử tìm ra được một gạc thì phải lùng kiếm lâu lắc để tìm ra gạc kia, nếu không thì chẳng có giá trị gì. Dù tận tụy, tiếp theo là sự say mê gia tăng mãi theo công cuộc truy tìm, Tiffauges sẽ không hoàn thành công tác nếu không được sự giúp đỡ của hai con chó đặc biệt làm rất tốt công tác này, chúng nó được đưa đến từ một huyện lỵ ở gần khi vắng mặt Goring là người vốn thích thú hành hạ chó và không thích chó. Điều lạ lùng hơn nữa là sự tinh thông của viên chủ quản săn bắn, ông này biết vanh vách những chiếc gạc người ta đem đến cho ông, chiếc nào là chiếc thứ tư trên đầu con Théodore, chiếc nào là chiếc thứ bảy của con Sergent hoặc chiếc thứ mười của con Poseidon già nua. Các gạc rụng được sắp xếp vào bộ sậu của riêng từng con, đặt lên trên các đầu nai mấy năm trước, theo một lối sắp xếp hình tháp mà đỉnh tháp được đăng vào đợt thứ mười một hoặc thứ mười hai bằng cái chết cuối cùng của con vật bị giết.

Sự việc thống chế đến đây vào chiều hôm ấy đã được thông báo trước, và một đội kèn được triệu tập đến trước trại săn để thổi chào mừng khi thống chế bước xuống xe. Tiffauges và viên trưởng kiểm lâm đã đặt lên bàn

các gác rung thu góp được kể từ khi ông chủ quản đến đây lần cuối cùng. Mấy chiếc đầu này lập thành một bản biên niên chặt chẽ nhất và thân thiết nhất của đời sống tại Romintenm và công việc diễn giải tạo nên những lời tranh luận hào hứng giữa các viên kiểm lâm với vị chủ quản. Chẳng hạn nó cho phép theo dõi các giai đoạn nảy nở của con vật quý, và xác định chắc chắn đến mùa nào phải hạ sát nó vì một khi đã lên đến cực thịnh thì năm sau con vật phải suy thoái.

Chiếc xe Mercedes trưng cờ đã lăn bánh vào lối đi rộng rãi đưa đến trại săn, và đoàn thổi kèn lấy thế đứng nghiêm, đưa nhạc khí lên môi thì bỗng một gã hộ vệ nhảy xuống trước xe lao tới cao giọng:

- Đứng thổi kèn! Sư tử nó ghét!

Mọi người đều sững sốt và thoáng chốc người ta tự hỏi “sư tử” phải chăng là biệt hiệu mới khác mà “con người sắt” được người ta trao cho, nhưng làm thế nào quan niệm được cái ghét đột ngột này đối với loại nhạc mà ông vốn thích hơn cả?

Chiếc xe bè thế dừng lại êm ru, bốn cánh cửa bật ra cùng một lúc, và người ta thấy từ cửa sau chuôi ra một tấm thân dài màu hung, một con sư tử thực thụ đang kéo theo sau nó, ở đầu mút sợi dây da, viên thống chế, cười toe toét và lúng túng, trong bộ quân phục màu trắng khiến ông tròn trịa như quả bóng.

- Buby, Buby, Buby, ông cất giọng uồn éo vừa bước qua sân, vẫn bị lôi kéo vì con mãnh sư đang sệt sệt bò sát đất. Và người với vật biến vào trong nhà, được dẫn đường bởi một đoàn thuộc hạ xô đẩy nhau khiếp hãi.

Người ta loay hoay tìm một gian phòng có thể chứa chấp tạm thời con sư tử, và cuối cùng chính cái phòng tắm của ông Goring được biến thành trại thú sau khi đã đem một xe cát đến đổ vào bể tắm để cho Buby có thể duỗi mình trên lớp đất mềm, đúng như thói quen của tất cả loài sư tử. Rồi thống chế trở ra lại, đến đối diện với đoàn nhạc và đứng nghiêm chăm chú nghe điệu kèn chào mừng được tập dượt từ nhiều tuần lễ nay dành riêng cho ông. Sau đó ông cảm ơn bằng cách đưa lên chiếc gậy nửa xanh nửa vàng, và biến mất vào phòng riêng để thay áo. Một giờ sau, ông trao đổi với vị

trưởng kiểm lâm, cầm lên trên tay những gạc nai rừng xuất phát từ chương trình săn bắn mùa hè và mùa thu.

Tối lại, Tiffauges được dịp nhìn thấy thấp thoáng một cảnh tượng ghi ấn tượng vào đầu óc mình bằng những màu sắc đơn giản và rục rờ của một tấm tranh bình dân. Goring mặc một chiếc áo kimono đom đóm dáng màu xanh nhạt, trên bàn trước mặt ông là nửa con heo rừng, ông cầm lên một đùi thịt, giống như chiếc chùy của Hercule. Con sư tử ngồi bên cạnh say sưa theo dõi cái đùi thịt đưa qua đưa lại trên đầu nó, và há mồm đớp chậm chạp, vu vơ, theo hướng miếng mỗi khi thấy nó lại gần. Cuối cùng, viên chủ quản ngoạm vào thịt, và trong thoáng chốc khuôn mặt ông bị lấp đi đằng sau cái đùi thịt to tướng. Kế đó, miệng nhồm nhoàm, ông đưa đùi thịt cho con sư tử, đến lượt con này cắn phập vào đó. Và như thế là một sự đưa đi rút về của miếng thịt mỗi giữa hai kẻ khổng lồ đang trù mên nhìn nhau vừa nhai bồm bồm từng mớ thịt đen thơm.

Công việc phân chia cho các vị quan khách sẽ săn bắn những con nai nào, tùy theo địa vị của họ, là một công việc khó xử hơn cả đối với vị trưởng kiểm lâm, và lắm khi tạo nên những trận đông bão mà ông phải chịu đựng bằng tất cả sự dữ dội. Thống chế Von Brauchitsh là người phát sinh ra bi kịch bắt nguồn từ sự ganh tuông của vị chủ quản vốn bảo bọc cho bầy nai của Rừng Cẩm. Vị chỉ huy tối cao của quân đội ra đi giữa đêm khuya, người hộ tống là viên kiểm lâm của huyện lỵ gần đó đã phát hiện ra đường đi của một con nai mà dấu chân rõ ràng là loại nai bảy tuổi, rất có thể đó là con Raunbold. Vị chủ quản ra đi trẻ hơn cùng với viên trưởng kiểm lâm, và đi về hướng rừng trú ẩn của hai con nai quý mà bao nhiêu gạc rừng đã chỉ điểm thế nào chúng cũng bị hạ. Đêm xuống khi ông trở về trại săn chờ theo ở sau xe một con nai già bảy tuổi, và một con khác đi cặp đôi, còn này sáu tuổi, cả hai đều có những chiếc sừng tuyệt đẹp, đầu con nai già bảy tuổi xòe ra như giàn đèn, đầu kia thưa hơn, giống như bàn tay ba ngón. Mặt mày rạng rỡ, vị chủ quản rút lui vào phòng chuẩn bị ăn tối. Một giờ sau người ta nghe tiếng xe của Brauchitsch đi săn chờ về.

Theo tục lệ, gặp trường hợp như thế này người ta tổ chức một lễ “săn lạnh” vào giữa đêm khuya tại sân bên trong của trại săn, rục rờ ánh sáng từ

các lò lửa và những mối thông. Như thế là, sau khi được no say vui vẻ, các nhà săn bắn tề tựu trước ba cái xác được sắp xếp theo trật tự lớn nhỏ theo đúng lệ đặt ra. Vừa thoáng trông thấy, vị chủ quản cúi xuống nhìn con nai lớn nhất, tức là con Raunfbold, với chiếc đầu được vinh dự nhú lên hai mươi hai điểm và nặng ít ra là chín kilô. Ông đưa tay ve vuốt những đường vân chạy dọc theo các gạc, những phần hóa thạch, những đường rạn nứt thấy rõ dọc theo các sừng cứng. Ông đưa ngón tay mân mê các mùi nhọn ở các gạc bị cắt và ở các gạc nhú chổng lên, các gạc này màu trắng như ngà tương phản với màu nâu cháy của gạc già. Khi ông đứng lại thẳng người, bao nhiêu nét vui tính tan biến hết trên khuôn mặt hồng hào của ông và một cái nhếch môi ử dột khiến cho phần môi dưới của ông trề ra. Ông thốt lên:

- Đúng là ta thích bắn loại nai này.

Nhưng mười hai người lính thổi kèn sắp hàng thành vòng cung đầu vào đây cả rồi, và sau hiệu lệnh của viên trưởng kiểm lâm, họ cử điệu kèn vây bắt thú săn. Viên trưởng kiểm lâm, đầu trần, long trọng xưng danh các vị đi săn cũng những con nai bị hy sinh. Y kết thúc bằng vài lời cảm tạ và kính chào. Lúc bấy giờ tiếng kèn lại trôi lên, điệu nhạc nghe âm u, khào khào để tiễn đưa một ngày tàn, còn Tiffauges đứng khuất lấp trong bóng tối ở hành lang nhà thờ bằng gỗ, anh cố gọi lại những kỷ niệm đang thức dậy theo điệu nhạc của rừng rú và thỏ than kia. Anh hình dung thấy mình sống lại trong sân chơi ở trường Saint-Christophe lắng nghe tiếng vang vọng của sự chết chóc sâu thẳm và tuyệt vọng, rồi lại hình dung thấy mình ở Neuilly trong chiếc xe tàng Hotchkiss cố tình lắng nghe một tiếng thét nào đó mà anh tình cờ nghe được trước kia, và không hề bắt gặp lại, nhưng đã từng xuyên suốt con người anh như một mũi giáo. Trong tiếng kèn tối hôm nay có những âm sắc rõ ràng là gần gũi với anh, nhưng đây là một sự họ hàng gián tiếp, ở ngoài lề và giống như sự giả tạo. Tuy nhiên đêm nay anh âm thầm định ninh rằng mai sau mình sẽ nghe điệu nhạc tử khí này ở tình trạng tinh túy, rằng nó sẽ cất lên từ dải đất nước Phổ cũ kỹ này nhưng không phải dành riêng cho giống nai đầu.

Goring dần giọng dọa dẫm, lập lại câu nói vừa rồi:

- Đúng ta thích săn loại nai này.

Và vì ông ta đối diện với viên trưởng kiểm lâm, ông chộp lấy ve áo của ông này và rút lên ngay vào mặt:

- Ông cho khách giết những con đẹp nhất, còn tôi chỉ được những con hạng hai.

Viên trưởng kiểm lâm áp úng không thành tiếng:

- Thưa, trình ông chủ quản, thống chế Von Brauchitsh là vị chỉ huy tối cao của quân đội ạ!

- Đồ ngốc, ta nói là nói chuyện nai kia! Mà nai thì có hai loại: nai thượng hạng là của ta! Và những con khác! Ông hãy cố học tập đừng lẫn lộn lần nữa!

*

* *

Một trong những con nai thượng hạng đáng quý nhất hiển nhiên là con Candélabre mà viên trưởng kiểm lâm ghi chép theo dõi gần như hàng tháng và nó có triển vọng trở thành chúa tể các đàn nai ở Rominten. Một hôm Goring ăn mặc còm cộm như con gấu, lê bước nặng nề trong lớp tuyết mềm để tìm lại dấu chân chó sói được thông báo, thì thỉnh linh con Candélabra đột hiện, như ma, giữa đám cành cây trắng giá. Nó như pho tượng bằng gỗ mun phía trên cần cổ gân guốc của nó sừng sững một đám hai mươi bốn cái gạc phân chia đều đặn như đường vân thủy tinh. Nó cao lớn và dựng thẳng như một thân cây, cây sống động phì phò, tai chĩa thẳng, mắt sáng như gương, đứng đối mặt với ba người. Cái má phệ của ông chủ quản kích động.

- Phát đạn đẹp nhất đời ta là đây, một phen hạ thủ đẹp đẽ nhất mà ta từng được chứng kiến!

Ông đóng nòng súng lại mà nãy giờ ông đang mang súng gập đôi kẹp trên cánh tay, và chậm chậm nâng súng trên vai. Đến đây ông trưởng kiểm lâm, bằng một vẻ tự quyền làm Tiffauges phát sợ, đứng ra ngăn trở cái ham muốn hung hãn kia. Ông cất cao giọng đủ sức để suýt cho con nai chạy:

- Kính thưa ông chủ quản, con Candélabre là con gậy giống hảo hạng nhất của Rominten. Ông nương tay cho nó một mùa nữa. Nó là tương lai của khu Rừng Cẩm!

Goring giận cành hông:

- Ông có biết nếu thế thì tôi chịu thiệt như thế nào không ? Nó cân ít ra là hai trăm kilô và cũng đến mười ki lô gạc ở trên đầu! Nó có thể bị đâm lủng bụng vì một con nai tơ nào đó nhanh chân hơn và ngứa sừng hơn. Và ông có biết sau khi thay rụng thì gạc của nó sẽ thành ra như thế nào chẳng?

- Gạc của nó còn đẹp hơn thế nữa ạ, thưa thống chế. Còn sang trọng hơn nữa ạ, ba chục năm coi rừng mách bảo cho tôi biết điều ấy. Còn mạng sống của nó, tôi đem mạng sống của tôi ra bảo lãnh. Nó sẽ không gặp phải gì đâu!

Goring dang tay hát mạnh ông trưởng kiểm lâm, gần giọng thêm:

- Để tôi bắn nó.

Nhưng đến khi ông đưa súng lên vai, con Candélabra đã mất dạng. Nó thoát chạy mà chẳng gây một tiếng động nào, chẳng một cành lá lật lay. Tưởng chừng như rừng cây cao đã hút lấy nó, như hút một cái bóng sống động, Con giận dữ của ông chủ quản sẽ không lường nổi nếu ông trưởng kiểm lâm, vốn tiên liệu phong ba bão táp và biết cách đối phó, không mau dẫn ông chủ quản đi thêm vài cây số nữa trước khi trời tối, xuống một thung lũng đầy thạch thảo mọc cao và một rừng cây phỉ còn nhỏ nhưng hầu như dày đặc. Ông chủ quản lau bàu khe khẽ khi phải nằm xuống bò sát để băng qua một cây gai tua tua những cái gai đen trên một địa thế đồ dốc xuôi xuống một kềm đá. Nhưng ông nín thở khi gặp một mặt bằng cho phép ông quỳ gối xuống và phóng ông nhòm dò xét dưới vực sâu. Cả bầy có đến ba chục con, co cụm lại ở chân dốc thẳng đứng, và hơi thở của bầy thú tỏa lên thành một lớp mù lưa thưa trong không khí lạnh giá. Phát súng đầu tiên chưa nổ ra thì một con nai cái vô sinh có vẻ là đầu đàn đã báo động. Ba người đứng đầu gió, và vách đá chắc hẳn đã dội ra tiếng động, nên chỉ con thú lạc hướng phóng chạy thẳng tới bọn họ. Phát đạn đầu tiên làm quy ngã chú nai tơ hai tuổi và không làm chùn bước cả đàn thú ào ạt mà người ta

trông thấy rõ ràng là đang vọt qua xác con nai tơ. Ông chủ quản đưa súng lên, bắn, vỏ đạn tung tóe quay tròn dưới chân ông. Ông nhìn, nhắm, bắn, cười lục cục khoái trá. Con nai già đi cặp với con nai cái bị đạn ngay trước ngực, rướn người lên, vọt tới trước rồi cuối cùng ngã trước mặt cả đàn. Mãi đến bây giờ lũ nai mới có vẻ hiểu rằng chúng khó lòng rút lui. Chúng đứng sừng lại, ngồng cao đầu, đôi tai lóng ngóng, tiếp đó, khi một phát súng khác làm khuyu ngã một chú nai bờm xồm, rời rã, cả đàn quay gót lui, và phóng về hướng kèm đá. Súng lại nổ ran trong khi cả đàn thú lóc cóc lạch cạch hỗn loạn phóng ngược lên triền đá vừa đóng băng vừa dốc đứng. Một con nai cao lớn vì bộ sừng nặng nề ngã ngửa về phía sau trong khi cổ ngược dốc và ngã xuống một con nai cái làm con này khuyu cuống. Cuồng loạn vì sợ hãi, ba con nai đực còn tơ ấu đả nhau một cách man dại, khi thì rướn người lên nhảy cồm tại chỗ, khi thì lùi người lại vị bị xô đẩy dữ dội, chúng lớn tiếng gào kêu vang xa nhiều cây số. Cuối cùng chúng đâm sừng vào nhau khốc liệt đến nỗi chết thành từng đám mà không thể lia nhau ra được. Khi cuộc chết chóc ngừng lại, mười một con nai đực và bốn con nai cái phì phò giữa đồng máu. Loại nai cái nào không còn sinh được nữa thì nên hạ thủ bởi vì chúng có động tình trước thì cũng làm cho các con nai đực kiệt lực vô ích mà thôi. Nhưng ông chủ quản chỉ quan tâm đến các con nai đực, và lý thú thay khi thấy ông chạy thành thịch từ con này đến con kia tay cầm lăm lăm chiếc câu liêm sẵn bán. Ông vặt các đuôi nai còn sống nóng của cái thì thể to lươn phập phồng, và chuôi cả hai bàn tay của mình vào. Bàn tay phải lạ làng róc thịt, bàn tay trái lục lạo hạ bộ đã cứa và lật lẩy bộ ngọc hành, trông giống như mấy cái trứng bằng thịt sống ứng màu hồng nhạt. Số là con nai bị hạ phải được lật không chậm trễ bằng không thịt của nó bị nhào ra và khó ăn, người ta thường nghĩ vậy.

Tiffauges hờ hững nghe lời giải thích hiên nhiên là kỳ dị này, nhất là trong một địa hạt, đây là địa hạt săn bắn, mà mọi thứ đều tính bằng con số và nghi thức từ xa xưa để lại. Anh tự hỏi thêm một lần nữa làm thế nào để hiểu biết con nai và điều bí ẩn về vị trí hình như là quan trọng trong hàng ngũ thú vật của vùng Đông Phổ, khi anh nom thấy cái mông trắng toát to tướng chổng lên trời của ông Goring đang lom khom xuống con thú vương giả mà ông sắp sửa làm nhục. Như thể để trả lời ngay cho câu hỏi câm lặng này, thống chế đứng lên và ngoắc tay gọi các người kia đến gần. Con thú đang nằm dưới chân ông là một loại bất thường có bộ sừng không cân xứng trông xấu xí khó coi. Trong khi sừng bên phải là của con nai sáu tuổi có

thân sừng chia sáu nhánh, thì ba nhánh ở đầu mút đều chia ba tạo thành một hình xòe đẹp đẽ, sừng bên trái lại què quặt mong mong manh, dễ gãy, là loại sừng của một thú nai tơ hai tuổi, nhánh mọc thẳng đơn sơ, ở mút chỉ mới chớm chia hai. Một lần nữa quỳ gối xuống bên cạnh thi thể của con thú to lớn, Goring chỉ rõ cho mỗi bạn đồng hành với mình rằng, sừng đã không cân xứng thì ngọc hành cũng phải khuyết tật: con thú chỉ được một ngọc hành bình thường, cái kia teo lại. Đây chính là viên ngọc hành bên phải nó trốn đi đâu mất dưới mấy ngón tay và dưới lớp da của hạ bộ chỉ thấy phình phính nhẹ nhàng thôi. Đứng riêng với Tiffauges viên trưởng kiểm lâm giải thích cho anh biết rằng có một thương tích nào đó – mấu chùi của viên đạn, dây kềm gai, sừng húc – hoặc một cố tật bẩm sinh của viên ngọc hành buộc lòng dẫn đến một nhược điểm hoặc là dị hình của phần gạc phía đối lập. Như thế, không những sừng nai chung quy chỉ là sự nở hoa tự do và đặc thẳng của ngọc hành mà sừng nai vàng theo một sự đảo ngược thường đi kèm với các biểu tượng có nhiều ý nghĩa, sừng nai là một hình ảnh dựng ngược lại, giống như thể được rọi vào một tấm gương soi.

Sự việc sừng là tính chất của một bộ phận sinh dục khiến cho việc săn bắn và nghệ thuật săn bắn mang một ý nghĩa trầm trọng đáng sợ. Hành xác một con nai, giết nó, lột nó, ăn thịt nó, lấy gạc nai để tự đề cao giống như lấy một chiến lợi phẩm, đó chính là bản trường ca với năm đoạn khúc của gã hung thần ở Rominten, kẻ tế sinh chính thức của thần sinh dục. Còn một đoạn khúc thứ sáu, quan trọng hơn nữa, mà Tiffauges vài tháng sau sẽ khám phá ra.

* * *

Viên trưởng kiểm lâm, trong một lúc quá trí có để lộ cho Tiffauges hiểu rằng Goring chẳng phải là một tay cực kỳ sành sỏi thú săn đầu. Thật ra cũng dễ tìm thấy ở Đức hàng trăm người đi săn hoặc người đi rừng có nghệ thuật và bản năng săn bắn ở vào một trình độ nhất định là cao hơn. Tuy nhiên luật lệ buộc phải nhượng bộ. Có một lãnh vực không kém quan trọng mà vị thống chế Đức quốc xã tỏ ra mình có tài và có khiếu không ai sánh kịp, đó là cách nhận ra bãi *phân* của thú rừng. Gặp lúc phải diễn giải tất cả những điều cần biết ghi dấu vào các bãi phóng uế của đàn thú, ông chủ quản tỏ ra sâu sắc và giàu kinh nghiệm khiến người ta có quyền tự hỏi ông học được

bấy nhiêu điều ở đâu và trong thời gian nào, và những điều ấy chỉ là do cái bản chất hung thần của ông chằng.

Tiffauges có dịp mục kích vị chủ nhân của Rominten thì triển cái thiên khiếu đọc phân của ông, chẳng hạn một buổi sáng mùa xuân không ai có thể bắn được một cái gì hết mà khỏi phạm vào điều luật săn bắn, thế nhưng sáng hôm ấy tình hình đất đai đặc biệt giúp ta ghi nhận rõ ràng dấu vết phóng uế của thú rừng. Goring vốn chỉ chờ dịp trở tài, chẳng mấy chốc chỉ còn chăm chăm vào các hình dấu chữ ký do mấy con thú để lại dưới các gốc cây, trong rừng rậm và trên các lối thường qua lại.

Và ông chỉ rõ ràng phân của nai đực chỉ có một mút, nhọn, nặng, vãi từng đoạn một, trong khi phân của nai cái có hai mút nhọn, nhòn, đen tuyền và không đều. Phân cứng và khô vào mùa đông, còn mùa xuân thì tươi và có chồi non làm cho phân mềm dẻo đến độ trông như phân bò mềm và đẹp. Tiếp đến mùa hè làm cho quyện lại, biến phân thành hình ống màu vàng mà mặt đáy lõm vào và đáy kia lồi ra. Đến tháng chín, phân kết thành chuỗi hạt. Gặp thời kì sinh nở, phân nai cái thường vấy máu. Sau hết, điều cần biết là phân về đêm cứng hơn và khô hơn phân về buổi sáng vì được nhai đi nhai lại nhồi nhuyễn suốt ngày. Ông thống chế không quên bốc lên bằng ngón tay cái và tay trở để thử xem mềm cứng như thế nào và lại còn đưa lên mũi để ước lượng phân mới hay cũ vì càng cũ thì mùi càng chua.

Nhưng phân của loài mang – quyện thành một mút nhọn mùa đông còn mùa hè thì dính lại từng chùm như phân cừu – phân heo rừng – hình dùi trống mùa đông, còn mùa hè như phân bò nhỏ rời rã -, phân thỏ rừng khô và nhọn, rải rác và đen nhạt nếu là thỏ đực, hình cầu to láng nếu là thỏ cái -, phân mỏ nhát – từng đĩa trắng màu ngà có một dấu chấm màu lục ở chính giữa – phân loài trĩ, uồn lại thành từng đống dưới chỗ đậu, phân gà rừng nằm dưới các gốc thông, và ngay cả mấy mẫu phân lơ thơ của thỏ đối với ông cũng đáng chú ý và bình luận. Tiffauges không khỏi nghĩ tới Nestor cùng những buổi đi đại tiện về đêm kèm theo lời dẫn giải, khi anh nhìn thấy con người phốp pháp này, vừa mang huy chương lạnh cạnh vừa chạy từ cây này sang cây khác, từ bụi này tới bụi kia reo lên vui vẻ, như một đứa trẻ con buổi sáng Phục sinh đi săn lùng mấy quả trứng bằng sô cô la trong vườn. Và, mặc dù từ lâu nay đã quen với những an bài của định mệnh dành cho mình, anh cũng lấy làm lạ rằng bao nhiêu những ngẫu nhiên của chiến tranh

và tù tội đã biến anh thành kẻ giúp việc và đưa học trò thâm kín của nhân vật số hai của Đức quốc xã, chuyên gia về dương vật và phân.

* * *

Mùa hè đưa đến một vị khách ngoại hạng, một người dân chính, nhỏ thó, nóng nảy, mau miệng, chiếc mũi to tướng làm điểm tựa cho đôi kính cận dày cộp. Đó là giáo sư Otto Essig vừa trình luận án tiến sĩ về *Cơ học có tính biểu tượng qua lịch sử Đức quốc thời cổ và thời mới* tại Đại học Gottingen và được Alfred Rosenberg chú ý. Vị triết gia chính thức của chế độ này xin cho vị tân khoa được ông Goring mời tới chơi, ông này vốn không hợp hạng với trí thức mà miễn cưỡng nhận lời. Tiffauges có dịp gặp ông đọc một lần trong thời gian ngắn ngủi ông lưu lại Rominten – và chẳng anh chẳng hiểu được phân nửa những lời ông nói, vì ông nói nhanh và nói điệu bác học, - và anh đâm ra tiếc rẻ, vì nhân vật ấy vừa ngô nghê vừa vụng về không hề biết tới nghỉ ngơi hay thư giãn và hình như nói rất những gì mình tha thiết.

Thế rồi một đêm anh nghe ông thảo luận về các công thức đo đạc sừng nai – công thức Nadler, công thức Prague, công thức Đức, công thức Madrid – ông đem ra áp dụng với những sừng được đưa đến cho ông và so sánh các ưu điểm của mỗi sừng một cách nhanh trí không ngờ nổi. Tiffauges ghi nhận rằng công thức Nadler, công thức đơn giản nhất và cổ điển nhất, tính điểm gộp chung mười bốn mục lần lượt như sau:

- Chiều dài trung bình của hai thân sừng chính (hệ số 0,5)
- Chiều dài trung bình của hai sừng nhánh (hệ số 0,25)
- Chu vi trung bình của hai gốc sừng chính (hệ số 1)
- Chu vi của gốc sừng chính bên phải (hệ số 1)
- Chu vi của mút sừng chính bên phải (hệ số 1)
- Chu vi của gốc sừng chính bên trái (hệ số 1)

- Chu vi của mút sừng chính bên trái (hệ số 1)
- Số lượng sừng nhánh (hệ số 1)
- Trọng lượng bộ sừng (hệ số 2)
- Chiều dài rộng của sừng (từ 0 đến 2 điểm)
- Nét đẹp của vân (từ 0 đến 2 điểm)
- Nét đẹp của hình rẽ quạt của sừng (từ 0 đến 10 điểm)
- Tình trạng của các mút nhọn (từ 0 đến 2 điểm)

Công thức của Prague còn đưa thêm độ cao trung bình của 2 điểm nú và nét đẹp của sừng nhánh phụ (từ 0 đến 2 điểm). Còn công thức của Đức thì không xét đến mục vừa nói nhưng lại thêm vào tổng số một điểm xét chung từ 0 đến 3 điểm.

Từ nay Tiffauges hiểu biết cái ý nghĩa sinh dục của sừng nai, anh thần phục cách tính toán ấy góp phần chính xác và tinh tế vào một lãnh vực bí ẩn đến như vậy. Các nhà săn bắn rút trong túi nhỏ ra một thước dây hình như luôn mang bên mình, chuyên cho nhau những sừng rụng và sừng cưa, oang oang nói qua nói lại các con số, trích dẫn những số liệu thần diệu về con nai này nai kia lòng lẫy đã từng gây sôi nổi tại triển lãm quốc tế hàng năm ở Budapest, chẳng hạn con Flambeau đoạt hai trăm mười điểm Nadler, hoặc con Osiris với hai trăm bốn mươi ba điểm Nadler chỉ thua sút chút ít – và lại những dữ kiện đưa ra đáng được xem xét lại – so với hai trăm bốn mươi tám điểm năm mươi lăm của một con nai bị giết ở Slavonie, là một mẫu nai khét tiếng nhất chưa từng thấy theo trí nhớ của nhà săn bắn.

Giáo sư Essig lợi dụng một lúc im lặng lấy lại hơi thở của mọi người để thử phác ra một triết lý về sừng nai. Trước hết ông nhấn mạnh rằng trong ba công thức đo đạc hiện tại có những yếu tố thẩm định thuần túy về phẩm chất, liên quan chẳng hạn đến màu sắc, nét đẹp của đường vân hoặc nét đẹp của hình rẽ quạt, và, trong công thức của Prague, có nét đẹp của sừng nhánh phụ (chứ không phải là chiều dài). Theo lời quả quyết của ông, đây là

phần của vật thể không giản lược thành con số, phần thực tế cụ thể mà sự đo đạc nào cũng không thể nắm bắt. Đặt mình vào quan điểm của chính con thú, giờ đây, ta nhận thấy rằng ý nghĩa của sừng vượt quá con dụng khi chiến đấu. Quả tình sự đâm nhưng nảy gạc của một con nai quý nếu chỉ xét về mặt thực dụng thì chẳng đáng kết án, vì nó gây lưỡng vướng khó xoay sở. Nhưng giả dụ trọng lượng và khối lượng của sừng có tạo thành một khí giới ít hiệu quả khi thực dụng, thì sự thật vẫn là một con nai bảy tuổi đời rất hiếm khi chịu để cho một con nai tơ phạm vào mình. Mỗi nguy có thể đến từ con mang thì đúng hơn, vì tính hung hãn của con mang tơ thì không lùi bước trước một con nai lù lù to tướng và sừng mang có thể gây thương tích khó lành cho nai. Đối với nai nhú sừng thì khác hẳn, và đây là chức năng thiết yếu của loại sừng cao quý hơn cả: có thể nói rằng chúng gây nể nang cho các con nai tơ. Do đó, nếu sừng bớt phần kiên hiệu chiến đấu cho nai già thì bù lại trăm phần hơn cho hào quang tinh thần của nai. Cúi đầu chào về hướng Goring, giáo sư lăm bắm đối chiếu giữa sừng nai với chiếc gậy của thống chế, chiếc gậy này lẽ ra là một khí giới chiến đấu quá sức kém cỏi, nhưng bề ngoài lại truyền lực không cho kẻ khác chạm tới được nhờ uy danh nó ban cho. Bởi thế, ông kết luận, trong khi dương tính được áp ủ kín đáo ở phần hạ bộ xa xôi nhất của cơ thể thì kéo con vật xuống đất thì bộ sừng là hình thức biểu lộ được siêu hóa sừng sừng lên trời tỏa rạng hào quang thị uy luôn cả tính háu đá mù quáng của bọn nhỏ.

Vị giáo sư nhỏ thó cũng hăng say trong khi thuyết giảng, và không để ý đến sự lạnh nhạt của người nghe. Ông chưa hề biết đến sự ghét bỏ của xã hội đối với lối suy nghĩ nói năng đi chệch ra khỏi điều phạm. Người ta đề cập đến trọng lượng của con thú, và đặc biệt tới tương quan giữa trọng lượng sống động của con thú và trọng lượng rỗng, tức là trọng lượng con thịt, trọng lượng những miếng thịt bán trên quầy. Essig có suy nghĩ riêng về đề tài, và ông hồi hải trình bày ra cái công thức đã sắp sẵn. Muốn có trọng lượng rỗng khởi đi từ trọng lượng sống, ông giải thích, chỉ cần lấy $\frac{4}{7}$ của trọng lượng sống, cộng thêm một nửa của trọng lượng sống ấy, rồi chia tất cả cho hai. Thương số là trọng lượng rỗng. Goring bảo nhắc lại công thức, rồi rút cây bút bi bằng vàng ra và làm tính nhanh trên hộp thuốc. Ông kết luận:

- Như vậy, thưa giáo sư, tôi cân nặng một trăm hai mươi bảy ki-lô sống, đem tôi ra quầy hàng tôi chỉ được sáu mươi tám ki-lô là cùng. Không hiểu

như thế là nhục hay là vinh!

Và ông phá lên cười vui vẻ vừa vỗ bôm bốp lên đùi. Quan khách đều bắt chước ông, nhưng trong tiếng cười của họ xen lẫn điều oái oăm và như thế có nghĩ là không đồng tình với vị giáo sư nhỏ thó. Ông này biết như thế, và muốn đem tất cả nhiệt tình của mình ra đương đầu. Nhân nói chuyện về “con mê”, ông đem ra tường thuật một giai thoại xảy ra ở Thụy Điển, nơi hàng năm nhà vua Gustave đệ ngũ tiếp tục chủ trì đại hội săn bắn con mê, mặc dù nhà vua đã tám mươi hai tuổi. Người ta kín đáo báo động cho quan khách biết rằng nhà vua mắt kém, thành thử trong khi sục sạo ai có xấp lại gần nhà vua thì nên thận trọng lớn tiếng từ xa khi thoáng thấy mặt rồng: “Tôi không phải là con mê đâu!” Có một vị khách quý làm đúng như vậy lúc buổi săn gần tàn, nhưng ông hét hồn khi thấy vị vua già nâng súng lên bắn về phía ông. Bị thương nhẹ, được nằm lên cáng, sau hồi săn ví xong, ông được dịp phân trần với vua. Vua xin lỗi: “Tâu hoàng thượng, ông hoang mang thừa, nhưng khi trong thấy hoàng thượng bắn, bản thân đã lên tiếng *Tôi không phải là con mê!* Rồi kia mà. Vậy hình như nghe thấy tiếng của bản thân, hoàng thượng mới bắn ngay hướng đó!” Nhà vua ngẫm nghĩ một lát. Rồi giải thích: “Ông ạ, bỏ lỗi cho tôi. Tại tôi cũng chẳng thính. Phải tôi có nghe tiếng ông. Nhưng tôi lại nghe ra *Tôi là con mê.* Thế là tôi bắn!”

Câu chuyện là một sự lỡ lời tai họa. Goring vốn ái mộ người vợ đầu tiên của mình tên Karin người Thụy Điển, chết năm 1931 và táng tại tư thất Karinhall mỹ lệ hiển nhiên là một cái lăng. Từ đó, tất cả những gì đụng đến Thụy Điển đều là linh thiêng, và giai thoại của vị giáo sư nhỏ thó đem Gustave đệ ngũ ra làm trò bỡn rơi trầm xuống một khoảng lặng im cụt hứng. Vị chủ quản đứng lên đi về tư phòng không nói một lời với Essig. Vị chủ quản sẽ không gặp lại giáo sư và ngày mai ông đi thuyết trình ở Rastenburg, và khi ông lên đường thì vị giáo sư đã lọt vào rừng Erbershagen từ hai giờ trước đó, giáp ranh phía đông của Rừng Cẩm, cùng một gã kiểm lâm sắp xếp cho giáo sư bắn một con nai, con già nhất, bệnh nhất, kỳ quái nhất toàn vùng Rominten, theo lời căn dặn của Goring. Người ta không bao giờ làm tỏ rõ trọn vẹn mọi tình tiết của một biến cố đã gây ra sáng hôm ấy, một vụ giống như động đất trên khoảnh đất rừng núi ấy. Cái con thú kỳ quái vốn dành riêng cho vị giáo sư nhỏ thó, mà gã kiểm lâm đã trông chừng từ hôm trước, xuất hiện đúng lúc như ấn định vào nơi đi đến bằng xe đi săn, lúc ấy bình minh vừa chớm nhuộm hồng các đọt thông.

Bình minh cũng động tâm vui lòng có mặt ở một khu rừng thưa nhỏ nhắn, đúng tầm nhắm của thợ săn đang cheo leo trên vọng canh cách chừng ba chục thước ở riềm cây. Gã kiểm lâm, khá tự hào và nhẹ nhõm thấy nhiệm vụ của mình hoàn thành mau mắn và may mắn đến như thế, đã ra hiệu cho “thân chủ” nổ súng được rồi. Giáo sư nâng súng và ngắm nghía lâu lắc đến nỗi gã kiểm lâm bắt đầu sợ con thú biến mất trong rừng non. Rồi súng cũng nổ. Con nai huých xuống âm, như bị đẩy ngã ra đất, nhưng vụt đứng lên tỏ dấu chẳng bị thương tích nặng nề. Quả nhiên hai người nhận thấy nùi đạn ria chỉ bắn nát chiếc sừng độc mà thôi – mà chiếc sừng này lại vừa khuyết vừa mảnh – của con thú. Trụi sừng, nay chẳng hơn gì một con lừa còm cõi, lại bị choáng ngất hết nửa thân mình, con thú đứng tại chỗ, chờ dẫn, quay đầu về hướng chòi canh. Gã kiểm lâm ngượng thay cho thân chủ, buông lời khản khoản:

- Nhanh lên giáo sư, bắn đi không nó tẩu thoát!

Thế là lách tách tạch dùng liên hồi làm náo loạn cả huyện lỵ. Từ ria đất mùn trộn lẫn lá khô bay vèo, cành gãy rơi rụng, các thân cây bỗng nằm dài từ các vết thương gãy ngang. Riêng con nai-lừa hình như thoát đạn. Nó lóc cóc chui vào vào rặng cây con ở bìa rừng, và nó đã mất tăm từ một lúc trong khi tiếng súng vẫn giòn giã. Gã kiểm lâm đứng lên và cựa quậy cho ấm người. Gã trầm giọng:

- Rộn ràng thế này coi như xong xuôi buổi sáng. Chỉ còn nước quay về công cốc. Tôi nay, ta có quyền uống rượu phạt vậy. Gã vừa nói thêm như thế vừa nhún nha cười mỉm che đậy sự hậm hực của mình.

Đó là một đòn răn đe đối với thợ săn, rất thông dụng tại Đông Phố, buộc nạn nhân phải uống qua thuốc súng – không lau chùi sạch sẽ - một hỗn hợp rượu trắng với tiêu trắng rót bằng một cái phễu đặt ở hộp cơ bằm.

Gã kiểm lâm sốt ruột giậm chân trong cỏ ướt trong khi chờ đợi giáo sư chẳng hiểu vì sao lâu lắc trên chòi cao. Gã chỉ nhún vai khi nghe giáo sư nói oang oang: “ Tôi thấy nó dây rồi! Trong khóm cây sồi rừng kia kia! ít lắm là năm trăm mét đấy! Tôi bắn nó bằng đạn thật đấy!”.

Phát đạn cuối cùng nổ. Tiếp đến là im lặng, rồi lại giọng nói của giáo sư đang thay chiếc súng bằng cặp ống nhòm.

- Ông kiểm lâm ơi, chạy đến xem đi nào, chắc tôi bắn trúng rồi đó.

Thế này thì quá lớ, nhưng gã kiểm lâm vẫn thờ dài và lịch sự trèo lên vọng gác theo chân vị khách. Nhìn vào ống nhòm thì thấy ra thân thể một con thú nằm khênh trong lối hành lang xuyên giữa đám sỏi rừng tới tận chân trời. Khoảng cách thật xa và lọt ra ngoài tầm đạn của tay thiện xạ hạng nhất. Ấy vậy mà có một vết thắm màu hơn bộ lông của con nai, trên đó, giáo sư đã nhả viên đạn cuối cùng.

Hai người rảo bộ vào đám sỏi rừng. Con nai giống như ngủ, đầu kê lên đôi chân trước một cách hiền lành, bộ sừng thẳng dựng lên thành một đám màu ngà thắm. Thân hình vạm vỡ rắn rỏi như được khắc chạm trong gỗ mun. Hình hầy còn âm. Viên đạn xuyên ngay ngực.

Gã kiểm lâm cảm thấy mình lão đảo. Thoáng nhìn, gã nhận ngay là con Candélabre, con thú quý hạng nhất của Rominten mà tất cả bọn giữ rừng có nhiệm vụ nhất thiết phải săn sóc và bảo vệ. Thế mà cái ông Essig khôn kiếp này bất kể tư cách của mình đang nhảy nhót reo hò như mọi da đở chung quanh cái xác ngàn vàng! Song lệnh truyền triệt để là: các vị khách của chủ quản là tối cao đối với toàn thể mọi người trong Rừng Cấm. Lỡ làm thế nào đi chẳng nữa, Essig hẳn không dè cái tội phạm của mình lại nặng nề đến thế nào. Bởi vậy ông vẫn được chào đón khi trở về trại săn, ông hề hảm tự hào, một cuộc lễ làm bằng những tiếng cười gượng gạo và những tiếng tung hô nghẹn họng mà rượu sâm panh trút ra cũng không làm bớt nghẹn. Giáo sư gặp ai cũng chỉ một lời lặp đi lặp lại:

- Ông thấy chưa, tôi chẳng quen dùng đạn ria. Đạn thật kia!

Và ông lấy làm tiếc sao ông chủ quản lại nhằm lúc này mà vắng mặt, không chia vui với ông. Goring sẽ trở lại tối mai, có lẽ vào giờ khuya, nhưng mọi người đều dám chắc với vị giáo sư là ông Goring ít nhất một tuần lễ mới trở lại. Suốt đêm ai nấy chăm lo thu xếp chiến lợi phẩm cho ông, và tổng khứ ông đi sáng hôm sau, ông vẫn hơi lấy làm lạ vì sao lại gấp gáp như vậy, nhưng ông hơn hử, xoắn vó theo thành tích sát sinh to nặng

nhất và ngoạn mục nhất – hai trăm bốn mươi điểm Nadler – trong sử ký của Rominten.

Giữa đêm khuya Goring mới trở về. Mười giờ sáng hôm sau ông ngồi vào bàn ăn điểm tâm với thịt thỏ um, ngỗng trời rim, heo rừng ngâm và thịt mang rắc bột giòn, các món này rất hợp với món cá hồi xông khói, cá mòi biển Baltique và cá hương đông sương, đúng lúc ấy viên trưởng kiểm lâm lễ phục chỉnh tề đến trình diện, mặt mày khắc khổ cố nén. Ngắm nhìn vị hộ pháp quán mình trong chiếc áo ngủ bằng gấm, đôi bàn chân nhỏ bó chặt trong đôi băng túp bằng da rái cá, ngồi chễm chệ giữa một sơn hà thịt cá, ông đâm mắt bình tĩnh trong chốc lát. Goring đáp ngay:

- Tôi nghe được một tin vui sáng nay. Ông giáo sư nhỏ con ra đi hôm qua. Tổng đi đẹp đấy. Ông ta có bắn một con nai chứ?

- Thưa ông chủ quán, có ạ.

- Một con kỳ quái, một con già bệnh, theo đúng lệnh tôi chứ?

- Thưa ông chủ quán, không ạ. Giáo sư Oho Essig của Đại học Gottingen đã bắn chết con Candélabre.

Tiếng chén bát, đĩa cốc quét theo với cả khăn bàn cùng các thứ nhào xuống và tan tành trên nền đã làm cho gã trưởng phục vụ chạy đến. Goring, mắt nhắm, như người mù, đưa trước mắt mình đôi bàn tay đầy ngón, đầy xuyên, đầy nhẫn. Giọng lạc thần, Goring thều thào:

- Joachim, nhanh lên, bình ngọc!

Gã trưởng phục vụ vụt biến đi, và đem đến một bình lớn bằng mã não đặt trước mặt thống chế. Và vẫn không mở mắt, ông chậm rãi vọc cả mớ ngọc thạch lựu, ngọc mắt mèo, lục ngọc, đá hồng điện, hoàng ngọc và hổ phách mà người ta thuyết phục ông rằng hỗn hợp ấy vừa hóa giải nhân điện tích tụ trong cơ thể vừa có hiệu năng xoa dịu thần kinh và phục hồi sự thanh thản. Luôn luôn bị ma túy cám dỗ, ông đâm ra thích dùng phương thuốc trấn an này vốn được một cái là vô hại mà lại ứng hợp với ý thích xa hoa của ông. Ông hạ lệnh:

- Đưa chiến lợi phẩm ra đây.

- Giáo sư đã đem theo từ hôm qua rồi ạ. Ông không muốn xa nó, viên trưởng kiểm lâm lấp bắp.

Goring mở mắt ra lại, và chăm chăm nhìn viên trưởng kiểm lâm bằng một lóe mắt tinh quái.

- Tốt. Các người ở đây cho rằng tôi không nên thấy. Con Candélabre! Con chúa tể của bao nhiêu bầy ở Rominten!

Ông oang oang:

- Thằng cha còi cọt mà sao tà trời thế được?

Và thế là viên trưởng kiểm lâm buộc lòng tường trình chuyến săn bắn khó tin của giáo sư Essig, tràng đạn liên hồi đối với con nai già tuổi thân bị gãy sừng, sự ngao ngán của gã kiểm lâm, và viên đạn cuối cùng bắn chùng chùng, cách quá xa, và sự có mặt không giải thích nổi của con Candélabre ở vùng phía Đông của Rừng Cẩm. Bao nhiêu việc ngẫu hợp như thế, tất cả đều khó lòng, quả tình giống như trời đã định khiến cho Goring lặng thinh, quá trí, âm thầm lo nghĩ, như bỗng đâu đối đầu với sự huyền nhiệm của thế sự.

* * *

Ngay từ cuối hè 1942, đối với dân ở Rominten, đâu đâu cũng chỉ nghe tới đại hội săn bắn được Erich Koch tổ chức, ông này là Tổng trấn của Đông Phổ, trên ba huyện lỵ vùng hồ Mazurie mà viên chủ quản đã nhượng lại làm địa hạt săn bắn tư hữu. Đây là một cuộc săn thỏ rất rộng lớn, vì dự trữ ba ngàn người săn, trong đó có năm trăm đi ngựa. Toàn thể bộ tham mưu ở Rastenburg cùng các chức sắc địa phương đều tham gia lễ hội sẽ kết thúc bằng việc bầu lên một vị chúa săn.

Một đêm, viên trưởng kiểm lâm trở về từ Trakehnen, đèo theo phía sau cỗ xe kiệu Anh một con ngựa thiếu màu đen vạm vỡ, cuộn cuộn bắp thịt,

bờm xòm, mông tròn trĩnh như đàn bà. Ông giải thích với Tiffauges:

- Dành cho cậu đấy. Lâu nay tôi muốn cho cậu lên ngựa. Đại hội săn bắn của Tổng trấn là một dịp tốt. Nhưng tôi khổ công tìm một con ngựa cân xứng với tầm vóc của cậu, cậu ạ! Con này bốn tuổi, lai giống với loại ngựa vùng núi Ardenne, nhưng mũi cong và da đen láng nổi lên góc gác Bắc Phi của nó, dù nó to lớn. Nó phải nặng đến sáu trăm ki-lô và vòng bướt vai ít ra là một tám mươi. Tựu trung là loại chạy xe tứ mã của thời vàng son đầu thế kỷ. Bay bổng thì nó không bay bổng, nhưng nó đèo được ba mạng như cậu. Tôi có cưỡi thử. Nó không chùn vó trước trở ngại, không sợ sông nước, không sợ gai chông, Hàm nó có hơi cứng, nhưng đến khi phi nước đại thì nó như một cỗ xe xung trận.

Tiffauges nhận lấy con ngựa, lòng rúng động, qua đó có sự dạt dào của con tim đơn độc xen lẫn linh cảm những điều trọng đại rồi đây sẽ do người với ngựa chung sức hoàn thành. Mỗi buổi sáng, từ nay cả đôi sẽ đi một cây số, đến nhà lão Presssmar, một cựu mã phu của hoàng gia, với một tái sản bao gồm một trại ngựa khá rộng, một xưởng lò và một khu tập ngựa có mái che. Ngựa của anh từ trại này mà ra. Được lão Presssmar hướng dẫn và lão này sung sướng hành nghề dạy dỗ như bất cứ ai nuôi ngựa. Nỗi vui sướng được gần gũi tâm thân to lớn, hiền lành và ấm áp mà anh kỳ cộ tầy chải nhắc nhở anh trước hết đến đám bò câu sông Rhin cùng những giờ khắc hạnh phúc êm ả sống với chuồng chim. Nhưng anh nhanh chóng hiểu rằng mỗi hồi tưởng ấy nó hơi hợt và do hiểu sai mà ra. Thật ra, khi cọ xát và đánh bóng da ngựa, điều mà anh tìm thấy lại được chính là những vui thú khiêm tốn do đánh giầy và đánh ủng ngày trước, nhưng được nâng lên một mức độ không so sánh nổi, Bởi vì nếu xưa kia bò câu sông Rhin được anh chinh phục rồi sau đó trở thành những đứa con yêu quý, thì nay săn sóc ngựa cũng giống như tự mình băng bó cho mình. Và quả là một phát hiện đối với anh là mình quay về lại với mình, là mình ôm choàng lấy mình, là cái tình thương hãy còn mơ hồ đối với một người có tên là Abel Tiffauges thông qua con ngựa thiên không lồ của vùng Trakehnen. Một buổi sáng có ánh mặt trời rơi ngay xuống con ngựa, anh bỗng nhiên nhận ra lông ngựa đen tuyền ửng lên những vòng hào quang đồng tâm. Và như thế, con ngựa Bắc Phi này là một con *Râu xanh*, và cái tên thích hợp này tự nhiên mà có.

Các bài học cỡi ngựa của ông Pressmar lúc đầu vừa đơn giản vừa nhọc nhằn. Ngựa có yên, nhưng không có quai xỏ chân. Tiffauges phải nhún người phóc lên yên, và tiếp theo vào trong trường ngựa khởi sự một đợt lóc cóc nước kiệu vồ vào mông ngựa, và người thầy dạy quả quyết rằng buổi tập dượt phải kéo dài khá khá thì người cỡi ngựa tập sự mới bảo đảm ngồi ngay ngắn được nhưng tập xong thì mệt mỏi, rã rời và rớt ở hậu môn.

Lúc đầu, Pressmar quan sát học trò mình một cách kiên nhẫn, có vẻ coi thường và nói lên một đôi lời nhận xét không khoan nhượng. Chàng kỵ sĩ chúm người ngã về phía trước, cứng ngắc, đôi chân chuôi ra sau. Anh chàng suýt ngã, mà ngã cũng đáng! Phải ngồi lùi ra sau mới phải, phần thắt lưng ôm sát vào, hai bàn chân duỗi về trước, và sửa sai tư thế này bằng cách gò lưng và gò vai lại. Vẫn không nản lòng và bị ngược đãi, Tiffauges vẫn xem Pressma như một loài tôm cua đáng sợ, thu mình suốt đời trong một vũ trụ chật chội, đầy âm khí, mà lại còn không biết cách khai thác những lợi điểm. Anh thay đổi ý kiến đúng vào hôm anh cùng với ông thầy giam mình trong phòng để yên ngựa, nghe ông trình bày *sự thật* về con ngựa, và bỗng nhiên chứng kiến cái con người sống sót từ một thời buổi xa xăm này trở nên thông minh, nói năng có hồn, và tìm được những lời những lời chính xác và đậm màu sắc để diễn đạt. Ngồi trên một chiếc ghế đầu cao, vắt đôi chân chữ ngũ, đùi chân gầy gò, chiếc ủng đồng đưa, chiếc kính một mắt dán sát, ông thầy dạy cỡi ngựa của Guillaume đệ nhị bắt đầu đưa ra cái nguyên tắc là người với ngựa cùng là sinh vật, vậy thì không có một luận lý nào, một phương pháp nào có thể thay thế tuổi thâm cảm giữa con người với ngựa, và điều này đặt ra cho người cỡi ngựa một đức tính cốt yếu là *sự tinh ý ở trên mình ngựa*. Tiếp theo, sau khi lặng im nhằm để cho mấy chữ vừa nói đậm thêm giá trị, ông nói tiếp về cách luyện ngựa, Tiffauges lắng nghe một cách say sưa, vì những lời này xoay quanh trọng lượng của người cỡi và ảnh hưởng của trọng lượng với quân bình của ngựa, và rõ ràng có một tầm quan trọng trong sự chuyên chở. Ông Pressmar mở lời:

- Luyện ngựa là một công phu cực kỳ đẹp đẽ và tinh tế hơn người ta tưởng một cách thông thường. Luyện ngựa cốt ở việc trả lại cho ngựa cái dáng vóc và quân bình tự nhiên vốn đã bị hao hụt vì trọng lượng của người cỡi ngựa.

“Thật vậy, cậu so sánh phong cách của con ngựa với con nai chẳng hạn mà xem. Cậu sẽ thấy rằng toàn bộ sức lực của nai là ở vai và cổ. Trái lại, toàn bộ sức lực của ngựa nằm ở hông. Vai của ngựa thì thanh và vót lên, còn hông của nai thì gầy và xuôi. Mặt khác, quả tinh khí giới của ngựa là miếng đá hậu phát ra từ hông, còn khí giới của nai là miếng vây sừng từ nơi bá cổ. Khi di chuyển, con nai rướn tới trước. Đó là lực kéo phía trước. Con ngựa ngược lại từ phái sau với bộ hông mà đẩy đi. Nói cho cùng, ngựa chính là bộ hông cộng với các bộ phận sát hông bổ sung vào.

“Thế mà điều thường xảy ra là gì nào khi người lên ngựa ? Cậu nhìn cho rõ tư thế của người nhé: Y ngồi quá gần phía vai ngựa hơn là phía hông. Thế là hai phần ba trọng lượng của y đè trút lên vai ngựa, mà vai ngựa, như tôi đã nói, thì yếu và nhẹ. Như thế là vai trĩu nặng nên chỉ gò lại, và sự lên gân này lan sang bá cổ, đầu, mõm, và mõm ngựa vốn dịu, nhẹ và nhạy là những gì làm nên giá trị của người dùng để cỡi. Người cỡi có trong tay một con ngựa mất cân bằng và gò gân chỉ còn nước vâng theo những yểm trợ của người một cách vụng về.

“Đến giai đoạn này mới nảy ra vấn đề luyện tập. Là làm thế nào, từng bước một, đưa đẩy con ngựa trở lại chở trên lưng nó càng nhiều càng tốt trọng lượng của người trên hông của nó, để giảm nhẹ cho vai. Và muốn được như vậy thì phải ngồi nhiều hơn ở trên hai vó sau, và làm sao hướng cho đôi vó này dưới chỗ mình ngồi duỗi tới trước càng xa càng tốt, nói tóm lại là, mượn một hình ảnh để so sánh nhưng không nên lạm dụng, phải bắt chước theo con cãng-gu-ru với toàn bộ trọng lượng dồn vào hai chân sau, còn hai chân trước thông dong. Như một số bài tập, vấn đề luyện ngựa là cố gắng giúp cho ngựa quên đi cái trọng lượng của người cỡi mà nó đeo bong, và trả lại cho ngựa cái thiên tính bằng cách đẩy cái giả tạo đến độ hoàn hảo. Sự rèn luyện biện giải cho một điều bất bình thường nếu ta thiết lập một cách tổ chức mới mẻ để đưa cái bất bình thường ấy vào một thế ổn định.

“Cho nên thuật cỡi ngựa vốn là nghệ thuật nhằm chi phối bao nhiêu sức khỏe cơ bắp của ngựa, là nghệ thuật chủ yếu nhằm nắm vững sự điều khiển hông ngựa là nơi tích tụ sức lực. Đùi ngựa phải chuyển theo gót chân người ấn nhẹ, khối hông ngựa phải mềm mại thông suốt thì ngựa mới nhậm lệ, mà ngựa nhậm lệ thì mọi cái khác do đó mà thành”.

Và vị thầy tài danh đứng lên, uốn cong người, mắt liến láo nhìn mông của chính mình - xương xẩu thế và tóp ropy thế! -, đôi chân khuỳnh vòng kiềng kẹp chặt hai phái hông của một con ngựa tưởng tượng, quần quần trong gian phòng, vừa quất roi vào khoảng không.

Bao nhiêu nhận định của Pressmar về sự đối lập giữa nai với ngựa, dù trừu tượng đến thế nào vẫn được minh chứng qua những chuyện sục sạo và đuổi dồn thú săn mà Tiffauges thực hiện kể từ nay trên mình còn râu Xanh. Không có chó – chó vẫn bị Goring loại ra khỏi vòng – con ngựa dần dà có vẻ hiểu ra những gì con người nhờ cậy nó, nó đánh hơi các lối đi và các lối mòn của nai cũng hăng say như chó săn vậy, là như thể ngựa với nai đối kháng nhau và trời bắt phải xung đột với nhau.

Một buổi tối lần nữa trong bóng tối vàng vọt của chuồng ngựa phẳng phát mùi vị ngọt ngọt của phân, trong khi nhìn những chiếc mông lằng lẩy cuộn cuộn từ chuồng này sang chuồng khác, anh nom thấy đuôi con Râu Xanh cong cớn, chệnh chéch ở đàng góc, bày hậu môn ra, màu nâu nhẵn, nhỏ, nhú ra, cứng, sít sao và nhú lại ở giữa, như cái dây tiền co dây thắt nút. Và lập tức cái dây tiền ấy ló ra ngoài, nhanh như một nụ hồng được quay phim nhanh, lộn trái lại như một chiếc găng tay, để trể ra ngoài một viên hồng uơn ướt, từ phía giữa những viên hồng này anh nom thấy những hòn phân tươi rói, nhẵn thín và bóng mỡ tuyệt đẹp lăn ra từng hòn một xuống rơm không vỡ. Một mức độ hoàn hảo đến như thế trong cử động phóng uế, đối với Tiffauges rõ ràng là sự minh chứng tối cao cho những lời thuyết giảng của Pressmar. Châu thân con ngựa nằm ở cả phần mông, hẳn nhiên là như thế, và phần mông này biến con ngựa thành Thần Đại Tiện, Thần Hậu Môn, và Tận Hậu, cái chìa khóa mở vào tinh chất của nó.

Cung một trật, ta giải thích được sức hấp dẫn truyền kiếp của ngựa đối với người, và hình ảnh đậm nét sánh đôi của ngựa và người cỡi ngựa trên chiếc mông khổng lồ và trù phú của con ngựa, người cỡi không ngót áp lên đó chiếc mông bé bỏng, cần cỗi, nhảo nhẹt của mình. Con người mơ hồ hy vọng rằng nhờ tiêm nhiễm như thế nào đó Thần Hậu Môn sẽ tỏa sáng và giáng phúc xuống đồng phóng uế của mình. Nhưng vô ích: phân người vẫn không đều, khi có khi không, khi thì khô khốc, khi thì tràn trề như bụi cám, và bao giờ cũng hôi hám. Phải chi phần thân sau của ngựa giống y con người, may ra người mới có được những cơ quan bảo đảm phóng uế như

ngựa được. Đó là ý nghĩa của hình tượng Nhân Mã phô bày con người dính liền bằng máu thịt với Thần Hậu Môn, mộng người nhập một với mộng ngựa, và người sẽ vui sướng rần từng lọn vàng thơm tho.

Nói đến vai trò tiên quyết của ngựa trong cuộc săn nai, cái ý nghĩa trở nên hiển nhiên. Đó là sự bách hại của Thần Hậu Môn đối với Thần Vận Tải Dương Vật, sự rượt đuổi và hạ sát của Hậu đối với Đầu. Và Tiffauges vui thú bắt gặp thêm lần nữa hiển hiện sự đảo lộn lạ lung đã làm cho con vật đuổi bắt với bộ móng đầy đặn trong cuộc chơi sát sinh này biến trở thành một nguyên lý hiếu chiến và tận diệt, và làm cho chúa tể của khu rừng đầy khí lực phát sinh cành nhánh ở trên đầu biến trở thành một con mồi lép vế cam đành chịu trận

Tháng chín, trận chiến ô ạt rập rình bủa vây và triệt hạ thành Stalingrad buộc Erich Koch triển hạn cuộc săn bắn. Tiếp theo là những trận đấu giá lạnh quá sớm cắt ngang thời tiết mùa thu quá dịu nhẹ, và, với những trận tuyết đầu tiên, ai nấy có thể nghĩ rằng, thêm một lần nữa, đời sống sẽ trôi êm trong bầu không khí yên tĩnh của mùa đông. Đúng lúc bấy giờ, chuyến săn bắn được ấn định vào đầu tháng mười hai và bao nhiêu công tác chuẩn bị được đem ra làm lại. Ấy thế mà mọi việc phải bỏ ngang, bởi vì Goring, vị thượng khách của cuộc lễ, đúng thời điểm ấy, lại được cử sang nước Ý để tìm cách chuyển sức sống mới cho các nước đồng minh đang chao đảo. Cuối cùng cuộc săn bắn thô vĩ đại của Tổng trấn Erich Koch diễn ra hôm 30 tháng một.

Ngay từ hôm 25, Tiffauges lên đường cùng với những đoàn săn bắn đầu tiên gồm năm trăm người dò đường cưỡi ngựa. Trung tâm tập kết là Arys, thành phố nhỏ, cách khoảng một trăm cây số về phía nam, giữa các hồ vùng Mazurie. Họ mất ba ngày để đi đến, trước đó họ được giao những phiếu cư trú tại nhà thường dân có chuồng ngựa. Tiffauges, áo quần và giày đều mới, cảm thấy dễ chịu khi được hưởng một buồng riêng tại nhà tư nhân, giống như mình ở lại xứ sở đã chinh phục được. Phải chăng người Đức vẫn là kẻ thắng trận, người Pháp hãy còn là tù binh? Anh phân vân khi nên đội ủng của mình lên lề đường dày đặc những phụ nữ nội trợ sùm sụp trong mớ áo áp dị thù đang lê bước thành từng hàng dài trước những cửa tiệm với những

tử kính không có hàng bày bán. Người ta kính cẩn phục vụ ăn uống cho anh, và anh tha hồ ăn nói, lấp lửng về gốc gác của mình dưới những bí ẩn mà giọng nói giống như người Thụy Sĩ của anh cùng với những quan hệ không chối cãi được của anh với Người Sắt càng làm thêm khó hiểu.

Nhưng nguồn sức lực mới mẻ thực sự và nguồn sức lực trẻ trung sẵn sàng chinh phục đang sôi sục trong anh chính là con Râu Xanh, người anh em hộ pháp mà anh cảm thấy đang sống nóng giữa hai đùi chân của mình và đang nâng anh lên khỏi mặt đất cùng với đám người khác. Đôi khi, đang dong ruổi trên mình ngựa ở đường trường đưa anh đến tận vùng Mazurie, để buông lợi thân thể, anh ngồi lọt ra phía sau trên mông ngựa, và ngắm nhìn bầu trời trong nhật đong đưa trên đầu mình, vừa cảm thấy phía dưới hai bả vai bắp thịt mình đang cuộn cuộn vận động. Hoặc là, anh chồm người về phía trước, đưa hai tay choàng lấy bá cổ của Râu Xanh, áp má mình xuống lớp bờm lảng lẩy yền sáng. Khi ngang qua quảng trường của một ngôi làng đang ngênh ngang họp chợ, con ngựa bỗng nhiên dừng khựng ngay chỗ người dòn ứ đông đảo nhất, Tiffauges cảm thấy mình bị đội cứng lên vì cột sống của con vật, và anh nghe một tràng lạch phạch xuống nhựa đường. Bị phân bắn lên tung tóe, đám người mau mau dạt ra vừa cười lớn, vừa lầu bầu và chàng trai người Pháp, tỉnh khô, thân mình phủ bọc trong những màn hơi ngòn ngọt dâng từ dưới mình lên, anh chàng có cái cảm tưởng ngây ngây rằng chính mình, chứ không phải ai khác, đang hiên ngang trút cục nặng ngay mặt đám dân làng trên vương quốc của mình.

Vai trò mà người ta phân cho anh trong suốt diễn tiến cuộc săn thì không vẻ vang giống như thế. Những ai săn bộ đều sục sạo ở vùng rừng thấp và địa hình lồi lõm. Người ta có lý do khi giao cho nhóm người săn cưỡi ngựa lãnh vùng đồng bằng và các vùng đất đã giẫy. Toàn bộ khu vực săn bắn trải rộng gần bốn trăm héc-ta, và bao gồm nhiều mặt hồ. Đây không phải là cuộc săn bủa kín – không dùng vải, băng, lưới – mà đây là cuộc săn theo “vòng tròn chẻ”, người lừa thú và săn thú xuất phát từng đôi – cứ ba phút, một người phía mặt, một người phía trái, để tập kết lại một điểm từ hai ngã khác nhau. Như thế, tập thể làm thành một nửa vòng tròn rộng lớn với hai mút xấp lại để cuối cùng khép thành một vòng khoanh mỗi lúc một co rút lại. Bằng một tín hiệu, đám người đi ăn – quá xấp gần nhau – ngưng bắn vào phía trong vòng tròn, mà chỉ còn bắn ra phía ngoài vòng.

Giữa bao nhiêu cuộc giết chóc có Tiffauges tham gia, lần này trông tàn độc hơn cả và nhạt nhẽo hơn cả. Máy con thỏ bị phát giác tuôn chạy như tên bắn, nhưng chân chúng quýu lại khi đùng phải đồng bọn chạy ngược chiều. Cuồng căng, chúng nó dội ngược lại hỗn loạn và cái nét đẹp của hình thể chúng nó khi phóng nhanh tự nhiên điễm thêm đủ thứ náo nhiệt, rượt bắt, lừa lọc, nước đôi, hòa trộn cào cào cảnh tượng kinh hoàng đang gia tăng theo tiếng súng. Hình ảnh cuối cùng mà Tiffauges thu nhặt được của ngày hôm ấy là hình ảnh một bãi thảm kịch xù làm bằng da thú màu nâu và trắng của những thi thể chất chồng lên nhau của một ngàn hai trăm con thỏ từ cảnh tượng săn bắn ấy. Đứng một mình giữa bãi tha ma non nớt, Goring – được bầu làm vua của cuộc săn với hai trăm con thỏ riêng phần mình – đứng lấy dáng cho gã phó nhòm chính thức chụp hình, bụng ưỡn ra, chiếc gậy thống chế đưa lên trong bàn tay mặt.

Sáng hôm sau, toàn bộ báo chí Đức đề tang, báo tin thông chế Von Paulus đầu hàng ở thành Stalingrad cùng với hai mươi bốn tướng soái và một trăm nghìn quân lính sống sót của đạo quân thứ VI.

* * *

Có được lộ trình thư trong tay cho phép anh khá tự do đề về lại Rominten, Tiffauges tránh đi con đường thẳng phải qua Lyck và Treuburg, và anh lao đi về phía bắc qua vùng Mazurie là vùng khắc khổ hơn cả và mang tính lịch sử nhiều hơn cả của toàn cõi Đông Phổ. Vùng đất hoang ảm đạm này, dày đặc hồ rãnh lơ phơ còm cõi và bụi cây trăn, lô nhô chỗ này chỗ kia mấy tảng đá lẩn, dưới những tảng đá này bọn người Sudaviens – tức là dân Slave cuối cùng chiến đấu chống lại sự xâm lăng của Đức – đã chôn đồng đội của mình, trên vùng đất ấy còn đè nặng nỗi oan khiên của những trận đánh đổ máu tràn trề suốt nghìn năm. Kể từ cuộc chống cự sau cùng của lão tướng Stardo đối đầu với kỵ binh Đức cho tới những chiến thắng của Himdenburg dẹp tan các đạo quân của Rennenkamf, giữa thời gian đó là trận Tannenberg với Jagellon đè bẹp bọn Áo Trắng và bọn Đoàn Kiếm, cả vùng đất này chỉ là một bãi xương chất thành núi tua tủa thành lũy hoang tàn và cờ xí tả tơi vì lẩn đạn.

Qua khỏi mũi đất nằm giữa hồ Spirding với hồ Tirklo, anh thẳng đường tới làng Drosselwalde. Lòng anh dâng dậy theo một linh cảm trầm trọng và

phần chần giúp anh định ninh rằng có một mục đích chưa rõ mặt mày nhưng quan trọng có tính cách quyết định đối với anh đang nằm ở cuối đường đi của mình. Từ Stalingrad xa xôi, nhịp đập âm thầm của đại cuộc làm nên lịch sử lại làm rung động lên lần nữa các địa tầng. Tiffauges tự cảm thấy mình được nắm lấy bàn tay, được dẫn dắt chỉ huy, và anh vâng theo một cách âm thầm sung sướng. Anh ngang qua một cái xóm mang tên dị thường mà hay – Schlangenfliess, Bòm Rắn -, và anh choáng váng.

Trên một gò lồi chồm những đôi thạch có vẻ to tướng trong xứ sở phẳng phiu này, địa điểm Kaltenborn lù lù một khối bàn thạch. Từ Schlangenfliess đến đây, Tiffauges chỉ nom thấy mặt nam của pháo đài, là mặt chạy quanh ôm sát địa hình của gò, và kết thúc bằng hình dáng mũi thuyền là một tháp đồ sộ, một loại kiến trúc xây cao bằng đá men ren rỉ với bờ trên bằng lan can khoét lỗ bày ra giữa khoảng không một hình răng cưa giống như chiếc đỉnh thúc ngựa để trợ lực, mặt tường cách quãng đều đặn có thêm những trụ tường chống đỡ và những dải nhô hẳn ra ngoài, đằng sau mặt tường anh thấy rõ rất nhiều tháp chuông nhỏ, tháp canh, ống lò sưởi, mái phụ, tháp cao, sân thượng, trụ chỉ hướng gió, và các mái chông, thêm vào đó là vô số cờ phướn bay phấp phới tạo nên một vẻ sống động và đặc sắc thế. Anh cảm thấy chắc chắn, một cách vừa chua chát mà vừa kích thích, rằng đằng sau các lớp tường cao ấy có một sự sống đang tập trung và được tổ chức và vị bung bít nên càng thêm phần mãnh liệt. Anh thúc ngựa đi theo con đường quanh co dẫn lên lâu đài. Mặt bắc hiện ra với anh khi lên tới đỉnh, đằng trước là một mặt bằng rộng lớn xuôi dọc theo địa hình, tại đây có một ông già đội mũ lưỡi trai có mấy miếng vải sụp xuống đang quét tuyết. Mấy khoảng hở chật hẹp xen đều giữa các bức thành vẫn không góp phần làm cho vẻ đơn điệu buồn bã ở đây bớt đi phần nào, luôn cả hai cái tháp tròn có mái nhọn và dẹt đè nặng toàn bộ khối xuống chiếc cổng ra vào bị thắt hẹp lại và được trấn giữ bằng hai thớt chày. Đây là một cái thành quách khô cằn, không đẹp, với màu sắc đỏ nhạt và đen, là khí cụ của chiến tranh, được quan niệm và xây cất do những con người đứng đưng với cái vui và cái đẹp. Tương phản với vẻ ban đầu bộ trực và buồn bã, phần phía trong quả nhiên lại có vẻ dững mãnh, trai trẻ và linh hoạt giống như Tiffauges đã cảm nhận ra đằng sau lớp tường cũ kỹ. Có những chiếc mái với lớp ngói sơn nhiều màu đang chúc mình xuống mấy sân thượng lấp la lấp lánh những khí giới hiện đại, từng cụm cờ đỏ và chữ thập ác thành phạch

trong gió bắc, và thỉnh thoảng lọt vào tai một vài âm thanh của tiếng kèn hoặc một bài hát.

Tiffauges mở lời với người quét tuyết, rồi nhờ ông trông hộ con Râu Xanh mà anh buộc vào cây, và vì không được phép vào, anh cất công đi dọc theo chân tường, ít nữa là đến tận hình ảnh cái đỉnh thúc ngựa của tháp to nhất mà anh đã nom thấy từ bên dưới kia. Cuộc dạo chơi không lấy gì làm dễ dàng, ví nếu có một lối mòn nhỏ hẹp vòng vèo dọc theo bờ tường, thì nó lại thường xuyên bị chắn ngang vì những mũi đá hoặc tường xây nhô ra, thế là phải tụt xuống sườn núi rồi trèo ngược lên, sau khi đi quanh chướng ngại vật. Anh không thể nào biết rõ mình muốn cái gì, chỉ biết rằng anh đang chờ đợi một cái gì đó xác nhận, phê chuẩn, nói tóm lại là cái gì đó giống như một chữ kí của định mệnh, và giống như một sự dấu ấn để ghi lên cái thiên chức của kẻ mang tên Tiffauges tại Kaltenborn. Anh tìm thấy điều mình đang kiếm tìm ngay dưới chân cái hình đỉnh thúc ngựa to, nhưng muốn đến đó anh phải chui qua một đám rậm đầy những cây gai, cây com cháy, cây cậm cò, tai cọp mà hàng lũ dây leo tường vách đá long thong càng làm thêm chằng chịt. Chưa hết. Đi tới dưới chân cái cạnh sắc mũi của đỉnh thúc ngựa, còn phải lấy hai tay moi móc lớp tuyết mềm tấp đầy ở đây. Nhưng từ câu giải đáp của Kaltenborn hiện ra trước mắt anh: ở nơi này, hình dạng đỉnh thúc ngựa hõm vào như có một hốc đá xây lồi ra được tựa vào đôi vai của một vị Không Lò bằng đồng. Bắp thịt cuộn cuộn và mặt mày rúm ró dưới sức nặng đang đè xuống, vị hộ pháp da đen ở tư thế ngồi, hai đầu gối đụng vào râu, gáy chúc xuống thẳng góc, hai cánh tay đưa lên và dính vào đá. Đường nét kém cỏi và sắc mùi trường trại khoa trương của hoang đế Đức cuối cùng. Chắc hẳn rằng khuôn mặt này mới được thêm thắt vào dưới cái tháp to mà nó có vẻ đang cựa mang, và luôn toàn bộ pháo đài cũng thế nhưng sự chôn vùi hình ảnh ấy dưới lớp cây cối và tuyết, và sự phanh phui nhờ có Tiffauges cũng đủ chứng tỏ cho chàng thanh niên người Pháp biết rằng vị không lò được khắc tại sườn núi của Kaltenborn là chỉ dành riêng cho anh mà thôi.

Trở xuống lại Bờm Rắn, anh bước vào một cái quán của ngôi làng, tên quán là Ba Kiếm, ngồi trước một vại bia và như chủ quán bổ túc vào những gì anh muốn biết về lâu đài và chủ nhân của nó.

Các đại gia Đông Phổ có cái kiêu hãnh là tìm ra chánh quán của mình trong hàng ngũ những hiệp sĩ Đức quốc đã từng thường hưởng từ tay của hoàng đế Frédéric II và từ giáo hoàng Grégoire IX cái tinh lý xa xôi ngoại đạo này nhằm mục đích làm cho người dân chúng theo đạo. Công trình xây dựng gia hệ được mỗi một gia đình của đất Junker đổ công một cách thành khẩn và điều đáng để ý là các hiệp sĩ Đức quốc thời cổ vì toàn là tu sĩ, và cũng phát thế giữ mình tinh tấn cho nên, theo đúng lẽ, không thể có con cái nối dõi. Nhưng những tham vọng của các bá tước ở Kaltenborn còn cao hơn, vì họ tự cho mình thuộc dòng dõi các hiệp sĩ Đức Quốc thời cổ. Dòng dõi Đoàn Dao xưa cổ hơn và chinh chiến táo bạo hơn các hiệp sĩ Đức Quốc thời cổ. Dòng dõi Đoàn Dao là một cộng đồng tu sĩ sáng lập năm 1197 do Albert d'Apeldom, thành viên của đại học Brême, họ trở thành một dòng tu chiến đấu theo ý nguyện của Albert-de – Buxhowlen, giám mục của Riga, là người ban cho họ cái huy hiệu hai cây kiếm bọc vải đỏ đeo sườn trái chồng lên bộ đồng phục trắng. Các hiệp sĩ của Đấng Cứu Thế Dòng Song Kiếm Livonie – đó là cách gọi tên đầy đủ của những người này – họ là những người, ba mươi năm trước khi đám hiệp sĩ Đức quốc thời cổ giẫm chân lên nước Phổ, đã chinh phục các vùng đất Livonie, Courlande và Estonie. Nhưng họ yếu dần theo cuộc chiến không ngừng nghỉ chống lại dân Lituanie và dân Nga, họ ủy thác cho các hiệp sĩ Đức quốc thời cổ hòa nhập chung với họ. Sự hòa nhập này được giáo hoàng phê chuẩn vào năm 1336, và được làm lễ tại Viterbe có sự chứng giám của vị Tổng lãnh hiệp sĩ Đức quốc thời cổ là Hermann-Von-Salza. Dù vẫn là một dòng đạo chiến đấu tự trị và dù đặt riêng một lãnh chúa cho vùng Livonie, dòng Đoàn Dao kể từ nay hòa nhập số phận mình với dòng Đức quốc thời cổ, trong khi vẫn nuôi giữ lấy riêng cho mình cái ý thức thâm kín không hề xao lãng là mình có những lai lịch đáng trọng vọng hơn và vẻ vang hơn cái dòng kia. Các huy hiệu của lâu đài ở Kaltenborn, tuy đơn sơ cổ điển vẫn nhắc nhở lịch sử của hai dòng anh em. Các bá tước Von Kaltenborn mang huy hiệu trắng bạc với ba thanh kiếm chìa thành chông ở một phần ba màu đen phía trên của huy hiệu. Ba thanh kiếm đỏ trên nền trắng nhắc nhở hai thanh kiếm của dòng Đoàn Kiếm cộng với thanh kiếm của dòng Đức thời cổ. phần màu đen phía trên huy hiệu phụ thuộc vào màu trắng và màu đỏ nên màu thứ ba của cờ nước Phổ. Còn ba thanh kiếm – ngoài việc làm nền bằng hiệu của quán – chủ quán tranh thủ đưa ra nhận xét, thì được vẽ to hơn bình thường, bó lại với nhau, mũi chổng lên trời, tại bờ lan can của sân thượng rộng nhất của lâu đài, nằm trên tòa tháp của vị Không Lồ và day mắt về phía Đông.

Bản thân lâu đài – một trong những lâu đài đáng tự hào nhất của toàn cõi Đông Phổ - vào buổi đầu của thế kỷ có vẻ như chờ chực bị triệt hạ, mặc dù các bá tước cố gắng kiên trì cư ngụ, và hết sức bồi đắp những vỡ lở do thời gian gây nên ở các mạn sườn con tù cũ kỹ. Sự sống còn xuất xứ từ Guillaume đệ nhị vốn ưa thích vùng săn bắn đại quy mô này. Hoang đế, năm 1990, đã từng hạ lệnh trùng tu lâu đài Haut-Konigsbourg gần Seslestat, như một hình ảnh thách thức kẻ thù truyền kiếp phía Tây, có nhận định rằng một pháo đài nào khác xứng đáng với triều đại của mình, đương đầu với kẻ ngoại xâm Slave. Các công tác trùng tu mãi đến gần thế chiến 1914 mới kết thúc, các nhà khảo cổ cho rằng các công tác ấy là thái quá cũng giống như những công tác trước đây đối với Hault-Konigsbourg đã đưa ra một mô hình thu nhỏ quá đồ sộ, diêm dúa và mới toanh, tuy nhiên vẫn khác biệt ở điểm kiến trúc Đức quốc thời cổ ít bị đau khổ theo cái cao hứng của các nhà phục chế hiện đại, bởi lẽ các hiệp sĩ giang hồ vốn tạo dựng tác phẩm đã trà trộn vào đó vừa kỷ niệm hành trình vừa mơ ước thần bí của mình, và ta cũng thường thấy một công trình hiển hiện cùng một lúc những yếu tố hồi giáo, yếu tố của Ý và Đức.

Pháo đài mới toanh của Kaltenborn thu hút sự chú ý của một sĩ quan chỉ huy đội đặc nhiệm là Joachim Haupt ngay từ năm 1933 quyết tâm tạo lập trường quân sự dựa theo khuôn mẫu của trường hoàng gia nổi tiếng ở Plon sẽ tạo tinh hoa cho Đức quốc xã trong tương lai. Các “Napola” – trường chính trị quốc gia – thương đặt trong các lâu đài hay tu viện trung dụng và mỗi năm mỗi tăng số lượng, mặc dù Haupt bị thất sủng sau “đêm trường đao” ngày 30 tháng sáu năm 1934 và loại trừ đội quân đặc nhiệm. Sự nghiệp của Haupt được phục hồi và tiếp nối do một chức sắc của đội quân tình báo là August Heissmeyer chỉ huy tinh binh, chủ trương trao quyền chỉ huy bốn chục trường chính trị quốc gia hiện có cho nhân viên của Himmler. Trường ở Kaltenborn trên lý thuyết được đặt dưới quyền của tướng Von Kaltenborn bá tước, người đại diện cuối cùng dòng dõi, chiếm trọn một cánh lâu đài làm chỗ ở. Nói cho đúng, đây là một ông già hoài cổ với nước Phổ cho nên ít thích hợp với những nét quyền rũ của trật tự mới do Đức quốc xã sáng lập – ông nhất quyết không tin rằng điều gì tốt đẹp cho Phổ lại có thể đến từ Barvière và nước Áo -, và bao nhiêu quan tâm nghiên cứu của ông về lịch sử, về huy hiệu, khiến ông xao nhãng việc điều hành trường trung học thực sự. Nói cho cùng, nếu có ban cấp cho vị tướng cái chức

trưởng Chỉ huy trường học vì chiếu cố đến quá khứ của ông và vì dành cho ông một chỗ trong lâu đài của chính ông, thì mọi quyền hành thực sự nằm vào vị chỉ huy quân đội quân tình báo Stefan Raufeisen áp dụng kỷ luật gắt gao nặng nề đối với ba chục quân nhân giảng dạy, năm chục người khác và hạ sĩ quan, và bốn trăm trẻ con của Kaltenborn.

* * *

Quay trở về Rominten đứng trước mặt ông trưởng kiểm lâm, Tiffauges tình cờ đề cập đến pháo đài Kaltenborn đã gây ấn tượng sâu đậm cho anh. Nhờ thế anh biết được rằng tướng Von Kaltenborn bá tước là người đã có mặt trong chuyến đi săn vĩ đại của Tổng trấn Koch, nhưng anh không thể nào nhớ ra ông ấy, mặc dù ông trưởng kiểm lâm mô tả thêm thật rõ rang. Anh lấy làm ray rứt như gặp nạn, và kể từ nay, nếu có tận tâm làm tròn nhiệm vụ, tim óc anh vẫn đặt ở nơi khác, bênh bồng về phía vùng Mazurie, quần quanh các lũy thành cao chứa chất sự sống tù túng nhưng tràn đầy và reo ca.

Mùa xuân đến sớm, êm dịu nồng nàn, làm đắm đuối vạn vật, đúng lúc này là tháng tư, cũng giống như hàng tháng, anh phải đi tới tòa đô chính của Goldp để gia hạn giấy tờ. Anh cảm thấy mình tốt bụng và yếu đuối, giống như cỏ non điểm những nụ hoa cúc trắng, giống như những làn gió ấm mơn trớn các nụ hoa bạch dương và cây phi, và thổi bay từ các cành thông một làn phấn hoa màu vàng nghệ. Anh suýt khóc vì thương cảm khi nom thấy một con chim sẻ làm xấu lên lớp bụi nóng giữa đường, và hai em bé học sinh cười vang vừa chà xát chiếc cặp mang trên lưng vào nhau như hai chiếc vỏ ốc sên. Tiếng chiêm chiếp tràn khắp bầu trời, dường như tràn luôn vào tòa đô chính cổ kính đang nhộn nhịp một cách khác thường sáng hôm ấy. Ngay từ cửa ra vào, mấy cái giá móc áo bằng đồng thu hút con mắt nhìn vào không biết bao nhiêu là mũ mềm rộng vành, áo khoác vai, khăn trùm và găng túm đỏ màu sắc phủ chụp lên đó, và dưới đất sắp hàng lũ lượt nào guốc trơn, guốc bọc và ủng trẻ con, giống như thể bao nhiêu em bé Quảng Khăn Đỏ kéo về tòa đô chính hội nghị. Tiffauges bước lên chiếc cầu thang lớn rộng dẫn vào phòng hôn lễ, anh lôi cuốn đi tới vì một mùi hương thanh tân xuân sắc trong đó có vị hồ tiêu và hạt giống. Anh dừng lại ở trước một cánh cửa bè thế bằng gỗ sồi chạm trổ: nơi này đây. Anh nghe tiếng gì như

tiếng líu lo của lồng chim, và từng đợt âm thanh êm ái cứ quyện lấy con người anh. Anh ấn tay vào quả đấm nặng nề bằng đồng và bước vào.

Hình ảnh mắt anh bắt gặp khiến anh sững sờ lao đảo, và buộc anh đưa vai tựa vào khung cửa: cả một bầy con gái nhỏ trần truồng như nhộng đang làm nổi rõ cái màu gỗ sồi sẫm tối từ lớp gỗ bọc gian phòng. Có đứa ôm o như mèo lột da, có đứa hồng hào bụ bẫm như heo sữa, lại có những đứa lớn rắp ranh cập kê, nhiều đứa tròn quay như búp bê, và bao nhiêu mái tóc thắt bím, đánh con rít, đánh tròn ở hai bên màng tang, hoặc trái lại để thong dong và bênh bồng giữa hai bờ vai mảnh mai, đó là tất cả những gì che đậy cho các tấm thân bé bỏng, chưa đến tuổi dậy thì, lóng lẫy như viên xà bông. Sự đột nhập của anh không bị ai thấy, và anh nhẹ nhàng khép trái cửa lại, để vẫn hồi cái bầu không khí đậm đặc chỉ có được trong một gian phòng hoàn toàn kín bưng mà thôi. Anh vừa lim dim mắt vừa vờ vập hít đầy buồng ngực mình cái mùi hương dễ chịu đã cuốn anh đi theo từ sáng sớm mà nay anh bắt gặp tại đây trong cái tinh khiết sơ khai của nó, và anh vô tình mở rộng hai bàn tay dang thẳng tới trước như để bưng, để nhặt toàn bộ của cái ấm nóng và ngây ngất của trời cho ấy, món quà tặng cuối cùng của vùng đất Đông Phổ.

- Anh chẳng có phận sự gì ở đây. Ra ngay!

Một nữ thân Nhật Nhĩ Man bó chèn trong tấm áo y tá trắng tinh, khuôn mặt nghiêm nghị, đều đặn, đang trừng mắt nhìn anh. Anh lùi bước, mở cửa và dợm rút lui một cách miễn cưỡng.

- Nhưng mà này, ai cho anh vào đây?

Anh lấp bắp:

- Mùi hương. Tôi không dè da thịt con gái lại có mùi hương như hoa huệ chuông...

Gã viên chức đóng dấu cho hộ chiếu của anh giải thích cho anh rõ sự tụ tập ngộ nghĩnh ấy. Hàng năm, ngày 19 tháng 4, tất cả trẻ con mười tuổi phải qua một hội đồng xét duyệt trước khi gia nhập đoàn Thanh niên Hitler. Gã nói thêm:

- Bọn con trai thì ở phía bên kia quảng trường, tại nhà hát thành phố.

Tiffauges hỏi lại:

- Nhưng tại sao lại ngày 19 tháng 4?

Gã kia trở mắt nhìn anh:

- Thế anh không biết 20 là sinh nhật của Quốc trưởng chúng ta hay sao? Hàng năm Đức quốc tặng quà sinh nhật cho người dưới hình thức cả một thế hệ trẻ con! Gã kết luận bằng một giọng sôi nổi, đồng thời trở tay vào tấm chân dung to lớn nhiều màu của Adolf Hitler đang nhú mày trên đầu gã.

Khi Tiffauges về lại Rominten, vị tổng quản sẵn bắt với những chuyến đi săn và những trận sát hại của mình, những bữa tiệc thịt rừng cùng bao nhiêu tri thức về phân và về bộ phận sinh dục, trước mắt anh, gã đó đã bị hạ giá thành một loại hung thần nhỏ bé, mang tính chất của dân ca và hư tưởng, thoát thai từ một loại truyện cổ tích của vú già. Gã bị mờ nhạt vì gã kia, tức là gã hung thần của Rastenburg đang bó buộc nhân dân trao tặng một món quà triết để nhân ngày sinh nhật của mình là năm trăm ngàn đứa con gái và năm trăm ngàn đứa con trai mười tuổi, theo lối phục sức tế lễ, tức là trần truồng như nhộng, và với số lượng này gã nhồi thịt làm thành mồi sung cho đại bác.

*

* *

Kể từ vụ Staligrad và bài diễn văn của Gobbels tại Cung thể thao mời mọc toàn dân say sưa xung trận, bầu không khí trở nên nặng nề tại Rominten. Bao nhiêu lời kêu gọi nhập ngũ mới đóng lên đã tạo nên những khoảng trống. Càng ngày người ta càng ít nghĩ đến những thú vui săn bắn và ăn uống, càng ngày người ta càng nghĩ nhiều hơn đến sự tụ tập ở ạt đang phùng phùng lên ở phía đông mà người ta không mình chắc có thể đứng ra ngoài. Những vụ oanh kích bắt đầu gieo âu lo, và vì con tàu bọc sắt bảo đảm

là chiếc chòi săn bắn không có nơi trú ẩn phòng không, cho nên Goring thừa thốt đến thăm Rừng Cẩm.

Một hôm viên trưởng kiểm lâm cho Tiffauges hay rằng vì nhân viên phải giảm tối đa, buộc lòng y phải giao cho anh trở về phòng phân phối việc làm ở Morhof. Tuy nhiên, nếu anh có ao ước điều gì, thì sự việc tiếp cận nhân vật thứ hai của Đức quốc xã may ra giúp anh toại nguyện. Nghe đến đây, Tiffauges hỏi tướng vụ săn bắn thánng giêng có vị tướng soái bá tước Von Kaltenborn được mời tham dự, ông này thoáng chốc có viếng thăm cái pháo đài trên đường trở về, và anh hỏi xem anh có thể được biệt phái đến trường chính trị quốc gia hay không, với nhiệm vụ là lái xe hay giữ ngựa. Viên trưởng kiểm lâm ngạc nhiên nghe lời của chàng thanh niên đủ nghề, bao giờ cũng làm lì để bảo nay xướng lên những nguyện vọng rành rẽ đến như vậy. Ông này bảo:

- Xét những lần tuyển dụng về sau này, tôi sẽ lấy làm lạ nếu như ban giám đốc trường chính trị quốc gia không lợi dụng cơ hội này để có được một nhân viên do thống chế Đức quốc xã đề đạt mà anh lại là một nhân viên chưa bị trưng dụng! Tôi sẽ điện thoại thu xếp việc này.

Mười lăm ngày sau, Tiffauges nhận sự vụ lệnh đi Kaltenborn, và anh rời Rominten đèo theo con ngựa Râu Xanh cũng được biệt phái đến trường chính trị quốc gia.

V

GÃ HUNG THẦN VÙNG KALTENBORN

Này cậu bé, có muốn đi với ta chẳng?

Goethe

Một đám nhà xúm xít vô hàng lối bao quanh tòa lâu đài lù lù một khối màu đỏ nhạt án ngữ chân trời, những ngôi nhà này tạo thành một thị trấn nhỏ nhỏ bung bít và dày đặc chiếm bốn héc-ta có thành quách vây bọc. Một trong hai ngôi tháp sát cạnh công dung làm nơi cất chứa dụng cụ, ngôi tháp kia dùng làm chỗ ở cho vợ chồng người gác cổng. Tiếp theo, rải rác lẫn lộn dọc theo một lối đi đưa vào đến tận bãi sân danh dự, nối tiếp nhau là một mái che với các chuồng ngựa, hai gian nhà thể dục, trạm y tế, một nhà để xe với một kho xưởng dành làm nơi để xe hơi, một trại để thuyền tàu, một mái nhà dù cho việc tài chính, bốn sân quần vợt, hai biệt thự dùng để đi đôi với một chiếc vườn nhỏ, một sân bong đá, một sân bong rổ, một nhà hát và chiếu bóng có thể dựng khán đài đấu quyền Anh, và một khu tứ giác thiết kế thành đoạn đường chiến binh. Sát cạnh lâu đài, cuối cùng là một chuồng chó, nơi đây mười một con chó canh gác cùng một lượt cất tiếng tru để chào hỏi tất cả những gì có dạng sát cạnh chuồng của chúng, một ụ nhà dự trữ khí giới và đạn dược, một khu điện lực và một nhà tù. Tất cả các mảng tường cùng lên tiếng và dày đặc châm ngôn và huấn thị, phân phát lên bằng cờ và phướn, làm như thể dành riêng cho chúng nó cái khả năng tư duy. *Rắn rỏi là đáng quý*, lời được ghi trong một gian phòng thể dục, và gian phòng kia dường như đáp lại bằng một câu nói của Nietzsche: *Chớ đui kẻ anh hùng ra khỏi trái tim người*. Goethe và Hitler cùng có mặt ở phía trên cao của chiếc cửa phòng lễ. Goethe: *Điều xấu hổ không phải là*

ngã xuống, mà là chịu đứng dưới đất. Hitler: Không ngửa tay xin xỏ quyền hạn của mình. Đấu tranh gay gắt mới có được.

Ngay trước mắt theo các dòng chữ quyết đoán ấy, Tiffauges đâm ra ít để ý đến những nhân dáng phút đầu gặp gỡ tai trường chính trị quốc gia này. Anh được tiếp nhận do một gã cạo giầy đón lấy sổ quân bạ và sự vụ lệnh của anh và bắt anh điền vào một bản câu hỏi đầy đặc đựng tới luôn cả ông bà cha mẹ và bản thân. Rồi gã này lại giao anh cho một gã khác chỉ cho anh chỗ chuồng ngựa dành cho con Râu Xanh và chiếc buồng nhỏ dành cho anh. Muốn đi đến đó anh cùng với ngựa đi băng qua gian phòng để khí giới của lâu đài, cùng một loạt bậc cấp mỗi lúc mỗi chật chội hơn và thẳng đứng hơn, người với ngựa lên tới một hành lang được soi sáng bằng những cửa phòng có kích thước nhỏ dành cho hạ sĩ quan lực lượng đặc nhiệm bổ nhiệm đến trường chính trị quốc gia.

- Cậu được thống chế gửi gắm, cho nên chỉ huy biết tin cậu đến, ông sẽ gọi cậu. Trừ phi ông quên, gã nói thêm vừa mỉm cười dễ dãi. Đàng nào, ông ấy cũng chờ cậu.

Ông ấy tức là vị chỉ huy tình báo Stefan Raufeisen. Ông có cái sọ dừa hình bầu dục, cằm lẹm và đôi mắt sát gần nhau của người vùng Frise thuộc Đức vốn được những lý thuyết gia phân biệt chủng tộc lên tiếng ca ngợi. Khi chàng thanh niên người Pháp được đưa vào văn phòng chỉ huy đặt ở tầng trệt của lâu đài, ông này nhún nhả hồi lâu với mớ hồ sơ và mãi đến khi đọc hết trang cuối mới chịu ngẩng cái đầu tóc vàng như chó săn của mình, rồi buông thông ba câu.

- Cậu sẽ thuộc quyền điều động của đội trưởng Jocham, phụ trách quân nhu. Cậu phải chào tất cả những cá nhân đặc nhiệm kể từ cấp bậc của đội trưởng. Cậu có thể lui.

Tiffauges ngạc nhiên cảm thấy mình ít nôn nao muốn khám phá đám trẻ con vốn là lý do tồn tại của bao nhiêu tòa nhà rộn ràng nơi đây và chứa toàn những gã đàn ông nói năng tũn mủn. Anh cảm thấy bọn họ quả tình cân xứng với chất lượng của không khí thành quách đang có vẻ đặc quánh lại nơi này nơi kia như thể cặp găng tay quyền Anh nằm trên chiếc ghế, hay chiếc mũ mềm của cảnh sát móc trên cổ, hay quả banh da bỏ quên dưới hầm

hoặc là một mớ áo khoác ngoài màu đỏ vút bừa bãi trên đám cỏ xanh. Chẳng qua anh có cái ý thức thẩm thía rằng một bức rào cản chắn ngang giữa họ với anh, và có lẽ phải chờ đợi một lâu lắc mới dẹp bỏ đi được. Cứ cho là bức rào cản trước tiên dựng lên do hàng ngũ đặc nhiệm đang bọc quanh đám học trò và bảo đảm bước tiến của trường anh đo lường được dự thể này một cách khá vất vả ngay từ những hôm đầu tiên khi anh học thuộc lòng những cấp bậc của *Đội áo đen*, cùng các huy hiệu nhỏ tí cho phép phân biệt người này với người kia trên các bộ quân phục tối tăm như nhau.

Và như thế anh buộc phải ghi nhớ rằng các hiệu kỳ ở cổ áo của lính tron đặc nhiệm không kèm theo một cái gì khác, nhưng lại thêm một vệt là binh nhất, hai vệt là hạ sĩ, một sao là hạ sĩ nhất, một vệt thêm một sao là trung sĩ, hai sao là trung sĩ nhất, hai sao thêm một vệt là thượng sĩ, ba sao là thiếu úy, ba sao thêm một vệt là trung úy, ba sao thêm hai vệt là đại úy, bốn sao là thiếu tá, bốn sao thêm một vệt là trung tá, một chiếc lá sồi là đại tá, hai lá sồi là chuẩn tướng, hai lá sồi thêm một sao là thiếu tướng, ba lá sồi là trung tướng và ba lá sồi thêm một sao là đại tướng. Chỉ có huy trưởng đặc nhiệm Heinrich Himmer – mạng hiệu kỳ có vàng sồi bao quanh một chiếc lá sồi.

Các vai áo ít khác nhau hơn nên dễ gây nhầm lẫn đáng tiếc hơn. Cho đến cấp bậc thượng sĩ, vai áo được điểm bằng một sợi chỉ bạc chạy sáu đường. từ đại úy đến đại tá, các đường chỉ cộm lên gấp ba và tạo thành một con chỉ đơn. Sau cùng con chỉ này cộm lên gấp đôi kể từ cấp bậc đại tá.

Thượng sĩ Joacham, chuyên trách về quân nhu, là một người mập mạp, đở au, ngự trị tại một kho hàng tràn đầy những bao rau khô, những hộp thịt bò, những đùi thịt, phô ma Hà Lan và những thùng nước mứt, không kể những chồng chăn mền, bịch áo quần, và luôn cả những cuộn băng, cả một mớ bong bóng ketchup xù bày ra một mùi hỗn tạp khó phân định, tất cả những thứ ấy trong thời buổi thiếu hụt này trông có vẻ dồi dào như hang động của Ali Baba. Hai chiếc xe hơi còn chạy được đều dành cho chỉ huy trưởng và vị chỉ huy tình báo, cho nên Tiffaugess đi chở lương thực được cấp cho một chiếc xe bốn bánh có hai ngựa kéo, có thể tháp thêm vào đó một phần xe phụ, luôn cả những vòng cây sắt để che bạt.

Anh tiếp tục cái công việc từng quen biết kể từ Moorhof, nhưng với những phương tiện cục mịch hơn, và nhất là gửi vào công việc này một ý

nghĩa sâu xa hơn. Quả tình anh không bao giờ quên rằng anh làm lụng là để phục vụ cho nhu cầu của đám trẻ con, và anh cảm nhận cái vai trò của người cung ứng lương thực, của người *anh nuôi*, như một sự nghịch đảo rất lý thú của cái thiên chức hung thần của mình. Khi nào trút các thứ từ trong xe vào mấy nhà kho nông nản có mấy ô cửa sổ rào kín của phòng quân nhu, anh thích thú nghĩ rằng những thớt thịt mỡ, bao bột, cùng các khoanh bơ mình đang ôm trong tay hoặc đong đưa trên vai sớm muộn gì cũng được âm thầm biến chế thành ra những bài hát, động tác, thành ra thịt và phân của trẻ con. Như thế việc làm của anh mang ý nghĩa của một sự đèo bồng theo lối mới, tất nhiên là phụ vật và gián tiếp, nhưng tuyệt nhiên không đáng khinh trong khi chờ đợi một cái gì khá hơn.

* * *

Đám học sinh – mà người ta gọi là thanh niên – tổng số là bốn trăm chia ra làm bốn đạo, mỗi đạo có trưởng đạo chỉ huy kèm theo một huấn luyện viên, là sỹ quan hoặc hạ sỹ quan đặc nhiệm. Mỗi đạo chia làm ba đội, mỗi đội gồm khoảng chừng ba mươi thanh niên, mỗi đội lại chia nhỏ thành từng nhóm khoảng mười người. Đội do một đội trưởng cầm đầu, nhóm đặt dưới quyền của nhóm trưởng. Mỗi nhóm có bàn riêng ở phòng ăn và có buồng ngủ riêng.

“Từ nay, lời của Hitler trong bài diễn văn ngày sinh nhật đảng năm 1935, thanh niên Đức sẽ từ từ tiến lên từ trường này đến trường khác. Ta cầm tay nó dẫn đi khi nó còn nhỏ để rồi không còn buông nó ra nữa cho tới tuổi về hưu. Sẽ không có ai nói được rằng thanh niên có qua một thời kỳ bị bỏ rơi”. Tuy nhiên, một cách tạm thời – vì thiếu nhân sự có khả năng – đưa trẻ dưới mười tuổi chưa được vào khuôn khổ. Nhưng từ tuổi này đám con gái nhỏ tuổi xung vào Hội thiếu nữ, đám con trai vào Sói con. Đến mười bốn tuổi chúng ra nhập vào Hội Thiếu nữ Đức hoặc là Thanh niên Hitler. Chúng nó vào đó cho đến mười tám tuổi, tiếp đó chuyển vào Sở lao động, sau đó vào Quân lực.

Đám thanh niên của trường chính trị quốc gia theo học một ngành có tính cách liên lạc hơn, và như thế bị nhiều trói buộc hơn. Nhập học vào tuổi mười hai, chúng nó rời trường vào tuổi mười tám sau khi thu hoạch sự đào tạo của nhà trường truyền thống, mặt khác một sự đào tạo quân sự tăng

cường có trọng tâm là bộ binh, hải quân hoặc là lực lượng đặc nhiệm. Loại sau được trên nửa số Thanh niên nhắm đến. Sự tuyển chọn tiến hành theo hai cách, cách tự nguyện và cách chọn trong trường làng. Lẽ ra số người dự thi cũng đủ cho các trường chính trị không tuyển quá bốn mươi người, những nếu thế thì đa số bọn trẻ sẽ toàn là xuất thân từ những gia đình tư sản – con cái của quân nhân chuyên nghiệp và của công chức trong đảng -, trong khi cái triết lý dân túy của Đức quốc xã đòi hỏi phải mở rộng hơn cho các tầng lớp sâu xa của xã hội. Vậy cho nên cần thực hiện cho được những con số thống kê minh thị một tỷ lệ vừa phải giữa con cái của nghệ nhân, của công nhân và nông dân. Để phục vụ mục tiêu này, các hương sự được yêu cầu đưa ra cho phái đoàn điều tra thấy những trẻ em nào có vẻ đáp ứng chỉ tiêu sát hạch. Đám trẻ được tập hợp vào các trung tâm, được tuyển chọn gắt gao về phương diện chủng tộc và thể lực – kẻ nào mang kính mắt thì bị loại ngay – tiếp đến là những cuộc thi về thể dục và trí dục. Trong thực tế, ưu điểm đầu tiên được các huấn thị tuyển dụng nhắc đi nhắc lại không thôi, đó là được tính *quán xuyên*: đứa trẻ trước hết phải là một kẻ *xông xáo*, hoặc là một cách khác, nó chỉ nên thể hiện cái bản năng sinh tồn càng ít càng tốt. Vì thiếu bằng chứng về đức tính quán xuyên, cho nên một số môn thi mà thí sinh phải đối đầu bày ra trước mắt chúng nó một ý nghĩa như là tự sát thực sự: nhảy xuống nước từ một chiều cao mười thước – dù biết lội hay không -, vượt qua chướng ngại vật che khuất một cạm bẫy vô hình – hố đất, ngựa gỗ, ao nước vv... -, từ tầng lầu thứ hai nhảy xuống một chiếc chăn do người lớn cầm căng ra, hoặc là ngồi xổm trong một cái hố cá nhân đào trong vòng vài giây đồng hồ, luôn xuống bụng một đoàn xe thiết giáp đang ào ào san sát nhau. Sự tuyển chọn khá chặt chẽ sao cho trình độ tri thức phải vượt xa mức trung bình, nhưng chiến tranh đã cản trở rất nhiều phần giáo dục phi quân sự của các trường chính trị quốc gia. Các đợt nhập ngũ không ngừng làm cho hàng ngũ giáo viên trở nên thưa thớt – buổi đầu toàn là sỹ quan đặc nhiệm -, và Tiffaugess mới đến không bao lâu đã mục kích một sự thay đổi đánh dấu sự tàn tạ của lề lối giáo dục khoa học và văn chương tại Kaltenborn, sự thay thế tất cả giáo viên sỹ quan bằng giáo viên dân chính. Tinh thần thiện chí cùng với năng lực của đám giáo viên và giáo sư hưu trí này, vốn được trưng dụng gấp rút để bù đắp vào đám người ra đi hàng loạt, vẫn không thể nào che đậy được sự thiếu uy tín của họ trước mặt đám học sinh trong cái thành trì tua tủa khí giới cùng những khẩu hiệu giết người tại đây. Những con người tuổi tác này dạy các môn trở nên buồn cười vì tình trạng chiến tranh cập kê - trong đám họ có một giáo sư dạy tiếng Hy Lạp và

một số giáo sư dạy tiếng Latinh – họ bị thất sủng vì lỗi ăn mặc dân sự, không thể nào rập theo nhịp độ dồn dập của trường học, họ bị quấy phá, la ó, nản lòng. Họ trốn mất hết, người này đến người kia, ngoại trừ một tu sĩ dạy môn thần học tin lành của tu viện Konigsberg, đó là học viện mục sư Schneiderhan, đứng đưng trước bao nhiêu điều tai ngược, vãn lì lợm và cuối cùng giữ được một chỗ đứng được thừa nhận trong cái chuồng thiếu niên thú dữ này.

Một ngày bắt đầu từ sáu giờ bốn mươi lăm bằng những hồi chuông điện rung lên vang dội trong các hành lang của các buồng ngủ nhỏ. Lập tức, ào ào những lớp áo đỏ khoác ngoài trong các thang gác và giữa sân rộng, nơi đây diễn ra một đợt khởi động đầu ngày. Trong lúc ấy, phòng tắm có các đạo liên tiếp vào ra từng năm phút một, bốc hơi nước lên mờ mịt như một cái bếp khổng lồ. Đến tám giờ, mọi người mặc đồng phục tập dưới sân để chào cờ. Kế đó là tan hàng, và học sinh ùa vào nhà ăn, nơi đây đang đợi sẵn một loại cà phê tạm bợ với hai lát bánh mì khô cho mỗi người. Tiếp theo, bắt đầu một cuộc chạy tới chạy lui rầm rộ nhưng có tổ chức phân chia các đạo vào các lớp để học chung hoặc học thâm, đến các sân thể thao, vào các phòng thể dục, hoặc đi về một số địa điểm ở làng và các hồ lân cận để luyện tập đi ngựa, chèo thuyền hoặc sử dụng khí giới, trong các trại bắn và trong các xưởng tu bổ khí cụ.

Tiffauges quan sát sự vận hành của guồng máy nặng nề. Bởi lẽ đây là kỷ luật sắt và học sinh được sàng lọc gắt gao, cho nên guồng máy quay đều, không trục trặc, dóng theo tiếng kèn đồng, tiếng sáo, tiếng trống và nhất là tiếng giày ủng rầm rập. Nhưng cái đập mạnh vào Tiffauges hơn cả, đó là những khúc hát quyết liệt vang vang bằng những giọng hát cứng cỏi và trong trẻo bùng lên bất cứ lúc nào và như thể đáp lời nhau từ nơi này nơi kia của thành lũy hoặc các vùng kế cận trực tiếp. Anh tự hỏi từ đây liệu mình có tìm được chỗ đứng trong cái guồng máy đầy trẻ con này mà bao nhiêu cơ thể, bao nhiêu trái tim được mài sắc để phục vụ cho một lý tưởng chung. Chính cái hoàn hảo của bộ máy kèm theo cái nghị lực khủng khiếp được đem đặt vào đó có thể đã loại anh vĩnh viễn ra ngoài vòng, nhưng anh biết rằng chẳng có một tổ chức nào khởi vường một hạt cát và rút cuộc định mệnh vận động giúp anh.

Suốt thời gian đành chịu đứng ra ngoài lề cuộc sống cứng nhắc và phùng phùng của trường chính trị quốc gia, anh tìm được một điểm tựa bên cạnh *Mẹ nuôi*, bà Emilie Netta, người ở một trong mấy ngôi nhà nhỏ của nội thành, và trông coi bệnh xá. Bà ở giá vì chiến tranh kể từ 1940, có ba con trai, hai người đầu chiến đấu tại mặt trận Nga, con trai út là Thanh niên tại trường này. Một truyền thống riêng biệt ở Kaltenborn, hơn là vì nhiệm vụ của bà, khiến cho người ta có thể luôn luôn tìm đến với bà, hoặc ở bệnh xá, hoặc tại nhà bà, mà không cần phải viện dẫn được nghỉ phép hoặc một lý do đặc biệt nào đó. Bà niềm nở với mọi người, và cửa nhà bao giờ cũng mở sẵn. Tiffauges nhanh chóng mò xuống tận căn nhà bếp nhỏ của bà, làm bằng gạch và nóng như nung, thơm mùi sáp và bông su đỏ. Anh đến ngồi vào góc và một hồi lâu bất động và lảng lẽ, lắng nghe thời gian trôi đi theo nhịp chiếc đồng hồ quả lắc và của tiếng reo trong chiếc nồi đặt trên bếp. Đôi khi một thằng bé lao vào, oang oang trình bày vấn đề riêng tư – ách bụng, áo rách, viết một lá thư khẩn cấp, bị phạt oan ức vô lối – và ra về được giải đáp. Bà Netta, người phụ nữ độc nhất của nội thành, được thừa hưởng một quyền uy lan rộng ra phía bên ngoài đám thanh niên. Sĩ quan và hạ sĩ quan tôn trọng những quyết định của bà, và ai nấy định ninh rằng ngay vị chỉ huy tình báo cũng sẽ không chạm đến bà trực tiếp. Viên phụ trách quân nhu là Jocham không bao giờ nghĩ đến việc kiểm chuyện với chàng thanh niên người Pháp nếu anh ta đến nhà bà.

Anh đến lúc cũng phải tự hỏi về vị trí của bà – và riêng bà này – trong cái thành quách dốc hết sức vào chiến tranh, và tinh thần của nó được quảng bá khắp nơi và mang tính chất khiến cho tình cảm con người trở nên rần rỏi. Giống như chồng mình, bà Emilie Netta gốc người Slave. Người nhỏ thó và tóc đen thường thường được trùm kín dưới một lớp khăn màu mè vốn không thuận lợi cho người mang nó ở nơi chốn đặc biệt có màu sắc phân biệt chủng tộc, những điều này khiến cho bà trở nên riêng biệt, sự việc này chứng tỏ thêm rằng bà có một chỗ đứng đặc cách tại Kaltenborn. Bà chưa hề nói năng điều gì giúp cho Tiffauges hiểu rằng bà gắn bó với ý thức hệ của trường này hay không. Nhưng tất cả thái độ sống của bà biểu tỏ rằng bà hết mình và hết lòng với trường. Tuy nhiên do kiến thức gần như là bẩm sinh của bà về thảo mộc và sinh vật – về hổ và rừng – vốn giúp bà trở nên nữ chủ nhân không thể thay thế nổi trong các công việc hái trái và lượm nấu -, bằng cái bản năng của người chăm sóc và trị liệu mà bà bộc lộ tại bệnh xá, bà dường như đã cắm rễ vào những gì cụ thể nhất của đời sống. Để hiểu

chập chững, Tiffauges phải chờ đợi cho đến hôm được tin một người con trai của bà mất tích, trong trận quân đội tướng Koniev giành lại thành phố Kharkov. Anh xui xẻo có mặt ở gần bà khi bà đọc lá thư tang tóc, tràn đầy hy vọng viên vông và vinh quang hời hợt. Bà chẳng lộ xúc động mảy may. Duy động tác có chậm hơn, ánh mắt phần nào đăm đăm hơn. Và vì để ý thấy Tiffauges chăm chặp quan sát mình, cuối cùng bà lảm bảm bằng một giọng không hồn, như một câu kinh học thuộc lòng:

- Sống chết như nhau. Ghét chết hay sợ chết, thì cũng ghét sống hay sợ sống. Vì thanh niên là một nguồn suối đầy sự sống vô tận, nên chỉ chỉ là một bãi tha ma rộng lớn, một trường giết người từng phút một. Giờ phút này chắc rằng Franzi đã chết. Hoặc giả nó sắp sửa chết trong trại tù. Không nên buồn làm gì. Người đàn bà cru mang đứa con cũng phải cru mang cái chết của con.

Bà bị ngắt ngang vì một đoàn Thanh niên xô vào vây quanh bà cùng tranh nhau nói, và bà, vẫn không lộ vẻ bi thương, làm đủ các động tác và nói năng những lời đang được người ta ngóng đợi ở bà.

* * *

Ở bên cánh trái của lâu đài, tầng một, ba gian phòng làm thành khu vực của vị chỉ huy tình báo, Giáo sư Tiến sĩ Otto Blattchen, do hiệp hội Ahnerbe đặc phái công tác. Chòm râu dê đen vuốt nhọn, đôi mắt to mềm mại, trên đó là cặp lông mày màu mực tàu xoắn lại như rắn, sọc màu xám ngà, con người quý quýet này với lớp áo bờ-lu trắng hiện thân trọn vẹn một cách đặc biệt cái loại đặc nhiệm ở phòng thí nghiệm. Sự nghiệp của ông đột nhiên được thăng tiến khi giáo sư August Hurt, giảng sư thực thụ bộ môn hình thể học đại học Strasbourg, cách đây một năm, trong khuôn khổ hiệp hội Ahnerbe, đã giao phó cho ông một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn. Cấp lãnh đạo vừa mới nhận định rằng nếu như bọn Do Thái và bọn Bôn-sê-vich tạo thành nguồn gốc của mọi tai họa đang hiện hữu, thì ta nên tìm cho ra điểm phát tích chung trong chủng tộc Do Thái – Bôn-sê-vich với những tính cách căn minh định. Trong hướng ấy Giáo sư Tiến sĩ Blattchen được biệt phái đến các trại tù binh người Nga của Đức quốc xã nhằm tập hợp các thành phần gốc Do Thái kiêm ủy viên nhân dân, một nhiệm vụ nghịch lý, vì quân lực

Đức đã có huấn thị buộc phải hạ sát tại chỗ mọi ủy viên của nhân dân Xô viết bị tóm bắt.

Suốt trọn một mùa đông, không ai còn nghe nói tới Otto Blattchen, nhưng giáp ngày lễ Phục sinh, giới điều hành hiệp hội Ahnerbe mừng rỡ nhận được một trăm năm chục chiếc bình chai đánh số từ một đến một trăm năm mươi và được dán nhãn người Do Thái Bôn-sê-vich. Trong mỗi bình, một đầu người được giữ gìn toàn vẹn nổi lên trong một hợp chất An-đê-hic-phooc-mic.

Nhờ thành công này – ngoài mấy ngôi sao chỉ huy tình báo – ông nổi tiếng là chuyên gia lỗi lạc của các vùng đất miền Đông – Đông Phổ, Ba Lan và Liên Xô phần đất bị chiếm đóng – và hiệp hội Ahnerbe phái ông làm công vụ thường trực tại Kaltenborn, tại đây ông điều khiển – hoặc tự cho là mình điều khiển – việc tuyển chọn thí sinh. Bởi lẽ Tiffauges nhanh chóng nhận thấy rằng có một sự bất đồng lộ rõ giữa Blattchen và Stefan Raufeisen. Ông này xem vị chuyên gia chủng tộc như một nhà khoa học lơ mơ và vương vãi, còn Blattchen thì cho Raufeisen là một gã thô lỗ vô học và nghiện rượu, nhưng vì cả hai cùng ngang cấp bậc trong quân giai của đặc nhiệm, họ buộc lòng dung nạp nhau. Tuy nhiên Raufeisen có lợi thế là trung dụng được toàn bộ nhân sự của trường, trong khi Blattchen, biệt lập trong tòa tháp của mình đành phải cầu cạnh người ta hỗ trợ mình ở mọi giờ. Do đó ông mau mắn khám phá ra những lợi lộc có thể trông đợi ở anh chàng tù binh người Pháp mà ông tìm cách kéo về phía mình những lúc nào công tác quân nhu tạo điều kiện. Với thời gian, Tiffauges dần dà quen thuộc với ba gian phòng trưng dụng cho trung tâm chủng tộc ở Kaltenborn, tức là chiếc buồng nhỏ của Blattchen, gian văn phòng và nhất là phòng thí nghiệm lớn lát màu trắng mở ra sân thượng của toàn tháp phía tây, được trang điểm thêm, chẳng hiểu rõ vì sao, bằng một chiếc bể làm bằng đá giả cẩm thạch, nơi đây giáo sư thích thú nuôi một đàn cá thia khoảng trăm con.

- Đây là loại *hoàng ngư*, ông đưa ngón tay lên mà bảo, Tiffauges lần đầu tiên lần la đến chỗ này. Tuyệt tác của môn sinh học sáng tạo của Trung Hoa. Anh thấy không, Tiffauges ạ, đám sinh vật bé bỏng này có mặt đó để nhắc nhở cho tôi rằng nếu dân man rợ A châu, bằng con đường tuyển giống và giao giống, đã biết sản sinh ra con cá vàng, thì chúng ta cũng phải biết chế tạo ra con người vô song thống trị thế giới, là loại hoàng nhân, và tất cả

những gì anh sẽ trông thấy tôi làm tại nơi đây rồi cuộc lai là trong đám trẻ được dẫn tới đây phải tìm ra cho cái vảy vàng biện minh cho cái động tác tuyển giống và sản sinh.

Thì ra, đến với Blattchen, giây phút trọng đại bao giờ cũng là lúc đoàn thí sinh mới được tuyển đến Kaltborn mà ông nóng lòng hau háu chờ đợi. Một thời gian ngắn sau khi di dân, mỗi đứa trẻ được đưa đến ông để lập phiếu chủng tộc. Lập tức vị chỉ huy tình báo giáo sư tiến sĩ, từ nay được Tiffauges phụ tá, trần trải ra đủ bộ sậu gồm có chiếc com-pa đo bề dày, máy đo nhịp thở của lồng phổi, những thước đếm sắc thể, các thứ thuốc thử dùng màu cùng kính hiển vi, và ông ra tay cân đo, lấy chiều cao, xếp loại, dán nhãn hiệu và xếp loại từng cá thể. Cuốn: “Nhân chủng học tinh yếu” của R. Martin có một trăm hai mươi dữ liệu cổ điển, ông không quên thêm vào đó một loạt các tính cách do mình sáng chế mà ông có phần đặc chí.

Nhờ thế Tiffauges học được rằng dưới góc độ sợi tóc con người, nhân loại được chia ra làm nhiều loại tóc khác nhau, về phương diện lớp da đầu ngón tay – hay là điểm chỉ - có ba loại chính: cuốn tròn, cuốn đầu gậy, hoặc cuốn hình cung, mặt khác con người có thể có đôi chân ngắn hay dài tính theo phần nửa người trên, lại còn có chiều cao dài hay ngắn của cái đầu hoặc đầu rộng đầu hẹp, và mũi thanh hoặc dày. Nhưng đến khi nói tới cái khoản mà ông gọi một cách xúc động và kính cẩn là *huyết phổ* của chủng tộc thì giọng ông Blattchen mới lên tới đỉnh cao của xúc động. Bốn nhóm máu - A, B, AB và O – do Landsteiner khám phá, thêm vào đó có hai hệ Rhésus – dương và âm – cho phép ông phối hợp nhiều thành phần tinh vi lại với nhau một cách rộng rãi. Với bao nhiêu dữ liệu, cân đo, cách phân chia lấy trung bình ấy, ta không thể lún sâu vào một tâm trạng khách quan vô tội vạ của kẻ ăn không ngồi rồi. Tất cả được trở nên sinh động vì một chủ nghĩa nhị nguyên gay gắt biến tất cả thành những biểu hiện của điều thiện hoặc điều ác. Như thế Blattchen, nhờ đo lường chỉ số hình thể não bộ theo chiều ngang, không phải chỉ có việc phân biệt đầu nào tròn, hoặc đầu nào bầu dục. Ông giải thích với Tiffauges rằng trí óc thông minh, nghị lực, trực giác là những của riêng của loại đầu bầu dục, và tất cả sự bất hạnh của nước Pháp là chịu sự cai trị của những người có đầu tròn, như Édouard Herriot, Albert Lebrun, hoặc Édouard Daladier, mặc dù sự tôn trọng chân lý buộc ông phải nhìn nhận có một số ngoại lệ cho quy luật này, chẳng hạn như con

người nhiều ưu điểm như Pierre Laval – đầu tròn vô cùng – và con người tệ hại là León Blum – dù hình thể đầu quả là bầu dục.

Vậy cho nên ta không ngạc nhiên khi thấy rằng các bản nhân chủng tộc của Blattchen có ghi một số những con người bị trù dập tạo thành những di vết không thể tẩy xóa được. Chẳng hạn như cái “vết chủng tộc Mông cổ”, một loại vết bớt xanh ở sau đít, dễ thấy ở trẻ con hơn là người lớn. Vết này thường gặp ở các chủng tộc da vàng và da đen, gặp thưa thớt hơn ở người da trắng, và đối với những lý thuyết gia kỳ thị chủng tộc thì tạo thành một vết nhục, và giống như dấu vết của ma quỷ. Cũng giống như chiếc mũi hình số 6 của người Sinite, bàn chân kẹp được đồ vật của người Ấn Độ, phần hậu chằm mờ nhạt của người ở miền núi Dinarique ở Nam Tư và các nhóm người ở Arménie với mặt sau của chiếc đầu xuôi thẳng tuột xuống gáy, các dấu điểm chỉ hình cung – điểm dị biệt của các chủng tộc người lùn Pygmée -, chất dính agglutinogène B trong máu, thường bắt gặp ở các tộc di dân, các tộc Digan hoặc Do Thái. Bấy nhiêu dữ liệu được đánh số chờ chực để đưa vào những công thức đại số, vẫn không ngăn cản ông Blattchen dành riêng một phần cho trực giác trực tiếp, có tính bản năng, hầu như không bao giờ sai chạy mặc dù khó lòng biện giải bằng chứng cứ hoặc chứng minh. Con mắt đen của ông chăm chăm vào dáng đi của đám trẻ, nét mặt, vẻ bề ngoài tổng quát, và rút tía những kết luận bao giờ cũng khẳng quyết. Nhưng cái đặc trưng của ông, chính là sự đánh hơi về chủng tộc, vì ông dạy rằng mỗi chủng tộc có cái mùi riêng, và ông tự hào có thể nhắm mắt định rõ được người da đen, da vàng, người Sinite vùng Cận Đông hoặc người Bắc Âu có mùi a-mô-ni-ắc và mùi axit béo ngậy bốc hơi tiết ra từ các hạch mồ hôi và mỡ.

Tiffauges vừa lắng nghe vừa ghi chép những con số do ông tuôn ra, anh vừa quan sát ông vừa giúp ông cầm chiếc lục kế hoặc chiếc compa Broca, anh ghi chép, suy nghĩ. Đành rằng binh chủng đặc nhiệm làm anh ghê sợ hơn tất cả mọi thứ. Thế những trường chính trị quốc gia _ với kỷ luật, đồng phục và các bài hát vang vang không hợp với sở thích và niềm tin của kẻ vô chính phủ ở trong con người anh – trường này nó đã buộc anh phải nhượng bộ đủ thứ bởi vì hiển nhiên nó tỏ ra là một bộ máy nhằm quy phục và kích thích phần nhục thể non trẻ và vô tội. Thái độ phục tùng, nổi phẫn khích, cái uyên bác tật bệnh của Blattchen – luôn luôn mấp mé chủ trương khoái lạc trong sự hành xác và mấp mé với tội ác – được đẩy đến cùng độ, và

trông tương tự như qua dương vật học của vụ chủ quản săn bắn hoặc những lý thuyết cỡi ngựa của Pressmar, tất cả cùng góp phần làm cho anh chàng thanh niên người Pháp phải nhẫn nhục và im lặng. Nhịp tiến triển của anh có mạch lạc, và nhất là anh đã có bước nhảy vọt tiến về phía trước khi chuyển từ con nai, con ngựa sang đến trẻ con, điều này đủ chứng tỏ rằng anh đang bước đi trên con đường thiên chức của mình. Vấn đề còn lại là làm thế nào để ta vượt lên hoàn cảnh và tìm phương cách tư hữu hóa lãnh vực của Blattchen để lèo lái theo ý của mình, cũng giống như trước đây ở Rominten anh từng biết cách thu lượm những kết quả bất ngờ và thuần túy mang tính cách của chính bản thân mình. Nói như vậy là vì, trong khi chia sót lúc này lúc khác các công việc của Blattchen, anh định ninh rằng ông tiến sĩ đặc nhiệm chỉ là một bộ mặt phù du, sớm muộn gì cũng biến đi để nhường chỗ cho anh.

Chính vì suy nghĩ như thế mà lần đầu tiên kể từ mở màn cuộc chiến, anh được hưởng một vài giây lát nhàn rỗi và một đôi phần tiện nghi, kiếm ra một cuốn vở học trò và trở lại ghi chép *Những trang viết bằng tay trái* (NTVBTT).

* * *

NTVBTT. Sáng hôm nay đi Johannesburg để giao các tấm nệm. Chẳng rõ vì sao có diễn binh lớn tại đại lộ Adolf Hitler. Đông đặc. Một nửa đám đông mặc đồng phục – có nghĩa là đồng loạt, giống nhau, lẫn lộn nhau dưới cùng một lớp vải, cùng một lớp da cứng, cùng một loại thép - bước đi “từng bước” – nghĩa là bước đi giống nhau, như một con rết khổng lồ cuộn cuộn từng đợt màu xám sặc trên lòng đường. Đám đông kia tiến lên nhanh chóng trong công cuộc hóa thân nhằm biến nhiều triệu công dân Đức thành một sinh thể to lớn duy nhất vừa quờ quạng, vừa dững mãi, đó là Quân lực. Các cá nhân được gói lại trong sinh thể to lớn – như một đàn cá hồi trong bụng con cá voi – chúng nó chưa chi đã đeo lại với nhau, dính cứng như mũ, đang trên đường tan hòa vào với nhau.

Hiện tượng đang còn ở tình trạng chớm phát sinh trong một nửa số người kia của đám đông, tức là số người dân sự đang nhấp nhô không đều đặn và đủ màu sắc pha tạp trên lề đường và dưới hàng cây. Tuy nhiên con mãng xà màu lục đã phì phò gặm miếng mồi của mình thành từng luồng hôi

hám nặng mùi lan tỏa tới những hình người nhỏ bé tạm thời hãy còn tự do. Cái điệu nhạc trầm buồn và dai dẳng, tiếng dậm chân âm trầm của đoàn người đang chuyển động, các toán người rùng lên đều đặn trong làn sóng, các cờ xí hình chữ thập ác mơn man mềm mại dưới làn gió thoảng – tất cả các hình thức mê hoặc này tác động sâu xa tới hệ thần kinh của họ. và làm tê liệt tinh thần tự quyết của họ. Một sự dị nhẹ giết người thấm vào ruột gan, làm mờ con mắt, ru họ vào tình trạng im lìm bằng một sự hợp hồn êm ái độc địa mệnh danh là tinh thần yêu nước. *Một Dân, một Nước, một Đầu.*

Nhưng cái khối nhất nguyên của Đức quốc xã đã nứt rạn toang hoác, và điều ngạc nhiên chờ đợi tôi trên con đường trở về đã cho tôi thấy hình ảnh minh họa của điều vừa nói một cách gần như khôi hài. Chuyện xảy ra tại Seegutten, một ngôi làng nhỏ tí, bên bờ Spirding. Tôi phải dừng lại đây để lấy sáu bao khoai tây ở chỗ một người làm ruộng. Nhưng gã này đâm ra làm khó và buộc tờ phiếu trưng thu của tôi phải được xác nhận tại sở hương trưởng. Được lắm. Sở hương trưởng, một ngôi nhà nhỏ mới xây theo kiểu tân cổ điển ngày nay. Tôi buộc dây ngựa và bước dọc theo bờ tường đến bậc cấp. Đúng lúc ấy tôi nghe từ cánh cửa mở một giọng nói không xa lạ đối với tôi và đang dùng những thổ ngữ bằng một thứ tiếng Đức chẳng ra làm sao cả và tràn đầy một thứ quyền hành dứt khoát. Tôi dừng lại nghe.

- Đồng ý, tàu khi nào chạy được thì chạy, còn xăng thì không có đâu, chiếc xe ca chạy bằng khí đốt đang nằm đám. Giọng nói oang oang. Phải thấy trước như thế, dễ mà! Quân nhân tiền tuyến các anh, bao giờ các anh cũng tưởng tượng rằng ở hậu phương chúng tôi đang phè phỡn! Nhưng chúng tôi cũng bị bom, rã đám, đói meo! Bây giờ anh lại muốn tôi chững thực trẻ phép cho anh! Nói khác đi, tôi phải lo ký thêm hai mươi bốn giờ phép cho anh. Hương trưởng chẳng có quyền đâu, anh ạ!

Đáp lại những lời la lối ấy là những lời chống đỡ mỗi lúc một thêm rụt rè lấp bắp của một giọng nói có vẻ trẻ trung và nông dân, và lai làm gã chấp sự hương trưởng càng lớn lối thêm!

Bước lên mấy bậc cấp, tôi biết con người mình sắp gặp, và tôi đang suy ngẫm cái chuyện đời hài hước mà định mệnh sắp sẵn cho tôi sau màn diễn binh ở Johannisburg.

- Tiffauges đấy à! Có đâu chuyện lạ thế này!

Victor, gã điên của trại ở Moorhof, mừng rỡ ôm chầm lấy tôi, rồi khoách tay đánh bốp một cái lên vai cậu lính nghỉ phép mặc áo màu xám sặc, nó vội vàng linh mất. Tiếp đó, hắn lôi tôi vào một gian phòng làm việc, về phía một chiếc ghế phô-tôi. Tôi trả lời câu hỏi của hắn trước tiên là bằng một câu chuyện kể lại thời gian tôi ở Rominten kèm theo một số tình tiết. Nhưng lập tức tôi kể thu gọn lại khi nhận thấy rằng dù hắn có vẻ chăm chú, mắt sáng lên nhìn chòng chọc và miệng cười cứng khựng, tên Victor này vẫn không chú ý mảy may đến chuyện của tôi. Ngay cả cái tên Goring – thông thường có tác dụng phù phép – vẫn không đâm thủng được cái vẻ trơ trơ của bộ mặt làm ra vẻ chăm chú. Nhưng có hề gì đâu! Chính câu chuyện của riêng hắn mới là cái tôi quan tâm.

Victor đã lần lượt làm chủ tiêu phu ở rừng Altheider, đi câu ở bờ hồ Meuer, giữ ngựa ở trường ngựa Fravenfliess, cuối cùng là thợ cưa xẻ ở Seegutten. Nơi đây làm cá và cưa xẻ gỗ là những ngành nghề bất khả phân li, bởi vì có một xưởng mộc to lớn được dùng riêng vào việc chế tạo các thùng đựng cá bằng các phần vỏ cây. Hàng ngày, người ta tung ra từ Seegutten trung bình năm trăm ki-lô lươn, cá mang, cá măng, và nhất là cá mòi nước ngọt có xông khói một phần. Vụt cao hứng, Victor ôm lấy tôi và bóp mạnh tay tôi.

- Gỗ, cậu ạ, chỉ toàn gỗ với gỗ!

Và nó cho tôi biết rằng xí nghiệp có đến hai dây chuyền sản xuất, Kirchner được trang bị đến mười bốn lưới cưa, năm cây cưa tròn, một cưa tiện với máy đo, một máy đặt sàn và một xưởng mài giũa. Rồi nó kể cho tôi nghe những câu chuyện đánh cá diệu kỳ, đánh cá bằng lưới với hai, ba, bốn, và có khi năm chiếc tàu nội một ngày thu hoạch những mười ba tấn cá! Còn về phần nó, Victor, nếu ngày nay trở thành quan chức, chủ nhân thực thụ của Seegutten, là nhờ gỗ và cá mà nên cả.

Nhờ gỗ: mỗi đêm, trong trại tập thể, mặc cho người ta cười cợt châm chọc, nó miệt mài đóc sực vài một tuyệt tác trang trí bằng gỗ: đó là mô hình hoàn toàn rập khuôn với làng của Hindenburg ở Tannenberg. Victor nhờ vào một tình cờ nào chẳng, nhờ một nguồn thông tin đích xác, hoặc nó có linh

tính chẳng? Tướng Oskar Vol Hindenburg, con trai của thống tướng Hindenburg, về, nghỉ ngơi tại Königsberg, lưu lại một ngày ở Seegutten. Victor được phép đem tặng mô hình cho vị tướng và, lập tức, nó trở thành một con người khác.

Nhờ cá: mùa đông năm ngoái, nó làm cá trên băng, băng trở nên phi phong vì mới bị rã. Như thế là anh trở nên chứng nhân người lớn duy nhất của một tai nạn suýt giết chết con bé Erika – mười một tuổi – đứa con gái của ông chủ, đến đó trượt băng với chúng bạn, không phòng bị. Băng vỡ dưới sức nặng của đứa bé, và Victor, có mặt ở đó, và sẵn trong tay một sợi thừng, đã cứu nó sống.

Cơ duyên của nó đã hình thành. Ông chủ xem nó là cánh tay mắt của mình, và vì ông là hương trưởng của Seegutten, Victor trở nên thư ký. Ngay từ đó, theo sự tiến triển cổ điển, tư cách độc lập và quyền hành của nó không ngừng lớn lên theo bước chân của người làng lên đường ra mặt trận và các điều kiện sinh sống trở nên khó khăn. Giờ đây chính nó là người phân phát phiếu lương thực, ghi chép sổ sinh, và – như tôi vừa mới chứng kiến – có dịp hống hách với những quân nhân trẻ phép. Và nó phá lên cười oang oang khi gọi lại bao điều thần diệu ấy!

Theo đà kể chuyện của nó, tôi cảm thấy có hai điều khó chịu. Sự thành công ngang ngược ấy rõ ràng chính là điều tôi mong mỏi kể từ khi tôi đặt chân lên nước Đức, và cảnh tượng nó du vào lòng tôi một nỗi đố kỵ đắng cay. Nhưng tôi còn khổ tâm hơn khi thấy rằng Victor thành công chính là nhờ cái điên khùng của nó, và một lần nữa tôi nhớ lại lời phỏng đoán của Socrate trước đây đối với Victor đã từng gây ấn tượng mạnh cho tôi: một đất nước mà chiến tranh và sự thất trận làm cho điên đảo mới là chỗ đất duy nhất thuận lợi cho kẻ mất quân bình phát triển. Nói cho cùng tôi đây chẳng phải là một tên Victor khác hay sao, và tôi chẳng từng hy vọng định mệnh đem đặt Kaltenborn ngang tầm với cơn điên và phục vụ cho cơn điên vốn là thuộc tính của tôi đó sao!

* * *

Tướng Herbert Vol Kaltenborn, bá tước, có thể vì chống đối loại quân phục đặc nhiệm mà ông cho là tùy tiện, hoặc vì vai trò mờ nhạt phải chịu

đựng trong phạm vi trường chính trị quốc gia, ông thường thường xuất hiện khoác thêm một tấm áo trùm vai bằng len xám không thấm nước và đội một chiếc mũ da mềm kiểu cùng Tyrol. Quả tình ông không bao giờ có dáng dấp quân nhân cho bằng khi ông làm ra vẻ ăn mặc theo dân sự. Ông có vẻ to lớn, mặc dù thực ra ông cao dưới mức trung bình, và khuôn mặt chữ điền của ông, bớt góc cạnh nhờ một bộ râu mép theo kiểu của Francois-Joseph, trông có vẻ là một con người dễ dàng thông cảm, hình ảnh ấy hoàn toàn xa lạ với những ý tưởng cứng cỏi và hạn hẹp đang nung nấu ông.

Lần đầu tiên bắt gặp ông, Tiffauges đang mài băng bó cho mấy con ngựa sát bờ tường của chuồng ngựa. Bá tước kêu anh bằng tiếng Pháp và trao đổi dăm câu với anh, ông lộ vẻ hả hê được dịp bày sự việc biết tiếng Pháp của mình. Sau đó ông có vẻ quên băng anh cho đến một hôm, vào tháng chín, nhằm lúc Tiffauges đánh xe đi Lotzen nhận hàng nửa con bò tại một gã bán thịt.

Tại Lotzen, anh bắt gặp cửa tiệm đóng cửa, bị niêm phong. Theo lời người ta, gã bán thịt bị bắt vì bán chợ đen. Nhờ đi đi lại lại tuần này sang tuần khác, Tiffauges chứng kiến đất nước xuống dốc, bị chiến tranh tàn phá hủy hoại. Trong một thời gian dài, các vụ oanh tạc dội xuống riêng vùng Tây Đức đã biến vùng Đông Phổ thành một vùng ưu tiên được tổ chức K. L. V (Tổ chức biệt phái thiện niên) trưng dụng nhiều đoàn tàu trở đăm trẻ con từ những thành phố lớn đổ nát chuyển đến đây. Nhưng kể từ mùa xuân, một mối đe dọa trầm trọng hơn cả oanh tạc đã lộ rõ nét tại phía Đông, và vùng Đông Phổ cảm thấy nó dần dà, nhưng khó lòng tránh được, trở thành vùng đất bị trù dập của Đức quốc xã. Mặc dù bị tổng trấn ban bố tình trạng cấm di tản và cấm mọi hình thức chuẩn bị bỏ đi, những người dân giàu có hơn cả, dễ đi hơn cả, đều ụa sang phía Tây, và vì không thể nào mang theo đủ thứ, cho nên một cuộc bán buôn rầm rộ được phát động giữa những kẻ đánh liều và những kẻ theo đuổi hi vọng. Cảnh sát phản ứng một cách mù quáng và hỗn tạp, dựa trên những lời tố cáo, những điều đồn đãi hoặc những chiến dịch báo chí, các nhà tù nhưng nhúc người, các vị tai mắt của trường học hô hào lớn tiếng trên bục giảng, nhưng không có gì có thể cưỡng lại làn sóng hoang mang nảy sinh từ sự rút dài của Mussolini và sự đầu hàng của nước Ý tại miền Tây, từ sự tháo lui của quân lực Đức ở Ukraine phía Đông, và nhất là từ những mảng ô đen nho nhỏ hàng ngày loan dần những trang tử trận trên mấy tờ báo hàng ngày.

Tuy nhiên làng mạc vùng Mazurie chưa bao giờ rục rĩ như mùa hè tàn năm ấy. Coi như xong xuôi công vụ, Tiffauges về lại nẻo đường Kaltenborn, thơ thẩn dọc theo các bờ hồ Lowentin, Woynowo, và Martinshagen. Nước trong veo đến nỗi mấy con chim bắt cá lượn trên trời và đàn cá bạc quẫy mình dưới đáy hồ sâu tưởng như đang chuyển động trong cùng một môi trường. Các thuyền bè neo ở cầu phao lừng lững trong khoảng không, nhưng như khinh khí cầu bị dây buộc. Tiếng vù vù náo loạn của đàn ong ập xuống một cánh đồng cải dầu đương hoa, tiếng rùng rùng êm ái của một chiếc máy đập trong sân trại, tiếng lanh canh của chiếc đe thợ rèn, và luôn cả tiếng lóc cóc của con chim gõ mõ trên thân cây thông tạo thành một lớp lang khoái hoạt và êm ái sau lưng anh, chung quanh anh và trước mặt anh. Cái hào quang này vẫn không đi ngược lại với không khí tầm độc mà anh nhận ra trước đây ở Lotzen. Nay nước Đức rõ ràng đang tàn lụi, anh cảm thấy trời đất chuẩn bị cho anh một cái đài cao cho kẻ thắng trận là điều hợp lẽ.

Chính trong tâm trạng đắc thắng ấy anh bỗng thoáng thấy, cách cổ thành chừng vài cây số, chiếc xe limousine, cổ lỗ, màu đen, của vị chỉ huy đỗ ở bên đường. Xe bị trục trặc và ông già, im lìm hơn cả khúc gỗ, chờ đợi gã tài xế phục vụ đi tìm cách giải quyết trở về lại. Tiffauges mời ông lên xe ngựa ngồi bên cạnh mình, và đưa ông trở về lâu đài. Anh không nhớ mình nói gì để trả lời mấy câu hỏi vắn tắt của vị chỉ huy trên đoạn đường ngắn. Bởi thế, anh lấy làm ngạc nhiên khi vị tướng, vài hôm sau, gọi anh vào văn phòng, và sau khi hỏi một câu chiếu lệ, ông hỏi anh:

- Hôm nọ trở về lâu đài, tôi có hỏi anh về cảm tưởng chung chung của anh đối với đất Phổ, anh có nói: một xứ sở màu đen và màu trắng. Như thế nghĩa là sao?

Tiffauges do dự kể ra:

- Cây thông, bạch dương, mấy dải cát, than bùn.

Vị tướng cầm lấy tay anh và kéo anh đến một mảng tường treo đầy khi giới và cờ xí. Ông bảo:

- Đất đai nước Phổ màu đen và màu trắng, nhìn như thế là đúng. Bởi vậy cờ của Đông Phổ là đen với trắng, ám chỉ hiển nhiên đến các hiệp sĩ nước Đức cổ xưa, và ám chỉ tấm áo trắng có vạch đen của họ. Nhưng đừng quên bọn Đoàn Kiếm, nếu không có bọn này thì nước Phổ là một nước lạnh lẽo, khô cằn. Tiffauges xuôi theo:

- Thừa vâng, họ là muối của đất!

Và anh tuân một hơi cái bài giảng của ông chủ quán Albert d'Apeldom, Albert de Buxhowden, nói đến cái đế quốc ở địa đầu thế giới, vốn tập hợp dưới hai ngọn kiếm màu tía, các vùng đất Livonie, Courlande và Estonie, kể đó là Gothard Kettler hòa hợp với dân Đức cổ thời của Hermann Vol Salza, vị này sẽ củng cố uy thế của Đông Phổ.

Vị chỉ huy hả dạ. Ông kết luận:

- Do đó, bên cạnh màu đen và màu trắng của dân Đức cổ thời, ta không nên quên đặt thêm màu đỏ của bọn Đoàn Kiếm. Màu này tượng trưng cho tất cả những gì là sống động tại các vùng cát và than bùn anh vừa đề cập.

Quả tình Tiffauges nhớ ra rằng nước Phổ, sau khi bắt anh chịu đựng màu đất đen và tuyết của Moorhof, vẫn liên tiếp biệt phái đến anh cả một đoàn lũ sinh vật hùng hực sống nóng, con mê Unhold vùng Canada, bầy chim ri, đàn nai ở Rominten, con ngựa Râu Xanh vốn là phiên bản của chính anh, bầy con gái nhỏ ở Goldap và cuối cùng là bọn Thanh niên ở Kaltenborn, cái khối lượng hàng ngũ rậm rạp sống động và thô sơ mà anh nghe đồng ca một giọng kim trong trẻo, và nện bước rập rình trong bãi sên kín dưới chân tháp.

Vị chỉ huy đưa anh bước qua ngôi nhà nguyện, đây là lối đi đưa đến sân thượng, và cả hai dừng lại trước những cây kiếm bằng đồng sắp thành ba lớp đưa lưỡi kiếm tuốt trần cắt rạch chân trời êm ả với những khu rừng và các mặt hồ gọn sóng. Vị này giải thích:

- Mỗi cây kiếm mang tên một vị tổ tiên của tôi. Đây, ở giữa, là Hermann Vol Kaltenborn, đức mẹ đồng trinh có hiện ra với ông này, giáp tuổi ra trận khiến ông sẽ phải bỏ mạng, để báo trước với ông rằng ông đã được giành

chỗ trên thiên đường hiệp sĩ. Phía Tây là ông Wiprecht Vol Kaltenborn một lực sĩ thực thụ của đấng cứu thế, chỉ trong một ngày đích thân rửa tội cho mười ngàn dân Phổ. Sau hết, ở phía Đông, cây kiếm Veit Vol Kaltenborn, là bố của tôi chỉ huy ngay tại đây tháng 8-1914 dưới thời thống chế Von Hindenburg, và giải phóng đất đai của mình ra khỏi dân Slave xâm lăng.

Và ông trang trọng, triu mến đưa bàn tay ve vuốt lớp kim khí rỉ xanh ở các lưỡi kiếm ngoại hạng. Từ khoảng sân bịt bùng vang vọng lên từng đợt âm thanh hiêu chiến và đồng bộ của đám Thanh niên:

Hãy run rẩy lên đi, hỡi đống xương tàn của cựu thế giới!

Cuộc chiến khởi đầu. Chúng ta đánh tan nỗi sợ hãi. Chiến thắng đón chờ chúng ta!

Ngày nay Đức quốc thuộc về ta, ngày mai toàn bộ thế giới!

* * *

NTVBTT. Tôi vốn vô cùng khó tính, dễ dàng nổi cơn bất bình khi còn ở trên đất Pháp, luôn luôn rửa thềm và phùng mang trợn mắt, đôi khi tôi tự hỏi do đâu mình nhẫn nhục và dễ bảo từ khi đặt chân lên nước Đức. Chẳng qua, ở đây, tôi thường xuyên đối diện với *một thực tế bao hàm ý nghĩa* hầu như lúc nào cũng rõ ràng và phân định, hoặc nếu như thực tế ấy trở nên khó hiểu, tức là nó lắng xuống sâu và nếu như nó thiếu hiển nhiên thì lại thừa tính phong phú. Đất Pháp không ngừng chọi lại tôi bằng những biểu hiện báng bổ sơ đẳng nảy sinh giữa một bãi sa mạc vô hại. Ở đây không phải cái gì cũng hay cũng đúng, hoàn toàn không! Nhưng cái chất liệu bày ra cho tôi vừa tinh tế vừa trầm trọng đến nỗi tôi không có thời gian, và không có sức lực để giận dữ mỗi khi nó chọi vào đầu tôi khá đau.

Chẳng hạn ông Blattchen kia bày ra đủ trò làm cho tôi sôi gan và lộp đi lộp lại một cách bỉ ổi. Một trong những sở trường của ông là biến các địa danh và các tên dòng họ gốc nước ngoài - ở đây là gốc Ba Lan hoặc gốc Lituanie - thành những tên có âm thanh hoàn toàn là Đức. Ông đoán mò một cách bệnh hoạn cái nguồn gốc mù mờ của những địa danh có vẻ vô hại hơn cả và không ngưng tay với Lãnh tụ để tố cáo sự việc tày đình, và đề

ngợi thay vào bằng những tên dễ nghe hơn – ít nhất là theo chủ quan của ông. Chẳng thế mà, quen tật theo thói, nay đến lúc ông xía vào cái tên của tôi! Nhưng trường hợp này, theo ông, không còn là vấn đề thay tiếng Ba Lan và tiếng Lituanie bằng tiếng Đức nữa. Ông tin chắc rằng cái tên Tiffauges là do chữ Tiefauge biến thể, và do đó ẩn chứa một nguồn gốc tiếng Đức cổ, xa xôi, nhưng như thế lại càng đáng trọng. Và như thế là ông chỉ còn gọi tôi bằng ông Tiefauge, hoặc là trong những lúc sung mãn, ông quý tộc hóa tên tôi, và tôi trở thành ông Von Tiefauge. Ông bảo tôi:

- Điều chứng tỏ sự tinh tuyền của dòng máu ông, là ông hãy còn mang đậm nét cái dấu hiệu riêng biệt khiến cho dòng họ ông mang tên ấy: Tên *Tiefauge* có nghĩa là mắt sâu, mắt ẩn vào trong hõm mắt. Và, ông Von Tiafauges ạ, cứ nom thấy ông là người ta hiểu ngay cái tên ông đến nỗi có thể nghĩ đó là tên tục!

Nhưng hôm nọ, ông còn đi xa hơn, và tôi suýt nổ to tiếng. Câu chuyện đang diễn ra bé tấc, vì chúng tôi đang khám nghiệm một thằng bé bị phê toàn những chữ ostisch – có nghĩa là nhỏ, và chắc hẳn nhỏ suốt đời, bằng vào bắp thịt rắn chắc và cong queo của nó, đầu cực ngắn (88,8), người nhỏ, nước da chì, nhóm máu AB – ông Blattchen tức giận ban tuyên chọn thiếu sáng suốt. Tôi bị nhầm mãi khi tính toán mấy con số và cuối cùng tôi làm vỡ một lọ thuốc thử rhesus. Thế là Blattchen chửi tôi. Chửi kín đáo thôi! Ông chỉ sửa nhẹ cái tên của tôi. Ông bảo:

- Cần thận chứ, ông Triefauges!

Và tôi biết tiếng Đức đủ để hiểu rằng Triefauge có nghĩa là con mắt đau, chảy nước, đúng ra là chảy ghèn! Tật cận thị nặng của tôi kèm theo đôi mắt kính dày không thể nào không mang bắt tôi phải chịu lời rủa ấy. Tôi xáp lại gần giáo sư tiến sĩ đến độ đụng vào người ông, tôi á mặt mình gần mặt ông, và chậm chậm rút chiếc kính ra. Và đôi mắt tôi bình thường híp lại tí hí đằng sau lớp kính tròn dày dặn, nay mở giương to, choán hết trũng mắt đến độ lồi ra ngoài, và trâng trâng nhìn giáo sư tiến sĩ một cách chăm chặp thất thần như con rắn độc nhìn chết mối.

Tôi không rõ do đâu tôi nghĩ ra cái vẻ mặt ấy. Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thử, nhưng kết quả lại hiệu nghiệm đến nỗi tôi sẽ diễn lại. Blattchen tái mặt,

lùi lại, áp úng xin lỗi, và không nói thêm gì nữa hết cho đến khi khám xong đứa bé.

* * *

Tiffauges trước đây vẫn nghĩ rằng cái giá trị thiên mệnh của mỗi đoạn đời của mình chỉ được xác nhận một cách đầy đủ là nếu như đoạn đời ấy, dù đã vượt qua và được thăng hoa đi nữa, vẫn được lưu giữ trong giai đoạn kế tiếp. Vì vậy anh ngóng trông những điều thành đạt ở Rominten phải được thành toàn ở Kaltenborn. Anh được toại nguyện ngay từ tháng mười khi vấn đề tiếp tế gặp phải những khó khăn khiến người ta nghĩ tới những phương cách cùng cực. Vị chỉ huy tình báo mấy hôm nay vắng mặt, khi trở về ông có giải thích rằng ông có hội đàm với vị Tổng trấn ở Königsberg. Erich Koch có hứa hẹn với ông giúp khí giới và đạn dược, để cho Kaltenborn có thể đảm trách việc huấn luyện quân sự cho Thanh niên, giúp một giàn súng phòng không để đối phó với những trận oanh kích mỗi ngày một nhiều, sau cùng ông cho phép, và việc này có hiệu lực tức thì, được săn bắn trong toàn huyện Johannsburg để cải thiện bữa ăn của trường chính trị quốc gia. Vị chỉ huy tình báo quyết định giao trách nhiệm săn bắn cho Abel Tiffauges, là người mang cả hai tư cách là nhân viên tiếp tế lương thực và cựu phụ việc săn bắn của vị chỉ huy săn bắn. Tuy nhiên vị Tổng trấn có nói rõ rằng ông không nhượng quyền hạn săn bắn thực thụ nào hết, và loại trừ việc sử dụng súng bắn. Có nghĩa là phải dồn ép thú săn, và sử dụng khí giới kim khí, hoặc là chỉ có việc đặt bẫy. Như thế là một nửa cho và một nửa lấy. Tiffauges vẫn bằng lòng với sự hạn hẹp ấy bằng cách yêu cầu cho sắp đặt một đạo thanh niên để tổ chức một chương trình đặt bẫy giết dây hiệu nghiệm ở các hang cổ vùng Sostroszer Bruch, còn bà Netta – cũng có một thanh niên đi cùng – điều khiển công cuộc hái nấm trong rừng Drossewald. Thời tiết khô mát có nhiều gió phía Đông của mùa thu năm ấy, nếu quả là bất lợi cho những chuyến săn tìm của bà Netta, thì lại giúp ích cho công việc của Tiffauges. Các đợt giá lạnh ban mai năm ấy đến sớm, đợt tuyết đầu mùa giáng xuống và sẽ không biến tan ngay từ những ngày đầu tiên của tháng mười một.

* * *

NTVBTT⁽¹⁾. Sáng nay sau khi mặt trời lóe rực, bóng tối bỗng nhiên úp chụp xuống đồng bằng. Phía Tây, một tảng mây lớn, màu đen khác thường, sắc kim khí, chậm chậm kéo đến hướng chúng tôi. Có một cái gì thuộc loại bòn chòn có chất thiên văn, một sự rung mình truyền kiếp vốn rất quen thuộc với tôi, nhưng lần này nó tràn ra khỏi con người tôi và lan tỏa ra người khác, thú vật và vạn vật. Và bỗng nhiên không khí dầy đặc với muôn ngàn hòn bông trắng bay lượn vui vẻ khắp tám hướng. Một sự đảo ngược huyền hoặc từ màu đen sang màu trắng, phù hợp với cái phong cảnh không biến dị này. Hóa ra tảng mây chỉ là một bị lông! Nhà thiên văn học người Hy Lạp nào đã nói tới “màu đen bí ẩn của tuyết” nhỉ?

* * *

Buổi tối Noel được đánh dấu bằng một trận bão đầy gió tây bắc như muốn đánh tan kỷ niệm của một năm tựu trung bình lặng và đầy ánh mặt trời. Giữa trưa một vòm mây tuyền màu đồng thau đè nặng trên bầu trời từ chân trời phía này sang đến chân trời phía bên kia. Ở tận trên cao tít, ta nom thấy bầy chim biển the thé sợ hãi, bị cuốn theo một chiều gió dữ. Bình nguyên ngái ngủ bỗng nhiên rậm rật và vùng vẫy trong một cơn ác mộng đang dồn ép. Tuyết rơi lặng lẽ qua mấy đêm bình yên nhẹ nhàng trước đây bỗng quấy dậy và sấn tới trước khắp vùng đất như một bức tường thành có bóng tối màu trắng. Trên mặt các hồ đóng băng, những ngọn gió giạt quét lửa đám cành khô, gốc cây, thân cây và luôn cả đá lớn. Nhô lên trên một ghềnh đá, cỏ thành trở nên *công cụ* cho bão táp, trở nên một giàn đàn gió khổng lồ rít lên từ tất cả các phòng trước, hành lang, các ô cửa tròn, lầu chuông và mũi tên. Các ống chỉ hướng gió rền lên như giọng người, cửa ập bình bình vào tường, từng đàn sói vô hình thỉnh thoảng tru tréo ở các hiên.

Tuy nhiên thời gian hội hè này cũng quần tụ các Thanh niên tại phòng vũ khí chung quanh một cây Noel rực rỡ ánh đèn. Đây không phải là tôn vinh sự ra đời của đấng Cứu thế, mà là sự ra đời của hải nhi Mặt trời, tái sinh từ tro tàn giữa tiết đông chí. Bởi lẽ quỹ đạo của mặt trời xuống đến mức cực tiểu, và ngày rút lại thành ngắn nhất, cho nên cái chết của thần mặt trời bị xem như là một định luật vũ trụ đầy đe dọa. Các khúc bi ca dành cho sự thấp hèn của mặt đất và dành cho sự xua đuổi của bầu trời nhằm ca tụng những hiệu lực của mặt trời khuất bóng, và khẩn nguyện mặt trời tái hồi giữa nhân gian. Và lời ai vẫn được chúng giám, bởi vì kể từ hôm nay ban

ngày sửa soạn xâm lấn ban đêm bằng một khoảng thời gian thoát đầu không đáng kể, nhưng liền sau đó càng lần lượt rõ rệt.

Vị chỉ huy tinh báo, liền sau đó cất cao giọng đọc những lời chúc mừng gửi cho Kaltenborn từ bốn mươi trường chính trị quốc gia khác rải khắp đất nước của Đức quốc xã, là Plon, Koslin, Ilfeld, Stuhm, Neuzelle, Pubuss, Hegne, Rufach, Annaberg, Ploschkowitz... và sau mỗi tên được xưng lên, một đứa trẻ tách ra khỏi vòng cung đứng về phía các bạn, đi đến thấp thêm một ngọn nến vào cây thông lớn. Kế đó là im lặng kèm theo với tiếng bão rít, và vị chỉ huy như thể cảm khái bất thần, lớn tiếng đồng dục:

- Thiên đường núp bóng các thanh kiếm!

Sau cùng, bằng một giọng trầm tĩnh, ông giải thích rằng mỗi hạng người tự thể hiện mình bằng một dụng cụ tối ưu dùng làm biểu trưng luôn thể. Và như thế có những người cầm bút và chữ viết là chức năng tự nhiên, những nông dân tìm lại mình trong chiếc lưỡi cày, kiến trúc sư với cây thước đo góc làm đặc hiệu, người thợ rèn thì tìm thấy ở chiếc đe hình ảnh thiên chức của mình. Đoàn Thanh niên của Kaltenborn phục vụ gấp đôi cho thanh kiếm, trước tiên với tư cách là chiến sỹ trẻ tuổi của Đức quốc xã, và sau là vì hiệu năng của hiệu kỳ tòa lâu đài. Tất cả những gì không dự phần vào thanh kiếm đều phải là xa lạ đối với họ. Mọi trợ lực nào khác, nếu không phải là trợ lực của thanh kiếm, đều là hèn hạ và phản trắc. Họ có bốn phận luôn luôn nhớ đến giai thoại chiếc gút khúc mắc trong đời của Alexandre đại đế. Trên vệ thành của Gordium, xứ Phrygie, có đền thờ Jupiter tàng trữ cỗ xe của vị vua đầu tiên trong nước. Theo một lời sấm trọng đại, châu Á sẽ thuộc về người nào biết cách mở gút dây buộc cỗ xe vào càng xe, và hai nút dây đều ảm. Alexandre muốn chinh phục đế quốc châu Á, và sốt ruột vì cuộc thử thách khó khăn, nên dùng kiếm chặt cỗ xe ra làm đôi. Như thế mỗi bài toán có thể có hai giải đáp: giải đáp dài, chậm và lỏng lẻo và giải đáp bằng thanh kiếm, nhanh chóng và tức tốc. Noi gương Alexandre, Thanh niên buộc mình phải rút kiếm mỗi khi có một gút nào ngăn chặn mình đi đến mục đích.

Trong khi ông nói, những tiếng thét vang dội của bão không ngừng lay giạt tường thành và làm chao đảo các đóm lửa nhỏ trên cây thông. Các đèn tắt ngúm đồng loạt và bóng tối rền vang phủ trùm bọn trẻ, đúng lúc ấy cánh

cửa sổ cao của phòng vũ khí vỡ tung dưới sức đẩy của một ngọn gió tận thế. Mỗi một ngôi sao giống như con mắt màu vàng, đang đăm thủng màn đen rên rỉ ở phương Đông.

* * *

NTVBTT. Tôi phải mất nhiều thì giờ mới nhập cuộc vào đại hội quần vũ đầy cờ xí, reo hò và màu sắc đang cuốn hút đám trẻ con kèm theo một số người lớn. Vào cuộc rồi tôi mới hiểu rõ nó vâng theo những động cơ nào. Rõ ràng quỹ đạo của thời gian ở đây tiến triển – không theo đường thẳng – mà theo *đường tròn*. Người ta sống không phải trong lịch sử, mà theo cuốn lịch. Đây có nghĩa là thời buổi xoay vần bất tận – hoàn toàn đúng theo hình ảnh của cuộc quần vũ. Chủ thuyết của Hitler đi ngược lại mọi tư tưởng tiến bộ, sáng tạo, khám phá và phát minh một tương lai trinh nguyên. Thế mạnh của nó không phải là cắt đứt, mà là phục hồi: suy tôn giống nòi, tổ tiên, huyết thống, người chết, đất đai...

Trong cuốn lịch với các thánh cùng với ngày lễ xuất xứ từ một danh bạ đặc biệt gồm các tử sĩ, ngày 24 tháng một mãi mãi là ngày lịch sử của năm gở 1931, năm chết của Thanh niên Herbert Norkus, vị thánh bổn mạng của mọi tổ chức thanh niên, vì đây là trường hợp chết trẻ.

Một lần nữa, người ta chiếu một bộ phim cho đám thanh niên – đám này cật lực phản đối vì đã xem rồi – cuốn phim *Tuổi trẻ Hitler* dựng từ cuốn tiểu thuyết của Schenzinger cảm hứng từ định mệnh của Norkus. Tôi ngạc nhiên về diễn viên được chọn. Đây là một đứa trẻ so với Norkus ngoài đời thì trẻ hơn nhiều, mảnh mai, hơi con gái, hơi trắng trẻo như gà tơ, và ngay khi nhập cuộc đã chuẩn bị làm mồi cho ngọn đoản đao của người chủ lễ. Ở đối cực, là đám thanh niên những người tiêu diệt nó thì lại giống như một đám tiểu quý già trước tuổi, ăn mặc như người lớn và thuộc tính của chúng nó là thuốc lá, rượu và đàn bà. Với con cừ non dành để dâng hiến này, vừa tơ vừa trong trắng, chúng ta hoàn toàn đánh mất hình ảnh của đứa trẻ “cứng cáp như da thuộc, thon gọn như chó săn và rắn chắc như thép Krupp” mà Hitler ca tụng. Điều đáng nói đối với tôi là người đạo diễn cuốn phim đã đi mười năm trước tôi để có cách nhìn như vậy – cách nhìn vô cùng ngược lại với sự thật được công nhận – cách nhìn tuổi trẻ của nước Đức, không phải

là một tuổi trẻ tràn trề sức khỏe và say sưa chinh phục, mà là một tuổi trẻ luôn luôn sẵn sàng sát hại kẻ vô tội.

Sau cuốn phim, là buổi lễ canh gác hồn ma. Giàn trống liên tục khua vang lời kêu gọi đầy ám khí của Đội áo đen: hai tiếng trống dài do tốp trường đoàn bên phải, ba tiếng trống ngắn do tốp trường đoàn bên trái, đáp lại là năm tiếng ngắn, ba tiếng ngắn rồi hai tiếng ngắn của đám đông. Trống đưa ma và nhức nhối đang diễn tả vũ điệu bao trùm của định mệnh trên đường đi tới. Lời ai oán này bỗng bị cắt ngang vì tiếng kèn the thé. Im lặng. Một giọng nói thiếu niên trỗi dậy trong đêm. Một giọng khác đáp lời. Rồi thêm giọng thứ ba.

- Đêm nay chúng ta tưởng niệm bạn Herbert Norkus!

- Chúng ta không canh một chiếc quan tài lạnh lẽo. Chúng ta đứng sát bên nhau quanh một người bạn bị hi sinh và nói nên điều này:

- Trước chúng ta đã từng có một bạn dám làm điều mà chúng ta đang toan tính hôm nay. Bạn không còn lên tiếng nói, những tấm gương của bạn hãy còn sống!

- Nhiều người gục ngã chung quanh chúng ta, nhưng đồng thời nhiều người chao đời. Thế giới vốn bao la, ôm trọn người sống lẫn người chết. Nhưng những kỳ tích của lớp đàn anh hồi sinh trong cuộc chiến của những ai bắt chước theo.

- Anh được mười lăm tuổi. Chúng đâm chết anh ngày 24 tháng một năm 1931 tại Berlin, trong khu phố Beusselkietz. Anh Herbert Norkus chỉ làm nhiệm vụ của thanh niên Hitler, nhưng chính điều này đã rước lấy sự ghét hận của kẻ thù chúng ta. Thi thể của anh mãi mãi là một loại rào cản giữa người đối địch và chúng ta.

Giờ đây họ hát bài *Một dân tộc trẻ đứng lên tấn công...* Các giọng hát rõ như những bông hoa bằng nước đá dậy lên trong không khí lạnh lẽo, trong khi chiếc phướn thập ác vẫy mình quanh chiếc cột, giống như thể con bạch tuộc sáng lên giữa vòi sáng thu gọn từ một bóng đèn chiếu.

* * *

Stefan Raufeisen

Tôi sinh ra ở Emden, vùng Ostfriesland, năm 1904, đây là một thành phố nhỏ giàu có, loại thành phố Hà Lan, một nửa buôn bán, một nửa phố cảng nhờ hai con sông đào nối liền thành phố, một sông ở Ems, sông kia ở Dortmund. Cha tôi mở một tiệm bán thịt trong một khu phố bình dân, và vì dân nghèo không ăn thịt, chúng tôi cũng nghèo theo luôn. Cha tôi có một người anh, bác Siegfried, cũng bán thịt, nhưng ở Kiel, vùng Schlesvig-Holstein, và ở trong khu phố của hải quân. Bác Siegfried chết năm 1910, chúng tôi lập tức dời đến để kế vị.

Tôi còn quá nhỏ chưa nhận rõ sự khác biệt về không gian sống giữa một thành phố nhỏ lờ đờ, sạch gọn của bờ biển miền bắc, với không khí hùng hực nổi loạn và giành giết của hải cảng vùng Baltique, nhưng sự thể là tôi lớn lên trong bầu chính trị sống nóng. Vị hoàng đế đã quyết định rằng tương lai nước Đức là ở biển nên đã chọn Kiel là thành phố hàng đầu. Ngài đến đó ở lại nhiều lần, và sự hiện diện của ngài nổi bật lên đặc biệt trong tuần lễ trọng đại của chúng tôi, mệnh danh là tuần lễ thành phố Kiel, vào cuối tháng sáu, khi ngài đích thân chủ tọa những cuộc đua thuyền buồm quốc tế.

Năm 1914, cha tôi nhập ngũ, phục vụ trên một chiếc tuần dương hạm. Ông thiệt mạng luôn với chiếc U-Boot năm 1917. Theo đúng một lẽ thường tình nghiệt ngã mà hiếm khi lịch sử sửa sai, chính từ thành phố Kiel này là nơi xuất phát một đòn đau hơn cả cho ngai vàng của hoàng đế. Sự nổi loạn của các thủy thủ đoàn của hải quân chiến đấu tháng mười một 1918 giống hồi chuông báo tử cho đế nhị đế chế Đức. Tóm lại là một sự trở lại từ đầu: đình chiến và hiệp ước triệt hạ chiến hạm và loại trừ lá cờ Đức quốc ra khỏi toàn bộ mặt biển trên trái đất, vừa giết luôn một cách tàn bạo thành phố Kiel với các kho xưởng và bến tàu. Cửa hàng bán thịt của gia đình đang ngắc ngoải. Tôi không buồn để ý. Tôi mười lăm tuổi. Không có thịt heo tôi làm nhồi với thịt ngựa từ lực lượng kị binh của hoàng gia bị khai tử, nhưng đầu óc tôi nghĩ đến chuyện khác. Cái hình tượng *chim di* làm động lòng tôi...

Sự chuyển động của chim di, trước hết đó là hành động của thế hệ trẻ tách rời khỏi hàng ngũ đàn anh. Tất cả những thứ này, sự thất trận, nghèo hèn, thất nghiệp, tình trạng xôn xao về chính trị, chúng tôi không màng đến. Chúng tôi vớt trả lại cho cha ông cái di sản mà họ toan ấn vào tay chúng tôi. Chúng tôi từ khước tất cả mọi thứ lẫn lộn bao gồm cái luân lý cứu chuộc của họ, các bà vợ nai nịt bó rọ, các căn hộ mịt mùng phủ đầy màn cửa, màn che và ghê ren tua, luôn cả các nhà máy um khói và tiền bạc của họ. Chúng tôi, tùm năm tùm ba, ca hát, quần quýt, rách rưới, mũ dạ sùm sụp nhưng điểm hoa, hành trang chỉ mỗi một cây đàn trên vai, chúng tôi đã khám phá khu rừng của đất nước, bao la, tinh tuyền với các con suối và tiên nữ. Chúng tôi ốm o, ghét bản mà trữ tình, ngủ trong vựa rơm và máng cỏ và sống bằng tình yêu với nước trong. Trên hết mọi thứ, điều gây nên sự đoàn kết giữa chúng tôi, đó là vì chúng tôi cùng chung một thế hệ. Chúng tôi nuôi dưỡng một cái gì đó giống như là một hội kín của tuổi trẻ. Tất nhiên chúng tôi có những bậc thầy. Đó là những người mang tên Karl Fischer, Hermann Hoffmann, Hans Bluher, Tusk. Họ viết cho chúng tôi những câu chuyện kể và những khúc hát trong các tạp chí nhỏ. Nhưng chúng tôi thừa thông cảm với nhau một cách ngấm ngấm nên chẳng cần đến một chủ thuyết làm gì. Chúng tôi chưa hề gặp họ ở Kiel.

Ngang đến đây xảy ra cái phép lạ về những người *Hành khát*. Chúng tôi là những học sinh, với *Hội những người hành khát* vốn giống chúng tôi như anh em nhưng lại thuộc ý thức hệ Đức quốc xã, chúng tôi bỗng phát hiện rằng bao nhiêu lý tưởng của chúng tôi và lối sống của chúng tôi không nhất thiết phải đứng ngoài lề của xã hội vốn đang mạnh mẽ nhờ sức tổ chức và sức ù lì của nó. Bọn hành khát, chính là lũ chim di đang mang trong mình một sức mạnh cách mạng đe dọa trực tiếp toàn xã hội.

Mơ mộng qua rồi. Bắt đầu có những giao tranh trên đường phố. Lập tức, cửa hàng bán thịt của tôi mang một ý nghĩa: tôi trở nên người lãnh trách nhiệm chính trị của nghiệp đoàn.

Đi dán áp phích, bôi đen nhà cửa của bọn dờ hơi, không cho chiếu cuộn phim phản chiến *Miền Tây không có gì mới lạ* ở Kiel. Thành phố phản ứng và áp đảo, không cần phân biệt đám quốc xã và đám xã hội. Một hôm, đoàn Thanh niên Hitler bị cấm mặc đồng phục. Lúc bấy giờ, bao nhiêu chú lái thịt trong đoàn của tôi đều mặc áo quần lao động điều hành trên đường phố,

và các nhà tư sản đâm hoảng sợ trước những cây dao phay nhét vào thắt lưng mấy chiếc tạp dề trắng bê bết máu. Bọn xã hội được đào tạo sử dụng ống sáo, và nhạc cụ này dùng để làm nhạc hiệu tập hợp. Chúng tôi có đám xã hội riêng và sau nhiều lần đụng độ, tay sáo trở thành quốc xã.

Nhưng không có gì quan trọng cho bằng ngày 1 tháng 10 năm 1932. Baldur Von Schirach đã quyết định lấy ngày hôm đấy làm Đại hội thanh niên quốc xã lần thứ nhất họp tại Potsdam. Đảng đã thuê ba mươi tám tám vài trại khổng lồ có thể chứa tổng số là một nghìn người tham dự. Tất cả có hơn một trăm nghìn thanh niên nam nữ từ các tỉnh của nước Đức đổ dồn về. Họ đến đây từng chuyến tàu, đi bộ, đi xe đạp, đi xe cam nhông với từng đoàn lũ lô nhô cò xí trương rộng. Nhào nháo chưa từng thấy. Một sự hỗn độn vĩ đại của tình hữu nghị! Vấn đề tiếp tế hoàn toàn không có. Mệt mỗi vượt sức con người. Chúng tôi sống căng thẳng ngất ngây trong tiếng hát, reo hò, đi bộ tới tới lui lui. Đúng như thế, đi bộ! Nó trở thành huyền thoại, trở thành thuốc phiện đối với chúng tôi! Đi, đi, đi! Biểu tượng của tiến bộ, chinh phục, và là biểu tượng của tập hợp, đại hội, biến đôi chân cứng khô và bụi bặm của chúng tôi thành những bánh xe, những cần trục, bộ phận chính trị chủ yếu trong con người của chúng tôi!

Sáu chục ngàn đứa con trai tập trung ở bãi biển, năm chục ngàn đứa con gái ở sân vận động. Bảy giờ liền, chúng tôi diễu hành trước khán đài trung ương. Nhưng chúng tôi, đám trẻ của thành phố Kiel, là tập thể đẹp đẽ hơn cả, man dại hơn cả. Chúng tôi xắn tay áo, lật bít tất xuống, vì chúng tôi kiêu hãnh với bắp thịt đồng thau của mình. Chúng tôi bước qua khỏi khán đài với âm thanh rít cao của sáo, đúng lúc ấy một gã tùy tùng của thủ lĩnh chạy đuổi theo chúng tôi.

- Thủ lĩnh sai tôi đến hỏi xem các em là ai!

- Xin thưa với ngài rằng chúng tôi là Thanh niên Hitler của thành phố Kiel sẵn sàng phụng sự và chết!

Nói làm sao hết nỗi vui sướng, lòng thèm muốn hy sinh trong câu trả lời ấy!

Bốn tháng sau, Adolf Hitler trở thành thủ tướng Đức quốc xã.

* * *

NTVBTT. Sáng nay Blattchen đưa cho tôi xem một tờ thông tư xuất xứ từ việc *thanh tra tổng quát ở các trường chính trị quốc gia* và liên quan tới việc tuyển chọn những Thanh niên trong các thí sinh. “Khi tuyển chọn, một đoạn thông tư viết như vậy, cần xét tới sự chậm trễ trong tăng trưởng bình thường xảy ra đối với thiếu niên thuộc các chủng tộc đa Lich hoặc Bắc Âu, về phương diện thể chất cũng như tâm lý. Người phụ trách tuyển chọn không nên để mình bị chi phối bởi cái vẻ lơ đãng và mức độ thông minh ít lộ gây nên thiệt thòi đối với các cá thể ấy khi so sánh với đám thiếu niên miền đông vùng Bantique và thiếu niên vùng núi Alpes trạc cùng tuổi. Thực ra, một trí óc thông minh nhanh nhẩu và một năng khiếu đối đáp đích đáng (“thằng này quả mau miệng!”) thường thường là dấu vết của một sự tinh khôn trước tuổi vốn không ăn nhập với tính cách tinh túy của dân tộc Đức. Gần như bao giờ cũng vậy, một sự khảo sát kỹ lưỡng sẽ làm hiện lộ những đặc tính nhân loại học đi cùng một chiều với nhau”.

- Thừa ông Von Tiefauge, ông thấy không, Blattchen nói luôn, ta hết lòng ca ngợi con người nào thảo ra thông tư này vì sâu sắc và cam đảm. Anh có nhận thấy chẳng, mỗi một dân tộc, trước hết tự ban cho mình cái đức tính mà nó thiếu hơn cả? Tính lịch sự riêng biệt của người Pháp, chẳng hạn, thật sự che giấu cái gì, nếu chẳng phải là một sự thô bỉ khắc sâu vào xương tủy cứ chờ dịp là hiện ra ngoài, và đặc biệt là đối với phụ nữ? Cái ý thức về danh dự mà người Tây Ban Nha khư khư dành riêng cho mình thì lại do những chủng tộc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đi ngược lại vì họ có xu hướng mạnh mẽ thiên về sự phản trắc và thối nát. Còn cái đức tính lương thiện của người Thụy Sĩ - các nhà lãnh sự Thụy Sĩ giành nhiều thì giờ của mình để cứu các đồng bào gian giáo của mình ra khỏi nhà tù -, tính phớt tỉnh của người Anh - ôi! Những con người đầy lòng căm hận điên tiết và mù quáng -, tính sạch sẽ của người Hà Lan, ôi những bãi tập trung hôi hám của giống người này! - tính vui vẻ của người Ý... Ôi, ông cứ đi quan sát tận nơi, tự khắc ông sẽ thấy! Nước Đức không thoát khỏi quy luật ấy. Kể từ khi ông sống ở đây, chắc hẳn ông đã nhàm tai với cái tính duy lý, với cái năng khiếu tổ chức và lấy hiệu quả làm đầu của dân tộc Đức. Kỳ thật ông Von Tiefauge ạ, tâm hồn người Đức là một mớ hỗn mang mù tịt! Chẳng phải vì chậm khôn mà đưa trẻ bắc Âu trở thành nhạt nhòa và u mê. Có trường thành

đi nữa, nó cũng không bao giờ đạt tới sự sáng trí của dân Địa Trung Hải. Lý trí là điều phát minh của người Hy Lạp thời xưa, dân tộc một ngàn lần bị trộn lẫn với dân vùng núi Alpes bị dân vùng núi Balkan đồng hóa sâu đậm, cộng thêm vào đó là ảnh hưởng của dân miền đông Địa Trung Hải và Ai Cập, nói tóm lại là một hỗn hợp tạp nham của bao nhiêu căn bã của Âu Phi. *Cái thuần túy nó màu đục*, ông Tiefauge ạ, đó là chân lý mà ta phải có can đảm nhìn thẳng vào! Đứa trẻ Bắc Âu bề ngoài hoàn toàn có vẻ ngu ngơ, nhưng chính là vì nó trực tiếp giao kết với sự phát tiết thâm sâu của bao nhiêu nguồn sinh lực. Nó mơ màng lắng nghe tiếng vang vọng của tạng phủ dâng dậy từ *nguyên ủy* của con người mình, và nhắc chùng cho nó cách sống. Không ai cho bằng con người Đức có ý thức về nguồn cội tối tăm âm thầm kiến tạo nên căn nguyên của sự vật. *Cái bản năng uyên nguyên* ấy thường thường tạo cho nó thành một kẻ cục súc ở trạng thái ngủ yên, có thể loạn động vô cùng tẻ hại, nhưng đôi khi cũng phát sinh những sáng tạo không thể lường nổi!

* * *

NTVBTT. Dù học tiếng Đức tiến bộ nhiều, hiển nhiên tôi học quá trễ và không bao giờ nói được như tiếng Pháp. Tôi cũng chẳng lấy làm tiếc lắm. Cái khoảng cách - dù được thu ngắn lại - giữa ý tưởng và lời nói, mỗi khi tôi suy tư, nói thành lời hoặc mơ tưởng bằng Đức ngữ, bày ra nhiều lợi thế không thể nào chối cãi. Trước tiên, ngôn ngữ, phần nào vẫn đục, tạo nên một cái gì đó như thể là một vách ngăn giữa người khác với tôi, và cho tôi một sự tự tin bất ngờ và rất có lợi. Có những điều tôi nói bằng tiếng Pháp không được - chẳng hạn những lời nặng nề, những thú nhận -, và những lời này vượt ra khỏi miệng tôi không khó khăn gì cả, được bọc vào trong lớp tiếng Đức khô khốc. Sự thể này phụ thêm vào lối nói giản lược của tôi mà tôi buộc lòng vận dụng vì hiểu biết tiếng Đức còn thiếu sót, nó biến tôi thành một kẻ cục súc, thẳng thừng và bạo tợn hơn tên Tiefauge nói bằng tiếng Pháp. Một sự hóa thân vô cùng đáng quý... ít ra là đối với tôi.

Tiếng Đức không có đọc nối. Các chữ và luôn cả các âm tiết đặt kề cạnh nhau như các hòn cuội, không trộn các mút chữ của mình. Trong khi đó một sự mềm nhuyễn nó khiến cho câu tiếng Pháp đắm vào một chuỗi liên tục êm ái, nhưng điều này lại có nguy cơ chuyển thành một tình trạng thiếu rắn chắc bởi lẽ tiếng Đức được cấu tạo bằng những mẫu chắc chắn, như những

mẫu trong một trò chơi xây cất, cho nên nó chờ chực được xây cất đủ kiểu để hóa thành những chữ ghép mà ta giải mã được dễ dàng, trong khi đó những lối tạo từ như vậy trong tiếng Pháp sẽ biến ngay thành một mớ bùng nhùng vô dạng thù. Kết quả là câu tiếng Đức, nhanh nhẩu và hà khắc, lập tức trở thành lục cục và khua vang. Thích hợp với tượng hoặc là người máy. Con người Pháp, những sinh vật lờn nhờn và hâm hấp, thì thích câu nói nhẹ nhàng của vùng Ile-de-France.

Điều lạ lùng là cái giống phải mà tiếng Đức gán cho đồ vật và luôn cho cả con người. Cái giống trung hòa được thêm vào, đó là một sự hoàn thiện lợi hại, với điều kiện là phải biết dùng. Nếu không ta sẽ chứng kiến một sự tuôn trào đầy ý xấu muốn che đậy tất cả. Mặt trăng trở thành một vật thể giống đục, mặt trời là một vật thể giống cái. Cái chết là giống đục, sự sống là *giống trung hòa*. Cái ghé thành ra đục, không hiểu nổi, ngược lại con mèo thành ra cái, đúng với vẻ bề ngoài. Nhưng nghịch lý đạt đến cực điểm với từ phụ nữ được hóa thành giống trung hòa mà tiếng Đức cố tình nhấn mạnh (Weib, Madel, Madchen, Flaulein, Frauenzimmer).

* * *

Các thanh niên nhiều tuổi nhất là mười bảy và mười tám tuổi. Đứng cạnh những đứa trẻ thực thụ, sự hiện diện của mấy đứa tráng niên này và của loại người lớn còn non tuổi này làm cho Tiffauges xôn xang vì anh một mực đòi hỏi sự tươi trẻ. Tình trạng này lan tỏa trong nhà ăn, trong các nhà ngủ và toàn bộ cơ sở, tạo ra một mùi vị đàn ông và lính tráng mà anh không thích và dựng nên một bờ rào cách ngăn đáng tiếc giữa Kaltenborn với anh. Một trở lực đi ngược lại với thiên chức của anh như thể sớm muộn gì cũng phải được cất bỏ. Số lượng khí giới do vị tổng trấn hứa cấp sẽ giúp huấn luyện tại chỗ các lứa nào được gọi nhập ngũ. Đó là mối hy vọng của vị chỉ huy tình báo đang ước mong thành lập ở Kaltenborn một đạo quân toàn lính trẻ được trang bị và tập luyện. Những việc tòng quân chậm trễ dù ông liên tiếp đề đạt. Ngày 1 tháng ba, điều không thể tránh đã xảy ra. Hai đạo đàn anh - mười sáu mười bảy tuổi - được thanh toán do lệnh nhập ngũ tức tốc. Bọn lớn tuổi ra nhập quân lực, bọn nhỏ hơn vào một trại đào tạo cấp tốc. Mười ba hạ sỹ quan đặc nhiệm S.S được chỉ định kèm cặp cũng rời trường chính trị quốc gia.

* * *

NTVBTT. Bọn lớn sửa soạn được chuyên đến bãi chém giết vào tuần sau hiện đang tập luyện ở bãi đất chuối. Chúng mang ủng, chèn bằng quần cộc, nhưng mình trần trong không khí cắt da buổi sáng sớm. Vị chỉ huy tình báo vốn chủ trương kết hợp khổ luyện với sự nhịp nhàng chung đã bày ra trò múa may với cây gỗ. Mỗi cây dài mười thước do một đội mười hai người khiêng. Mỗi đội đưa lên hạ xuống cây gỗ, chuyển vai này sang vai kia, tung lên trời, mới đầu tung thẳng lên, tiếp theo là tung sang phải, và đội đứng gần bên phải đỡ lấy. Hụt tay thì ở đâu đó có thể bị đập đầu, té tai hoặc gãy vai và nếu lỡ như vậy, đối với ban chỉ huy, cũng tốt thôi.

Bọn trai tráng này từ mười lăm đến hai mươi tám tuổi, và dấu dao cạo hầy rành rành trên hầu hết cằm má của chúng. Nhưng phải thật thà nhìn nhận rằng mình mấy chúng nó đều trẻ trung khiến ta xúc cảm và được đề cao nhờ nét thô của dây thắt lưng, quần dài và ủng. Không một sợi lông trên bộ ngực trắng và đa số phần nách cũng nhẵn nhụi. Và sợi dây chuyền đính thêm huy chương phụ thêm một nét trẻ con ở phần cổ bung ra sữa của chúng nó vốn mời gọi môi hôn của mẹ hơn là mũi kiếm của gã Cô Dắc.

Một cánh tay hai mươi tuổi, về phương tiện da thịt, có thể là tương đương với một cẳng chân mười hai tuổi, nhưng ta không nên nhầm lẫn. Phía dưới thắt lưng, không còn sự trong trắng của đứa trẻ, chỉ toàn màu đen và nam tính cầu trệ...

* * *

Một thời gian ngắn sau cái buổi rút bớt người mà lại trao trả cho Kaltenborn cái chất “trong trắng trẻ thơ”, nhưng làm giảm sút hết phân nửa quân số và làm xộc xệch tổ chức, vị chỉ huy Stefan triệu tập một hội đồng chiến tranh có Tiffauges tham dự, ngồi lẩn núp đằng sau ông Blattchen, cùng với các thành viên đặc nhiệm S.S và các giáo sư dân sự còn lại. Sự ra đi của các hạ sĩ quan sẽ được bù đắp bằng các học sinh tham gia nhiều hơn vào đời sống vật chất của cơ sở, vị chỉ huy giải thích như vậy. Nhiều kíp luân phiên phục vụ tại nhà bếp, nhà giặt, chuồng ngựa và sẽ thiết lập dây chuyền làm việc để đảm bảo các tạp dịch lấy củi và lương thực. Nghiêm trọng hơn là vấn đề tuyển sinh, Kaltenborn phải giữ vị trí trường chính trị

quốc gia loại một do số lượng các lựu sinh và không được phép sao lãng nhiệm vụ vì những khó khăn do chiến tranh gây ra. Tất nhiên nguyên tắc muốn rằng trong mỗi một trường chính trị quốc gia phải có các thiếu niên gốc gác từ các tỉnh của đất nước và phải tránh tuyển sinh nặng chất địa phương. Nhưng tình hình bó buộc những giải pháp khẩn cấp. Vì thế những vị chỉ huy tình báo yêu cầu những người có trách nhiệm đích thân sục sạo trong khu vực để tìm ra các thiếu niên xứng đáng lấp đầy các khoảng trống do hai đạo nhập ngũ để lại. Ông sẽ cùng với giáo sư tiến sỹ Blattchen phụ trách thi cử cho các thí sinh tuyển mộ.

Tiffauges ít quan tâm đến các thứ loại và nhiệm vụ của trường chính trị quốc gia. Nhưng nếu như anh có hưởng ứng sự loại trừ các thành phần lớn tuổi, loại ít trẻ trung hơn cả và nghĩa là loại ít gây niềm cảm mến nơi anh, thì anh lại cảm nhận ra một sự *lông lẻo* không chối cãi được trong bầu không khí của Kaltenborn đã mất đi cái sung mãn rầm rộ và đặc quánh của nó. Bởi thế anh nhiệt tâm ước mong rằng ngôi trường bổ sung lại quân số của nó, nhưng vẫn không trông đợi điều tốt đẹp từ lời kêu gọi của vị chỉ huy. Thật tình mà nói, anh hiểu rằng lời kêu gọi ấy nhắm vào anh vượt lên trên đám người phàm phu và vô ý thức này – có lẽ ngoại trừ Blattchen hiểu biết một đôi phần, nhưng cách của ông này xem ra tà vạy lắm! – và anh hiểu rằng chắc chắn sẽ đến lúc định mệnh cuốn phăng bọn cặn bã này đi và đặt lại vào tay anh những chiếc chìa khóa của vương quốc sinh ra dành cho anh.

* * *

NTVBTT. Chuyện phải xảy đến thôi: Sự ra đi của mười gã hạ sĩ quan cùng với việc bọn trẻ tham gia vào hoạt động vật chất của trường chính trị quốc gia đã gieo một sự xáo trộn không thể vãn hồi trong cái guồng máy chạy tròn mà tất cả chúng tôi đang bị giam cầm. Ngoại trừ một số tiêu mốc nổi lên ở bề mặt – điếm danh, chào cờ và lễ lạc khác – cái thời khóa biểu vốn rất nhịp nhàng của trường chính trị quốc gia nay bị rã rời và kỷ luật bị xé rào. Đối với tôi sự giải phóng này không tách rời khỏi tiết mùa xuân đang được loài chim sâu khản cổ chào đón và đang làm róc rách mấy con suối ảm tang dưới lớp tuyết đông đặc. Đầu năm không phải là ngày 1 tháng một, mà là ngày 21 tháng ba. Con người ta điên dại gì đem tách cuốn lịch

của mình ra khỏi chiếc đồng hồ vĩ đại của vũ trụ điều tiết các mùa tuần hoàn?

Tất nhiên tôi chẳng rõ năm này đang khởi đầu sẽ đưa tôi đi đến đâu. Nhưng cái ông Blattchen này – tiết ra toàn tội ác – hé lộ cho tôi thấy có thể sẽ có một sự phát hiện vĩ đại và náo long: biết đâu tất cả, tuyệt đối tất cả những gì ở đây đang đáp ứng – hay có vẻ như là đáp ứng – mọi khao khát và hoài bão của tôi, suy cho cùng là chẳng phải là sự *đảo lộn ác nghiệt* của chính những khát khao hoài vọng ấy?

Ha, ha, ha! Thế mà trích lời của thánh Pavlov nữa chứ! Anh chàng Freud Do Thái chủ trương mọi việc đều tất định trong đời sống do những may mắn và rủi ro của những năm đầu đời, anh chàng cùng bước theo con đường này, tuy có tinh tế hơn. Đó là một nền triết lý của lũ con rơi, lũ du canh du cư, không truyền thống, không chủng tộc, bọn thị dân nhiều cha nhiều mẹ không gốc rễ. Chủ nghĩa Hitler cắm sâu vào lòng đất già năm của nước Đức, học thuyết của người làm nghề nông và bám đất, học thuyết này đảo lộn các hạn từ của luận thuyết kia. Đối với chúng tôi, mọi thứ đều nằm trong hành trang truyền thống, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, theo các quy luật quen biết và không lay chuyển nổi. Dòng máu xấu thì không thể nào cải thiện hay dạy dỗ được, cách giải quyết duy nhất biện minh được là sự hủy diệt thẳng thừng mà thôi.

“Ông nên ghi nhận rằng cái triết lý quý tộc của thời phong kiến tạo sẵn những mô thức cho suy nghĩ. Đối với hàng quý tộc, con người “sinh ra có dòng dõi”, hoặc chẳng đáng gọi là “sinh ra”, và chẳng có công trạng gì khiến người ta bỏ qua cái gốc dân dã cho người da đen. Và dòng họ càng xưa càng có giá. Tôi nhận ra rõ ràng trong những con người như bá tước Von Kaltenborn những kẻ tiên phong của chủ trương phân biệt chủng tộc. Nhưng họ không biết cách tiến hóa. Bộ môn sinh học nên tiếp nối cương lĩnh Gotha của đảng dân xã. Những tước hiệu phải nhường chỗ cho các sắc thể sinh học. Ông Tiefauge ạ, huyết phô là thần linh ám ảnh chúng tôi! Thay vào các hiệu kỳ của quý tộc thời xưa, chúng tôi để các bộ phận nội tạng đầy máu, đầy sức sống, còn phật phồng, là những gì thắm sâu cốt thiết nhất của chúng tôi! Cũng vì thế mà chúng tôi chẳng sợ đổ máu. Ông hiểu chứ: *Máu và đất*. Hai thứ nương giữ nhau. Máu từ đất ra và trở về đất. Đất phải được tưới máu, đất gọi máu, đất cần máu. Máu ban phước cho đất và bón đất!”

Nhưng còn tôi, khi nghe tràng diễn thuyết lung tung đó, tôi sực nhớ mình thuộc dòng Abel, tên du mục, tên không có gốc rễ, và tôi nhớ Chúa có nói với Cain: “Máu của em trai ngươi kêu ráo từ dưới đất lên tới tai ta. Giờ đây ngươi sẽ bị nguyên rủa do mặt đất đã há mồm ra hứng máu em ngươi từ bàn tay của ngươi”.

Đêm vừa xuống, hết thảy Thanh niên tập họp lại trên sân đất chuôi và xếp hàng san sát, để dành chỗ cho một ô vuông trống trơn về phía pháo đài. Ở đây, có một chiếc bục thấp, hai bên có các ngọn đèn dầu và cờ phướn, bục này dùng làm chiếc án sắp sửa dùng làm lễ. Một bên là đội trống với những chiếc trống to của các loại lính thuê mướn ngày xưa, màu vân đen trắng, tựa lên đùi chân trái, phía bên kia là đội kèn, loa kèn đồng áp lên hông, đợi chờ lặng lẽ. Kèn bỗng nghe the thé chua chát. Trống rùng rùng dâng dậy giữa đêm thành từng đợt nối tiếp nhau, đe dọa và gặm gặm rồi tan biến, như mất hút vào xa xăm. Một câu chuyện phản trắc và chết chóc được xướng lên bằng lời thơ kết tội do những giọng người lạc lõng và xóc nổi.

- Và giờ đây kèn đồng im tiếng, và bao nhiêu người xếp thành hàng vô tận thành kính mặc niệm, và các lá cờ chậm chậm rũ ngọn trước anh linh của những người chết vì tổ quốc.

- Giờ phút này, chúng ta tưởng nhớ quân nhân đầu tiên của Đức quốc xã, Abert Leo Schlageter.

- Schlageter xuất thân từ một dòng dõi lâu đời làm nông dân vùng Schonau, miền Nam của Rừng Đen. Thi thể của người an nghỉ ở đó. Tình nguyện nhập ngũ và là thương binh nhiều bận trong chiến tranh, anh tham gia vào đoàn tuân tự nguyện của vùng Baltique và vào các lính biên phòng vùng thượng Selessie sau điều khoản Versailles.

- Nhưng phía Tây, đông nổi dậy và sét đánh xuống người chiến binh gương mẫu ấy. Các toán quân Pháp vì phạm luật lệ và hòa bình, xâm chiếm vùng Ruhr. Kháng chiến hùng hực tứ phía. Schlageter chiến đấu ở tuyến đầu. Cùng với đồng bạn, bằng những hành động đảm lược, anh làm tê liệt những đường truyền tin và viện binh của kẻ thù.

- Vì phản trắc, anh rơi vào tay quân Pháp!

- Thanh niên chúng tôi vốn yêu nước Đức, chúng tôi ghi lên ngọn cờ chữ Chiến đấu! Và những gì là hèn nhát và yếu ớt đều phải tự rụi! Luật pháp của chúng tôi phát tiết từ máu và đất. Ngọn lửa trong sáng sẽ vùi những con người nửa vờ! Ta hãy bẻ gãy tất cả những gì thối nát và sâu mọt! Hãy giải phóng Tổ quốc ra khỏi nô lệ! Hãy đúc rèn nước Đức. Thanh niên chúng tôi vốn yêu nước Đức, chúng tôi đề lên ngọn cờ chữ Chiến đấu!

- Schlageter không một phút do dự khi vang lên tiếng gọi của dân tộc lâm nguy. Anh là trung úy ở tiền tuyến, trưởng đội pháo của các tỉnh vùng Baltique, người đi đầu trong lý tưởng quốc xã, lãnh đạo kháng chiến ở vùng Ruhf- luôn luôn sẵn sàng hy sinh cao cả,

Người thấy chằng bình minh ửng hồng ở phương Đông?

Đó là mặt trời của tự do đang mọc.

Chúng ta sát cánh bên nhau, cùng sống và cùng chết

Nghi ngại gì nữa? Ta hãy chấm dứt bất hòa.

Dòng máu Đức đang cháy chuyển trong huyết quản ta.

Dân tộc hãy cầm khí giới.

- Schlageter ra trước tòa án binh vì tội toan giật nổ chiếc cầu Haarbach ở Kalkum, Giữa Dusseldorf với Duisbourg. Sau khi chiếm lấy vùng Ruhr, ngày 11 tháng một, đạo quân xâm chiếm đã trưng dụng hết thủy tàu lửa, cốt để chở than đánh cắp. Schlageter quyết tâm ngăn cản vụ cướp của này bằng cách phá đường sắt. Ngày 26 tháng hai, viên tướng lãnh quân đội Pháp của vùng Ruhf ra lệnh tử hình đối với kẻ nào phá hoại. Schlageter bị xử bắn.

- Rạng ngày 26 tháng năm 1923, một lực lượng áp giải lôi anh đi đến một hầm đá ở trảng Golzheim, nơi đây ngày nay còn dựng cây thánh giá mang tên anh. Chúng nó trói tay anh sau lưng. Đánh anh buộc quỳ xuống.

Nhưng khi anh còn lại một mình đối diện với các họng súng, lời thốt không bao giờ của một Andreas Hofer vang lên trong trí anh. Anh muốn chết đứng giống như đã chiến đấu. Anh uốn thẳng người. Tròng súng kết liễu vang lên trong im lặng của bình minh. Một lần cuối thân thể rướn vọt lên, rồi ngã úp xuống mặt đất.

- Nơi đây ngã xuống trên đá kẻ đã từng giống như chúng ta Mặt trời đã tắt, và nỗi buồn làm chúng ta tan nát trước thi hài của bao nhiêu hy vọng của chúng ta.

Lạy chúa, các nẻo đường của Chúa không rõ! Kẻ ấy là một kẻ kiêu hùng. Cờ của chúng ta mang băng tang, nhưng anh ấy, tràn đầy chiến công, đã về với tổ tiên. Chúng ta đoàn kết với người khuất mặt này. Ý người là ý ta, phận người là phận ta. Dẫu mất người, người vẫn là bất tử đối với tổ quốc, và từ mộ sâu, giọng người lên tiếng: Có ta đây!

Sự lừa trẻ do các cán bộ của Kaltenborn chủ trương chỉ đưa đến những kết quả thảm hại. Bọn họ là những người quá mệt mỏi, còn rơi rớt lại từ những chuyến tái nhập ngũ khiến họ sống một cách tạm bợ, chẳng có một ý nguyện đèo bồng nào, họ chẳng ưu tư gì bao nhiêu đến việc tuyên mộ cho một cơ chế mà sớm muộn gì họ cũng từ giã, và cơ chế này sẽ phải tàn lụi theo lời họ rỉ tai nhau. Raufeisen vẫn còn tin tưởng cuồng nhiệt, cho nên lên tiếng rửa tình trạng bất cập này, trong khi Blattchen phàn nàn về sự kém cỏi trên bình diện nhân loại học của những đối tượng ít ỏi mà người ta đưa đến cho ông.

Ngày hôm ấy, Tiffauges đi Nikolaiiken đóng đinh ngựa mồi cho con Râu Xanh trở về. Mùa xuân phần nào muộn màng của năm nay nở rộ tươi vui khiến cho anh không khỏi tin rằng có một biến cố run rủi nào đó đang chuẩn bị xảy đến với anh. Con ngựa nòi, kiêu hãnh vì mấy chiếc đinh lóe sáng, thả vó lóc cóc trên con đường đá cứng, và Tiffauges hồi tưởng, một môi hồi tưởng thường chen nhẹ vào các đoạn đời buồn bã nhất và ác liệt nhất của thời gian qua, anh hồi tưởng đến đôi giày lính đóng đinh cá và xẹt lửa của thằng Pelsenaire. Anh cũng liên tưởng tới chiếc xe đạp Alcyon đẹp đẽ của thằng Nestor mà khi gọi nhớ anh không khỏi lấy làm đắc chí, đúng

lúc này anh vừa đi tới bờ hồ Lucanain, cách Kaltenborn một giờ đường, và vừa vận nom thấy sáu chiếc xe đạp tựa vào các cây bên hồ. Đây là những chiếc xe Đức nặng nề có tay lái chống lên như sừng bò, với cái phanh chân và một chiếc bơm có lỗ có phần trên bằng gỗ và dính vào khung xe. Qua lớp cành cây, dội lại ánh nước phản chiếu cùng với tiếng cười nói và tiếng bì bõm.

Anh xuống ngựa, thả con Râu Xanh trong một cánh đồng nhỏ nở hoa, và hai phút sau, anh nhảy xuống làn nước nước trong mát đang lờ chớp ánh sáng và những gợn sóng linh động. Anh đã tính toán cái đà của mình để nhô lên giữa đám trẻ con. Cả bọn cười reo đón anh. Chúng nó từ Marienburg đến đây, cách đây ba trăm cây số, và thừa dịp nghỉ lễ Giáng làm để phóng xe băng rừng băng hồ vùng Mazuire. Tiffauges chuyện trò với chúng nó về Kaltenborn, về cô thành với các gian phòng tập thể dục, các quày bắn súng, ngựa, tàu, khí giới, về đời sống hào hứng của đoàn thanh niên, và mời chúng nó đến ăn tối và ở lại đêm với mấy trăm bạn cùng trang lứa.

Khi Raufeisen nghe tới cái tên Marienburg, ông thót người khoái trá hãnh diện. Đó là kinh đô lịch sử và tinh thần của các hiệp sĩ Đức thời cổ, và lâu đài tại đây được gìn giữ đẹp đẽ hẳn nhiên là tuyệt tác kiến trúc ngạo nghễ hơn cả của miền Đông Phổ. Nơi đây, ở đại sảnh hiệp sĩ, hàng năm, ngày 19 tháng tư, Baldur Von Schirach dùng mi-crô nói với thiếu niên Đức mười tuổi lời nói công thức trói buộc chúng nó suốt đời với vị Thủ lãnh. Blattchen không ngăn nổi tiếng reo mừng khi thấy đám trẻ mới đến. Ông chưa hề được mục kích gần gần đến thế này những mẫu người thuần khiết thuộc chủng loại Borreby miền đông Baltique, mà Hindenburg vẫn là mẫu người danh tiếng hơn cả. Có trao đi gửi lại điện thoại và thư từ với gia đình mấy đứa trẻ và với chính quyền địa phương của chúng nó. Thế là chúng không bao giờ về lại Marienburg nữa.

Tiếp theo cái mẻ lưới tài tình ấy, vị chỉ huy tình báo mời Tiffauges lên gặp. Ông thừa nhận từ trước đến nay đánh giá thấp tài năng của anh thanh niên người Pháp. Anh này vừa chứng tỏ mình có thể đem về cho Kaltenborn những thứ giá trị hơn là phó mát và đậu. Tất nhiên vị chỉ huy tình báo không thể nào ban cho anh một cái quyền nào chính thức, nhưng ông giao cho anh nhiệm vụ lục lạo khắp vùng tìm kiếm chiêu mộ bọn thiếu

niên xứng đánh với trường chính trị quốc gia. Ông gửi thông tư báo trước cấp lãnh đạo các xã Johannsburg, Lyck, Lotzen, Senburg và Ortelsburg, và các xã ở xa hơn nếu cần. Tiffauges chỉ có trách nhiệm trước vị chỉ huy tình báo này, vị này sẽ căn cứ trên kết quả mà liệu việc.

Blattchen không kịp khen vị phụ tá của mình được thăng tiến như thế. Trong thời gian gần đây, người ta đề cập đến một chương trình rộng lớn được gọi bằng một cái tên mật mã là *Hành quân cắt ra* do sáng kiến của chính vị thủ lĩnh lực lượng đặc nhiệm S.S. Đây là công việc chọn lựa và đưa sang Đức, trong những ngôi làng riêng biệt bố trí nhằm mục tiêu này, từ bốn mươi ngàn đến năm mươi ngàn trẻ con vùng Ruthénie da trắng tuổi từ mười đến mười bốn có nguyên quán là những vùng chiếm đóng do Sư đoàn Trung tâm. Một lần nữa, vị bộ trưởng Vùng đất chiếm đóng phía Đông là Alfred Rosenberg hoàn toàn không thông cảm với những người chủ trương cuộc hành quân thuần túy có tính cách riêng của đơn vị S.S, cho rằng trẻ con nhỏ tuổi như vậy sẽ là một gánh nặng đối với quốc gia hơn là một sự đóng góp tích cực về nhân công, và đề nghị nên lấy đám trẻ con từ mười lăm đến mười bảy tuổi. Các gã đặc nhiệm của Himmler đã hoài công giải thích mãi với ông này rằng đây không phải là một sự thuyên chuyển lao động một cách thô sơ, mà là một sự chuyển dịch công phu trong nội tạng sinh học của hai cộng đồng và nhằm làm suy yếu một cách rất ráo mọi sinh lực của dân tộc Slaye. Vấn đề cần thiết là đành phải hoạt động thoát ra ngoài vòng Bộ ngành miền Đông.

Đến đây người ta nhớ lại trường hợp Otto Blattchen với công trạng hiển hách của ông trong vụ một trăm năm mươi nhân mạng người Bô-sê-vích gốc Do Thái. Hiển nhiên vốn hiểu biết của ông về ranh giới Nga và Ba Lan đã nổi tiếng thời buổi ấy.

Ngày 16 tháng sáu, ông từ biệt vị Chỉ huy cùng vị chỉ huy tình báo, và sau khi dọn dẹp mấy con cá thía vào các bình niêm phong, ông bỏ đi, miệng thì rửa vào mớ hành lý ít ỏi của mình mà chiếc xe Opel tồi tàn được phái tới giúp ông phương tiện chuyên chở đi. Hai hôm sau, vị chỉ huy tình báo cho phép Tiffauges dọn đến ở trong ba gian của *Trung tâm chủng tộc*.

Trở nên chủ nhân ở nơi này, một mình trong “phòng thí nghiệm”, lọt vào giữa mớ máy móc nhân loại học hỗn độn do vị giáo sư tiến sĩ bỏ lại,

anh phá lên cười ngật nghễ, vừa có cảm giác đắc thắng, vừa nhói lòng hồi hộp đứng trước một trò đời mới mẻ của định mệnh.

NTVBTT. Tối hôm nay các đội lạng lẽ tản mát ra trong bóng tối âm hấp hương thơm để đốt đuốc ngày hạ chí ở vùng quanh hồ, trên bờ hồ Spirding, bên kia hồ Tirklo, khắp các nơi nhìn xuống thấy đuốc của các đội khác và các đội khác trông thấy mình.

Buồn âm thầm cho ngày lễ mặt trời như thế này. Mùa hè chớm nở, vừa mới ăn mừng xuất hiện thì nó đã bắt đầu đi xuống, tất nhiên không phải dễ thấy, nhưng đi xuống ri rí một hai phút mỗi ngày. Cũng giống như thế, đứa bé, ở chót vót tuổi hoa niên, đã bắt đầu mang lấy mầm sống bại hoại. Và trái ngược lại, lễ Giáng Sinh, vào tận cùng cuối năm, lại ăn mừng sự huyền bí hoan lạc của đảng Hải đồng tái sinh vào tiết tối tăm hơn cả và âm thấp hơn cả của mùa đông.

Đám Thanh niên bao quanh giàn củi xếp thành hình vuông mở ra một mặt để giá cuốn khói và lửa đi. Đứa trẻ nhất đám tách hàng bước về phía giàn củi. Nó cầm trên tay một đốm lửa lắt lay nhẹ nhàng như cánh bướm sáng, có vẻ khác thường đến độ tất cả chúng tôi e ngại đốm lửa sẽ tắt ngấm trước khi hoàn thành nhiệm vụ châm ngòi. Lửa quả nhiên biến đâu mất khi đứa bé quỳ gối xuống giàn thân cây nhựa thơm tua tủa nhiều cành lá. Nó vụt nhảy lùi khi ngọn lửa bùng lên lách tách dữ dội. Mấy giọng trong treo cất lên trong bóng đêm thỉnh thoảng xẹt sáng:

Dân đến với dân, như lửa đến với lửa!

Lên đến tận trời, hỡi ánh hồng thiêng,

Hãy reo vang chuyển cảnh trên hàng cây!

Đám trẻ tan hàng và mỗi đứa tiến lại giàn lửa thấp đuốc. Hàng ngũ hình vuông tái lập, và lần này bập bùng ánh lửa.

Trong bóng tối đằng xa nhóm lên các đốm lửa của các đạo khác được chào đón bằng một giọng người nhỏ tiếng:

Ai ơi nhìn xem mặt trời giải thoát chúng ta ra khỏi bóng đêm. Xa xa rạng đông của thời kỳ rực rỡ đã ửng hồng. Tương lai mở cửa chào đón những ai có con tim nồng nàn với tổ quốc. Ai ơi nhìn xem những đốm sáng làm mặt đất hãy còn tối tăm sống dậy. Miền đất Mazurie cố kính đau thương đáp lời kêu gọi của chúng ta và bùng lên hàng ngàn ánh lửa anh em. Lửa mở đường và khơi ngòi cho ngày chói lọi nhất trong năm.

Ba Thanh niên đội vành lá sồi tiến lên đám lửa:

- *Xin dâng vòng hoa tưởng niệm anh hùng liệt sĩ.*

- *Xin quàng vòng hoa cho cách mạng quốc xã.*

- *Xin tặng vòng hoa cho những gương hy sinh mai sau mà thanh niên Đức sẽ hăng hái vui lòng dành cho tổ quốc.*

Đám đông đồng thanh đáp lại:

- *Thanh niên là lửa là củi. Thanh niên là lửa đám lửa ngọn. Thanh niên là ánh sáng là hơi ấm đẩy lùi bóng tối, khí lạnh, hơi ẩm.*

Trong khi cả tòa thân cây hùng hực đổ ào giữa những vòi lửa cuộn cuộn, cả khối hình vuông máy động. Đám Thanh niên chuyển động thành vòng tròn, và từng cá nhân lần lượt rướn người nhảy qua lửa.

Phen này chẳng cần phải minh giải, chẳng cần đến một bộ khung giải đáp. Buổi lễ này quyết tâm trộn lẫn vào nhau những hình ảnh tương lai và cái chết, và đẩy đám trẻ đưa này đến đưa kia vào miệng lửa, rõ ràng đó là sự kêu gọi và dâng hiến một cách quái đản cái hình ảnh tàn sát bao kẻ vô tội mà chúng ta vừa ca hát vừa hướng tới.

Kể từ nay, người ta nom thấy Tiffauges ngồi trên con ngựa đen to lớn dong ruổi miền Mazurie từ thượng vùng Konigshohe phía Tây cho đến vùng đầm lầy Lyck phía Đông, thẳng đường tiến xuống phía Nam đến tận biên giới Ba Lan. Mang sẵn mấy lá thư giới thiệu vào lực lượng Kaltenborn, anh dấn thân vào các tòa đô chính, khảo sát các trường làng, chuyện trò với các giáo viên, ngắm nghía đám trẻ, và chuyên thị sát kết thúc bằng cuộc thăm viếng các bố mẹ mà anh vừa hứa hẹn lớn lối vừa răn đe bóng bẩy để thuyết phục học cho con cái vào trường chính trị quốc gia. Rồi anh phi trở về Kaltenborn và báo cáo với Raufeisen để những quyết định của mình được chuẩn y và trở thành khả thi. Nhưng anh cũng vấp phải vài lực đối kháng ít nhiều lộ rõ và luôn luôn khó vượt qua trong cái xứ sở ám bóng thất trận này, và lắm khi chính bọn thiếu niên được anh đánh giá cao hơn cả vì lẽ này hay lẽ khác lại tỏ ra là loại con mồi khó khuất phục hơn cả.

Chính anh đã truy ra ở tận cuối cùng về Baldahn kéo dài thành một mũi đất hẹp, xanh, ngoằn ngoèo ăn sâu vào dải cát Johannisburg, có một cặp sinh đôi có cha mẹ sống nghèo khổ trong một chòi thợ chài. Lâu nay anh vẫn bị thu hút vào cái tính chất song sinh có vẻ chất chứa một sức sống ở tầng sâu, nơi đây nhục thể đè nặng lên linh hồn và bắt linh hồn phục tùng theo những bốc đồng của nhục thể. Cái bốc đồng từ bản chất này nó bộc lộ một cách vô tình hay hữu ý cho một kẻ khác thấy mọi bí ẩn sâu kín của mình vừa biến kẻ ấy thành *cái tôi thứ hai*. Thêm vào đó, Haiio và Haro là hai đứa tóc màu hung trông giống một cặp chồn con, chúng nó trắng như sữa và óng ả như dính bụi cám. Một hôm trông thấy chúng bút hoa lau bên hồ, anh liền tưởng ngay đến cái lý thuyết nhập nhằng mà Blattchen có nói với anh – để rồi anh ùng ùng sỗ toẹt – cái lý thuyết quan niệm chỉ có hai chủng loại người, là chủng loại tóc hung riêng biệt từ căn bản là tế bào, và toàn bộ chủng loại tóc vàng và nâu đậm nhạt vô cùng khác nhau từ một sắc tố chung.

Sự thu nhận đôi trẻ này bất ngờ vấp phải thái độ chống đối thụ động gần như không lay chuyển nôi từ phía bố mẹ chúng. Sau một hồi lâu vờ vĩnh không hiểu tiếng Đức – họ nói qua nói lại với nhau bằng một phương ngữ Slave -, đối với những lời dẫn giải của Tiffauges, họ khăng khăng không chịu hiểu như những kẻ mắc bệnh thần kinh, họ lặp đi lặp lại một điệu rằng trẻ con mười hai tuổi còn nhỏ quá đi lính làm sao được. Tiffauges hoài công rảo khắp các làng mạc quanh vùng. Ở tòa đô chính nào cũng vậy, không

mấy sốt sắng lao vào một công cuộc chẳng sáng sủa lắm, người ta vẫn không chịu nhìn nhận vùng hồ thuộc quyền điều động của làng. Vậy cho nên buộc lòng ông Raufeisen, vốn đã được chàng thanh niên người Pháp kích động, phải mời ban lãnh đạo xã Johannisburg can thiệp, và cuối cùng ông hương trưởng phải đích thân đưa cặp song sinh đến Kaltenborn.

NTVBTT. Tôi nhận điện thoại báo cho biết đôi song sinh đã được tiếp nhận hoàn tất. Một chiếc xe của lãnh đạo Johannesburg chở chúng nó đến Kaltenborn. Một giờ đồng hồ nữa chúng nó có mặt.

Lập tức một tình trạng lật bật quen thuộc xâm chiếm lấy tôi. Tức là một sự run rẩy giậm giật tỏa ra châu thân mà bộ phận chính máy động là quái hàm của tôi. Tôi cố hết sức chống chọi lại tình trạng máy giật này đang bắt tôi đánh răng cầm cạo và rỉ nước miếng ra trong miệng. Tôi chống chọi vì bản năng, nhưng rồi tôi cũng phó mặc cho cả một nguồn cơn dật lạc tưởng tượng ra trước. Tôi cũng tự hỏi xem thứ tôi chờ đợi con mồi như thế này, nó hãy còn hoàn toàn chưa xuất hiện nhưng đã được hứa hẹn không chối chạy, sự chờ đợi này chẳng phải là những gì hay đẹp nhất mà đời sống dành cho tôi hay sao.

Chúng nó đây rồi. Chiếc xe Mercedes nặng nề của lãnh đạo xả chạy tròn trong sân và dừng lại trước cửa. Hai đứa sinh đôi bước ra đưa trước đưa sau, giống nhau như hệt tưởng chừng như cùng một đứa hai lần khom lưng nhảy xuống vỉa hè. Nhưng rõ ràng là cả đôi có mặt đầy, đứng cạnh nhau, bó người giống nhau trong chiếc quần cộc bằng nhung đen và chiếc sơ mi nâu có dây đeo grom chéo vai của bộ đồng phục thanh niên Hitler H.J. đang làm bật rõ màu tóc hung da trắng của chúng nó.

Mấy tuần nay tôi tự đặt ra cho mình những câu hỏi về cái lực hấp dẫn mạnh mẽ tác động trên con người tôi, không hẳn là do đôi trẻ đặc biệt kia mà đúng hơn là do hiện tượng song sinh nói chung. Đây có lẽ chỉ là một sự ứng dụng ưu việt của quy luật theo đó con số bốn trăm thiếu niên của Kaltenborn hợp thành một khối học sinh có tỷ trọng lớn hơn hẳn cái tỷ trọng từ ngàn ấy cá tính cộng vào với nhau. Là vì thật quả bao nhiêu cá tính đa tạp và mâu thuẫn nhau triệt tiêu nhau hồ hết, và chỉ còn lại đám đông bóc trần và nhung nhúc. Cái cá tính vốn là tinh thần cho nên thấm nhuần nhục thể, khiến cho nhục thể trở thành xốp, nhẹ, phập phồng, giống như chất men hà hồn vào chất bột. Cái cá tính đẹp bỏ đi, là lập tức cái khối thịt tìm lại được nguyên chất bẩm sinh và trọng lượng thô sơ của nó.

Trường hợp song sinh tiến xa hơn trong tiến trình giải thoát nhục thể ra khỏi tinh thần. Ở đây không còn là vấn đề xáo xáo mâu thuẫn dẫn đến phân tinh thần trừ khử lẫn nhau. Trong thực tế, hai thân thể này cùng nuôi một ý

niệm duy nhất để ăn mặc thông minh, để chung một tinh thần thấm nhuần vào với nhau. Như thế chúng nó phát tiết lộ lộ tự nhiên, phô bày da thịt mỡ màng, tơ mịn hồng hào, thớ thịt cuộn cuộn hoặc béo bở hơ hớ của sinh vật *không gì có thể hơn nổi*. Bởi lẽ sự trần trụi này không phải là một tình trạng, mà là một khối lượng, và vì là khối lượng nên nó vô cùng về mặt quyền hạn nhưng về mặt thực tế thì giới hạn.

Việc kiểm tra đôi song sinh tiến hành ngay tại phòng thí nghiệm đã minh xác những quan điểm vừa nói. Hai người thuộc loại máu lạnh, thờ nghe tiếng, chậm, khá béo. Sọ tròn (90,5), mặt rộng, gò má nhô, tai thú, mũi dẹt, răng thưa, mắt màu lục hơi xêch. Tóm lại là mặt khá *thô*, vừa ngái ngủ và xảo quyệt, biểu lộ một bộ óc thông minh sơ sài, bị chế ngự vì một đời sống bản năng cao độ. Thân xác trụ vững trên một thể quân bình không lay chuyển nổi. Vai xuôi, ngực nở không thành đường nét, rõ ràng là mập mỡ hơn là cơ bắp. Úc hở rộng thành một mảng đầy kết thúc bằng hình cung nhọn ở bên và đường luống ở bụng dưới, kết lại ở đáy bằng một hình hoa huệ chúc ngược là dương vật. Giữa hai đường cung đối xứng ấy, ba tầng bắp thịt bụng lại nổi lên rõ nét trên một cơ thể bị lấp kín ở các vùng khác. Phía dưới phần gáy chành bạnh là tám lưng đầy đặn, đúc dày, trắng trẻo và thuôn đuột như khoanh bánh mì, lưng rẽ đôi vì lũng xương sống được khép dần lại ở phần thắt lưng. Eo thắt hóp dọn đường cho mông nở tương lên. Bàn tay ngón ngắn, vuông, lưng bàn tay gân guốc. Cẳng chân nặng nề, cổ chân dày, đầu gối với bánh chè rộng phẳng sẵn sàng căng giãn, cái tư thế này càng làm tăng thêm mảng thịt ở bắp đùi lệch cân bằng và nhô hẳn ra phía trên bàn chân.

Trên lớp da cực trắng, các nốt tàn nhang tạo thành đốm, vết rỗ, đường loang, và ngay trên cánh tay và sau gáy tạo thành từng bọt xơ rơ như từng miếng địa đồ. Một vệt gân máu tím nhạt đều đặn như mắt lưới chạy tràn lớp trong ở hai bên đùi.

NTVBTT. Việc kiểm tra đôi song sinh tiến hành vội vàng lúc chúng nó mới đến kèm theo tâm trạng nôn nóng chiếm đoạt khiến cho tôi thoát tiên không phát hiện ra điều tinh tế trên tất cả mọi điều tinh tế, điều kỳ diệu trên

tất cả mọi điều kỳ diệu đã lộ ra cho tôi thấy sáng hôm nay trong một nỗi niềm dật lạc tràn trề.

Giữa lúc tôi đang ngâm nga với cái trò khá vô vị là quyết tìm cho được nét đặc biệt – dù nhỏ nhất – giúp ta đừng lẫn lộn hai đứa với nhau. Nói cho ngay, nét khác biệt ấy có thật, và sau vài ngày sống chung, tôi phân biệt được ngay Haro với Haio. Nhưng sự nhận diện này được xác lập không phải bằng vào một dấu hiệu riêng biệt rõ rệt nào mà lại nhờ vào dáng dấp tổng thể của đứa bé, cử điệu cách thế của nó. Haro có một phong cách, một lối dợm người, một nét rạch ròi trong cử động mà ta không bắt gặp trong nhịp độ chậm hơn, và gần như trầm tư của Haio. Giữa hai bạn này, người ta đoán rằng chính Haro là người gợi ý, và nếu cần cũng là người điều khiển, nhưng Haio đứng trước người anh em quá gần gũi và nhậm lệ này bao giờ cũng biết cách đối phó lại bằng những khí giới phòng thủ là sự mơ mộng và chân chờ.

Về dấu hiệu riêng biệt rõ rệt, có thể đo đạc bằng nhân loại học, định nghĩa được một cách gọn ghẽ, tôi đã tìm thấy, nhưng ở một mức độ vô cùng tinh vi hơn, trừu tượng hơn, tinh túy hơn là là mức độ vốn lung lạc tôi. Đã từ lâu tôi ghi nhận rằng nếu ta chia một đứa bé ra làm đôi theo một mặt phẳng thẳng đứng theo đường sống mũi chẳng hạn, thì nửa trái và nửa phải, dù trừu tượng đồng dạng, vẫn bày ra vô số nét lệch. Tưởng chừng đứa bé được tạo dựng bằng hai phần nửa thai nghén từ mô hình chung, nhưng lại đáp ứng những hứng cảm khác nhau: nửa trái hướng về quá khứ, suy gẫm, cảm xúc; nửa phải về tương lai, hành động, gây hấn – cả hai dính lại với nhau vào buổi cuối của cuộc tạo hình. Phần đáy cơ thể, cái đường gờ của da ủ màu, nhãn nheo chạy từ hậu môn và đường giữa của ngọc hành, từ mép trước của hậu môn ra tới mút quy đầu, phần ấy cũng gợi cho ta thấy một cách bộc bạo rằng đứa con trai được làm bằng hai mảnh được hàn dính trở tràng lại với nhau, như cái vỏ sò hay con búp bê nhựa.

Và đây là điều kỳ diệu ghi dấu rõ nét cho ngày hôm nay: điều rõ ràng là nửa trái của Haro ứng hợp với nửa phải của Haio, cũng như nửa phải của Haro ứng hợp với nửa trái của Haio. Đây là trường hợp *song sinh soi gương* mặt áp mặt, chứ không phải mặt áp lưng như những trường hợp khác. Tôi luôn chú ý đến những thao tác đảo lộn, hoán chuyển, xếp chồng, mà nhiếp ảnh chẳng hạn đã từng cung cấp cho tôi những hình ảnh minh họa hảo hạng,

nhưng chỉ thuộc lãnh vực trí tưởng. Còn ở đây, tôi tìm thấy lại trong da thịt trẻ con cái chủ đề không ngừng ám ảnh tôi!

Tôi để cho cả hai ngòai lại bên nhau, quan sát chúng nó và tôi có cảm tưởng cần phải đâm thủng màn bí mật dựng lên, bao giờ cũng vậy, do một khuôn mặt hoặc một thân thể, nhưng lần này tôi không phải khổ tâm nghĩ rằng vẻ mặt bề ngoài sẽ đánh lại để đối phó sự li lợm của tôi, mà trái lại tôi ngờ ngợ một điều gì đó sẽ bắt gặp. Chính lúc này tôi nhận thấy rằng một món tóc xoắn theo chiều kim đồng hồ trên trán của Haio thì lại xoắn theo chiều ngược lại trên trán của Haro. Cái lóe sáng yếu ớt đầu tiên này để lộ cho tôi thấy gần như liền liền lúc ấy một vết sẹo – kỳ thật là một nét duyên – giống như nhau ở má phải của Haro và ở má trái của Haio. Nhưng giữa bao nhiêu điều phát hiện bắt đầu kéo tới dập dồn, điều tiết lộ nhiều hơn cả hiển nhiên là đường nét các nốt tàn nhang.

Tôi điện thoại đến viện nhân loại học ở Königsberg, là nơi trước đây giúp đỡ cho tôi hỏi còn Blattchen. Tôi cho họ rõ điều tôi phát hiện. Lập tức người ta khẳng định là có trường hợp song sinh soi gương, hiện tượng hiếm hoi mà người ta nghĩ là do một sự tách đôi không phải xảy ra *từ đầu*, mà xảy ra vào giai đoạn khá trễ tràng, giữa lúc bào thai bắt đầu nảy sinh nét riêng. Người ta sẽ đến khảo sát cặp song sinh của tôi vào một dịp tuần tra trong vùng.

Đúng vào tháng bảy, đoàn Thanh niên tiếp nhận món quà tặng là một món trang sức tuyệt vời được hứa cho từ mấy tháng trước: một giàn súng phòng không, bao gồm bốn khẩu đại liên tổ hợp, bốn khẩu tiểu liên hạng hai phân bắn nhanh – từ hai trăm đến ba trăm phát một phút -, một khẩu 3,7 và nhất là ba khẩu đại bác 10,5 tầm xa. Người ta còn giao thêm cho Thanh niên một máy thám thính, nhưng phải chờ một thời gian nữa mới với được giàn đèn chiếu bổ sung cho bộ sậu phòng không này. Giàn súng được nguy trang trong một rừng thông, trên một chỗ cao bao quát ngòai làng Drosselwalde, cách cổ thành hai cây số, từ đây nếu cần có thể phủ hỏa lực xuống con lộ Arys mà kẻ ngoại nhập từ phía đông có thể kéo qua đây. Giàn súng, dưới quyền điều khiển của hai sĩ quan huấn luyện viên, được luân phiên sử dụng do bốn đội của các đạo quân khác nhau.

Kể từ đó, các đợt tác xạ thao dượt tiếp nối nhau, nổ trắng bầu trời thành từng hòn bông, tiếng âm vang đặc chí không ngừng nhắc nhở tình trạng chiến tranh gần kề, và có khi ta nghe tiếng đạn vợ giòn trên mái lâu đài. Tiffauges đều đặn tải lương lên đến các đội trong cuộc. Anh bắt gặp đám trẻ phân tán dưới gốc thông, mặc quần cộc thể thao phơi nắng, hoặc trái lại sùm sụp mũ che tai hãm thanh bằng dạ, xăng xái quanh các ổ súng tru tréo âm vang. Chưa bao giờ được vui say đến thế, nhưng tiếc chẳng có chiếc máy bay địch nào xuất hiện trên bầu trời để ta thủ vai làm cái đích thịt sống.

NTVBTT. Dù thoát tiên có vẻ đáng kinh tởm, thực ra mỗi đồng cảm sâu xa giữa chiến tranh và đứa trẻ là điều không thể nào phủ nhận. Quang cảnh đám Thanh niên say sưa sung sướng phục vụ và nuôi dưỡng mớ thần tượng quái quỷ bằng sắt thép đang há họng toang hoác giữa rừng cây là bằng chứng không chối cãi nổi của mỗi đồng cảm ấy. Tóm lại, đứa trẻ đòi hỏi bức thiết có đồ chơi, là súng, kiếm, là đại bác, xe tăng, hoặc lính bằng chì và các bộ sậu giết người. Ta bảo rằng trẻ con chỉ việc bắt chước người lớn, nhưng quả tình tôi tự hỏi hay là ngược lại thì đúng hơn, bởi lẽ rốt cục người lớn bày ra chiến tranh đâu có thường xuyên bằng đi đến công xưởng hay công sở. Tôi tự hỏi chiến tranh nổ ra há chẳng phải chỉ nhằm mục đích giúp cho người lớn *trở thành trẻ con*, hân hoan lùi lại cái tuổi hộp đồ chơi và chú lính chì. Một môi với các nhiệm vụ trưởng phòng, người chồng và người cha, người đàn ông nhập ngũ giũ bỏ toàn bộ nhiệm vụ, ưu điểm của mình, và, từ nay thông dong, vô lo, hẳn cùng với chúng bạn đồng trang lứa chơi trò động dụng đại bác, xe tăng, máy bay vốn chỉ là *phiên bản phóng lớn* của các món đồ chơi thuở nhỏ.

Bi kịch nằm ở chỗ bước lùi lại ấy bị hẫng. Người lớn đặt tay lên lại các món đồ chơi thuở nhỏ, nhưng đã đánh mất cái bản năng chơi đùa, lắp ghép vốn tạo cho các món đồ chơi ấy cái ý nghĩa ban đầu của chúng. Nằm trong hai bàn tay thô kệch của người lớn, các món đồ chơi nay trở thành quái vật như vô số bọng u tàn độc ăn thịt hút máu. Về *ngghiêm nghị* giết người của người lớn đã thay thế vẻ chững chạc chơi vui của đứa bé và đối với đứa bé, người lớn là hình ảnh con khi, có nghĩa là hình ảnh bị đảo lộn.

Nếu bây giờ ta trao cho đứa bé những món đồ chơi phình trương lên do một bộ óc bệnh hoạn tưởng tượng ra và một hoạt động hỗn loạn thực hiện, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Sẽ xảy ra cái cảnh tượng xuất phát từ giới cao cấp của Drosselwalde – và từ trường chính trị quốc gia ở Kaltenborn cùng toàn cõi Đức quốc xã -: cái tình cảnh mang đèo vốn minh định cái lý tưởng trong tương quan người lớn với trẻ con nó sẽ được thiết lập một cách quái dị giữa trẻ con và món đồ chơi người lớn. Món đồ chơi không còn được đứa trẻ *mang đèo* – mà lại được lôi xệch, đẩy, va vấp, lăn tròn, như thể một món đồ vật hư tưởng phải chịu phạt như thế, phó mặc cho bàn tay nhỏ nhắn phá phách của đứa bé. Chính đứa bé là kẻ được món đồ chơi chuyên chở - nó lọt thỏm vào chiếc xe tăng, bị nhốt vào buồng máy bay, vũng vầy trong miệng nắp quay của các khẩu đại bác liên ghép lại từng đôi một.

Đây là lần đầu tiên tôi chạm đến một hiện tượng có lẽ là nòng cốt, vừa là *sự đảo lộn của cảnh mang đèo do sự thay trật đôi ngôi trầm trọng*. Chung quy hai mặt của cái máy biểu tượng ấy của tôi sớm muộn gì cũng phải nhập cuộc. Cuộc xáp mặt này làm nảy sinh một mặt mới khác, đó là một dạng *đèo bông*, tôi xin nói rõ là *một dạng* đèo bông, vì rõ ràng là phải có nhiều thể loại khác về hiện tượng lệch dạng này.

Một phần tử mới khác vừa góp mặt thêm vào hệ thống của tôi. Tôi chưa nắm hết mọi khía cạnh của nó. Tôi phải xem nó vận hành như thế nào và lộ rõ trong những hoàn cảnh khác nhau mới lường được tầm quan trọng của nó.

Tuần lễ thứ hai của tháng bảy được đánh dấu bằng một trận mưa đông dữ dội hiếm thấy đã ào ạt trút xuống và suýt gây ra những hậu quả thảm hại cho vùng Kaltenborn. Thật vậy, hôm ấy, cái nóng nặng nề của một mùa hè chứa đầy điện lượng đã xui khiến vị chỉ huy tình báo tổ chức một trò chơi dưới nước ở mặt hồ Spirding. Một trăm chiếc thuyền buồm con với bốn Thanh niên trên mỗi chiếc qua qua lại lại hai bờ sục tìm những thông điệp nhét đó đây trong những cái chai có đánh số bông bênh trên nhiều cây số vuông. Cần phải vớt chai, càng nhiều càng hay, rồi ráp ghép các đoạn ắp mặt của thông điệp qua những mẫu trong chai. Quả là một quang cảnh kỳ

thú khi nom thấy các con thuyền trắng lướt nhanh theo những luồng gió nóng đang quét mặt nước mỗi lúc một mạnh, chúng nó tránh né nhau tài tình, trong khi một đứa bé nhoài mình ra khỏi thuyền vớt nhặt một cái chai ỉn chứa ký hiệu. Thế mà đến khoảng năm giờ bầu trời bỗng sầm tối, và một cơn gió mạnh làm hoắm sâu mặt nước. Lập tức vị chỉ huy tình báo hạ lệnh lui về cầu phao. Ngoài bốn chiếc chao đảo không đến nổi nào, bao nhiêu chiếc khác tủa về bến neo, trong khi một trận mưa như trút nước lùa tất cả mọi người vào các sạp. Đến lúc này người ta mới nhận ra thiếu mất một chiếc thuyền buồm của đạo thứ ba. Con mắt hầu như không còn trông thấy gì trong khoảng hoàng hôn màu chì với lớp lớp mưa rầm rập đan nhau. Vị chỉ huy cho điện thoại đến một số làng ven bờ chốt và quyết định dùng du thuyền rà sát kỹ lưỡng mặt hồ. Cũng chẳng được việc gì, và ngày tái hiện hôm sau trên hồ đã trở lại yên tĩnh, nhưng vắng ngắt.

Đến đây Tiffauges nảy ra ý nghĩ lục lạo những nơi không có người ở trên bờ hồ với mười một con chó săn. Bầy chó vốn quen mặt quen hơi đám trẻ, đồ xô ra tìm vờ sủa mừng vui náo loạn, làm cho Tiffauges trên mình con Râu Xanh khó lòng theo kịp. Chính bầy chó cuối cùng tìm ra được bốn đứa bé, chúng nó vô sự nhưng run rẩy, trong một hốc đá đầu nguồn một con suối, nơi chiếc thuyền buồm của chúng nó bị tan tành.

Tiffauges lợi dụng thành quả của kinh nghiệm này. Chó đã có năng khiếu và khả năng tìm được đám Thanh niên thì có thể có bản năng đi tới với đứa trẻ nào đó tuổi và có ưu điểm cần thiết để sung vào trường chính trị quốc gia. Anh chắc mẩm như vậy và đưa đàn chó theo mình trong những chuyến tuần tra tuyển chọn. Đến mỗi làng, chó phân tán vào nhà và vườn, và mỗi khi chúng dừng bước lại, gâu gâu trước cổng, trước mặt bờ rào hoặc dưới gốc cây, thì một cá nhân đáng lưu ý hiếm khi lọt ra ngoài sự ưu ái của người tuyển chọn. Mặt khác Tiffauges mang theo một cây roi sắt và nhét đầy túi những miếng thịt tươi, và ráo riết rèn luyện chó bằng cách phạt con nào nhâm lẫn và thưởng con nào tìm giỏi. Sự giúp sức bất ngờ này càng tăng thêm giá trị là vì thời tiết này đẹp đẽ, lại thêm các giáo viên đi tông quân cho nên trường ốc vắng thầy vắng trò, mà một người đơn độc thì khó lòng nhìn ngó và đánh hơi cùng khắp nổi. Mỗi nguy là cảnh tượng màu sắc dữ dằn trước mắt dân chúng tạo nên do bầy chó đen gầm thét và anh chàng mặt sạm trên lưng con ngựa ô dềnh dàng. Cái hiệu năng thị uy đôi khi có

thể tốt, nhưng cũng nên đề phòng những phản ứng ám hại, bằng chứng là vụ mưu sát ngày 20 tháng bảy.

Tuần lễ diễn ra có kết quả ngoại lệ và Tiffauges ở ngôi làng Erlenau trở về, tại đó anh gặt hái được kết quả là các trai làng sinh năm 1931 đều được đưa đến trình diện vị chỉ huy tình báo. Anh chậm rãi sánh nước kiệu giữa một bãi đốn gần sạch cây, thì bỗng một tiếng rít vào sát bên tai, trong khi một thân cây bạch dương còn trẻ khỏe vừa đi ngang qua chao mình đổ xuống dưới một nhát dao vô hình. Một giây sau lại nổ lên một tiếng như hồi đầu, con Râu Xanh lạng người suýt bắn người cỡi xuống đất. Thoạt đầu anh định bụng kéo đàn chó phóng về hướng có tiếng súng, nhưng làm như thế dễ rước lấy viên đại thứ hai sẽ bắn ra gần hơn, vả chăng anh xử lý như thế nào đây nếu đối diện với thủ phạm? Anh phóng ngựa, và trở về Kaltenborn, tự dặn lòng không hé môi về vụ mưu hại nhắm vào anh vừa rồi.

Anh xuống ngựa trong sân, kịp lúc vị chỉ huy tình báo ngoác anh từ cửa sổ văn phòng. Ông chìa cho anh một tờ giấy loại xấu trên đó có một bài bản được in chụp một cách thô sơ.

Cảnh giác các bà mẹ vùng Gelhenburg, Sensburg, Lotzen và Lyck!

ĐỀ PHÒNG HUNG THẦN VÙNG KALTENBORN!

Hẩn thềm khát trẻ con. Hẩn ráo khắp các vùng và bắt cặp trẻ con. Các bà có con, hãy luôn luôn nghĩ tới hung thần, vì hẩn luôn luôn nghĩ tới trẻ con! Đừng thả chúng nó đi một mình. Dạy cho chúng nó trốn núp nếu bắt gặp một gã khổng lồ cỡi ngựa xanh kèm theo một đàn chó. Nếu gã tìm đến các bà, gã dọa thì chống lại, gã hứa thì đừng nghe. Đã làm mẹ, hãy tin chắc một điều: nếu hung thần bắt con của bà đi, bà sẽ KHÔNG BAO GIỜ gặp lại con!

Một thời gian ngắn trước khi ra đi, Blattchen có nói với Tiffauges, hờ hững thế thôi: “Có người mách tôi có đứa con trai gia đình đốt than ở rừng Nikolaiken. Tóc hẩn trắng như tuyết, mắt màu tím và chỉ số sọ bẹt ngang phải gần đến 70. Anh thử dạo một vòng xem sao. Hẩn tên là Lothar

Wustenroth. Tôi nhún nhủ mấy, cha mẹ hẳn không hề đáp lời”. Tiffauges lần đầu tiên mò đến vùng này, vùng nghèo nhất xã mà lại khó đi. Phải đi qua một nhánh hồ trên một tấm bè trôi ời đất hời, lèo lái do một gã bưú, mồm cười toe toét và có vẻ điếc đặ. Trón tránh mãi không xong, cuối cùng con Râu Xanh phải nhảy bừa xuống suýt lọt ra ngoài bè gỗ. Kế đó gã bưú cho nổ một chiếc máy con phành phạch vang động cả bờ hồ. Con ngựa mở mắt thao láo, suốt chuyến đi ngán ngủi trên nước không ngớt giậm vó trước lên mấy khoanh gỗ tròn. Tiffauges nhớ lại mấy lời nói của Blattchen khi nhìn thấy đám người đen toàn thân chạy tới chạy lui trong rừng quanh những đụn than cùng khắp khiến ta liên tưởng đến một ngôi làng của bọn lùn. Anh lân la đến nhiều người vừa nói lên cái tên Wustenroth. Ai nấy ra hiệu không hay biết, vô kế khả thi, cho đến khi một người trong bọn đưa ra cái tên đặc biệt là Barenwinkel cách năm sáu cây số về phía đông.

Tiffauges thúc ngựa vào các bãi mênh mông đã trụi cây chỉ còn lại vài ba cây mẫu xuôi xuống các đồng trũng tím sẫm và các bãi cát, tại đây con Râu Xanh bị cát lún đến tận cổ chân. Nó vịn mình bước từng bước một. rồi tái diện đám rừng than với nhiều đụn, đám đất bật lên và rừng thưa ngút mắt với ánh sáng chói chang đối với con mắt đã quen với bóng râm xanh của vòm rừng và cây cao. Anh tiến lại một đoàn người đang xúm xít làm sạch một đụn than. Người đầu tiên phát hiện ra anh là một đứ bé, ít nhất là do tầm vóc của nó mà xét, bởi lẽ nó cũng quấn quanh mình một loại bao tải giống mọi người buộc lại làm áo phủ lên quần. Tiffauges sửa soạn lên tiếng hỏi, nhưng anh dằn lại vì câu hỏi bỗng trở nên vô ích. Đứ bé ngược lên anh một khuôn mặt lấm lem: đôi mắt màu hoa bạch đầu ông làm thành hai trũng ánh mắt màu tím nhạt giữa một lớp mặt màu đen.

- Lothar Wustenroth.

Tiffauges thốt lên mấy tiếng nửa vừa hỏi han nửa vừa nhận diện.

Đứ bé không lộ vẻ ngạc nhiên, có lẽ ngoại trừ màu hoa bạch đầu ông lan tỏa thêm trên lớp mặt màu đen. Nhưng nó chậm rãi gỡ chiếc mũ len trên đầu ra, để lộ một bợn tóc ép sát, màu trắng bạch kim.

Tiffauges ngóng chờ những màn thương lượng công phu, bất quyết. Kinh nghiệm cho anh hay rằng việc chiêu mộ Thanh niên càng trở nên khó

khăn nếu môi trường xã hội được chọn lựa càng thanh bản. Trong khi giới đại tư sản chen chúc nhau trước công trường chính trị quốc gia xin xỏ cho bọn quý tử vào học, thì công tác sưu tra tại các gia đình công nhân và nông dân – được lãnh đạo thanh niên ưa chuộng hơn cả - lại va vấp phải thái độ nghi kỵ sợ sệt, chống đối. Ấy thế mà, có ngờ đâu, ông bà Wustenroth tỏ ra ưng thuận ngay tất cả những gì anh đề nghị với họ. Họ đồng ý quá ư mau mắn khiến anh cuối cùng tự hỏi họ có hiểu rõ đầu đuôi câu chuyện hay chẳng. Để tránh mọi sự hiểu nhầm, anh đưa họ đến tòa đô chính ở Warnold – làng gần nhất – tại đây viên thư ký diễn dịch phần trình bày của Tiffauges, và dùng giấy trắng mực đen ghi lại điều chính yếu.

Về đến làng Barenwinkel, Tiffauges được đón chào bằng nhiều đàn trẻ con hát mừng, vì đã thỏa thuận với nhau rằng vào giờ phút chót anh sẽ đưa Lothar về Kaltenborn ngay chiều hôm ấy, và chưa chi anh đã hình dung mình phóng ngựa trong ánh nắng chiều hôm đầy thắng lợi, ôm vào lớp áo tung bay của mình đứa bé mắt tím và tóc bạch kim. Thế mà anh đành gạt bỏ hình ảnh ấy, vì Lothar đã rời bỏ làng đốt than khi anh vắng mặt. Các người có trông thấy nó ra đi về phía Warnold, và tưởng nó đi gặp cha mẹ với ông khách sau khi đã tắm rửa xong. Nó vẫn mất tăm dạng cho đến chiều hôm, Tiffauges đành quay về Kaltenborn, tay không và lòng nặng một nỗi buồn và căm giận. Tòa đô sảnh ở Warnold, theo ước định, sẽ liên lạc với gia đình Wustenroth, và khi nào Lothar trở về thì báo cho Kaltenborn rõ. Do đó, Tiffauges dành cho nó ở trường chính trị quốc gia, nhắm chừng đưa nó vào đạo nào, vào bàn nào ở nhà ăn, giường nào ở nhà ngủ, bắt đầu tập hợp các vật dụng cá nhân cho nó, các bát đĩa của nó và luôn cả thanh kiếm sẽ được trao trọng thể cho nó. Nhưng ngày này ngày nọ trôi qua, và bao nhiêu lần điện thoại về Warnold chỉ được trả lời bằng những lời hứa hẹn mơ hồ, những im lặng né tránh. Thay vì nản lòng hay bỏ quên, Tiffauges vững lòng chờ đợi tin tưởng.

Không giống như một biến cố nào khác trong đời mình, sự mất tăm của Lothar chẳng lẽ do tình cờ thế thôi. Nỗi thất vọng quá nặng nề và quá trời xui đất khiến, chẳng khác nào, trước mắt anh, có một bàn tay khổng lồ chọc thủng tầng mây thò xuống cướp mất đứa bé mắt tím ngay mũi anh. Nếu Lothar hôm ấy thoát khỏi tay anh, là vì việc đưa nó về Kaltenborn hóa ra quan trọng quá, khiến cho định mệnh không khỏi phủ bọc quanh người nó những tình huống phi phạm.

Những tình huống ấy, phải chờ đến cuối tháng tám mới hội đủ. Hôm ấy, một đạo thanh niên vượt qua hồ để tổ chức trong rừng Johannesburg một cuộc săn có đuôi bắt kết thúc bằng chuyến trở về đặc thắng của đoàn thuyền buồm nhỏ chở nặng lũ nai mang ghéch đầu lên bờ thuyền để thông sừng gạc lướt trên mặt hồ. Được yểm trợ về phía đông do Tiffauges, con Râu Xanh và đàn chó, bọn trẻ sục sạo từng lùm cây bụi gai để xua xuống bờ hồ các thú săn lông vũ lông mao chui ra từ các ngổ ngách. Chúng nó không có súng, chỉ có gươm và gậy gộc, kèm theo dây vớ lưới. Lũ người tham gia đông đảo nhanh nhẹn bổ khuyết vào phương pháp và kinh nghiệm, và thú săn từ nhiều năm không bị lung nên chi nhiều vô kể và cho ta thấy rằng những chuyến săn ngẫu hứng rộn ràng này hầu như chẳng bao giờ thất bại. Thế mà, sáng hôm ấy, vùng chân rừng trông êm ả lặng lẽ, và sự vắng bóng thú săn nhỏ dường như tiết lộ có một con thú lớn nào đó đang dừng chân trong bụi rậm hoặc rừng cây mới lớn.

Cuộc lùng sục kéo dài một tiếng đồng hồ chẳng có gì vui rộn, rồi sau cùng sinh động lên bằng một con gà tò đậu trên một cây giẻ gai quang quác bay loạn. Một cây gậy phạt nhằm vào thân, nó rúc nhanh vào bụi gai lăn trôn thì gặp phải một con chó vồ ngay kết liễu đời nó. Trông nó đẹp mã, to như con gà tây, người ta móc nó vào cây sào cho hai đứa bé gánh.

Mọi người xuống gần đến bờ hồ, nơi cuối cùng bình thường của cuộc săn, thì bỗng dừng sững lại vì tiếng ào ào tới tấp của tiếng chân nhỏ đập lên sỏi trên một lối đi. Tiffauges bắt đàn chó im thin thít và trong chốc lát anh bị đánh lạc hướng vì dáng dấp của con Râu Xanh như đang im lìm mê mẩn, tai chéch thẳng tới trước, hơi thở dập dồn, cơ bắp lặt lặt. Tiếp theo, như một tia chớp màu hung xẹt qua, một con nai già áo ra cặp kè hai con nai cái.

Mấy sợi dây quăng tung lên vèo vèo, và dăm đứa trẻ vô vọng lao người phóng theo ba con thú. Chúng nó nhanh chóng bị Tiffauges bỏ xa, và tiếng kêu ới ới lùi lại phía sau. Tiffauges gò người trên con Râu Xanh, phóng tới trước bám theo tiếng chó gào nhưng thâm thoát anh đánh mất dấu vết.

Mấy giờ đầu tiên trông thú vị một cách nhẹ nhàng như chơi. Bầy thu chạy thẳng về trước, băng băng qua các bờ đường, hẻm hóc, bèn gót theo

sau là đàn chó, lớp lớp như các ngón tay trên bàn tay, chúng nó há hốc cả mũi một cái họng nóng bỏng oang oang inh ỏi. Tiffauges thả lỏng dây cương cho con Râu Xanh lao toàn thân vào các bụi gai, mây, đập nát các lớp dương xỉ, thạch thảo, hung hăng vùng vẫy cả bốn chân khi hiện ra một chướng ngại vật như cái hố, một thân cây chết hoặc bờ rào. Thịnh thoảng chàng kỵ mã nhắm mắt cúi đầu để tránh lá mũi kim của cành thông quất ngang hoặc cành thập của cây sồi giáng vào người. Từ tấm thân đầy đà sục sôi chuyển tiết nhịp vào người anh, tỏa ra một sức sống thật mãnh liệt, thật gần gũi khiến anh nhắm mắt tin tưởng lao theo.

Anh bắt kịp đàn chó bên bờ một nhánh hồ mà con nai già bơi vượt qua, ngồng sừng lên như một đàn đèn bông bành. Hai con nai cái biệt dạng, và Tiffauges tâm tặc khen thầm đàn chó không bị đánh lạc hướng vì mấy con thú thứ yếu rẽ sang đường khác. Con nai nhô mình lên nhể nhại bên bờ kia thì cũng vừa lúc ấy đàn chó băng mình ủa sang bên ấy, lao xuống bọt nước, theo sau là con Râu Xanh có khả năng lội cạn. Và cuộc săn bắt tiếp diễn, được báo hiệu bằng tiếng tru tréo của bầy chó mực mắt đỏ ngẫu phóng theo cặp kè vào tận rừng cây cao càng vào sâu càng thưa dần. Tiffauges lại mất tăm dạng chúng nó một lần nữa khi chúng nó lao vào một rặng cây phi sau khi băng qua nhiều vạt đất cày. Còn có thêm mấy cụm rừng con và những thửa đất mọc dày những đám đậu im mà đàn chó tuôn vào lòng sục inh ỏi, lại thêm những bãi trũng sắc tím, những bãi cát loang lổ hang thỏ, rồi bỗng nhiên Tiffauges sực hiểu ra rằng cuộc săn đuổi chấm dứt, rằng con thú bị đuổi này đã đổi đầu, bởi lẽ tuy anh vẫn còn nghe đàn chó sủa, nhưng hình như tiếng sủa đã đổi cung bậc, có lẽ to hơn, nhưng trầm hơn và nhào nháo hơn. Không còn là một tràng đồng thanh phụ trợ săn đuổi, mà là một khúc tử biệt trước giờ xâu xé.

Anh thúc hông con Râu Xanh đang sánh nước kiệu, như thể mình đã hiểu đàn chó đã dùng chân hẳn rồi. Đến chỗ ngoặt của rừng, anh khám phá ra một bãi đất hưu canh mênh mông mà ở tít xa sừng sững bóng dáng cuồng cuồng của một cái gì như cây giẻ gai màu tía. Anh cho ngựa phi chậm lại và phóng đến đàn chó đang vây quanh chân thân cây ấy, và không hiểu sao lại sủa về hướng các cành cây to lớn. Một đứa bé mắt tím đang ngồi bệt giữa nạng cây, hai bàn tay bám chắc vào cành.

- Cháu sợ chó! Gọi chó cho với!

Nó gọi to từ rất xa cho Tiffauges nghe thấy.

Tiffauges có muốn vẫn không thể nào đuổi nổi mười một con chó dữ đang gầm thét dưới chân anh. Anh thúc con Râu Xanh đến sát thân cây, và quyết đứng lên trên mông ngựa. Con ngựa thối, dường như lờng được cái quy cách mang đèo đang diễn ra, nên đứng im lìm như pho tượng, dù tiếng chó bủa vây vang dội quanh mình như từng cuộn sóng đen. Lothar vẫn bám vào cây, nó cố dùng chân đạp Tiffauges không cho anh áp tới. Cuối cùng anh thợ săn chụp được chân đứa bé kéo xuống. Đến lúc nó quẫy trong tay anh, nỗi vui sướng của anh dậy dâng đến nỗi không cảm thấy hàm răng của con mồi nhỏ cắn vào tay mình đến rướm máu.

NTVBTT. Ngựa không phải chỉ là tổ vật của sự Phóng uế, và chủ yếu là con vật mang đèo. Thần Hậu môn lại còn có thể trở thành một lợi khí trong việc bắt cóc, dụ dỗ và – trường hợp người kỵ mã ẵm con mồi của mình trên tay – có thể tiến lên tầm cỡ mang đèo siêu hạng. Hơn thế nữa: sự dụ bắt có thể xảy ra ngay khi sự mang đèo siêu hạng đã thành hình, chẳng hạn trường hợp một vị siêu nhiên giành giật lấy đứa bé trên tay người đang cỡi ngựa, như trong bài thơ Chúa tể đằm lầy. Bài thơ ba khổ của Goethe ấy, qua đó ta thấy người cha phóng ngựa trốn vào đồng truông đèo theo con mình giấu trong áo, đứa con này bị Chúa tể đằm lầy ra sức dụ dỗ và cuối cùng cướp bắt, bài thơ ấy chính là bản hiến chương của sự mang đèo được nâng lên bậc ba. Đó là huyền thoại la tinh về Christopher Albuquerque được nung đốt lên đến cao độ dưới phép thuật của miền Cực Bắc. Ở cuộc săn đuổi – trong cuộc săn, Thần Hậu môn đuổi bắt và dòn vào đường cùng Thần Dương vật – cái tài riêng của tôi góp thêm bằng cách hóa thân con nai thành đứa bé, và bày ra luôn cái lễ bộ mang đèo siêu hạng diễn ra sau đó. Tình hình dội lên như thế này mở ra một trang mới mẻ cho bao nhiêu tinh chất thao diễn và sẽ hoàn tất ở Kaltenborn.

Raufeisen tự hỏi hỏi lâu không hiểu Chỉ huy trưởng muốn đòi hỏi Tiffauges làm gì mà lại kêu đòi gấp rồi cầm giữ lại ở lâu đài, có khi nhiều

giờ liền. Phẩm chất của ông không cho phép ông mở lời để hỏi chàng thanh niên người Pháp, cái ý thức về quân giai không cho phép ông yêu cầu vị tướng lãnh giải thích. Sự thật là, kể từ khi hai người ấy gặp nhau bên đường và về xe với nhau, ông đã khám phá trong vũ trụ đầy đầy ký hiệu và biểu tượng của Tiffauges có một vùng thăm dò khá gần gũi với những ưu tư của riêng mình, nhưng đồng thời cũng khá mới lạ khiến ông quan tâm. Ông là người biệt lập nghiêm ngặt trong phòng riêng, không biết tới ngày tháng, công việc, lễ lạc của trường chính trị quốc gia, ông ghi nhận sự hiện diện hòa nhã, sốt sắng của anh, và âm hưởng nhiều câu nói của anh khiến cho người khác quên rằng anh là người Pháp, chẳng có cấp bậc gì và là thứ dân dã. Chẳng là, lần đầu tiên trong đời, Tiffauges mới chịu xé màn bí mật bùng bít lâu nay giữ kín về những gì mình băn khoăn, vui sướng và khám phá. Có thể anh lường được những điều mình gửi gắm với Chỉ huy trưởng – anh chưa hề tiết lộ gì về cái dòng máu hung thần của mình, cũng chẳng đã động đến chuyện dòng lữa giữa mình với định mệnh – nhưng vì hy vọng biết thêm tin tức, anh có nói tới tính nghịch đảo – nặng và nhẹ -, tính bão hòa, tính mang đèo và những vị anh hùng nhập thân vào người anh.

Trong khi chuyện trò, vị Chỉ huy trưởng gọi lại kỷ niệm, thời thơ ấu và thanh niên của mình ở trường trung học quân sự ở Plon, nơi đây ông được nuôi dưỡng cùng với các hoàng tử của Hoàng đế, đời sống binh trại ở Königsberg, một đời sống tù túng ngay cả đối với một thanh niên lớn lên trong cung cấm, đến độ ông hồi hải chụp lấy cơ hội thoát ly nhờ cuộc đổi đầu với hội Nghĩa Hòa. Trung úy tốt nghiệp trường Potsdam, ông tham gia vào đoàn viễn chinh quốc tế đặt dưới quyền chỉ huy của Thống chế Von Waldersee, ông này trả được mối thù cho Ketteler, vị bộ trưởng của Đức quốc bị ám sát, và giải thoát cho các phái bộ của các quốc gia khác bị giam giữ ở Bắc Kinh. Ông lao thân vào thế chiến 1914 một cách say máu, điều này khó hiểu do tuổi tác của ông, nhưng lại được biện giải vì quân Đức tấn công thắng lợi vào buổi đầu. Nhưng đến khi các trung đoàn kỵ binh tan tác, các giáp kỵ binh lẫn lộn với bộ binh trong các chiến hào lầy lội, ấy là khi ông hiểu rằng có một điều gì cốt yếu vừa sụp đổ trong trật tự đời sống, ấy là sự nhanh trí uyển chuyển nhất, thâm trầm nhất, sáng giá nhất của ông. Bao nhiêu thất vọng và thất trận tiếp theo đó là những hậu quả tất yếu của lầm lỗi ban đầu.

Về sau, ông chứng kiến Hoàng đế thoái vị và phong trào xã hội với tâm trạng từ già của một con người già sớm vì mất một cõi đời mà mình gắn bó. Từ độ ấy, bộ môn hiệu kỳ học xen vào như một lá chắn vẫn thông thương được giữa thực tại với ông. Ông quả quyết:

- Mọi thứ đều nằm trong biểu tượng, và tôi hiểu rằng người ta đã chôn xuống đất sâu cái uy dũng của đất nước tôi kể từ năm 1919 khi quốc hội nhóm họp ở nhà hát thành phố Weimar – Weimar! trong một nhà hát! Trò hề tuốt tuốt! – đẹp bỏ ngọn cờ đế chế cao sang đen-trắng-đỏ là ngọn cờ phát tích từ tầng lớp Hiệp sĩ nước Đức cổ để thay vào đó bằng cờ đen-đỏ-vàng sọc ngang mà ta mục kích nảy nở như loài hoa độc trên rào đường phố năm 1848, quốc hiệu mới đấy. Đúng là chính thức mở màn một kỷ nguyên ô nhục và suy đồi. Kẻ nào lầm lỗi về biểu tượng thì sẽ bị biểu tượng nó phạt! Tiffauges ạ, anh là người đọc ký hiệu, tôi biết, và chẳng anh cũng đã chứng tỏ như thế. Anh cho rằng anh đã khám phá ra nước Đức là nước của những tinh chất tinh tuyền, ở đó điều gì xảy ra cũng là ký hiệu, điều gì xảy ra cũng là ngụ ngôn. Và anh có lý. Và chẳng, một người bị khắc dấu định mệnh thì buộc lòng phải kết thúc đời mình ở Đức, cũng giống như con bướm quay cuồng trong bóng tối, cuối cùng bao giờ cũng tìm ra được nguồn ánh sáng làm nó ngất ngây rồi sát hại nó. Nhưng anh còn nhiều cái để học. Từ trước đến nay anh khám phá những ký hiệu trên đồ vật, giống như các chữ và con số đọc trên cái mốc bằng đá. Đó chỉ là dạng thù thấp kém của biểu tượng. Nhưng anh đừng nghĩ rằng ký hiệu bao giờ cũng là loại hình trừu tượng vô hại và kém cỏi cả đâu. Ký hiệu có có sức mạnh, Tiffauges ạ, chính nó đưa anh đến tận đây. Ký hiệu dễ sùng sộ. Biểu tượng nào bị bôi nhọ thì trở thành phân tượng. Từ tính cách của anh giúp anh khám phá khả năng mang đèo, sự nghịch đảo trầm trọng và tính bão hòa. Anh còn phải tìm hiểu điểm tận cùng của guồng máy các biểu tượng, đó là sự hợp nhất của ba hình tượng thành ra đồng nghĩa với tận thế. Bởi lẽ đến một lúc ngất nghèo nào đó ký hiệu không chịu để cho con người mang đèo nó, như là cây cờ có lính mang. Nó đến lúc tự quyết tự định, thoát ra ngoài sự vật được biểu tượng, và điều đáng gờm hơn là, biểu tượng gánh lãnh lấy sự vật được biểu tượng. Thế là khôn khổ cho sự vật ấy!

Anh nhớ lại khổ hình của Giê-su mà xem. Giê-su mang thánh giá hàng giờ. Kế đó chính thánh giá lại mang Giê-su. Lúc bấy giờ lớp màn của nhà thờ rách toang và mặt trời tắt ngấm. Đến khi biểu tượng nuốt chửng sự vật

được biểu tượng, đến khi kẻ mang thánh giá bị đóng vào thánh giá, đến khi một sự nghịch đảo trầm trọng đảo lộn sự mang đèo, thì tận thế gần kề. Vì lúc bấy giờ, biểu tượng không còn đeo nặng bởi cái gì nữa hết thì trở thành chúa tể của bầu trời. Nó đâm dọc nảy ngang, xâm chiếm tứ bề, vỡ vụn ra làm trăm ngàn ý nghĩa sẽ không còn ý nghĩa gì nữa hết. Anh đọc thiên Khải huyền của thánh Gioang chưa? Ta thấy ra nhiều cảnh dữ dội, kỳ vị nhuộm đỏ bầu trời, những con thú dị thường, tinh tú, gươm đao, vương miện, quần tinh, một mớ hỗn độn những thiên sứ, vương trượng, ngai vàng, mặt trời. Và bấy nhiêu thứ nghiêm nhiên toàn là biểu tượng, mã số. Nhưng chớ có tìm hiểu, chớ có tìm xem ký hiệu nào đi với vật thể nào. Bởi lẽ các biểu tượng ấy là phân tượng, chẳng dùng để biểu tượng cái gì nữa hết. Và khi chúng nó nhung nhúc bảo hòa, ấy là tận thế. Ông ngừng nói và bước đến bên cửa sổ có lắp lá chiếc cánh cờ đang được ngọn gió đêm mơn trớn xạc xào. Ông nói tiếp:

- Anh thấy tôi đang đứng đây, trong lâu đài của tôi tua tủa cờ xí, chuôi phurôn với dấu thập ác. Hồi 1933, thú thật có lúc tôi đã từng nuôi hy vọng khi tân thủ tướng vứt bỏ ba sắc cờ Weimar để phục hồi cờ đế quốc của Bismarck. Nhưng khi thấy ông ra tay – cái cờ đỏ ở giữa là hình tròn trắng với chữ thập ác đen, tôi ngay ngáy điều gở. Cái con nhện lờ quờ, xoay quanh, chia mấy cái chân móc câu dọa dẫm những gì lương vương chân nó, đích thị là phản đề rõ rệt của chữ thập xứ Malte rạng ngời thanh thản vỹ về!

Cuối cùng là Đức quốc xã phục hồi những huy hiệu truyền thống và trong thời buổi vinh hiển của nó, muốn tái lập hình chim ó của các hiệu kỳ nước Phổ.

Về ngôn từ hiệu kỳ, chắc hẳn anh biết rằng phải trái tức là trái, và phía trái tức là phải?

Tiffauges gật. Anh nghe cái quy tắc về hiệu kỳ này lần đầu tiên, nhưng vì nó quá ư phù hợp với sự nghịch đảo trái-phải mà thường tình anh bắt gặp mỗi khi biểu tượng nắm phần chủ động, cho nên chỉ anh xem nó như thể là quen thuộc.

- Về sự đảo ngược này, người ta giải thích ra một cách giản tiện, có lẽ về sau người ta mới bày ra. Theo người ta, một tấm khiên phải để cho người ta đọc, không phải đọc từ phía người nhìn vào đứng đối diện, mà từ phải hiệp sĩ đang đeo nó bên tay trái. Cho nên bao giờ con ó theo kiểu nước Phổ cũng

ngiênng đầu sang phải, đúng theo truyền thống hiệu kỳ. Thế mà anh nhìn con chim ó của Đức quốc xã mà xem, nó kẹp trong vuốt của nó một vòng lá sồi có dấu thập ác: đầu chim ó nghiêng sang trái. Đây là một con chim ó được né tránh, thật là điên rồ, dành riêng cho những nhánh lộn sòng hoặc thất thế trong các gia đình quý tộc. Tất nhiên chẳng có một vị chức sắc nào trong Đảng có thể biện giải cái quái thai ấy. Người ta kín đáo ám chỉ một sự nhầm lẫn thô thiển của họa sĩ thuộc Bộ Tuyên truyền. Ngày nay, Goebbels rốt cục tìm ra được lời giải thích: con ó của Đức quốc xã nhìn về hướng đông, phía Liên bang Xô viết để hăm dọa và tấn công. Sự thật không phải thế, ông Tiffauges ạ.

Và ông nhích lại gần chàng thanh niên người Pháp và, bằng một giọng trầm xuống và rít qua răng, tiết lộ cho anh điều bí mật khủng khiếp mà kể từ nay anh cùng chia sẻ với ông.

- Sự thật là Đức quốc xã, ngay từ đầu, là kết quả của những biểu tượng hoàn toàn nắm quyền chủ động. Không có ai hiểu được sự báo động, tuy rằng hùng hồn, từ cái nạn lạm phát năm 1923, cả một rừng giấy bạc mất giá, những biểu tượng tiền tệ đã không còn là biểu tượng gì nữa hết nay rơi ập xuống toàn cõi đất nước ồ ạt phá phách như giặc châu chấu. Mà anh nên ghi nhận rằng cũng chính năm ấy đồng đô la ăn 4, 2 tỷ đồng mác Đức, rằng Hitler cùng với Ludendorff, được một nhóm đảng viên hộ vệ, đi đến quảng trường Odéon ở Munich để lật đổ chính phủ Bavière. Anh thừa biết những gì xảy ra tiếp theo: loạt súng xả vào mười sáu thành viên hộ vệ, Goring bị thương nặng, Hitler cũng vậy được Scheubner Richter kéo ngã xuống, Scheubner Richter bị trật vai, trúng đạn chết. Và tiếp theo là mười ba tháng giam giữ Lãnh tụ trong pháo đài Landsberg, tại đây ông viết Cuộc chiến của tôi. Nhưng tất cả những cái ấy đều là phụ. Cái duy nhất đáng kể trong ngày 9.11.1923 tại Munich, chính là một ngọn cờ, ngọn cờ chữ thập ác của đám âm mưu rơi giữa mười sáu cái xác chết trong vũng máu vừa hoen vấy mà cũng vừa tuyên dương ngọn cờ. Kể từ đó ngọn cờ máu ấy sẽ trở thành thánh tích linh thiêng hơn cả của đảng dân xã. Kể từ 1933, mỗi năm nó được đưa ra trưng bày hai lần.

Trước hết là ngày 9.11 khi tái lập cảnh ra mắt của các tướng soái tại quảng trường Munich, giống như quang cảnh khổ hình ở Trung cổ, nhưng nhất là trong tháng chín, thời gian nhóm họp quốc hội Đảng ở Nuremberg

mới thật là đỉnh cao trong nghi lễ dân xã. Lúc bấy giờ ngọn cờ máu, giống như một thức giống đực gieo giống cho hàng loạt thứ giống cái, được đưa đến gần các ngọn cờ mới nào mong muốn được gieo giống. Tôi được mục kích quang cảnh này, ông Tiffauges ạ, tôi tin chắc cái động tác của lãnh tụ giao phối các ngọn cờ hoàn toàn giống như động tác của gã gầy giống đưa bàn tay hướng dẫn dương vật của con bò đực cho vào âm hộ của bò cái. Và thiên hạ nhìn diễu hành nguyên từng đoàn quân mà mỗi người đều cầm cờ, và tất cả chỉ là những đoàn quân cờ, một biển cả uốn lượn dạt dào theo ngọn gió, một biển hiệu kỳ, biểu ngữ biểu hiệu, tua phướn. Ban đêm, đuốc lửa thêm thắt một nét mỹ mãn vào đại lễ, vì ánh đuốc sáng rực cán cờ, các ren tua cùng các khuôn mặt bằng đồng làm thành tột đỉnh vinh quang, và lại chìm vào bóng đất đen toàn bộ khối lượng con người ta ngóng chờ một hồi chung cuộc tối tăm. Sau cùng, khi Lãnh tụ tiến lên dàn cao làm lễ, một trăm năm chục ngọn đèn chiếu phòng không bật sáng đồng loạt, và tạo nên phía trên sân bãi khinh khí cầu một giáo đường ánh sáng với những cột ánh sáng cao tám ngàn thước chứng tỏ cái tầm cao đi lên tới tinh tú của cuộc lễ nhiệm màu. “Anh thích nước Phổ thì phải, anh Tiffauges, vì anh bảo rằng dưới ánh sáng cực Bắc, các ký hiệu bùng lên lạ lùng. Nhưng anh chưa rõ các biểu tượng sinh sôi dữ dội đến như thế nào. Trong bầu trời đầy dẫy hình tượng đến độ bão hòa, đang chuẩn bị một cơn dông bão dữ dội của ngày tận thế và sẽ nuốt ngum tất cả chúng ta!”.

NTVBTT. Đêm nay, lối ba giờ, tổng báo động. Lần đầu tiên tôi chứng kiến cái màn mà đám trẻ gọi là “màn giả trang”, và là một trong những trò đầy dọa đáng uất hận hơn cả do đầu óc của một hạ sĩ quan Phổ đẻ ra. Trong thực tế, Raufeisen nhận thấy rằng kỷ luật ở Kaltenborn sa sút nặng nề và không kiểm soát nổi cái trường chính trị quốc gia này. Và ông điên tiết phản công bằng những đòn dữ dội giáng xuống từ xa. Đám trẻ được lệnh tập trung thành đội ngũ giữa sân, sắc phục chiến đấu, trong thời hạn là ba phút. Các hình phạt rơi như mưa xuống đầu bọn chậm trễ. Kế đó, sau khi thanh tra, lại rơi như mưa xuống đầu bọn nào sắc phục không đúng cách. Chúng nó đứng nghiêm được mười lăm phút thì một hiệu lệnh khác nổi lên. Hai phút sau, mọi người phải trở về chỗ cũ, nhưng lần này mặc đồng phục Sói Con. Rầm rầm rập rập rong các cầu thang. Áp vào các dây nhà ngủ. Xô lán nhau quanh các tủ. Hình phạt rơi như mưa xuống kẻ nào mở miệng, rồi là

kẻ nào chậm trễ, rồi là kẻ nào có một chi tiết không hợp lệ bị vị chỉ huy để ý. Lại mười lăm phút bất động. Tan hàng. Hai phút, mọi người đông đủ trong áo quần ra trại. Tiếp theo là quần áo tập thể dục. Tiếp theo là lễ phục điều hành. Chúng nó nghiêng răng rắng sức làm những thứ người máy cỡ nhỏ, nhưng tôi thấy có đũa khóc vì đuối sức.

Lẽ ra tôi vẫn nằm trên giường. Thật tình tôi chẳng thể nào bỏ mắt màn biểu diễn y phục này. Tôi say sưa quan sát cá tính của đám trẻ thích hợp đến đâu với những lớp y phục khác nhau thay ra mặc vào mặc tình cho tôi nhìn ngắm. Cá tính của chúng không hiện ra xuyên qua lớp áo, như là giọng nói xuyên qua tường ít nhiều rõ tiếng tùy theo bề dày của tường. Không, cứ mỗi lần, ta thấy cá tính của chúng được lột tả một cách mới mẻ, hoàn toàn mới mẻ và tác động một cách bất ngờ, nhưng vẫn đầy đủ như lần trước đó, và đầy đủ như thể chúng trần truồng vậy. Cũng giống như một bài thơ dịch sang một ngôn ngữ nào đó, rồi sang một ngôn ngữ khác, chẳng mất đi cái sức hấp dẫn của nó, nhưng mỗi lúc được tô điểm thêm bằng những nét duyên mới lạ. Bao nhiêu áo quần là bấy nhiêu chìa khóa của thân thể con người, ở mức độ xoàng xĩnh. Ở mức độ không phân biệt như thế này, chìa khóa và bộ khung giải đáp là giống nhau không nhiều thì ít. Chìa khóa vì áo quần là *cửa vào mang* trên thân thể và thật sự trông giống như bộ khung vì phủ trùm lên thân thể có khi trọn vẹn, như một bản dịch từ đầu đến cuối, thậm chí một lời bình đại cả sa phủ phê hơn cả nguyên bản. Nhưng quả là một lời bình nôm na, lảm lời và nhẹ dạ, không có giá trị biểu hiện. Hơn là chìa khóa hay là bộ khung giải đáp, y phục là phương tiện *viên khung* cơ thể. Khuôn mặt được viên khung – tức là được bình giải – nhờ chiếc mũ phía trên, nhờ cổ áo phía dưới. Đôi cánh tay chuyển khác tùy theo tay áo ngắn hay dài, bó hay rộng, hoặc hoàn toàn không có. Tay áo bó và ngấn ôm sát vòng tay, làm nổi cuộn cuộn các bắp thịt và để lộ phần thịt hấp dẫn, tăng thể vẽ tròn lẳn ở phần vai, nhưng không mời gọi sự sờ mó. Tay áo bông bành lấp liếm cánh tay tròn, làm cho cánh tay như có vẻ mảnh mai, nhưng trong cái vùng rộng đón chờ ấy lại mời mọc sự ôm siết chiếm đoạt lấy và có thể lần lên tới bờ vai. Chiếc quần ngắn và chiếc bít tất viên khung phần đầu gối và diễn tả đầu gối một cách khác nhau tùy theo ống quần xuống thấp hơn, hoặc là chiếc bít tất lên cao hơn. Một chiếc đầu gối viên bó bằng ống quần cộc hơi dài cùng với chiếc bít tất hơi cao thì phải lãnh lấy cái chức năng rắn rỏi khô khan của mũi cây sắt. Nó diễn tả sự nghiêm ngặt, tính hiệu dụng và dửng dưng với da thịt. Nếu vắng chiếc bít tất cao, hoặc nếu bít tất

bùng nhùng trên chiếc giày, thì dáng mỏng mỏng của bắp chân tăng phần giá trị và phản nghịch lại cái vẻ đua đòi khắc khổ của đầu gối. Hình ảnh này gợi ra rõ ràng cái thất bại của một loại kỷ luật áp đặt từ bên ngoài đối với một con người vô tâm mà duyên dáng không nghĩ ngợi và không để ý gì đến công dụng của áo quần mà người khác cấp cho. Ý vị hơn là sự đi đôi của một chiếc bút tất cao, dừng lại ngay dưới đầu gối, hoặc phủ lấy một phần đầu gối cũng hay, và một chiếc quần cộc thật ngắn, bày rộng bắp đùi ra. Lúc bấy giờ chín bắp đùi được viền khung và nâng cao, và đầu gối chỉ còn là phần chống đỡ mờ nhạt. Cái công thức tối thượng là công thức kết hợp y phục đúng cách với sự ca tụng cơ thể một cách trữ tình, kết hợp cái trật tự được tôn trọng với sự ca ngợi phần chân đầy đặn nhất, êm ái nhất và mời mọc nhất. Người ta tin chắc đó là công thức áp dụng thường xuyên hơn cả trong những cách ăn mặc khác nhau của cơ thể nhỏ, và chẳng hạn như trong đồng phục của Thanh niên và trong trang phục thể thao. Nhưng chiếc bút tất cao, lắm khi lệch chức năng. Nếu quá ngắn, kéo không thẳng hay cuốn lại thì để hở ống chân quá nhiều và làm mất nhiều phần diện tích. Và như thế, chỉ còn trông nom ở chiếc bút tất khá phóng túng để cuối cùng bỏ khuyết cho toàn bộ xấp xệ, nó sẽ lì lợm ngênh ngang vừa đủ để tạo thành phần đế mạnh mẽ cần thiết cho toàn bộ.

NTVBTT. Lothar Wustenroth. Sinh ngày 19 tháng mười hai năm 1932, tại nơi có tên là Barenwinkel. Chiều cao: 148cm. Cân nặng: 35kg. Vòng ngực: 77cm. Vòng sọ ngang: 72.

Dong dầy và có sức bật như cây cung, dáng thon của nó làm nổi giá trị khác thường của đường nét cơ bắp trông đầy đặn đáng kinh ngạc. Phần ức thành hình vòm mở rộng. Đó là một nét mà Blattchen không dè, ấy vậy mà toàn bộ kiến trúc của phần ngực là do đó mà ra cả. Trên thân thể những người ít may mắn hơn, tưởng chừng như lồng ngực bị kín lại vì các xương sườn như giao nhau về phía trước. Trong lắm trường hợp thường gặp, phần ức tạo thành hình tam giác và cho ta thấy hình chữ V lộn ngược. Hai cánh chữ V có thể hõm vào, nhưng hình nét trông càng đẹp khi càng quy vào tâm. Trình độ *hứng cảm* của châu thân con người nó tùy thuộc vào chiều mở rộng của lồng ngực, hơn là vào nét trán cao hay môi thanh. Ở đây, tôi không phải chơi chữ đâu. Ở trình độ này, đương nhiên nghĩa đen và nghĩa

bóng của từ húng chí hòa lẫn vào nhau, cũng giống như ta đừng quên rằng *tinh thần* khởi đi từ chữ *thần* mà nghĩa đầu tiên là *hơi hám, làn gió*.

Khuôn mặt ngắn, như thể được cách điệu, bản mặt xương xẩu được khắc dấu bằng đôi môi mỏng, cái mũi nhỏ và hai hõm mắt tím nhạt lấp liếm phần nào vì mớ tóc bạch kim sùm sụp vành tròn theo thể thức ở đây. Chẳng cần phải có cả bộ sậu đo đạc nhân loại học của Blattchen cũng có thể, nhờ vào cái đầu làm mẫu này, rút tĩa ra cái thước vàng về sắc đẹp của con người. Cái sắc đẹp này nằm ở *tâm quan trọng của sọ đối với mặt*. Tất cả cái ưu thế thẩm mỹ của đứa trẻ so với người lớn là ở đó. Cái sọ ở đứa trẻ đã đạt tới kích thước cuối cùng, hầu như chẳng còn lớn thêm Trong cái tâm quan trọng tăng tiến của mặt đối với sọ, thì cái đầu tiến gần lại con vật. Quả như thế, tỷ lệ sọ-mặt bị đảo lộn nơi con vật: một cái đầu chó, đầu ngựa có nghĩa là mặt mà thôi – có nghĩa là toàn bộ mặt là trán, hõm mắt, mũi, mồm – vì sọ bị thu rút lại hầu như chẳng còn gì. Tôi cũng còn ghi nhận rằng những người nam và người nữ nào mà ta thường ngưỡng vọng về đẹp đều là những con người còn giữ lại một phần nào đó của tính tỷ lệ - hoặc thiếu tỷ lệ - nơi đứa trẻ giữa sọ và mặt. Trên tuyến đường đi từ con thú lên tới con người, như thế là đứa trẻ đứng sau người lớn và phải được xem như đứng trên con người, nó là trên người. Và như vậy phải chăng đối với trí thông minh, ta cũng nên kết luận tương tự? Nếu ta định nghĩa trí thông minh như là khả năng học biết những điều mới mẻ, tìm ra những lời giải đáp cho những bài toán xuất hiện lần đầu, thử hỏi có ai thông minh hơn đứa bé? Có người lớn nào có khả năng học viết được đâu, nếu như y không được học từ nhỏ, hơn thế nữa lại có khả năng học nói *bỗng không* mà không xuất phát từ một ngôn ngữ đã nắm chắc?

Trong khi tôi viết những dòng ghi nhận này thì nó đang đợi chờ ngoan ngoãn, ở tư thế dạng háng, tấn trên cẳng chân trái như một cây cột sống động mà mảnh dẻ, còn bắp đùi bên phải thì mềm, bất động, đối lập lại. Dương vật theo dạng quả lê: cái giống và đôi ngọc hành gom lại thành ba khối gần như đồng đều trong một mớ xếp nếp cùng quy về cái cuống nhỏ dính liền với hạ bộ. Tôi ngược đầu lên, và nó mỉm cười với tôi.

Đám trẻ tập trung trong gian phòng hiệp sĩ của lâu đài, đêm nay gian phòng này biến thành hội trường mênh mông, tù mù, lao xao những tiếng rì rầm và tiếng cười nửa vời. Một chiếc bệ thấp và thấp sáng bằng bốn đế đúc làm xao động các vòm cao có đường gân chạy chụm vào các cột. Như lệ thường, nếu mọi sự chuẩn bị đâu vào đó, thì người ta giữ bí mật, và trong không khí lặng lẽ bàng hoàng, ta bỗng thấy xuất hiện vị Chỉ huy trưởng trong bộ quân phục địa lệ tướng soái trên bệ. Đời sống ẩn kín của ông trong bóng ngôi trường chính trị quốc gia, các bộ thường phục không vẽ vời của ông, cái huyền bí bao quanh con người này mà không có ai – luôn cả bọn trẻ nào nhỏ tuổi nhất – là không biết rằng uy tín và các tước vị của ông làm lu mờ cái tiếng tăm ám muội của những nhân vật đặc nhiệm, tất cả những điều vừa nói góp phần tạo cho sự có mặt của ông tối hôm nay có nét nổi bật phi thường. Ông lên tiếng, và không khí im lặng chùng xuống thêm, vì giọng nói của ông ồm ồm, nghe cũng khó. Tưởng chừng đám trẻ đang ngập sâu vào bóng lờ nhờ rướn người về phía ông để nghe. Nhưng dần dà âm sắc tăng lên, âm bậc tròn lại, những khuôn mặt tôn vinh được ông nhắc nhở đang hiện ra đầy ắp hiện trường. Ông nói:

- Hỡi các Thanh niên, đêm nay ta cử hành một cuộc lễ đỉnh cao của sự nghiệp đang còn trẻ trung của các bạn. Ba người trong các bạn sẽ được giao giữ cây *kiếm lưỡi lê*. Hai, Haro và Lothar kể từ nay sẽ mang ở sườn trái ngọn đao nói lên hai ý nghĩa *Máu và Danh dự* là những gì sẽ dẫn đạo cái sống và cái chết của các bạn. Hơn bất cứ một nơi nào khác, cuộc lễ này khơi dậy một âm hưởng trầm hùng dưới các vòm mái này được xây dựng nên do vị tổ tiên của tôi là ông Hermann, bá tước Von Kaltenborn, hiệp sĩ phụng sự đáng Kitô dòng Song Kiếm ở Livonie, tu viện trưởng dòng Đoàn Kiếm, tuyền hầu ở Pomérellie và ngự y ở Riga. Ông là thánh bổn mạng của các bạn, là sư phụ của các bạn.

Bởi lẽ các bạn là, hoặc sẽ là, những thanh niên Song Kiếm đêm nay. Bởi thế cho nên các bạn cần biết vị ấy là ai và sinh thời như thế nào, phòng bất cứ lúc nào cũng có khả năng trả lời câu hỏi: ở vào địa vị ta, đại sư Hermann xử trí như thế nào nhỉ?

“Như mọi hiệp sĩ cùng thời, Hermann Von Kaltenborn trước hết rèn luyện con tim mình dưới ánh mặt trời thiêu đốt của phương Đông. Ông đã ném đủ mùi khổ cực và luôn cả mùi lạc thú của các cuộc thánh chiến to tát. Nhưng cũng giống như đa số đạo hữu của ông, ông không bằng lòng sát hại bọn

người bội tín mà thôi. Ông là thầy dòng cứu thương, biết cách săn sóc người bệnh và người bị thương, và đưa về xứ nhiều dược thảo và dược liệu bí truyền từ các bị đạo sĩ phương Đông khiến ông lừng lẫy ở tòa tân giáo của Riga. Đầu thế kỷ thứ XIII, ông tham gia vào tất cả cuộc chiến giúp cho dòng Đoàn Dao làm bá chủ vùng biên giới cực bắc, từ bờ biển Baltique đến bờ sông Narva và hồ Peipus. Đoàn Dao chỉ là một nhóm người, vài trăm thôi, xấp xỉ số lượng như Thanh niên các bạn tập hợp trong phòng này thôi. Nhưng đó là những con người khổng lồ! Họ chẳng sở hữu gì, không của cải, không vợ, không có luôn cả ý muốn riêng biệt mặc dù đã từng phát nguyện cam chịu nghèo khó, tinh tấn, phục tòng. Họ mang khí giới mà ngủ, kiếm để bên cạnh, như là người vợ độc nhất của mình, bởi quy luật khắt khe không cho phép họ hôn mẹ hoặc chị em gái của mình. Hàng tuần hai ngày ăn uống sữa với trứng, ngày thứ sáu nhịn đói. Không được phép có bí mật riêng trước mặt các vị chỉ huy, không được nhận thư từ gì mà lại không qua chỉ huy. Lên đường chinh chiến trên lưng ngựa đầy đà như cả thớt voi, áo giáp và khí giới của họ cồng kềnh đến độ làm cho họ trông giống như pháo đài lừng lững. Nhưng dưới lớp áo lưới, vai họ và lưng họ âm thầm rỉ máu, vì họ khếp mình vào kỷ luật trước khi lâm chiến...

“Đi dẫn đầu là con người uy dũng hơn cả của họ, đó là Hermmann von Kaltenborn, và hào quang thánh thiện của ông rạng ngời đến nỗi đám cây sồi thiên cổ của khu rừng vô đạo phải sụp đầu xuống khi ông đi ngang qua. Hermann chuộng mùa đông hơn mọi mùa khác để chịu hơn, vì cái khắt khe của mùa đông biểu hiện cho cái khắt khe của luân lý, vì sự trợ trụ của rừng cây nhắc nhở sự trợ trụ của đời sống thánh thiện, vì nét sáng trong của bầu trời được gió lạnh quét sạch gợi hình ảnh của tâm hồn nhờ đức tin mà sạch nhục thể. Và ông yêu luôn cả đất đai cứng lại, đầm lầy đông đặc và mặt hồ đóng băng tạo dễ dàng cho chuyên chở và tải súng.

“Trong các cây, ông thích nhất là cây thông vì nó mạnh và thẳng, xanh và trắng màu, xếp tầng đều đặn như một tòa luật pháp, vì tóm lại đó là một cây gắn với dân tộc tính của Đức hơn cả”.

Vị Chỉ huy trưởng nói thao thao, gộp luôn quá khứ, hiện tại và tương lai, so sánh chiếc đoàn đao bé con mà đám Thanh niên đeo ở mạn sườn bên trái với những thanh đại trường kiếm chỉ thiên trên bờ thành của sân thượng lớn, so sánh sư đoàn thiết giáp Đức đụng độ Liên Xô với hiệp sĩ Đức giao

tranh cùng dân Slave, hai trận đánh ở Tannenberg, trận đánh năm 1410 là năm xóa sổ quân Đức cổ cùng với quân Đoàn Dao gục ngã dưới số lượng quân Ba Lan và Lituanie, và trận phục thù vẻ vang năm 1914 đánh dấu quân Đức của Hindenburg đè bẹp quân Nga của Samsonov. Cuối cùng, ông đưa ra hình ảnh đối lập giữa Pháp và Đức đối với hạng tu sĩ hiệp sĩ của hai nước từ đất Thánh trở về: giữa lúc quân Đức cố xây dựng Marienburg là biểu tượng cho quyền hạn của họ trong tỉnh mà họ được nhận lãnh từ hoàng đế và giáo hoàng, thì giáo đoàn Templier của Pháp bị bôi nhọ đủ điều và bước lên dàn hỏa theo lệnh của Philippe le Bel. Vì thế cho nên, trong khi tinh thần hiệp sĩ Đức tiếp tục sống trên đất này, giữa những bức tường này, thì nước Pháp vẫn chưa chuộc tội hết cho vị vua lầm lỗi. Nhưng, theo lời ghi chép của Tiffauges, vị Chỉ huy trưởng không một lần nào nhắc nhở đến vị thần chôn dưới đất và đội lên vai mình cả cái thành lũy này.

Sau bài diễn từ, tất cả Thanh niên đứng lên hát bài thơ của K. Hofmann:

Hãy giương cao ngọn cờ đẫm máu

Cho ngọn lửa bùng lên tới trời và các vòm nhà xưa cổ vang dội dưới những giọng kim cùng cất lên. Tiếp theo, đạo quân có ba kẻ tân tòng tập họp ở sân đất xuôi để chuẩn bị buổi thức đêm trọng thể.

Công việc không phải nhẹ nhàng, vì phải thức chong đèn khi mặt trời mọc, sắp hàng thành hình bán nguyệt mở về hướng đông. Khi vầng nhật ló lên sau dãy Nickelsberg, đoàn Thanh niên sẽ cất cao khúc hát đón mặt trời. Rồi người trưởng đạo nhắc nhở cho ba đạo sinh tuyên thệ tuyệt đối trung thành với Lãnh tụ bằng cách trở thành những tay Đoàn Dao của người và khuyên chúng nó có thể rời hàng ngũ và bỏ đi nếu cảm thấy không đủ sức liều chết, cho Đức quốc xã mà không được hỏi han gì hết. Sau cùng là phần long trọng trao khí giới cho chúng nó trong tia nắng đầu ngày chói rạng.

Phải chăng cuộc lễ ấy, vốn đưa chúng nó lại gần nhau, đã góp phần vào sự thể: Haio với Haro từ nay không rời Lothar nửa bước. Lothar, tính lật đật, hay bày biện, không biết mệt mỏi, đi bất cứ đâu, làm bất cứ gì, cũng có hai chú sinh đôi kẹp hai bên, trầm tĩnh, làm lì, và thích phát phơ. Lúc đầu

bầy Thanh niên phản ứng lại bộ ba ấy đang phạm vào quy tắc mặc nhiên của mọi tập thể. Nhưng rồi ba tên tân tòng này, đối với những lời nói xa nói gần và châm chọc, tỏ ra ngang nhiên đứng vững một cách không nao núng đến nỗi bao nhiêu công kích phải trôi xuôi, và bộ ba trở nên một sự thể đương nhiên.

Tiffauges khoái trá quan sát chúng nó và dễ dàng ghi nhận rằng hai anh em sinh đôi *phục vụ* cho đứa bé tóc trắng một cách tận tình thậm lặng có tính bản năng. Cả đôi, không gấp gáp, nhưng không do dự, bằng một mẫn cảm không sai chạy, mọi lúc mọi nơi tạo thành một khung hình lý tưởng để cho Lothar lọt vào mạnh dạn. Trong các cuộc tập hợp, chào cờ hoặc điếm danh, tập phi ngựa, thể dục dụng cụ hay tập bắn súng Mauser – HJ với nòng súng thu nhỏ lại bằng sáu ly, Haio và Haro luôn là người có mặt đầu tiên, và Lothar hấp tấp vội vàng vọt đến giữa hai đứa kia.

Một buổi sáng sớm xám xịt mờ sương, vị Chỉ huy trưởng cho đám trẻ diễn tập trên khu đất tứ giác chiến binh. Các lớp áo ngoài màu đỏ nổi bật trong ánh sáng nhạt nhạt trên nền cát trắng. Tiffauges đứng bước trước bộ ba đang chụm thành hình tháp, Lothar đứng trên hai tay, tựa vào Haio bên phải, Haro bên trái. Các Thanh niên cứ thế tạo thành từng cụm ba người, nhưng chúng nó trông lỏng chỏng, không đồng đều so với nhóm hình làm bằng đứa bé tóc trắng giữa cặp song sinh soi gương, một nhóm hình cân bằng, khéo đặt, cân xứng rất mực.

- A! ba cậu này, tôi đã để ý mà! Làm gì cũng đi chung với nhau, như bố kiếm Kaltenborn.

Tiffauges không nghe tiếng vị Chỉ huy trưởng chống gậy sắt tiến lại gần.

Anh quay người chào. Ông nói tiếp:

- Quả tình chúng nó vừa vặn với nhau giống như người tù trong một tấm hiệu kỳ đẹp để cổ kính bước ra. Nghe hiệu lệnh của vị lãnh đạo trường, đứa đứng giữa mỗi cụm nhảy xuống đất, và đứng nghiêm cùng với các đứa khác.

Vị niên trưởng theo đuổi suy nghĩ riêng, nói tiếp:

- Cái nền trắng với các đồ vật đỏ có nhắc nhở cho anh cái gì không, Tiffauges? Anh nghĩ sao, nếu tôi phong anh làm hiệp sĩ tùy tùng gia tộc tôi kèm với một hiệu kỳ na ná như hiệu kỳ của tôi, theo tục lệ, chẳng hạn có *sọc dọc chính giữa bằng bạc có hình của ba tiểu đồng*? Ha, ha, ha! Mà hình như chính anh đã chiêm mộ được ba đứa ấy?

Lôi bông đùa được đẩy đi xa, đúng theo hướng suy gẫm của chàng thanh niên người Pháp khiến anh chậm chậm bước lại gần vị Chỉ huy trưởng có vẻ như hỏi han mà chẳng nghĩ rằng thái độ của anh có thể bị xem như có vẻ mưu toan. Vị niên trưởng, không hề nao núng, nói tiếp:

- Anh nghĩ xem, trong nghệ thuật hiệu kỳ, nếu như có thảo mộc và nhất là muông thú, thì lại hiếm khi có mặt người. Tại sao vậy? Tôi đã từng tự hỏi như thế. Đành rằng trong hiệu kỳ của nước Phổ, có một tấm khiên được đỡ bằng hai tên người rừng, chiếc chùy thả xuống đất. Cũng có khi bắt gặp hình ảnh một anh chàng Bắc Phi xứ Mauritanie, hoặc là những người ngòm dị hình, nửa người nửa thú, nhân mã, nhân sư, nhân ngư hay nhân điều. Nhưng còn người nam, người nữ, thiếu niên, theo tôi biết thì không hề có, hoặc là biếm họa.

Ông đã lui bước chậm chậm tiến về lâu đài và chọn nơi này nơi khác dừng bước. Bỗng ông dừng hẳn.

- Này, tôi mới nghĩ ra. Anh có nghĩ rằng một con người ta khắc vào hiệu kỳ mặc nhiên dính liền với ý nghĩa là *hy sinh*? Tự trung, nếu ta ngược lên nguồn gốc, con-thú-vật-tổ là một con thú bị chiếm đoạt, bị giết, bị ăn thịt, và chính nhờ thế mà nó truyền khí lực cho kẻ nào mang biểu tượng ấy.

Rốt cục, biểu tượng hình người nổi tiếng hơn cả, linh thiêng hơn cả, là cái gì nào, xin hỏi anh? Là Đấng Cứu Thế trên thánh giá! Trên hết mọi thứ đó là biểu tượng của hy sinh tối cao! Thế thì, trong các binh khí, gọi lại hình ảnh cứng tế con chim ó hay con sư tử, hoặc sát hại một quái vật như rồng hoặc nhân sư, hoặc thu phục một kẻ nô lệ da đen hay một tên man rợ, như thế là hợp lệ. Nhưng còn hình ảnh một chiến sĩ, một phụ nữ, nhất là một trẻ con thì sao! Anh nghĩ thử xem, Tiffauges! hình ảnh *ba tiểu đồng ở*

sọc dọc chính giữa, đó là hiệu kỳ của hung thần mà tôi sẽ cấp cho anh! Ha, ha, ha!

NTVBTT. Từ Ebenrode trở về trên lưng con Râu Xanh, tôi bắt gặp một đứa bé đi xe đạp. Tôi ghì Râu Xanh, và tôi đi nước kiệu ngắn để khỏi qua mặt nó.

Chuyện gì xảy ra nào? Chiếc xe đạp là một đồ vật có bề cao, bề dài, nhưng không có bề dày. Thân hình nào dính vào đó thì tự khắc thu rút lại thành một hình duỗi mà các đường nét được tôn lên. Thân thể gọn lại, gạn lọc, thành một đồ họa. Đó là một hình phù điêu, một tấm huy chương. Chỉ thấy được một chân mà nếu có tấm gương thì trông được phía trong của cẳng chân. Bàn chân không chạm đất. Nó bị cuốn theo một cử động quay tròn hoàn hảo có bắp chân, đầu gối, đùi chân tham dự vào, và tan hòa vào điệu nhún dể cảm của cái bàn thổi nhỏ nhắn trên yên xe. Cơ bắp thao diễn rõ rệt, và theo một quy trình một điệu, giống như trên một tấm hình vẽ động dật của cơ thể. Nửa thân trên hoàn toàn bất động, và bằng đôi vai so lên tới tai gợi ra thái độ khinh thường hoặc là sợ hãi.

Sửa soạn vào tới làng Ohldorf, cậu cỡi ngựa sắt của tôi dừng lại, kéo lê chiếc xe đạp theo nạng gỗ và bỏ đi. Tôi tỉnh người ra. Chiều thứ ba của chiếc xe đang đè nặng lên người nó. Những động tác so le của nước chân xóa nhòa đường nét. Mới rồi tôi chiêm ngưỡng đứa bé đến độ trừ tính nhiều điều về nó thì nay, bước xuống xe, nó phải chịu rơi rớt xuống mức tầm thường. Tất nhiên chẳng phải là đánh khinh nhưng cũng chẳng đáng biệt đãi.

Chuyện gì đã xảy ra? Chiếc xe đạp vốn chẳng có hiệu năng gì trên người lớn, lại tác động trên cơ thể một đứa bé như một bộ khung giải mã nó tách bạch cái tính chất và sẵn sàng phơi bày cơ thể ấy ra. Điều này minh họa hai mặt của một số lời lẽ khá khó hiểu của Chỉ huy trưởng. Trước hết tại vì kinh nghiệm về chiếc xe đạp làm nổi bật cái *thiên chức huy hiệu hóa* của bản thân đứa bé, một thiên chức tàn khốc nếu như nó bao hàm màn hy sinh chung cuộc. Tiếp theo đó là tại vì bây giờ hiểu rõ hơn sự khác biệt giữa *chìa khóa* vốn chỉ cung cấp cho ta một ý nghĩa đặc biệt của tinh chất, và *bộ*

khung chiếm lĩnh toàn bộ tinh chất và những gì lóe sáng cho trực giác của ta. Khác biệt vì có mang nặng, vì chìa khóa được tinh chất mang nặng – giống như chìa khóa được ổ khóa mang nặng vậy -, trong khi chính cái bộ khung lại mang cái tinh chất, giống như những thanh sắt đỏ hồng mang thân thể của kẻ tử vì đạo. Nay chỉ cần hiểu thêm giai đoạn chìa khóa chuyển sang bộ khung mà vị chỉ huy trưởng định nghĩa như là sự đảo ngược trầm trọng từ con người mang thánh giá đến cây thánh giá mang người.

Hiển nhiên ông ấy hiểu nhiều mà thổ lộ ít với tôi. Thế thì tôi liều liệu lợi dụng ông cho phép tôi thân tình để mớm cho ông trút bầu tâm sự ngay dịp đầu tiên.

Tiffauges không gặp dịp hỏi han chỉ huy trưởng. Kể từ vụ mưu sát ngày 20 tháng bảy, một lần sóng bắt bớ và hành quyết vô tiền khoáng hậu lan tràn trên khắp nước Đức và đặc biệt trên vùng đông Phổ, nơi xảy ra mưu sát. Cuộc khủng bố chính trị không những điên cuồng mù quáng giáng xuống bọn chủ mưu mà luôn cả gia đình, bạn bè cho đến bà con dòng họ xa xôi nhất. Trong các biên bản của mật thám Gestapo luôn luôn trở đi trở lại các danh gia của dòng họ quý tộc nước Phổ như Yorck, Moltke Witzleben, Schulenburg, Schwerin, Stulpnagel, Dohna, Lehndorff...

Một buổi sáng nọ, Một chiếc xe có cờ cuốn kín đỗ trước cổng lâu đài. Hai người đàn ông mặc thường phục bước ra. Họ mật đàm với tướng Von Kaltenborn bá tước. Rồi họ ra đi, nhưng chỉ ra khỏi nội thành, và chờ đợi ở sân xuôi dốc. Một giờ sau, để chừng mười một giờ, bọn trẻ có mặt tại đó ngạc nhiên nom thấy chỉ huy trưởng của chúng nó mặc lễ phục đi ra. Ông bước nhanh, như cái máy, mắt nhìn thẳng tới trước. Ông đi hết lối đi trung ương không chào đáp trả, và lọt vào chiếc xe phủ màn đang chờ ông, và xe vọt mất về hướng Schlangenfliess.

Sự ra đi của con người duy nhất mình tin tưởng chạm sâu vào lòng Tiffauges. Những lối tư biện của vị chỉ huy trưởng, cái không khí vàng son quá vãng mà ông làm lan tỏa quanh ông, thái độ chịu khó mồi mọc chàng thanh niên người Pháp nên sáng suốt nhận định, bao nhiêu điều ấy góp phần nâng ông cao hơn tầm mức những ham muốn của ông. Vì niên trưởng đi

mất, Tiffauges buông thả con người mình vào bản năng ham muốn quyền lực kèm theo những tính toán tinh vi đôi khi thái quá, mà bằng chứng là *Những Trang Viết Bằng Tay Trái* của anh. Chung quy, tình trạng sa sút của cục diện giúp cho anh thêm phần tự do. Ngày 26 tháng chín, Hitler ban bố tổng động binh, huy động phụ nữ, trẻ con và người già để tìm cách ngăn ngừa thất trận, ghi dấu một giai đoạn mới trong tiền đồ của mình. Ông Raufisen, thúc thủ trước sự ra đi của chỉ huy trưởng, thấy mình bị cắt giảm sĩ quan, hạ sĩ quan, thuộc viên cùng các cộng sự viên dân sự người nọ tiếp người kia. Ông điên tiết thấy còn lại dưới quyền mình toàn những kẻ mà ông gọi là “nhà trẻ”. Tối thiểu ông cũng muốn rằng đám Thanh niên phải được huấn luyện và trang bị cho cuộc đọ sức cuối cùng. Ông đi Königsberg thường xuyên và đề cập đến một cuộc vận động tại Possessern, nơi có trụ sở của bộ tham mưu của Himmler, và những lúc ấy giao toàn quyền cho anh thanh niên người Pháp cai quản như thế nào đó đời sống thường ngày của trường chính trị quốc gia.

NTVBTT. Ba hôm nay, trong một gian phòng ở dưới hầm, anh thợ hớt tóc từ làng Ebenrode cùng với gã phụ việc đến tàn phá các bờm tóc của bọn người mới lớn bằng những máy cắt tóc khổng lồ chạy bằng điện mà tôi ngỡ chỉ dùng cho ngựa mà thôi. Phải nói rằng ta không trông thấy chúng nó đâu cả từ năm tháng nay, và lũ trẻ phải đưa tay vén cả tấm màn tóc lên để nhìn và luôn cả để ăn. Tất nhiên tôi có trách nhiệm phần nào trong tình trạng chênh mảng này, bởi lẽ tôi không khỏi đau lòng nghĩ tới màn cắt xén đồng loạt tàn bạo này. Sau đó, tôi đành lòng trước sự việc không thể nào tránh khỏi, và sau đây là những gì tôi khám phá thấy mình rút tỉa được từ đó. Đầu tiên tôi ghi nhận rằng mái tóc tất nhiên có thể đẹp tự nó, nhưng trong tương quan giữa tóc và khuôn mặt thì tóc bao giờ cũng giữ vai trò *tiêu cực*: tóc làm yếu nét mặt, hòa hoãn các đường nét, Tẩy xóa phần nào gương mặt. Do đó, tóc có lợi cho những khuôn mặt xấu, những khuôn mặt này hẳn nhiên bớt xấu xí nhờ mái tóc tràn trề còn hơn là bị trụi tóc trước con mắt nhìn vào. Và vì cái xấu là lẽ luật chung, nên chi thường thường có tóc thì hơn là hói tóc. Nhưng một khuôn mặt tuyệt đẹp nếu không bị tóc làm rối rắm thì về phương diện nào cũng chiếm ưu thế. Những đứa từ dưới hầm đi lên vừa đùa giỡn nhau vỗ bém bép vào gáy nhau khiến cho tôi ngần ngợ trước sự thật hiển nhiên gần như đập mạnh vào mắt là mặt mày chúng nó đẹp thật. Về

đẹp nguyên hình, sạch sẽ, không gờn gợn, vẻ đẹp của điêu khắc có nét của thanh kiếm, có nét của chiếc mặt nạ bằng cẩm thạch. Và đến khi nụ cười góp thêm sức nóng và sức sống, khuôn mặt như biết nói và truyền cảm đến lạ lùng!

Trông thấy như thế, tôi đi xuống tham dự vào cảnh tượng hóa thân. Tôi quan sát hồi lâu chiếc kéo cắt mở ra những đường hào trắng trắng trong bờm tóc từ sau gáy ra trước trán. Lớp da đầu lúc bấy giờ bày ra những gì ẩn kín, những lồi lõm, vết sẹo, và nhất là hàng lối chân tóc. Tóc là tả thành từng bợn óng ả xuống vai đứa bé, rơi phủ lên nền đất như một vụ gặt thom tho mà gã hớt tóc sau khi xong việc quét dọn thành phạch không thương tiếc vào cuối phòng. Lập tức tôi ra lệnh cho tất cả thứ sợi vàng đã thú ấy phải giữ lại. Chật đầy mấy bao thì tùy. Tôi chưa rõ mình sẽ làm gì với những thứ này.

NTVBTT. Quan sát lũ trẻ cắt tóc, tôi nhận thấy rằng, trong đa số trường hợp, tóc hình như chĩa ra từ một cái xoáy nằm ngay ngắn trên đỉnh đầu. Từ đó mà đi, tóc xoay theo hình ly tâm tỏa ra toàn sọ. “Nhánh trên cùng” được làm bằng những sợi tóc ở trung tâm vòng xoáy là những sợi không lọt vào vòng xoay tròn.

Tôi đâm ra nhớ lại bộ lông của con nai do bọn Thanh niên chở về tuần vừa qua và đặt trên bàn nhà ăn. Ta nom thấy rõ ràng, trong ánh sáng gờn gợn, những vùng lông rẽ ra những hướng khác nhau. Cũng có luôn cả cái hiện tượng xoay tròn, khi thì ly tâm, khi thì hướng tâm, tùy theo những sợi lông từ xoáy chĩa ra hoặc quy về xoáy. Ở nơi khác, ta quan sát thấy từng mảng to khu biệt, khi thì gặp nhau ở đường sống với những chiếc lông chập lại, khi thì vạch hướng khác, và thế là tách nhau bằng một vạch rẽ tron tru. Tôi cũng nhớ lại mấy lời của tiến sĩ Blattchen cho rằng con người có lông nhiều bằng con gấu hoặc con chó, nhưng mà – trừ một vài nơi trên thân thể - lông người thì nhỏ, không có màu sắc, đến nỗi nhìn qua kính lúp mới trông thấy. Do đó tôi cảm thấy thú vị khi nghiên cứu bản đồ lông mao của trẻ con, và so sánh nhiều công thức về các bản đồ lông mao ấy với nhau.

Như thế là tôi chọn lấy ba đũa có vẻ nhiều lông tơ hơn cả, yếm vàng, yếm bạc nhiều hơn cả dưới ánh phản quang của mặt trời. Tôi lần lượt gọi chúng nó vào phòng thí nghiệm và quan sát chúng nó bằng kính lúp, từng phân tây một, đặt chúng nó đứng giữa cửa sổ và tôi.

Kết quả lý thú, nhưng chẳng khác gì nhau giữa chúng nó. Một lần nữa, thanh niên tỏ ra là một giống loại đồng nhất và không bị diệt hơn là ta nghĩ.

Các sợi lông trên châu thân được xếp thành từng mảng hình xoắn ốc chia ra làm hai loại theo hướng mọc: các bình cuối phân kỳ ở góc trong của mắt, ở nách, ở háng, ở góc trong của hậu môn, ở trên bàn chân và bàn tay, và dĩ nhiên ở đỉnh đầu; các hình cuốn hội tụ, trái lại, ở dưới góc quai hàm, ở cùi tay, ở rốn, ở góc bộ phận sinh dục. Ở hai mạn sườn, chạy dài một luống rẽ kết hợp hình cuốn ở nách và ở háng, và dọc theo luống rẽ này các sợi lông mọc phân kỳ. Trái lại, mặt trước và mặt sau của mình, dọc theo xương sống và xương giữa ức, ta thấy các sợi lông hội tụ và chập vào nhau tạo thành một nhánh lông mọc giữa chạy dài.

Trong đa số trường hợp, cái địa hình này chỉ bày lộ ra chầm chầm và nhờ kính lúp, dưới một làn ánh sáng ửng hợp. Nhưng ta có thể nắm bắt được ngay – và một cách đầy xúc cảm hơn biết bao nhiêu! – bằng cách đưa môi lướt nhanh lên da. Mảng lông tơ tiết lộ hướng lông bằng cách đáp ứng lại bàn tay ve vuốt nặng hơn hoặc nhẹ hơn.

* * *

NTVBTT. Tôi ít nhiều đã nhỏ nước mắt lên đôi bàn tay thô bạo vụng về của mình cho phải đạo chừng nào chúng nó xứng đáng được như vậy. Có thể tôi nhầm lẫn khi tôi đã từng mơ ước những ngón tay linh lợi, vùn vụt như ngón tay của nhà ảo thuật, khéo luồn vào khe áo hay quần cộc. Bàn tay thô của tôi, nếu như tuyệt đối không làm được cái công việc sờ soạn ấy thì vẫn có được cái khéo léo riêng. Trong một thoáng thời gian, tay tôi cũng đã biết nâng những con chim câu song Rhin một cách thuần thục. Hiển nhiên tay tôi có thiên chức đối với loài chim đến độ con chim câu – dù lạ lẫm – không hề có phản xạ trốn tránh khi tay tôi đang đến nó.

Còn đối với trẻ con, tôi vươn tới chúng nó cũng tài tình mà thôi! Ai trông thấy tôi động tới đứa bé e chỉ nghĩ là thô bạo, là phóng túng mà thôi. Đứa bé nó hiểu. Ngay tiếp chạm đầu tiên, nó hiểu rằng dưới cái vẻ thô kệch bề ngoài, che giấu một kỹ năng phong phú, đượm tình. Với chúng nó, những cử chỉ bậm sị nhất cũng tiềm ẩn dịu dàng. Cái số mệnh siêu nhiên của tôi đã ban cấp cho tôi một hiểu biết thiên phú về đứa bé: trọng lượng của nó, quân bình của cơ thể, trọng lực, các khớp và độ nhún, mức máy động của cơ bắp và độ cứng chuyển động của xương. Mèo mẹ ngoạm da cổ mèo con mà tha nó đi lững thững. Như xách gói vậy. Nhưng mèo con meo meo vui vẻ, vì những điệu cộc lộc bề ngoài ấy vẫn hàm chứa một sự đồng cảm thâm sâu và bảo bọc.

Cử chỉ đầu tiên của tôi đối với một đứa bé là đặt bàn tay tôi lên gáy nó, dưới gáy một tí. Gáy mảnh dẻ hay gân guốc, xoắn tít tóc hay không tóc, cộm lên hoặc oằn xuống, đó là phần rể chủ yếu làm cái chìa khóa vừa cho chiếc đầu vừa cho toàn thân. Phần ấy tức tóc mách cho tôi biết có thể trông chờ sự đối đầu hay là buông thả. Cử chỉ ấy không đưa dẫn đến một cái gì hết và có thể thu hồi lại chẳng gây nên dấu vết gì. Nhưng nó có thể nảy nở thêm một cách hoàn toàn tự nhiên, tràn xuống lưng, tỏa ra vai, xuống tận hông là vùng trụ vững để nhắc lên khỏi mặt đất, để bắt cóc, để xóc lên vai.

Đôi bàn tay tôi sinh ra để bông ẵm, quả nhiên như vậy, để nhắc người lên, để bung đi. Từ hai cái thế cổ điển – cánh tay từ trong lật ngửa ra ngoài và cánh tay từ ngoài lật úp vào trong – thì chỉ có cái thế ngửa tay là thích hợp với đôi bàn tay tôi. Mà chính đây là cái thế thông thường của bàn tay tôi, long bàn tay ngửa lên trời, các ngón chụm lại và dang thẳng bằng phẳng. Thế úp tay không thuận với tôi gây ra cứng bắp thịt. Bàn tay mang xách chứ có gì đâu! Mà chẳng riêng gì bàn tay, luôn toàn thân nữa đấy, đầu tiên là vóc cao lớn của tôi, tấm lưng của gã khuân vác, sức lực hộ pháp, tất cả mọi thứ chờ chực tấm thân nhỏ nhẹ của đứa trẻ. Tôi to lớn và chúng nó nhỏ bé, đó là hai phần do trời muốn nhập lại hoàn hảo. Bấy nhiêu đó được tiên liệu, được cầu khiến, được lắp ráp từ ngàn đời, và như thế là đáng trân trọng, đáng ngưỡng vọng.

NTVBTT. Cần phải có một nghi lễ nào đó mới tính được con số đầy đủ, gần trọn vẹn mà nơi nội thành này là trọng điểm. Đó là mục đích duy nhất của những buổi điếm danh mà tôi chủ trì khi vào vị chỉ huy tình báo vắng mặt, và những buổi ấy diễn ra vào cuối ngày trong chiếc sân kín. Tôi đã ra lệnh như vậy vì cần phải chặt chẽ mà cũng cần thử tình cờ xem.

Đám trẻ vui đùa tự do trong chiếc sân trên đó có nhô lên phần sân thượng ba cây kiếm. Tôi thì lặng lẽ đợi chờ trong nhà nguyện có các lớp kính hoa đang óng ánh mặt trời chiều. Tôi ru mình theo bản hòa âm của tiếng reo hò, kêu gọi, la lối, đang dâng lên tai tôi như một mùi hương làm bằng âm thanh, và vượt lên trên kinh nghiệm bản thân hồi ở Neuilly đưa tôi đến tận ngôi trường Saint-Christophe. Quả tình giọng nói Đông Phổ nghe khào khào, sắc cạnh không như giọng Pháp, nhưng chính tôi tìm thấy trong đó cái thuần túy của tinh chất, tức là cái được đất nước Đức dành cho tôi và làm nên lý do tồn tại của tôi tại đây.

Đến một lúc tôi bước ra ngoài sân thượng, bị lôi cuốn vào diễn tiến của cuộc hành lễ. Khi tôi hiện ra giữa hai hình tượng Hermann và Wiprecht, tiếng huyền não im bật ngay, và hang ngũ trở lại chính tề khi tôi đặt bàn tay lên hình Hermann. Bốn trăm đứa trẻ sắp thành bốn chục hang mười đứa, tạo thành một khối hình chữ nhật, vừa gọn trong giới hạn của chiếc sân và đông đặc. Phải qua bao nhiêu tháng xếp hình gặt gao chúng nó mới nhanh tay lẹ chân đến như vậy, theo một hàng lối tuyệt hảo đến độ tôi dễ ngỡ rằng chúng nó dóng theo vuông đá trên sân, nếu như không nom thấy bốn trăm khuôn mặt ngược lên nhìn tôi thẳng tắp và phản chiếu đến tôi, bốn trăm ánh mắt mà tôi ôm trọn. Bấy giờ tôi đưa tay ra hiệu phá vỡ bầu im lặng do kỷ luật uy nghiêm tạo nên ấy cho đám thiếu sinh quân, và làm bật dậy bài quốc ca Đông Phổ:

“Tay cắp giáo, tay cầm yên cương, chúng ta con cháu Tây Phương phi về hướng Đông hoàn thành sự nghiệp nước Đức ngày xưa.

Bão thét, mưa quát, ngựa đẫm ướt chồn chân. Ta vẫn tiến, như ngày xưa các hiệp sĩ cùng nông dân hướng về Miền đất niềm tin.

Ta phi trong bụi mù, ta lướt đi như chớp, ta hướng về Đông, hướng về tòa tháp Kaltenborn đang hiên ngang trấn giữ chân trời.

Ta rèn lại lưỡi cày thanh kiếm đã bên mưa rét rì. Kiếm trong tay, cày trong đất, ngày mai mặt trời mọc lên cho ta.”

Các giọng trinh nguyên vang lừng hướng về tôi, những giọng kim sắc bén. Chúng xuyên vào lòng tôi bằng một nguồn hoan lạc bi thương, và tim tôi thất lại, vì trong cái luông ô ạt ấy có máu me chết chóc. Tiếp theo là tràng điếm danh dằng dặc mà thú vị. Trong cái nghi thức này vốn chỉ vang lên họ tên và nguyên quán hàng loạt, tôi đã đưa vào một yếu tố mới mỗi lần mỗi thay đổi, để cho cái tên điếm danh kết hợp với câu trả lời tình cờ. Sở dĩ như thế là các chỗ đứng trong hình trận chữ nhật không được ấn định từ trước, và mỗi chỗ mỗi đêm lại có một Thanh niên đổi khác chiếm đứng. Và điếm danh được điều hòa như thế này: đưa đứng đầu phía trái hàng cuối thì gọi tên và quê quán của bạn sát cạnh bên phải. Bạn này đáp: - Có mặt! – và xướng tên họ và quê quán của bạn sát cạnh bên phải, và cứ thế lần lượt cho đến đưa bên tay phải ở hàng đầu – câu này mở miệng trả lời kết thúc buổi diễn tập.

Tất nhiên điếm danh theo lối này không hoàn thành được nhiệm vụ bình thường là phát lộ kẻ vắng mặt. Nhưng quả tình tôi mong chờ cái khác, đó là sự biểu diễn đầy đặn, trọn vẹn, theo vòng tròn khép kín, của bốn trăm cá tính nhốt giữa mấy bức tường chật chội mà lại tuyệt đối sẵn sàng. Đối với tôi chẳng có thứ âm nhạc nào êm ái hơn những cái tên gợi ý, được xướng lên bằng những giọng luôn luôn đổi khác và giọng này lại chọn đọc cái tên cho riêng nó, Ottmar ở Johannisburg, Ubrich ở Dirntal, Armin ở Königsberg, Iring ở Marienburg, Wolfram ở Preussisch Eylau, Jurgen ở Tilsit, Gero ở Labiau, Lothar ở Barenwinkel, Gerhard ở Hohensalzburg, Adalbert ở Heimfelden, Holger ở Nordenburg, Ortwin ở Hohenstein... Tôi phải bầm bụng ngắt ngang màn liệt kê tài sản của mình đang sánh đôi với một nhân dạng có mùi vị một vùng phong thổ nước Phổ.

Tiếp theo điếm danh là một phút im lặng. Rồi, nhất loạt, bốn trăm đưa trẻ, tôi cũng vậy, cùng xoay người nhìn về hướng mặt trời lên, và từ con người chúng nó, tôi chỉ còn nhìn thấy hàng hàng lớp lớp những gié, những nhánh vàng, là những sợi tóc mà tôi đã chiếm hữu và tôi phải ra cách sử lý trang trọng thích hợp. Và một lần nữa, dàn đồng ca dựng lên một toàn âm

thanh rảnh rỗi, rục rĩ. Đám trẻ ngợi ca bình nguyên bao la phương Đông thu hút lòng mình:

“Giương cờ lên trong ngọn gió Đông,

Gió Đông căng cờ đi tới.

Giờ lên đường, trời lên, máu thanh niên nghe hiệu lệnh,

Mặt đất sẽ trả lời kẻ nào mang diện mạo nước Đức.

Lắm kẻ đổ máu tươi bôn, đất chẳng đành lòng lặng câm.

Giương cờ lên trong ngọn gió Đông và cờ reo:

Lên đường, lên đường!

Lòng ta hùng tráng, kẻ nào xây đắp phương Đông

Chẳng từ nan thử thách.

Giương cờ lên trong ngọn gió Đông, ngọn gió tung

Cờ bay rộng...”

NTVBTT. Sáng hôm nay tôi dừng chân tại Birkemuhle, tại đây theo lời người ta thông báo cho tôi, có bà Dorn nào đó làm nghề chải chỉ sợi, bà có máy dệt để dệt, miễn có ai đem len đến. Chiến tranh làm suy sụp đời sống kinh tế xuống một mức vô cùng thô thiển làm cho từ nay chỉ có kẻ nuôi cừ là kẻ có thể mặc áo! Không có cừ, tôi đã có đám nhỏ. Tôi nảy ý làm cho mình chiếc áo cụt khoác vai hoặc một loại áo mưa bán thân bằng những sợi tóc kia. Chung quy đó sẽ là manh áo kim cừ của tôi, một ché áo khoác yêu thương mà cũng là lễ phục, thỏa mãn cái đam mê bên trong của mình

mà tỏ rõ uy quyền của mình bên ngoài. Tôi cười thương hại khi nghĩ tới các tình nhân xiêu hồn lạc phách mang trên trái tim mình, trong miếng tiếu tượng, một món tóc của người yêu!

Bà Dorn, một con người mình ngựa, dài giò, dài tay, dài mũi, tỏ ra vô cùng cảnh giác khi nom thấy dừng trước mặt nhà một chàng kỹ sĩ mặc quân phục mơ hồ. Bà nhất mực im lặng đối kháng trong khi tôi đã động đến việc dệt của bà. Hay có lẽ đó là một hoạt động có thể trách cứ, vì lâu nay ở đây hề việc gì không bó buộc làm điều bị cấm cản! Để cho bà hiểu tôi ngỏ lời trên bình diện như thế nào, tôi mới rút ra từ trong áo một gói vải. Xuống dưới bếp, tôi rút trong áo ra một cuộn con mang. Bà có vẻ hơi yên tâm. Và tôi để mở hé cái túi xách mà tôi đang lôi xềnh xệch ngay từ đầu, và chỉ cho bà thấy tóc của bầy trẻ. Tôi giải thích cho bà rõ tôi có sẵn một số lượng lớn những tóc này, và tôi muốn bà dệt tóc này đi. Bà phản ứng dữ dội và khó hiểu. Bà bỗng run lên, và bước lùi lại bỏ trốn, miệng nói mãi “không, không, không”, và khoát tay từ chối vừa cả chiều cuộn mang, vừa mớ tóc và luôn cả tôi. Cuối cùng bà lĩnh mắt bằng một cánh cửa nhỏ đằng sau, và tôi nghe tiếng bước chân nhỏ dần chạy lạch phạch trong vườn rau.

Tôi tự hỏi tại sao bà hoảng sợ đến độ ấy khi trông thấy cái bao tóc. Tôi ra khỏi nhà công cốc, mang theo chiếc cuộn và chiếc áo kim cừu của tôi đang ở dạng tiềm tàng, mà tôi sợ nó vẫn ở trong tình trạng này còn lâu nữa!

NTVBTT. Tôi cho nhồi một chiếc nệm, một chiếc mền đắp chân và một chiếc gối bằng tóc được cắt gọt đại trà ấy. Cái mụ Netta dờ hơi tính chuyện giặt rửa tóc đi đã!

Đêm phi thường được ngủ trong lòng cái chất thắm đượm hơn len này, nhưng nó vẫn không phải kém thơm mùi xạ hương như long cừu non nguyên chất đâu! Tất nhiên tôi chẳng chợp mắt một giây nào. Mùi hơi trẻ lập tức bốc lên đầu tôi, và diu tôi và một cơn say dật lạc. Vui sướng, nước mắt, nước mắt vì vui sướng! Khoảng hai giờ sang, tôi chịu hết nổi mấy lớp vải bọc. Tôi xé nệm, xé mền gối, và đổ hết vào bồn cá của Blattchen, cái bồn này khô róc từ khi ông ấy ra đi, và lập tức nó có ý nghĩa. Kế đó tôi lột

thòm vào giữa lòng cái tổ chim lạ mắt này, giống như xưa kia tôi lọt vào chuồng bồ câu đầy long tơ. Tất cả chúng nó đều có mặt, những đứa tôi yêu quý, và tôi nhận ra hết đứa này đến đứa kia khi ôm sát vào mặt từng ôm tóc. Tôi nhận ra thằng Hinnerk với mùi rạ khô, và Armin với ánh xanh của từng món tóc, và Ortwil với màu vàng tro riêng biệt của nó, và Iring vì lọn tóc của nó mảnh mai cực kỳ - những lọn tóc của thiên thần hài đồng, đúng như vậy - và Haro với mùi bị có hàm chất sắt tỏa ra từ sợi tóc vàng óng và cứng như sợi đồng, và Baldur, và Lothar, và bao nhiêu đứa khác nữa. Rồi tôi nhào lộn tất cả, đập lên nhau để ôm từng khối vào trong hai vòng tay. Lúc ấy người tôi giật giật tức tưởi, và tôi tự hỏi - phút này tôi vẫn còn tự hỏi - không hiểu mình bắt đầu mất trí chưa sau giây phút cảm xúc cao độ ấy.

Tôi giống như một thứ ma men lâu năm, thành thói tật, cha truyền con nối, nhưng xưa nay chỉ quen mỗi thứ rượu táo nhẹ và pha thêm nước mà nay bỗng đâu bị bắt uống li bì một thứ rượu mạnh 70 độ.

Sau đêm thức trắng ấy, sang nay tôi thức dậy gằm gằm gù gừ.

NTVBTT. Chúng nó chiếm trọn chiếc sân kín đuổi bắt nhau loạn xạ và la hét. Xô đuổi nhau một lúc thôi nhưng tàn bạo: một đứa nhỏ bị xô bắn vào tôi, và tôi hứng lấy nó bằng một phản xạ của người bông bẻ. Hai bàn tay chờn vờn của tôi ôm trọn chiếc đầu tròn lỏm chớm chỉ có hình ảnh lung linh là đôi mắt, lăm la lăm lét nhìn qua nhìn lại tìm đường tháo chạy. Tôi nghiêng mình nhìn xuống cái mặt gương tâm hồn sang sâu như chiếc hồ. Tôi là con điều hâu vờn lượn tíit cung mây, nhưng cảm thấy chóng mặt chao đảo trên mặt nước gương soi. Mồm nó hé mở, tươi như con nghêu.

Chính lúc ấy tôi nhận thấy trên đôi môi uốn lượn những đường nứt nẻ đỏ hoe giữa đùn da khô.

- Cháu đau môi ư?
- Vâng ạ.
- Các bạn cũng như vậy sao?

- Cháu không biết.

- Cháu đi xem xét coi!

Được tự do, nhưng trở mắt lên vì mệnh lệnh dị kỳ của tôi, hấn lĩnh mất vào đám đông, như con cá được thả vào hồ. Nhưng một phút sau, hấn trở lại, dẫn theo một Thanh niên giống hệt nó như anh em hấn. Đứa này thì mồm rõ rang là vết thương, bị loét, và vài đường nứt rỉ luôn cả chất nhờn.

Ngay tối hôm ấy, tôi mua ở hiệu thuốc làng Arys một lọ dầu hạnh nhân hòa với bột ca cao. Ăn tối xong, gian nhà ăn to lớn biến thành một trường hành lễ lạ thường và dễ xúc động. Đám trẻ nối đuôi nhau đi ngang trước mặt tôi, và tôi làm lễ bôi dầu cho chúng nó... Mỗi đứa dừng bước và đưa môi ra. Bàn tay trái của tôi đưa lên, hai ngón cái và trở chụm lại, trong một cử chỉ chúc phúc, hoàng thượng. Thoáng chốc, bàn tay trái của tôi không buồn nhúc nhích nữa, cái bàn tay Thiên tài, cái bàn tay Giáo chủ, cái bàn tay được Ủy Thác những chân lý bí nhiệm: chính chúng nó tìm tới bàn tay tôi, đón nhận một chút dầu thánh, như phép thánh đêm, như những tín đồ hôn bức tượng màu nhiệm của vị thần hộ mệnh. Và cũng vẫn không thiếu – ít thôi! Vừa chùng để cho thứ gì cũng có – dăm ba kẻ ngoại đạo hắt đầu lui hoặc ngoảnh đi chỗ khác trong một cử chỉ khước từ.

Vấn đề đèo bong thật là rối rắm, nó bắt con người nào sở hữu và làm chủ thì phải phục dịch và tự quên mình!

NTVBTT. Tôi có ý nghĩ rằng phòng tắm búp sen có thể là một cơ hội đặc cách để tạo nên cái *không khí đậm đặc*, là một cái gì đối với tôi bao giờ cũng như thể là một đối cực hỗ trợ cho sự đèo bong. Đây là một cái phòng lớn rộng chừng mười hai thước, dài hai mươi thước, ở phía trước có phòng thay quần áo. Nền lát đá có đào rãnh thoát nước, trần nhà chĩa xuống một dàn gồm sáu chục vòi, nước bắn xuống được điều khiển từ phòng thay quần áo và được chảy từ một bể năm nghìn lít có gắn máy nước nóng. Một bộ phận hòa nước cho phép dùng nước lạnh rồi tới nước nóng, hoặc pha chế cả hai thứ cùng một lúc.

Đám trẻ được đưa đến phòng tắm theo từng đạo. Để tiết kiệm nước nóng, kể từ nay chúng nó đi cùng một loạt. Trong tinh thần đàn ông với nhau, một sĩ quan hoặc hạ sĩ quan cùng đi tắm chung. Từ nay trở đi chỉ một mình tôi đi với chúng nó.

Vì bị thay bằng củi, phải đốt suốt đêm thì nước mới lên tới 40 độ. Tôi phải xuống năm lần đun củi cho máy nước nóng, ám ảnh theo kỷ niệm về Nestor bị chết ngạt trong buồng đun nước của trường Saint – Christophe, cái chết này cứ chập chờn suốt đêm rực lửa này. Theo quy định, đúng tám giờ, trước lúc điễm tâm, bọn trẻ được cho vào phòng tắm. Tôi nằm mình trần dưới vòi nước nóng, ngọt thở và đã hoa mắt lên thì âm vang các giọng nói trong trẻo hòa với tiếng lạch bạch của chân trần trên nền đá đã vang dội ca thang gác. Tiếng âm ã sung sướng, các thân hình chen lấn nhau và tiếng cười òa dưới tràng mưa bụi ô ạt từ các vòi, hơi nước nóng cuộn cuộn làm xóa mờ mọi thứ trong ánh đục nhờ.

Các thân hình tan biến đi rồi bỗng hiện ra lại, như giấc mơ vụt biến, rồi lại tan nhòa. Cả bày trẻ sôi sục lên trong chiếc nồi khổng lồ trước khi bị ăn thịt, nhưng tôi cũng đắm đuối du mình vào đó, và cũng chín người theo chúng nó. Lắm lần trở đi trở lại, tôi lại bị giẫm lên, bị nghiền vì sức nặng của bao nhiêu thân hình sũng nước nhào lên tôi, tôi tìm thấy lại một điều quen biết cũ kỹ mà tôi quên bằng từ bao năm nay, chính xác là từ buổi khai chiến, - *sự đè nặng thân thánh* -. Nhưng đây là sự đè nặng được nấu ở trong nồi kín, và tự khắc kèm theo một sự *thay đổi tín hiệu*: không còn phải là sự đè nặng du tôi xuống vực sâu khắc khoải, đây là một sự nâng mình lên rạng rỡ trên những tầng mây trắng tinh cuộn cuộn, cảm giác này lẽ ra chỉ tạo được một nguồn hứng cảm nhạt nhẽo, phần nào có tính cách ước lệ mà thôi, nếu như không có trái tim tôi đập bùng bùng âm thầm mà dữ dội và mạn sườn, cái tiếng trống bi thương đang đánh nhịp cho vinh hiển của tôi lên tới tột đỉnh. Tôi tưởng tới sự tái sinh của nhục thể được tôn giáo đưa ra hứa hẹn, nhưng đây là loại nhục thể đã biến hình, ở cao độ cuối cùng của sức tươi trẻ. Và tôi dang rộng lớp da nâu bản của thằng người lớn, tôi chia cái bản mặt đen đúa nhăn nheo ra dưới vòi nước nóng, tôi úp cái mặt đen mòm của tôi vào chiếc hoa bộ trắng và dâng nó cho những chùm mơn mớn thịt tươi để cho nó bớt vẻ xấu xí!

NTVBTT. Bởi lẽ ban đêm bắt đầu lạnh, và vì thiếu than không thể chạy máy sưởi chính, đành phải bỏ các buồng ngủ nhỏ tám giường, và lấy đại sảnh hiệp sĩ làm phòng ngủ chung, có lò sưởi bằng gang. Bọn trẻ reo mừng đón tin thay đổi ấy mà chờ được thể la hét thoải mái hơn. Về phần tôi, tôi thấy có cơ hội cọ xát nỗi cơ đơn ngay ngáy và khắc khoải của mình vào cả cái trường bãi cọng thông này vốn ấm áp những tiếng thở than, những cơn mộng mị, những kinh hoàng và buông thả.

Đám trẻ tự động kê bao nhiêu chiếc giường nhỏ sát lại với nhau, do đó tạo ra thành một sàn nhà lũng, một lòng đường trắng bọc nệm mà tôi khoái chị dao chân trần khắp ngả. Tóm lại đó là một *trường ngủ* hơn là một buồng ngủ theo nghĩa cổ truyền của từ ngữ.

Trường ngủ thành công to. Cuộc đại náo mà chúng nó trông đợi dần dà nở rộ. Tuyệt đẹp! Một cuộc phóng ngựa như điên dọc ngang trên bãi bình nguyên bao la nhún nhảy được lát bằng những ô giường trắng. Các miếng mền đắp chân và gối cùng quay tít đốn rụng từng nhúm chiến sĩ lăn đùng ra vừa rú lên khoái trá, những cuộc đuổi bắt rùng rú kết thúc dưới sàn giường, những pha tấn công hung hãn một tòa pháo đài mềm nhũn làm bằng một mớ nệm chùng chắt, và mọi thứ ấy trong một bầu khí sền sệt của lòng kính, đặc quánh hơi người, sau những lớp màn dày bít kín các cửa sổ.

Phần tôi, tôi theo dõi mọi cuộc thao diễn, rút người lại trong một góc làm thế nào cho chúng nó quên bằng có tôi. Tôi biết rằng bọn trẻ suốt ngày đào hố chống xe tăng và đã kiệt lực. Có mấy đứa chưa chi đã ngủ quên ngay nơi chúng trốn núp. Cao trào bắt đầu đi xuống khi tôi kết thúc liên hoan tắt phụt một lúc bảy mươi lăm ngọn đèn chiếu trong phòng. Lập tức bảy mươi lăm ngọn đèn chong tạo ra bầu không khí xanh lơ hấp háy thông thường của buồng ngủ, dễ làm tê liệt hoạt động còn hơn là bong đêm. Huyền não nơi rụng rất nhanh, dù vẫn còn có dăm đứa say máu tiếp tục chiến đấu đoạn hậu. Lúc bảy giờ tôi cảm thấy mi mắt trĩu nặng. Tôi vốn là kẻ sống về đêm, kẻ mất ngủ, kẻ đi đêm, hẳn nhiên tôi không tiên liệu mình

là một trong những kẻ đầu tiên ngủ vùi, ngồi lu thu nơi góc giường, lưng chèn vào góc tường, và có thể đây là điều bất ngờ lớn nhất và lợi nhất trong đêm. Nếu thói thường tôi mất ngủ đến độ này, phải chăng là vì tôi sinh ra để đêm đêm ngủ với bốn trăm đứa trẻ chẳng.

Nhưng chắc hẳn có một kẻ nào đó ở trong tôi nghĩ rằng tôi có mặt đây không phải để ngủ mà thôi, cho nên bỗng đâu tôi choàng dậy giữa đêm và, cần nói rõ hơn, tỉnh như sáo. Bao nhiêu tấm thân dọc ngang ngược xuôi la liệt trên cái sàn màu sang trắng to tương trông lạ mắt hết sức. Có những nhóm tùm tùm như thể vì sợ hãi, có những vòng tay ôm anh em, có những dọc dài tưởng chừng như chẳng đơ dưới lằn đạn liên thanh, nhưng những đứa trẻ thê lương nhất là những đứa đơn chiếc, những đứa đã lăn bò vào góc để chết thui thủi, như con thú, hoặc trái lại đã hết hơi không gượng đến với đồng bạn nổi.

Sau trận huyên náo vui sướng đầu đêm, cái quang cảnh tàn sát này nhắc nhở cho tôi một cách tai ác một bộ mặt nào đó của định mệnh tôi, bao giờ cũng đe dọa tôi, và đó là sự đảo lộn trầm trọng. Những lời cảnh giác phủ phê của vị chỉ huy trưởng nói với tôi bao giờ cũng gián tiếp và có tính biểu trưng. Bài học tối hôm nay nó hiển nhiên một cách đáng sợ. Bao nhiêu tinh huyết mà tôi đã phanh phui và nung lên thành ngọn lửa ngày mai đây, hay ngay đêm nay, có thể *thay đổi ký hiệu* và cháy lên bằng một ngọn lửa càng khủng khiếp hơn nếu tôi khơi chúng dậy lòng hơn.

Nhưng những linh cảm ấy gây cho tôi nỗi buồn nghi ngút cao vời đến nỗi nó dễ dàng bắt gặp nỗi vui trầm trọng mà tôi cảm nhận ra khi cúi nhìn những khuôn mặt đang ngủ. Tôi đi từ đứa này sang đứa kia, lảng lảng triu mến và lướt nhẹ trên trường ngủ; tôi ghi nhận dáng riêng biệt của từng đứa, thỉnh thoảng lật mặt để xem mặt, như thể lật hòn cuội trên bãi cát để khám phá cái mặt ướm và ẩn giấu. Bước đi xa hơn, tôi nhắc cả khối hai đứa sinh đôi đang quấn lấy nhau, đầu chúng nó rã nhẹ hư hử trên vai tôi. Lũ bê to xác rìn rịn và éo lá của tôi ấy, tôi không quên cái chất lượng đặc biệt của *trọng lượng chết* của chúng nó đâu! Đôi bàn tay, đôi cánh tay, đôi hông tôi, mỗi cơ bắp của tôi đã biết được một lần đích đáng cái trọng lực riêng biệt ấy không so sánh được với một cái gì khác...

NTVBTT. Về sau khi suy lại về những điều mách bảo của cái đêm đáng ghi nhớ ấy, tôi nhận thấy rằng những tư thế đủ loại của đám trẻ trong giấc ngủ có thể đưa về ba loại lớn.

Trước tiên là thế *nằm ngửa* khiến đứa bé như một cái tượng nằm nhỏ, ngoan, mặt hướng lên trời, gọi hình ảnh cái chết hơn là sự nghỉ ngơi.

Nghịch lại với thế nằm ngửa là thế *nằm nghiêng*, hai gối co lên bụng, toàn thân thu lại như hình cái trứng. Đó là vị thế của bào thai, thường bắt gặp hơn cả trong ba thế, và do đó nhắc nhở thời gian trước khi sinh. Trái ngược với hai vị thế ấy vốn nhại lại cái chết hoặc cái trước khi sống, thì tư thế *nằm sấp* là tư thế duy nhất dành toàn vẹn cho cái hiện tại trần thế. Chỉ có tư thế này mới gắn tầm quan trọng – mà ở đây quan trọng hàng đầu – cho *cái nền* của người ngủ nằm. Cái nền này – mà nền lý tưởng là mặt đất dao động – người ngủ nằm đè lên đó vừa để chiếm lĩnh nó vừa nhờ nó bảo bọc mình. Đó là vị thế của người yêu ở đời bôn xới đất đai bằng hạt giống của nhục thể mình, và người ta cũng đem cái vị thế ấy dạy cho các tân binh để tránh đạn và tránh mảnh pháo. Trong giấc ngủ nằm sấp, cái đầu kê nghiêng, áp má này hay má kia, hoặc đè tai này hay tai kia, như thế bắt mạch mặt đất. Sau cùng tag hi nhận giùm cho ông Blattchen rằng tư thế này hình như thích hợp hơn cả cho các sọ dài nghỉ ngơi, và ta cũng có thể tự hỏi biết đâu thói quen đặt trẻ sơ sinh nằm sấp để cho đầu áp thái dương – biết rằng xương sọ của trẻ là dễ uốn nắn – lại chẳng góp phần kiến tạo những chiếc sọ bầu dục.

NTVBTT. Hôm qua, tôi nhìn con Râu Xanh giữ bỏ yên cương, chỉ có chiếc dây buộc vào chiếc khuyên trên tường. Giữ sạch các bộ sậu, con vật thông dong, đầu cúi, tai so le, lưng oằn, nó buông thả, rũ người, tóp rọp, mệt mỏi. Nhưng chỉ cần cho nó miếng da đầu, da mõm, cái yên trên lưng là nó thóp người lại, phì phò, chảy lầy, đầu ngẩng, mắt thẳng và tai dựng... Tôi cũng vậy, iu xiu, lờ quờ, lưỡng vướng thân xác, lưỡng vướng sức lực, đôi chân trống trải, đôi cánh tay thừa thãi, tôi chỉ là tôi thực sự, lên gân, phách lối là khi nào đeo thêm một đứa bé, hai chân nó kẹp tôi, thân nó ngồi lên tôi, tay nó bá cổ tôi, tiếng cười của nó làm rạng tôi.

NTVBTT. Trái ới đôi mông của người lớn là hai bị thịt chết, là trữ lượng mỡ, ủ rữ như bươu lạc đà, đứa bé có đôi mông sống nóng, lật bật, luôn luôn tỉnh thức, có khi ồm o tốp rọp, nhưng sau đó thì tươi vui yêu đời, diễn cảm như mặt người vậy.

NTVBTT. Chất mật tiết ra từ phía sâu trong lỗ tai chúng nó, cũng vàng óng như mật của ong, nếm có vị đắng nguyên chất làm cho một kẻ nào khác sẽ lấy làm gớm ghiếc chứ đối với tôi thì không.

VI

NGƯỜI MANG TINH TỬ

Giữa đêm khuya, Thượng đế giáng đòn xuống tất cả những đứa con đầu lòng ở xứ sở Ai Cập.

Thiên Di Dân, XII, 29

Những trận đánh cuối cùng của năm 1944 nhắm vào thành phố Goldap, ở đông Phổ, khoảng trăm cây số phía Đông Bắc Kaltenborn. Ngày 22 tháng mười, các toán quân Tuyến thứ ba Bạch Nga do tướng Tcherniakovski chỉ huy đánh chiếm từng ngôi nhà một, đến ngày 2 tháng mười một, binh đoàn thiết giáp 29 của tướng Decker phản công tái chiếm. Từ đó cho đến lần tiến công của Liên Xô tái diễn ngày 13 tháng một năm 1945, có một thời gian lắng dịu cho phép dân chúng nhận định nguy cơ đang rình rập và đánh giá công lao đổ ra của chính quyền quốc xã. Nói tới chuyện hồng quân có thể xâm chiếm Đông Phổ, tức là phạm tội chủ bại và phản quốc. Đoàn người di trú của miền Đông dài dằng dặc mà quân Liên Xô đẩy đi phía trước – trước hết là nông dân Bạch Nga, rồi dân Lituanie, dân chúng vùng đất Mêml, và cuối cùng là lớp dân Đức đầu tiên của Đông Phổ - vẫn không được thường dân Đức xem như là một lời cảnh cáo. Tại các quảng trường ở làng và trong các công viên thành phố, người ta nom thấy nhiều công dân nhớn như đu dây yên tâm đã thu dọn hành trang chờ ra đi. Vì vậy cho nên hồng quân ngỡ ngàng bắt gặp dân các vùng bị quân đội bỏ rơi. Lính Liên Xô thuật lại rằng họ xông vào các trang trại và thấy đầy đủ gia súc trong chuồng ngựa, chuồng bò, thấy lửa đang nổ giòn trong lò sưởi, thấy xúp đang sôi trong nồi. Trên đường đi nhỏ hẹp, ít ỏi của vùng đất, trong cái lạnh cực Bắc giữa đông, một biển người man dại nhập nhằng những thức dân di trú của mọi quốc tịch đang tuôn chạy về phía Tây xen lẫn vào đoàn xe quân đội Đức ngược lên tuyến trước hoặc lui về hậu phương.

Dù thông thường không để ý đến những biến cố thể giới bên ngoài, Tiffauges hai lần có dịp làm chứng nhân của màn di trú thảm hại này. Đầu tiên là trước Noel 1944 ít lâu trên con lộ từ Arys đến Lyck. Lúc bấy giờ trong khi một đoàn quân nhân tiến chậm chậm về Lyck thì đoàn người chạy giặc đi ngược chiều và có vẻ chùn chân vì lạnh. Chắc là người bị dồn ún lại phía Arys, và tưởng chừng như các xe gỗ chuyên chở bị rã đám vì ngừng tiến, vì những người lợi dụng nghỉ chân để kiểm điểm thiết bị cho ngựa và cột lại các bao bị, trong khi đó trẻ con tản qua bờ đường và vào các bụi cây cạnh đường. Tiffauges ghi ngựa ngược dòng người đi về hướng Arys, và sau một đoạn đường một cây số rưỡi bắt gặp nguồn gốc tắc tỵ mà cách đó khá xa đã được báo trước do một đùm người vừa dân vừa quân xúm xít quanh hai chiếc xe húc đầu vào nhau. Một giàn xe quân sự trượt một đoạn dốc ngắn đóng băng không may đâm đầu vào một cỗ xe nông dân mà càng xe này đâm như ngọn lao vào giữa ức một con ngựa của xe quân sự. Con vật ngắc ngoải khuyu gối, còn được níu giữ nhờ con ngựa xe của nông dân phía bên trái – và cả hai con đang vùng vằng rướn người để thoát ra khỏi nút bùi nhùi.

Tiffauges xưa nay bị ấn tượng sâu đậm vì quang cảnh di dân. Anh tưởng tới cảnh ấy của quân Pháp hồi tháng sau năm 1940, so ra thì vụ quân Pháp có vẻ như một chuyến ngao du trên biển – và anh lầm nhằm lời cầu trong Kinh thánh: *Các người hãy cầu xin đừng chạy loạn trong mùa đông*. Hình ảnh con ngựa bị xiên giữa ức không xóa nhòa trong anh, bởi lẽ anh không khỏi ngờ ngợ nhìn ra qua đó một biểu tượng – rất tiếc là khó hiểu – hoặc, nói rõ hơn, một hình ảnh của huy hiệu lạ lung, nhưng không phải là không gần gũi với hiệu kỳ của Kaltenborn. Khi dòng người trốn chạy có thể chuyên động trở lại, hình ảnh mà anh mục kích. Trái lại, không có gì là đáng dấp biểu tượng nữa hết mà hoàn toàn là hình ảnh khủng khiếp lố lồ hơn cả: một cái xác người dính cứng vào lòng đường đóng băng, bị bẹp gí ngàn vạn lần, lép kẹp, bị nghiền dưới xích xe tăng, dưới bánh xe cam nông, bánh xe bò, hoặc dưới chân giày thành thịch mà thôi, bởi lẽ xác chết không dày hơn tám tấm, một tấm thảm tưởng như được cắt vanh theo hình người, ta còn mơ hồ phân biệt nét người, một con mắt và mấy chùm tóc.

Mấy hôm sau, trên con đường từ Lotzen đến Rhein, anh lại phải bắt gặp một cảnh gây điên đảo sâu đậm hơn cho anh nữa. Anh nom thấy họ từ xa đi lại, tất cả đám tù binh ấy, đầu quấn miếng khăn quàng cổ và đội chiếc mũ

chốc mào của quân nhân, hai bàn chân quán bằng những miếng băng len hoặc giấy báo cột lại thành ủng, họ dùng một sợi dây kéo theo những chiếc va li bằng tôn hoặc bìa cứng được biến thành những loại xe trượt tuyết nhờ gắn bánh xe gỗ. Họ đông hằng trăm, có lẽ đến hàng nghìn, chẳng có vẻ gì là chăm chú tâm lắng như đám chạy loạn kia, mà trái lại chuyện trò đùa bỡn, và đong đưa bên hông những chiếc túi rết căng đầy lương thực. Ngay khi họ đột hiện, Tiffauger rõ tình hình, nhưng câu nói đầu tiên bằng tiếng Pháp lọt tai anh gây đau đớn cho anh không kém gì một chiếc gai đâm. Anh mở miệng chào họ, hỏi họ, nhưng một cái gì đè nặng giống như một nỗi tủi nhục chặn ngang cổ họng anh. Không ngờ bù nhìn bỗng nhớ đến gã tài xế Ernest, nhớ Mimile quê ở Maubeuge, nhớ Phiphi ở Pantin, nhớ Socrate, và nhất là gã điên Victor. Tự trung chẳng có gì ngăn cản anh nhập bọn với những con người này đang vui vẻ cất bước trở về nước Pháp và sẵn sàng dong ruổi gần hai nghìn cây số đường đất bị chiến tranh cày xới, giữa mùa Đông, với những chiếc ủng bằng giẻ rách và giấy... Anh cúi nhìn đôi ủng của mình, đôi ủng đen, đẹp và mềm của quan chức Kaltenborn, mà sang nay anh tự tay cho xi đánh bóng. Đám tù binh giờ đây bước qua trước mặt anh, và họ hạ giọng, cho anh là người Đức, ngoại trừ một gã đen nhỏ người trông giống Phiphi nhìn anh nói oang oang:

- Chào lính Đức! Quân Liên Xô cùng khắp!

Nét tính bỡn cợt của dân Paris ấy chưa chi đã vụt hiện ra trong phút gặp gỡ thoáng qua với người đồng hương bỗng nhiên nhắc nhở cho Tiffauges thấy cái khoảng cách khó vượt qua nối liền luôn luôn chia cách anh – con người nặng nề, lảm lì và buồn buồn – với đám bạn dễ mến. Anh quay ngựa lui, con Râu Xanh đang lộ vẻ sốt ruột và gục gặt đầu lia lịa, và anh trở về Kaltenborn. Anh quên nhanh buổi bắt gặp ấy, vì anh từ nay đã thuộc về cái nước Phổ đang đổ nhào quanh anh, nhưng cho đến khi về tới lâu đài anh vẫn bị ám ảnh theo hình bóng của vị Chúa Tể Đầm Lầy đang hụp xuống cái bãi lầy và được một lớp phù sa dày dặn che chở khỏi mọi sự tiếp chạm, tiếp chạm của người và của thời gian.

NTVBTT. Sáng nay tại Gumbinnen. Trước cửa hàng đóng giày, một hàng người chờ chực, đàn bà, ông lão, mỗi người cầm một mẫu lốp xe hơi.

Bên trong, mọi người cởi giày và chò thợ đóng miếng cao su cũ làm thành đế mới cho giày tàng ...

Quyền uy của tôi càng tăng, tôi càng ngấp ngáy thích thú tham dự vào sự rệu rã đồng thời của Đức quốc. Bọn nhỏ được di tản về hậu phương. Người lớn thì kêu gọi trở thành trợ thủ cho pháp phòng không, tiếp theo đó các trường học lần lượt đóng cửa hết trường này đến trường kia. Chỉ có những bưu cục tại các huyện lỵ là còn hoạt động, và gửi thư hoặc gửi bưu phẩm đều phải đi hàng cây số. Trong các sảnh đường, một ông già làm việc thay cho hương trưởng, cho phụ tá và luôn cho thư kí, và ông chỉ làm những phần hành tối cần, trong các phần hành này – bên cạnh việc phân phối lương thực và việc thông báo cho gia đình có thân nhân hy sinh ở chiến trường – vị Tổng trấn buộc phải thêm việc cưới xin. Nước Đức đang suy sụp vẫn muốn bảo đảm việc truyền giống trong tinh thần hợp pháp. Chẳng còn có một mống bác sĩ nào trong vòng trăm cây số.

Đôi khi có nghe người ta than van đời sống phức tạp ra. Kỳ thật, đời sống đơn giản thêm thì có, nhưng, đơn giản thêm thành ra khó khăn, chi chiết thêm. Những vòng vận hàng – hành chính, thương mại cùng các thứ khác – của đời sống hiện đại là bấy nhiêu thứ nhỏ nhỏ co giăn làm giảm nhẹ bao nhiêu ma sát giữa người với sự vật. Giờ đây dân chúng càng ngày càng đụng đầu với thực tế thô sơ.

Bởi nó xiêu đổ cho nên cái sứ sở này nó càng ngày càng chạm đến tôi gần gần hơn. Tôi trông thấy nó ngã trần truồng dưới chân tôi, yếu đuối, rũ rã, rơi vào tình trạng nghèo khó cùng cực. Tưởng chừng như, chao đảo. nó phô bày ra cái đế của nó, trước đây luôn luôn được chon lấp, nhưng bỗng đâu bị lật lên, phơi ra ánh sáng. Như một con sâu bọ bị va vấp, quờ quạng sáu chân giữa trời với chiếc bụng trắng mềm, ngửa lên trời, bắt đờ mắt chỗ trên mặt đất gần như kẻ đen kín và che chở cho nó. Ta tưởng như người được mùi đất ẩm và mùi thối rữa còn sống đang tằm vào cái bụng xanh mét của quốc gia đang bị đảo lộn. Yên nghỉ nơi đây là cái thân xác to lớn không tự vệ của nước Phổ, luôn luôn sống nóng, nhưng bày ra những phần mềm và dễ phạm dưới chân tôi. Nhưng vẫn phải cần như vậy mới bắt sứ sở này cùng những đứa con của nó quy phục những đòi hỏi yêu thương cấp thiết của tôi.

Vị chỉ huy tình báo Rauf Eisen biến dạng tám hôm. Một đêm ông trở về dẫn đầu đoàn cam không quân đội, đoàn xe trút xuống sân lâu đài ba nghìn khẩu phóng pháo Panzerfaust, và một nghìn hai trăm quả mìn chống chiến xa. Panzerfaust là những khẩu phóng pháo nhỏ, cá nhân, vô cùng kiến hiệu, dù là nhẹ và đơn sơ, những khẩu này xuất hiện đúng lúc, như là khí giới lý tưởng cho thay sung nghĩa quân lẻ tẻ chống trả thiết giáp xâm lăng. Trái pháo không có thuốc sung, khi nổ chạm vào lớp sắt, phóng ra một vòi khí nóng và một hòn sắt chảy với tốc độ vài ngàn thước một giây và vài ngàn độ nóng. Ổ lỗ sắt thủng, sắt chảy bắn vào xe, làm bị thương hoặc giết người trong xe, và gây ra những làn hơi mờ và hơi xăng lẩn quất trong vòm xe. Nhưng khẩu phóng pháo này chỉ có tầm tám mươi thước thôi, và các huấn luyện viên nhấn mạnh đến việc người bắn cần đảm chừng nào tốt chừng ấy cần để cho mục tiêu đến thật gần. Mười lăm thước, đó là khoảng cách lý tưởng, người ta nói đi nói lại như vậy, táo bạo một cách điên rồ buộc ta nhìn thẳng mặt chiếc tăng nặng một cách lạnh lùng gần giống như vô tri.

Bởi thế cho nên, trong những buổi lý thuyết diễn ra trong một gian phòng của lâu đài có đem bảng đen đến, ông Rauf Eisen dùng đủ lời để thuần hóa con quỷ sắt trong đầu óc đám trẻ. Ông dần giọng quả quyết:

- Chiếc xe thiết giáp nó điếc và đui một nửa phần. Các bạn nghe nó. Nó thì chẳng nghe gì. Tiếng động cơ ngăn cản luôn cả người trong xe phân biệt các tiếng âm vang là tiếng gì và từ đâu tới: từ khí giới tự động, hay pháo binh, máy bay?

“Nó trông không rõ. Các bộ phận nhắm bị giới hạn vì các góc chết quá lớn bít cả vùng gần chung quanh chẳng hạn. Xe tiến tới nhô lên thụp xuống còn làm cho việc quan sát hóa ra sơ sài. Ban đêm trườn đi buộc phải mở nắp, mở cửa thông.”

“Thiết giáp không thể xả súng khắp nơi một lúc, bắn gần sát cũng không được. Các góc chết cộng thêm ít nhất là ba mươi giây để cho pháo của tháp quay đủ vòng cũng đủ cho phép anh bộ binh quyết tâm hành động không sợ nguy hiểm. Góc chết của đại bác xê xích từ bảy đến hai mươi thước, và góc chết của khí giới tự động từ năm đến chín thước tùy loại thiết giáp. Sau

cùng là thiết giáp khó lòng nhả đạn chính xác khi chuyển động. Muốn tác xạ chính xác bằng đại bác thì phải dừng lại, mà dừng lại là anh khinh binh đề phòng ngay.”

Kể đó ông kể ra sáu nhược điểm của thiết giáp mà xạ thủ cần tập trung nhắm bắn, và đó là dây chuyền chuyển động, mặt dưới của xích, hệ thống thông hơi, động cơ, họng tháp và bộ phận nhắm.

Theo lời ông nói, bọn trẻ hình dung chuyển động một con thú thần kỳ, dũng mãnh nhưng chậm, âm âm, vụng về, cận thị và điếc đặc, và chúng nó so sánh con thú này với con thú săn màu đỏ màu đen mà chúng có thói quen săn bắn. Loại thú này tất nhiên nguy hiểm hơn con nai, nhưng dễ đến gần và dễ hạ gục hơn nai, tựu trung là một loại heo rừng cao cấp, thế thôi. Và chúng nó cười khoái chí tưởng tượng những chuyên săn lý thú nay mai.

Buổi tác xạ thực sự bằng sung Panzerfaust diễn ra ở trường Eichendorf, trên các mục tiêu là những tấm tường nhỏ bằng gạch mô phỏng thô kệch hình dáng các chiến xa, nhắc nhở cho chúng nó một thực tế khô khốc hơn. Tiếng nổ ban đầu, cái vòi lửa vọt ra sau gáy của xạ thủ, tiếng réo của hòm pháo chúm đầu xuống tuyết những lúc không nổ vì chạm đất dưới một góc khép quá nhỏ, rồi phát nổ chạm đích, cái lưỡi bằng lửa làm tung tóe gạch ở trường như hoa giấy – đám trẻ mau mắn hiểu ra rằng người ta vừa tặng cho chúng nó một món đồ chơi tàn độc và một thời kỳ mới đang mở ra cho chúng nó. Thêm vào đó, tai nạn đầu tiên xảy ra hai hôm sau, và làm mất mạng một Thanh niên tên Hellmut von Bibersee.

Theo nguyên tắc nòng không giật lùi, đạn phóng ra phân làm hai áp lực cân phân, một ta phía trước, phóng pháo, và một ta phía sau, tản ra trong không khí. Cái nguy hiểm chính yếu đối với xạ thủ và trợ thủ là ở lưỡi lửa từ ống phóng hộc ra, về phía mà ta tưởng an toàn. Nếu cái lưỡi lửa này chạm vào một chướng ngại vật gần kề, nó lại bắn lui thành những vệt chết người đối với xạ thủ. Nhưng thứ nhất là viên trợ thủ đứng sau xạ thủ là ở trong tầm hiểm nghèo hơn cả, vì vòi lửa có thể giết người trong vòng ba thước.

Khi Tiffauges nghe tin Hellmut hoàn toàn bị đứt đầu vì vòi lửa thụt hậu của khẩu Panzerfaust, và thi thể đặt trên cang trong nhà nguyện của lâu đài,

anh lập tức đến ngồi một bên thi thể và trong một phần đêm anh ngồi đó một mình.

NTVBTT. Trước khi ánh sáng đầu tiên của ban ngày hiện ra, tôi không thể nào rời mắt khỏi tấm thân gầy guộc và như thể được vẽ bằng mực xạ thân gầy guộc và như thể được vẽ bằng mực xạ trên tấm vải trắng lót cho nó, một toàn thể xương xẩu lô nhô đó đây mấy mẫu cơ bắp như hình chạm nổi, như những đóm cây gửi giữa những cành trụi lá. Cái hình ảnh kỳ quặc này cho ta cảm nhận ra chẳng còn có gì là hình người trong cái thi hài cụt đầu này, không phải như thế sao? Chẳng có gì là hình người, có nghĩa là chẳng có gì liên quan giữa nó với những thứ xúm xít của người lớn. Hellmut chẳng còn gì là Hellmut, và chẳng từ đâu đến đây hết. Đây là tinh chất của sinh vật từ trên trời rơi xuống như một viên thiên thạch, và được chỉ định tan hòa vào đất. Cái chết đã giúp cho da thịt của nó đầy đặn mà nó không có được khi còn sống. Các mút cơ bắp, những sợi thần kinh, tạng phủ, mạch máu, tất cả cái guồng máy ẩn mật chuyền hơi nóng và chan rười cho nó đã tan hòa thành một khối đồng chất rắn rỏi chỉ còn có hình dáng và trọng lượng nữa mà thôi. Ngay cả lồng ngực cũng được nâng dậy giống như được thổi hít vào một hơi dài, và phần hõm mềm mại của vùng bụng cũng đầy đặn và tuyệt đối không có gì là nhấp nhô. Tất nhiên điều suy tư của tôi vẫn quanh quẩn ý niệm trọng lượng – cái trọng lượng chết – và cử chỉ bao trùm lên phải là cử chỉ bông bẽ.

Tôi xưa nay ngờ rằng cái đầu chỉ là một quả bóng nhỏ căng phồng lên nhờ thần khí (*khí* là gió) nâng thân hình lên, giữ cho thân hình ở thế đứng thẳng, và cùng một lúc rút ra từ thân thể cái phần lớn nhất của trọng lượng nó. Do cái đầu, thân hình được thần khí hóa, phi nhục thể hóa, được tiêu trừ đi. Trái lại, bị mất đầu, thân hình rơi phịch xuống đất, bỗng nhiên bị trở về cho một khối thịt ketchup, đèo thêm một sức nặng không tưởng nổi. Tình trạng sinh đôi vốn đi kèm với sự phân chia thần khí cùng với sự nặng thêm về nhục thể đã cho tôi một lối giải trình *tương đối* của hiện tượng ấy mà cái chết hoàn trả lại cho nó cái dạng *tuyệt đối*. Do đó mới có những hình khối như được đầy đặn thêm, mặc dù thân thể này bất động, phục phịch, mất hết co giãn.

Tôi bỗng thẳng bé song sượt lên tay, mắt nhìn chăm chăm vào vết thương phủ hết cổ. Lập tức, dù tôi có sức, và dù tôi mềm lòng, con người tôi lao đảo dưới sức nặng. Tôi long trọng quả quyết rằng cái hình hài không đầu này nặng gấp ba gấp bốn hình hài sống.

Còn sự xuất hiện thân được mang bỗng thì nó đưa tôi lên tới tầng trời đen đang rung chuyển từng giây một theo tiếng đại bác của thời Mạt thế.

Trong phòng hơi ngạt để sưởi ấm. Đó là những phòng giả làm phòng tắm. Người ta bắt tù nhân cởi hết áo quần rồi dặn họ nhớ chỗ để lấy mặc lại. Phát cả khăn tắm luôn nữa. Kế đó, nhét tối đa vừa đàn ông vừa đàn bà vào trong phòng.

Sau cùng, lính dùng vai đẩy họ vào để đóng cửa lại, và quẳng trẻ con lên đầu bọn người lớn. Mấy búp sen đều là giả, Cháu đã trông rõ các búp sen có lấm chấm chứ hông thực sự thông lỗ. Mở cửa ra sau khi xả hơi, những người nào khỏe nhất đã đập đầu những người khác để vùng vẫy khỏi khí ngạt chết người từ phía dưới đất xông lên. Như vậy là thành cả một đồng người chát cao lên đến trần nhà, phía dưới là trẻ con đàn bà, phía trên cao là đàn ông khỏe hơn cả.

Dù được nhiều sự dễ dãi nhờ nhỏ tuổi và nhiệm vụ của Đoàn di động, Ephraim tất nhiên không được mục kích mọi chuyện diễn ra tại thủ đô của tử thần. Nhưng nó có tai nghe ngóng, và tiếng đồn lan truyền nhanh trong trại. Epharaim được biết có khu vực B, nơi đây bác sĩ Mengele chuyên nghiên cứu y học trên đám tù binh. Theo lời nó nói với Tiffauges, thì Mengele say mê nghiên cứu vấn đề song sinh, và ông theo dõi nhưng đoàn xe nào mới đến để tiếp thu cho riêng mình những cặp anh em hoặc chị em có mặt trong đoàn. Là vì hiếm hoi mới có thể mổ khám nghiệm so sánh cặp song sinh chết một lần, và hiển nhiên chỉ cậy tình cờ thì không bao giờ được một cơ hội tương tự. Cái tình cờ ấy, bàn tay của bác sĩ Mengele phụ giúp vào. Sau hết, người ta bảo ở Auschwitz có những thí nghiệm về người chết trong môi trường chân không thực hiện trên đám tù, nhằm tìm cách chữa trị những tác hại sinh lý do bất thần mất áp suất không khí bình thường trong trường hợp máy bay lên quá cao. Sinh vật người thí mạng

được đóng vào một chiếc thùng nhỏ, trong đó người ta có thể tạo chân không bất cứ lúc nào. Do một lỗ tròn bít gương của thùng, ta trông thấy máu vọt ra mũi và tai của nạn nhân, trong khi các móng tay bầu sâu vào da trán và, bằng một động tác chậm rãi nhưng không kèm chế nôi, cày luôn cả lớp thịt trên mặt.

Ấm áp một nỗi rung rợn, Tiffauges hình dung lù lù hiện lên, qua lời kể hồi lâu của Ephraim, một Kinh Thành địa ngục ứng đối trong từng viên đá một với Kinh Thành đeo mang mà anh mơ tưởng tại Kaltenborn. Xứ Canada, sự may dệt từng sợi tóc, điểm danh, đàn chó ngao, nghiên cứu vấn đề song sinh và tỷ trọng khí quyển, và nhất là, nhất là những phòng giả làm phòng tắm, bao nhiêu điều anh sáng chế, khám phá đều phản chiếu trong tấm gương rung rợn, bị đảo lộn và cháy sáng lên bằng lửa địa ngục. Anh còn phải tìm hiểu thêm rằng hai dân tộc mà bọn Đặc nhiệm đuổi mà cho đến tiết chúng là dân Do Thái và dân gi-tan. Do đó, ở đây anh tìm thấy sự căm ghét ngàn đời được đẩy lên cao độ của các chủng tộc định cư chống lại các chủng tộc di trú. Do Thái và gi-tan, những dân tộc lang thang, đàn con của Abel, là những người anh em mà anh cảm thấy mình liên đới bằng trái tim, bằng tấm lòng mình, là những người gục ngã hàng đông ở Auschwitz, dưới những ngọn đèn hắt của thằng anh Cain đi ủng, đội mũ sắt và được tổ chức khoa học. Tiffauges thì thoát hẳn ra ngoài cái trại tử thần rồi.

Nếu Auschwitz là nơi tận cùng của cái chết đối với đa số tù nhân khi bước vào chiếc cổng có điểm khẩu hiệu mỉa mai kịch cớm là *Lao động là tự do*, thì đối với một số người đó là bước ngoặt để từ đó được chuyển tới những trại khác, hoặc đến những cổng trường, nhà máy, tùy thuộc một guồng hành chính muốn trong cùng một lúc, và một cách mâu thuẫn, tiêu diệt họ và lợi dụng lao động của họ tối đa. Mùa xuân năm 1944, Ephraim ra đi với một đoàn xe máy chiếc về hướng Lituanie quê hương nó, tại đây nó vào trại ở Kaunas. Ở lại đây ít thời gian thôi, vì ngay từ tháng tám, quân đội Xô Viết tiến đến gần làm cho trại di tản, và lại ra đi về hướng Tây Nam, lần này đi bộ. Đoàn người thảm thương lê gót từ trại tạm này đến trại tạm khác để cuối cùng đi xuyên qua tỉnh Angerburg, nơi Tiffauges vớt được Ephraim.

Chính quyền Đức quốc xã tìm cách trì hoãn tối đa một biện pháp đối với Đông Phổ chắc hẳn mang một ý nghĩa tượng trưng báo điềm gở: dời chuyên sang Tây Đức di thể của thống chế Hindenburg hiện đang đặt tại lăng ở Tannenberg giữa cờ xí của bao nhiêu tiểu đoàn Phổ mà thống chế từng chỉ huy. Việc ấy hoàn tất vào tháng một 1945, giữa lúc quân đội Xô Viết, sau khi ngưng chiến hai tháng rưỡi, ồ ạt tấn công các tuyến quân Đức. Ngày 13 tháng một, một đợt rét biến các hồ, đầm lầy, thành đường băng cho thiết giáp, hai lữ đoàn chiến xa hạng nặng được yểm trợ bằng ba sư đoàn bộ binh. Khu rừng Rominten bị bao vây và các nhà dù săn bắt bị đốt. Trong các cánh đồng tuyết phủ và trên các mặt ô đóng băng, khi người ta trông thấy lóc cóc thông dong từng đoàn ngựa mất loạn cuồng, bồm tung tóe, đuôi ngực bên phải in vết sắt mang hình sừng con mê được cách điệu, người trong cả vùng hiểu rằng các trường ngựa hoàng gia ở Trakehnen đã bị dẹp. Ngày 27, khi quân Xô viết đến công thành Königsberg, các đơn vị công binh Đức cho nổ các pháo đài và các Hang Sói của Hitler ở Rastenburg. Người ta thuật lại rằng ở Varzin, bà nam tước Von Bismark, dâu của vị thiết huyệt tể tướng Bismark, khăng khăng không rời lâu đài và địa phận của vua ban cho vị chiến thắng trận Sadowa. Bà ở lại một mình với một lão bộc, sau khi chỉ yêu cầu đám người hầu hạ đào sẵn chỗ bà một năm mò trước khi bỏ đi, và người đàn bà mảnh mai gan dạ ấy, chờ đợi làn sóng hồng quân và biết mình sẽ không sống sót.

Tuy nhiên, cuộc tiên quân Xô viết diễn ra theo lối chọc thủng càng nhiều nơi càng tốt và có khi trải rộng ra đến hàng trăm cây số hơn là theo một tuyến liền lặn quét hết cả vùng. Vô số cụm kháng chiến vẫn bám lại đằng sau quân đặc thắng và phải cố thủ bèn gan nhất là vì Hitler một mực huấn luyện kháng chiến kỳ cùng và không đầu hàng. Vì thế cho nên đạo quân phía Bắc, cứ đóng ở Lettonie và đứt đoạn với Đông Phổ kể từ đầu tháng mười 1944. Được tiếp lương đường biển nhờ cảng Libau, phải cầm cự cho đến đình chiến. Pháo đài Königsberg cũng chỉ đầu hàng ngày 10 tháng tư, và lúc quân lực Đức đầu hàng toàn diện ngày 8 tháng năm, nhiều ổ quan trọng còn cố thủ, như ở bán đảo Hela và ở bờ biển phía đông Dantzig.

Vai trò của các trường chính trị quốc gia trong những ngày này được quyết định do chỉ huy trưởng Heissmeyer, thuộc lực lượng Đặc nhiệm, ông này viết trong một thông tư ngày 2 tháng mười 1944 rằng gặp trường hợp quân địch đến tận nơi, thì các trường chính trị quốc gia vốn tọa lạc ở đồng

bằng nên không thể trông cậy quân đội yểm trợ, và do đó phải dùng đủ biện pháp để biến trường chính trị thành những ổ kháng chiến tự trị. Không có gì bình thường hơn khi vị chỉ huy Königsberg đặt thành đội ngũ một đơn vị thiếu niên lương vượng theo chiếc nón sắt cứ chao xuống tận mắt sau mỗi phát đạn chúng nó bắn, và đối với đám này thì rượu và thuốc lá phân phát trước khi tấn công được thay thế bằng kẹo và sô cô la.

Đêm 22 rạng 23, một vầng sáng khổng lồ đỏ ối chân trời nom rõ từ sân thượng phía 1 Đông của Kaltenborn. Đó là thành phố Lyck đang cháy. Tiếp theo là quân lính tán loạn nườm nượp hay ngày hai đêm dưới lũy thành của Kaltenborn. Các chiến xa M-2 cũ kỹ từ đầu chiến tranh kéo theo sau bốn năm cam nhông đầy ắp thương binh, thở hào hển, lồng lên trượt xuống trên những vũng lầy đóng băng. Những chiếc xe gắn bên hông loại B.M.W từ chiến dịch trên đất Pháp, những chiếc xe ca lật mất vỏ, những chiếc cày che bạt với mây con ngựa bù xù như gấu bước một bước là lắc lư cái đầu và thở ra hai vòi khói, sau cùng là các gã bộ binh rã rác đang đẩy hành trang của mình trong mấy chiếc xe trẻ con, tất cả theo một thứ lớp bất di bất dịch trong mọi trường hợp tàn binh. Raufeisen có ý nghĩ cầm chân bọn Thanh niên trong cổ thành để chúng khỏi phải thấy tang thương của quân đội Đức.

Sau đó là khoảng trống im lặng. Cuối cùng, ngày 1 tháng ba, các thông tin cho phép vạch lên bản đồ cái đường chỉ mới của mặt trận, theo một đường đi từ Kulm đến Dantzig, băng qua Graudenz, Marienwerder và Marienburg, cách Kaltenborn hai trăm cây số về phía tây. Đến đây, cổ thành hiển nhiên bị tác ra khỏi hậu phương lọt vào một cái túi tạm thời ngưng tiếng súng giao tranh.

Tiffauges chỉ chú ý một cách lẽnh lã đến những biến chuyển ấy. Thì giờ thích thú nhất của anh là ở cạnh Ephraim, nó đã lấy lại một ít sức sống, nhen nhúm lên một lóe nhí nhảnh một cách là lạ, có khi vui vẻ là khác. Một hôm, anh cõng nó lên vai, và đưa nó đi quanh trong tầng nóc của lâu đài, một cảnh trí mênh mêng, bát nháo, được rọi sáng một cách dị dạng bằng những ô cửa tò vò, tại những nơi này anh dừng bước chỉ cho nó xem cái bãi rừng, hồ, đầm lầy bao quanh Kaltenborn. Ephraim quen mùi, và từ đó hề nhắc thấy Tiffauges là đòi cưới đi dạo. Nó bảo:

-Ngựa Do Thái ơi, chở ta đi, cho ta xem cây cối, ta phải trông chừng tuyết tan báo hiệu đêm ngày 15 theo lịch Do Thái.

Trò chơi này không phải là không nguy hiểm, và Tiffauges không tự dối lòng mình về những nguy cơ thằng bé Chở Sao có thể gặp phải giữa cả một bày thú ăn thịt tóc vàng. Nhưng cái địa ngục mà Ephraim đã từng sống qua nó làm mờ nhạt những đe dọa đang tiếp tục đè xuống đầu nó.

Một đêm, khi con Ngựa Do Thái lóc cóc leng keng đến tận chái Bắc của lâu đài, nó đụng đầu với tay Đặc nhiệm tên Rinderknecht lên đây vút mấy chiếc nệm vào kho chứa. Cả hai phía cùng ngấp ngừng một giây đồng hồ, kể đó, không kịp đặt thằng Ephraim xuống đất, Tiffauges chụp ve áo lính của gã Đặc nhiệm, nhấc bổng hẳn lên, để hẳn vào tường, cho cái máy ép cây gai kẹp vào ngực hẳn nghe răng rắc. Tên Đặc nhiệm giẫy giụa yển dãn, và khuôn mặt rúm ró của nó ngả sang màu xanh, bổng Ephraim rú lên, và nện hai tay xuống đầu người ngựa và vùng vàng hung dữ trên vai anh. Tiffauges mờ mắt nửa vì sợ nửa vì giận, lẽ ra để thằng bé muốn làm gì thì làm, đảng này thằng bé vùng đến nổi ngã ngựa lăn xuống sàn nhà ngói co lại bật khóc tức tưởi. Đến đây Tiffauges buông tha con mồi ra, hẳn dựa vào tường thở dốc, và anh quỳ xuống cạnh thằng bé. Nó vừa khóc vừa nói mãi:

- Đừng giết, chú Béhémoth! Lính của Chúa sắp sửa giải thoát cho dân Do Thái rồi mà, nhưng còn chú, chú đừng giết, đừng, đừng giết! Chú tin cháu đi, hẳn không khai báo đâu!

Tiffauges bế thằng bé vào phòng nóc chẳng nghĩ gì tới gã Đặc nhiệm, có thể Ephraim nói đúng, nhưng nguy cơ vẫn lớn. Đây là lần đầu tiên, gặp việc hệ trọng, đứa bé khiến chàng thanh niên người Pháp phục tùng ý muốn của nó. Tiffauges đâu dè kể từ nay trở đi anh càng nhượng bộ kẻ được mình bảo trợ. Anh nép mình theo nó, lòng cảm nhận rằng một nguồn lực của định mệnh đang xâm nhập người nó còn hơn chính mình. Nhưng anh vẫn muốn biết Béhémoth là ai, và tại sao đứa bé lại gọi mình bằng tên ấy. Anh hỏi nó ngay hôm sau. Nó đáp:

- Là tại vì chú khỏe, chú là Ngựa Do Thái ạ. Một hôm từ trong lòng cơn bão Chúa phán với Job và bảo rằng:

Ngươi hãy xem Béhémoth, ta tạo dựng nó giống như ngươi: nó ăn cỏ như bò vậy.

Ngươi xem nhé, sức lực của nó nằm ở vùng thận tạng, và sức dũng mạnh của nó ở các cơ bắp bên hông!

Nó chống đuôi như cây bá hương;

Gân đùi chụm lại thành bó rắn chắc, ống xương như ống đồng, sườn như từng thỏi sắt. Đó là tuyệt tác của Chúa; Đáng tạ dựng cho nó một uy lực. Núi cho nó thức ăn, muông thú giữa đồng vờn quanh đó. Nó nằm dưới lá sen, và đám lau, trong đầm lầy kín đáo, sen cho bóng cho nó, rặng liễu bên thác bao quanh...

Ephraim ngâm nga các đoạn kinh trong Thiên Job theo giọng ê a của người đọc kinh Do Thái. Nó kết thúc đọc kinh bằng một tràng cười của tiểu thần Sơn Lâm.

Tiffaugres bị thu hút ngay vì hình ảnh của Chúa Tể Đầm Lầy nằm trong đám lau, trong đầm lầy kín đáo, anh trân trọng lòng tin của nó rằng cuối cùng Chúa sẽ thắng, và anh gần lại với nó, như gần ngọn lửa hồng, để hơi hưởng đức tin tiên tri của nó tỏa sáng. Một hôm thiếu nước, vì các vòi của bể chứa trong huyện bị bom hủy phá. Sau đó nước rỉ rỉ ở các vòi, nhưng nước có màu đỏ, và để lại một lẫn rỉ sét trong các chậu rửa. Ephraim không lấy thế làm ngạc nhiên: vết thương đầu tiên ngày xưa tại Ai Cập, nước trong toàn xứ sở chẳng biến thành máu là gì? Thời buổi đã chín muối, nó lặp lại lời ấy, và thời buổi giải thoát đến gần...

Cuối tháng ba, bỗng dung hết lạnh. Một trận bão vừa gió vừa mưa, quét tràn khắp vùng, lùa đến đủ thứ chim sáo sậu, óc cau, te te, làm dậy sóng các mặt hồ bang rã, làm ngập lụt các nẻo đường làng bên dưới thấp. Rồi gió tan, và ta thấy tít trời cao những đàn vịt trời bay theo hình chữ V. Đám trẻ phụ trách sung phòng không dẫn long không được nhả luôn đạn vào đám mục tiêu di động ấy qua vùng đạn đạo của chúng nó. Hễ một quả đạn nổ giữa một đường bay rậm đám, bao nhiêu chim tóe ra giữa một đám mây long vũ làm cho đám xạ thủ reo vang.

Raufeisen mừng thấy bang tan trước thường kỳ, điều này được một cái là để tri hoàn một trận tấn công của Xô Viết. Ngay đêm ấy, trong không khí bình lặng trở lại của một đêm đầm chồi tỏa hương tràn đầy, lần đầu tiên người ta nghe ra xa xa tiếng lịch kích rõ rệt, khô và ròn rợn của dây xích

chiến xa Nga. Có ai đó ngờ vực gì chẳng, thì ngờ vực tiêu tan ngay vì đột nhiên một chú nông dân trên lưng một con ngựa hồng vùng Trakehn không yêu, gả để chân trần mà lại thắng đỉnh thúc ngựa một cách kỳ quặc. Gã đến đây từ Arys là một thị trấn lớn cách mười lăm cây số, dân di tản gần hết, gã ở lại với vài cụ già và súc vật. Lính Xô Viết đến thị trấn đã ba tiếng đồng hồ, và chắc là đang bèn gót gã. Lập tức Raufeisen cho trấn thủ các điểm chiến đấu mà ông dự trù, và phái đến đó từng nhóm, từng đội thiếu niên.

Như thế chờ đợi cứ tưởng là lâu, nếu như cái thứ tiếng lách kích khắp nơi và dai dẳng của từng loạt dây xích chiến xa chưa buông tha cho đầu óc con người. Cuối cùng hai chiếc lù lù xuất hiện ở sân dốc trong bóng lù mù của hoàng hôn và tắt đèn trườn tới lũy thành. Đây là những chiếc T-34, những thớt voi chế tạo do mấy anh nông dân vùng Seberie, cỗ lỗ không tưởng nổi, với từng bộ phận ghép chắp ghép, đầy những vết loang to như ngón tay, dây xích chàng bang như nệm cuộn, mặt dưới trĩ xuống nhưng trượt lướt, bấp chập trời lạnh hay đất bùn, và ì à ì ạch từ biên giới Châu Á, đè luôn các lữ đoàn thiết giáp Panzer của Hitler.

Hai chiếc dừng lại, đèn pha bật sang và quét bờ thành đang có vẻ kín bung. Đi theo sau là một loại xe thùng cỡ nhỏ, tự động, lội nước, loại xe Mỹ, rất được ưa chuộng ở những vùng đất có hồ và sụp lở. Một sĩ quan bước ra, và đứng ra đầu mũi hai chiến xa, cho nên nổi bật rõ rệt trong ánh sáng đèn pha xe. Y có máy loa cầm tay. Đó là trung úy Nicolas Dimitriev, đã rừng dục trên Stalingrad, được gắn huy chương ở mặt trên Minsk, được truyền tụng trong đám binh sĩ và bạn bè vì cái tính liều lĩnh và hay gặp vận may. Y đưa ống loa điện lên mặt, và xướng lên mấy tiếng Đức pha giọng lú lo của dân vùng Ukraine.

- Tôi không mang khí giới! Chúng tôi biết ở đây chỉ có thiếu niên. Các người hãy đầu hàng đi. Không ai làm hại các người. Hãy mở cổng ra...

Câu nói bị cắt ngang vì một tràng đại liên bắn ra từ một tòa tháp mặt hông. Chiếc loa rơi xuống trong tuyết, và trung úy Dimitriev đưa hai tay ôm ngực. Nhưng đèn xe tắt phụt, và không ai thấy y ngã xuống. Bóng tối lại tức thì bị chọc thủng vì những làn sáng lúc đầu của một loạt nổ liên tục của những quả pháo nhắm chụm vào hai chiến xa. Các động cơ Diesel rú vang, và hai con quái vật khởi động tháo lui tức tốc. Nhưng một chiếc đà bị đứt dây xích, nó lồm lên húc vào chiếc kia âm một tiếng. Cả hai bất động. như

cặp bò mộng giao sừng nhau, dưới một làn mưa lửa làm rụi mọi bộ phận ngoài xe. Một vòi khói đen vọt ra từ hông xe. Im tiếng chừng nửa giờ, rồi âm vang từ một nòng 155 bắn thẳng và thành làm rung chuyển không khí, kéo theo sau là thủy tinh của mọi cửa kính trong các tòa nhà rơi vỡ vụn. Lát sau, người ta nghe tiếng nổ xa xa của đại bác Đức loại Flak chắc là nhắm bắn xuyên tảo con đường Schlangenfliess đang dày đặc các đơn vị Xô Viết.

Raufeisen không chủ tâm tử thủ cố thành. Ông dự tính di tản sau trận đấu, và nhả đạn tập trung vào cổng thành hoặc vào nơi nào thiết giáp Xô Viết xô sập thành. Nhưng trong tính toán của ông thiếu mất một yếu tố hệ trọng: sự đánh giá hỏa lực của địch. Ông cũng người trước hỏa lực pháo binh làm tổn hại bờ tường cũ. Thay vì chọc thủng có giới hạn, dễ phủ, pháo binh nhận lệnh phá đổ cố thành, hạ gục lũy thành từng mảng lớn bọc chân các tòa nhà. Một giờ sau, hai khẩu đại liên ghép bốn nặng nề được đưa lên xe cam nhông có đế được bố trí vào các nhà xe và chĩa vào các nơi đổ vỡ ở mặt tiền lâu đài, trong khi các ỏ đại pháo – những mục tiêu không đáng kể đối với các thiết giáp Đức – lại phân ra vây bọc các toàn nhà. Các vị trí phòng thủ sẽ khó lòng cầm cự. Người bên trong chỉ còn nước tìm cách nhập bọn với các toán bộ binh rải rác ở ngoài thành với nhiệm vụ bắn rĩa các thiết giáp và pháo binh nhẹ của địch, từ những điểm di động và bất ngờ.

Tiffauges đang cởi bỏ xong lớp quân phục đẹp đẽ của chủ nhân ông tại Kaltenborn để mặc lại chiếc áo cũ của tù binh Pháp mang dấu hai mẫu tự viết lớn: K.G. thì những quả súng cối đầu tiên bắt đầu trút như mưa xuống mái. Anh vội vàng lên tầng nóc, nóng ruột vì khi ngang qua gian phòng ở góc nhà có cửa đổ sập anh thoáng thấy thi thể của ba Thanh niên nằm ngang dọc trên một còng súng F.M. chĩa ra ô cửa đen. Trong một vựa thóc, một mớ nệm bốc ra một làn khói lầy nhầy ngọt ngọt la đà trên nền, dù có nhiều lỗ thủng bày ra mảng trời sao trên mái. Tiffauges chạy ủa vào nơi của Ephraim.

Đứa bé Do Thái đang ngồi trước một chiếc bàn con xiêu vẹo trong phòng được nó phủ bằng một vuông khăn trắng. Nó đặt lên đó mấy lát bánh mì, một khúc xương cừu, rau, một cốc nước pha rượu đỏ. Anh chạy xộc vào kêu toáng lên:

- Ephraim, ta đi thôi. Quân đội Xô viết đang hủy phá lâu đài!
- Ephraim nghiêm giọng hỏi:
 - Cái đêm 15 lễ thánh ấy khác với các đêm khác ở điểm nào?
 - Đi, không chậm trễ phú nào nữa hết.

- Chú ngựa Behémoth tuyệt tác của Chúa này, chú trả lời cho cháu đi: “Đêm ấy, đoàn chúng ta ra khỏi Ai Cập.” Đêm ấy khác với các đêm khác ở điểm nào?

Tiffauges thần thờ nhắc lại:

- Đêm ấy đoàn chúng ta ra khỏi Ai Cập.

Nhưng đất chấn động lay giật sàn nhà dưới chân anh, và vôi vữa ở trần nhà òa xuống.

Đi với chú nào, Ephraim, ta đi thôi!

Đứa bé dịch bàn ra, bảo:

Vâng, đi thôi. Quân lính của Chúa giết lớp Ai Cập đầu đàn, nhưng che chở cho chúng ta tẩu thoát. Nhưng chút không muốn đến ngôi bàn cầu nguyện với cháy, thì ít nhất chú để cháu đọc mấy đoạn đầu trong kinh Haggada.

Nó ngồi lại tĩnh tâm, và đôi môi mấp máy. Có thêm tiếng lựu đạn nổ, rồi im lặng bồn chồn hơn cả súng đại bác. Tiffauges nôn nóng:

- Kinh Haggada, cháu leo lên vai chú đọc nốt. Nào, lên yên ngựa Do Thái! Anh vừa ra lệnh vừa quỳ xuống cạnh đứa bé.

Khi anh rời chiếc phòng nóc rạp mình xuống để cho Ephraim ngất ngưỡng trên vai mình qua lọt, thì các khẩu đại liên từ khắp các điểm bắn ra vang lừng, còn pháo binh vẫn nín bật, những sự thể ấy như cho biết rằng cuộc tấn công lâu đài đã bắt đầu. Anh phải quàng lui, vì cánh trái của tầng nóc chỉ còn là một họng lửa đỏ. Anh phải đi xuống bằng cầu thang chính giữa, và liêu thân lọt vào phần đại sảnh, từ nơi đây vọng lên âm thanh hỗn chiến. Mỗi bước Tiffauges mỗi bắt gặp vài Thanh niên đã chết, có đứa nguyên vẹn như đang ngủ, từng đứa lẻ hoặc từng đám – và anh đau lòng nghĩ tới trường ngũ -, có đứa bị cụt, banh người, không nhận ra. Có tiếng ra lệnh bằng tiếng Nga kèm theo vài phát súng sáu buộc anh quay lên tầng trên. Một cánh cửa mở: phòng của chỉ huy trưởng. Anh lao vào. Cánh cửa sổ lớn nhìn ra sân thượng trưng bày kiếm bấy giờ toang hoác như lỗ hồng ở đằng sau. Tiffauges tựa vào một tấm thảm để lấy lại sức. Đến đây *tiếng thét* vang lên. Tiffauges nhận ra ngay, và anh biết anh nghe đây là lần đầu trong đời cái âm thanh tuyệt đối trong trẻo. Cái tiếng đau thương kéo dài này, phát ra từ họng và ngân nga, tràn đầy hợp âm, có hợp âm nghe như khoan khoái dị thường, có hợp âm tiết ra nỗi đau bất kham, cái tiếng đau thương ấy không ngừng vang vòng từ tuổi ấu thơ khốn khổ của anh trong các hành lang lạnh giá của ngôi trường Saint – Christophe cho tới chôn rùng sâu Rominten khóc thương cho cái chết của nai già. Nhưng những tiếng vang

vọng xa xôi khác nhau ấy chỉ là một xâu chuỗi những âm thanh mò mẫm lại gần cái âm thanh siêu thoát vừa vọng lên rành rọt từ sân thượng trung bày kiếm. Anh biết mình nghe lần đầu tiên ở tình trạng tinh khôi cái tiếng treo lững giữa cái sống và cái chết vốn là âm thanh nền tảng của số phận mình. Và thêm một lần nữa – như ngày anh gặp tù binh người Pháp rút lui, nhưng với một sức tin tưởng vô song đó – là khuôn mặt thanh bình thoát từ của Chúa Tể Đàm Lầy, vùi thân dưới lớp áo than bùn, đang hiện ra trong trí anh, như sự cầu cứu tối hậu, nơi trú ẩn tối hậu.

Anh nói:

- Cháu có nghe thấy không? Có ai hấp hối ở trên sân thượng thì phải. Cháu có thấy gì không?

Và vì cúi xuống có thể khám phá ra bờ thành sân thượng. Ephraim nói ra những gì mình phát hiện ra trong bóng tối lấp lánh không ngừng bị các chớp nổ làm xô lệch. Ba cây kiếm, phải, nhưng kiếm có vẻ như khoác những hình dạng màu sẫm và dày dặn, khác nào kiếm đã trở thành cây cán cắm ba ngọn cờ bằng gấm trĩu xuống và xếp thành những vết đen nặng.

Anh trở lại cầu thang chính giữa. Anh sắp xuống tới mặt bằng của tầng một thì nhiều tiếng nổ quá gần buộc anh nấp vào một xó. Mấy gã lính Xô viết – những gã đầu tiên anh trông thấy – đẩy đi về trước một người xiêu vẹo, ngã chúi, gượng dậy dưới những cái đá bằng giày ủng. Một cú xô dúi lại gần, và Tiffauges nom thấy một khuôn mặt một lúc nào đó rướn tới phía anh, một khuôn mặt bầm dập với một con mắt lòi tròn, nhể xuống má thành một dòng bày nhầy máu. Anh nhận ra là Raufeisen. Viên đặc nhiệm ngã thêm lần nữa, và cố đứng lên, hai tay bấu và thanh dựa cầu thang. Ông đang quy gối thì một người lính dí mũi súng lục vào gáy ông. Một tiếng nổ trầm, và cái đầu của Raufeisen văng mạnh ra phía trước dội vào tường cầu thang. Rồi thân thể không hồn dúi xuống bậc cấp. Bấy giờ hai tay Tiffauges cầm lấy hai đầu gối gầy gò của Ephraim kéo tới chèn chặt gáy mình vào hai đùi nó, như để được bảo vệ. Lúc ấy một câu từ thuở nhỏ vang lên trong trí anh... *chỉ nhằm mục đích là chia sẻ số phận với chúng nó, sự vô tội của nó đủ đảm bảo và đủ tiến cứ trước ơn Chúa để được cứu vớt.*

Cầu thang hiện giờ không đi được nữa. Phải quay trở lên lần nữa, hướng về nhà nguyên may ra, trốn rên sân thượng. Tiffauges chẳng suy nghĩ gì nữa. Anh hành động theo yêu cầu bức thiết của phú giây. Một phần trần nhà của hà nguyện sụp đổ, nhưng cửa của sân thượng lớn thì mở toang. Tiffauges vọt vào. Anh bước được mấy bước và đứng khựng tại chỗ vì cảnh nước mắt.

Một lớp thảm tuyết trắng tinh vẫn chưa bị tan đang phủ nền đá của sân thượng. Bờ thành cũng trắng, ngoại trừ ở đế ba cây kiếm có một tấm áo choàng màu tía. Ba đứa chúng nó đủ mặt. Haio, Haro và Lothar, hai anh em sinh đôi tóc hung làm đôi bạn trung thành để lọt vào giữa là thằng bé tóc ạch kim, cả ba bị xiên lút từ đất lên đầu, mắt mở thao láo nhìn hư vô, và mũi ba cây kiếm đâm mỗi đứa khác nhau. Ở Haio, mũi kiếm lòi ra phía trên bả vai trái thế nào mà nhìn nghiêng nó có vẻ như co gồi lên và nghiêng đầu qua phía bên kia, như để giữ lại thế thăng bằng bị mất. Một dòng máu đặc lại đang phập phồng trong gió đêm làm dính cứng vào bờ thành một ngón chân của nó đang co quắp như bị sài uốn ván. Haro nghiêng đầu sang phải, về phía Lothar, tưởng chừng như vậy, nhưng chỉ vì ảnh hưởng của lưỡi kiếm thọc ra phía trái của họng và lên tới tai. Hai nắm tay nó nắm lại, hai gôi khễ chùng xuống, dáng một người nhảy đang lấy đà, ngược lên trời. Lothar ngửa đầu ra sau. Nó mở miệng, nghiền răng kẹp lấy mũi kiếm đang xen vào giữa. Nó bị xiên thủng thẳng đứng, hai chân chụm lại hai tay kẹp vào sườn, như cái vỏ kiếm hoàn chỉnh dành cho lưỡi bảo kiếm đang xuyên suốt người nó. Bao nhiêu sao tắt ngấm, và tổ hợp khổ hình bé con dựng thẳng lên bầu trời đen.

Trắng bạc với ba tiểu đồng chia thành chông ở một phần ba màu đen phía trên của huy hiệu, Tiffauges nói lầm nhảm. Một phát nổ lay chuyển cả sân thượng làm nát nhà nguyện, và bao nhiêu đá và ngói rào rào xuống Tiffaufes và Ephraim. Tiffauges bảo:

- Cháu mắt kính đeo mắt rồi. Không thấy gì nữa hết. Cháu hướng dẫn đường đi cho chú, Ephraim.

- Ngựa Do Thái ơi, không lo, cháu cầm hai tai chú dẫn đường đây!

Một loạt đạn dò đường rơi lả tả như mưa lửa xuống hang cây.

- Ephraim à, ta thấy một nắm tay siết chặt trên bầu trời đen. Nó siết lại và rỉ ra từng giọt máu.

- Béhémoth, ta đi thôi, chú quờ quạng rồi!

- Ephraim à, trong kinh sách, lẽ nào người ta khôn nói rằng đầu nó với tóc nó đều trắng như tuyết, mắt nó như lửa ngọn còn hai bàn chân nó thì như đồng nung lửa, và miệng nó thè ra một cây kiếm sắc hai cạnh?

- Behémoth, nếu ngươi không quay gót, ta rứt đứt cả hai lỗ tai đây này!

Tiffauges ngoan ngoãn vâng lời, và lúc bấy giờ chỉ còn là một đứa trẻ nhỏ bị kẹp giữa đôi chân và đôi tay của kẻ Chở - Sao. Cả hai tiến tới chưa được mười thước thì đã bị chặn lại vì một đám lính Xô Viết lăm lăm chĩa tiểu liên. Ephraim cao giọng the thé. Tù binh! Tù binh Pháp! Làm cho đám lính lùi lại và mở lối đi cho chàng Công Trẻ.

Các trận đụng độ đã ngưng bật trong lâu đài, chỉ có canh phải với tòa tháp Atlante là có vẻ ngoài nguyên vẹn. Những các đội Xô Viết tìm đủ cách loại trừ lần lượt các nhóm thanh niên lưu động tản mát trong rừng và đồng ruộng, và các loạt đạn nổi lên càng lúc càng xa dần, anh lướt đi Và anh đi về hướng con đường Schlangenfliess, mơ hồ nằm về phía sinh lộ phía tây. Như một kẻ đắm tàu giữa đại dương boi theo bản năng bang hy vọng được cứu mạng, anh làm đủ loại động tác dễ thường đưa mình đến nơi vô sự, mà vẫn không một giây lát nào nghĩ rằng mình thoát khỏi. Anh bang qua Schlangenfliess sáng rực như ban ngày vì nhà nhà phản phạt như ngộ thuốc vừa bắn lên trời nhưng cột khói sáng lên từng dây lửa nhỏ. Rồi bóng tối lại chụp xuống anh. Anh tiến bước dăm phút nữa, càng mù mịt hơn, bỗng Ephram kéo giật hai tai anh.

- Khoan, Béhémoth! Lắng nghe xem!.

Anh dừng lại, Anh lắng nghe. Trong cái im lặng về đêm, tiếng lịch kích loạn xạ và trong trẻo của dây xích đoàn chiến xa chuyển động lọt vào tai họ rõ rang và đe dọa. Một trái hảo châu đỏ, phóng lên cách chưa đầy một cây số trước mặt họ, kêu xeo xeo và uốn mình trong bóng tối. Và gần như lập tức những quả pháo đầu tiên veo veo đùng đùng trên đường. Như thế nghĩa là dàn pháo Flak của Đức chưa bị loại, và đang hô ứng với tín hiệu bộ binh. Ephraim quyết định:

- Dừng đi theo lộ. Chú rẽ trái đi hướng đồng ruộng, mình trách đoàn chiến xa.

Tiffauges chẳng bàn cãi vạch sang vệ đường bên trái, dần bước vào những ụ tuyết bùn bờ đường, và cảm nhận ra dưới bước chân nền đất mềm và tráo trở của chân rừng. Một thân cây con cào xước mặt anh và kể từ lúc

ấy, anh tiến tới dang thẳng hai tay trước mặt như người mù. Cứ thế anh bước đi hồi lâu, cho đến một lúc tiếng pháo giã trên đường chỉ còn là tiếng âm vang mơ hồ rào rào bên tai. Dần dần, đất trở nên xốp dưới chân anh, và mỗi bước mỗi gắng nhấc chân lên cho khỏi lún. Rồi hai bàn tay anh chạm vào cành va cây một khu rung nhỏ, và anh nhận ra cây trăn đen của đầm lầy. Anh muốn dừng chân, quay gót, nhưng một lực không cưỡng lại nổi đẩy vào vai anh. Và chân anh càng lún vào đất trũng ngập nước, anh càng cảm thấy đứa bé – mảnh mai thế kia, trong suốt thế kia – lại đè nặng xuống người anh như một khối chì. Anh sấn tới và bèn vãn lên dọc hai cẳng chân anh, và sức nặng đang đè anh càng thêm trầm trọng theo mỗi bước chân. Bây giờ anh phải ra sức phi thường để quật lại sức ép bày nhầy dăng dần ngực bụng anh nhưng anh bèn gan, vì biết rằng mọi sự tiến triển tốt đẹp. Khi anh ngược mắt lên cuối nhìn Ephraim, anh chỉ nhìn thấy một ngôi sao vàng sáu cánh xoay xoay chậm chậm trên bầu trời đen.

[1] Hai dòng này, người dịch mạn phép dịch ép uổng để lột nghĩa. Nguyên văn có ý nói: Từ nguyên của chữ “quỳ”(=monstre) có nghĩa là “bày ra, phô diễn ra” (=montrer).